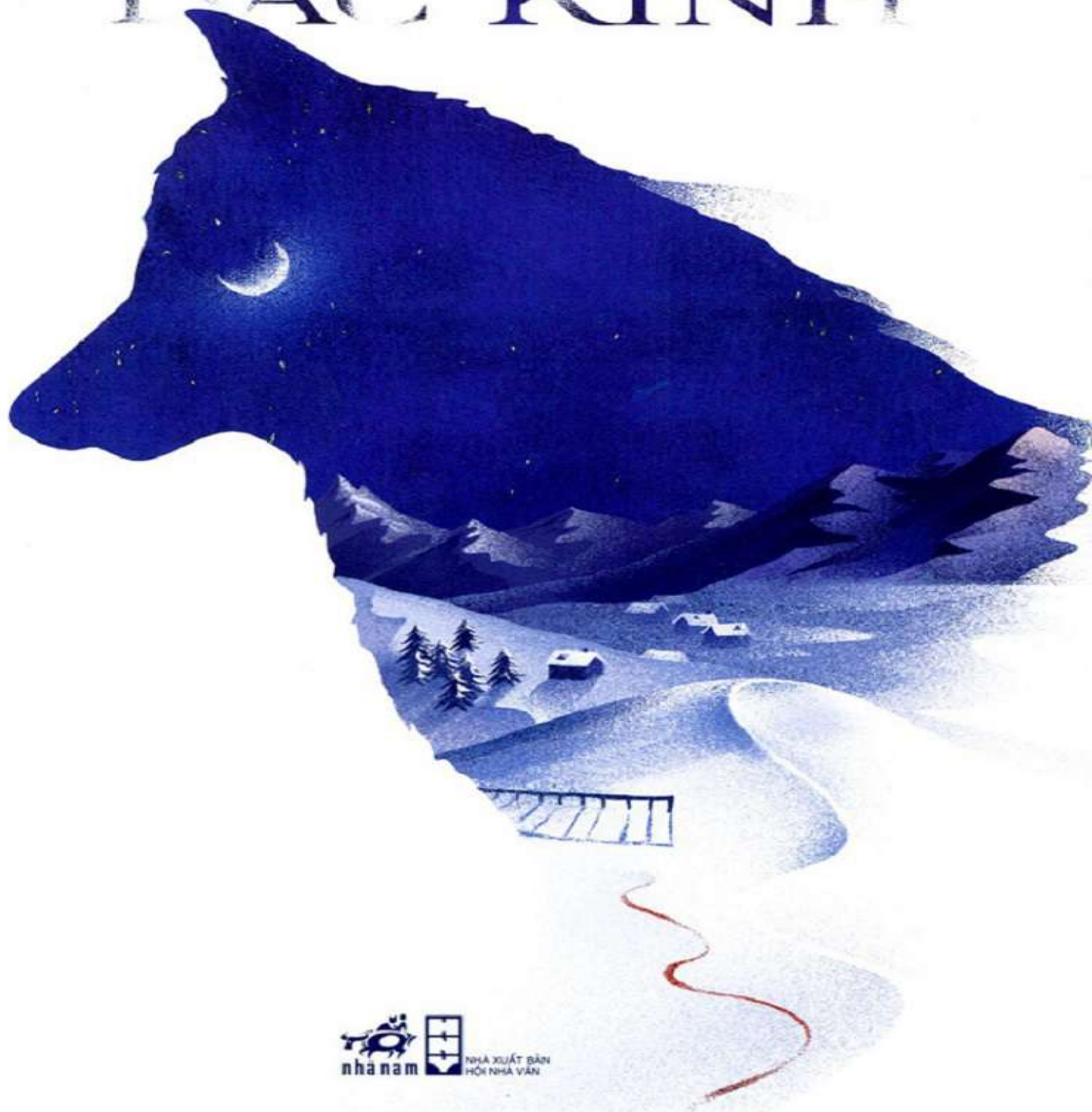


HENNING MANKELL

NGƯỜI ĐÀN ÔNG ĐẾN TỪ  
PẮC KINH



NHÀ XUẤT BẢN  
HỘI NHÀ VĂN

# NGƯỜI ĐÀN ÔNG ĐẾN TỪ BẮC KINH

Tác giả : Henning Mankell

Người dịch : Nguyễn Minh Châu

Phát hành : Nhã Nam

Nhà xuất bản Hội Nhà Văn 2015



ebook©vctvegroup

16/08/2019

**THƯ VIỆN EBOOK (TVE-4U)**

**VCTVEGROUP**

Scan & Pdf : Nhantinh, V/C

Ocr & Xử lý text : Trúc Quỳnh

Soát lỗi : khanh911, vqsvietnam, Nyanko, Phantantai123, pinoko,

Trúc Quỳnh, darkdragon

Soát tổng & Đóng gói : Trúc Quỳnh Đăng

## Phần thứ nhất

### Sự yên ắng (2006)

Tôi, Birgitta Roslin, xin thề danh dự sẽ làm tất cả bằng tâm hồn và lương tâm để xét xử công bằng dựa trên luật pháp và hiến pháp Thụy Điển với kẻ giàu cũng như người nghèo; không bao giờ làm sai hoặc lách luật vì lợi ích của gia đình tôi, của gia đình chồng tôi hoặc bạn bè tôi, vì ghen tuông, ác ý hay sợ hãi, để đổi lấy tiền hoa hồng, quà cáp hay vì bất cứ lý do nào khác; xin thề xét xử công tâm tất cả những ai cần bị xét xử; nghiêm túc giữ bí mật nghị án, trước cũng như sau khi kết án. Tôi sẽ tuân thủ lời thề này tuyệt đối như một thẩm phán trung thực và có phẩm cách.

LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ,

Chương 4, đoạn 11.

Lời tuyên thệ của thẩm phán.

Bia ký

# 1

Tuyết đóng băng, lạnh buốt da buốt thịt. Giữa mùa đông.

Vào một ngày đầu tháng Giêng năm 2006, một con sói đơn lẻ từ Na Uy, vượt biên giới sang Thụy Điển qua thung lũng Vauldalen. Người lái xe ủi tuyết quả quyết đã nhìn thấy con sói này ở gần Fjällnäs, nhưng nó đã biến mất trong cánh rừng phía Đông, rồi đi đâu không ai biết. Sâu trong vùng Osterdalarna của Na Uy, nó tìm thấy một mẩu xác tuần lộc đã đóng băng, với vài khúc xương còn dính lại chút thịt. Nhưng đã hai ngày trôi qua. Lúc này nó lại thấy đói bụng và phải đi kiếm thức ăn.

Đó là một con sói đực còn non đang trên đường tìm kiếm một lãnh địa cho riêng mình. Ở Nävjarna, phía Bắc Linsell, nó lại tìm thấy một xác tuần lộc khác. Nó nằm lại đó một ngày trời, ăn cho kỳ no, trước khi lại tiếp tục cuộc hành trình về hướng Đông, không dừng nghỉ. Nó vượt qua con sông Ljusnan đã đóng băng ở đoạn Kärböle rồi đi dọc theo bờ sông ngoằn ngoèo dẫn ra biển. Vào một đêm trăng tròn, nó nhẹ nhàng vượt qua cây cầu ở Järvsö, rồi dẫn sâu vào khu rừng lớn kéo dài đến tận biển.

Sáng sớm ngày 13 tháng Giêng, con sói đã đến HesjövalLEN, một làng nhỏ nằm ở phía Nam Hansesjön thuộc Hälsingland. Nó dừng lại và đánh hơi. Mùi máu từ một nơi nào đó thoảng đến. Con sói đảo mắt nhìn quanh. Trong những ngôi nhà kia có người đang ở. Nhưng không thấy có khói tỏa lên từ các ống khói. Thính giác tinh nhạy của nó không nghe thấy có tiếng động nào cả.

Nhưng mùi máu thì có, không nghi ngờ gì nữa. Con sói chờ ở bìa rừng, tìm cách đánh hơi mùi máu đến từ hướng nào. Rồi nó chậm rãi chạy qua lớp tuyết phủ. Mùi máu đến từ một trong những ngôi nhà nằm ở rìa làng. Lúc này nó phải thận trọng, ở gần chỗ có người, cần phải thận trọng và kiên nhẫn. Nó dừng lại một lần nữa. Mùi máu đến

từ phía sau ngôi nhà. Con sói chờ đợi. Cuối cùng nó cũng đến bên ngôi nhà đó và nhìn thấy một cái xác còn mới. Nó kéo miếng mỡ nặng vào sát bìa rừng. Không có ai trông thấy nó và tuyệt nhiên cũng không có tiếng chó sủa. Vào buổi sáng giá lạnh này, bầu không khí tuyệt đối tĩnh lặng.

Con sói bắt đầu ăn ở bìa rừng một cách dễ dàng vì thịt vẫn còn chưa đóng băng. Lúc này nó đã quá đói. Sau khi giăng chiếc giày da ra khỏi bàn chân, nó bắt đầu gặm đến lớp thịt từ dưới lên.

Đợt tuyết rơi ban đêm đã ngừng, giờ lại có những bông tuyết nhỏ rơi xuống nền đất đã đóng băng trong lúc con sói đang mãi mê gặm thịt.

## 2

Khi thức dậy, Karsten Höglin nhớ mình đã mơ thấy một bức ảnh. Ông nằm trên giường và thấy giấc mơ đó từ từ quay trở lại như thể âm bản của giấc mơ đã gửi đến cho ông một bản sao vào tiềm thức vậy. Ông biết bức ảnh này. Đó là bức ảnh trắng đen chụp một người đàn ông ngồi trên chiếc giường sắt cũ kỹ, trên tường có treo một khẩu súng săn, và bên cạnh chân ông là một chiếc xô tiểu tiện vào ban đêm. Lần đầu tiên nhìn thấy bức ảnh này, ông đã thấy xúc động bởi nụ cười buồn bã của ông lão ấy. Ở ông lão có cái gì đó như là sợ sệt, lo âu và chờ đợi. Mãi sau này Karsten mới biết được điều gì ẩn náu phía sau tấm ảnh. Trước khi tấm ảnh được chụp một vài năm, ông lão đã vô tình bắn chết đứa con trai duy nhất của mình trong một lần đi săn vịt trời. Khẩu súng săn được treo lên tường từ dạo ấy, còn ông lão dần giam mình trong cô quạnh.

Trong hàng ngàn tấm ảnh và các phim âm bản, thì đây là tấm ảnh mà Karsten Höglin tự nhủ mình sẽ không bao giờ quên được và thầm mong giá như tự mình chụp được nó.

Đồng hồ để trên bàn chỉ bảy giờ ba mươi phút. Thông thường Karsten Höglin thức dậy rất sớm. Nhưng đêm qua ông ngủ không được ngon giấc, phần vì tấm đệm giường đã quá cũ kỹ. Ông định sẽ khiếu nại khi thanh toán tiền trọ rời khỏi đây.

Hôm nay là ngày thứ chín và cũng là ngày cuối cùng trong chuyến đi chụp ảnh tư liệu của ông về những làng mạc bị bỏ hoang và các địa danh có nguy cơ giảm dân số, nhờ được một tổ chức đài thọ kinh phí. Bây giờ Karsten Höglin đang có mặt ở Hudiksvall và chỉ còn phải chụp ảnh một ngôi làng nữa là xong việc. Việc Höglin chọn chính ngôi làng này để chụp là do một ông lão, khi đọc được dự án của ông, đã viết thư kể cho ông nghe về ngôi làng mình sống. Bức thư gây ấn



tượng với Höglin tới mức ông đã quyết định sẽ kết thúc chuyến đi chụp ảnh ở ngôi làng đó.

Höglin đứng dậy, kéo rèm cửa sổ sang hai bên. Đêm qua tuyết rơi, bầu trời xám xịt, không ánh nắng. Phía dưới đường một phụ nữ ních chặt quần áo ấm lặng lẽ đạp xe qua. Höglin nhìn theo người đó và thầm hỏi hôm nay bao nhiêu độ. Âm năm độ, có thể âm bảy độ. Không hơn.

Ông mặc quần áo và đi thang máy xuống dưới nhà. Xe của ông đỗ ở sân sau khách sạn. Nơi đó rất an toàn. Tuy vậy ông vẫn cầm theo chiếc túi đựng máy ảnh lên phòng. Sẽ là cơn ác mộng tồi tệ nhất, nếu như vào một ngày nào đó ông đứng trước xe của mình và phát hiện ra chiếc túi đựng máy ảnh biến mất.

Bên quầy lễ tân là một cô gái trẻ, chưa đến đôi mươi. Ông nhận thấy cô gái trang điểm cầu thả, nên từ bỏ ý định phàn nàn về chuyện chặn đệm. Dù gì ông cũng chẳng bao giờ quay lại khách sạn này nữa.

Trong phòng ăn điểm tâm chỉ có một vài người khách đang chú ý đầu vào máy tờ báo. Ông do dự một hồi lâu và rất muốn được lôi máy ảnh ra ghi lại hình ảnh căn phòng tĩnh lặng này. Nó đem đến cho ông ấn tượng về một nước Thụy Điển đã luôn là như thế. Những con người trầm mặc, chú ý đầu vào máy tờ báo và tách cà phê, ai cũng chỉ bận tâm với suy nghĩ, số phận của riêng mình.

Ông từ bỏ ý định chụp ảnh, rót cà phê cho mình, chọn hai chiếc bánh mì kẹp và một quả trứng luộc. Ông ăn nhanh vì không còn báo để đọc và cũng không thích phải ngồi ăn một mình mà không có gì để đọc.

Bên ngoài trời lạnh hơn là ông tưởng. Ông kiễng chân nhìn vào chiếc nhiệt kế bên cửa sổ của quầy lễ tân. Âm mười một độ. Thêm nữa, tuyết lại rơi, nhiệt độ sẽ còn tụt xuống nữa, ông nghĩ vậy. Cho đến lúc này mùa đông còn quá dễ chịu. Bây giờ cái lạnh mà chúng ta chờ đợi lâu nay đã đến.

Höglin để hành lý xuống hàng ghế sau, cho xe nổ máy, cạo tuyết trên kính chắn gió. Trên ghế cạnh lái có tấm bản đồ giao thông. Trước tiên, ông đi theo đường chính về hướng Nam và sẽ rẽ về hướng Sörforsa ở đoạn Iggesund. Sau đó sẽ có hai khả năng, từ hồ nước đi theo hướng Đông hoặc hướng Tây qua Storsjön hoặc Lägsjön. Đến trạm xăng lồi vào Hudiksvall, người ta cho ông biết đường đi theo hướng Đông rất xấu. Tuy vậy, ông vẫn cho xe chạy theo đường này vì sẽ nhanh hơn. Lúc này trời sáng đẹp, ông đã có thể hình dung ra những ống khói vươn thẳng lên trời.

Vì rẽ nhầm đường về hướng Nam tới Näcksjö, nên phải mất bốn mươi phút sau, ông mới tới được Hesjövallen.

Hesjövallen nằm trong một thung lũng nhỏ bên hồ nước mà Karsten Höglin không nhớ tên. Có thể là Hesjö? Khu rừng rậm vươn tới tận rìa làng nằm trên sườn dốc chạy xuống hồ, hai bên có đường ô tô chạy lên mạn Härjedalen.

Karsten cho xe dừng lại ở lối vào làng và ra khỏi xe. Lớp mây bao phủ dần tan đi, ánh sáng chói lòa. Ông đưa mắt nhìn quanh. Những ngôi nhà nằm đó, rất yên ắng. Ông nghe có tiếng động cơ xe hơi trên đường quốc lộ từ xa vọng đến.

Ông cảm thấy hơi bối rối, nín thở như mọi lần, khi không biết rõ mình đang nhìn thấy thứ gì.

Rồi ông nhận ra, những ống khói lạnh lẽo, không một làn khói mà ông hy vọng sẽ có để mang lại hiệu ứng tốt cho những tấm ảnh của mình. Ông từ từ lướt ánh mắt lên những ngôi nhà nằm ở hai bên đường. Có ai đó đã dọn tuyết, ông nghĩ vậy. Nhưng lại không thấy một người nào thức dậy nấu nướng và đốt lò sưởi. Ông nghĩ đến bức thư của ông lão đã kể cho mình nghe về ngôi làng này. Trong bức thư nói nhiều đến những ống khói và những ngôi nhà nằm sát bên nhau ngây ngô như những đứa trẻ truyền đi những tin hiệu khói.

Ông thở dài. Người ta viết thư, nhưng lại viết những điều không thật, mà chỉ viết về cái họ tin rằng người khác muốn đọc. Bây giờ ông

có thể chụp những ống khói lạnh lẽo. Hoặc là ông bỏ đi luôn? Chẳng ai ép buộc ông phải chụp ảnh ngôi làng Hesjövallen và cư dân của nó. Ông đã có đủ ảnh về Thụy Điển, một đất nước đang dần biến mất, về những chốn thâm sơn cùng cốc, những làng mạc hẻo lánh đôi khi được người Đức hoặc người Đan Mạch cứu vớt bằng cách sửa sang những trại ấp này thành những ngôi nhà nghỉ hè, hoặc đơn giản là để chúng tàn tạ dần cho tới khi bị đất nuốt mất.

Ông quyết định rời khỏi đây và chui vào xe. Nhưng bàn tay ông còn do dự vặn chìa khóa cho xe nổ máy. Một khi đã đến được tận chỗ này, thì ít ra, ông cũng nên chụp lấy một vài tấm ảnh chân dung của dân làng. Karsten Höglin vẫn luôn rình kiếm những khuôn mặt, nhất là khuôn mặt của người già. Ông nuôi dưỡng một kế hoạch bí mật là trước khi vĩnh viễn gác máy sẽ xuất bản một cuốn sách ảnh chân dung phụ nữ. Những tấm ảnh của ông sẽ phác họa cái vẻ đẹp mà người ta chỉ có thể tìm thấy trên khuôn mặt những người phụ nữ đã rất già. Những bà lão mà cuộc sống của họ với bao nhiêu nhọc nhằn đã được chạm khắc vào làn da, như những lớp nham kết tầng trong vách đá.

Ông lại ra khỏi xe, kéo chiếc mũ lông trùm kín tai, với tay cầm chiếc máy Leica M18 đã theo ông cả chục năm trời rồi đi đến ngôi nhà gần nhất. Ở đây cả thảy có khoảng gần chục nóc nhà, phần lớn có màu đỏ, một vài nhà làm thêm lối vào có mái che. Ông chỉ nhìn thấy một ngôi nhà duy nhất còn mới, nếu như ông xem nó như là mới, vì nó được xây dựng từ những năm 1950. Ông dừng lại trước cổng vườn, giơ máy ảnh lên chụp.

Tấm biển cho ông biết gia đình Andren sống ở đây. Ông chụp liên mấy pô, chỉnh lại ống kính và độ sáng, chọn các góc chụp khác nhau. Trời vẫn còn u ám, ông nghĩ vậy. Đoán chừng ảnh sẽ không được nét, sẽ bị mờ, nhưng cũng không có gì chắc chắn. Làm nhà nhiếp ảnh có nghĩa là đôi khi phát hiện ra được những điều bất ngờ.

Karsten Höglin thường làm việc thuần túy theo trực giác. Điều này không có nghĩa là ông không thèm để ý đến việc đo độ sáng, một khi

cần thiết. Nhưng đôi khi ông cũng thành công, thu được những kết quả bất ngờ, vì ông đã không thể xác định được chính xác độ sáng, ứng biến là một phần công việc của ông. Một lần ở Oskarhamn ông đã nhìn thấy một chiếc thuyền buồm với cánh buồm no gió trên một vịnh nhỏ. Hôm đó là một ngày đẹp trời, nắng rực rỡ. Trước khi bấm máy, ông chợt có ý tưởng hà hơi vào ống kính. Khi rửa ảnh, con thuyền ma quái như đang lướt nhẹ từ trong sương mù ra. Ngày ấy bức ảnh này đã đem đến cho ông một giải thưởng đặc biệt.

Ông không bao giờ quên được chiếc ống kính nhòe hơi nước của mình.

Cánh cổng như bị kẹt, ông phải cố sức mới đẩy được nó mở ra. Trên lớp tuyết mới không thấy có dấu chân người, vẫn không có lấy một tiếng động, ông thầm nghĩ, thậm chí không có lấy một con chó phát hiện ra mình. Đường như bỗng nhiên tất cả đã biến mất. Một ngôi làng ma.

Ông bước lên bậc tam cấp, giơ tay gõ cửa và chờ đợi, gõ thêm một lần nữa. Không có tiếng chó sủa, không có tiếng mèo kêu, hoàn toàn im ắng. Lúc này ông đã thấy lo lắng. Có cái gì đó rõ ràng là không ổn. Ông lại gõ cửa thêm một lần nữa, lần này mạnh hơn và lâu hơn. Rồi ông thử vặn tay nắm cửa. Đã khóa. Người già hay lo sợ, ông nghĩ vậy. Họ khóa mình ở trong nhà, vì họ sợ, tất cả những gì mà họ đọc được trên báo có thể xảy ra với họ.

Ông đập mạnh lên cửa, nhưng không thấy có ai phản ứng. Vậy nên ông nhủ thầm có lẽ ngôi nhà này bị bỏ hoang.

Ông đi qua cổng vườn sang nhà bên cạnh. Lúc này trời đã sáng hơn. Ngôi nhà này được quét vôi màu vàng. Cửa sổ nhiều chỗ bị bong ma tít, chắc chắn gió sẽ lùa vào nhà. Trước khi gõ cửa, ông vặn tay nắm xuống. Cửa này cũng khóa. Ông đập mạnh lên cửa, nhưng cũng không thấy có người trả lời. Hình như trong ngôi nhà này cũng không có người ở.

Ông lại quyết định từ bỏ kế hoạch. Nếu bây giờ lên xe và phóng đi, ông sẽ có mặt tại nhà mình ở Pitea vào đầu giờ chiều. Bà Magda, vợ ông, chắc sẽ rất mừng. Bà thấy ông đã quá già cho những chuyến đi như thế này. Mặc dù mới bước vào tuổi sáu mươi ba nhưng ông đã có triệu chứng khởi phát của bệnh đau thắt ngực tuy chưa rõ ràng, bác sĩ đã khuyên ông chú ý giữ gìn sức khỏe.

Tuy nhiên, thay vì lên đường, ông lại đi vòng ra sau nhà, tìm cách mở cánh cửa ngách dẫn vào phòng giặt quần áo. Cánh cửa này cũng bị khóa. Ông đến bên cửa sổ, kiễng chân nhìn vào bên trong. Qua kẽ rèm cửa, ông nhìn thấy một chiếc ti vi ở giữa phòng. Ông đi tiếp sang cửa sổ bên cạnh, vẫn là chiếc ti vi, vẫn là cùng một phòng ấy. Trên tường là một tấm thảm thêu hình Chúa Jesus. Giữa lúc ông định bỏ đi thì lại nhìn thấy một cái gì đó nằm trên sàn nhà. Thoạt đầu ông ngỡ đó là một cuộn len. Nhưng rồi, ông nhận ra đó là một chiếc bút tất len lồng vào một bàn chân. Ông lui lại cách cửa sổ một bước. Tim ông đập mạnh. Liệu ông nhìn có đúng không? Có thật đó là một bàn chân? Ông trở lại bên ô cửa sổ đầu tiên, nhưng không nhìn được nhiều thứ lắm. Rồi ông lại đến bên cửa sổ thứ hai. Lúc này thì ông đã chắc chắn. Đó là một bàn chân. Một bàn chân bất động. Ông không biết đó là bàn chân của đàn ông hay đàn bà. Có lẽ bàn chân đó là của người ngồi trên một chiếc ghế bành. Nhưng cũng có thể người đó nằm trên sàn nhà.

Ông gõ mạnh vào kính cửa sổ. Hoàn toàn không thấy động tĩnh gì. Ông lấy điện thoại di động từ trong túi ra và bấm số của trung tâm cứu hộ. Sóng quá yếu không thể liên lạc được. Ông chạy sang nhà thứ ba và gõ cửa. Nhưng cũng không thấy có người ra mở cửa. Ông thầm hỏi, liệu có phải mình đang ở trong một cơn ác mộng. Bên cạnh cửa có một tấm lưới sắt chùi giày. Ông cầm nó lên làm đòn bẩy tì vào ổ khóa và nạy cánh cửa ra. Ý nghĩ duy nhất của ông khi làm việc này là tìm được một chiếc điện thoại. Lúc lao vào được trong nhà, ông hiểu ra rằng cảnh tượng tương tự đang đợi mình, nhưng đã quá muộn: một

xác chết. Một bà cụ già nằm trên sàn bếp. Đầu bà bị cắt gần lìa khỏi cổ. Bên cạnh bà là xác một con chó bị chém đứt đôi.

Karsten Höglin hét lên rồi quay đầu bỏ chạy khỏi ngôi nhà. Từ hành lang ông nhìn thấy trên sàn phòng khách một người đàn ông nằm giữa chiếc bàn và chiếc ghế sofa màu đỏ có dải trang trí màu trắng. Người đàn ông trần truồng, lưng đẫm máu.

Karsten Höglin chỉ có một ý nghĩ: bỏ chạy. Ông đánh rơi chiếc máy ảnh trong lúc bỏ chạy, nhưng cũng không dừng lại nhặt nó lên. Một nỗi sợ hãi trời dậy trong ông, một bàn tay vô hình có thể đang đuổi theo phía sau lưng ông và đâm chết ông. Ông vội vàng chui vào xe, nổ máy, quay đầu xe và phóng đi.

Khi ra tới được đường chính, ông mới cho xe dừng lại, ngón tay run run bấm số gọi trung tâm cứu hộ. Giữa lúc áp máy điện thoại di động vào tai, ông thấy đau nhói ở ngực. Như thể có ai đó đuổi kịp ông, đâm vào người ông một nhát dao.

Có tiếng người trong điện thoại nói với ông. Nhưng ông không thể trả lời được. Ông đau đến mức cổ họng chỉ còn phát ra được tiếng khò khè.

– Tôi không nghe được gì cả, giọng một phụ nữ nói.

Ông lại cố thêm một lần nữa. Nhưng vẫn chỉ là tiếng khò khè. Ông hiểu mình sẽ chết.

– Ngài có thể nói to hơn được không? Người phụ nữ hỏi. Tôi không hiểu ngài nói gì?

Ông cố hết sức để thốt ra được mấy từ.

– Tôi chết mất, ông thở khò khè. Lạy Chúa, tôi chết mất. Cô hãy giúp tôi.

– Ngài đang ở đâu?

Nhưng người phụ nữ trực cấp cứu không nhận được câu trả lời. Karsten Höglin đang đến với bóng tối bao la. Trong nỗ lực tuyệt vọng mong thoát khỏi cơn đau đớn cùng cực, giống như người chết đuối cố

tìm cách ngoi lên mặt nước, ông đạp mạnh lên chân ga. Chiếc xe lao vọt sang luồng ngược chiều. Chiếc xe tải nhỏ chở bàn ghế văn phòng trên đường chạy về Hudiksvall không kịp tránh xe của ông. Người lái chiếc xe tải vội xuống xem thiệt hại thế nào và nhận thấy Höglin đang nằm ôm lấy vô lăng.

Tài xế xe tải là người Bosnia chỉ bập bẹ nói được tiếng Thụy Điển, cất giọng hỏi:

– Ông có sao không?

– Ngồi làng..., Karsten Höglin khò khè nói. Hesjövallen.

Sau câu đó ông không còn nói được nữa. Khi cảnh sát và xe cứu thương đến nơi, thì Höglin đã chết vì nhồi máu cơ tim.

Thoạt đầu mọi chuyện cứ rối tung rối mù cả lên. Vì không hiểu chuyện gì đã xảy ra, vì sao người lái chiếc xe Volvo bỗng nhiên lại bị nhồi máu cơ tim. Mãi tới khi Karsten Höglin đã được đưa đi và một chiếc xe cứu hộ đến kéo chiếc xe tải chở bàn ghế, một viên cảnh sát mới tập trung cố gắng lắng nghe người đàn ông Bosnia đang tìm cách giải thích. Viên cảnh sát có tên Erik Huddén không hề hứng thú nói chuyện với mấy tay người nước ngoài chỉ trơ trệ mấy từ tiếng Thụy Điển. Dường như những gì họ kể ra sẽ bị mất đi ý nghĩa bởi không đủ khả năng diễn tả. Đương nhiên, trước tiên, Huddén đề nghị người lái xe tải phải thở vào một chiếc ống nhỏ. Người lái xe không uống rượu, máy đo chỉ màu xanh và bằng lái xe của anh ta là bằng nghiêm chỉnh.

– Ông ấy muốn nói điều gì đó, người lái xe tải nói.

– Cái gì? Viên cảnh sát gắt gỏng hỏi.

– Cái gì như Hero. Có lẽ là tên làng.

Erik Huddén sốt ruột lắc đầu, anh ta xuất thân vùng này.

– Ở cái xó này không có nơi nào tên là Hero.

– Có thể đã nghe không đúng. Hình như tên có âm “s”? Hình như là Hesjö.

– Hesjövallen?

– Đúng, đúng. Ông ta nói như vậy.

– Ông ta nói vậy có nghĩa gì?

– Tôi không biết. Ông ta đã chết.

Erik Huddén nhét cuốn sổ ghi chép vào cặp. Anh ta không hề ghi lại những gì người lái xe tải vừa nói ra. Sau khi chiếc xe cảnh sát chở gã tài xế về đồn để tiếp tục lấy lời khai, Erik Huddén lên xe, quay trở về Hudiksvall cùng với Leif Ytterström, đồng nghiệp của mình, ngồi trước tay lái.

– Chúng ta chạy qua HesjövalLEN xem sao. Huddén bỗng nhiên đề nghị.

– Tại sao? Có tin báo à?

– Mình chỉ muốn kiểm tra một chút.

Trong hai người, Erik Huddén lớn tuổi hơn. Anh nổi tiếng là người kiêu lời và cứng đầu. Leif Ytterström cho xe rẽ vào đường đi Sörforsa. Khi đến HesjövalLEN, Huddén bảo Leif chạy chậm chậm qua làng. Anh vẫn chưa nói cho đồng nghiệp biết vì sao họ lại phải đi vòng đường này.

– Trông hoang vắng quá. Ytterström nói khi từ từ bỏ lại những ngôi nhà ở phía sau.

– Chạy quay lại đi, Erik nói. Cũng từ từ như vừa rồi.

Rồi anh bảo Leif cho xe dừng lại. Có gì đó nằm dưới lớp tuyết gần một ngôi nhà khiến anh chú ý. Anh xuống xe, tiến lại gần vật đó. Bất ngờ anh đứng lại, rút súng ra. Leif vội vàng ra khỏi xe và cũng rút súng.

– Gì vậy?

Erik không trả lời. Anh thận trọng tiến về phía trước. Rồi lại dừng lại và cúi về phía trước như bị đau ngực. Mặt Erik trắng bệch khi quay trở lại xe.

– Có người chết nằm ở đó. Bị đâm nát. Không toàn thân.

– Anh nói cái gì vậy?



– Mất một cẳng chân.

Cả hai đứng im lặng. Trông trông nhìn nhau. Erik vào xe ngồi và liên lạc với Vivi Sundberg, người mà anh biết hôm nay có ca trực. Sundberg lập tức trả lời.

– Erik đây. Tôi đang ở Hesjövalle.

– Phía Nam Sörforsa à?

– Phía Tây thì đúng hơn. Nhưng cũng có thể tôi nhầm.

– Có chuyện gì vậy?

– Tôi không biết. Có một xác chết nằm trong tuyết, bị mất một chân.

– Nói lại xem nào!

– Một người đàn ông bị chết. Trong tuyết. Xem ra ông ta bị đâm chết. Một cẳng chân bị mất.

Hai người họ rất hiểu nhau. Vivi Sundberg biết Erik Huddén không bao giờ phóng đại, tuy vậy, những gì anh kể nghe không thể tin được.

– Chúng tôi đến ngay, Vivi Sundberg nói.

– Hãy gọi điện cho bên khoa học hình sự nữa.

– Ai đang ở chỗ anh đây?

– Leif Ytterström.

Sundberg ngẫm nghĩ.

– Có cách giải thích khả dĩ nào về sự việc xảy ra ở đó không?

Trong đời mình, tôi chưa bao giờ nhìn thấy một cảnh tượng như thế.

Erik biết Vivi sẽ hiểu điều đó. Anh làm cảnh sát đã khá lâu và anh đã từng đối mặt với tất cả những điều khủng khiếp có thể tưởng tượng ra được.

Ba mươi lăm phút sau họ mới nghe có tiếng còi hụ từ phía xa. Erik Huddén đã tìm cách thuyết phục Leif Ytterström tới hỏi hàng xóm sống ở quanh đó. Nhưng Leif không chịu cùng đi với anh mà cứ khẳng khẳng chờ lực lượng tăng cường. Erik cũng không muốn một mình đi

sang các nhà lân cận, nên cũng ở lại trong xe với đồng nghiệp. Họ chờ đợi trong im lặng.

Vivi Sundberg bước ra khỏi chiếc xe đầu tiên đến hiện trường. Đó là một phụ nữ trạc ngũ tuần, to lớn. Ai quen biết Sundberg, đều biết rằng, dù với cân nặng như vậy, nhưng không những bà có sức khỏe mà còn có cả sự kiên trì, dẻo dai. Cách đây chỉ một vài tháng bà đã đuổi theo và tóm được hai tên trộm tuổi mới đôi mươi. Chúng đã cười chế nhạo bà khi bắt đầu bỏ chạy. Sau vài trăm mét, khi bà còng tay chúng, chúng không còn cười nữa.

Vivi Sundberg có mái tóc màu đỏ. Mỗi năm bà đến cửa hàng làm đầu của con gái mình bốn lần để nhuộm tóc.

Bà sinh ra tại một làng nhỏ gần Harmanger. Ở đó bà đã chăm sóc, phụng dưỡng bố mẹ mình cho đến khi hai cụ qua đời vì tuổi già. Sau đó bà tiếp tục theo học rồi một vài năm sau thì xin vào trường cảnh sát và đã được chấp nhận, điều này khiến bà vô cùng ngạc nhiên. Thực ra, không ai có thể giải thích được tại sao người ta lại nhận bà vào trường cảnh sát với thân hình nặng nề đến như vậy. Nhưng cũng không thấy có ai hỏi về việc này và tự bà cũng hoàn toàn không nói gì cả. Vivi Sundberg rất thận trọng với đường, nhưng lại không kìm được.

Bà đã hai lần kết hôn. Lần thứ nhất với một công nhân đến từ Iggesund và có một con gái với nhau, tên là Elin. Chồng bà đã qua đời trong một vụ tai nạn lao động. Một vài năm sau bà lại tái hôn với một người thợ ống nước đến từ Hudiksvall. Cuộc hôn nhân lần thứ hai của bà kéo dài chưa đầy hai tháng. Chồng bà qua đời trong một vụ tai nạn xảy ra trên đoạn đường đóng băng giữa Delsbo và Bjuraker. Từ đó bà ở vậy không lấy ai nữa. Nhưng các đồng nghiệp đồn rằng bà có một người tình hiện đang sống trên một hòn đảo ở Hy Lạp. Một năm hai lần bà đến nghỉ phép ở đó. Nhưng không một ai biết tin đồn ấy chính xác tới mức nào.

Vivi Sundberg là một cảnh sát bên biển. Bà có khả năng phân tích ngay cả khi chỉ dựa vào những dấu vết vô cùng nhỏ bé nhưng thường

lại là những hướng điều tra duy nhất có được khi khởi đầu một cuộc điều tra hình sự.

Bà vừa đưa tay vuốt tóc vừa chăm chú nhìn Erik Huddén đang đứng trước mặt mình.

– Anh hãy chỉ cho tôi chỗ đó.

Họ cùng nhau đi tới chỗ xác chết. Vivi Sundberg nhăn mặt rồi ngồi xồm xuống.

– Bên pháp y đã đến chưa?

– Bà ấy đang trên đường đi.

– Bà?

– Một nữ bác sĩ hiện đang thế chỗ Hugo. Ông ấy sắp phải mổ khối u.

Trong một thoáng, tâm trí Vivi Sundberg xao nhãng khỏi xác người đâm máu nằm trên tuyết trước mặt bà.

– Ông ấy bị ồm à?

– Ông ấy bị ung thư. Chị chưa biết chuyện đó sao?

– Chưa. Ung thư gì vậy?

– Ung thư dạ dày. Nhưng còn chưa di căn. Hiện nay bác sĩ Valentina Miir từ Uppsala đến thay ông ấy tạm thời.

– Và bà ấy đang trên đường đến đây?

Erik Huddén gọi với sang Leif đang đứng bên cạnh xe uống cà phê. Anh ta xác nhận nữ bác sĩ pháp y đang trên đường đến đây.

Vivi Sundberg bắt đầu xem xét tỉ mỉ xác chết. Mỗi khi một người bị sát hại nằm trước mặt bà thì cùng một cảm giác bất lực lại ùa đến xâm chiếm tâm hồn bà. Bà không thể đánh thức người chết trở về với cuộc sống, mà chỉ có thể, trong trường hợp may mắn nhất, giải thích được hoàn cảnh dẫn đến cái chết và tổng kê phạm tội vào sau song sắt hoặc sau cánh cửa đóng kín của một trại tâm thần.

– Có một kẻ nào đó đã phát khùng, bà nói. Với một con dao to. Hoặc một lưỡi lê. Có thể là một thanh kiếm. Tôi thấy có ít nhất chín

vết chém và hầu như tất cả đều trí mạng. Nhưng còn về cẳng chân thì tôi vẫn chưa thể nào hiểu được. Chúng ta đã biết được người đàn ông này là ai chưa?

– Chưa. Hình như tất cả nhà ở đây đều bỏ không thì phải.

Vivi Sundberg đứng dậy chăm chú nhìn xung quanh. Bà có cảm giác dường như mấy ngôi nhà đều dõi theo ánh mắt bà, vẻ đầy dò xét.

– Anh đã gõ cửa nhà họ chưa?

– Tôi muốn chờ mọi người đến. Có thể hung thủ vẫn còn ở đây.

– Anh đã hành động đúng.

Bà vẫy Leif sang chỗ mình.

– Chúng ta vào trong đó, bà nói với hai người. Chắc hẳn ở đây có người, vì đây không phải là một ngôi làng bỏ hoang.

– Nhưng chẳng nhìn thấy người nào cả.

Vivi Sundberg lại quan sát những ngôi nhà, vườn tược và con đường phủ tuyết. Bà rút súng ra, đi tới ngôi nhà tiếp theo. Những người khác theo sau. Lúc này đã hơn mười một giờ trưa.

Những gì tiếp theo hẳn nên được ghi vào lịch sử ngành hình sự Thụy Điển, những gì mà ba cảnh sát phát hiện thấy chưa từng có tiền lệ. Họ đi từ nhà này sang nhà khác, súng lăm lăm trong tay. Vào nhà nào họ cũng gặp các xác chết, bên cạnh là những con chó, hoặc những con mèo bị chém đứt đôi, thậm chí họ còn thấy một con vẹt bị chém cụt đầu. Họ đếm được cả thảy mười chín xác chết, trừ một đứa bé mười hai tuổi, còn lại đều là những người già. Có những người bị giết khi đang còn ngủ trên giường, hoặc nằm trên sàn nhà, hoặc ngồi trên ghế bên bàn ăn trong bếp. Một bà già bị giết chết khi trong tay vẫn còn giữ chặt chiếc lược chải tóc, một người đàn ông với ấm pha cà phê trên bếp lò ở bên cạnh. Trong một ngôi nhà khác, họ phát hiện thấy hai xác chết bị trói chặt vào với nhau. Tất cả đều bị giết chết trong cảnh bạo lực điên cuồng giống nhau, như là một trận bão lốc máu me nổi giận với những con người già cả vừa mới bắt đầu một ngày mới này.

Vì người già ở nông thôn thường dậy sớm, nên Vivi Sundberg đoán rằng, vụ giết người đã xảy ra vào đêm qua hoặc sáng sớm nay.

Vivi Sundberg thấy như mình ngộp ngụa trong máu, người lạnh toát, mặc dù đang run lên vì tức giận, cứ như thể bà đang quan sát những xác chết bị biến dạng qua một chiếc ống nhòm chứ không cần phải đến gần.

Ở đây còn có mùi. Chỉ vừa hết hơi ấm là các xác chết đã bốc ra một thứ mùi hăng hắc ngọt ngọt. Chừng nào còn phải ở lại bên trong nhà, Vivi Sundberg đều thở qua miệng. Khi ra đến bên ngoài giữa làn không khí trong lành, bà mới hít thở thật sâu. Mỗi lần bước qua ngưỡng cửa một ngôi nhà khác là lại giống như thể chuẩn bị bắt đầu một thử thách vượt quá sức người.

Tất cả những gì bà nhìn thấy trước mặt, hết thân thể này đến thân thể khác, đều cho thấy một sự điên cuồng giết chóc giống nhau, đều có những vết thương do một thứ vũ khí cầm tay được mài sắc lẹm gây ra. Danh sách mà bà thống kê lại sau đó và sẽ không cho ai biết là những ghi chép ngắn gọn nhưng chính xác những gì bà đã thấy:

*Nhà số 1: Một ông già chết, quần áo ngủ bị xé rách, chân vẫn còn xỏ dép đi trong nhà, nằm giữa người trên bậc cầu thang dẫn lên tầng trên. Đầu gần lìa khỏi cổ, ngón tay cái bên trái nằm cách thân mình khoảng một mét. Một bà già chết, mặc áo ngủ, bị rạch bụng, lòi ra một phần ruột, hàm răng bị đập vỡ.*

*Nhà số 2: Một đàn ông và một đàn bà chết, cả hai đều già, ít nhất cũng 80 tuổi. Thân thể trên giường ngủ đôi ở tầng trệt. Người vợ bị giết chết có thể do bị nhát chém từ vai trái qua ngực xuống tới hông phải trong lúc đang ngủ. Người chồng tìm cách chống đỡ bằng một chiếc búa nên đã bị chém đứt cánh tay và bị cắt cổ. Kỳ lạ, hai thân thể này được buộc lại với nhau. Tình trạng này cho thấy có thể người chồng bị trói vào với người vợ đã chết khi ông vẫn còn sống. Tất nhiên không có bằng chứng cho phỏng đoán*

*này. Một đứa trẻ chết trong một phòng nhỏ. Có thể bị giết khi còn đang ngủ.*

*Nhà số 3: Một phụ nữ, độc thân, chết trên sàn bếp. Bên cạnh là xác một con chó không rõ nòi, bị chém đứt đôi. Dường như xương sống của người phụ nữ bị gãy nhiều chỗ.*

*Nhà số 4: Người đàn ông chết trong hành lang, trên người mặc quần dài và áo sơ mi, đi chân không. Hình như đã tìm cách chống trả. Thân mình bị chém gần đứt đôi ở phần bụng. Người đàn bà nhiều tuổi chết ngồi trong phòng bếp. Bị chém hai hoặc ba nhát vào đỉnh đầu.*

*Nhà số 7: Hai phụ nữ và một nam giới đều đã già, chết trong giường ở tầng trên. Ấn tượng: họ đang còn thức, ý thức được sự việc, nhưng không kịp phản ứng. Một con mèo bị đập chết trong bếp.*

*Nhà số 8: Một người đàn ông chết bên ngoài nhà. Một cẳng chân bị mất. Hai con chó bị chém đứt đầu. Người vợ chết nằm trên cầu thang, bị chặt nhỏ đến khó tả.*

*Nhà số 9: Bốn người chết trong phòng ở tầng trệt. Cởi trần, với những tách cà phê, dài bột. Gồm ba phụ nữ và một nam giới đều đã cao tuổi. Đầu của họ được để trên đui.*

*Nhà số 10: Hai người, một đàn ông, một đàn bà rất già, chết trên giường. Không thể nói liệu họ có ý thức được chuyện gì đã xảy ra với mình hay không.*

Đến phần cuối danh sách, Sundberg không còn đủ sức ghi lại tất cả các chi tiết. Nhưng dù thế nào bà cũng không thể quên được những gì đã nhìn thấy. Đó là một cái nhìn thẳng vào địa ngục.

Bà đánh số những ngôi nhà mà các nạn nhân đã được tìm thấy trong đó. Những ngôi nhà này không nằm nối tiếp nhau trong làng. Khi đến ngôi nhà số năm trong chuyến khám xét rùng rợn của mình, bà đã chạm tới được sự sống. Có tiếng nhạc từ trong nhà vọng ra. Leif

Ytterström quả quyết đó là Jimi Hendrix. Vivi Sundberg biết rõ tay chơi ghi ta nổi tiếng ấy, trong khi Erik Huddén lại hoàn toàn không biết hai người họ đang nói về ai. Ca sĩ mà anh yêu thích nhất là Björn Skifs.

Trước khi bước vào nhà, họ còn gọi thêm hai cảnh sát nữa đến căng dây bảo vệ hiện trường. Họ thận trọng tiến gần đến cửa nhà, súng lăm lăm trong tay. Erik Huddén đập cửa. Cánh cửa được một người đàn ông cởi trần, tóc dài, mở ra. Ông ta giật mình khi nhìn thấy những khẩu súng chĩa vào mình. Vivi Sundberg hạ súng xuống khi thấy người đàn ông trước mặt không cầm vũ khí.

- Có một mình ông ở trong nhà thôi à?
- Có vợ tôi nữa, người đàn ông trả lời, giọng run run.
- Ngoài ra không còn ai nữa?
- Không. Có chuyện gì xảy ra vậy?

Vivi Sundberg nhét súng vào bao và ra hiệu cho hai cộng sự cùng làm như mình.

– Chúng ta vào trong nhà, bà nói với người đàn ông cởi trần đang run lên vì lạnh. Ông tên là gì?

- Tom.
- Họ?
- Hansson.

– Tốt. Chúng ta vào trong đi, ông Tom Hansson, để ông khỏi phải run lên vì lạnh.

Nhạc trong nhà được vặn to. Vivi Sundberg có cảm giác phòng nào cũng được gắn loa. Bà đi theo chủ nhà vào căn phòng bề bộn, nơi có một phụ nữ mặc áo ngủ ngồi thu lu trên ghế sofa. Người đàn ông vặn nhạc nhỏ lại rồi mặc áo vắt ở thành ghế. Tom Hansson và vợ ông ta trông có vẻ hơn Sundberg một vài tuổi. Cờ chừng sáu mươi.

- Có chuyện gì vậy? Bà vợ sợ hãi hỏi.

Vivi Sundberg nhận ra chất giọng Stockholm không lẫn vào đâu được của bà ta. Có lẽ họ là những người muốn trốn tránh cảnh xô bồ, từ thời còn trẻ đã chuyển từ thành phố về nông thôn tìm kiếm một cuộc sống giản đơn. Bà quyết định vào việc ngay. Phát hiện khủng khiếp của bà cùng đồng nghiệp đã thúc giục bà phải cực kỳ khẩn trương. Sự việc thật sự rất đáng lo ngại, kẻ hoặc những kẻ đã bắt đầu vụ giết người khủng khiếp này rất có thể sẽ tiếp tục gây ra những vụ thảm sát tiếp theo.

– Một số hàng xóm của ông bà đã bị giết, Vivi Sundberg nói. Đêm qua, trong làng này đã xảy ra những việc khủng khiếp. Đây là một việc rất quan trọng, ông bà cần phải trả lời tất cả những câu hỏi của chúng tôi. Tên bà là gì?

– Ninni, người phụ nữ ngồi trên ghế sofa trả lời. Herman và Hilda có bị chết không?

– Họ sống ở đâu?

– Trong ngôi nhà nằm bên trái nhà này.

Vivi Sundberg gật đầu.

– Vậy thì họ đã chết. Bị giết chết. Nhưng không phải chỉ hai người đó. Có thể nói là đa số người sống trong làng này đã bị giết.

– Nếu đây là một trò đùa, thì nó không thành công lắm đâu, Tom Hansson nói.

Trong khoảnh khắc Vivi Sundberg mất tự chủ.

– Tôi không có thời gian mà lãng phí đâu. Tôi đặt câu hỏi, ông bà trả lời. Tôi biết rằng những điều tôi vừa nói nghe có vẻ khó hiểu nhưng đáng tiếc đó lại là sự thật, một sự thật khủng khiếp. Đêm qua ở đây thế nào? Ông bà có nghe thấy gì không?

Ông chồng ngồi xuống cạnh vợ trên ghế sofa.

– Chúng tôi ngủ.

– Ông bà hoàn toàn không nghe thấy gì sao?

Cả hai vợ chồng đều lắc đầu.



– Vừa xong hai ông bà cũng không để ý thấy cả làng đầy cảnh sát hay sao?

– Khi mở nhạc to, chúng tôi không nghe thấy gì ở bên ngoài.

– Ông bà nhìn thấy hàng xóm của mình lần cuối vào khi nào?

– Nếu là Herman và Hilda thì là hôm qua, bà Ninni nói. Chúng tôi gặp nhau khi dẫn chó ra ngoài.

– Ông bà cũng nuôi chó à?

Tom Hansson hất đầu về phía bếp.

– Nó tương đối già và lười biếng. Có người lạ vào nhà, nó cũng chẳng buồn đứng dậy.

– Đêm hôm qua nó không sủa lần nào à?

– Nó chẳng bao giờ sủa.

– Ông bà gặp hàng xóm của mình vào lúc mấy giờ?

– Khoảng ba giờ chiều. Nhưng chỉ gặp Hilda.

– Và mọi thứ vẫn bình thường chứ?

– Bà ấy bị đau lưng. Còn Herman có lẽ ngồi trong bếp giải ô chữ. Tôi không nhìn thấy ông ấy.

– Còn những người khác trong làng?

– Tất cả vẫn như thường. Ở đây chỉ toàn những người già cả. Trời lạnh là họ ở trong nhà. Chúng tôi thường gặp nhau nhiều hơn vào mùa xuân hoặc mùa hè.

– Ở đây có trẻ con không?

– Không. Không có đứa nào cả.

Vivi Sundberg im lặng và nghĩ đến đứa bé bị giết.

– Sự việc là thật như thế sao? Bà vợ hỏi.

Vivi Sundberg cảm thấy bà ta đang sợ.

– Thật thế. Điều tôi nói là sự thật. Có thể tất cả những người sống trong làng này đều đã chết. Trừ ông bà.

Erik Huddén đứng bên cửa sổ.

– Không hoàn toàn, anh nói.

– Anh nói gì?

– Không phải tất cả đều đã chết, vẫn có người trên đường. Vivi Sundberg chạy đến bên cửa sổ. Bà nhìn thấy điều vừa khiến người đồng nghiệp chú ý.

Một bà lão đứng trên đường, trên người khoác một chiếc áo choàng tằm, chân đi ủng cao su đen. Bà ta chấp hai bàn tay lại với nhau như đang cầu nguyện.

Vivi Sundberg nín thở. Bà lão đứng im, không hề động đậy.

### 3

Tom Hansson cũng đến bên cửa sổ, cạnh Vivi Sundberg.

– Đây là bà Julia, ông ta nói. Đôi khi chúng tôi thấy bà ấy chỉ mặc áo ngủ ra ngoài. Herman và Hilda chăm lo cho bà ấy khi các nhân viên của nhà dưỡng lão không đến được.

– Bà ấy sống ở đâu?

Tom chỉ về phía ngôi nhà nằm ở gần cuối đường.

– Chúng tôi chuyển đến đây đã gần được hai chục năm rồi, ông nói tiếp. Ngày đó chồng bà Julia còn sống. Ông ấy tên là Rune và làm nghề lái xe lâm nghiệp. Vào một ngày, ông ấy bị đứt mạch máu, chết trong buồng lái. Từ đó, bà ấy trở nên khác thường. Chúng tôi thấy bà ấy nên được chết ở nơi này. Bà ấy có hai người con, mỗi năm chúng đến đây một lần và chỉ ngóng số tài sản thừa kế ít ỏi của bà ấy. Chúng chưa bao giờ chăm lo cho mẹ mình.

Vivi Sundberg cùng Erik Huddén đi ra ngoài. Bà lão vẫn đứng im trên đường. Khi Sundberg đến đứng trước mặt bà và giới thiệu mình là ai, bà lão ngẩng lên nhìn nhưng không nói gì cả. Bà cũng không phản đối khi Huddén giúp Vivi đưa bà về nhà. Ngôi nhà của bà gọn gàng và sạch sẽ. Trên tường có treo bức ảnh lồng trong khung kính chụp chồng bà và hai người con đứng dựng của bà.

Lần đầu tiên kể từ lúc đến HesjövalLEN, Sundberg mới rút ra quyển sổ ghi chép của mình, trong khi Erik Huddén đọc một văn bản có dấu chính quyền nằm trên bàn bếp.

– Julia Holmgren, anh nói. Bà ấy tám mươi bảy tuổi.

– Cậu gọi cho bên bảo trợ xã hội. Tùy họ sắp xếp nhưng phải có người chăm sóc bà ấy ngay.

Bà lão ngồi bên bàn bếp, nhìn qua cửa sổ. Những đám mây sa xuống thấp ở bên ngoài.

– Chúng ta có nên hỏi bà lão một vài câu không?

Vivi Sundberg lắc đầu.

– Hoàn toàn không giải quyết được vấn đề gì. Bà ấy có thể kể cho chúng ta điều gì được đây?

Bà ra hiệu cho Erik Huddén để mình ở lại bên bà lão. Erik hiểu ý và đi ra ngoài. Bà đi vào phòng khách, đứng giữa phòng, nhắm mắt lại. Bà cần phải tìm ra được điểm khởi đầu trong tất cả những sự việc khủng khiếp này.

Có gì đó ở bà lão đã thức tỉnh trong tiềm thức của Vivi Sundberg một linh cảm mơ hồ, nhưng bà không tài nào nắm bắt được. Bà vẫn đứng im giữa phòng, mở mắt và cố gắng suy nghĩ. Chuyện gì đã xảy ra vào buổi sáng tháng Giêng này? Mười chín người bị giết cùng với thú nuôi của họ ở một ngôi làng hẻo lánh. Tất cả đều cho thấy đây là một cơn tức giận điên cuồng. Phải chăng đã có nhiều hung thủ xuất hiện trong đêm rồi biến mất sau khi kết thúc cuộc giết chóc của mình? Hay chỉ là một hung thủ đơn độc đã thực hiện vụ giết người? Vẫn còn quá sớm để khẳng định điều ấy. Vivi Sundberg vẫn chưa có câu trả lời, có quá ít dấu vết, còn tất cả thì đều là người chết. Thêm một cặp vợ chồng đã chạy trốn khỏi Stockholm tránh cảnh xô bồ, cùng một bà già đã lão suy, mặc áo ngủ đi lang thang trên đường làng.

Nhưng như thế cũng đã được coi là một điểm khởi đầu rồi. Không phải tất cả dân làng đều bị giết, vẫn còn ba người sống sót. Liệu đây có phải là một sự tình cờ, hay nó còn có ý nghĩa gì?

Vivi Sundberg còn đứng bất động thêm vài phút nữa. Qua cửa sổ bà nhìn thấy nhóm khám nghiệm hiện trường từ Gavle đã đến, trong số họ có một phụ nữ, có lẽ đó là bác sĩ pháp y. Bà hít sâu một hơi. Lúc này ở đây, bà là người chỉ huy. Dù đây là một tội ác sẽ gây rúng động, có thể không chỉ trong lãnh thổ Thụy Điển, nhưng trước khi có mệnh lệnh mới, bà vẫn là người chịu trách nhiệm điều tra. Tuy vậy bà đã nghĩ đến việc yêu cầu cảnh sát hình sự Stockholm giúp đỡ. Khi còn là một cảnh sát trẻ, bà thường mơ ước được làm việc ở Ban trọng án

quốc gia, nơi nổi tiếng với các cuộc điều tra hóc búa. Còn lúc này bà chỉ mong sao họ nhanh chóng đến đây giúp đỡ bà cùng cộng sự.

Vivi Sundberg bắt đầu bằng việc gọi một cú điện thoại. Một lúc sau có người lên tiếng.

– Sten Robertsson.

– Tôi Vivi Sundberg đây. Anh có bận lắm không?

– Là công tố viên nên lúc nào tôi cũng rất bận. Có chuyện gì vậy?

– Tôi đang có mặt ở một làng, có tên là Hesjövalle. Anh biết làng này nằm ở đâu chứ? Ở gần Sörforsa?

– Tôi có bản đồ treo tường. Chuyện gì đã xảy ra à?

– Thì anh cứ tìm cái làng này đã.

– Chờ tôi một chút.

Robertsson đặt ống nghe xuống. Vivi Sundberg thầm hỏi ông ấy sẽ phản ứng như thế nào. Chưa một ai trong chúng ta từng trải qua một sự kiện tương tự, bà nghĩ. Chưa một cảnh sát Thụy Điển nào, và có thể cả cảnh sát các nước khác nữa cũng thế. Chúng ta luôn nghĩ rằng mình đã trải qua thứ tồi tệ nhất. Nhưng những giới hạn không ngừng lùi lại. Giờ thì chúng ta ở đây. Còn ngày mai chúng ta sẽ ở đâu? Hoặc trong một năm nữa?

Robertsson lại nhắc ống nghe.

– Tôi đã tìm thấy làng ấy rồi. Có phải đó là một ngôi làng bị bỏ hoang không?

– Không hoàn toàn. Nhưng chẳng mấy nữa nó sẽ là như vậy. Đương nhiên không phải là do di dân.

– Chị nói vậy là có ý gì?

Vivi Sundberg giải thích tường tận từng chi tiết chuyện đã xảy ra. Robertsson lắng nghe, không ngắt lời kể của Sundberg. Bà có thể nghe thấy tiếng thở của ông trong máy.

– Tôi nên tin điều này ư? Robertsson hỏi khi bà ngừng lại.

– Vâng.

– Không thể hiểu nổi.

– Chính vì không thể nào hiểu nổi, nên anh, với tư cách là công tố viên, không những phải ngay lập tức chỉ đạo điều tra sơ bộ, mà còn phải có mặt ở đây. Anh cần phải tận mắt nhìn thấy trước mặt tôi đang là cái gì.

– Tôi đến ngay. Có nghi phạm nào không?

– Không.

Sten Robertsson ho trong máy. Có lần ông đã tiết lộ cho Vivi biết mình bị viêm phế quản kinh niên do nghiện thuốc nặng. Ông đã cai thuốc từ lần sinh nhật thứ năm mươi của mình. Robertsson và bà không những bằng tuổi nhau mà còn trùng cả ngày sinh, ngày 12 tháng Ba.

Cuộc trao đổi kết thúc. Nhưng Vivi Sundberg vẫn đứng đó, do dự, không muốn ra ngoài. Bà còn cần phải trao đổi với con gái mình. Nếu lúc này không làm thế, bà không biết khi nào mới lại có thời gian để làm. Bà bấm số máy.

– Hiệu làm đầu của Elin xin nghe.

– Mẹ đây. Con có thời gian không?

– Không nhiều lắm. Con đang có hai khách cần sấy tóc. Có chuyện gì vậy mẹ?

– Mẹ đang có mặt ở một làng cách thành phố khoảng hai mươi cây số. Ở đây đã xảy ra một việc khủng khiếp. Có nhiều người bị giết. Chắc chắn sẽ có cuộc “nổi loạn” lớn. Mẹ không có được lấy một phút yên ổn.

– Chuyện gì đã xảy ra vậy?

– Mười chín người bị giết. Chỉ còn hy vọng thủ phạm là một kẻ điên khùng.

– Tại sao mẹ lại hy vọng như vậy?

– Vì sự việc hoàn toàn không thể nào hiểu nổi nếu lại do một người bình thường gây ra.

– Mẹ không thể nói rõ hơn là mẹ đang ở đâu ư?

– Không có thời gian. Mẹ chỉ muốn nhờ con một việc, gọi điện đến văn phòng du lịch báo hoãn chuyến đi Lenos mà mẹ đã đặt vé trong tuần vừa rồi. Bây giờ báo hoãn sẽ không bị mất tiền.

– Vâng, con sẽ làm ngay. Ở đó mẹ có gặp nguy hiểm không?

– Ở đây còn có nhiều người khác quanh mẹ. Thôi, con hãy chú ý đến hai cô khách hàng kéo họ bị bốc hơi đấy.

– Mẹ quên ngày mai có hẹn làm đầu ở chỗ con à?

– Con hủy cuộc hẹn ấy đi. Chuyện ở đây cũng đã đủ làm cho mẹ bạc tóc rồi.

Bà nhét máy điện thoại vào túi rồi ra khỏi nhà. Lúc này không còn thì giờ mà lãng phí nữa. Hai người đàn ông của nhóm khám nghiệm hiện trường cùng nữ bác sĩ pháp y đang chờ bà trên đường.

– Tôi sẽ không tả lại nữa, các vị phải tự chứng kiến lấy. Chúng ta bắt đầu với người đàn ông nằm trong tuyết ở bên ngoài nhà. Sau đó chúng ta sẽ đi đến từng nhà một. Các vị phải tự quyết định có cần tăng viện hay không. Đây là một hiện trường rộng. Có lẽ là rộng nhất mà các vị từng thấy từ trước đến nay. Mặc dù nó khủng khiếp tới mức chúng ta hầu như không thể hiểu nổi trước mặt mình là cái gì, nhưng chúng ta vẫn cần phải cố gắng xem đó như là một vụ điều tra bình thường.

Mọi người ai cũng muốn hỏi, nhưng Vivi Sundberg gạt đi. Bây giờ quan trọng nhất là mỗi người tự nhìn bằng mắt của mình. Bà dẫn mọi người từ hiện trường này sang hiện trường khác. Lúc họ đến ngôi nhà thứ ba, Lonngren, người lớn tuổi hơn trong hai kỹ thuật viên hình sự, nói rằng mình cần có ngay tăng viện. Đến ngôi nhà thứ tư, nữ bác sĩ pháp y cũng có yêu cầu như vậy. Mọi người tạm dừng công việc khi Sundberg gọi điện thoại. Sau đó họ đi qua những ngôi nhà còn lại và cuối cùng tụ lại trên đường làng. Lúc này nhà báo đầu tiên đã có mặt. Vivi Sundberg đề nghị Ytterström chú ý không để ai nói chuyện với nhà báo này. Bà sẽ tự làm việc đó chừng nào có thời gian.

Những người đứng xung quanh bà trên con đường phủ tuyết đều im lặng, mặt mày xanh lợt. Không ai nhận biết được đầy đủ mức độ nghiêm trọng của những điều họ vừa nhìn thấy.

– Tình huống là thế đấy, Vivi Sundberg nói. Tất cả kinh nghiệm cũng như khả năng của chúng ta gộp lại sẽ bị đặt trước một thử thách cam go, tới mức thậm chí chúng ta không thể tưởng tượng nổi. Cuộc điều tra này sẽ chiếm vị trí trọng tâm trên các phương tiện thông tin đại chúng, không chỉ ở Thụy Điển. Người ta sẽ đòi hỏi chúng ta đưa ra kết quả điều tra trong một thời gian ngắn. Chúng ta chỉ còn biết hy vọng hung thủ hoặc các hung thủ để lại dấu vết nào đó, giúp chúng ta nhanh chóng bắt được chúng. Chúng ta phải cố gắng tập trung và cần có thêm lực lượng chuyên môn mà chúng ta cho là cần thiết. Công tố viên Robertsson đang trên đường đến đây. Tôi muốn cá nhân ông ấy tận mắt nhìn thấy cảnh tượng ở đây và nhận chỉ đạo cuộc điều tra sơ bộ. Nếu không ai hỏi gì, chúng ta cần phải bắt tay ngay vào công việc.

– Tôi có một câu hỏi, Lonngren nói.

Đó là một người đàn ông nhỏ bé, gầy gò. Vivi Sundberg biết ông là một kỹ thuật viên hình sự có năng lực, nhưng thường làm việc chậm đến khổ sở đối với những người phải chờ thông tin của ông ta.

– Anh nói đi!

– Liệu có nguy cơ kẻ điên khùng này, nếu đó là một kẻ điên khùng, lại gây án?

– Có nguy cơ này, Vivi Sundberg nói. Vì chúng ta hoàn toàn không biết gì, nên phải nghĩ rằng mọi thứ đều có thể.

– Đây rồi sẽ là nỗi khiếp sợ bao trùm lên mọi làng mạc, Lonngren nói tiếp. Lần đầu tiên tôi thấy mừng là mình sống ở thành phố.

Mọi người giải tán: giữa lúc đó Sten Robertsson đến. Tay nhà báo đứng đợi trước dây chắn hiện trường lập tức tiến lại phía Robertsson khi thấy ông bước ra khỏi xe.

– Không phải lúc này, Vivi Sundberg gọi giật ông ta lại. Anh phải chờ đã.



– Chị không nói gì được sao, Vivi? Chị chẳng đã luôn tạo điều kiện cho cánh nhà báo chúng tôi đó sao?

– Nhưng hôm nay thì không được.

Sundberg không mấy ửng tay nhà báo làm việc cho tờ *Hudiksvalls Tidning* này. Ông ta có thói quen bình luận công việc của cảnh sát với cái giọng tự phụ. Điều khiến bà bực mình nhất, đó là những chỉ trích của ông ta thường có căn cứ.

Robertsson rét run trong chiếc áo khoác mỏng. Ông ấy hơi thích phô trương, Sundberg thầm nghĩ. Robertsson không đội mũ vì người ta đồn rằng những kẻ đội mũ thường bị hói sớm.

– Bây giờ chị tưởng trình đi! Ông nói.

– Không. Bây giờ anh cần phải đi cùng tôi!

Đây là lần thứ ba trong buổi sáng hôm nay Vivi Sundberg phải đi một lượt khắp các hiện trường. Hai lần Robertsson phải bỏ ra ngoài vì buồn nôn. Sundberg kiên nhẫn chờ. Để Robertsson hiểu rằng lúc này ông phải chỉ đạo một cuộc điều tra khó khăn như thế nào là việc rất quan trọng. Bà không mấy chắc chắn liệu ông có kham nổi công việc này không. Nhưng trong số những công tố viên đương quyền, thì ông là người phù hợp nhất, nếu như cấp trên không quyết định giao cho một ai đó có nhiều kinh nghiệm hơn.

Cuối cùng khi họ lại ra đến ngoài đường, Sundberg đề nghị Robertsson vào trong xe ngồi. Bà rút cà phê từ bình giữ nhiệt ra mời ông.

Robertsson kinh hoàng, tay còn run khi đón lấy cốc cà phê.

– Chị đã bao giờ nhìn thấy cảnh tượng tự thế này chưa? Ông hỏi.

– Chưa một ai trong chúng tôi.

– Kẻ nào, nếu không phải là một gã điên, lại có thể làm việc này?

– Điều này chúng tôi còn chưa biết. Trước hết chúng ta cần khám nghiệm hiện trường và làm việc mà không có định kiến gì. Tôi đã đề nghị bên kỹ thuật tăng thêm người nếu cần thiết. Bên pháp y cũng vậy.

– Bác sĩ pháp y là ai vậy?

– Một người thay thế. Đây có lẽ là hiện trường đầu tiên của cô ấy. Cô ấy đã yêu cầu cho thêm người.

– Thế còn chị? Chị cần gì không?

– Ý kiến chỉ đạo đầu tiên của anh, liệu chúng ta có nên tập trung vào một cái gì cụ thể không. Sau đó thì tất nhiên là Ban trọng án quốc gia phải vào cuộc.

– Chị nghĩ chúng ta nên tập trung vào cái gì?

– Anh là người phụ trách, chứ không phải tôi.

– Điều duy nhất mà tôi nghĩ đến là chúng ta phải tìm cho ra thủ phạm đã gây ra vụ này.

– Hoặc là những thủ phạm. Chúng ta không nên loại trừ khả năng có nhiều người tham gia vào vụ này.

– Những kẻ điên ít khi hành động theo nhóm.

– Nhưng chúng ta cũng không nên loại trừ.

– Còn có gì mà chúng ta có thể loại trừ?

– Hoàn toàn không. Kể cả nguy cơ việc này tái diễn.

Robertsson gật đầu. Cả hai đều im lặng. Trên đường làng và giữa các ngôi nhà đã có người đi lại. Ở chỗ này, chỗ kia thỉnh thoảng nhoáng lên đèn chớp của máy ảnh. Chỗ xác người nằm trên tuyết đã được căng lều che. Thêm một vài nhà báo và nhiếp ảnh đã có mặt ở đây cùng cả nhóm phóng viên truyền hình nữa.

– Tôi muốn anh cùng đến cuộc họp báo. Chứ tôi không thể đến đó một mình được. Chúng ta phải tiến hành vào hôm nay. Chậm nhất là buổi chiều.

– Chị đã nói chuyện này với Lulu chưa?

Tobias Ludwig (Lulu) là cảnh sát trưởng vùng Hudiksvall. Anh ta còn trẻ và chưa từng làm cảnh sát viên. Sau khi tốt nghiệp đại học luật, anh ta lập tức theo học khóa đào tạo cảnh sát trưởng và bỗng nhiên được đề bạt. Không những Sten Robertsson mà cả Vivi Sundberg đều

không ưng anh ta. Ludwig ít quan tâm đến các công việc của cảnh sát ở những nơi xảy ra vụ việc mà chỉ chú trọng vào việc quản lý hành chính.

– Tôi chưa trao đổi với anh ta, Sundberg nói. Điều duy nhất anh ta sẽ yêu cầu chúng ta là hãy điền thật đúng vào các mẫu khai.

– Anh ta đâu đến mức tồi tệ như vậy.

– Không ư, anh ta còn tồi tệ hơn là đẳng khác. Nhưng dù sao tôi cũng sẽ gọi điện cho anh ta.

– Chị gọi ngay đi!

Sundberg gọi về sở. Người ta báo cho bà biết hiện Tobias Ludwig đang đi công tác ở Stockholm. Bà đề nghị họ liên lạc vào máy cầm tay của Ludwig.

Trong lúc Robertsson nói chuyện với mấy kỹ thuật viên hình sự tăng cường vừa từ Gavle đến thì Vivi Sundberg tới chỗ Tom Hansson và Ninni. Họ đã khoác lên mình những chiếc áo da cũ kỹ của quân đội và ra sân đứng quan sát cảnh sát làm việc.

Mình phải bắt đầu với những người còn sống, bà thầm nghĩ. Với Julia, người ta không thể nói chuyện được nữa, bà lão đã lui về thế giới nội tâm của mình. Hoặc ít ra là mình không thể tiếp cận bà lão được nữa. Nhưng Tom Hansson và Ninni có thể đã chứng kiến điều gì đó mà chính họ cũng không biết.

Đó là một trong những cân nhắc ít ỏi mà cho đến giờ này bà có thể dựa vào. Một hung thủ định diệt trừ cả ngôi làng nhỏ, cho dù hẳn có điên loạn đi chăng nữa, thì cũng phải có một kế hoạch cụ thể.

Bà ra đứng giữa đường, đưa mắt nhìn quanh. Mặt hồ đóng băng, cánh rừng, những ngọn núi như những làn sóng nhô lên ở phía chân trời. Hẳn đến từ đâu? Bà tự hỏi. Mình gần như chắc rằng đó không phải là một phụ nữ. Nhưng rõ ràng hung thủ hoặc các hung thủ phải đến từ một hướng nào đó và rồi lại biến mất về một hướng nào đó.

Bà vừa định đi qua cổng vườn để vào trong thì có một chiếc xe dừng lại bên cạnh bà. Đó là người huấn luyện cảnh khuyến mà bà yêu

cầu cử đến.

– Chỉ có một thôi ư? Bà hỏi, không giấu vẻ bức bối của mình.

– Karpen bị ốm, viên cảnh sát dẫn chó nói.

– Chó của cảnh sát cũng bị ốm sao?

– Đương nhiên. Tôi phải bắt đầu từ đâu? Chuyện gì đã xảy ra vậy?

Nghe nói có nhiều người chết.

– Anh ra nói chuyện với Huddén. Rồi tìm cách xem con chó có đánh hơi được gì không.

Viên cảnh sát còn muốn hỏi thêm, nhưng bà đã bỏ đi. Đáng lẽ mình không nên làm như vậy, bà thầm nghĩ. Chính vào lúc này mình cần phải dành thời gian cho mọi người mới phải. Mình không được phép để họ thấy mình khó chịu và mất bình tĩnh. Ai đã nhìn thấy cảnh tượng ở đây, chắc sẽ không bao giờ quên được. Rất nhiều người sẽ bị chấn động tâm thần.

Bà bảo Tom và Ninni Hansson cùng vào nhà với mình, nhưng họ chưa kịp ngồi xuống thì điện thoại di động của bà đã đổ chuông.

– Tôi nghe nói chị tìm tôi? Tobias Ludwig nói. Chị biết là tôi không muốn bị quấy rầy mà, nhất là khi tôi đang dự một cuộc họp của Cục Hình sự quốc gia.

– Đáng tiếc lần này tôi không thể tránh được.

– Có chuyện gì thế?

– Chúng ta có một số người chết ở làng Hesjövalle.

Sau đó bà nhanh chóng báo cáo lại những gì đã xảy ra ở đây. Tobias Ludwig im lặng. Bà chờ đợi.

– Chuyện này khủng khiếp tới mức khiến tôi khó mà tin được những gì chị vừa nói.

– Tôi cũng thấy vậy. Nhưng đó là sự thật. Anh phải có mặt ở đây.

– Chị nói đúng. Tôi sẽ đi ngay, nhanh hết mức.

Vivi Sundberg nhìn đồng hồ đeo tay.

– Chúng ta cần phải họp báo, bà nói. Chúng tôi dự định làm vào lúc sáu giờ chiều. Cho tới lúc đó tôi sẽ chỉ nói là đã xảy ra một vụ giết người. Còn mức độ như thế nào, tôi sẽ không nhắc tới. Anh hãy tìm cách đến càng nhanh càng tốt. Nhưng hãy phóng xe cẩn thận.

– Tôi sẽ xem có chiếc xe trục nào không.

– Tốt nhất là nên kiểm trực thăng. Ở đây có mười chín người bị chết, Tobias.

Cuộc trao đổi kết thúc. Tom và Ninni nghe thấy rõ từng câu nói của Sundberg. Bà nhìn thấy vẻ hoang mang khó tin của họ, một nỗi hoang mang tương tự mà bà đã cảm thấy.

Mọi chuyện giống như thể đang dẫn sâu vào một cơn ác mộng. Một cảm giác không thực cứ bủa vây.

Bà ngồi xuống ghế sau khi đã xua con mèo đang ngủ đi.

– Tất cả mọi người trong làng đều bị giết chết. Chỉ có ông bà và bà Julia còn sống. Thậm chí cả những con thú nuôi trong nhà cũng bị giết. Tôi hiểu đây là một cú sốc đối với ông bà. Chúng tôi cũng thấy vậy. Nhưng tôi buộc phải đặt ra cho ông bà vài câu hỏi. Ông bà hãy cố gắng trả lời chính xác hết mức những câu hỏi của tôi. Tôi cũng muốn ông bà nhớ đến cả những thứ mà tôi bỏ sót không hỏi. Tất cả những gì ông bà nhớ được đều có thể sẽ quan trọng đối với việc điều tra. Ông bà hiểu chứ?

Bà nhận được cái gật đầu câm lặng và hoảng sợ thay cho câu trả lời. Vivi Sundberg dự định làm việc này thật thận trọng. Bà bắt đầu nói về buổi sáng hôm nay. Họ thức dậy vào lúc nào? Họ có nghe thấy tiếng động nào không? Và trong đêm? Có chuyện gì xảy ra không? Có gì khác thường so với mọi khi không? Họ cần phải lục tìm ký ức. Tất cả có thể mang một ý nghĩa nào đó.

Họ thay nhau trả lời, người nọ bổ sung cho người kia. Vivi Sundberg thấy rằng họ thật sự cố gắng để giúp bà.

Cuộc trao đổi của họ bị gián đoạn khi Erik Huddén bước vào. Anh ta muốn biết mình phải làm gì với cánh nhà báo. Lúc này đã có thêm

vài nhà báo nữa, và không lâu nữa họ sẽ biến thành những tay nổi loạn tức giận, mất kiên nhẫn.

– Chờ cho một chút, bà nói. Tôi sẽ ra ngay. Hãy nói với họ rằng sáu giờ chiều chúng ta sẽ có họp báo ở Hudiksvall.

– Chúng ta có làm được không?

– Chúng ta phải làm.

Erik Huddén lại biến mất. Vivi Sundberg tiếp tục cuộc trao đổi của mình. Lùi lại thêm một bước, về ngày hôm qua. Lần này Ninni trả lời.

– Hôm qua, mọi thứ vẫn như mọi khi, bà ta nói. Tôi bị cảm lạnh. Ông Tom thì bỏ củi cả ngày.

– Bà có nói chuyện với hàng xóm không?

– Tom có nói một vài câu với bà Hilda. Nhưng lúc trước chúng tôi kể rồi.

– Ngoài ra ông bà có còn nói chuyện với ai nữa không?

– Không.

– Ông bà có nhìn thấy ai không?

– Có. Hôm qua tuyết rơi nên mọi người đều ra khỏi nhà để dọn tuyết, tôi đã nhìn thấy nhiều người mà chẳng để ý.

– Bà có nhìn thấy ai lạ mặt không? Người không thuộc làng này. Hoặc một chiếc ô tô lạ nào không?

– Hoàn toàn không.

– Thế còn ngày hôm trước nữa.

– Cũng tương tự như những ngày khác, ở đây ít xảy ra chuyện lạ lắm.

– Hoàn toàn không có gì khác thường?

– Hoàn toàn không.

Vivi Sundberg lấy ra quyển sổ ghi chép và chiếc bút bi.

– Bây giờ đến việc khó hơn, bà nói. Tôi muốn ông bà cho biết tên tất cả những người hàng xóm.

Vừa nói bà vừa xé một tờ giấy từ quyển sổ ghi chép của mình rồi đặt lên mặt bàn.

– Ông bà hãy vẽ sơ đồ ngôi làng này. Nhà của ông bà và những ngôi nhà khác. Sau đó chúng ta sẽ đánh số thứ tự. Nhà ông bà sẽ là số 1. Tôi cần biết tên tất cả những người sống trong những ngôi nhà này.

Bà Ninni đứng dậy lấy ra một tờ giấy lớn hơn và vẽ sơ đồ ngôi làng. Vivi Sundberg có cảm tưởng rằng bà Ninni rất hay vẽ.

– Ông bà sống bằng nghề gì? Vivi Sundberg hỏi. Nghề nông à?

Câu trả lời của Ninni khiến bà ngạc nhiên.

– Chúng tôi có một gói chứng khoán. Không đặc biệt lớn lắm, nhưng chúng tôi giao dịch rất thận trọng. Chúng tôi bán ra khi thị giá tăng, mua vào khi giảm. Chúng tôi là những nhà đầu tư ngắn hạn.

Vivi Sundberg thầm nghĩ không còn gì có thể làm cho bà ngạc nhiên hơn được nữa. Tại sao một cặp vợ chồng già trốn tránh cảnh xô bồ tại một ngôi làng hẻo lánh ở tận cùng Hälsingland lại có thể giao dịch cổ phiếu được chứ?

– Ngoài ra chúng tôi cũng nói nhiều, Ninni tiếp tục. Chúng tôi kể chuyện với nhau. Ngày nay người ta ít làm chuyện đó, thậm chí là không làm nữa.

Vivi Sundberg có cảm giác cuộc trao đổi của họ đang vượt khỏi tầm tay bà.

– Ông bà viết tên những người hàng xóm ra đi, nếu có thể thì cả tuổi của họ nữa. Ông bà cứ nghĩ cho kỹ, đừng để sai sót gì nhưng cũng đừng quá lâu.

Bà nhìn hai vợ chồng họ đang cúi đầu xuống tờ giấy và bắt đầu lẩm bẩm viết tên của những người hàng xóm. Bất chợt một ý nghĩ đến với bà. Trong tất cả những khả năng có thể nghĩ tới đối với vụ thảm sát này, tất nhiên cũng có khả năng một ai đó trong làng là kẻ thủ ác.

Mười lăm phút sau danh sách đã được viết xong. Bà đếm tên. Có cả thảy hai mươi một người, trong đó gồm cả tên bà Julia và vợ chồng

nhà Hansson. Con số này không đúng. Hay là họ không biết tên đứa bé. Bà đến bên cửa sổ và đọc danh sách này một lần nữa. Hình như trong làng này chia ra làm ba dòng họ. Một nhóm mang họ Andren, nhóm thứ hai là Andersson và cuối cùng hai người mang họ Magnusson. Bà đứng đó với bản danh sách trên tay và nghĩ đến tất cả những người con, người cháu đã rời khỏi ngôi làng này không lâu nữa sẽ nhận được một cú sốc, khi biết chuyện gì đã xảy ra ở đây. Phải cần đến sự giúp đỡ đáng kể mới có được những thông tin cần thiết mà thông báo cho họ, bà thầm nghĩ. Đây là một thảm họa đùng chạm đến nhiều người hơn là mình hình dung.

Bà hiểu rõ rằng với nhiệm vụ này bà sẽ phải gánh vác phần lớn. Bà cảm thấy bất lực, đồng thời cũng lo sợ khi nghĩ đến điều ấy. Những gì đã xảy ra ở đây thật quá khủng khiếp nên một người bình thường khó có thể hiểu để rồi có thể xử sự thích hợp.

Tất cả những cái tên riêng chập chờn lướt qua, Elna, Sara, Brita, August, Herman, Hilda, Erik, Johannes, Gertrud, Vendela... Bà cố gắng hình dung ra khuôn mặt họ, nhưng những khuôn mặt ấy lu mờ, méo mó.

Bỗng bà nhớ ra một điều mà cho đến giờ bà hoàn toàn không để ý tới. Bà đi ra ngoài sân và gọi Erik Huddén đang đứng nói chuyện với một kỹ thuật viên hình sự, đến chỗ mình.

– Erik, thực ra ai là người đã phát hiện tất cả việc này?

– Đó là một người đàn ông đã gọi điện đến. Rồi lên cơn đau tim và đâm vào xe chở bàn ghế do một tài xế người Bosnia lái.

– Đâm vào xe rồi chết?

– Không. Hình như do bị nhồi máu cơ tim.

– Có thể ông ta là hung thủ?

– Tôi chưa nghĩ đến khả năng này. Ông ta có nhiều máy ảnh ở trong xe. Hình như là một nhà nhiếp ảnh.

– Hãy tìm thêm thông tin về ông ta, càng nhiều càng tốt. Chúng ta sẽ biến ngôi nhà này thành một dạng tổng hành dinh. Cần lần lượt



điểm qua tên các nạn nhân và tìm kiếm người nhà của họ. Thế còn người lái chiếc xe chở bàn ghế thì đâu rồi?

– Tôi đã kiểm tra nồng độ cồn của ông ta. Nhưng ông ta không uống rượu. Vì ông ta nói tiếng Thụy Điển quá tồi nên cảnh sát đã đưa ông ta về trụ sở để thẩm cung, thay vì làm thế trên đường cái. Hình như ông ta không biết gì cả.

– Chuyện này chúng ta không thể biết được. Chẳng phải là cách đây không lâu, người Bosnia cũng vừa huynh đệ tương tàn đó hay sao?

Erik Huddén lại biến mất. Bà định đi vào nhà thì nhìn thấy một cảnh sát đang chạy về phía mình. Bà đi ra cổng vườn và nhận thấy anh ta hoảng sợ.

– Chúng tôi đã tìm thấy cái cẳng chân, anh ta nói. Con chó đã đánh hơi được, nằm sâu trong rừng đến năm chục mét.

Viên cảnh sát chỉ về phía bìa rừng. Vivi Sundberg có cảm giác anh ta còn muốn nói thêm nữa.

– Tất cả chỉ có vậy thôi à?

– Tôi nghĩ, tốt nhất là chị hãy tự nhìn lấy.

Nói xong anh ta quay đi nôn mửa. Sundberg không có thời gian để quan tâm đến anh ta, mà vội chạy vào rừng. Bà bị trượt chân và ngã hai lần.

Khi đến nơi bà mới hiểu ra vì sao viên cảnh sát nọ lại bị sốc. Chiếc cẳng chân có chỗ đã bị găm đến tận xương, bàn chân thì đã rời hẳn ra.

Bà nhìn Ytterström và viên cảnh sát huấn luyện chó đứng ngay bên cạnh chiếc cẳng chân tìm thấy.

– Một kẻ ăn thịt người, Ytterström nói. Chúng tôi tiếp tục tìm kiếm, nhưng không phát hiện thêm được gì nữa.

Vivi Sundberg cảm thấy có cái gì đó rơi xuống bàn tay mình. Bà giật nảy người. Đó chỉ là một bông tuyết nhanh chóng tan đi.

– Chúng ta phải dựng thêm một chiếc lều ở chỗ này. Không được để mất bất cứ dấu vết gì, bà nói với hai cảnh sát.

Bà nhắm mắt và bỗng nhiên nghĩ đến một mặt biển trong xanh, những ngôi nhà màu trắng nằm trên triền núi ngập nắng. Rồi bà quay về ngôi nhà của vợ chồng người đầu tư cổ phiếu và ngồi xuống bên bàn bếp với danh sách họ tên các nạn nhân.

Phải có một cái gì ở đâu đó mà mình vẫn chưa phát hiện được, bà thầm nghĩ.

Bà từ từ lần theo danh sách, hết tên này sang tên khác. Xem ra như thể bà đang phải dò dẫm trên một bãi mìn.

## 4

Vivi Sundberg cảm thấy như mình đang đứng nhìn tấm bia ghi danh các nạn nhân chết trong một thảm họa. Khi một chiếc máy bay bị rơi, một chiếc tàu thủy bị đắm, người ta sẽ dựng một tấm bia tưởng niệm khắc tên những người đã chết. Nhưng ai sẽ là người dựng bia tưởng nhớ đến những người bị giết tại Hesjövallen trong một đêm tháng Giêng năm 2006?

Bà đẩy tờ danh sách ra xa và nhìn vào hai bàn tay mình. Bà không thể giữ yên được chúng. Bà đang run rẩy. Nếu có ai để bà có thể trút gánh nặng này sang cho người đó, bà cũng sẽ không do dự. Bà cũng muốn làm tốt công việc nhưng không phải để đột nhiên được cất nhắc vào vị trí cảnh sát trưởng. Bà không hám quyền lực. Tuy nhiên, vào giờ phút này, trách nhiệm dẫn dắt cuộc điều tra lại thuộc về bà. Bà thấy dễ dàng trong việc hợp tác với công tố viên Robertsson. Còn Tobias Ludwig, không lâu nữa sẽ có mặt ở đây, hẳn nhiên là trên một chiếc trực thăng, thì lại không có khả năng chỉ huy một cuộc điều tra hình sự. Anh ta là công chức cạo giấy, chỉ biết cần mẫn tính toán, từ chối làm thêm giờ và luôn cử nhân viên cấp dưới của mình đi tham dự các khóa học vô nghĩa. Bà thấy người ớn lạnh rồi lại kéo tờ giấy về phía mình.

Erik August Andersson

Vendela Andersson

Hans-Evert Andersson

Elsa Andersson

Gertrud Andersson

Viktoria Andersson

Hans Andrén

Lars Andrén

Klara Andrén  
Sara Andrén  
Elna Andrén  
Brita Andrén  
August Andrén  
Herman Andrén  
Hilda Andrén  
Johannes Andrén  
Tora Magnusson  
Regina Magnusson

Mười tám cái tên. Ba cái họ. Bà đứng dậy đi sang phòng bên, nơi vợ chồng Hansson đang ngồi thì thầm nói chuyện với nhau. Hai người lặng im khi bà bước vào.

– Ông bà nói là trong làng này không có trẻ em, đúng vậy không?

Cả hai người đều gật đầu.

– Trong mấy ngày gần đây ông bà không nhìn thấy đứa trẻ nào ư?

– Thỉnh thoảng khách khứa về thăm cũng đem theo con cái. Nhưng cũng không thường xuyên.

Vivi Sundberg ngấp ngừng một lúc trước khi tiếp tục:

– Đáng tiếc trong số người bị giết còn có một bé trai.

Bà chỉ tay vào một trong những ngôi nhà. Bà Ninni trợn tròn mắt:

– Nó cũng chết ư?

– Phải, nó cũng chết. Nếu đúng như bà vẽ, thì đứa bé đó ở trong ngôi nhà của Hans-Evert và Elsa Andersson. Ông bà có chắc là mình không biết đứa bé đó chứ?

Hai người nhìn nhau rồi cùng lắc đầu. Vivi Sundberg đứng dậy quay trở lại bếp. Người thứ mười chín không có tên. Một ngoại lệ, bà thầm nghĩ. Nó, cũng như hai người trong ngôi nhà này cùng bà lão Julia, cơn điên loạn đã chừa họ ra khỏi thảm họa này. Mười tám người, đêm

hôm qua lên giường đi ngủ, bây giờ đã chết. Cộng thêm đứa bé. Nó không thuộc vào vụ này theo cách nào đó.

Bà gấp tờ giấy lại, nhét vào túi rồi đi ra ngoài. Những bông tuyết lẻ tẻ rơi lên mặt đất. Xung quanh bà tất cả đều im ắng. Thình thoảng mới lại có tiếng nói, tiếng một cánh cửa được đóng lại và tiếng động của dụng cụ. Erik Huddén đi lại chỗ bà. Trông anh ta rất xanh xao. Tất cả mọi người ở đây đều xanh xao như thế.

– Bác sĩ pháp y đâu? Bà hỏi.

– Ở chỗ chiếc căng chân ngoài kia.

– Cô ấy ra sao?

– Bị sốc. Thoạt đầu cô ấy lao vào phòng vệ sinh. Rồi bắt đầu khóc. Nhưng đang có thêm các bác sĩ trên đường đến đây. Chúng ta cần phải làm gì với cánh nhà báo?

– Tôi sẽ nói chuyện với họ.

Bà lấy từ trong túi ra bản danh sách.

– Cậu bé đó không có tên trong danh sách này. Chúng ta phải tìm ra nó là ai. Anh có thể đem copy bản danh sách này. Nhưng không được phân phát cho ai.

– Thật không thể nào tưởng tượng được, Erik Huddén nói. Mười tám con người.

– Mười chín. Cậu bé chưa có trong danh sách.

Bà lấy ra chiếc bút bi và viết “Cậu bé chưa biết tên” vào hàng dưới cùng của bản danh sách.

Rồi bà triệu tập các nhà báo đã rét run với những khuôn mặt dò hỏi đứng thành nửa vòng tròn trước mặt mình.

– Tôi chỉ có một thông báo ngắn gọn, bà bắt đầu. Các vị có thể đặt câu hỏi, nhưng vào lúc này chúng tôi chưa có câu trả lời. Tuy vậy, chiều tối nay chúng tôi tổ chức một cuộc họp báo trong thành phố. Thời gian tạm thời ấn định vào lúc sáu giờ tối. Bây giờ tôi chỉ có thể thông báo rằng đêm hôm qua ở đây đã xảy ra một tội ác khủng khiếp.

Một phụ nữ trẻ, mặt tàn nhang, giơ tay xin nói.

– Dù sao bà cũng có thể cho biết thêm một chút thông tin chứ! Chuyện nghiêm trọng xảy ra ở đây, chúng tôi cũng tự hiểu được, khi các vị đã cho vây kín cả một làng.

Vivi Sundberg không biết người phụ nữ này. Nhưng trên áo khoác của cô ta có in tên một nhật báo quốc gia lớn.

– Cô có đặt bao nhiêu câu hỏi cũng vô ích thôi. Vì những lý do riêng của việc điều tra, tôi không thể nói thêm được gì vào lúc này.

Một ký giả đài truyền hình ghé sát micro vào mặt bà. Bà đã nhiều lần nhìn thấy người đàn ông này.

– Bà có thể nhắc lại điều bà vừa nói ra được không?

Bà nhắc lại câu nói của mình theo đề nghị của anh ta. Nhưng khi anh ta tiếp tục đưa ra câu hỏi khác, bà đã bỏ đi. Bà chỉ dừng lại khi tới bên chiếc lều vừa mới được dựng xong. Bà thấy khó chịu, như muốn nôn. Bà bước sang bên cạnh, hít sâu một vài lần rồi bước tiếp khi cơn khó chịu đã lắng xuống.

Trong năm đầu tiên làm cảnh sát, bà đã bị ngắt xiu khi cùng đồng nghiệp bước vào ngôi nhà có một người đàn ông treo cổ tự tử. Bà không muốn sự cố này tái diễn.

Người phụ nữ đang ngồi quỳ trên một chân, ngẩng lên khi thấy bà bước vào trong lều. Bóng đèn cao áp làm nóng rục căn lều. Vivi Sundberg gật đầu với người phụ nữ đó và giới thiệu tên mình. Đó là nữ bác sĩ pháp y Valentina Miir, chừng bốn mươi tuổi, giọng nói nặng trịch:

– Chị có thể nói gì?

– Tôi chưa bao giờ nhìn thấy cái gì như thế này, Valentina trả lời. Đôi khi người ta cũng chạm phải những phần cơ thể bị chặt đứt, nhưng cái ở đây...

– Có phải ai đó đã gặm căng chân này?

– Rất có thể là do một con thú. Nhưng ở đây có những dấu vết làm cho tôi lo lắng.

– Dấu vết nào?

– Mỗi loài thú gặm nhấm và ăn theo một cách riêng. Gần như người ta có thể đoán ngay ra được nó là con gì. Tôi cho rằng đây là một con sói. Nhưng chị nên xem cái này.

Bác sĩ Valentina nhắc chiếc túi nilon trong suốt lên. Trong đó có một chiếc giày da.

– Chúng ta có thể phỏng đoán rằng nó đã ăn bàn chân này. Tất nhiên con thú phải lôi chiếc giày ra khỏi chân để gặm được thịt. Nhưng điều làm cho tôi sợ là dây giày lại được cởi ra.

Vivi Sundberg nhớ là chiếc giày ở chân kia của người đàn ông ấy vẫn còn buộc dây.

Bà lục lại trong đầu danh sách những nạn nhân và sơ đồ nhà của họ. Nếu bà nhớ đúng thì người đàn ông bị chặt hoặc cắn đứt chân này chính là Lars Andren.

– Chị có thể cho biết thêm được gì không?

– Còn quá sớm để có thể nói được gì.

– Tôi muốn chị cùng đi với tôi. Tất nhiên tôi không muốn can thiệp vào kế hoạch công việc của chị, nhưng lúc này tôi cần đến sự giúp đỡ của chị.

Hai người rời khỏi lều và đi đến ngôi nhà trong đó là xác chết của cậu bé và hai người lớn, có lẽ đó là Hans-Evert và Elsa Andersson. Hai người bị trói chặt vào nhau. Sự im ắng đến lạnh người bao trùm trong ngôi nhà. Cậu bé nằm úp mặt trên giường. Căn phòng áp mái nên rất hẹp. Vivi Sundberg cắn chặt hai hàm răng để không bật khóc. Trong nháy mắt, một cuộc đời vừa mới chớm đã vụt tắt. Hai người đứng im lặng trong phòng.

– Tôi không thể hiểu nổi, tại sao người ta lại có thể làm một điều khủng khiếp như thế này đối với một đứa bé, cuối cùng Valentina cũng

lên tiếng.

– Chính vì không hiểu nổi nên chúng ta cần phải cố gắng để biết thật sự đã xảy ra chuyện gì.

Nữ bác sĩ im lặng. Trong tiềm thức của Vivi Sundberg bắt đầu hình thành một ý nghĩ mơ hồ. Thoạt đầu bà không biết đó là cái gì. Một kế hoạch, bà nghĩ. Và rồi một điểm bất thường. Bỗng bà nhận ra điều gì đã khiến mình lưu tâm.

– Chị có thể cho biết nó bị giết chết bởi bao nhiêu nhát chém không?

Nữ bác sĩ cúi xuống, xoay chiếc đèn bàn rọi sáng lên thân thể đứa bé. Mấy phút sau cô trả lời.

– Xem ra nó chỉ bị một nhát chém là đã chết.

– Biết thêm gì nữa không?

– Có thể nó hoàn toàn bị bất ngờ. Nhát chém đã làm đứt cột sống của nó.

– Chị đã khám nghiệm các tử thi chưa?

– Tôi mới chỉ chủ yếu tập trung vào việc xem họ đã thực sự chết chưa. Tôi muốn chờ các đồng nghiệp đến rồi mới bắt đầu khám nghiệm chi tiết.

– Theo chị, có nạn nhân nào khác cũng bị chém một nhát mà chết không?

Thoạt đầu bác sĩ Valentina Miir hình như không hiểu câu hỏi của bà Sundberg. Rồi cô nghĩ lại trong đầu những gì mình đã nhìn thấy.

– Hình như không. Nếu tôi không nhầm, tất cả những người khác đều bị chém nhiều nhát.

– Nhưng hình như không trực tiếp gây chết người?

– Còn quá sớm để trả lời câu hỏi này. Nhưng có thể chị nói đúng.

– Cảm ơn chị.

Khi bác sĩ pháp y đi khỏi, Vivi Sundberg bắt đầu lục lọi căn phòng và đồ đạc của đứa bé để tìm tên nó. Hoàn toàn không thấy được gì,



thậm chí đến cả một chiếc vé xe bus. Bà đi xuống dưới nhà và bước ra sân. Vì không muốn bị quấy rầy, bà đi về phía sau nhà trông ra mặt hồ đã đóng băng. Bà cố hiểu rõ hơn phát hiện của mình. Đứa bé chết bởi một nhát chém duy nhất, còn những người khác thì lại bị chém nhiều nhát theo một kịch bản dựng sẵn. Điều này có nghĩa là gì? Bà chỉ thấy có một cách giải thích có lý, đồng thời lại cực kỳ kinh sợ: kẻ giết đứa bé không muốn hành hạ nó, ngược lại vết thương của những người kia khiến người ta nghĩ đến một màn tra tấn kéo dài.

Bà nhìn sang dãy núi đã chìm trong làn hơi nước ở phía bên kia hồ. Hẳn muốn hành hạ họ, bà thầm nghĩ. Người đàn ông cầm trong tay thanh kiếm hoặc con dao muốn họ ý thức được rằng họ sẽ phải chết.

Tại sao? Vivi Sundberg không tìm được câu trả lời. Tiếng động cơ khiến bà quay trở về phía trước ngôi nhà. Một chiếc trực thăng đang hạ thấp độ cao trên quả đồi rợp bóng cây rồi đậu xuống một thửa ruộng phủ đầy tuyết. Tobias Ludwig nhảy ra khỏi trực thăng và ngay lập tức chiếc trực thăng nhấc mình lên bay về hướng Nam.

Vivi Sundberg đi về phía sếp. Tobias Ludwig đi giày thấp cổ lộ qua lớp tuyết ngập đến cổ chân. Nhìn từ xa, Vivi Sundberg cảm giác anh ta trông như một con côn trùng mắc kẹt trong tuyết và đập cánh loạn xạ.

Hai người gặp nhau trên đường làng, Ludwig vừa giũ tuyết vừa nói:

– Tôi đang cố hiểu những gì chị nói.

– Trong những ngôi nhà này có đầy xác người. Tôi muốn anh nhìn thấy họ, Sten Robertsson cũng đã có mặt ở đây. Tôi đã điều động tới tất cả các lực lượng thuộc quyền, nhưng bây giờ anh là người chịu trách nhiệm gọi thêm trợ giúp.

– Tôi vẫn chưa hiểu. Chị nói có đầy xác người? Toàn là người già?

– Có một đứa bé không thuộc người làng này. Chỉ một đứa bé. Nhưng nó cũng đã chết.

Đây là lần thứ tư trong ngày bà phải đi một lượt khắp các ngôi nhà. Tobias Ludwig vừa theo sau bà vừa rên rỉ. Hai người kết thúc chuyến

đi ở căn lều có chiếc căng chân. Nữ bác sĩ pháp y không còn ở trong đó.

Tobias Ludwig lắc đầu.

– Thật ra ở đây đã xảy ra chuyện gì vậy? Kẻ làm điều này chắc chắn phải là một thằng điên.

– Chúng ta còn chưa biết liệu chỉ có một hay còn nhiều kẻ khác nữa.

– Vậy là cả một đám điên khùng?

– Giá như chúng ta biết được.

Ludwig nhìn bà dò hỏi.

– Chúng ta đã biết được gì?

– Thực ra chưa biết được gì cả.

– Sự việc ở đây quá sức chúng ta. Chúng ta cần giúp đỡ.

– Đó là nhiệm vụ của anh. Ngoài ra tôi cũng đã nói với cánh nhà báo rằng chúng ta sẽ tiến hành họp báo vào lúc sáu giờ chiều hôm nay.

– Chúng ta sẽ nói gì?

– Điều này còn phụ thuộc vào việc cho đến lúc đó chúng ta đã liên lạc được với bao nhiêu người thân của các nạn nhân. Đó cũng là nhiệm vụ của anh.

– Tìm người thân của họ?

– Erik đã có bản danh sách. Trước hết anh cần phải tổ chức công việc. Giao việc cho các nhân viên của sở. Anh là sếp mà.

Robertsson đến chỗ hai người.

– Thật khủng khiếp và đáng sợ, Tobias Ludwig nói. Tôi đang tự hỏi liệu đã có khi nào ở Thụy Điển xảy ra một vụ tương tự thế này chưa.

Robertsson lắc đầu. Vivi Sundberg quan sát hai người đàn ông. Cảm giác cần phải khẩn trương ngày càng tăng lên trong bà: có thể còn có điều gì đó tồi tệ hơn xảy ra nếu như không bắt tay ngay vào việc.

– Hãy bắt đầu với tên của các nạn nhân, bà nói với Tobias Ludwig. Tôi thật sự cần sự trợ giúp của anh.

Nói rồi bà túm lấy cánh tay Robertsson kéo ông đi xuống phía dưới đường.

– Anh nghĩ sao?

– Tôi thấy sợ. Còn chị, không sợ à?

– Tôi chẳng có thời gian để nghĩ đến điều đó.

Sten Robertsson nheo mắt nhìn bà.

– Nhưng chị đã có phỏng đoán rồi chứ? Chị thường đưa ra phỏng đoán mà.

– Nhưng lần này thì không. Có thể có tới mười hung thủ, chúng ta không biết chắc được. Chúng ta không loại trừ điều gì. Và lại, cả anh cũng phải đến họp báo.

– Tôi ghét phải nói chuyện với cánh nhà báo.

– Ghét hay không ghét lúc này hoàn toàn chẳng giúp gì được cho anh cả.

Robertsson bỏ đi. Bà đang định vào xe của mình thì nhìn thấy Erik Huddén vẫy tay. Anh ta chạy lại phía bà, trên tay cầm một cái gì đó. Có lẽ đã tìm thấy hung khí, bà nghĩ. Nếu đúng vậy thì quá tốt, chúng ta rất cần có được thứ đó. Nhưng dù sao vẫn phải bắt được hung thủ.

Nhưng Erik không có hung khí trong tay, mà chỉ là một chiếc túi nilon. Anh đưa nó cho bà. Trong đó là một dải lụa đỏ.

– Con chó đã tìm thấy cái này, Erik nói.

– Ở đâu?

– Trong rừng. Cách chỗ căng chân khoảng ba chục mét.

– Có dấu vết gì không?

– Chúng tôi đang kiểm tra. Nhưng con chó đã tìm thấy dải băng này mà không có biểu hiện muốn sục sạo sâu vào trong rừng nữa.

Bà giơ chiếc túi gần sát mặt. Để quan sát được kỹ dải băng ở trong túi, bà nheo một bên mắt lại.

– Dải băng mỏng, bà nói. Hình như là vải lụa. Còn tìm thấy gì đặc biệt nữa không?

– Chỉ có cái đó. Nó óng ánh trong tuyết.

Bà trao lại cái túi cho Erik.

– Quá ít, bà nói. Ở cuộc họp báo chúng ta có thể thông báo cho thế giới biết rằng chúng ta có mười chín người chết và hướng tìm kiếm duy nhất là một dải lụa màu đỏ.

– Có thể chúng ta còn tìm được những thứ khác nữa.

– Tìm đi. Tốt nhất là tóm được kẻ đã gây ra vụ này. Hoặc là một con quái vật, có thể nói như vậy.

Khi Erik Huddén đi khỏi, bà ngồi vào xe để suy nghĩ một mình. Qua kính chắn gió, bà nhìn thấy bà lão Julia được hai nhân viên lưu động của viện dưỡng tế dìu ra xe. Bà lão thật may mắn khi không còn biết gì, Sundberg thầm nghĩ. Julia sẽ không bao giờ hiểu được cái gì đã xảy ra vào cái đêm tháng Giêng ấy trong những ngôi nhà xung quanh bà.

Bà nhắm mắt hồi tưởng bản danh sách tên những người đã chết. Cho đến lúc này bà vẫn chưa thể nối kết được những cái tên đó với những khuôn mặt mà bà đã nhìn thấy nhiều lần trong ngày. Cuộc tàn sát đã bắt đầu từ đâu? Trước tiên là một ngôi nhà, và một ngôi nhà trong số còn lại phải là ngôi nhà cuối cùng. Còn hung thủ, dù có hành động một mình hay không, phải biết mình làm gì. Hẳn không chọn tấn công các ngôi nhà một cách ngẫu nhiên. Hẳn không vào nhà của cặp vợ chồng đầu tư cổ phiếu, không vào nhà của bà lão ốm yếu, suy nhược. Hẳn đã để yên cho hai nhà này.

Bà mở mắt, trân trân nhìn qua kính chắn gió. Nó được lên kế hoạch, bà nghĩ. Chắc là phải thế. Nhưng một kẻ điên có đủ khả năng chuẩn bị một hành động như vậy? Liệu có thể không?

Bà thực sự tin rằng một kẻ điên khùng cũng có thể hành động rất hợp lý. Kinh nghiệm này, bà đã có trước đây. Bà nhớ đến nhân vật Michael Kohlhaas cách đây nhiều năm trong một phiên tòa đã rút súng bắn chết thẩm phán và nhiều người khác không liên can đến vụ án. Sau đó, khi khám xét ngôi nhà nằm sâu trong rừng của hắn, cảnh sát

phát hiện ra hãn đã gài mìn khắp nơi. Hãn là một kẻ điên với một kế hoạch điên cuồng.

Bà rút nốt chỗ cà phê còn lại trong bình giữ nhiệt vào cốc. Động cơ, bà nghĩ. Ngay cả một kẻ tâm thần cũng có động cơ. Có thể tiếng nói nội tâm đã kêu gọi hãn giết chết tất cả những ai hãn gặp. Nhưng liệu tiếng nói đó có khả năng dẫn hãn tận tới Hesjövallen? Và nếu đúng thế, thì tại sao? Sự ngẫu nhiên sắm vai chính trong thảm kịch này ư?

Ý nghĩ ấy đưa bà trở lại với xuất phát điểm của mình. Không phải tất cả dân làng này đều bị giết chết. Hung thủ đã để cho ba người được sống, mặc dù hãn có thể giết chết họ nếu muốn. Ngược lại, hãn đã giết chết một đứa bé dường như chỉ tình cờ ghé thăm ngôi làng bị nguyên rủa này.

Đứa bé có thể là chìa khóa, bà nghĩ. Nó không phải là người làng này. Vậy mà nó cũng bị giết. Trong khi đó, hai người đã sống ở đây hai chục năm và một bà lão ốm yếu thì lại được bỏ qua.

Điều này đã làm nảy ra một câu hỏi mà bà cần câu trả lời, nhất thiết phải tìm ra.

Nhà của bà lão Julia không khóa. Bà đi vào và đọc tờ giấy mà Erik Huddén đã thấy ở trên mặt bàn bếp. Câu trả lời mà bà có được cho câu hỏi của mình khiến tim bà đập nhanh hơn. Bà ngồi xuống ghế và tìm cách tập hợp những suy nghĩ của mình lại.

Kết quả thật khó tin, tuy vậy có thể là đúng. Bà bấm số máy di động của Erik. Anh ta lập tức lên tiếng.

– Tôi đang ngồi trong bếp nhà bà Julia. Bà lão mặc áo choàng tắm, sáng nay đứng ở trên đường ấy. Anh qua đây ngay, được không?

– Tôi đến đây.

Erik Huddén ngồi xuống bên bàn, đối diện với bà, nhưng ngay lập tức nhảy dựng lên và nhìn kỹ mặt ghế, hít mũi ngửi rồi tìm cho mình một chiếc ghế khác. Bà nhìn Erik như muốn hỏi.

– Nước tiểu, anh nói. Chắc là bà lão mắc chứng đái són. Chị muốn nói gì với tôi?

– Tôi muốn anh lắng nghe một suy luận. Nó có vẻ khó tin, nhưng lại có gì đó logic.

– Tôi cần ghi lại không?

– Chỉ nghe thôi. Chúng ta cùng tắt điện thoại để khỏi bị quấy rầy.

Hai người đặt điện thoại di động lên mặt bàn, như thể giao nộp vũ khí, bà nghĩ.

– Tôi sẽ cố nói vắn tắt, dù rằng điều này chưa chắc đã đúng. Tuy thế, tôi linh cảm thấy có một logic kỳ lạ trong các sự kiện xảy ra ở đây đêm qua. Tôi muốn anh lắng nghe, rồi sau đó nói cho tôi biết có phải tôi đã nghĩ hoàn toàn sai hay không, hoặc sai lầm nằm ở chỗ nào.

Cửa mở. Một nhân viên kỹ thuật hình sự bước vào bếp.

– Những người chết đâu?

– Trong nhà này không có người chết.

Anh ta bỏ đi.

– Việc này có liên quan đến những cái họ, bà nói tiếp. Chúng ta vẫn chưa biết họ tên đứa bé. Nhưng nếu tôi không nhầm, nó có họ hàng với gia đình Andersson và đã bị giết trong ngôi nhà đó. Một trong những chìa khóa cho những gì đã xảy ra ở đây vào đêm hôm qua, chính là những cái họ. Những gia đình, ở làng này hình như có ba dòng họ lớn: Andersson, Andrén và Magnusson. Còn bà Julia sống trong ngôi nhà này lại mang họ Holmgren. Bà ấy sống sót. Ngoài ra chúng ta còn có Tom và Ninni Hansson. Họ cũng sống sót, vì mang họ khác? Căn cứ vào đó chúng ta có thể đưa ra một kết luận.

– Hung thủ vì một lý do nào đó đã giết chết những người cùng họ với nhau.

– Tiếp một bước nữa. Đây là một làng nhỏ. Sự xáo động không cao. Rất có thể giữa các gia đình này có nhiều vụ kết hôn với nhau. Tôi không có ý nói gì đến chuyện loạn luân mà chỉ cho rằng có lý do để tin rằng sự việc không liên quan đến cả ba dòng họ mà có lẽ chỉ với

hai thôi. Hoặc thậm chí chỉ liên quan đến một dòng họ. Điều này giải thích tại sao Julia Holmgren và hai vợ chồng Hansson còn sống.

Vivi Sundberg chờ phản ứng của Erik. Bà chưa bao giờ đánh giá Erik là người đặc biệt thông minh, nhưng bà khâm phục khả năng của anh ta, tìm ra được giải pháp đúng bằng trực giác của mình.

– Nếu điều đó đúng thì có nghĩa là hung thủ biết rõ về những người này. Vậy ai đã gây án?

– Có thể là một người họ hàng? Cũng có thể là một kẻ điên.

– Một người họ hàng bị điên? Nhưng vì sao kẻ đó lại làm chuyện này?

– Điều này chúng ta chưa biết. Tôi chỉ cố gắng để hiểu xem tại sao tất cả mọi người trong làng không bị giết hết.

– Chị giải thích như thế nào về cẳng chân bị chặt đứt và bị lôi đến chỗ khác.

– Tôi không giải thích nổi. Nhưng tôi cần bắt đầu từ đâu đó. Suy luận chưa rõ ràng của tôi và dải lụa màu đỏ là tất cả những gì chúng ta có.

– Tôi hy vọng chị biết cái gì sẽ đến với chúng ta?

– Rằng chúng ta sẽ bị giới truyền thông tấn công ư?

Erik Huddén gật đầu.

– Việc này đã có Tobias lo.

– Anh ấy sẽ ùn nó cho chị.

– Lúc đó tôi sẽ ùn sang anh.

– Dưới quyền chị.

Hai người đứng dậy.

– Tôi muốn anh trở về thành phố, bà nói. Tobias đang muốn triển khai nhân sự đi tìm kiếm người thân của các nạn nhân. Anh hãy lo để việc ấy thật sự được làm và tìm ra những mối liên hệ giữa ba gia đình ở đây. Nhưng trước hết lúc này hãy coi nó chỉ là một việc giữa hai chúng ta thôi.

Erik Huddén ra khỏi nhà. Vivi Sundberg đến bên vòi nước rót nước vào cốc. Bà tự hỏi suy luận của mình có đi đến đâu không, nhưng vào lúc này bất luận thế nào thì như thế cũng tốt hơn là không có gì.

Gần sáu giờ chiều, một số cảnh sát đã tụ tập trong văn phòng của Tobias Ludwig. Họ thảo luận với nhau nên nói những gì trong cuộc họp báo. Không nên đưa ra danh sách tên các nạn nhân, nhưng số lượng nạn nhân sẽ được công bố và phải thừa nhận cho đến nay cảnh sát vẫn còn đang dò dẫm trong bóng tối. Hơn bao giờ hết họ kêu gọi sự cảnh giác của tất cả các lực lượng.

Tobias Ludwig sẽ khai mạc cuộc họp báo rồi sau đó sẽ giao cho Vivi Sundberg chủ trì.

Bà tạt vào phòng vệ sinh trước khi bước vào phòng họp đã đông đủ các nhà báo. Bà nhìn khuôn mặt mình trong gương. Giá như thức dậy, tất cả những việc này chẳng có gì xảy ra, bà thầm nghĩ.

Rồi bà bước ra ngoài, dấm tay lên tường hành lang hai lần và bước vào phòng họp báo đã quá nóng. Bà bước lên bục nhỏ, ngồi xuống bên cạnh Tobias Ludwig.

Anh ta nhìn bà. Bà gật đầu ra hiệu đã có thể bắt đầu.



# Nữ thâm phán

## 5

Một con thiêu thân vụt bay ra từ bóng tối, đập cánh loạn xạ quanh ngọn đèn bàn. Birgitta Roslin đặt chiếc bút sang một bên, ngả người ra sau ghế trong khi quan sát con thiêu thân cố gắng một cách vô ích để chui vào bên trong chiếc đèn sứ. Tiếng đập cánh của nó làm cho bà nhớ lại tiếng động từ thời còn nhỏ mà không thể nói chính xác đó là tiếng động gì.

Mỗi khi thấy mệt mỏi, ấy là lúc ký ức của bà được kích thích, trở nên đặc biệt rõ ràng, như lúc này. Những kỷ niệm không với tới được của quá khứ xa vời có thể xuất hiện từ một cỗi hư vô như trong giấc ngủ.

Như con thiêu thân.

Bà nhắm mắt, đưa tay day day hai bên thái dương. Lúc này đã quá nửa đêm một vài phút. Đã hai lần bà nghe thấy tiếng người gác đêm đi kiểm tra khu nhà tòa án. Bà thích làm việc vào buổi tối, khi tòa nhà vắng người. Cách đây nhiều năm, ngày đó bà còn là một tập sự viên ở Varnamo, vào buổi tối, bà thường tới các phòng xử án vắng bóng người trong tòa án, thắp một vài ngọn đèn, ngồi lên ghế, lắng nghe sự tĩnh lặng. Khi ấy bà đã hình dung những phòng xử ấy như là một sân khấu nhà hát. Những dấu vết còn lại trên tường, những tiếng thì thầm gợi nhắc những hồi bi kịch của các phiên xử đã qua. Ở đây những tên giết người, những kẻ hiếp dâm, những tay trộm cướp đã bị kết án. Và những người đàn ông trong một hàng dài vô tận những phiên xử đánh mất quyền làm cha của mình. Những người khác lại được trắng án, tìm lại được phẩm cách.

Khi Birgitta Roslin nộp đơn xin vào làm ở tòa án, bà đã nhận được đề nghị làm tập sự viên ở Varnamo, khi ấy bà vẫn còn giữ ý định sẽ trở thành công tố viên. Nhưng bà đã dần tìm ra con đường cho mình, phần lớn là nhờ vào ấn tượng khó quên mà Anker, một thẩm phán cao tuổi,

đã đem đến cho bà. Ông đã lắng nghe những người đàn ông trẻ tuổi, bằng những đối trá nhìn thấy rõ, tìm mọi cách kháng nghị quyền làm cha, rồi lắng nghe những kẻ bạo hành chai sạn không hề tỏ ra ăn năn về những tội ác của mình, với cùng thái độ kiên nhẫn giống nhau. Mọi việc giống như là ông muốn chỉ cho bà, một nữ tập sự trẻ, thấy rõ ngành tư pháp có một ý nghĩa như thế nào. Ở ông, Roslin đã được thấy rõ điều đó, không chỉ bằng lời nói mà cả trong hành động. Công lý có nghĩa là hành động. Khi rời khỏi Varnamo, bà đã quyết định trở thành thẩm phán.

Bà đứng dậy bước đến bên cửa sổ. Trên phố, một người đàn ông đang đứng đái bên một bức tường nhà. Ban ngày ở Helsingborg có tuyết rơi, một lớp bột tuyết mỏng lúc này đang xoáy tròn dọc theo đường phố. Trong khi lơ đãng quan sát người đàn ông ở dưới tường, đầu óc bà tiếp tục nghĩ đến bản án mà bà đang thảo ra. Bà tự đặt cho mình thời hạn đến ngày hôm sau phải viết xong.

Người đàn ông dưới đường đã biến mất từ lúc nào. Birgitta Roslin quay trở lại bàn làm việc, cầm lấy cây bút. Bà đã nhiều lần thử soạn thảo các bản án trên máy tính, nhưng chưa bao giờ bà thành công. Dường như các phím bấm chạy trốn ý nghĩ của bà. Bà lại luôn phải quay về với cây bút của mình. Chỉ cho tới trước khi bản nháp được viết xong, được sửa chữa, thì màn hình máy tính vẫn kêu ro ro kiên nhẫn chờ đợi và tự động chuyển sang chế độ chờ với hình ảnh bể cá cùng đám cá vàng bơi lội tung tăng.

Bà cúi xuống mấy tờ giấy đầy những chỗ gạch xóa, bổ sung. Đây là một vụ án đơn giản với luận chứng thuyết phục, tuy thế nó lại khiến bà vô cùng khó nghĩ.

Bà muốn đưa ra một hình phạt, nhưng lại không thể.

Một nam giới và một phụ nữ gặp nhau trong một vũ trường ở Helsingborg. Người phụ nữ còn trẻ, gần như chưa tới hai mươi tuổi và đã uống quá nhiều. Người đàn ông quăng bốn mươi tuổi, hứa đưa cô về nhà và chỉ uống một cốc nước trong căn hộ của cô ta. Cô gái ngủ

thiếp đi trên tràng kỷ. Người đàn ông đã hiếp cô gái khi cô chưa tỉnh ngủ rồi bỏ đi. Sáng hôm sau cô gái chỉ còn lơ mơ nhớ sự việc đã xảy ra vào đêm hôm trước trên tràng kỷ. Cô ta đến bệnh viện khám và nhận được giấy xác nhận mình đã bị hiếp dâm. Sau một cuộc điều tra cẩn thận của cảnh sát, người đàn ông đó bị đưa ra tòa. Phiên tòa được tiến hành một năm sau ngày xảy ra vụ cưỡng dâm. Birgitta Roslin ngồi ghế thẩm phán. Bà quan sát cô gái. Bà đọc được trong tài liệu điều tra sơ bộ cho thấy cô gái này làm nhân viên phụ quầy thu tiền ở nhiều siêu thị khác nhau. Trong bản khai về nhân thân cho thấy cô là người uống quá nhiều rượu bia. Ngoài ra cũng đã nhiều lần ăn cắp vặt, bị đuổi việc vì làm việc không cẩn thận.

Người đàn ông bị khởi tố lại rất khác cô gái trên nhiều phương diện. Anh ta làm môi giới bất động sản chuyên về các cửa hàng buôn bán, có danh tiếng tốt, chưa lập gia đình và có thu nhập cao. Anh ta chưa có tiền án. Nhưng Birgitta Roslin có cảm giác đã nhìn thấu anh ta trong bộ com lê đắt tiền được là ủi cẩn thận. Với bà, không có gì phải nghi ngờ: anh ta đã hiếp dâm cô gái khi cô ngủ thiếp đi trên tràng kỷ. Xét nghiệm ADN đã đưa ra bằng chứng anh ta có quan hệ tình dục với cô gái. Nhưng anh ta phủ nhận việc lạm dụng và mọi hình thức bạo lực. Cô gái đã đồng ý. Không những anh ta mà cả luật sư bào chữa cũng nói như vậy. Birgitta Roslin biết viên luật sư đến từ Malmö này qua các vụ trước đây. Ông ta có thể dùng những lý lẽ trơ trẽn nhất để bào chữa cho thân chủ của mình. Toàn bộ sự việc này như rơi vào ngõ cụt. Lời khai đối lại lời khai, một người môi giới bất động sản có uy tín chống lại một cô thu ngân nghiện rượu đúng là đã cho anh ta vào nhà mình giữa đêm khuya.

Bà phẫn nộ vì không thể buộc tội được anh ta. Bà cố bám vào nguyên tắc cơ bản là tuyên bố trắng án tốt hơn là kết án trong các trường hợp người ta không biết phải quyết định như thế nào cũng vô ích, bà không thể nào ngăn được ý nghĩ rằng trong vụ này, một kẻ mắc tội lạm dụng tồi tệ nhất đối với người khác sẽ được thoát tội. Bà không

thể bầu víu vào điều luật nào, không có khả năng diễn giải cáo trạng của công tố viên theo cách nào khác: người đàn ông phải được trắng án.

Liệu trong trường hợp này, ông thẩm phán Anker thông minh có thể làm được gì? Ông có thể cho bà một lời khuyên như thế nào? Chắc chắn ông ấy cũng sẽ chia sẻ quan điểm của mình, bà thầm nghĩ. Một kẻ có tội sẽ được tuyên bố trắng án. Chắc chắn ông già Anker cũng sẽ phần nộ như mình thôi. Và ông cũng sẽ im lặng như mình. Đó chính là sự hành hạ, giày vò của người thẩm phán, rằng chúng tôi phải tuân thủ pháp luật và miễn cưỡng không trừng phạt một kẻ có tội và thả hãn ra. Còn cô gái, không hẳn đã là một con chiên vô tội, sẽ phải sống trong sự bất công ưu phiền.

Bà đứng dậy đến nằm trên chiếc sofa trong phòng làm việc của mình. Bà đã mua nó bằng tiền riêng thay cho chiếc ghế bành không tiện lợi, nhưng thuộc trang bị tiêu chuẩn của tòa án. Ông thẩm phán già đã dạy cho bà một mẹo: cầm trong tay chùm chìa khóa rồi nhắm mắt lại. Khi chùm chìa khóa tuột khỏi tay rơi xuống sàn nhà là đã đến lúc phải thức dậy. Bà cần phải nằm nghỉ ngơi một lúc. Rồi sau đó sẽ viết cho xong bản án, trở về nhà và ngày hôm sau sẽ viết lại nó thật sạch sẽ. Bà đã xem rất kỹ hồ sơ và không thể là một bản án nào khác ngoài lời tuyên bố trắng án.

Bà chìm vào giấc ngủ và mơ thấy người cha mà bà không có lấy một kỷ niệm nào về ông. Ông là thợ máy tàu thủy. Trong một trận bão lớn giữa tháng Giêng năm 1949, chiếc tàu thủy chạy bằng động cơ hơi nước *Runskär* đã bị đánh chìm trong vịnh Gavle cùng với toàn bộ thủy thủ đoàn. Xác của ông không được tìm thấy. Birgitta Roslin còn chưa ra đời khi xảy ra sự kiện đắm tàu ấy. Hình ảnh về người cha mà bà có được là nhờ những tấm ảnh. Nhất là tấm chụp người cha với mái tóc rối bù vì gió, ống tay áo xắn cao, đứng bên cạnh lan can tàu. Ông đang cười với ai đó trên bến tàu, có lẽ là với người thủy thủ chụp tấm ảnh này cho ông. Mẹ của bà kể cho bà nghe như vậy. Nhưng Birgitta

Roslin lại luôn tưởng tượng rằng mình chính là người mà bố nhìn, mặc dù bức ảnh này được chụp trước khi bà được sinh ra. Người cha thường trở về trong những giấc mơ của bà. Lúc này ông lại mỉm cười với bà giống như trong tấm ảnh, rồi lại biến mất như thể bị một lớp sương mù xô tới làm cho ông trở nên vô hình.

Bà giật mình thức giấc. Ngay lập tức, bà biết là mình đã ngủ quên. Cái mẻo cầm chùm chìa khóa trong tay không có tác dụng. Nó đã rơi xuống nền nhà mà bà không biết. Bà ngồi dậy, nhìn đồng hồ. Lúc này đã hơn sáu giờ sáng. Như vậy là bà đã ngủ được hơn năm tiếng đồng hồ. Mình kiệt sức mất rồi, bà nghĩ. Mình ngủ quá ít, như nhiều người khác. Mình đã dành quá nhiều thời gian sống cho những lo lắng. Vào lúc này, chủ yếu vẫn là bản án bất công làm cho mình bực bội và nản lòng.

Birgitta Roslin gọi điện thoại cho chồng. Chắc ông cũng đã tự hỏi đêm qua vợ mình ăn náu ở đâu. Thực ra việc này cũng không hoàn toàn bất bình thường. Bà thường ngủ lại trên chiếc sofa trong phòng làm việc của mình vào những lần cãi nhau. Nhưng ngày hôm qua họ đâu có cãi nhau.

Chuông điện thoại vừa reo tiếng đầu tiên, ông đã nhắc ống nghe lên.

– Em đang ở đâu vậy?

– Em ngủ thiếp đi trong phòng làm việc.

– Liệu có cần thiết phải làm việc suốt đêm không?

– Em đang phải đánh vật với một bản án phức tạp.

– Anh đoán em phải tuyên trắng án cho người đàn ông đó?

– Khó khăn chính là ở chỗ đó.

– Em hãy về nhà ngủ tiếp đi. Bây giờ anh phải đi. Anh đang vội.

– Khi nào thì anh về?

– Khoảng chín giờ. Nếu như không bị hoãn chuyển. Ở Halland tuyết đang rơi.

Bà gác ống nghe và bỗng nhiên mãn nguyện bởi tình cảm trù mến dành cho chồng. Họ gặp nhau khi còn rất trẻ ở Lund trong những năm học đại học luật. Staffan học trước bà một năm. Lần đầu tiên họ gặp nhau là tại buổi liên hoan của một người bạn chung của cả hai. Sau đó thì Birgitta không thể tưởng tượng được cuộc sống với một người đàn ông khác nào nữa. Bà đã bị đôi mắt của ông, thân hình của ông, hai bàn tay lớn của ông và cái kiêu đồ mặt bất lực của ông quy phục.

Staffan trở thành luật sư. Nhưng vào một ngày ông trở về nhà và nói mình không thể tiếp tục làm luật sư được nữa và muốn bắt đầu một cuộc sống khác. Bà đã không được báo trước và đã phản ứng một cách không thông cảm, vì ông chưa một lần bóng gió cho bà biết rằng hằng ngày ông phải đến văn phòng luật sư ở Malmö với bước chân nặng nề. Một ngày sau đó bà ngạc nhiên thấy ông bắt đầu học nghề mới để trở thành người soát vé tàu và rồi một hôm, đứng trước bà ở phòng khách trong bộ quần áo đồng phục xanh, đỏ, ông tuyên bố bắt đầu từ hôm nay, vào lúc mười hai giờ mười chín phút sẽ đi theo đoàn tàu 212 từ Malmö qua Alvesta và Växjö đến Kalmar.

Không bao lâu sau, ông hoàn toàn trở thành một con người vui vẻ. Khi ông bỏ nghề luật sư, họ đã có bốn đứa con, một trai, một gái, và sau cùng là cặp song sinh, hai cô con gái. Những đứa trẻ được sinh ra rất sát nhau, bà chỉ có thể nghĩ về khoảng thời gian ấy với nỗi kinh ngạc lớn lao. Làm sao họ có thể làm được những điều đó? Bốn đứa con trong vòng sáu năm. Khi bà nhận được vị trí thẩm phán, cả gia đình chuyển từ Malmö về Helsingborg.

Những năm qua, các con của họ đã lớn. Hai cô gái song sinh năm ngoái đã chuyển khỏi nhà, ở chung với nhau trong một căn hộ. Điều làm cho bà vui là chúng không học ngành luật như bà, sẽ không trở thành những luật gia. Siv, ra đời trước Louise mười chín phút đồng hồ, sau một thời gian suy nghĩ rất dài đã quyết định theo học ngành thú y. Louise, khác với chị gái ở tính khí sôi nổi, xông xáo trong cuộc sống, quyết định đi bán hàng cho một cửa hàng quần áo đàn ông rồi sau đó

mới bắt đầu theo học ngành khoa học chính trị và lịch sử tôn giáo. Birgitta Roslin đã nhiều lần ướm hỏi con gái xem cô định làm gì. Nhưng Louise, là đứa kín đáo nhất trong bốn đứa con của bà, chẳng bao giờ nói cho bà biết về dự định của cô. Birgitta Roslin cảm thấy Louise là cô bé giống mình nhất. Đứa con đầu của bà, David, làm việc cho một công ty dược phẩm lớn, thì gần như lại rất giống cha trên mọi phương diện. Anna, đứa con thứ hai của bà là một mối lo lắng của cha mẹ khi luôn tham gia những chuyến đi dài ngày ở châu Á mà họ không biết thực ra là cô làm gì.

Gia đình của mình, bà thầm nghĩ. Lo lắng lớn và niềm vui lớn. Không có gia đình, hẳn cuộc đời mình chẳng còn ý nghĩa gì.

Trong hành lang trước phòng làm việc của bà có treo một tấm gương. Bà quan sát gương mặt và thân hình mình. Mái tóc cắt ngắn của bà ở hai bên thái dương đã có những sợi bạc. Thói quen xấu luôn mím chặt hai môi tạo ra cho bà một vẻ không mấy cởi mở. Nhưng điều làm cho bà khổ sở, đó là trong mấy năm qua bà đã tăng cân. Ba cân, bốn cân, không nhiều hơn. Nhưng cũng đủ để người ta nhận ra.

Điều bà nhìn thấy làm cho bà không vừa lòng. Nhìn chung bà là một phụ nữ hấp dẫn nhưng giờ đây bà đang bắt đầu mất đi vẻ rạng rỡ của mình. Và bà không chống lại.

Bà để lại trên bàn nữ thư ký của mình lời nhắn hôm nay sẽ đến muộn. Trời đã ấm lên, tuyết bắt đầu tan. Bà đi đến chỗ xe của mình đậu trên phố ngang.

Nhưng bỗng nhiên bà quyết định khác. Giờ bà không còn cần ngủ. Quan trọng hơn là để đầu óc được sáng khoái và nghĩ đến một việc khác. Birgitta Roslin quay người đi xuống phía bến tàu. Trời không gió. Đám mây của ngày hôm qua đã tan đi. Bà đi xuống bến phà chạy sang Helsingborg. Chuyến phà sang bờ bên kia chỉ kéo dài ít phút, nhưng bà muốn được ngồi lại trên mạn phà uống một tách cà phê hoặc một cốc rượu nho, quan sát những người cùng đi đang xem lại những túi xách đầy rượu mà họ đã mua ở Đan Mạch. Bà ngồi xuống bên



chiếc bàn kê ở góc phà. Mặt bàn dính bẩn, bỗng nhiên bà thấy bực mình, gọi cô gái phục vụ lại phía mình. Cô ta đang dọn dẹp các bàn ở trên phà.

– Thật không thể chấp nhận được. Chiếc bàn tuy đã được dọn, nhưng không được lau sạch. Nó vẫn còn nhớp nháp quá.

Cô gái nhún vai rồi dùng khăn lau mặt bàn. Birgitta Roslin kinh tởm nhìn khăn lau bàn. Nhưng bà không nói thêm gì nữa. Cô phục vụ này có gì đó làm cho bà nhớ tới người phụ nữ trẻ bị hiếp dâm. Nhưng vì sao thì bà lại không biết. Có lẽ vì cái vẻ dửng dưng, thiếu ý thức hoàn thành tốt công việc ở cô ta. Hoặc có gì đó như là vẻ dễ bị tổn thương mà Birgitta Roslin không thể diễn tả được?

Chiếc phà bắt đầu rung lên bần bật. Nó đem đến cho bà một cảm giác khoan khoái, thậm chí có thể là thích thú. Bà nhớ tới chuyến ra nước ngoài đầu tiên của mình. Ngày đó bà mới mười chín tuổi. Cùng đi chung với một bạn nữ sang Anh tham dự một khóa học ngoại ngữ. Chuyến đi cũng bắt đầu bằng việc đi phà, từ Göteborg đến Harwich. Birgitta Roslin không bao giờ quên được cảm giác được giải phóng khi đứng trên boong tàu trên đường đến với một nơi xa lạ.

Lúc này bà lại nhận thấy cảm giác tự do tương tự khi lại được ngồi trên chuyến phà chạy qua lại từ Thụy Điển sang Đan Mạch trên eo biển nhỏ hẹp này. Ý nghĩ về một bản án khó chịu đã lùi lại phía sau.

Mình thậm chí không còn ở đỉnh dốc cuộc đời nữa, bà nghĩ. Mình đã đi qua cái điểm người ta vẫn vượt qua nó mà không hề hay biết. Không còn nhiều quyết định quan trọng cần phải đưa ra cho cuộc đời mình nữa. Mình sẽ làm thăm phán cho tới ngày hồi hưu. Có thể mình sẽ có cháu có chắt trước khi tất cả kết thúc.

Tuy nhiên bà biết rằng cái cảm giác bất an luôn quấy rầy bà đến từ chính cuộc hôn nhân của bà với Staffan, cảm giác cuộc hôn nhân đang héo tàn dần. Họ là những người bạn tốt của nhau, sát cánh bên nhau khi cần thiết. Nhưng còn tình yêu, niềm khát khao nhục dục được gần gũi nhau, đã hoàn toàn biến mất.

Còn bốn ngày nữa là tròn một năm kể từ lần cuối hai người làm tình với nhau trước khi chìm vào giấc ngủ. Ngày đó càng đến gần, bà lại càng cảm thấy bất lực. Và ngày đó không còn lâu nữa sẽ đến. Hết lần này đến lần khác bà cố tìm cách nói với Staffan về nỗi cô đơn mà bà cảm thấy. Nhưng Staffan không sẵn sàng nói chuyện, ông lẩn tránh, trì hoãn cuộc trò chuyện mà tất nhiên ông biết là cần thiết. Ông cam đoan không một người đàn bà nào khác hấp dẫn, mà chỉ vì thiếu đi niềm hứng thú, nhưng chắc chắn sẽ sớm tìm lại được nó. Chỉ cần bà kiên nhẫn.

Bà thấy buồn vì đã mất đi sự thân mật ấy với chồng mình một nhân viên hỏa xa thanh lịch, với hai bàn tay to và khuôn mặt dễ ửng đỏ. Nhưng bà không có ý định từ bỏ cuộc chơi, để cho cuộc hôn nhân của mình biến thành một mối quan hệ bằng hữu thuần túy.

Bà gọi thêm một tách cà phê nữa và chuyển sang ngồi ở bàn khác sạch hơn. Một số thanh niên, tuy còn sớm, đã ngà ngà say, đang tranh luận với nhau về chuyện Hamlet hay Macbeth là tù nhân bị giam trong lâu đài Kronborg gần Helsingborg. Bà thích thú theo dõi câu chuyện của họ và cảm thấy muốn được tham gia.

Có hai cậu bé chừng mười bốn, mười lăm tuổi ngồi bên chiếc bàn góc. Hình như chúng trốn học. Tại sao chúng lại không làm thế khi hình như chẳng có ai chê bai, chỉ trích gì việc đó? Bà cũng không một chút buồn nhớ hệ thống giáo dục độc đoán mà bà đã trải qua. Đồng thời bà nhớ lại một việc xảy ra vào năm ngoái. Sự việc đó đã làm cho bà phải hoài nghi về hệ thống pháp luật của Thụy Điển và dẫn bà đến với nhu cầu mãnh liệt hơn bao giờ hết: được tranh luận với ông Anker, cố vấn của bà, đã qua đời cách đây ba mươi năm.

Trong một khu cư dân ở ngoại thành Helsingborg, có một bà lão gần tám mươi tuổi bị mắc bệnh tim ngã trên vỉa hè. Hai thằng bé, một đứa mười ba tuổi, một đứa mười bốn tuổi, đi qua. Thay vì giúp bà lão, chúng đã không do dự, trước tiên lấy chiếc ví đựng tiền trong túi xách tay, sau đó chúng tìm cách hãm hiếp bà. Giá như không có người đàn

ông dắt chó xua đuổi, thì rất có thể đã xảy ra một vụ cưỡng dâm. Sau đó cảnh sát đã tóm được hai thằng bé đó. Nhưng vì chúng còn là vị thành niên nên đã được thả ra.

Birgitta Roslin nghe vụ này qua một công tố viên được một cảnh sát kể lại. Bà rất phẫn nộ và tìm cách để biết vì sao ở sở xã hội lại không có báo cáo. Không bao lâu bà được biết mỗi năm có hàng trăm trẻ em phạm tội mà không bị truy tố hình sự. Không một ai trao đổi với bố mẹ chúng, các sở xã hội không được báo cáo. Tội mà chúng gây ra không chỉ là những vụ ăn cắp đơn giản mà còn là những vụ trấn lột, đánh người gây thương tích, rất may mà không gây ra án mạng.

Điều này, như đã nói, khiến bà nghi ngờ toàn bộ hệ thống pháp luật của Thụy Điển. Thực ra hệ thống pháp luật này phục vụ cho ai? Cho công lý hay cho sự thờ ơ? Và hậu quả sẽ ra sao, một khi cứ để mặc ngày càng có thêm nhiều trẻ em gây án mà không có ai phản ứng? Vấn đề còn có thể tiến xa đến đâu khi hệ thống dân chủ bị đe dọa, bị tổn hại bởi một hệ thống pháp luật lỏng lẻo?

Bà uống cạn cốc cà phê và nghĩ mình còn phải làm việc mười năm nữa. Liệu bà có thể chịu đựng được tới cùng? Người ta còn có thể là một thẩm phán công minh khi đã bắt đầu hoài nghi sự vận hành của chính Nhà nước pháp quyền?

Bà không biết điều này. Để rũ bỏ những suy nghĩ này, bà đi thêm một lần nữa qua eo biển. Lúc bà lên khỏi phà bên bờ Thụy Điển đã là chín giờ. Bà băng qua đường phố chính rộng rãi chạy dọc giữa Helsingborg. Lúc rẽ vào góc phố, bà lơ đãng liếc qua mảng sét của các báo buổi chiều đang được một người đàn ông dán lên cột báo. Bà dừng khựng lại trước những dòng tít lớn: “Vụ tàn sát ở Hälsingland”, “Tội ác khủng khiếp”, “Cảnh sát không tìm ra dấu vết”, “Không ai biết có bao nhiêu người chết”.

Bà tiếp tục đi đến chỗ đỗ xe. Bà hiếm khi mua các báo buổi chiều. Bà thấy những tít bài mơ hồ và đầy tính chèo kéo thường tìm cách công kích hệ thống luật pháp của Thụy Điển trên những tờ báo này

thật gây phiền nhiễu và đôi khi thậm chí còn sỗ sàng. Ngay cả khi bản thân cũng tán thành một vài điểm nhưng bà không thích mấy tờ báo buổi chiều này. Bà thấy rằng những nhà báo ấy đã hoàn toàn quên mất óc phê phán, cho dù có thể ý định thì tốt.

Birgitta Roslin sống trong khu đô thị ở Kjellstorp, ở cửa ô phía Bắc thành phố. Bà dừng xe bên một cửa hàng. Chủ cửa hàng là một người Pakistan nhập cư, luôn chào bà với một tiếng cười vui vẻ. Ông ta biết bà là thẩm phán nên tỏ ra rất kính trọng bà. Bà không dám chắc liệu phụ nữ ở Pakistan nói chung có thể trở thành thẩm phán được không. Nhưng bà chưa bao giờ hỏi ông ta điều đó.

Về đến nhà, bà chui vào bồn tắm và sau đó leo lên giường. Bà thức dậy vào lúc một giờ chiều và cảm thấy cuối cùng đã ngủ được đầy giấc. Sau khi đã ăn xong mấy lát bánh mì và uống hết tách cà phê, bà trở lại với công việc. Vài tiếng đồng hồ sau bà đã soạn thảo xong bản án trên máy tính: người đàn ông có tội được trắng án, rồi để nó lên bàn của nữ thư ký, có vẻ như cô thư ký đang tham dự một lớp tập sự nào đó. Rõ ràng trong khu nhà tòa án này đang diễn ra một khóa nâng cao nghiệp vụ mà bà không được thông báo hoặc - có lẽ đúng hơn - bà đã hoàn toàn quên bẵng. Lúc trở về nhà, bà hâm nóng lại món ragu gà của ngày hôm trước. Bà để phần còn lại vào tủ lạnh cho Staffan.

Bà ngồi xuống ghế sofa với một tách cà phê, bật vô tuyến xem mục Teletext. Lúc này bà lại nhớ tới những tí báo đã nhìn thấy sáng nay. Cảnh sát chưa tìm được hướng điều tra cụ thể nào, không muốn nêu số người bị giết, tên tuổi của họ vì chưa thông báo được cho người thân của họ.

Một kẻ điên, bà thầm nghĩ. Một là hấn mắ chứng cuồng ám, hoặc cho rằng mình đã bị đối xử tồi tệ.

Kinh nghiệm nhiều năm làm thẩm phán đã dạy cho bà biết rằng có rất nhiều dạng điên rồ đẩy con người đến chỗ phạm vào những tội ác kinh tởm. Nhưng bà cũng biết rằng các bác sĩ tâm thần ở tòa án không

phải lúc nào cũng có khả năng nhìn thấu được những kẻ giả mang bệnh để được giảm án.

Bà tắt vô tuyến và đi xuống hầm, nơi có một kho chứa các loại rượu vang. Bà có nhiều catalog đặt hàng của các công ty nhập khẩu rượu nho khác nhau. Mỗi cách đây một vài năm bà mới nhận ra rằng việc các con ra ở riêng đã giúp cho tình trạng tài chính của hai vợ chồng bà khá hơn. Bây giờ bà cho rằng mình đã có thể mua sắm được món này món khác đặc biệt một chút. Và bà đã quyết định mỗi tháng đặt mua một vài chai vang đỏ. Bà thích nghiên cứu kỹ lưỡng những lời chào hàng của các nhà nhập khẩu rượu vang và dò xét trước giá cả. Phải trả đến gần năm trăm krona chỉ để mua một chai vang, với bà điều này giống như một kiểu thú vui bị cấm đoán. Bà đã hai lần lôi kéo được Staffan cùng đi Ý thăm những cánh đồng nho với mình. Nhưng bà đã thất bại khi muốn làm cho ông hứng thú với rượu vang hơn mức bình thường. Đối lại, bà đã cùng đi với ông đến dự các buổi hòa tấu nhạc Jazz ở Copenhagen, mặc dù đó không phải loại nhạc bà yêu thích.

Hầm nhà lạnh. Bà kiểm tra để nhiệt độ ở mức mười bốn độ rồi ngồi lên chiếc ghế đẩu nằm giữa các giá để rượu. Ở đây, giữa những chai rượu bà cảm thấy vô cùng tĩnh tại. Nếu như phải lựa chọn giữa một bồn nước nóng và một hầm rượu, chắc chắn bà sẽ chọn căn hầm, nơi lúc này đã có tới 114 chai rượu trên giá.

Ngày bà còn trẻ, nếu ai đó bảo với bà rằng đến một ngày nào đó bà sẽ sưu tầm rượu vang, chắc chắn bà sẽ không tin. Bà không những phủ nhận khả năng này mà thậm chí còn phẫn nộ nữa. Trong thời gian học đại học ở Lund, bà cảm thấy gắn bó với nhóm cánh tả cấp tiến, vào cuối những năm 1960 họ không những chỉ đặt ra câu hỏi về vấn đề giáo dục đại học mà cả về vấn đề xã hội nữa. Ngày đó, có lẽ bà sẽ cho rằng sưu tầm rượu vang là một sự lãng phí thời gian và sức lực, một trò tư sản, một thú tiêu khiển thời gian vô luân.

Bà đang chìm đắm trong dòng suy nghĩ thì nghe có tiếng bước chân của Staffan ở bên trên. Bà vội cất cuốn catalog, bước lên cầu thang để

lên tầng. Chồng bà đang mở tủ lạnh lấy ra món ragu gà. Trên bàn là mấy tờ báo buổi chiều mà ông đem từ tàu hỏa về.

– Em đã đọc chưa?

– Vụ xảy ra ở Hälsingland phải không?

– Mười chín người chết.

– Trên ti vi không nói đến số lượng người chết.

– Đây là số báo ra muộn. Chúng đã giết gần như tất cả mọi người trong một ngôi làng. Thật không thể tưởng tượng nổi. Còn bản án của em thế nào rồi?

– Nó đã được viết xong. Trễ án. Không thể khác được.

– Báo chí rồi lại xôn xao.

– Tốt thôi.

– Họ sẽ phê phán em.

– Chắc chắn. Nhưng khi đó em có thể yêu cầu đám nhà báo xem lại luật, rồi sau đó hỏi họ liệu họ có muốn ở đất nước này sẽ chuyển sang áp dụng kiểu luật do đám đông quyết định không thông qua tòa án hay không.

– Vụ thẩm sát này sẽ thu hút sự quan tâm của họ và họ sẽ bỏ qua bản án của em.

– Đương nhiên. Vụ hiếp dâm tầm thường này so với vụ thẩm sát thì ăn nhằm gì.

Đêm nay họ đi ngủ sớm. Ngày mai ông có ca sớm, còn bà thấy chương trình truyền hình hoàn toàn chẳng có gì đáng quan tâm. Bà cũng đã quyết định mua loại rượu nho nào. Một thùng Barolo Arione 2002, giá 252 krona một chai.

Bà choàng tỉnh giấc lúc nửa đêm. Staffan vẫn ngủ say bên cạnh bà. Đôi khi bà bị cảm giác đói bụng bất ngờ đánh thức dậy.

Bà đi xuống dưới bếp, pha một cốc trà đen và làm một vài lát bánh mì quết bơ.

Mấy tờ báo buổi chiều còn nằm trên bàn ăn. Bà lơ đãng lật các trang báo. Dù bà không có thói quen mua báo, nhưng lại đọc chúng, nếu như tiện tay. Thật khó mà hình dung được rõ ràng những gì đã xảy ra ở Hälsingland. Nhưng với số lượng nạn nhân như vậy thì đúng là một cuộc thảm sát dã man.

Bà giật mình khi vừa định gấp tờ báo lại. Trong số các nạn nhân có nhiều người mang họ Andrén. Bà đọc kỹ bài báo lại một lần nữa, rồi lại giở các tờ báo buổi chiều khác. Ở trong đó cũng tương tự như vậy.

Birgitta Roslin trân trân nhìn vào trang báo. Lẽ nào đây lại là sự thật? Hay là bà không nhớ kỹ? Bà đi sang phòng làm việc, lấy từ trong ngăn kéo ra một chồng tài liệu được cột chặt bằng một dải lụa đỏ. Bà bật đèn bàn và mở cặp tài liệu ra. Bà không tìm thấy kính của mình nên phải dùng tạm kính của Staffan. Tuy không rõ bằng nhưng bà vẫn có thể đọc được.

Trong cặp này bao gồm tất cả những giấy tờ có liên quan đến cha mẹ bà mà bà đã thu thập được. Mẹ của bà qua đời cũng đã hơn mười lăm năm nay, bị ung thư lá lách và qua đời sau ba tháng phát bệnh.

Cuối cùng Birgitta Roslin cũng tìm thấy tấm ảnh mình cần trong chiếc phong bì màu nâu. Bà cầm kính lúp soi kỹ vào bức ảnh chụp một vài người ăn mặc quần áo kiểu cổ đứng trước một ngôi nhà.

Bà cầm theo tấm ảnh đi sang phòng bếp. Trong một tờ báo có in bức ảnh chụp toàn cảnh ngôi làng nơi xảy ra thảm kịch. Bà chú ý quan sát tấm ảnh qua kính lúp. Bà dừng lại ở ngôi nhà thứ ba và bắt đầu so sánh hai tấm ảnh với nhau.

Cuối cùng bà tin rằng ký ức đã không lừa dối bà. Đó không phải là một ngôi làng chung chung nào đó bỗng nhiên bị cái ác bất thành linh tấn công. Đó chính là ngôi làng nơi mà mẹ bà đã lớn lên. Tất cả đều đúng. Tuy hồi còn bé mẹ bà mang họ Lööf, nhưng vì cha mẹ ruột của bà ấy đều suy nhược và nghiện rượu nên người ta đã đưa mẹ bà đến gia đình Andrén làm con nuôi. Mẹ ít khi kể về thời gian này. Mẹ được đối xử và chăm sóc tốt, nhưng lúc nào cũng nhớ đến cha mẹ ruột của

mình. Họ đã chết trước khi mẹ bước sang tuổi mười lăm. Vậy là mẹ ở lại trong ngôi làng đó cho tới lúc người ta cho rằng bà đã đủ lớn để tìm việc làm và tự đứng trên đôi chân của mình. Khi mẹ gặp cha của Birgitta, cái họ Lööf và Andrén đã biến mất. Vậy mà lúc này, một trong hai họ ấy đã quay trở lại với sức mạnh trọn vẹn của nó.

Tám ảnh lưu lại trong sổ giấy tờ của mẹ bà được chụp trước một ngôi nhà trong làng, nơi xảy ra vụ thảm sát. Mặt tiền ngôi nhà với khung cửa sổ có những họa tiết chạm khắc trang trí bằng gỗ trong bức ảnh cũ này hoàn toàn giống như bức ảnh được in trong báo.

Không còn nghi ngờ gì nữa. Trong ngôi nhà, nơi mẹ bà trải qua tuổi thơ của mình đã có những người bị giết chết cách đây một vài đêm. Liệu những người bị giết đó có phải là cha mẹ nuôi của mẹ bà hay không? Báo chí đã viết rằng nạn nhân phần lớn là người già.

Bà tính thử liệu có khả năng như vậy không, và đến với kết quả là cha mẹ nuôi của mẹ bà nếu còn sống đến bây giờ đã trên chín mươi tuổi. Như vậy có thể là đúng. Nhưng cũng có thể là thế hệ sau này.

Bà rùng mình với ý nghĩ này. Bà ít khi nghĩ đến cha mẹ mình. Thậm chí phải cố gắng lắm bà mới có thể hồi tưởng khuôn mặt của mẹ. Còn lúc này, quá khứ lại ùa về với bà.

Staffan đi vào bếp. Lúc nào ông cũng đi rất nhẹ nhàng.

– Anh làm em giật mình, bà nói, em không nghe thấy tiếng anh đến.

– Sao em lại thức dậy?

– Em đói bụng.

Ông nhìn vào đồng giấy tờ trên bàn. Càng kể cho ông nghe bao nhiêu về những gì mình nghĩ, bà lại càng tin rằng nó đúng là như thế.

– Tuy vậy nó cũng tương đối xa rồi, ông nói khi bà dừng kể. Nó là một sợi chỉ mỏng manh buộc em vào với ngôi làng này.

– Mỏng manh, nhưng đây ý nghĩa. Anh phải thừa nhận với em như vậy.



– Bây giờ em nên đi ngủ. Hãy nghĩ rằng ngày mai em cần phải tỉnh táo, nếu như muốn tống những kẻ phạm tội vào tù.

Bà còn nằm thức rất lâu, sợi chỉ mỏng manh cứ kéo dài ra cho tới khi có nguy cơ bị đứt. Bà lại giật mình trong lúc nửa ngủ nửa thức và nghĩ đến mẹ mình. Mẹ bà mất cách đây hơn mười lăm năm, nhưng bà vẫn rất khó khăn mới tự nhìn thấy mình trong mẹ, mới vun đắp được những ký ức mình có về mẹ.

Cuối cùng bà cũng ngủ thiếp đi và chỉ thức dậy khi Staffan với mái tóc còn ướt đứng bên giường và mặc quần áo đồng phục. “Anh là ông tướng của em,” ông thường hay nói với bà như vậy. Trong tay không có súng, mà chỉ có chiếc bút chì dùng để viết thông báo vi phạm.

Bà vẫn giả đò ngủ và chờ cho tới khi nghe thấy tiếng cánh cửa sập lại. Rồi bà đứng dậy, ngồi vào bên máy tính trong phòng làm việc. Bà tìm thông tin trên các trang web khác nhau. Sự việc xảy ra ở Hälsingland xem ra vẫn tiếp tục khó hiểu. Điều rõ ràng duy nhất mà người ta được biết là hung khí rất có thể là một con dao to hoặc một thanh kiếm.

Mình cần phải biết nhiều hơn về sự việc này, bà nghĩ. Ít ra cũng phải biết được liệu trong số người bị giết chết đó có bố mẹ nuôi của mẹ mình không.

Đến tám giờ, bà không nghĩ đến vụ thảm sát nữa. Ngày hôm nay bà phải xử vụ hai người Iran đưa người vượt biên trái phép.

Mười giờ, bà sắp xếp mọi giấy tờ của mình, lật giở các trang trong hồ sơ điều tra sơ bộ, và ngồi vào ghế thẩm phán. Hãy giúp tôi lúc này, ông bạn già Anker, để tôi vượt qua được ngày hôm nay, bà thầm nghĩ.

Rồi bà gõ nhẹ chiếc búa lên mặt bàn và yêu cầu công tố viên đọc cáo trạng.

Phía sau bà là những khung cửa sổ cao. Trước khi ngồi xuống, bà nhìn thấy mặt trời đang xuyên qua những đám mây nặng nề đêm qua đã kéo qua bầu trời Thụy Điển.

## 6

Hai ngày sau, khi kết thúc phiên tòa, Birgitta Roslin đã biết bản án sẽ như thế nào. Abdul Ibn-Yamed, người đàn ông lớn tuổi hơn, đứng đầu đường dây đưa người, sẽ lãnh án ba năm hai tháng tù. Người đàn ông ít tuổi hơn, Yassir al-Habi, bị tuyên án một năm tù. Cả hai sau khi thụ án xong sẽ bị trục xuất.

Bà so sánh những bản án trước đây trong các trường hợp tương tự và không thể đi đến cách đánh giá nào khác: đây là một tội nghiêm trọng. Áp dụng hình phạt nghiêm khắc là đúng đắn. Nhiều người được đưa vào Thụy Điển bị đe dọa, bị ngược đãi nếu như họ không trả khoản tiền làm giấy tờ nhập cảnh giả và các chi phí khác cho chuyến đi. Birgitta cảm thấy ghê tởm đối với bị cáo lớn tuổi hơn. Bằng những lý lẽ giàu tình cảm ông ta van xin bà và công tố viên rồi quả quyết rằng không bao giờ giữ riêng cho mình một đồng nào trong số tiền của những người lánh nạn, mà chỉ quyên góp số tiền đó cho các mục đích từ thiện ở quê hương mình. Trong lúc nghỉ giải lao giữa phiên xử, công tố viên đã đến uống cà phê trong phòng của bà. Ông ta như tiệt mồm nhắc đến việc đã nhìn thấy Abdul Ibn-Yamed phóng lung tung khắp mọi nơi với chiếc xe Mercedes gần một triệu krona.

Thủ tục kiện tụng trong tòa án rất căng thẳng và mệt nhọc. Ngày như kéo dài, bà hầu như chẳng còn có thể làm được việc gì khác ngoài ăn, ngủ, nghiên cứu ghi chép của mình, trước khi lại phải ngồi lên chiếc ghế thẩm phán. Hai đứa con gái sinh đôi của bà gọi điện bảo bà đến Lund với chúng nó, nhưng bà đâu có thời gian. Sau vụ những kẻ đưa lậu người, lại một mớ bòng bong hầu như không gỡ ra được đang chờ bà - đó là máy tay lừa đảo thẻ tín dụng người Rumani.

Vào lúc này bà không còn có thể tiếp tục theo dõi được những gì đang diễn ra ở Hälsingland nữa. Sáng sáng bà giờ qua các tờ báo, buổi

tối thì đã quá mệt mỏi, đến mức không còn có thể xem chương trình thời sự trên ti vi được nữa.

Vào buổi sáng, giữa lúc chuẩn bị cho phiên xử mấy tay lừa đảo người Rumani, bà phát hiện trong lịch làm việc của mình có ghi hẹn thăm khám ở chỗ bác sĩ gia đình. Đây là cuộc kiểm tra sức khỏe định kỳ hằng năm. Bà nghĩ không biết có nên lui hẹn này lại hai tuần nữa hay không. Ngoài việc thấy mệt mỏi, thiếu tập trung trong công việc và đôi khi cảm thấy hoang mang lo sợ, bà không nghĩ rằng mình bị bệnh. Bà vẫn sinh hoạt đều đặn, không hề bị cảm lạnh. Nhưng bà quyết định không gọi điện xin hoãn lại, mà giữ đúng hẹn khám.

Phòng mạch nằm không xa nhà hát thành phố. Bà không dùng xe mà đi bộ đến đó. Trời không có gió, lạnh và trong veo. Đợt tuyết rơi mấy ngày trước đến nay đã bắt đầu tan. Bà dừng lại trước một tủ kính bày hàng, ngắm nhìn bộ trang phục phụ nữ. Cái giá của nó làm bà giật mình. Với số tiền đó bà có thể mua được mấy chai rượu nho loại ngon.

Trên trang nhất tờ báo để trên bàn trong phòng chờ có đăng tin mới về vụ thảm sát ở Hälsingland. Bà chưa kịp đọc đã được gọi vào phòng khám. Bác sĩ là một người đàn ông đã nhiều tuổi làm cho bà nhớ đến những nét ở ông thẩm phán vừa là sếp vừa là đồng nghiệp trước đây của bà. Bà đến khám bệnh ở chỗ ông đã được hơn mười năm nay qua một đồng nghiệp giới thiệu. Ông hỏi bà thấy trong người thế nào, có được khỏe không, có hay bị đau thắt cơ không, và sau khi nghe bà trả lời, ông bảo bà sang phòng cô y tá để lấy mẫu máu. Xong việc bà trở lại phòng chờ. Tờ báo vừa rồi đã có một bệnh nhân mới đến đang cầm đọc. Birgitta Roslin nhắm mắt lại chờ đợi. Bà nghĩ đến gia đình mình, cố gắng hình dung xem mỗi người đang làm gì vào lúc này, hoặc ít ra thì cũng đang ở đâu. Staffan đang có mặt trên con tàu chạy về Hallsberg. Ông ấy sẽ về nhà muộn. David đang làm việc trong phòng thí nghiệm ở AstraZeneca gần Göteborg. Còn Anna hiện đang có mặt ở đâu thì thật khó nói. Theo như lần cuối bà nhận được tin tức của con

gái đã cách đây vài tháng thì nó đang ở Nepal. Hai cô con gái song sinh thì đang ở Lund và mong muốn bà đến thăm chúng.

Bà thiu thiu ngủ thiếp đi và giật mình tỉnh dậy khi cô y tá giúp việc bác sĩ vỗ nhẹ lên vai bà.

– Bà có thể vào phòng của bác sĩ.

Mình đâu đã kiệt sức đến mức phải ngủ gật trong phòng đợi, Birgitta Roslin thầm nghĩ khi đi vào phòng bác sĩ rồi ngồi xuống ghế.

– Kết quả xét nghiệm máu của bà không hoàn toàn ổn, ông bác sĩ lên tiếng. Số lượng hồng cầu quá thấp. Chúng ta có thể tìm cách khắc phục nó bằng thuốc bổ sung sắt.

– Sau đó nghĩa là tôi sẽ không bị thiếu hồng cầu nữa? Và ngoài vấn đề này ra, tôi không sao chứ?

– Tính đến giờ, tôi đã theo dõi bà được nhiều năm. Trên khuôn mặt bà, người ta có thể nhận thấy rất rõ cảm giác mệt mỏi mà bà có nhắc đến, xin thứ lỗi vì tôi nói thẳng như vậy.

– Ông nói vậy nghĩa là thế nào?

– Huyết áp của bà quá cao. Có lẽ bà đã làm việc quá sức. Bà ngủ có ngon giấc không?

– Tôi nghĩ là có, nhưng thường hay bị thức giấc.

– Cảm giác chóng mặt?

– Không.

– Sợ sệt?

– Vâng.

– Thường xuyên?

– Đôi khi thậm chí tôi bị hoảng loạn. Lúc đó tôi phải tựa người vào tường, vì tôi nghĩ nếu không làm thế sẽ ngã mất. Hoặc có thể trái đất này sẽ sụp đổ.

– Tôi sẽ viết giấy nghỉ ốm cho bà. Bà cần phải được nghỉ ngơi. Các chỉ số của bà cần phải được tốt hơn, nhất là huyết áp phải được ổn định. Điều này chúng tôi cần phải kiểm tra kỹ hơn.

– Ông không thể viết giấy nghỉ ốm cho tôi được. Tôi còn quá nhiều việc phải làm.

– Chính vì lẽ đó đấy.

Bà nhìn ông dò hỏi:

– Nghiêm trọng đến thế sao?

– Đủ để phải điều trị.

– Tôi có cần phải lo ngại không?

– Nếu như bà không làm theo những gì tôi nói, thì có đấy. Trường hợp khác thì không.

Vài phút sau, Birgitta Roslin đã ở trên phố và ngạc nhiên nghĩ mình không được làm việc trong hai tuần tới. Ông bác sĩ đã khiến cuộc sống của bà bị xáo trộn theo cách đầy bất ngờ.

Bà đến nơi làm việc và nói chuyện với Hans Mattsson, cấp trên của mình. Họ cùng nhau tìm được một giải pháp, cách giải quyết với hai phiên tòa mà Birgitta Roslin phải tiến hành. Sau đó, bà nói chuyện với nữ thư ký của mình, gửi đi vài bức thư còn đang đợi, rồi bà đến hiệu thuốc và trở về nhà.

Bà ăn bữa trưa rồi sau đó ngồi xuống ghế sofa, lấy báo ra đọc. Đã hơn bốn ngày mà vẫn chưa thấy đăng tên của những người chết ở Hesjövalle. Một cảnh sát hình sự có tên là Sundberg lên tiếng kêu gọi cộng đồng cung cấp cho cảnh sát bằng chứng. Cho đến nay, người ta vẫn chưa có được những dấu vết cụ thể. Dù khó có thể tin được nhưng đến giờ người ta vẫn cho rằng không có nhiều thủ phạm tham gia vụ thảm sát này.

Ở một đoạn khác là ý kiến của một công tố viên tên là Robertsson. Cuộc điều tra được tiến hành trên diện rộng và khách quan. Cảnh sát Hudiksvall yêu cầu sự giúp đỡ của các cơ quan trung ương và đã nhận được sự hỗ trợ.

Robertsson gầy một ấn tượng chắc chắn: “Chúng tôi sẽ bắt được kẻ gây án. Chúng tôi không đầu hàng.”

Bài báo tiếp theo nói về nỗi sợ hãi đang lan rộng trong các khu rừng Hälsingland. Ở vùng này, có nhiều làng ít người sinh sống. Nghe nói mọi người ở đó đã sắm vũ khí, nuôi chó, lắp đặt thiết bị báo động và chặn cửa bằng chướng ngại vật.

Birgitta Roslin đặt tờ báo sang bên cạnh. Ngôi nhà trống trải, lặng im. Cảnh nhàn rỗi bất ngờ của bà như đến từ cõi hư vô. Bà đi xuống hầm lấy lên một cuốn catalog rượu vang. Bà đặt qua mạng một thùng Barolo Arione đã chọn. Thực ra đối với bà đây cũng là một khoản tiền lớn, nhưng bà muốn tự cho phép mình hưởng thụ một chút. Sau đó bà dự định dọn dẹp nhà cửa, việc mà bà hầu như không đủ thời gian để làm. Nhưng khi lấy máy hút bụi ra, bà lại nghĩ khác. Bà ngồi xuống bên bàn bếp suy nghĩ mình nên làm gì. Bà được nghỉ ốm mà lại không ốm thật. Bác sĩ đã kê đơn cho bà ba loại thuốc viên khác nhau để hạ huyết áp và cải thiện các chỉ số. Bà phải thừa nhận rằng bác sĩ đã thấy vấn đề của bà rõ hơn là bà dám tự thân nhìn nhận. Thực sự bà không còn cách xa hội chứng suy nhược trầm trọng là mấy. Việc ngủ không ngon giấc, cảm giác sợ hãi hoảng loạn đôi khi tấn công bà rất có thể sẽ có lần xuất hiện khi bà đang ngồi trên ghế thẩm phán: gây ra cho bà những vấn đề lớn hơn là những gì cho đến nay bà thừa nhận.

Birgitta Roslin nhìn mấy tờ báo nằm trên bàn và tiếp tục nghĩ đến mẹ và thời trẻ của bà ấy. Bỗng nhiên một ý nghĩ đến với bà. Bà kéo máy điện thoại về phía mình rồi gọi đến sở cảnh sát đề nghị cho nói máy nói chuyện với thanh tra Hugo Malmberg. Hai người quen biết nhau đã nhiều năm nay.

Birgitta Roslin nghe thấy giọng nói nhẹ nhàng của ông trong ống nghe. Một khi người ta hình dung ra cảnh sát thường gắt gỏng như thế nào thì thật sự Hugo Malmberg không phù hợp với sự chờ đợi. Ông giống như người đã về hưu, ngồi trên ghế băng cho chim ăn hơn là một cảnh sát.

Bà hỏi thăm sức khỏe của ông và muốn biết ông có thời gian gặp bà một chút hay không.

– Về vụ nào vậy?

– Chẳng vụ nào cả. Ít ra thì cũng không phải là vụ liên can đến chúng ta. Vấn đề chỉ ở chỗ, anh có thời gian không?

– Một cảnh sát nghiêm túc với nghề nghiệp và nói có thời gian thì có nghĩa là anh ta nói dối. Nhưng khi nào thì chị qua chỗ tôi được?

– Tôi sẽ đi bộ từ nhà đến chỗ anh. Khoảng một tiếng đồng hồ nữa.

– Tôi chờ chị.

Khi Birgitta Roslin bước vào phòng làm việc của Hugo Malmberg, thì cũng là lúc ông đang nói chuyện điện thoại. Ông ra hiệu cho bà ngồi. Bà nghe cuộc trao đổi của ông liên quan đến vụ đánh người gây thương tích xảy ra vào ngày hôm qua. Có thể vào một lúc nào đó vụ này sẽ “hạ cánh” ở chỗ mình cũng nên, bà thầm nghĩ. Chừng nào mình uống hết các viên sắt, huyết áp tụt xuống và mình lại có thể làm việc.

Cuộc điện thoại kết thúc. Hugo Malmberg vui vẻ cười với bà:

– Chị uống cà phê nhé?

– Tốt hơn là không.

– Chị nói thế là thế nào?

– Cà phê ở sở cảnh sát chỗ anh chắc cũng chẳng ngon nghề gì như ở chỗ chúng tôi.

Ông đứng dậy:

– Chúng ta sang bên phòng họp, ông nói. Ở đây, điện thoại réo không ngừng. Giống như mọi cảnh sát Thụy Điển khác, tôi cũng có cảm giác rằng chỉ có mình tôi là thực sự làm việc.

Hai người ngồi vào bên chiếc bàn bầu dục, trên đó còn ngổn ngang đủ loại cốc uống nước bằng giấy bồi và vỏ chai nhựa. Malmberg lắc đầu vẻ không tán thành.

– Mọi người không bao giờ thu dọn sạch sẽ khi họ rời khỏi phòng họp. Người ta ngồi trao đổi công việc, họp hành với nhau và sau đó thì bỏ lại tất cả mọi thứ không còn dùng đến nữa ở trên bàn. Nào, tôi có thể giúp gì chị đây?

Birgitta Roslin kể lại cho ông nghe về phát hiện của mình, rằng hình như có một mối liên hệ mờ mờ nào đó giữa bà với vụ thảm sát mới xảy ra.

– Tóm lại là tôi tò mò, bà nói. Qua báo chí và truyền hình, người ta chỉ được biết có nhiều người bị chết và cảnh sát chưa lần ra được dấu vết nào.

– Tôi phải thú nhận rằng tôi thấy mừng vì không phải làm nhiệm vụ ở đó. Sự kiện này thật khủng khiếp đối với những đồng nghiệp của tôi ở đó. Chưa bao giờ tôi được nghe về một vụ tương tự như vậy. Sẽ âm ỉ đấy. Đây là vụ lớn, chỉ xếp sau vụ thủ tướng Palme bị sát hại.

– Anh có biết gì hơn những điều báo chí đã đưa tin không?

– Có lẽ ở đất nước này, không có một cảnh sát nào lại không muốn biết chuyện gì đã xảy ra. Chúng tôi trao đổi với nhau về vụ này trong hành lang. Mọi người ai cũng có giả thuyết riêng. Đó là một chuyện huyền hoặc mà cảnh sát chúng tôi không tưởng tượng ra được một cách hợp lý và theo nguyên tắc. Lập tức chúng tôi bắt đầu phỏng đoán cái gì đã xảy ra.

– Còn anh tin vào cái gì?

Ông nhún vai và ngẫm nghĩ một lúc trước khi trả lời.

– Tôi không biết nhiều hơn chị. Đó là nhiều người chết, là tàn bạo. Nhưng không một thứ gì bị lấy đi, nếu như tôi nhìn nhận đúng. Có thể một kẻ bệnh hoạn đã làm chuyện này. Về những gì ẩn sau sự điên khùng ấy, người ta chỉ có thể phỏng đoán. Tôi cho rằng các đồng nghiệp ở trên đó đang tìm kiếm trong bọn bạo hành nổi tiếng có kẻ nào mắc chứng rối loạn tâm thần hay không. Chắc chắn họ đã có liên lạc với Interpol hoặc Europol để giúp tìm ra dấu vết. Nhưng việc này sẽ mất thời gian. Ngoài ra tôi hoàn toàn không biết gì nữa.

– Anh quen biết nhiều cảnh sát trong nước. Anh có quan hệ với người nào trên Hälsingland không? Một ai đó mà tôi có thể gọi điện thoại đến được?



– Tôi đã có lần gặp sếp của họ, Malmberg nói. Một người có tên là Ludwig. Nói thật là anh ta không gây cho tôi một ấn tượng nào đặc biệt. Chị cũng biết là tôi hay hoài nghi những công chức cảnh sát chưa bao giờ có mặt ở hiện trường. Nhưng dù sao tôi cũng sẽ gọi điện và hỏi han anh ta.

– Tôi hứa sẽ không quấy rầy ai một cách không cần thiết. Tôi chỉ muốn biết, có phải bố mẹ nuôi của mẹ tôi đã chết không, hay đó là con của họ. Hoặc tôi đã hoàn toàn nhầm lẫn.

– Đó là một lý do hợp lý. Tôi sẽ xem mình có thể làm được gì. Còn bây giờ chị phải thứ lỗi cho tôi. Tôi có một cuộc thăm cung không mấy vui vẻ với một gã bạo hành.

Buổi tối bà kể cho Staffan nghe chuyện đã xảy ra. Ông vồn vã bảo rằng bác sĩ đã làm đúng và có lẽ bà nên hưởng thụ một chuyến du lịch về phương Nam. Sự thiếu quan tâm của ông làm cho bà thấy tủi thân. Nhưng bà không hề nói gì.

Hôm sau, ngay trước bữa trưa, lúc Birgitta Roslin ngồi bên máy tính, nhấn chuột tìm các mục mời chào du lịch, thì nghe có tiếng chuông điện thoại.

– Tôi đã có một cái tên cho chị, Hugo Malmberg nói. Đó là Sundberg, một nữ thanh tra hình sự.

– Tôi đã đọc thấy cái tên này trong các báo. Nhưng tôi không biết đó lại là một phụ nữ.

– Tên của bà ấy là Vivian, gọi tắt là Vivi. Ludwig bảo sẽ nói cho bà ấy biết tên của chị để bà ấy biết chị là ai, một khi chị gọi điện thoại đến. Tôi có số điện thoại rồi.

– Tôi ghi đây.

– Tôi đã hỏi công việc của họ tiến triển ra sao. Họ vẫn chưa có được dấu vết nào. Không còn nghi ngờ gì nữa, vụ này có liên quan đến một kẻ điên khùng. Ludwig đã nói như vậy.

Bà nhận ra vẻ hoài nghi của Malmberg trong câu nói cuối cùng.

– Nhưng anh không tin Ludwig?

– Tôi hoàn toàn không tin. Nhưng tối hôm qua tôi đã lục lọi trên mạng. Trong vụ này có một cái gì đó rất kỳ lạ.

– Anh nói cái gì lạ là sao?

– Nó đã được lên kế hoạch rất chu đáo.

– Ngay cả những kẻ điên khùng vẫn có thể chuẩn bị rất tốt cho các tội ác của chúng.

– Tôi không muốn nói như vậy. Đúng ra đây chỉ là cảm giác của tôi: theo một cách nào đấy, mọi chuyện *quá* điên, nên khó có thể là thật được. Nếu như ở vị trí của họ, tôi sẽ suy nghĩ về điều này, liệu hung thủ có tìm cách ngụy trang hành động của mình như là hành động của một kẻ điên không.

– Thế là thế nào?

– Tôi không biết. Chẳng phải chị là người sẽ gọi điện báo cho họ biết chị là người nhà của một trong những gia đình nạn nhân đó hay sao?

– Cảm ơn sự giúp đỡ của anh. À, có thể tôi sẽ đi xuống phía Nam. Anh đã có lần nào đến Tenerife chưa?

– Chưa bao giờ. Chúc chị may mắn!

Birgitta Roslin lập tức gọi điện vào số máy mà bà đã ghi lại. Hộp thư trả lời tự động yêu cầu người gọi để lại tin nhắn. Bà bắt đầu cảm thấy không yên. Bà lại cầm lấy máy hút bụi mà không quyết định nổi mình có bắt tay vào dọn dẹp hay không. Bà trở lại bên chiếc máy tính và sau khoảng một tiếng đồng hồ, bà quyết định đi Tenerife, khởi hành hai ngày sau ở Copenhagen. Bà lục ra tập bản đồ thời học trò và bắt đầu e dè mơ đến biển xanh cùng nho Tây Ban Nha.

Có lẽ mình cần đến những thứ đó, bà thầm nghĩ. Một tuần lễ không có Staffan, không có các bản án, không có cả những ngày làm việc trong tuần. Mình không có tài trong việc phân tích nội tâm, nhưng đến tuổi này rồi, mình cũng có khả năng nhìn nhận khá rõ về bản thân để

biết nó khiếm khuyết ở đâu và thay đổi hướng đi như thế nào. Khi còn trẻ, mình thường mơ mộng sẽ là người phụ nữ đầu tiên giong thuyền buồm đi vòng quanh thế giới. Ước mơ này không thực hiện được. Nhưng bất luận thế nào, mình vẫn còn nhớ được một vài khái niệm hàng hải và biết cách cho con thuyền của mình lách qua những luồng hẹp. Có thể mình cần đến một vài ngày ngược xuôi trên eo Oresund hoặc qua một bãi biển ở Tenerife để tự hỏi xem liệu có phải tuổi già đã đến hay mình vẫn có thể tự thoát khỏi đầm lầy. Mình đã vượt qua thời kỳ mãn kinh nhưng mình không rõ chuyện gì đang xảy ra với mình lúc này. Mình sẽ cố tìm ra nó. Nhưng trước hết mình phải biết, liệu huyết áp của mình, những cơn sợ hãi của mình có liên quan đến Staffan hay không. Chuyện này không thể kéo dài lâu hơn nữa, nhất thiết cả hai cùng phải đưa cuộc sống vợ chồng ra khỏi tình trạng trì trệ hiện nay.

Bà lập tức bắt đầu lên kế hoạch cho chuyến đi của mình. Vì gặp khó khăn trong việc đăng ký trực tuyến, nên bà gửi qua email tên tuổi, số điện thoại và nơi mình định đến. Lập tức bà nhận được trả lời: Trong vòng một tiếng đồng hồ nữa, sẽ có người liên lạc với bà.

Một tiếng đồng hồ sắp qua thì điện thoại của bà đổ chuông. Nhưng đó không phải là cuộc điện thoại của văn phòng du lịch.

– Tôi là Vivi Sundberg. Tôi muốn nói chuyện với bà Birgitta Roslin.

– Tôi đây.

– Tôi được thông báo cho biết về bà. Nhưng tôi không biết chính xác là bà muốn hỏi về việc gì. Như bà có thể hình dung ra, ở đây chúng tôi có nhiều việc phải làm. Bà là thẩm phán?

– Đúng vậy. Tôi xin nói ngắn gọn. Mẹ của tôi, bà đã qua đời từ lâu, được một gia đình mang họ Andrén nhận làm con nuôi. Tôi đã nhìn thấy những tấm ảnh cho thấy mẹ tôi từng sống trong một ngôi nhà ở nơi xảy ra vụ thảm sát.

– Tôi không phụ trách việc báo tin cho người thân của nạn nhân. Tôi đề nghị bà nói chuyện với ông Erik Huddén.

– Nhưng trong làng có những người mang họ Andrén phải không?

– Thực tế gia đình Andrén là gia đình lớn nhất trong làng.

– Tất cả đã chết ư?

– Về việc này tôi không trả lời bà được. Bà có biết tên riêng cha mẹ nuôi của mẹ bà không?

Cặp đũa giấy tờ ở ngay bên cạnh Roslin. Bà mở ra và bắt đầu tìm trong đó.

– Tôi không thể chờ được, Vivi Sundberg nói. Bà hãy gọi lại khi nào tìm thấy tên của họ.

– Tôi đã thấy rồi. Brita và August Andrén. Họ hẳn đã ngoài chín mươi. Có thể là chín mươi lăm tuổi.

Một lúc sau, Sundberg mới trả lời. Birgitta Roslin nghe có tiếng giấy sột soạt.

– Tôi đã có tên của họ, đáng tiếc là cả hai người đã chết. Người lớn tuổi hơn năm nay chín mươi sáu. Tôi đề nghị bà không cung cấp thông tin này cho báo chí.

– Vì sao tôi lại phải làm việc đó?

– Bà là thẩm phán. Hẳn bà biết đôi khi sự việc sẽ diễn biến như thế nào. Và tại sao tôi lại đề nghị bà như vậy.

Birgitta Roslin biết rất rõ điều ấy. Bà thường hay nói chuyện với các đồng nghiệp của mình về việc họ hẳn hữu hoặc không bao giờ bị các nhà báo quấy rầy, vì cánh nhà báo hầu như không tính đến khả năng nhận được từ các thẩm phán những thông tin cần phải giữ bí mật.

– Thế cuộc điều tra tiến triển đến đâu rồi? Birgitta đánh liều hỏi.

– Tất cả chúng tôi đáng tiếc đều không có thời gian để trả lời từng câu hỏi của cá nhân bà. Ở đây, chúng tôi đang bị các cơ quan truyền thông đại chúng bao vây. Nhiều người không tôn trọng lấy một lần đến rào cản của chúng tôi. Thậm chí hôm qua chúng tôi còn thấy một người đàn ông cầm máy ảnh trong một ngôi nhà ở đây. Đề nghị bà liên hệ với ông Huddén, bà có thể gọi điện đến Hudiksvall để gặp được ông ấy.

Giọng nói của Vivi Sundberg nghe ra đã có vẻ hết kiên nhẫn và bực bội. Birgitta Roslin hiểu được tâm trạng của Vivi. Bà nhớ lại lời nói của Hugo Malmberg rằng ông biết ơn vì mình không nằm ở trung tâm của cuộc điều tra.

– Cảm ơn bà đã gọi điện cho tôi. Tôi sẽ không tiếp tục quấy rầy bà nữa.

Cuộc trao đổi kết thúc. Birgitta Roslin nghĩ lại những điều mình đã nói. Bây giờ bà đã chắc chắn được rằng bố mẹ nuôi của mẹ bà nằm trong số những người bị giết hại. Bà cũng như người thân của những nạn nhân khác cần phải kiên nhẫn, trong khi cảnh sát làm việc.

Bà suy nghĩ không biết có nên gọi điện đến sở cảnh sát ở Hudiksvall để liên hệ với người đàn ông có tên là Erik Huddén hay không. Nhưng liệu người đó có thể cho bà biết thêm được gì khác? Bà quyết định từ bỏ ý định này. Thay vì thế, bà bắt đầu đọc kỹ những giấy tờ của bố mẹ đẻ trong chiếc cặp bì giấy cứng. Đã bao nhiêu năm trôi qua kể từ lần cuối bà mở nó ra. Trong cặp này có những tài liệu mà thậm chí bà còn chưa đọc.

Bà phân loại giấy tờ trong cặp ra làm ba chồng. Một chồng gồm những chuyện của người cha đã yên nghỉ trong vịnh Gävle. Dưới làn nước lợ của biển Baltic, hài cốt của ông không bị phân hủy ngay, nó nằm đâu đó dưới đáy biển, trong bùn đất. Chồng thứ hai đề cập đến cuộc sống chung của cha mẹ, trước và sau khi bà ra đời. Cuối cùng, còn lại xấp dày nhất nói về Gerda Lööf, người con gái sau này mang họ Andrén. Bà từ từ đọc qua hết những ghi chép này. Khi đọc đến những tài liệu nói về thời gian mẹ trở thành con nuôi của gia đình Andrén, bà đọc chậm hơn. Nhiều trang giấy đã úa vàng, thậm chí soi kính lúp vẫn thấy khó đọc.

Bà lấy ra một cuốn sổ, ghi lại những cái tên và ngày tháng. Bà được sinh ra vào năm 1948. Ngày đó mẹ của bà mới mười tám tuổi. Trong sổ giấy tờ này bà cũng tìm thấy ngày sinh của August và Brita. Bà Brita sinh vào tháng Tám năm 1909, còn ông August sinh vào tháng

Mười hai năm 1910. Như vậy, khi hai người ở tuổi hai mươi một và hai mươi hai, thì Gerda ra đời và làm con nuôi của họ khi họ gần ba mươi tuổi.

Bà hoàn toàn không phát hiện được điều gì cho thấy họ đã sống ở Hesjövallen, nhưng tấm ảnh mà bà so sánh lại một lần nữa với tấm ảnh in trong báo đã thuyết phục bà. Nó không thể là một sự nhầm lẫn được.

Bà bắt đầu nhìn kỹ những người đứng thẳng và cứng đờ tạo dáng để chụp trong tấm ảnh. Trong đó có hai người còn trẻ, một đàn ông và một đàn bà, đứng hơi chếch sang một bên, bên cạnh là một cặp đã có tuổi đứng ở giữa. Phải chăng đó là Brita và August? Phía sau tấm ảnh không có ghi chú cũng không ghi ngày tháng. Bà tìm cách xác định tấm ảnh được chụp khi nào. Những bộ quần áo họ mặc trên người nói lên được điều gì? Những người trong tấm ảnh ăn mặc rất diện, nhưng họ sống ở nông thôn, nơi một bộ com lê theo con người ta suốt cả cuộc đời.

Bà gạt tấm ảnh sang một bên rồi tiếp tục đọc các bức thư và các tài liệu khác. Năm 1942, Brita được đưa đến bệnh viện ở Hudiksvall vì bệnh đau dạ dày. Gerda viết thư cho bà, chúc bà chóng khỏi bệnh. Ngày đó Gerda mới mười hai tuổi, chữ viết còn cứng. Một vài câu viết sai, bên lề bức thư được trang trí một bông hoa cánh không đều.

Birgitta Roslin xúc động khi thấy bức thư này và ngạc nhiên vì sao trước đây mình chưa từng nhìn thấy nó. Nó được kẹp trong một bức thư khác. Nhưng vì sao bà lại chưa khi nào mở nó ra? Phải chăng vì nỗi buồn sau cái chết của Gerda mà một thời gian rất lâu bà không muốn động đến bất cứ một cái gì có thể gợi nhớ tới mẹ?

Bà ngả người tựa ra sau ghế và nhắm mắt lại. Bà biết ơn mẹ về tất cả. Gerda, bản thân chưa từng học hết chương trình tiểu học, đã không mệt mỏi thúc đẩy con gái mình tiếp tục học hết đại học. Bây giờ đến lượt chúng ta, mẹ bà đã nói vậy. Bây giờ đã đến lúc con cái của giai cấp công nhân có cơ hội theo học ở các trường đại học. Điều này

Birgitta Roslin đã làm được. Đó là trong những năm 1960, cách đó không lâu, chỉ có con cái các gia đình tư sản mới vào được các trường đại học. Giao du với các nhóm cánh tả cấp tiến đã trở thành một điều hiển nhiên với bà. Người ta sống không chỉ để hiểu, mà còn để thay đổi.

Bà lại mở mắt. Sự việc diễn biến không như mình nghĩ, bà tự nhủ. Tuy đã trở thành luật gia, nhưng mình đã từ bỏ quan điểm cấp tiến của mình mà không thực sự biết vì sao. Ngay cả bây giờ, khi đã gần sáu mươi, bà cũng chưa một lần dám tự hỏi cuộc đời mình đã thành ra thế nào rồi.

Bà lại xem tiếp tài liệu. Đây lại là một bức thư nữa. Chiếc phong bì màu xanh nhạt đã bạc màu được đóng dấu bưu điện Mỹ. Những dòng chữ rất nhỏ được viết kín trên tờ giấy mỏng. Bà xoay đèn bàn rọi lên bức thư cho sáng và bắt đầu đọc từng chữ qua chiếc kính phóng đại. Bức thư được viết bằng tiếng Thụy Điển, nhưng kèm theo khá nhiều từ tiếng Anh. Một người có tên Gustaf kể về công việc làm chủ trại chăn nuôi lợn của mình. Đứa con của ông ta tên là Emily vừa mới qua đời, trong nhà tràn đầy “sorrow lớn”. Ông ta muốn biết ở Hälsingland hiện nay ra sao, gia đình như thế nào, rồi về mùa màng, gia súc. Bức thư đề ngày 19 tháng Sáu năm 1896.

Địa chỉ người nhận ghi ngoài phong bì: *August Andrén, HesjövalLEN, Thụy Điển.*

Nhưng ngày đó bố nuôi của mẹ mình vẫn chưa sinh, bà nghĩ. Có lẽ bức thư này gửi cho August Cha, tức là bố của bố nuôi của mẹ vì nó được lưu giữ trong gia đình Gerda. Nhưng vì sao nó lại nằm ở chỗ mình?

Ở phần cuối bức thư có ghi địa chỉ người gửi: *Mr. Gustaf Andrén, Bưu điện Minneapolis, Minnesota, Hợp chúng quốc Hoa Kỳ.*

Bà lại giở quyển bản đồ. Minnesota là một vùng nông thôn. Như vậy là trước đây hơn một trăm năm, một thành viên của gia đình Andrén từ HesjövalLEN đã di cư đến đó.

Nhưng bà còn thấy một bức thư khác, qua đó mới biết còn có một người nữa tên là Jan August Andrén đã đến một vùng khác của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ. Hình như ông ta tham gia xây dựng hệ thống đường sắt nối liền miền duyên hải phía Đông với phía Tây của đất nước khổng lồ này. Trong thư ông ta hỏi thăm họ hàng, những người còn sống, những ai đã chết. Nhưng bức thư có những đoạn dài không đọc được, chữ viết bị nhòe.

Địa chỉ của Jan August Andrén là: *Bưu điện Reno, Nevada, Hợp chúng quốc Hoa Kỳ.*

Bà tiếp tục đọc nhưng không thấy gì hơn trong chồng giấy có liên quan đến gia đình Andrén.

Bà đẩy chồng giấy sang bên cạnh, vào mạng Internet và bắt đầu tìm địa chỉ ở Minneapolis mà Gustaf Andrén đã ghi trong thư dù không mấy hy vọng. Bà chờ đợi và rơi vào ngõ cụt. Sau đó bà tìm địa chỉ ở Nevada. Bà nhận được một chỉ dẫn về một tờ báo với cái tên *Reno Gazette Journal*. Giữa lúc này, điện thoại đổ chuông. Đó là văn phòng du lịch. Một thanh niên trẻ vui vẻ, giọng Đan Mạch, nói với bà mọi chi tiết của chuyến du lịch, miêu tả các khách sạn. Bà không do dự, đồng ý cho đăng ký tạm thời và hứa đến sáng hôm sau sẽ xác nhận.

Bà lại tìm cách nhấn chuột lên địa chỉ *Reno Gazette Journal* một lần nữa. Ở mép bên phải trang chủ có một loạt các chủ đề cùng các bài báo mà bà có thể lựa chọn. Khi định nhấn bỏ qua thì bà chợt nhớ ra là mình đã gõ cả cái tên Andrén cùng với tên tờ báo này vào ô tìm kiếm. Phải có một mối liên quan nào đó giữa cái tên này và tờ báo. Vậy nên bà bắt đầu đọc lần lượt tất cả các mục trên trang báo.

Bà giật nẩy mình khi trang báo ấy xuất hiện trên màn hình. Thoạt đầu bà đọc mà không hiểu gì cả, rồi đọc lần thứ hai, từ từ và hoài nghi. Bà đứng dậy, lùi xa máy tính một vài mét. Nhưng bài viết và những tấm ảnh trong đó không biến mất.

Bà in chúng ra và cầm theo vào phòng bếp. Bà từ từ đọc lại tất cả một lần nữa.



Ngày 4 tháng Giêng ở Ankersville, một thành phố nhỏ nằm ở phía Đông Bắc Reno đã xảy ra một vụ giết người dã man. Vào buổi sáng, người hàng xóm phát hiện thấy ông chủ xưởng cơ khí cùng toàn bộ gia đình của ông ta đã chết, ông lấy làm lạ vì thấy xưởng này không mở cửa như thường lệ. Cảnh sát không tìm ra được dấu vết. Nhưng sự việc thì đã quá rõ ràng, toàn bộ gia đình Andrén, Jack, vợ của ông ta, bà Connie, cùng hai đứa con Steven và Laura bị chém chết bằng dao, kiếm. Không có hiện tượng cho thấy đây là một vụ trộm, cướp, không có lấy một động cơ. Gia đình ông Andrén được mọi người quý mến và không có kẻ thù. Cảnh sát hướng sự truy tìm vào những đối tượng mắc bệnh tâm thần hoặc những kẻ nghiện ngập trong tình thế tuyệt vọng đã gây ra hành động khùng khiếp này.

Bà ngồi im lặng ở đó. Tiếng ồn ào của chiếc xe chở rác từ bên ngoài lọt qua cửa sổ vào trong nhà.

Đó không phải là một kẻ điên khùng, bà nghĩ. Cảnh sát ở Hälsingland cũng lầm lẫn y hệt cảnh sát ở Nevada. Đó là một thủ phạm quý quýệt - nếu không phải là nhiều thủ phạm - biết rõ hẳn phải làm gì.

Lần đầu tiên bà cảm thấy một nỗi sợ hãi ngấm ngấm, như thể mình đang bị theo dõi mà không hay biết.

Bà đi ra ngoài hành lang, kiểm tra xem cửa nhà đã được khóa lại chưa. Rồi bà lại ngồi vào bên máy tính và tìm những bài báo trước đó trong *Reno Gazette Journal*.

Chiếc xe chở rác đã biến mất. Bóng tối đã phủ lên buổi chiều muộn.

Mãi sau này, khi mọi sự kiện đã bắt đầu mờ nhạt, đôi khi bà tự hỏi điều gì sẽ xảy ra nếu bà cứ đi Tenerife, sau đó trở về, lại tiếp tục đi làm với huyết áp giảm, lượng sắt trong máu đã đủ và cảm giác suy nhược đã biến mất. Còn bây giờ, cứ để mọi việc như nó sẽ diễn ra. Ngày hôm sau, Birgitta Roslin gọi điện thoại đến văn phòng du lịch hủy bỏ chuyến đi.

Buổi tối, Staffan về muộn vì đoàn tàu của ông bị hỏng đầu máy, phải nằm lại trên đoạn ray tránh tàu. Hai tiếng đồng hồ ông cùng đồng nghiệp tìm mọi cách xoa dịu các hành khách đã mất kiên nhẫn, ngoài ra ông còn phải chăm sóc cho một bà lão bị ốm. Khi về đến nhà, ông đã mệt lử và dễ nổi nóng. Bà để yên cho ông ăn bữa tối, rồi sau đó kể cho ông nghe về phát hiện của mình: Ở Nevada xa xôi đã xảy ra một cái gì đó rất giống với vụ giết người hàng loạt ở Hälsingland, dường như còn có gì đó liên quan nữa. Bà thấy ông có vẻ hoài nghi, nhưng không biết liệu đó có phải do ông mệt mỏi hay là ông thực sự nghi ngờ câu chuyện của bà. Sau khi ông lên giường đi ngủ, bà lại ngồi vào bên máy tính và chuyển đi chuyển lại giữa Hälsingland và Nevada. Đến nửa đêm, bà ghi lại những gì mình thấy lên một tờ giấy, y như bà thường làm mỗi khi phải soạn một bản án. Dù sự việc xem ra có vẻ trừu tượng, nhưng bà không thể không phỏng đoán rằng giữa hai sự kiện này có gì đó liên quan đến nhau. Bà nghĩ, bản thân mình cũng thuộc gia đình Andrén, mặc dù bây giờ bà mang họ Roslin.

Điều đó có nghĩa là bà cũng gặp nguy hiểm? Bà nhìn vào trong giấy ghi chép suy nghĩ rất lâu mà không tìm được câu trả lời. Rồi bà đi ra ngoài dưới bầu trời đêm thánng Giêng trong veo, nhìn lên các vì sao. Mẹ bà đã có lần kể cho bà nghe, cha của bà là một người si mê ngắm sao đêm. Lâu lâu mẹ mới lại nhận được thư của ba, trong đó ba kể về, nói đúng hơn là tả lại, đêm đêm ba đứng trên boong tàu tìm hiểu

những vì sao và vị trí của chúng như thế nào. Ba có một niềm tin gần như thần bí rằng người chết sẽ biến thành tro bụi để rồi trở thành những vì sao mới. Những ngôi sao mới này ở rất xa mà mắt của người còn sống không nhìn thấy được. Birgitta Roslin thầm hỏi ba đã nghĩ gì khi con tàu *Ms Runskär* chìm xuống trong lòng vịnh Gävle. Con tàu chở đầy hàng đó đã bị sóng của cơn bão dữ dội đánh vào mạn và chỉ trong một vài phút đã bị lật chìm. Một tín hiệu SOS duy nhất được phát đi trước khi đài phát câm lặng. Liệu ba có nhận thấy mình sẽ chết, hoặc cái chết đã trùm lên ông trong làn nước lạnh, khiến ông không còn có thể nghĩ đến điều đó được nữa? Một nỗi kinh hoàng bất ngờ, rồi lạnh giá và cái chết.

Bầu trời đêm nay rất gần, những vì sao long lanh sáng tỏ. Mình mới chỉ thấy bề ngoài của sự việc, bà thầm nghĩ. Nó có một mối liên hệ, những sợi chỉ mỏng manh nối với nhau. Nhưng cái gì nằm bên dưới đó? Đã có lý do nào để phải giết chết mười chín con người trong một ngôi làng nhỏ tại Thụy Điển và xóa sạch một gia đình trên sa mạc Nevada? Lại là điệp khúc thông thường: trả thù, tham lam, ghen tức. Nhưng sự bất công nào lại có thể dẫn tới một hành động báo thù quá trớn đến như vậy? Người ta được lợi gì khi giết những ông già bà lão đã ở vào cái tuổi thập tử nhất sinh ấy? Và ai có thể là người ghen tức với họ?

Bà trở vào nhà khi thấy người đã ớn lạnh. Thông thường bà cũng hay đi ngủ sớm vì bà thấy mệt mỏi vào buổi tối và cũng không muốn đi làm mà không được ngủ đầy giấc, đặc biệt vào những ngày bà phải xử án. Bây giờ bà không cần phải nghĩ đến chuyện đó nữa. Bà nằm xuống sofa và bật nhạc nhỏ để không làm Staffan thức giấc. Đó là đĩa tập hợp những bản nhạc pop Thụy Điển. Birgitta Roslin có một bí mật mà bà không chia sẻ với bất kỳ ai. Bà ước mơ có ngày sẽ viết được một ca khúc giành được giải trong Eurovision. Đôi lúc bà thấy ngượng vì có mong ước này, nhưng đồng thời lại muốn làm được điều đó. Cách đây nhiều năm bà đã mua một cuốn từ điển vần điệu, và khóa nó

trong ngăn kéo bàn làm việc kèm với hàng loạt bản nháp lời bài hát. Có lẽ một thẩm phán vẫn đang tại vị lại đi viết lời bài hát thì không được phù hợp cho lắm. Nhưng dù sao, cũng chẳng có luật nào cấm bà làm thế.

Mong ước lớn nhất của bà là viết được một bản tình ca. Một bài hát về chim muông, về tình yêu, với đoạn điệp khúc không thể nào quên. Cha của bà là một người say mê ngắm sao, nên bà cũng có thể xem mình như là một người say mê tìm kiếm điệp khúc. Cả hai đều là những con người đam mê, nhưng chỉ có cha là người trần trần nhìn lên vòm trời.

Bà lên giường vào lúc ba giờ sáng, khẽ lay người Staffan để ông không ngáy nữa. Ông xoay người nằm nghiêng và thôi ngáy. Bà cũng chìm vào giấc ngủ.

Sáng hôm sau, Birgitta Roslin nhớ lại giấc mơ của mình đêm hôm trước. Bà đã gặp mẹ. Mẹ nói với bà mà bà không hiểu được mẹ nói gì, như thể mẹ đang đứng đằng sau một tấm kính. Tình huống đó xem ra tiếp tục kéo dài vô tận, mẹ càng lúc càng tỏ ra bức bối ở phía bên kia khi thấy đứa con gái không thể hiểu được mình. Bản thân bà cũng ngạc nhiên về thứ đã chia cách mẹ con bà với nhau.

Ký ức trong như tấm kính. Ai đã chết, người đó vẫn được nhìn thấy, rất gần. Nhưng chúng ta không còn đến được với nhau. Cái chết câm lặng, nó ngăn cấm trò chuyện, đòi hỏi im lặng.

Birgitta đứng dậy. Một ý nghĩ thành hình trong đầu bà. Nó bỗng nhiên ở đây và rất rõ ràng. Thực ra bà không hiểu tại sao trước đây mình không nghĩ tới điều đó. Mẹ của bà đã tự để quá khứ của mình lại phía sau. Mẹ chưa bao giờ đòi hỏi Birgitta, đứa con duy nhất của mình, cần phải quan tâm đến cuộc sống trước kia của mẹ.

Bà lấy ra tập bản đồ giao thông Thụy Điển. Trước kia, vào mùa hè, ông bà thường cùng lái xe với các con đến nhà nghỉ mà họ đã thuê, phần nhiều thuê cho cả một tháng trời. Rất hãn hữu, như trong hai mùa hè mà họ đến nghỉ ở Gottland, họ đi bằng máy bay. Họ chưa bao giờ

đi bằng tàu hỏa, và ngày đó Staffan cũng chưa bao giờ có ý nghĩ vào một ngày nào đó ông sẽ đánh đổi cuộc sống của một luật sư với một người soát vé tàu.

Bà lật tấm bản đồ tổng quát. Hälsingland nằm chếch về hướng Bắc hơn là bà nghĩ. Bà không tìm thấy địa danh HesjövalLEN trên bản đồ, vì đó là một làng nhỏ.

Khi gập bản đồ lại, bà đã quyết định mình phải làm gì. Bà sẽ lái xe lên HesjövalLEN. Trước hết là để tận mắt nhìn thấy hiện trường vụ án, nhưng cũng là để thấy được ngôi làng, nơi mẹ bà đã lớn lên.

Khi còn trẻ, bà đã dự định làm một chuyến đi khắp đất nước Thụy Điển. Bà thường gọi đó là “chuyến hành hương về quê”. Chuyến đi đó sẽ đến tận cực Bắc, tới Treriksröset, sau đó quay trở lại miền duyên hải phía Nam, vùng Scanie, nơi gần với lục địa và phần đất còn lại nằm ở phía sau lưng. Trên đường về phương Bắc, bà muốn đi theo đường bờ biển, còn khi quay về sẽ đi theo đường quốc lộ nằm sâu trong nội địa. Nhưng chuyến đi đó đã không thành hiện thực. Khi bà nói chuyện với Staffan ông tỏ ra không hứng thú. Rồi sau khi có con, dự định đó lại càng trở nên bất khả thi.

Còn bây giờ, cuối cùng thì bà ít ra cũng có thể thực hiện được một phần của chuyến đi đó.

Khi Staffan ăn sáng và chuẩn bị xong cho chuyến tàu hỏa đi Alvesta, chuyến cuối cùng trước khi ông được nghỉ mấy ngày, bà thông báo với ông dự định của mình. Ông ít khi phản đối những ý tưởng của bà và lần này cũng vậy. Ông chỉ hỏi bà sẽ đi bao lâu và liệu bác sĩ có phản đối vì chuyến đi xa như vậy sẽ quá vất vả và khó nhọc hay không.

Mãi tới lúc ông đã ra đến cửa, bà mới thấy mất bình tĩnh. Hai người đã tạm biệt nhau trong bếp, nhưng lúc này bà lại đuổi theo, tức giận ném tờ báo sáng vào lưng ông.

– Có chuyện gì vậy?

– Anh không quan tâm đến việc vì sao em lại muốn đi ư?

– Em chẳng đã giải thích cho anh biết rồi đó sao?

– Anh không hiểu rằng có thể em cũng cần phải có thời gian để nghĩ về những gì đã xảy ra giữa hai chúng ta sao?

– Lúc này, chúng ta chưa thể nói với nhau về điều đó được. Nếu không anh sẽ bị nhỡ chuyến tàu.

– Vậy thì sẽ chẳng có lúc nào thích hợp cả. Buổi tối thì không đúng lúc, buổi sáng cũng không đúng lúc. Anh không bao giờ có nhu cầu nói chuyện với em xem cuộc sống của chúng ta đã thành ra thế nào hay sao?

– Em biết rõ rằng anh không trầm trọng hóa mọi chuyện như em.

– Trầm trọng hóa ư? Anh cho đó là trầm trọng hóa, khi em phản ứng về việc hơn một năm nay chúng ta không hề gần gũi nhau?

– Anh chỉ nói lúc này chúng ta không thể nói chuyện được. Vì anh không có thời gian.

– Đã đến lúc anh cần phải có thời gian rồi đấy.

– Em nói thế nghĩa là sao?

– Là sự kiên nhẫn của em không lâu nữa sẽ kết thúc.

– Đây là một lời đe dọa à?

– Em chỉ biết rằng mình không muốn tiếp tục như thế này nữa. Bây giờ thì hãy cút đi với con tàu khốn kiếp của anh!

Bà quay vào bếp và nghe có tiếng sập cửa. Bà cảm thấy như trút được gánh nặng khi cuối cùng cũng nói ra được những gì mình nghĩ, những gì mình cảm thấy, nhưng đồng thời bà cũng thấy lo, không biết ông ấy sẽ phản ứng ra sao.

Buổi tối ông gọi điện thoại về nhà. Không ai nhắc lại chuyện cãi cọ xảy ra hồi sáng. Nhưng bà thấy giọng nói của ông có vẻ bứt rứt. Có lẽ cuối cùng bây giờ họ đã có thể nói thẳng với nhau mọi chuyện chẳng?

Sáng sớm hôm sau, bà lên xe đi về phương Bắc. Bà đã thông báo cho các con về chuyến đi nhưng không nhắc đến mối liên hệ giữa bà

với việc xảy ra ở HesjövalLEN.

Staffan trở về nhà vào đêm qua, ông đã chuyển va li của bà ra xe và để lên hàng ghế sau.

– Em sẽ ngủ lại ở đâu?

– Ở Lindesberg có một khách sạn nhỏ. Em sẽ gọi điện thoại về cho anh. Sau đó có thể em sẽ ngủ lại khách sạn ở Hudiksvall.

Staffan vượt nhanh má vợ và vẫy tay theo bà. Bà có nhiều thời gian, nên thường dừng lại dọc đường và đến Lindesberg vào lúc gần tối. Gần cuối hành trình, bà đã phải chạy trên đoạn đường phủ tuyết. Bà cho xe chạy đến khách sạn, ăn tối trong một tiệm ăn vắng khách và đi ngủ sớm. Trong một tờ báo buổi chiều vẫn đăng tin về thảm kịch khủng khiếp, bà đọc thấy ngày mai trời lạnh hơn, nhưng không có tuyết rơi.

Bà ngủ say, lúc thức dậy, không nhớ lại được những giấc mơ tối qua nữa, rồi tiếp tục lái xe về bờ biển Hälsingland. Bà không mở radio, mà thường thức sự tĩnh lặng cùng những khu rừng trải dài như vô tận. Bà nghĩ đến thời thơ ấu của mẹ bà ở vùng đất này. Còn bản thân bà chưa biết đến gì khác ngoài những cánh đồng gợn sóng trải rộng. Trong trái tim mình, ta là một người du mục, bà nghĩ. Mà người du mục không đi tìm rừng, họ chỉ tìm những vùng đồng bằng rộng lớn.

Bà bắt đầu nghĩ tìm những từ có vần với du mục. Có thể là một bài hát về chính mình, bà nghĩ. Một nữ thẩm phán lên đường kiếm tìm phần du mục trong con người mình.

Khoảng trước mười giờ sáng, bà dừng tại một trạm nghỉ bên đường quốc lộ nằm ở phía Nam của Njutänger và uống cà phê. Bà là người khách duy nhất. Một tờ báo địa phương của Hudiksvall nằm trên bàn. Vụ giết người hàng loạt vẫn được chạy những dòng tít lớn, nhưng bà không biết thêm được tin gì mới. Cảnh sát trưởng Tobias Ludwig tuyên bố danh sách tất cả các nạn nhân sẽ được công bố vào ngày tiếp theo. Trên tấm ảnh chụp không rõ nét trông anh ta quá trẻ so với trách nhiệm to lớn của mình.

Một phụ nữ có tuổi đi quanh phòng tưới nước cho những chậu hoa để trên bệ cửa sổ. Birgitta Roslin gật đầu chào bà ta.

– Ở đây quá vắng vẻ, bà nói. Tôi cứ nghĩ ở vùng này phải tràn ngập nhà báo và cảnh sát sau những gì đã xảy ra.

– Tất cả đang ở Hudiksvall, bà ta trả lời, giọng đặc âm sắc địa phương. Nghe nói ở đó khách sạn không còn chỗ trống.

– Mọi người ở đây nói gì về chuyện xảy ra?

Bà ta đứng lại bên bàn của Birgitta Roslin và chăm chăm nhìn bà về ngờ vực.

– Bà cũng là nhà báo à?

– Không. Hoàn toàn không. Tôi chỉ là người đi qua vùng này thôi.

– Người khác nghĩ thế nào thì tôi không rõ, nhưng tôi thì nghĩ rằng sự tàn bạo xảy ra ở những vùng nông thôn rồi cũng không bỏ qua các thành phố đâu.

Điều này như đã được học thuộc lòng, bà Birgitta Roslin nghĩ. Bà ta đã đọc được câu này ở đâu đó, hoặc có ai đó đã nói câu này trên vô tuyến và bà ta đã biến nó thành ra của mình.

Bà trả tiền cà phê, đi ra xe và giở bản đồ ra xem. Đoạn đường đến Hudiksvall không còn xa nữa. Chỉ cần đi thêm một đoạn về hướng Bắc rồi rẽ vào hướng nội địa, bà sẽ tới Hesjövalen. Bà thoáng do dự, cảm thấy mình như một con linh cẩu, nhưng lại quăng ngay ý nghĩ này. Bà thực sự có lý do để tới đó.

Đến Iggesund, bà rẽ sang phải rồi lại rẽ phải một lần nữa khi đến được ngã tư ở Olsund. Một chiếc xe cảnh sát chạy ngược chiều lúc sau lại thêm một chiếc nữa. Bỗng cánh rừng như mở ra bên một hồ nước. Những ngôi nhà nằm ở hai bên đường, xung quanh là những hàng rào dây chần màu trắng pha đỏ. Trên đường có nhiều cảnh sát đi lại.

Bà nhìn thấy một căn lều ở bìa rừng và một căn nữa trên mảnh sân của một ngôi nhà nằm không xa. Bà có đem theo ống nhòm. Trong những căn lều ấy có gì? Cảnh nhà báo chưa bao giờ nhắc đến chúng.



Phải chăng họ đã tìm thấy một hoặc nhiều nạn nhân nằm trong đó?  
Hoặc chỉ là một dấu vết mà cảnh sát muốn bảo vệ?

Bà đưa ống nhòm lướt qua ngôi làng. Có nhiều người mặc áo bảo hộ liên quần hoặc đồng phục đang đi đi lại lại từ nhà này sang nhà khác, hoặc đang đứng hút thuốc bên cổng vườn, một mình hoặc thành từng nhóm nhỏ. Bà từng có dịp đến hiện trường một vài vụ án để theo dõi công việc của cảnh sát trong một vài giờ. Bà biết rằng ở đó, sự hiện diện của những người đại diện cho tòa án không được hoan nghênh. Cảnh sát luôn thận trọng để không bị phê phán. Nhưng Birgitta Roslin biết cách nhận ra điểm khác biệt giữa một cuộc điều tra theo phương pháp với một cuộc điều tra chệnh mảng. Cái bà nhìn thấy ở đây gây cho bà ấn tượng về một công việc lặng lẽ và được tổ chức tốt. Đồng thời bà cũng ý thức được rằng họ đang làm việc khẩn trương. Thời gian là kẻ thù. Người ta muốn tìm ra được sự thật càng nhanh càng tốt, trước khi lại có cái gì đó tái diễn - đó sẽ là điều tồi tệ nhất.

Một cảnh sát mặc sắc phục gõ lên cửa kính làm gián đoạn ý nghĩ của bà.

– Bà làm gì ở đây?

– Tôi không biết là mình đã vượt quá dây chần.

– Bà không vượt quá dây chần. Nhưng chúng tôi phải để mắt tới những ai có mặt ở đây. Đặc biệt là với những người có đem theo ống nhòm. Chúng tôi có tổ chức họp báo trong thành phố, nếu như bà chưa được biết về việc này.

– Tôi không phải là nhà báo.

Viên công chức trẻ măng nghi ngờ quan sát bà:

– Vậy bà là ai? Một người hiếu kỳ?

– Thực tế tôi là một người họ hàng.

Viên cảnh sát rút từ trong túi ra một cuốn sổ ghi chép:

– Người nhà của ai?

– Cửa ông bà Brita và August Andrén. Tôi đang trên đường về Hudiksvall, nhưng tôi không biết cần phải nói chuyện với ai ở đó.

– Chắc chắn là với Erik Huddén. Ông ấy là người chịu trách nhiệm giữ liên lạc với thân nhân những người bị hại. Tôi thành thật chia buồn với bà.

– Cảm ơn.

Viên cảnh sát làm động tác chào, còn bà thì cảm thấy mình như một kẻ dầm dợn, quay đầu xe và phóng đi. Khi đến Hudiksvall, bà mới thấy rõ rằng ở đây khó mà có thể còn phòng trống trong các khách sạn, không chỉ do số lượng nhà báo đổ đến quá đông. Một người trực trong khách sạn Grand giải thích với bà rằng ở đây có một hội nghị về khai thác rừng tập trung các đại biểu của toàn Thụy Điển. Bà tìm chỗ đỗ xe rồi đi lang thang trong thành phố nhỏ, tìm chỗ trọ trong một khách sạn hoặc một quán trọ, nhưng tất cả đều đã có người đăng ký ở.

Bà đi tìm một quán ăn trưa và cuối cùng đã bước vào quán ăn Trung Quốc. Trong quán lúc này rất đông thực khách. Bà tìm thấy chiếc bàn nhỏ bên cửa sổ. Phòng ăn được trang trí giống như tất cả các quán ăn Trung Quốc khác bà từng đến. Những chiếc lọ lộc bình, những con sư tử bằng sứ, những chiếc đèn lồng với tua màu xanh, đỏ, tất cả đều y hệt những nơi khác. Nhiều lúc bà rất muốn tin rằng tất cả các quán ăn Trung Quốc trên khắp thế giới đều nằm trong một chuỗi nhà hàng, thậm chí của cùng một ông chủ.

Một cô gái Trung Quốc cầm trong tay cuốn thực đơn đến chỗ bà. Khi Birgitta Roslin đặt món ăn bà mới biết cô gái trẻ này hầu như không biết tiếng Thụy Điển.

Sau khi vội vàng ăn xong bữa trưa, bà gọi điện đi khắp nơi và cuối cùng cũng nhận được một câu trả lời tích cực. Khách sạn Andbacken ở Delsbo có một phòng cho bà. Ở đó cũng đang diễn ra một hội nghị của những người làm trong ngành quảng cáo. Thụy Điển đã trở thành một đất nước mà ở đó mọi người bỏ ra một phần lớn thời gian đến hết khách sạn này sang trung tâm hội nghị khác để nói chuyện với nhau,

bà nghĩ. Bản thân bà rất ít khi tham gia vào các khóa bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn do bộ tư pháp tổ chức.

Khách sạn Andbacken là một ngôi nhà lớn quét sơn màu trắng nằm bên một hồ nước phủ băng tuyết. Trong lúc đứng chờ bên quầy lễ tân, bà đọc thấy thông báo các đại biểu dự hội nghị ngành quảng cáo chiều nay thảo luận theo tổ, buổi tối thì có yến tiệc và trao giải thưởng. Mong sao đêm nay không có những người say xỉn đi khắp hành lang, đập cửa âm ầm suốt đêm, bà thầm nghĩ. Thực ra mình hoàn toàn không biết gì về những người làm quảng cáo. Vậy tại sao mình lại cho rằng họ sẽ gây ồn khi họ liên hoan với nhau?

Bà nhận được phòng nhìn ra hồ nước đã đóng băng và khu rừng trên triền đồi. Bà nằm lên giường và nhắm mắt lại. Hôm nay đáng lẽ mình có phiên xử, bà nghĩ, và phải lắng nghe bài thuyết trình buồn ngủ qua một công tố viên chán ngắt. Thay vì thế, mình lại được nằm trên giường khách sạn, xung quanh là tuyết, cách xa Helsingborg.

Bà đứng dậy, mặc áo khoác rồi phóng xe quay lại Hudiksvall. Trong phòng thường trực của sở cảnh sát, người đi ra, đi vào tấp nập. Bà biết rõ rằng rất nhiều người đang chen chúc nhau ở đây là các nhà báo. Thậm chí bà còn nhận ra một người đàn ông thường hay xuất hiện trên truyền hình, đặc biệt ở những sự kiện bi đát như các vụ cướp nhà băng và bắt cóc con tin. Với vẻ ngạo mạn, anh ta đi chen qua chỗ hàng người đang đứng mà không thấy có ai dám phản ứng. Cuối cùng thì Birgitta Roslin cũng tới được chỗ người phụ nữ tiếp khách đã gần như kiệt sức, và hỏi về Vivi Sundberg.

– Bà Vivi Sundberg không có thời gian.

Lời từ chối dứt khoát khiến bà ngạc nhiên.

– Ít nhất thì chị cũng nên hỏi tôi có việc gì chứ?

– Chắc bà cũng muốn đặt câu hỏi như những người khác. Bà phải chờ đến cuộc họp báo sau. Nó cũng sắp được bắt đầu.

– Tôi không phải là nhà báo. Tôi là người nhà của một trong những gia đình ở Hesjövalle.

Người phụ nữ đứng sau quầy lập tức thay đổi thái độ.

– Tôi xin lỗi. Vậy thì bà phải gặp ông Erik Huddén.

Chị ta quay số điện thoại và thông báo có khách. Rõ ràng chị ta không cần thiết phải nói thêm điều gì nữa. “Khách” là một mật khẩu chỉ người nhà của các nạn nhân.

– Ông ấy sẽ xuống, bà vui lòng chờ bên chỗ cửa kính kia.

Bỗng nhiên có một thanh niên trẻ bước lại bên bà.

– Tôi nghe được bà là họ hàng với một trong những người bị giết hại. Tôi có được phép đưa ra một vài câu hỏi với bà không?

– Vì sao tôi lại có thể cho phép được. Tôi không biết anh là ai.

– Tôi viết báo.

– Viết cho ai?

– Cho tất cả những ai quan tâm.

Bà lắc đầu.

– Tôi không có gì để nói với anh.

– Đương nhiên là tôi muốn chia buồn với bà.

– Không cần. Anh không cần phải làm việc đó. Anh nên nói khẽ để những người đứng gần đây không nghe thấy là anh đã phát hiện được một con mồi mà họ chưa kịp đánh hơi thấy.

Cánh cửa kính được một người đàn ông đeo phù hiệu có tên là Erik Huddén mở ra. Hai người bắt tay nhau. Ánh đèn chớp phản chiếu lên cánh cửa kính khi nó được khép lại.

Trên hành lang có rất nhiều người. Ở đây mang một nhịp điệu hoàn toàn khác với ở ngoài Hesjövallen. Erik Huddén đưa bà vào một phòng họp. Trên bàn là những cặp tài liệu và một loạt các danh sách. Mỗi cặp tài liệu đều được ghi tên ở gáy. Những người chết được kẹp chặt trong những chiếc cặp đó, bà thầm nghĩ như vậy. Erik Huddén mời bà ngồi và anh cũng ngồi xuống đối diện với bà. Bà kể lại mọi chuyện từ đầu, về mẹ của mình, người đã hai lần đổi họ và bà đã phát hiện ra mối quan hệ họ hàng như thế nào. Bà nhận thấy Huddén có vẻ

thất vọng như thế anh ta đã nhận ra rằng sự có mặt của bà ở đây hầu như không giúp gì được cho công việc điều tra của cảnh sát.

– Tôi cũng biết rõ rằng, ông cần những thông tin khác, bà nói. Tôi là thẩm phán và cũng hiểu được ít nhiều với các thủ tục tố tụng khi người ta phải truy lùng thủ phạm trong các vụ trọng án.

– Đương nhiên chúng tôi rất biết ơn bà đã đến gặp chúng tôi, anh đặt bút xuống và nheo mắt nhìn bà. Nhưng chẳng lẽ thật sự bà đi từ Scanie lên đây chỉ là để kể cho chúng tôi nghe chuyện này? Nếu chỉ có vậy, bà có thể gọi điện thoại được mà.

– Tôi cũng có điều cần phải nói, điều mà thực ra có liên quan đến công việc điều tra. Tôi muốn được nói chuyện với đồng nghiệp của ông, bà Sundberg.

– Bà không thể nói với tôi được sao? Bà Sundberg hiện nay rất bận.

– Tôi đã gọi điện thoại cho bà Sundberg và muốn tiếp tục được nói chuyện với bà ấy.

Anh ta ra khỏi phòng và khép cửa lại sau lưng. Birgitta Roslin kéo chiếc cặp đựng tài liệu có ghi tên “Brita và August Andrén” về phía mình. Điều đầu tiên nhìn thấy khiến bà giật mình. Đó là những tấm ảnh được chụp ở trong nhà. Mãi tới lúc này bà mới hình dung được mức độ của vụ chém giết đẫm máu này. Bà trân trân nhìn vào những tấm ảnh chụp những thân thể bị chém nát, bị rách buntung. Người đàn bà trong tấm ảnh hầu như không còn có thể nhận ra được nữa vì nhát chém làm cho khuôn mặt của bà gần như bị chẻ làm đôi. Cánh tay của người đàn ông chỉ còn được dính vào người bởi mấy sợi gân.

Bà gấp cặp tài liệu lại và đẩy nó về chỗ cũ. Nhưng những tấm ảnh đó còn đọng lại trong bà, bà sẽ chẳng bao giờ thoát khỏi chúng. Mặc dù trong những năm làm thẩm phán, đã nhiều lần nhìn thấy những tấm ảnh bạo hành, nhưng chưa bao giờ bà thấy có tấm nào có thể so sánh được với những gì có trong cặp tài liệu của Erik Huddén.

Anh quay lại và gật đầu ra hiệu cho bà cùng đi với mình.

Vivi Sundberg ngồi sau chiếc bàn làm việc chất đầy tài liệu. Khẩu súng ngắn và chiếc điện thoại di động được đặt trên một cặp tài liệu đầy cứng tường như sắp nứt ra được. Sundberg chỉ vào chiếc ghế dành cho khách.

– Bà muốn nói chuyện với tôi? Vivi Sundberg lên tiếng chào hỏi. Nếu tôi hiểu không sai, bà đã đi cả một đoạn đường từ Helsingborg đến đây. Chắc bà cho rằng điều bà muốn kể hẳn là phải rất quan trọng, nếu không bà đã chẳng phải đi xa đến như vậy.

Điện thoại đổ chuông, Vivi Sundberg tắt máy và nhìn khách như đòi hỏi một câu trả lời.

Birgitta Roslin kể mà không quá đi vào chi tiết. Khi ngồi trên ghế thẩm phán, bà luôn mong muốn các công tố viên, luật sư, bị cáo hay nhân chứng làm như thế biết chừng nào. Bản thân bà nắm được nghệ thuật tóm lược sự việc một cách rõ ràng.

– Có thể là bà cũng đã biết về vụ ở Nevada, bà kết luận.

– Điều này chưa bao giờ được nhắc tới trong các cuộc họp của chúng tôi. Mà mỗi ngày chúng tôi phải họp tới hai lần.

– Bà nghĩ gì về chuyện tôi vừa kể?

– Tôi hoàn toàn không nghĩ gì cả.

– Nó có thể nghĩa là việc này không phải do một kẻ điên khùng gây ra.

– Tôi sẽ coi thông tin của bà như tất cả các thông tin khác. Chúng tôi đang ngập đầu ngập cổ với những thông tin kiểu này. Có thể là trong hàng đống hàng tá những cuộc điện thoại, những lá thư hay email chúng tôi nhận được, có ẩn chứa một chi tiết mà sau này sẽ giữ vai trò quyết định trong cuộc điều tra. Chúng tôi còn chưa biết.

Sundberg lấy ra một tập giấy và đề nghị bà Roslin kể lại một lần nữa. Sau khi đã ghi chép xong, bà đứng dậy đưa bà Roslin ra lối cửa.

Bà dừng lại ngay trước cửa kính.

– Bà có muốn nhìn thấy ngôi nhà nơi mẹ bà đã lớn lên không? Có lẽ bà đến đây cũng vì điều đó?

– Liệu có được không?

– Các xác chết đã được chuyển đi rồi. Tôi có thể để bà vào trong nhà, nếu bà muốn. Khoảng nửa tiếng nữa, tôi sẽ đi ra ngoài đó. Bà chỉ cần hứa với tôi là không lấy một thứ gì ra khỏi nhà là được. Có những người mơ lấy được tẩm thảm mà trên đó một trong các nạn nhân bị chém chết!

– Tôi không phải là người như vậy.

– Giờ bà có thể ngồi chờ trong xe, rồi sau đó đi theo xe của tôi.

Vivi Sundberg bấm vào một công tắc mở cửa. Birgitta Roslin bước ra ngoài đường phố, không một phóng viên nào trong số những người đang chen chúc trong phòng thường trực nhìn thấy.

Khi ngồi vào trong xe của mình, bà mới ngộ ra rằng mình đã không thuyết phục được Sundberg. Bà ấy đã không tin. Có thể đến một lúc nào đó sẽ có một điều tra viên xem xét đến hướng điều tra này, nhưng sẽ không nhiệt tâm.

Bà không thể trách Sundberg được. Có thể đó sẽ là một sự đòi hỏi quá lớn khi phải mở rộng phạm vi điều tra từ HesjövalLEN tới một thành phố mãi tận Nevada.

Một chiếc xe màu đen không có biển số cảnh sát đỗ lại bên cạnh xe của bà. Vivi Sundberg vẫy bà.

Lúc họ đến được ngôi làng, Vivi Sundberg dẫn bà đến ngôi nhà và nói:

– Tôi sẽ để bà ở lại đây để bà được tĩnh tâm.

Birgitta Roslin hít sâu một hơi rồi bước vào nhà, trong nhà đèn đóm được bật hết.

Như thế bà từ phía sau hậu trường bước ra, ngay trên sân khấu rực ánh đèn. Và trong vở kịch này, bà chỉ có một mình.

## 8

Roslin cố không nghĩ đến những người chết. Thay vì thế, bà hình dung đến hình ảnh mơ hồ của mẹ trong ngôi nhà này. Một phụ nữ trẻ với ước vọng được đi đây đi đó, ước vọng mà mẹ không thể chia sẻ cùng ai, hầu như cũng không dám tự thú nhận với chính mình mà lương tâm không dẫn vật đối với cha mẹ nuôi chất phác có tấm lòng nhân từ và rất sùng đạo của mình.

Bà đứng ở lối vào và lắng nghe. Trong những ngôi nhà bỏ không, có một sự tĩnh mịch rất riêng, bà thầm nghĩ. Có người nào đó đã rời khỏi đây và đem theo hết thảy mọi tiếng động. Ngay cả đến tiếng đồng hồ tích tắc.

Bà đi vào phòng khách. Những mùi lạ phả vào mặt bà, mùi bàn ghế, mùi tranh thảm treo tường, mùi những chiếc bình hoa sứ nhạt màu được để chen chúc giữa các chậu hoa cảnh trên giá. Bà đưa ngón tay nắn đất trong chậu hoa, rồi đi vào bếp, tìm một chiếc bình tưới nước cho tất cả những chậu hoa và cây cảnh. Đây là một việc bà có thể làm được cho những người chết. Xong việc, bà ngồi xuống ghế và nhìn quanh phòng. Có bao nhiêu thứ đã có từ thời mẹ bà sống ở đây? Mọi thứ đều đã cũ kỹ, đồ đạc cũng già đi cùng với người đã sử dụng chúng.

Sàn nhà, nơi họ nằm chết, vẫn còn phủ những tấm nilon. Bà bước lên cầu thang dẫn lên tầng trên. Trên chiếc giường trong phòng ngủ rộng, chăn gối vẫn bẽ bộn. Một chiếc dép đi trong nhà thò ra khỏi gầm giường. Còn chiếc nữa nằm ở chỗ nào, bà không nhìn thấy. Ở tầng này còn có hai phòng nữa. Trong căn phòng nằm ở bên trái, giấy dán tường được vẽ những con thú dễ thương. Bà lơ mơ nhớ lại đã có lần mẹ bà nhắc tới giấy dán tường này. Trong phòng có một chiếc giường, một chiếc tủ nhỏ, một chiếc ghế tựa và một chõng thảm xếp sát tường. Bà mở tủ quần áo, thành tủ được dán báo lót. Bà đọc được thời gian



phát hành là năm 1969. Thời điểm ấy, mẹ bà đã rời khỏi ngôi nhà này được hơn hai mươi năm.

Bà ngồi lên chiếc ghế gần cửa sổ. Lúc này trời đã gần tối, những quả đồi phủ cây cối ở phía bên kia hồ đã biến mất. Ở bìa rừng có một cảnh sát đang đi đi lại lại, một đồng nghiệp rọi đèn pin lên người anh ta. Anh ta nhiều lần dừng lại, cúi xuống như tìm kiếm một cái gì đó.

Birgitta Roslin có cảm giác kỳ lạ là đang đến rất gần bên mẹ. Chỗ này, mẹ đã ngồi - ở đây, ở chỗ này, trong một căn phòng, trong một thời gian khác. Có ai đó đã cắt khắc vào bệ cửa sổ. Có lẽ đó là mẹ khi đếm lùi ngày được rời khỏi đây?

Bà đứng dậy đi xuống tầng dưới. Bên cạnh bếp là một phòng có một chiếc giường, một đôi nạng dựng dựa vào tường và một chiếc xe lăn kiểu cổ. Dưới chân bàn đầu giường là một chiếc xô tiểu tiện bằng sứ. Căn phòng gây ấn tượng từ lâu đã không được dùng đến.

Bà quay trở lại phòng khách với bước chân lặng lẽ như sợ sẽ làm phiền nó. Ngăn kéo cửa bàn viết được kéo ra nửa chừng. Một ngăn chứa đầy khăn trải bàn và giấy lau miệng, còn ngăn khác đầy những cuộn len màu sẫm. Trong ngăn kéo thứ ba, ngăn dưới cùng, là hàng bó thư và những cuốn sổ ghi chép bìa nâu. Bà cầm lên một cuốn và mở ra. Bên trong không thấy đề tên. Nó được viết chật kín bằng nét chữ viết tay thanh mảnh. Bà lấy cặp kính đọc sách từ túi xách tay ra, đến bên cửa sổ để có thể dễ dàng đọc những dòng chữ nhỏ li ti. Cuốn sổ đã cũ, những câu được viết trong đó nghe cũng rất cổ. Ai đó đã viết nhật ký. Những gì được viết ra có liên quan đến đầu tàu, toa tàu và những đường ray tàu hỏa.

Sau đó bà phát hiện thấy một từ khiến bà giật mình: *Nevada*. Bà nín thở. Có cái gì đó bỗng nhiên như đang thay đổi, ngôi nhà bỏ không và cảm lạnh đã trao cho bà một thông báo. Bà cố đọc những dòng chữ được viết ra trong cuốn sổ, nhưng cửa nhà mở ra. Bà để lại quyển sổ vào ngăn kéo và đóng lại. Vivi Sundberg bước vào phòng:

– Tôi đoán là bà đã thấy những xác chết từng nằm ở chỗ nào, bà nói. Vì vậy mà tôi không cần phải chỉ cho bà nữa.

Birgitta Roslin gật đầu.

– Ban đêm chúng tôi khóa cửa nhà. Cho nên đáng tiếc là đã đến lúc bà phải rời khỏi đây.

– Bà đã tìm được người nhà của ông bà cụ này chưa?

– Tôi cũng đang định nói với bà chuyện đó. Xem ra, ông bà Brita và August Andrén không có con riêng, cũng không có họ hàng thân thích, ngoại trừ những người cùng sống trong làng này và cũng đã bị giết. Ngày mai chúng tôi sẽ đưa tên họ vào danh sách tên nạn nhân được công khai.

– Sau đó thì sao?

– Về điều này bà cũng nên suy nghĩ đến, vì kể ra bà cũng là họ hàng của họ.

– Tôi không có họ hàng với họ. Nhưng dù sao tôi cũng thấy mình có liên quan.

Cả hai cùng rời khỏi ngôi nhà. Vivi Sundberg treo chùm chìa khóa vào một cái đinh móc ở ngoài cửa.

– Chúng tôi không nghĩ có ai đó sẽ lên được vào nhà. Vào thời điểm này, ngôi làng được bảo vệ chẳng kém gì gia đình hoàng gia.

Hai người chia tay nhau trên đường làng. Những ngọn đèn pha sáng chói rọi lên những ngôi nhà. Birgitta Roslin lại có cảm giác đang đứng trên sân khấu.

– Ngày mai bà trở về nhà phải không? Vivi Sundberg hỏi.

– Có lẽ thế. Bà đã suy nghĩ về những gì tôi kể chưa?

– Trong cuộc họp sáng mai tôi sẽ trình bày những thông tin bà cung cấp, rồi nó sẽ được xử lý như mọi thông tin khác.

– Nhưng chắc chắn bà cũng thống nhất với tôi rằng có thể tin được, thậm chí rất có thể tin được, là có một mối liên quan giữa hai vụ án.

– Còn quá sớm để trả lời câu hỏi đó. Nhưng tôi tin bây giờ tốt nhất là bà không nên bận tâm về vấn đề này nữa.

Birgitta Roslin nhìn theo Vivi Sundberg ngồi vào xe rồi phóng đi. Bà ấy không tin mình, bà tự nói thành tiếng với chính mình trong bóng tối. Bà ấy không tin mình, và tất nhiên mình hiểu được điều đó.

Nhưng đồng thời điều đó lại làm cho bà bức bối. Nếu cũng là cảnh sát, bà sẽ ưu tiên xem xét thông tin cho biết về mối liên quan với một sự việc tương tự, ngay cả khi sự việc đó lại xảy ra ở một địa lục khác.

Bà định sẽ nói chuyện với công tố viên phụ trách điều tra sơ bộ. Anh ta sẽ hiểu ra quan sát của bà quan trọng đến mức nào.

Bà phóng rất nhanh về Delsbo và vẫn chưa thấy hết tức giận lúc về tới khách sạn. Những người làm quảng cáo tổ chức một bữa tiệc linh đình trong phòng ăn của khách sạn, còn bà lại phải ngồi ăn một mình bên quầy bar vắng bóng người. Bà gọi món ăn và một cốc rượu vang.

Sau bữa ăn, bà lên phòng mình. Nỗi bức bối của bà cũng lắng xuống. Bà uống một viên sắt và nghĩ đến cuốn nhật ký mà mình mới chỉ được giở lướt qua. Đáng lẽ bà nên kể cho Vivi Sundberg biết phát hiện của mình, nhưng không rõ vì lý do nào mà bà lại không làm việc đó. Có nguy cơ cuốn nhật ký đó cũng sẽ trở thành một chi tiết vô nghĩa trong tài liệu điều tra phong phú của cảnh sát.

Là thẩm phán, bà đánh giá cao những cảnh sát tinh ý. Họ là những người có khả năng đặc biệt, phát hiện ra được những mắt xích quan trọng trong một tài liệu mà những người khác thấy lộn xộn và rối rắm.

Vậy Vivi Sundberg thuộc tip cảnh sát nào? Một phụ nữ to béo, trung tuổi, hình như không có khả năng lĩnh hội nhanh một cách đặc biệt.

Nhưng lập tức Birgitta Roslin lại thấy hối hận về ý nghĩ ấy của mình. Như vậy thật là bất công, bởi lẽ bà chưa biết gì về Vivi Sundberg.

Bà lên giường nằm, bật vô tuyến và nghe tiếng rung của những cây guitar bass vọng lên từ phòng ăn, nơi cuộc liên hoan đang vào lúc sôi

nổi.

Tiếng chuông điện thoại đánh thức bà dậy. Bà nhìn đồng hồ và nhận ra mình đã ngủ được hơn một tiếng đồng hồ. Người gọi điện thoại đến là Staffan:

- Thực ra em đang ở đâu vậy?
- Ở Delsbo.
- Anh không biết Delsbo nằm ở chỗ nào cả.
- Phía Tây Hudiksvall.

Bà kể lại cho chồng nghe về chuyến đi đến làng Hesjövalle. Bà nghe có tiếng nhạc Jazz như làm nền cho cuộc nói chuyện của hai người. Ông ấy thấy thoải mái khi được ở một mình, bà thầm nghĩ. Lúc này, ông có thể nghe nhạc Jazz trong yên tĩnh, dòng nhạc mà mình không thích.

– Bây giờ mọi việc sẽ thế nào? Ông hỏi khi thấy bà im lặng.

– Ngày mai em mới quyết định được. Em vẫn chưa quen có nhiều thời gian rảnh rỗi như thế này. Bây giờ thì anh lại có thể tiếp tục nghe nhạc Jazz rồi đấy.

– Đó là Charlie Mingus.

– Ai cơ?

– Em muốn nói rằng mình không biết Charlie Mingus là ai, có phải không?

– Đôi khi em thấy, hình như tất cả các nhạc sĩ nhạc Jazz đều có chung một cái tên thì phải.

– Bây giờ em xúc phạm đến anh rồi đấy.

– Em không có ý ấy.

– Em có hoàn toàn chắc vậy không?

– Anh nói vậy nghĩa là sao?

– Anh chỉ muốn nói về căn bản em coi thường âm nhạc mà anh thích nghe.

– Vì sao em lại phải coi thường chúng chứ?

– Điều này thì chỉ tự em biết.

Cuộc nói chuyện kết thúc bất ngờ. Ông đập mạnh ống nghe. Thái độ này khiến bà tức giận. Bà gọi lại, nhưng ông không nhắc máy. Cuối cùng, bà cũng buông chiếc máy di động. Bà hồi tưởng lại những suy nghĩ của mình khi ở trên chuyến phà vào cái hôm đi sang Oresund. Không chỉ có riêng mình mệt mỏi, bà nghĩ. Ông ấy chắc hẳn cũng thấy mình sống lạnh nhạt, lơ đãng như mình thấy ở ông ấy. Cả mình lẫn ông ấy đều không biết làm thế nào để thoát ra khỏi tình trạng sống mòn này. Nhưng làm sao có thể tìm thấy một lối thoát khi mà chúng ta không thể nói chuyện được với nhau mà không cãi vã gay gắt?

Mình có thể viết một bài hát về chủ đề này, bà nghĩ. Hai con người làm tổn thương lẫn nhau.

Trong ý nghĩ, bà lập ra một danh mục các từ có âm vần với từ “vết thương”: tai ương, đáng thương, chán chường, vấn vương, nửa đường... Có thể viết được một bài hát từ những từ ấy, nhưng làm thế nào để nó không tầm thường, nhạt nhẽo đây?

Rồi bà chuẩn bị đi ngủ. Nhưng cũng phải mất một hồi lâu bà mới thiếp đi. Gần sáng bà thức dậy vì ở đâu đó có tiếng đập cửa. Bà nằm trong bóng tối và nhớ lại giấc mơ đêm qua của mình. Bà đã có mặt trong ngôi nhà của Brita và August Andrén. Bà nói chuyện với họ, hai người ngồi trên chiếc ghế sofa màu đỏ thẫm, còn bà thì đứng bên cạnh. Bỗng nhiên bà nhận ra mình đang trần truồng. Bà tìm cách che người lại và bỏ đi, nhưng không thể nào làm được. Hai chân bà như bị liệt. Lúc nhìn xuống, bà thấy hai bàn chân mình dính chặt vào nền nhà.

Đến đó thì bà thức dậy. Bà lắng tai nghe trong bóng tối.

Những tiếng lè nhè say rượu đến gần rồi biến mất. Bà nhìn vào đồng hồ. Năm giờ kém mười lăm. Còn lâu trời mới hửng sáng. Bà nằm ngay ngắn và tìm cách ngủ tiếp thì một ý nghĩ chợt đến trong đầu.

Chiếc chìa khóa được móc vào một cái đinh. Bà ngồi dậy trên giường. Đương nhiên điều này bị cấm và cũng không thể lấy được

quyển số nằm trong ngăn kéo. Nhưng cũng không thể chờ tới khi một cảnh sát nào đó tình cờ quan tâm đến việc này.

Bà đứng dậy và đến bên cửa sổ. Văng vè và yên tĩnh. Mình có thể làm được việc này, bà nghĩ. Trong trường hợp thuận lợi, mình sẽ góp phần để vụ điều tra này không bị sa lầy như vụ điều tra kém cỏi của cảnh sát liên quan đến thủ tướng Olof Palme. Nhưng mình sẽ phạm pháp bởi việc làm tự ý này và có thể một công tố viên hay bắt bẻ nào đó sẽ buộc mình tội làm cản trở công tác điều tra.

Tệ hơn nữa là tối qua bà đã uống rượu vang. Là một thẩm phán mà lại uống rượu lái xe rồi bị bắt thì sẽ là thảm họa. Bà tính lại thời gian kể từ khi ăn bữa tối. Nồng độ cồn hẳn đã giảm xuống. Nhưng bà không dám chắc chắn.

Mình không được phép làm việc này, bà nghĩ. Ngay cả khi cảnh sát bảo vệ ngôi làng đó còn đang ngủ. Mình không thể làm điều đó được.

Vậy mà không hiểu sao bà vẫn mặc quần áo rời rời khỏi phòng. Hành lang vắng vẻ. Một vài người dự tiệc về vẫn còn đang làm ồn trong phòng họ. Bà như thoảng nghe thấy có tiếng bước chân.

Quầy lễ tân không có người. Nhưng bà thoáng thấy lưng của một phụ nữ tóc vàng phía sau quầy.

Ngồi vào trong xe bà lại thấy do dự. Nhưng sức cảm dỗ quá mạnh - bà muốn được đọc cuốn nhật ký đó.

Không thấy có chiếc ô tô nào chạy ngược chiều. Một lần bà phải thắng phanh khi tưởng phía sau đóng tuyết được ủi sang hai bên đường có một con tuần lộc. Nhưng đó chỉ là mớ rễ chùm của một thân cây bị bật gốc.

Lúc lên tới con dốc cuối cùng dẫn xuống làng, bà cho xe dừng lại, tắt đèn. Bà lấy chiếc đèn pin để trong cốp xe rồi thận trọng đi dọc theo con đường, thỉnh thoảng lại dừng bước, lắng nghe. Một cơn gió nhẹ xào xạc trong tán cây. Khi lên đến đỉnh đồi bà nhìn thấy hai ngọn đèn pha chói sáng, một chiếc xe cảnh sát đỗ trước ngôi nhà nằm sát bìa rừng. Bà có thể tiếp cận ngôi nhà của Brita và August mà không ai

nhìn thấy. Bà che ánh sáng ngọn đèn pin, đi qua sân nhà hàng xóm để đến được phía sau ngôi nhà. Trong chiếc xe cảnh sát vẫn không thấy có động tĩnh gì. Bà đưa tay lần tìm chìa khóa nhà.

Khi bước vào trong hành lang, bà thấy rùng mình. Bà lấy từ trong túi áo khoác ra một chiếc túi nilon, thận trọng mở ngăn kéo bàn.

Bỗng nhiên đèn pin của bà tắt ngấm. Bà lắc lắc cho nó sáng lại, nhưng không được, tuy vậy, bà vẫn lấy những bức thư và những cuốn sổ nhật ký nhét vào chiếc túi nhựa. Một bọc thư tuột khỏi tay bà, làm bà phải quờ tay lên sàn nhà lạnh băng để tìm lại nó.

Rồi bà vội vàng trở lại xe. Người phụ nữ trực bên quầy lễ tân ngạc nhiên khi thấy bà từ bên ngoài đi vào khách sạn.

Bà chỉ muốn được đọc ngay những thứ vừa đem về, nhưng rồi lại quyết định ngủ thêm hai tiếng nữa. Bà thức dậy vào lúc chín giờ sáng, đi xuống quầy lễ tân mượn một chiếc kính lúp rồi ngồi xuống bên chiếc bàn mà bà đã kéo đến sát bên cửa sổ trong phòng mình. Những người làm quảng cáo kết thúc hội nghị, bắt đầu lục tục lên đường, chui vào những chiếc xe con, hoặc xe bus của họ. Bà treo tấm biển “Đề nghị không làm phiền” vào quả đấm cửa ở bên ngoài và bắt đầu đọc mấy quyển sổ. Công việc tiến triển rất chậm, có những từ, thậm chí cả câu, không thể luận ra được.

Bà cũng nhanh chóng nhận ra đằng sau chữ viết tắt *J.A.* ẩn náu một người đàn ông. Tại sao ông ta không xưng là “tôi” một khi nói về bản thân mình mà lại phải dùng các chữ đầu của tên họ. Ông ta là ai, thoát đầu bà còn chưa rõ, nhưng rồi bà nhớ đến bức thư thứ hai mà bà tìm thấy trong số giấy tờ của mẹ. Jan August Andrén. Hẳn là ông ta. Ông ta là cai thợ của một công trường xây dựng đường sắt khổng lồ đang từ từ vượt qua sa mạc Nevada vươn tới miền Đông, ông ta tả rất tỉ mỉ và cầu kỳ về trách nhiệm của mình. *J.A.* kể về những thanh tà vẹt, những thanh ray và ông ta đã phải sẵn sàng cúi đầu trước những người đàn ông thuộc giai tầng trên, những người đã khiến ông ta sợ hãi với quyền lực của họ. Ông ta tả về những bệnh tật đã tấn công mình, trong

đó có đợt sốt dai dẳng đã làm ông ta mất sức lao động trong một thời gian dài.

Thời kỳ ấy có thể nhận thấy qua chữ viết của ông ta, chúng bỗng nhiên trở nên run rẩy. J.A. đã viết: “Sốt cao, thường nôn ra máu rất đau đớn”. Birgitta Roslin gần như có thể chia sẻ nỗi sợ chết hiển hiện trong những trang viết ấy. Vì J.A. không ghi ngày tháng khi viết, nên bà cũng không biết ông ta bị ốm bao lâu. Vài trang sau bỗng ông ta lại viết một bản di chúc: “Herbert, người bạn tốt của tôi nhận được một đôi ủng và những thứ quần áo khác, ông Harrisson nhận được khẩu súng trường và khẩu súng ngắn với lời đề nghị thông báo cho họ hàng của tôi ở Thụy Điển biết rằng tôi đã qua đời. Tiền của tôi được dành cho linh mục ngành đường sắt, để ông có thể lo cho tôi một lễ an táng đàng hoàng với ít nhất là hai bài thánh vịnh. Tôi không nghĩ rằng cuộc đời của mình lại sớm kết thúc đến vậy. Chúa phù hộ tôi.”

Nhưng J.A. không chết. Bất ngờ, không có đoạn chuyển tiếp, ông ta đã khỏe lại.

“Chúng tôi làm việc cực nhọc, và công việc tiến triển nhanh, vì khu vực này dễ làm. Ở đây có quá nhiều răn lục lặc làm cho những người Hoa sợ hãi. Nhưng họ làm việc rất nhanh nhẹn, mặc dù họ khiến tôi không hài lòng.”

Lúc này hình như J. A. làm cai thợ cho một công ty có tên là “Central Pacific”, có nhiệm vụ xây dựng tuyến đường sắt chạy từ Thái Bình Dương đến điểm giao với tuyến đường xuất phát từ miền duyên hải phía Đông do một công ty cạnh tranh xây dựng cùng lúc. Ngôn ngữ của ông ta pha trộn cả tiếng Anh, ông ta phàn nàn rằng “cánh thợ rất *lazy*”, nếu như ông ta không nghiêm khắc giám sát họ. Ông ta đặc biệt không hài lòng với đám thợ người Ái Nhĩ Lan, vì họ uống quá nhiều rượu và buổi sáng thường không đến đúng giờ. Ông ta nhắm tính cứ trong bốn người Ái Nhĩ Lan thì phải đuổi bớt một người, điều này cũng gây không ít khó khăn cho công việc. Còn tuyển dụng người da đỏ thì không thể, vì họ từ chối làm việc nặng nhọc như vậy. Còn



người da đen thì đơn giản hơn, nhưng những người nô lệ này, một là bỏ trốn hoặc được trả tự do, hoàn toàn không muốn để bị ra lệnh. J.A. Viết: “Ở đây cần có nhiều chàng trai Thụy Điển tráng kiện, thay vì những gã cu li người Hoa láu cá và những gã Ái Nhĩ Lan say rượu.”

Birgitta Roslin phải căng mắt ra mới đọc nổi những dòng chữ trong cuốn nhật ký. Thỉnh thoảng bà lại phải nằm lên giường một lúc và nhắm mắt lại. Rồi sau đó bà lại tiếp tục đọc một trong các bó thư. Lại là J.A. Viết, lại là những con chữ hầu như không còn có thể đọc được nữa. Ông ta viết cho cha mẹ, kể cho họ nghe về cuộc sống của mình. Giữa những điều ông ta ghi trong nhật ký với những gì viết trong thư gửi về nhà có những trái ngược đến kỳ lạ. Giả sử những gì ông ta viết trong nhật ký là sự thật, thì ông ta đã nói dối trong những bức thư. Trong nhật ký ghi tiền lương mỗi tháng của ông ta là mười một đô la. Trong bức thư bà đọc đầu tiên, ông ta viết: “Các ông chủ của con đều tỏ ra hài lòng với con, nên con bây giờ được trả hai mươi lăm đô la một tháng, có lẽ tương đương với đồng lương của một viên thu thuế ở nhà mình bên ấy.” Ông ta khoe khoang, bà thầm nghĩ. J.A. ở quá xa nên sẽ chẳng ai có thể kiểm chứng được những gì ông ta nói ra.

Bà tiếp tục đọc và phát hiện thấy những điều dối trá mới, càng lúc chúng càng đáng ngạc nhiên hơn. Bỗng nhiên ông ta đính hôn với một người làm bếp tên là Laura “đến từ một gia đình khá giả ở New York”. Căn cứ vào ngày tháng đề trong thư thì thấy cũng chính thời gian này ông ta đang nằm trên giường chờ chết và vô cùng sợ hãi viết di chúc. Có lẽ Laura đến với ông ta trong cơn mê sáng vì sốt cao.

Người đàn ông mà Birgitta Roslin cố tìm cách mường tượng ra cứ trườn mất như một con lươn. Càng lúc bà càng thiếu kiên nhẫn, đến mức bà chỉ lướt qua những trang nhật ký và những bức thư.

Sau nhiều tiếng đồng hồ ngồi bên những trang viết rất khó đọc, bà bắt gặp một tờ giấy được kẹp giữa những trang nhật ký. Đó là một phiếu trả lương, chứng thực rằng vào tháng Tư năm 1864, Jan August Andrén nhận được một khoản lương mười một đô la. Lúc này bà mới

biết rằng đây chính là người đàn ông đã viết bức thư kẹp trong số giấy tờ của mẹ bà để lại.

Bà đứng dậy đi đến bên cửa sổ. Một người đàn ông đang xúc tuyết. Trước kia đã có một người đàn ông từ HesjövalLEN di cư đi, dưới cái tên là Jan August Andrén, bà thầm nghĩ. Ông ta đến Nevada làm công nhân xây dựng đường sắt, rồi trở thành cai thợ, ông ta không ưa cả người Ái Nhĩ Lan lẫn đám người Hoa dưới quyền chỉ huy của mình. Người vợ chưa cưới mà ông ta tưởng tượng ra có thể chỉ là một trong “những người đàn bà lang chạ lảng vảng quanh công trường xây dựng đường sắt” như ông ta đã viết ở những đoạn khác trong cuốn nhật ký. Họ lây truyền các bệnh hoa liễu trong đám thợ. Đám đi điếm lần theo bước tiến của các công trường xây dựng đường sắt thường gây ra những chuyện lộn xộn và phức tạp. Không những chỉ chuyện phải thải hồi những người bị mắc bệnh, mà còn có những trận ẩu đả thường xuyên bùng nổ do tranh giành phụ nữ.

Đến phân nửa cuốn nhật ký, J.A. kể lại một người Ái Nhĩ Lan tên là O'Connor đã bị kết án tử hình vì giết một người thợ Tô Cách Lan. Hai gã đó say rượu và đánh lộn nhau vì một người đàn bà. O'Connor bị treo cổ, vị thẩm phán từ nơi khác đến đã đồng ý không thi hành án trong thành phố, mà tiến hành trên một quả đồi gần nơi đang có công trường xây dựng đường sắt. Jan August Andrén viết: “Tôi thấy việc này rất tốt, mọi người đều sẽ thấy rượu và dao sẽ dẫn họ tới đâu.”

Ông ta tả rất tỉ mỉ về cái chết của người thợ Ái Nhĩ Lan. “Đó là một chàng trai còn rất trẻ, gần như chưa có lông tơ mép.”

Đó là một buổi sáng sớm. Việc thi hành án được diễn ra ngay trước khi bắt đầu ca sáng. Ngay cả một vụ hành quyết cũng không được khiến một thanh tà vẹt, một thanh ray bị rải muộn. Các cai thợ đã nhận được lệnh, tất cả thợ thuyền đều phải có mặt trong buổi hành quyết. Gió lạnh buốt. Jan August Andrén buộc một chiếc khăn che kín mồm, mũi khi đi vòng quanh các lán trại và kiểm tra xem thợ của mình đã ra khỏi lều đi đến bãi hành quyết chưa. Giá treo cổ được dựng trên một

chồng tà vẹt mới được quét hắc ín. O'Connor chết là người ta sẽ ngay lập tức tháo tà vẹt xuống để rải. Các thừa tác viên của tòa án mang theo vũ khí giải tử tù đến bãi hành quyết. Một vị cha cố cũng có mặt. Jan August Andrén tả cảnh tượng: “Một tiếng rì rầm nổi lên trong đám người. Thoạt đầu, người ta có thể tưởng rằng tiếng ồn ào kia là hướng vào gã đao phủ. Rồi sau đó người ta cho rằng đó là tiếng thổi phào nhẹ nhõm của mỗi kẻ đang có mặt ở đây vì mình không phải ở vào vị trí của người sắp bị treo cổ. Khi ấy tôi thầm nhủ rằng rất nhiều người trong số họ căm thù công việc hằng ngày thì lúc này đây lại cảm thấy mê đi với ý nghĩ rằng vẫn sẽ được tiếp tục khiêng vác những thanh ray, vẫn còn được xúc đá dăm, đặt các thanh tà vẹt lên đường tàu.”

Trong phần miêu tả tỉ mỉ vụ hành quyết, Jan August Andrén giống như là một phóng viên tư pháp, Birgitta Roslin thầm nghĩ. Nhưng có phải ông ta viết cho chính mình hay viết lại cho hậu thế vô danh. Nếu không phải vậy, có lẽ ông ta đã không sử dụng cách diễn đạt “cảm thấy mê đi”.

Câu chuyện được thuật lại mang màu sắc bi thảm, khủng khiếp. O'Connor lê chân bước như một kẻ mộng du, nhưng bất thành linh, khi đến chân giá treo cổ, cậu ta bừng tỉnh, bắt đầu gào thét và chiến đấu cho cuộc sống của mình. Tiếng rì rầm trong đám người có mặt tăng lên. Tất cả được Jan August Andrén miêu tả là một “cảnh tượng khủng khiếp khi phải nhìn thấy chàng trai này đấu tranh cho mạng sống mà anh ta biết rằng không lâu nữa mình sẽ mất. Chàng thanh niên giãy giụa, gào thét được dẫn đến bên sợi dây thừng và anh ta gằm lên cho tới lúc chiếc nắp hố dưới chân mình mở ra và xương sống cổ bị gãy.” Lúc này tiếng rì rầm của đám đông cũng im bật, Jan August Andrén viết: “giống như là những người có mặt ở đây bị câm và cảm thấy như chính xương sống cổ của họ đã gãy.”

Ông ta tả thật chính xác, Birgitta Roslin nghĩ, một người đàn ông viết bằng cảm xúc thực của mình.

Giá treo cổ được tháo dỡ, xác chết và các thanh tà vẹt được chuyển đi các hướng khác nhau. Rồi xảy ra vụ đánh lộn giữa đám người Hoa với nhau. Ai cũng muốn giành được sợi dây thừng đã treo cổ O'Connor. Andrén viết: “Người Hoa không giống như chúng ta. Chúng bắn thiêu, chỉ quần tụ với nhau, thốt ra những câu phù chú kỳ lạ, bày ra các trò trừ tà ma huyền bí. Hình như họ sẽ dùng sợi dây treo cổ để sắc một thứ thuốc nước.” Đây là lần đầu tiên ông ta đưa ra một ý kiến cá nhân: “Người Hoa không như chúng ta. Chúng bắn thiêu.”

Chuông điện thoại reo. Đó là Vivi Sundberg.

– Tôi có làm bà thức giấc không?

– Không.

– Bà có thể xuống dưới này được không? Tôi đang ở bên quầy lễ tân.

– Có chuyện gì vậy?

– Lúc bà xuống đây, tôi sẽ nói cho bà biết.

Vivi Sundberg đứng chờ trước lò sưởi mở.

– Chúng ta ngồi vào chỗ kia, Vivi Sundberg nói và chỉ vào bộ bàn ghế kê ở góc phòng.

– Do đâu bà biết được tôi ở khách sạn này?

– Tôi đã hỏi.

Birgitta Roslin linh cảm thấy một điều hoàn toàn không tốt. Vivi Sundberg thận trọng, lạnh lùng. Bà đi thẳng vào vấn đề.

– Chúng tôi không mù và điếc lắm đâu, bà bắt đầu. Dù chúng tôi chỉ là những cảnh sát tình lẻ. Chắc bà rõ tôi muốn nói đến điều gì?

– Không.

– Chúng tôi bị mất những thứ để trong ngăn kéo bàn của ngôi nhà mà tôi đã tạo điều kiện để bà vào được trong đó. Tôi đã đề nghị bà không động chạm vào bất kể một cái gì. Đêm hôm qua hẳn bà đã trở lại đó. Trong ngăn kéo mà bà đã lấy hết đi chứa những cuốn nhật ký và thư từ. Tôi chờ bà ở đây trong khi bà lên lấy chúng xuống. Tổng

cộng là năm hay sáu cuốn nhật ký? Bao nhiêu bó thư? Bà hãy mang cả xuống đây. Sau đó tôi sẽ quên việc này. Và bà phải biết ơn tôi, vì tôi đã bỏ công đến đây.

Birgitta Roslin cảm thấy mặt mình đỏ lên. Bà bị tóm quả tang đang thò ngón tay vào hộp đựng bánh. Bà hoàn toàn không thể làm gì được nữa. Bà thảm phán bị buộc tội.

Bà đứng dậy, đi lên phòng. Bà chần chừ định giữ lại cuốn nhật ký đang đọc dở. Nhưng bà không biết thật sự Vivi Sundberg đã biết được những gì. Việc Vivi Sundberg tỏ ra không biết chính xác có bao nhiêu cuốn nhật ký hoàn toàn không có ý nghĩa gì. Rất có thể đó là cách để kiểm tra sự thật thà của bà. Birgitta Roslin đã đem xuống tất cả những thứ bà đã lấy về. Vivi Sundberg nhét những bó thư và những cuốn nhật ký vào trong một chiếc túi giấy.

- Vì sao bà lại làm chuyện này? Bà hỏi.
- Tôi tò mò. Tôi chỉ có thể nói lời xin lỗi.
- Bà có giấu tôi điều gì không đấy?
- Tôi không có lý do giấu giếm.

Vivi Sundberg nhìn bà dò xét. Birgitta Roslin lại cảm thấy mặt mình đỏ lên. Sundberg đứng dậy. Mặc dù có thân hình nặng nề, nhưng bà vận động rất nhẹ nhàng.

– Bà hãy để việc này cho cảnh sát chúng tôi giải quyết. Tôi không muốn để mọi người biết rằng đêm hôm qua bà đã đột nhập vào trong ngôi nhà đó. Chúng ta sẽ quên chuyện này. Bà trở về nhà mình, tôi lại tiếp tục với công việc ở đây.

- Tôi xin được tha lỗi.
- Bà đã làm điều đó rồi.

Vivi Sundberg biến mất qua khung cửa và bước lên chiếc xe cảnh sát đỗ ở bên ngoài. Birgitta Roslin lên phòng lấy áo khoác rồi đi dạo bên bờ hồ nước đóng băng. Gió lạnh thổi thành từng cơn. Bà cúi đầu, giấu cảm vào cổ áo. Một nữ thảm phán đêm hôm lên vào một ngôi

nhà, trong đó vừa mới có hai người già bị giết hại, và lấy đi những bó thư cùng những cuốn nhật ký, bà nghĩ và tự hỏi mình, liệu Vivi Sundberg có kể lại chuyện này cho các đồng nghiệp không hay bà ấy sẽ giữ kín cho mình.

Birgitta Roslin đi vòng quanh hồ một lượt, người nóng ran, đổ mồ hôi rồi trở về khách sạn. Sau khi đã tắm xong và thay quần áo, bà nghĩ lại tất cả những gì mới xảy ra.

Bà tìm cách ghi lại những suy nghĩ của mình, nhưng rồi lại vo tròn những tờ giấy đó, vứt chúng vào sọt đựng rác. Vậy là bà đã đến thăm ngôi nhà nơi mẹ bà lớn lên, đã nhìn thấy căn phòng của mẹ và biết bố mẹ nuôi của mẹ nằm trong số những người đã bị giết ở đây. Cũng đã đến lúc trở về nhà, bà thầm nghĩ.

Bà đi xuống quầy lễ tân báo sẽ rời đi vào hôm sau. Sau đó bà phóng xe tới Hudiksvall, tìm một hiệu sách, mua một cuốn viết về rượu vang. Bà do dự định vào lại quán ăn Trung Quốc hôm trước đã vào, nhưng thay vì thế bà lại chọn một quán ăn Ý. Bà ngồi lại rất lâu, giờ xem qua mấy tờ báo, nhưng không còn để ý đến những gì viết về Hesjövalle nữa.

Điện thoại di động của bà đổ chuông. Bà nhìn vào màn hình và biết đó là Siv, một trong hai cô con gái sinh đôi.

– Mẹ đang ở đâu vậy?

– Ở Hälsingland. Mẹ đã chẳng nói cho con biết rồi sao?

– Nhưng mẹ làm gì ở Hälsingland mới được chứ?

– Đơn giản là mẹ muốn ngao du một chút. Thay đổi không khí ấy mà. Ngày mai mẹ về nhà.

Bà nghe rõ tiếng con gái thờ dài.

– Ba và mẹ, hai người lại cãi nhau, phải không?

– Sao con lại nghĩ vậy?

– Sự việc càng ngày càng tồi tệ hơn. Về nhà là bọn con đã cảm thấy.

– Cái gì cơ?

– Chuyện của ba mẹ ấy. Ba đã nói chuyện đó với con.

– Ba con đã nói về việc của ba mẹ?

– So với mẹ, ba có lợi thế hơn. Ba có câu trả lời, khi người ta hỏi ba. Nhưng mẹ thì lại không làm thế. Mẹ nên nghĩ lại về điều này, con thấy vậy, nếu như bây giờ mẹ trở về nhà. Thôi, con phải dừng lại thôi. Thẻ của con sắp hết tiền rồi.

Cạch. Cuộc trao đổi kết thúc. Những điều con gái nói ra làm cho bà thấy đau đớn. Đồng thời bà cũng thấy đó là sự thật. Bà trách Staffan sống thu mình. Nhưng trong mối quan hệ với các con bà cũng xử sự y như vậy.

Bà quay về khách sạn, đọc cuốn sách vừa mua, ăn nhẹ vào bữa tối và đi ngủ sớm.

Tiếng chuông điện thoại làm bà thức trong bóng tối. Khi bà lên tiếng lại không thấy ai ở bên kia đầu dây. Trên màn hình không hiện số.

Một cảm giác không lành chột đến bất thành linh với bà. Ai đã gọi điện cho bà?

Trước khi ngủ tiếp, bà xem lại cửa phòng đã được khóa cẩn thận chưa. Rồi bà nhìn ra ngoài qua cửa sổ. Đường xe ra vào khách sạn vắng tanh. Bà trở vào giường và nghĩ rằng ngày hôm sau sẽ làm một việc duy nhất phải lẽ.

Trở về.

## 9

Bà ngồi ăn bữa sáng vào lúc bảy giờ. Qua cửa sổ nhìn ra hồ nước, bà thấy trời đã nổi gió. Một người đàn ông kéo xe trượt tuyết, trên xe có hai đứa bé ních chặt quần áo ấm. Nhìn cảnh ấy khiến bà nhớ lại mình đã phải cố gắng như thế nào để kéo được những đứa con của mình lên đỉnh dốc. Đó là một trong những cảm giác lạ lùng nhất trong cuộc đời, chơi đùa với các con trong tuyết giữa lúc đầu vẫn nghĩ đến những bản án phức tạp. Tiếng reo hò, cười đùa của những đứa trẻ tương phản với những tình tiết đáng sợ trong các vụ trọng án.

Bà nhắm tính lại trong cuộc đời làm thẩm phán, bà đã bỏ tù ba kẻ giết người có chủ định và bảy người do ngộ sát. Ngoài ra còn một loạt những kẻ cưỡng dâm và những gã đánh người gây thương tích mà chỉ là nhờ may mắn mới không chuyển thành tội giết người.

Những ý nghĩ ấy đã khiến bà cảm thấy bất an. Đong đếm cuộc sống của bà chỉ dựa trên số lượng những kẻ sát nhân bị bà bỏ tù: phải chăng đó thực sự là kết quả những cố gắng của bà?

Đã hai lần bà bị đe dọa. Lần đầu, cảnh sát Helsingborg cho rằng cần phải bố trí người bảo vệ bà. Việc này có liên quan đến một kẻ buôn bán ma túy đã có tiền án sử dụng xe máy để trốn lộ. Ngày đó các con bà còn nhỏ. Đó là một quãng thời gian khó khăn cho cuộc sống gia đình bà: hầu như không có ngày nào là bà và Staffan không to tiếng với nhau.

Trong khi ăn bà tránh nhìn vào những tờ báo hẵn đã được lợi trong vụ ở Hesjövalle. Thay vào đó, bà cầm lấy tờ báo kinh tế, lơ đãng giở các trang: thị trường chứng khoán, số lượng phụ nữ trong hội đồng quản trị của các công ty Thụy Điển. Trong phòng ăn không có nhiều người. Bà lấy thêm cốc cà phê thứ hai và nghĩ liệu có nên chọn đường khác để trở về nhà không. Có thể theo hướng Tây, qua các khu rừng của Värmland?



Bỗng nhiên có ai đó nói với bà. Một người đàn ông ngồi một mình ở chiếc bàn không quá xa bà.

– Ông nói với tôi à?

– Tôi chỉ muốn biết Vivi Sundberg đã muốn gì ở bà?

Bà không biết người đàn ông này và không hiểu rõ ông ta vừa nói gì. Trước khi bà kịp trả lời, ông ta đứng lên đi đến bàn của bà. Ông ta kéo một chiếc ghế và ngồi xuống mà không cần hỏi liệu bà có đồng ý hay không.

Người đàn ông có mái tóc màu lửa, cỡ chừng sáu mươi tuổi, to béo và cơ thể bốc mùi.

Bà thấy bực và lập tức bảo vệ lãnh thổ của mình.

– Tôi muốn được yên lặng ăn xong bữa sáng.

– Thì bà đã ăn sáng xong rồi. Tôi chỉ muốn đặt một vài câu hỏi.

– Tôi không hề biết ông là ai.

– Lars Emanuelsson, phóng viên. Không phải một tay bồi bút. Tôi còn khá hơn họ. Tôi không viết những chuyện ngồi lê đôi mách. Các bài của tôi đều được viết kỹ lưỡng và có phong cách.

– Điều này còn lâu mới đủ cho ông cái quyền quấy rầy tôi trong bữa ăn sáng.

Lars Emanuelsson đứng dậy ngồi vào bàn bên cạnh.

– Thế này tốt hơn chứ?

– Vâng, tốt hơn. Và ông viết bài cho ai?

– Điều này thì tôi còn chưa quyết định. Trước tiên tôi cứ viết ra giấy đã, rồi mới quyết định ai là người nhận được nó. Tôi không tùy tiện bán cho bất kỳ ai.

Kiểu khoe khoang khoác lác của ông ta càng lúc càng khiến bà bực mình. Ngoài ra bà còn ngửi thấy mùi ở ông ta, cái mùi lâu ngày không tắm rửa. Ông ta như bức hí họa một nhà báo hay quấy rối.

– Tôi được biết hôm qua bà đã nói chuyện với bà Vivi Sundberg. Đó không phải là một cuộc trao đổi thân tình đặc biệt. Hai nữ đối thủ

ngờ vực lẫn nhau. Tôi nhầm chăng?

– Phải đấy. Ông đã nhầm. Tôi không có gì để nói với ông.

– Nhưng bà không thể chối cãi là đã nói chuyện với bà ấy chứ?

– Điều này tôi cũng không làm.

– Tôi tự hỏi một nữ thẩm phán từ Helsingborg làm gì ở đây? Bà có liên quan gì đến cuộc điều tra? Trong một làng nhỏ heo hút ở phía Bắc đã xảy ra những điều khủng khiếp và Birgitta Roslin phóng xe từ Helsingborg đến đây.

Bà giật nẩy mình.

– Ông muốn gì? Do đâu mà ông biết tôi là ai?

– Đó là chuyện phương pháp. Cả cuộc đời người ta tìm kiếm phương cách tốt nhất để đạt được mục đích của mình. Tôi cho rằng với một thẩm phán thì cũng tương tự thế thôi. Các quy tắc, sắc lệnh, đạo luật và pháp chế là một chuyện. Nhưng mỗi người đều có phương pháp của riêng mình. Tôi không còn biết mình đã viết về bao nhiêu cuộc điều tra hình sự nữa. Một năm trời, tính chính xác là ba trăm sáu mươi sáu ngày, tôi đã theo dõi cuộc điều tra vụ Olof Palme. Tôi đã sớm biết rằng sẽ không bao giờ tóm được kẻ giết người, vì cuộc điều tra đã thất bại trước cả khi nó bắt đầu. Cảnh sát và các công tố viên chịu trách nhiệm vụ đó chỉ tìm cách vênh vang trước các kênh truyền hình. Ngày đó có rất nhiều người cho rằng kẻ giết người là Christer Pettersson. Cho tới khi có một số điều tra viên thông minh nhận ra rằng ông ta không phải là hung thủ, bất luận ở phương diện nào. Nhưng chẳng có ai thèm nghe họ. Còn tôi thì dù gì cũng chỉ muốn đứng ngoài lề, đi vòng xung quanh hết thảy. Như thế có thể phát hiện ra được những điều mà người khác không thấy. Ví dụ như một nữ thẩm phán được một nữ cảnh sát ghé thăm - trong khi, nói chính xác ra, bà ta không có thời gian dành cho việc gì khác ngoài vụ điều tra mà bà ta phải làm việc hai mươi tư trên hai mươi tư giờ cho nó. Bà đã trao cho bà ấy cái gì?

– Tôi không trả lời câu hỏi này.

– Vậy thì tôi có thể cắt nghĩa việc đó như thế này: bà đã nhúng sâu vào chuyện này. Tôi có thể chạy một hàng tít lớn: “Nữ thẩm phán từ Scanie dính líu vào thảm kịch ở HesjövalLEN.”

Bà uống cạn tách cà phê rồi đứng dậy. Ông ta đi theo bà đến quầy lễ tân.

– Một khi bà cho tôi cái gì đó, tôi sẽ đền đáp lại bà.

– Tôi tuyệt đối không có gì để nói với ông. Không phải vì tôi có điều bí mật nào đó, mà vì tôi thật sự không có gì có thể làm cho một nhà báo quan tâm.

Lars Emanuelsson bĩu môi:

– Phóng viên. Không phải là nhà báo. Tôi cũng đâu có gọi bà là người “bóp méo sự thật”.

Một ý nghĩ bỗng nảy ra trong đầu bà:

– Có phải ông là người đêm qua đã gọi điện thoại cho tôi?

– Không phải.

– Vậy thì dù sao tôi cũng đã được biết.

– Điện thoại của bà đổ chuông? Vào giữa ban đêm khi bà đang ngủ? Tôi có nên quan tâm đến điều này không?

Bà không trả lời, ấn nút gọi thang máy.

– Có điều tôi muốn tiết lộ cho bà biết, Lars Emanuelsson nói. Cảnh sát đang giấu giếm một chi tiết quan trọng. Nếu như người ta có thể gọi một con người là một chi tiết.

Cửa thang máy mở ra. Bà bước vào bên trong.

– Không phải chỉ có người già bị giết. Tại một trong những ngôi nhà ở đó, người ta còn tìm thấy một đứa bé.

Cửa thang máy khép lại. Lên đến tầng trên, bà lại ấn nút đi xuống. Ông ta vẫn chờ bà. Họ cùng ngồi xuống bên một chiếc bàn. Lars Emanuelsson châm thuốc hút.

– Ở đây cấm hút thuốc.

– Bà lại nói ra cái điều mà tôi không quan tâm.

Ông ta dùng chậu hoa trên bàn làm gạt tàn.

– Cần phải luôn tìm kiếm cái mà cảnh sát không muốn tiết lộ. Như thế ta có thể hiểu được họ nghĩ gì, họ tin sẽ tìm ra được hung thủ theo hướng nào. Trong số những người bị giết, có một cậu bé mười hai tuổi. Họ biết ai là những người họ hàng của nó và nó làm gì ở làng đó. Nhưng họ không công khai thông tin ấy.

– Do đâu mà ông biết được điều này?

– Đó là bí mật của tôi. Trong một cuộc điều tra hình sự, ở đâu đó luôn có một chỗ rò rỉ thông tin ra bên ngoài. Cần phải biết cách tìm kiếm nó, sau đó phải ghé sát tai vào đó.

– Đứa bé ấy là ai?

– Giờ thì chưa nói tên được. Tôi biết thằng bé tên là gì, nhưng tôi không có ý định cho bà biết. Nó đến thăm người bà con. Đáng lẽ ra nó phải đi học, nhưng đang được nghỉ ốm vì mổ mắt. Thằng bé đáng thương đó bị lác. Bây giờ mắt của nó đã nằm đúng vị trí. Đèn chớp đã tắt, có thể ví như thế. Vậy mà nó lại bị chém chết. Giống như hai ông bà già mà nó đến thăm. Nhưng không hoàn toàn như thế.

– Tại sao không? Khác biệt ở chỗ nào?

Lars Emanuelsson ngả người ra sau ghế. Cái bụng của ông ta lòi ra khỏi cặp quần. Birgitta Roslin thấy ông ta khả ố không thể tưởng được. Ông ta biết điều này nhưng mặc kệ.

– Còn bây giờ đến lượt bà. Vivi Sundberg, những cuốn sổ và những bức thư.

– Tôi có họ hàng xa với hai trong số các nạn nhân. Tôi đã đưa cho bà Vivi Sundberg một số tài liệu mà bà ấy đề nghị tôi cung cấp.

Ông ta nheo mắt quan sát bà.

– Và tôi nên tin điều đó?

– Ông hãy tin những gì ông muốn.

– Sổ sách gì vậy? Thư từ gì vậy?

– Nó có liên quan đến việc làm sáng tỏ mối quan hệ gia đình.

– Gia đình nào?

– Brita và August Andrén.

Ông ta gạt đầu ngấm nghĩ rồi bất ngờ dụi mạnh điều thuốc vào chậu hoa.

– Nhà số hai hoặc số bảy. Cảnh sát dành cho mỗi một ngôi nhà một mật mã riêng. Nhà số hai có mật mã là 2/3. Điều này đương nhiên có nghĩa là ở trong nhà này có ba người bị giết.

Ông ta không rời mắt khỏi bà trong lúc móc từ trong bao đựng thuốc nhả nheo ra nửa điều thuốc đã hút dở.

– Điều không giải thích được là vì sao hai bà lại tỏ ra lạnh lùng với nhau như vậy.

– Bà ấy rất vội. Còn điều khác biệt ở đứa bé là gì?

– Điều này tôi vẫn chưa làm sáng tỏ được. Phải thừa nhận rằng lần này cảnh sát ở Hudiksvall và lực lượng tăng viện từ Stockholm đã thực sự biết giữ mồm giữ miệng. Nhưng tôi tin rằng thằng bé không bị giết bởi cùng thứ bạo lực mù quáng như những người khác.

– Ý ông là gì?

– Tôi muốn nói gì ư? Nó đã bị giết chết ngay mà không phải chịu những đau đớn không cần thiết, không bị hành hạ. Do vậy mà đương nhiên người ta có thể rút ra được hàng nghìn kết luận khác nhau, cái này lôi cuốn và đương nhiên là sai lầm hơn cái khác. Nhưng kết luận như thế nào tôi để bà tự rút ra. Trong trường hợp bà quan tâm đến nó.

Ông ta đứng dậy sau khi lại dụi mẩu thuốc vào chậu hoa.

– Còn bây giờ tôi lại phải tiếp tục đi vòng vòng đây, ông ta nói. Có thể chúng ta sẽ lại gặp nhau trên đường. Ai mà biết được?

Bà trở lên phòng để gói ghém va li. Nhưng bà dừng lại bên cửa sổ và quan sát người đàn ông không mệt mỏi kéo những đứa con trên xe trượt tuyết. Bà nghĩ tới Lars Emanuelsson. Thật ra người đàn ông khó chịu ấy đã nói gì và ông ta có thật sự khó chịu như bà nghĩ không? Có lẽ ông ta cũng chỉ làm công việc của mình. Bà đã không niềm nở với

ông ta. Giá như bà xử sự khác, có thể ông ta còn kể cho bà nghe nhiều chuyện nữa.

Bà ngồi xuống bên chiếc bàn viết nhỏ và bắt đầu ghi chép. Như mọi khi, bà suy nghĩ được sáng rõ hơn khi cầm bút chì trong tay. Bà chưa đọc thấy ở đâu nói rằng có một bé trai bị giết chết. Có lẽ nó là đứa bé duy nhất bị giết, trong trường hợp không có nạn nhân nào khác mà cộng đồng không được biết. Những ám chỉ của Lars Emanuelsson về một thứ bạo lực mù quáng có nghĩa là những người khác trong nhà ấy đã bị ngược đãi, thậm chí bị tra tấn trước khi bị giết. Lý do nào mà đứa bé đã được bỏ qua, không bị tra tấn? Có thể đơn giản vì nó còn là một đứa bé và hung thủ đã không tàn nhẫn đối với nó? Hay còn một lý do nào khác?

Không có câu trả lời nào tự nhiên mà có. Đó cũng không phải là vấn đề của bà. Bà vẫn còn cảm thấy xấu hổ về việc đã xảy ra hôm qua. Bà biết hành vi của mình là không thể bào chữa được. Bà không dám hình dung điều gì sẽ xảy ra nếu bà bị một nhà báo phát hiện. Lúc đó bà chỉ còn nước, nói nhẹ đi, là rút lui một cách nhục nhã về Scanie.

Bà gói ghém xong đồ đạc và chuẩn bị trả phòng. Trước khi đi bà bật vô tuyến để xem dự báo thời tiết rồi sau đó mới quyết định đi theo đường nào về nhà. Bà mở đúng chương trình phát cuộc họp báo ở sở cảnh sát Hudiksvall. Có ba nhân vật ngồi trên khán đài nhỏ: Vivi Sundberg là người phụ nữ duy nhất. Tim bà thắt lại. Nếu như Vivi Sundberg định thông báo rằng một nữ thẩm phán từ Helsingborg đã bị bắt quả tang như một tên trộm tầm thường thì sao, bà thầm nghĩ. Bà ngồi lên thành giường vịn to tiếng hơn. Người đàn ông ngồi ở giữa, Tobias Ludwig, đang phát biểu.

Đây là một chương trình phát trực tiếp. Khi Tobias Ludwig nói xong, người đàn ông thứ hai, công tố viên Robertsson, kéo chiếc micro về phía mình và nhấn mạnh rằng cảnh sát đang rất cần có những thông tin từ người dân. Mỗi một quan sát, dù đó là xe ô tô, hoặc người lạ mặt, trong thời gian xảy ra vụ án đã xuất hiện ở đây, tất cả, những gì

khác lạ so với thông thường, đều mang ý nghĩa quan trọng cho công tác điều tra.

Sau công tố viên, đến lượt Vivi Sundberg. Bà giơ cao chiếc túi nilon. Ống kính máy quay zoom lại gần: trong đó chứa một dải lụa màu đỏ. Vivi Sundberg nói rằng cảnh sát rất muốn biết liệu có ai nhận ra dải lụa này không.

Birgitta Roslin ghé sát mặt vào màn hình. Không phải là mình đã nhìn thấy ở đâu đó một dải lụa đỏ giống như thế kia hay sao? Bà ngồi xổm xuống trước màn hình để có thể nhìn được rõ hơn. Dải lụa đỏ nhắc cho bà nhớ tới một cái gì đó. Bà lục lại trong trí nhớ, nhưng uổng công.

Cuộc họp báo được tiếp tục với những câu hỏi của cánh nhà báo. Hình ảnh cuộc họp biến mất, thay vào đó là một bản đồ khí tượng: dọc theo miền duyên hải phía Đông có thể có mưa tuyết từ vịnh Phần Lan tràn vào.

Birgitta Roslin quyết định đi theo tuyến đường sâu trong nội địa. Bà thanh toán tiền phòng bằng séc ở quầy lễ tân. Trên đường ra chỗ đỗ xe, bà thấy gió lạnh như cắt da. Bà để va li lên hàng ghế sau, xem lại bản đồ giao thông và dự kiến đi qua các khu rừng về Järvsö rồi từ đó sẽ đi xuống phía Nam.

Khi ra tới đường quốc lộ, bỗng nhiên bà cho xe tạt vào một trạm nghỉ. Dải lụa đỏ trong vô tuyến không chịu ra khỏi đầu bà. Nó gợi bà nhớ đến một cái gì đó mà bà đã từng thấy. Hình ảnh mờ trong ký ức chỉ bị ngăn cách với tiềm thức rõ ràng của bà bởi một lớp màng mỏng. Nhưng bà vẫn không thể nào nắm bắt được hình ảnh ấy. Một khi mình đã phải đi xa như thế này thì bất luận thế nào cũng phải cố tìm cho ra cái mà mình chưa sức nhớ ra được, bà nghĩ, và gọi điện thoại đến sở cảnh sát. Một vài chiếc xe chở gỗ chạy qua chỗ bà đỗ xe, cuốn theo những lớp tuyết, che mất tầm nhìn của bà trong chốc lát. Mãi lâu sau mới có người nhắc máy điện thoại. Nữ nhân viên trực điện thoại xem

ra có vẻ mệt mỏi. Bà đề nghị cô ta nối máy cho mình nói chuyện với Erik Huddén.

– Việc này có liên quan đến công tác điều tra, bà giải thích. Ở Hesjövallen.

– Tôi nghĩ khó mà gặp được ông ấy. Nhưng tôi sẽ thử xem.

Cuối cùng Erik cũng nhắc máy khi mà hy vọng của bà tưởng như đã mất. Giọng nói của anh cũng mang vẻ vội vàng và sốt ruột.

– Huddén nghe đây.

– Tôi không biết, liệu ông có nhớ ra tôi không, bà nói. Tôi là nữ thẩm phán đã có lần tới chỗ ông và cứ khăng khăng đòi được nói chuyện với bà Sundberg.

– Tôi nhớ ra rồi.

Bà thầm hỏi liệu Vivi Sundberg có nói với anh ta về sự kiện đêm qua hay không. Nhưng bà có ấn tượng Erik Huddén không biết gì về chuyện đó. Có lẽ Vivi Sundberg thực sự giữ kín chuyện này như đã hứa chẳng? Thật may cho mình, dĩ nhiên là việc để mình vào trong ngôi nhà ấy là không đúng quy định.

– Việc này có liên quan đến dải lụa đỏ mà các vị đã đưa lên vô tuyến, bà nói.

– Đáng tiếc đó là một sai lầm khi công bố nó, Huddén nói.

– Vì sao vậy?

– Hiện nay tổng đài của chúng tôi đang bị các cuộc điện thoại gọi đến làm cho tắc nghẽn, ai cũng khẳng định là mình đã nhìn thấy dải băng đó. Thậm chí là nhìn thấy trên hộp quà Noel của họ!

– Nhưng ký ức của tôi thì lại nói đến một cái gì đó hoàn toàn khác. Tôi tin là mình đã nhìn thấy nó.

– Ở đâu?

– Điều này tôi còn chưa nhớ ra. Nhưng dù sao thì cũng không phải trên hộp quà Noel.



Huddén thở dài trên điện thoại, dường như chưa biết phải quyết định như thế nào.

– Tôi sẽ cho bà xem dải lụa đó, cuối cùng anh cũng nói. Nếu như lúc này bà có thể đến chỗ tôi.

– Nửa tiếng nữa nhé?

– Nhưng tôi chỉ có thể dành cho bà hai phút, không hơn.

Huddén đón bà ở phòng thường trực, vừa ho vừa hắt hơi. Chiếc túi nilon bên trong có dải lụa nằm trên bàn làm việc của anh. Anh lấy nó ra và để lên mặt tờ giấy trắng.

– Nó dài chính xác mười chín centimet, anh nói. Rộng gần một centimet. Ở đầu dây có một lỗ thủng, cho thấy dải băng này đã được buộc vào một cái gì đó. Chất liệu của nó là vải bông và polyester, nhưng trông giống như là vải lụa. Chúng tôi tìm thấy nó ở trong tuyết. Một trong những chú chó đã đánh hơi thấy.

Bà cố gắng hết sức. Bà chắc chắn là đã từng nhìn thấy dải băng. Nhưng lại không nhớ ở đâu.

– Tôi đã từng thấy nó, bà nói. Tôi có thể thề như thế. Có lẽ không chính xác là cái này. Nhưng tương tự.

– Ở đâu?

– Điều đó tôi lại chưa nhớ ra được.

– Một khi bà nhìn thấy một dải băng tương tự ở Scanie, thì nó sẽ chẳng giúp gì được cho chúng tôi đâu.

– Không, bà nghiêm túc nói. Tôi đã thấy nó ở đâu đây thôi.

Trong khi bà quan sát dải băng, Erik Huddén ngả lưng tựa vào tường và chờ đợi.

– Bà đã nhớ ra chưa?

– Chưa. Đáng tiếc là chưa.

Huddén lại nhét dải băng vào túi nilon và đi cùng với bà xuống phòng thường trực.

– Khi nào bà nhớ ra hãy gọi điện cho chúng tôi, anh nói. Nhưng nếu nó chỉ là một dây buộc quà tặng thì bà không cần phải báo đâu.

Lars Emanuelsson đứng trên đường đợi bà. Chiếc mũ lông đã cũ được ông ta kéo trùm hết trán. Khi phát hiện ra ông ta, bà phản nộ:

– Tại sao ông lại theo dõi tôi?

– Tôi đâu có làm việc đó. Tôi đi lòng vòng thôi mà, như tôi đã giải thích với bà. Vừa rời tình cờ tôi nhìn thấy bà đi vào sở cảnh sát, vậy là tôi nghĩ mình có thể chờ bà ra. Ngay lúc này tôi đang tự hỏi cuộc viếng thăm sở cảnh sát ngăn ngừa của bà có ý nghĩa gì.

– Ông sẽ chẳng bao giờ biết được điều đó. Giờ thì hãy để cho tôi được yên trước khi tôi bực mình.

Bà bỏ đi nhưng vẫn nghe thấy tiếng ông ta nói ở phía sau.

– Bà đừng quên rằng tôi có thể viết.

Bà quay ngoắt người lại:

– Ông đe dọa tôi đấy à?

– Hoàn toàn không.

– Tôi đã giải thích cho ông nghe vì sao tôi có mặt ở đây. Hoàn toàn không có lý do nào để tôi bị lôi kéo vào cuộc điều tra.

– Công chúng rộng rãi đọc những gì sẽ được viết ra, dù nó có là sự thật hay không.

Lần này thì Lars Emanuelsson quay người bỏ đi. Bà kinh tởm nhìn theo ông ta và hy vọng sẽ không bao giờ còn phải gặp lại ông ta nữa.

Birgitta Roslin trở về xe của mình. Vừa ngồi vào sau tay lái, bà sực nhớ ra mình đã nhìn thấy dải lụa đỏ ấy ở đâu. Mọi ký ức bỗng nhiên xuất hiện như từ cõi hư vô. Bà nhầm lẫn chẳng? Không, bà nhìn thấy nó rất rõ ràng trước mặt mình.

Bà phải chờ hai tiếng đồng hồ, vì nơi bà muốn ghé thăm còn đóng cửa. Trong khoảng thời gian này, bà đi lang thang trong phố giống như một hồn ma bất an, thiếu kiên nhẫn, không hài lòng, vì không xác nhận được ngay cái mà bà tin là đã phát hiện thấy.

Quán ăn Trung Quốc mở cửa vào lúc mười một giờ trưa. Birgitta Roslin lại ngồi vào chiếc bàn mà lần trước đã chọn. Bà quan sát những chiếc đèn lồng treo trên các bàn ăn. Chúng được làm bằng chất liệu trong suốt, như là một loại vải sợi nhân tạo mỏng, đem lại ấn tượng như những chiếc đèn lồng bằng giấy. Những chiếc đèn này có hình trụ dài. Ở mép dưới treo bốn dải băng đỏ.

Sau lần đến gặp Erik Huddén, bà biết dải băng dài mười chín centimet. Chúng được móc vào chao đèn bởi những chiếc móc sắt xuyên qua đầu trên dải băng.

Cô gái hầu như không biết tiếng Thụy Điển cầm trên tay quyển thực đơn đi đến chỗ bà. Cô cười khi nhận ra bà. Birgitta Roslin chọn các món ăn buffet, mặc dù không cảm thấy đói. Trong lúc tự chọn thức ăn trên bàn buffet, bà có điều kiện nhìn quanh phòng ăn. Bà đã tìm thấy cái cần tìm bên một chiếc bàn dành cho hai khách trong một góc phòng: chiếc đèn lồng treo trên chiếc bàn đó thiếu một dải đỏ.

Bà đứng lại và nín thở.

Người đó đã ngồi ở đây, bà nghĩ. Trong góc tối nhất. Rồi sau đấy, người đó đứng dậy, rời khỏi quán ăn và đi về Hesjövallen.

Người đó hẳn là đàn ông. Chắc chắn là một người đàn ông.

Bà nhìn quanh căn phòng. Cô phục vụ mỉm cười. Từ trong bếp vọng ra tiếng trò chuyện bằng tiếng Trung Quốc.

Bà nghĩ rằng không chỉ bản thân bà mà cả cảnh sát cũng không hiểu được chuyện gì đã xảy ra. Nó rộng lớn hơn, sâu sắc hơn, bí ẩn hơn so với những gì mà họ có thể tưởng tượng ra.

Nói đúng ra, họ hoàn toàn không biết được gì.

## Phần thứ hai

### Người da đen và người Tàu (1863)

#### CỬA ẢO LÂU SƠN\*

Gió Tây rít  
Trời sương, nhận kêu trong bóng nguyệt  
Trong bóng nguyệt  
Vó câu sồn soạt  
Tiếng kèn da diết.

Chớ rằng cửa quan vững như thép  
Hôm nay ta vượt qua đầu hết  
Qua đầu hết  
Núi xanh như biển  
Mặt trời tàn như huyết.

– MAO TRẠCH ĐÔNG

---

\* Bản dịch Hoàng Trung Thông, Nam Trân.

# Đường đến Quảng Châu

## 10

Đã là thời gian nắng nóng nhất năm 1863. Và cũng là ngày thứ hai trong cuộc di cư dài ngày của Sáng và hai người anh em trai đến miền duyên hải Quảng Châu. Đầu buổi chiều, họ đã tới được một ngã tư, nơi có ba cái đầu bị chặt được cắm trên những chiếc cọc tre nhọn đóng sâu xuống lòng đất. Không thể biết được chúng được cắm ở đó bao lâu rồi. Vũ, đứa em út của họ cho rằng ít nhất cũng đã được một tuần, vì những con mắt và phần lớn má của những cái đầu đó đã bị quạ rìa. Quốc Sĩ, người anh cả, thì cho rằng chúng mới chỉ bị chặt cách đây một vài ngày. Anh ta tin rằng mình vẫn còn nhận ra nổi khùng khiếp trên những cái mồm méo mó biến dạng.

Sáng không nói gì cả. Trong mọi trường hợp, chẳng bao giờ Sáng chịu nói ra những gì mình nghĩ. Những cái đầu bị chặt kia có thể là một dấu hiệu gợi nhắc điều có thể xảy đến với ba anh em. Họ đã chạy thoát thân ra khỏi ngôi làng hẻo lánh thuộc tỉnh Quảng Tây. Và cuộc gặp gỡ rừng rợn này nhắc họ nhớ rằng cuộc sống của ba anh em vẫn tiếp tục gặp nguy hiểm.

Họ rời khỏi cái nơi mà trong ý nghĩ Sáng đã đặt cho cái tên: “Ngã tư ba đầu”. Trong khi Quốc Sĩ và Vũ tranh cãi nhau liệu đó có phải là những tên cướp bị chặt đầu, hay là những người nông dân đã chọc giận một địa chủ quyền thế, thì Sáng lại nghĩ về quá khứ đã dồn họ vào cuộc bỏ trốn. Mỗi bước đi là họ lại tiếp tục cách xa thêm cuộc sống trước đây của mình. Trong sâu thẳm tâm hồn, có lẽ hai anh em của Sáng đều hy vọng rằng đến một ngày nào đó lại có thể trở về Vân Hải, ngôi làng mà ở đó họ đã lớn lên. Còn về phần mình, Sáng lại không rõ. Có lẽ những người nông dân và con cái của họ sẽ chẳng bao giờ có thể thoát khỏi cảnh đói nghèo cùng cực mà họ đang phải sống trong đó. Anh em họ chờ đợi gì ở Quảng Châu? Nghe kể, tại đó người ta có thể lên lên những chiếc tàu thủy vượt đại dương đi về hướng

Đông, rồi đến được một đất nước nơi những con sông cuốn đi trong lòng mình những cục vàng lấp lánh sáng, to như quả trứng gà. Tin đồn này lan đến tận ngôi làng Vân Hải xa xôi hẻo lánh: ở đất nước ấy có bọn “quỷ trắng xa lạ” đang sống, một đất nước giàu có tới mức mà những người Trung Hoa chất phác nếu làm việc tại đó cũng có thể thoát khỏi nghèo nàn, đến với quyền lực và giàu có.

Sáng không biết mình nên tin cái gì. Những người nghèo luôn mơ ước đến một cuộc sống mà ở đó họ không bị địa chủ hành hạ. Và bản thân anh cũng vậy, ngay từ khi còn rất nhỏ, anh đã phải đứng bên vệ đường, mặt cúi gằm mỗi khi có một người đàn ông quyền thế nào đó ngồi trong kiệu có mái che đi qua. Anh luôn tự hỏi vì sao con người lại có những cuộc đời quá khác nhau như vậy.

Có lần anh hỏi ông Bái, cha mình, về điều đó, nhưng chỉ nhận được một bạt tai thay cho câu trả lời. Người ta không nên đặt ra những câu hỏi không cần thiết. Các vị thần thánh sống trên cây, dưới suối, trong rừng đã tạo ra thế giới này và con người sống ở đó. Để vũ trụ thần bí này có được sự cân bằng thần thánh, cần phải có người giàu và kẻ nghèo, những người nông dân phải đi theo sau con trâu để cày ruộng, và những người giàu có, quyền thế thì hầu như không phải đặt chân lên mảnh đất vẫn nuôi sống họ.

Từ đó Sáng không bao giờ hỏi cha mẹ mình xem họ cầu xin gì trước các vị thần linh. Họ sống cuộc sống của mình, bị giam cầm trong khổ nhục và hành hạ. Sao lại có những người phải làm việc nặng nhọc mà lại nhận được rất ít? Anh không bao giờ có thể hỏi được ai câu đó, vì lẽ tất cả mọi người sống trong làng đều nghèo khổ, đều sợ hãi trước những điền chủ vô hình, thông qua những tay quản lý của chúng, dùng roi vọt cưỡng bức tá điền làm việc. Anh đã nhìn thấy những con người từ thuở năm nôi cho đến khi xuống mồ phải làm việc quần quật như kéo lê một gánh nặng ngày càng nặng nề hơn. Dường như gánh nặng đó đã đè lên lưng những đứa trẻ khiến chúng bị gù ngay cả trước khi tập đi. Tối tối, dân làng ngủ trên những manh chiếu được trải ngay

trên nền đất lạnh giá, đầu gối lên những chiếc gối bằng ống tre. Ngày nối ngày theo một nhịp điệu không đổi từ ngàn đời, theo các mùa trong năm. Họ cặm cày theo sau những con trâu lằm lì, gieo mạ, cấy lúa, hy vọng một mùa bội thu đủ nuôi sống mình. Những năm mất mùa hầu như họ không còn gì để ăn, hết gạo là chỉ còn biết sống bằng lá cây.

Hoặc là nằm xuống và chết. Không còn cách nào khác.

Sáng xua ý nghĩ ấy đi. Bóng đêm bắt đầu buông. Anh đưa mắt nhìn quanh tìm chỗ thích hợp để ngủ. Ven đường đi có một lùm cây, ngay sát mấy tảng đá hình như vốn thuộc dãy núi nằm ở chân trời phía Tây. Họ trải chiếu, chia nhau nằm cõm còn lại, đủ ăn cho tới khi đến được Quảng Châu. Sáng nhìn hai người anh em của mình. Liệu họ có đến đích được không? Anh phải làm gì khi một trong hai người đó bị ốm? Bản thân anh vẫn đủ sức để đi, nhưng nếu phải cõng một trong hai người chắc anh không làm nổi.

Họ không nói chuyện nhiều với nhau. Sáng đã bảo hai người không nên phí chút sức lực còn lại cho các cuộc cãi vã, tranh luận. “Mỗi câu nói ra là mất đi một bước chân đấy.”

Hai người không ai cãi lại. Sáng biết họ tin anh. Bây giờ, khi cha mẹ không còn sống nữa, họ lại đang trên đường chạy trốn, nên họ cho rằng Sáng sẽ là người đưa ra những quyết định đúng đắn.

Anh em họ nằm co ro trên manh chiếu, vắt đuôi tóc ra sau lưng rồi nhắm mắt. Sáng nghe, thoát đầu là Quốc Sĩ, sau đến Vũ chìm vào giấc ngủ. Hai anh em cứ như là trẻ con, Sáng nghĩ, mặc dù họ đã ngoài hai mươi tuổi. Bây giờ, hai người họ chỉ còn lại có mình, như thể là một người già cả, biết được cái gì xấu, cái gì tốt đối với họ. Nhưng mình cũng còn trẻ mà.

Sáng nghĩ hai người anh em của mình khác nhau biết bao. Vũ cứng đầu cứng cổ, luôn khó vâng theo lời người khác. Cha mẹ đã lo lắng cho tương lai của nó và thường hay trách mắng nó là cứ mở miệng là cãi như thế thì sau này nó sẽ gặp nhiều khó khăn trong cuộc đời. Quốc



Sĩ, ngược lại, là người chậm chạp, chưa bao giờ làm cho cha mẹ phiền lòng. Anh là đứa con trai biết vâng lời, luôn được đưa ra làm gương cho Vũ noi theo.

Còn mình, mình có chút gì đó hòa trộn giữa hai người kia, Sáng nghĩ. Nhưng thực ra mình là ai? Mình có đủ khả năng gánh những trách nhiệm bị buộc phải gánh lấy hay không?

Xung quanh Sáng có mùi ẩm ướt và mùi bùn đất. Anh nằm ngửa mặt lên trời, nhìn những vì sao.

Tối tối mẹ hay chỉ cho anh xem bầu trời. Khi ấy gương mặt mệt mỏi của mẹ nở ra một nụ cười. Những ngôi sao như an ủi mẹ trong cuộc sống khó nhọc của bà. Phần lớn đời mình, mẹ đều cảm mặt xuống đất, mảnh đất hút lấy những nhánh mạ của mẹ, trong lúc chờ đến ngày hút mất luôn chính mẹ. Mỗi khi mẹ ngẩng mặt lên nhìn những vì sao, thì trong khoảnh khắc ngắn ngủi ấy mẹ không phải nhìn thấy mặt đất dưới chân mình.

Sáng lướt nhìn bầu trời đêm. Mẹ đã đặt tên cho một vài vì sao. Một ngôi sao sáng trong một chòm sao trông giống như con rồng được mẹ đặt tên là Sáng. “Đó là con,” mẹ đã nói vậy. “Con đến từ chỗ đó, và rồi có ngày con sẽ trở về nơi ấy.”

Ý nghĩ đến từ một vì sao làm cho anh sợ hãi. Nhưng anh đã không nói gì cả, vì hình như mẹ tìm được niềm vui ở đó.

Sáng nhớ lại những chuyện khủng khiếp đã bất ngờ ập đến dồn đuổi anh em Sáng phải bỏ trốn. Một trong những tay cai thợ mới của điền chủ có tên là Phàn kêu ca rằng cha mẹ anh đã không hoàn thành mức khoán công việc hằng ngày. Sáng biết cha mình đau lưng nặng và không còn làm nổi những công việc nặng nhọc nữa. Mặc dù cha được mẹ giúp sức, nhưng họ vẫn bị chậm. Lúc này, Phàn tới đứng trước túp lều vách đất của họ, cái lưỡi cứ thò ra thụt vào giữa hai hàm răng của gã như một con rắn nguy hiểm. Phàn còn trẻ, chỉ tầm tuổi Sáng. Nhưng hai người đến từ hai thế giới khác nhau. Phàn nhìn chăm chăm vào cha mẹ Sáng với những chiếc nón rơm trên tay, đầu cúi xuống,

khom lưng trước mặt gã giống như những con côn trùng mà vào bất cứ lúc nào gã cũng có thể giẫm chết. Nếu như không làm nổi những việc công nhật, họ sẽ bị quăng ra khỏi nhà và sẽ phải đi ăn mày.

Vào một đêm, Sáng nghe thấy cha mẹ thầm thì với nhau, nhưng anh không nghe rõ họ nói những gì.

Sáng sớm hôm sau, chỉ còn trơ lại chiếc chiếu nơi họ nằm. Lập tức Sáng hoảng sợ. Trong túp lều chật chội này mọi người thường cùng thức dậy. Chắc chắn cha mẹ đã lên ra ngoài để không làm các con thức giấc. Sáng thận trọng đứng dậy mặc lên người chiếc quần rách và chiếc áo duy nhất của mình.

Mặt trời vẫn còn chưa mọc. Phía chân trời mới hửng sáng màu hồng. Đâu đó có tiếng gà gáy. Mọi người trong làng đã thức dậy trừ cha mẹ anh. Họ thắt cổ chết trên thân cây vắn cho bóng mát vào mùa nóng nhất trong năm. Thân thể họ khẽ đung đưa trong cơn gió buổi sáng.

Những gì xảy ra tiếp theo, Sáng chỉ còn có thể nhớ được lờ mờ. Anh không muốn những người anh em của mình nhìn thấy cảnh cha mẹ treo cổ trên dây thừng, miệng há hốc. Anh đã cắt dây thừng bằng chiếc liềm mà cha anh vẫn sử dụng trong công việc đồng áng. Họ rơi xuống, đè nặng lên người anh như thể muốn đem theo anh vào cõi chết.

Hàng xóm đã gọi cho ông Báo, người già nhất trong làng đến. Ông già mắt kém, người run lên bần bật, đứng không vững. Ông kéo Sáng sang một bên và nói, tốt nhất là anh em Sáng nên trốn đi. Phàn chắc chắn sẽ trả thù họ, sẽ giam giữ họ trong ngục thất ở nhà hãn, hoặc sẽ hành quyết họ. Ở đây, không có quan tòa, không có luật pháp mà chỉ có luật lệ riêng của điền chủ do Phàn thay mặt tuyên bố và hành xử. Anh em Sáng lên đường trước cả khi đồng than hỏa thiêu xác cha mẹ họ lụi tàn.

Bây giờ anh nằm đây, dưới bầu trời đầy sao, bên cạnh là Quốc Sĩ và Vũ đang say ngủ. Anh không biết điều gì đang chờ đợi họ trong tương

lai. Ông già Báo nói rằng họ nên theo đường đến miền biển, đến thành phố Quảng Châu tìm việc làm ở đó. Sáng hỏi ông ở đó có việc gì để làm. Nhưng lão Báo không có câu trả lời. Ông chỉ giơ bàn tay run rẩy chỉ về hướng Đông.

Họ đã đi cho tới khi bàn chân rớm máu, môi khô nẻ vì khát. Anh và em trai của Sáng đã khóc, vì cha mẹ chết, vì sợ hãi trước những gì xa lạ đang đón chờ họ. Sáng tìm cách an ủi hai người, nhưng đồng thời cũng nhắc nhở họ không được đi quá chậm. Phàn như một con rắn độc. Gã có ngựa, gã có đám thuộc hạ với gươm giáo mài sắc, luôn luôn có thể đuổi kịp được anh em Sáng.

Sáng vẫn tiếp tục nhìn lên các vì sao. Anh nghĩ đến lão điền chủ sống trong một thế giới khác, nơi những người nghèo không bao giờ được đặt chân tới. Lão chưa xuất hiện lấy một lần ở làng, lão chỉ là một cái bóng đầy hăm dọa hòa lẫn vào đêm đen.

Cuối cùng Sáng cũng ngủ thiếp đi. Ba cái đầu bị chặt len lỏi vào giấc mơ của Sáng. Anh cảm thấy lưỡi kiếm lạnh tì vào cổ mình. Còn hai người anh em của anh đã chết, đầu họ lăn lông lốc trên cát, máu từ những chiếc cổ bị đứt phun ra. Anh giật mình tỉnh dậy, giải phóng mình ra khỏi mộng mị, nhưng hễ anh nhắm mắt ngủ thì chúng lại trở về.

Họ lên đường vào sáng sớm hôm sau khi đã uống hết bình nước mà Quốc Sĩ đeo theo ở cổ bằng một sợi dây da. Họ buộc phải tìm thấy nước uống trong ngày. Họ tiếp tục đi trên con đường đầy đá sỏi và thỉnh thoảng gặp những người ra đồng làm hoặc đội trên đầu, vác trên vai những túi hàng nặng. Sáng thầm hỏi con đường này đến khi nào mới kết thúc. Có thể sẽ không có biển. Có thể cũng chẳng có thành phố Quảng Châu, nhưng anh không bao giờ nói ra ý nghĩ này với Quốc Sĩ và Vũ, nó chỉ làm nặng thêm bước chân họ.

Một con chó mực có đốm trắng ở ngực đi theo họ. Sáng không biết nó đến từ đâu. Đơn giản là nó bất ngờ xuất hiện. Sáng tìm cách đuổi

nó đi, nhưng con chó luôn quay lại. Họ lấy đá ném đuổi, nó chạy mất, nhưng không bao lâu sau nó lại đuổi kịp.

– Chắc phải gọi con chó này là Đông Phố, “Thành phố lớn bên kia bờ biển”, Sáng nói.

Giữa trưa trời nắng chang chang, họ nghỉ lại dưới gốc cây trong một ngôi làng nhỏ. Dân làng cho họ nước uống, đổ nước vào bình cho họ mang theo. Con chó nằm bên cạnh chân Sáng, thở hổn hển, lưỡi thè ra.

Sáng quan sát nó thật kỹ. Ở con vật này có gì đó đặc biệt. Liệu có thể mẹ từ âm phủ đã gửi nó dẫn đường cho họ? Một con vật dẫn đường có thể từ chỗ những người chết chạy đến với những người đang sống không? Sáng không biết, anh chưa khi nào thực sự tin vào những vị thần thánh mà cha mẹ anh và dân làng thờ phụng. Làm sao người ta lại có thể cầu xin, sùng bái một cái cây không biết trả lời, một cái cây không có tai và không có mồm? Hoặc là một con chó hoang? Nếu như có thần thánh thì vào chính lúc này anh em của Sáng đang cần đến sự phù hộ giúp đỡ của các vị đó.

Buổi chiều họ lại tiếp tục lên đường. Trước mặt họ là con đường ngoằn ngoèo, vô tận.

Sau khi đi được ba ngày, họ thấy trên đường đã có nhiều người đi lại hơn. Những chiếc xe ba gác chất đầy cối, bao gạo vượt qua họ, trong khi đó lại có những chiếc xe không chở hàng đi ngược chiều họ. Sáng cố lấy hết can đảm hỏi thăm người đàn ông ngồi trên chiếc xe không.

– Từ đây đến biển còn xa nữa không hả bác?

– Khoảng hai ngày nữa. Không hơn. Ngày mai các cậu đã có thể ngửi thấy mùi của Quảng Châu rồi đấy. Các cậu không sợ lạc đường đâu.

Nói xong lão cười và tiếp tục đánh xe đi. Sáng nhìn theo. Ông ta nói ngửi thấy mùi thành phố có nghĩa là gì nhỉ?

Cũng vào buổi chiều hôm đó bỗng nhiên anh em họ lọt vào giữa một đàn bướm. Những con bướm trong mờ, màu vàng, khi đập cánh

bay, phát ra tiếng kêu sột soạt như những tờ giấy vò vào nhau. Sáng kinh ngạc dừng lại giữa đám mây bướm, giống như là bước chân vào một ngôi nhà có những bức tường làm bằng cánh bướm. Mình thích được ở lại đây, anh nghĩ. Mình mong giá như ngôi nhà này không có cửa. Ở lại đây để được nghe thấy tiếng cánh bướm, cho đến một ngày năm xuống chết.

Nhưng ở ngoài kia Sáng còn có hai người anh em của mình, anh không thể bỏ mặc họ. Anh lấy tay gạt đàn bướm sang hai bên rẽ lối đi và mỉm cười với hai người. Anh sẽ không bao giờ rời xa họ.

Họ ngủ thêm một đêm nữa dưới một gốc cây sau khi đã ăn ít cơm. Tất cả đều đói, họ ôm nhau ngủ.

Ngày hôm sau, họ đến Quảng Châu. Con chó vẫn đi theo họ. Càng lúc Sáng càng tin rằng từ âm phủ, mẹ đã gửi nó đến để bảo vệ họ. Trước kia, anh chưa bao giờ tin vào những điều như vậy. Còn lúc này, khi đứng trước cổng thành, anh tự hỏi liệu có thật thế không.

Họ tiến vào cái thành phố nườm nượp người, chào đón họ với cái mùi không lẫn vào đâu được, một cái mùi khó ngửi. Sáng sợ lạc mất anh em trong dòng người xa lạ chen chúc nhau trên đường phố. Chính vì sợ như vậy nên anh đã cuốn vào thắt lưng mình một chiếc khăn dài rồi buộc đầu kia vào Quốc Sĩ và Vũ. Bây giờ thì chẳng còn sợ lạc nhau nữa, trừ khi chiếc khăn bị đứt. Họ từ từ mở đường đi, ngạc nhiên trước những ngôi nhà đồ sộ, những ngôi chùa, những thứ hàng hóa bày bán.

Bỗng chiếc khăn căng ra. Vũ giơ tay chỉ trở.

Sáng nhìn xem cái gì đã khiến nó dừng lại. Một người đàn ông ngồi trên một chiếc kiệu. Những tấm rèm, thường được buông xuống để che người ngồi bên trong giờ được cuộn lên. Không còn nghi ngờ gì nữa, người đàn ông ấy đã chết, mặt trắng nhợt như thể có ai đó đã xoa phấn trắng lên hai má ông ta. Hay ông ta là kẻ độc ác. Quý vương luôn sai phái đám yêu quái với khuôn mặt trắng bệch xuống trần gian.

Ngoài ra người đàn ông này lại không có bím tóc đuôi sam và có khuôn mặt dài xấu xí với chiếc mũi to, khoằm.

Vũ và Quốc Sĩ ghé sát Sáng hỏi liệu đó là người hay là quỷ. Sáng cũng không biết. Anh chưa bao giờ nhìn thấy một thứ như thế, ngay cả trong những cơn ác mộng khủng khiếp nhất.

Bỗng những tấm rèm được kéo xuống, chiếc kiệu được khiêng đi. Một người đàn ông đứng bên cạnh Sáng, nhổ nước bọt về phía chiếc kiệu.

– Người đó là ai vậy? Sáng hỏi ông ta.

Người đàn ông nhìn Sáng vẻ khinh miệt và bảo Sáng nhắc lại câu hỏi. Sáng nhận ra mọi người nói bằng những thổ ngữ rất khác nhau.

– Người đàn ông trên kiệu. Ông ta là ai?

– Một người đàn ông da trắng, sở hữu rất nhiều tàu bè ở hải cảng của chúng ta.

– Ông ta bị bệnh à?

Người đàn ông cười khinh miệt:

– Không, giống người họ là thế. Trắng như những xác chết mà lẽ ra người ta đã phải thiêu từ lâu rồi.

Anh em họ lại tiếp tục đi trong thành phố bẩn thỉu và bốc mùi khó chịu. Sáng quan sát mọi người. Có nhiều người ăn mặc sang trọng, quần áo không rách rưới như anh em họ. Anh bắt đầu đoán chừng thế giới này không hoàn toàn giống như anh tưởng.

Sau khi lang thang trong thành phố nhiều tiếng đồng hồ, họ đã nhìn thấy nước qua các hẻm nhỏ. Vũ vội vàng chạy xuống chỗ có nước, vục đầu xuống uống nhưng lập tức ngừng lên và nhổ ra khi thấy nước mặn mặn. Xác chết đã rửa của một con mèo trôi qua. Sáng nhìn dòng nước bẩn, không chỉ có xác súc vật mà còn cả phân người nổi lều bều. Sáng rùng mình kinh tởm. Ở quê nhà, phân người, phân gia súc được họ đem bón ruộng trồng rau. Còn ở đây, hình như người ta đổ trực tiếp

những thứ này xuống kênh mương mà không dùng làm phân bón ruộng.

Sáng nhìn lên mặt nước, không thể nhận ra bờ bên kia. Cái mà người ta gọi là biển, hẳn phải là một con sông rất rộng, anh thầm nghĩ.

Anh em họ ngồi trên một cây cầu bằng gỗ ọp ẹp, hai bên có những con thuyền neo đậu, nhiều không đếm xuể. Khắp nơi vang lên tiếng gào thét, tiếng gọi nhau. Đó cũng là một trong những khác biệt giữa cuộc sống nơi thành phố với cuộc sống thôn dã quê anh. Ở đây con người không ngớt gào thét, dường như họ thường xuyên phải nói hoặc phàn nàn một cái gì đó. Không có chỗ nào yên tĩnh như Sáng đã vốn quen thế.

Anh em họ ăn nốt phần cơm còn lại và chia nhau nước trong bình. Quốc Sĩ và Vũ rụt rè nhìn Sáng. Giờ là lúc anh cần chứng minh cho họ thấy anh xứng đáng với lòng tin của họ. Nhưng làm thế nào anh có thể tìm được việc làm trong cảnh ồn ào hỗn độn của con người nơi đây? Làm sao anh có thể kiếm được miếng ăn cho cả ba anh em? Họ sẽ ngủ ở đâu? Sáng nhìn con chó đang nằm, một cẳng chân gác lên mõm. Và giờ thì biết làm gì đây?

Anh thấy cần được ngồi một mình để có thể đánh giá được tình cảnh của họ. Sáng đứng lên bảo hai người anh em cứ chờ ở đây cùng với con chó. Vì họ sợ anh bỏ đi, biến mất trong đám người đông đúc, không bao giờ quay trở lại nữa, nên anh nói để họ yên lòng:

– Hai người hãy nghĩ đến một sợi dây vô hình buộc chặt chúng ta lại với nhau. Tôi sẽ quay trở lại ngay. Nếu có ai bắt chuyện, hãy lịch sự trả lời, nhưng nhớ không được rời khỏi đây. Nếu không tôi sẽ không tìm được hai người đâu.

Sáng đi vào ngõ nhỏ, chốc chốc lại quay đầu nhìn lại để nhớ đường. Bỗng con phố nhỏ dẫn ra một bãi rộng có một ngôi chùa. Nhiều người đang quỳ hoặc đang cúi đầu trước một ban thờ có nhiều lễ vật và những thẻ hương đang nghi ngút cháy.

Giá như mẹ ở đây, chắc là mẹ sẽ lập tức đi vào trong đó, Sáng thầm nghĩ. Cả cha cũng sẽ làm như vậy, nhưng sẽ do dự hơn. Mình không còn nhớ có khi nào ông đặt bàn chân này lên trước bàn chân kia mà không do dự không.

Còn lúc này, người đó lại là anh, không biết mình phải làm gì.

Trên bãi rộng có một vài tảng đá rời ra khỏi bức tường chùa. Anh lại ngồi lên đó vì bị say nắng sa sẩm mặt mày.

Sau khi thấy đỡ chóng mặt, anh đứng dậy trở lại con sông, đi dọc theo bến tàu. Nhiều người khom lưng vác những kiện hàng nặng, cố giữ thăng bằng đi trên ván cầu ọp ẹp. Phía xa hơn, anh nhìn thấy những con tàu lớn, cột buồm được hạ xuống, chui qua dưới các cây cầu ngược dòng sông.

Anh đứng lại nhìn những người phu khuân vác hàng, kiện này to hơn kiện khác. Một vài người đàn ông đứng bên cạnh ván cầu kiểm tra hàng hóa được chuyển lên tàu và từ tàu chuyển xuống, trả một vài xu tiền công cho phu khuân vác, trước khi họ biến mất vào các ngõ nhỏ.

Bỗng Sáng hiểu ra. Họ phải khuân vác để kiếm sống. Chúng ta cũng có thể, anh nghĩ, chúng ta sẽ làm phu khuân vác. Ở đây không có ruộng, không có đồng lúa. Nhưng chúng ta có thể khuân vác, chúng ta đều khỏe mạnh.

Anh quay trở lại chỗ Quốc Sĩ và Vũ đang ngồi chồm hổm trên cầu tàu. Anh đứng lại hồi lâu nhìn hai người đang bám víu vào nhau.

Chúng ta giống như những con chó, anh nghĩ. Ai cũng có thể hành hạ chúng ta và chúng ta sống nhờ vào những gì mà người khác vứt đi.

Con chó nhìn thấy Sáng, đứng dậy chạy lại phía anh.

Anh không giẫm đạp lên nó.



## 11

Đêm họ ngủ trên cầu tàu, vì Sáng không nghĩ ra còn chỗ nào tốt hơn. Con chó nằm canh họ và gầm gừ khi có những bước chân rón rén lại gần. Nhưng sáng hôm sau khi thức dậy, có kẻ nào đó đã lấy cắp của họ chiếc bình đựng nước. Sáng tức giận tìm quanh. Người nghèo ăn cắp của người nghèo, anh nghĩ. Thậm chí cả chiếc bình đựng nước trống rỗng, cũ kỹ cũng khơi dậy lòng thèm muốn ở kẻ không có gì.

– Con chó đáng yêu, nhưng không phải là con chó giữ nhà tốt, Sáng nói.

– Chúng ta làm gì bây giờ? Vũ hỏi.

– Chúng ta tìm việc làm. Sáng nói.

– Anh đói! Quốc Sĩ nói.

Sáng lắc đầu. Quốc Sĩ cũng biết rõ như anh, họ hoàn toàn không còn gì để ăn.

– Chúng ta không thể ăn cắp, Sáng nói. Làm vậy chúng ta có thể bị chặt đầu cắm cọc ở ngã tư đường. Trước hết chúng ta phải có việc làm, sau đó mới kiếm được cái ăn.

Anh đi cùng với Quốc Sĩ và Vũ đến chỗ những người khuân vác. Con chó chạy theo sau. Sáng quan sát những người đàn ông đứng bên cầu tàu ra lệnh một lúc. Cuối cùng Sáng cũng quyết định đi đến bên một người đàn ông thấp béo không đánh đập phu khuân vác, ngay cả khi họ có đi lại chậm chạp một chút.

– Chúng tôi là ba anh em, Sáng nói với ông ta. Chúng tôi có thể khuân vác được.

Người đàn ông tức giận nhìn Sáng trong lúc vẫn giám sát đám phu khuân vác đi từ khoang hầm tàu ra.

– Bọn tá điền các người định làm gì ở Quảng Châu, ông ta hét to. Vì sao chúng mày lại tới đây? Có hàng ngàn tá điền ăn mày đến xin việc. Tao đã có quá đủ rồi. Hãy xéo đi và đừng quấy rầy tao nữa.

Ba anh em họ lại tiếp tục đi dọc bến tàu và các cầu chuyển hàng. Nhưng ở chỗ nào cũng chỉ nhận được câu trả lời giống nhau. Chẳng ai muốn nhận họ vào làm.

Hôm ấy họ chỉ ăn những chỗ rau thừa bán thiu bị người ta quăng bỏ trên mặt đường ngay gần chợ. Họ uống nước ở một vòi nước công cộng, nơi những con người đói khát bu quanh. Đêm đến anh em họ lại ôm nhau nằm còng queo trên cây cầu. Sáng không thể nào ngủ được. Anh ấn mạnh nắm tay lên vùng dạ dày để xua đuổi cảm giác gặm nhấm của cái đói. Anh nhớ tới bầy bướm bướm mà anh đã lọt vào trong đó. Dường như tất cả những con bướm đó đã chui vào người anh, cào xé lòng ruột anh với những đôi cánh mài sắc của chúng.

Hai ngày nữa lại trôi qua mà không tìm thấy được người nào nói với họ rằng những cái lưng của các cậu dùng được đấy. Ngày thứ hai đã kết thúc, Sáng biết họ sẽ không thể nào trụ tiếp được nữa. Chẳng còn gì để ăn kể từ khi kiếm được những cọng rau thừa bị xéo nát trên đường. Bây giờ họ chỉ sống nhờ vào nước lã. Vũ bị sốt, nằm dưới bóng râm của chõng thùng phuy và run lên cầm cập.

Lúc mặt trời lặn, Sáng đã có quyết định của mình. Cần phải có cái gì đó để ăn, nếu không họ sẽ chết mất. Anh dẫn hai người anh em và con chó đến một bãi trống, nơi những con người đói khổ đang ngồi bên đống lửa và ăn những gì vớ được.

Lúc này Sáng hiểu ra vì sao mẹ lại đưa con chó này đến cho các con của bà. Anh đập vỡ đầu con chó bằng một cục đá to. Những người ở bên đống lửa gần đấy lại gần chỗ họ. Trên những khuôn mặt gầy gò của họ chỉ còn dính lại lớp da. Sáng mượn con dao của một ông lão, làm thịt con chó, thái ra thành từng khúc rồi thả vào nồi nấu. Mọi người ai cũng đói đến mức không còn chờ được tới khi thịt chín. Sáng chia đều cho những người có mặt.

Ăn xong, họ lăn ra ngủ trên nền đất. Chỉ còn một mình Sáng ngồi lại, chăm chăm nhìn vào ngọn lửa. Ngày mai sẽ không còn con chó nào nữa để ăn thịt.

Anh lại nhìn thấy cha mẹ mình đã treo cổ trên cây vào cái buổi sáng ấy như thế nào. Bây giờ, cần cổ của chính anh còn cách xa cành cây và sợi dây thừng bao xa? Anh không biết.

Bỗng nhiên anh có cảm giác có ai đó đang quan sát mình. Anh nheo mắt nhìn vào đêm tối. Quả là có người đứng ở đó. Lòng trắng trong đôi mắt của người đó lóng lánh trong bóng tối. Anh ta bước đến bên đồng lửa. Người thanh niên này nhiều tuổi hơn Sáng một chút, nhưng không quá chênh lệch. Anh ta cười. Sáng nghĩ, hẳn anh ta phải là một trong những con người hạnh phúc kia, không bị đói mẫn kiếp như anh.

– Tôi họ Di. Tôi nhìn thấy các anh đã ăn thịt một con chó như thế nào.

Sáng không trả lời. Anh chờ đợi. Có gì đó ở người đàn ông này làm cho anh thiếu tin tưởng.

– Tôi là Di Quán Hào. Còn anh là ai?

Sáng lo ngại nhìn quanh.

– Tôi bước vào mảnh đất của nhà anh à?

Di cười.

– Hoàn toàn không. Tôi chỉ muốn biết anh là ai thôi. Tò mò là một tính cách của con người. Ai không ham biết thì khó mà mong đợi có được một đời sống tốt.

– Tôi là Vương Sáng.

– Anh từ đâu đến?

Sáng không quen bị người ta hỏi. Anh bỗng thấy nghi ngờ. Có thể người thanh niên họ Di này là một trong những người được cử ra, có quyền chất vấn và trừng phạt người khác. Có lẽ anh và hai người anh em đã vi phạm những quy định vô hình luôn bủa vây người nghèo.

Sáng do dự hất đầu về một hướng trong bóng tối:

– Từ nơi đó. Anh em chúng tôi phải đi mất nhiều ngày đêm, vượt qua hai con sông lớn.

– Có anh có em thì tốt quá. Thế các anh làm gì ở đây?

– Chúng tôi tìm việc làm. Nhưng vẫn chưa tìm được.

– Điều này thì khó đấy. Rất khó. Ai cũng bị thành phố lôi kéo như ruồi thấy mật ong đổ. Để tìm được kế sinh nhai cũng không dễ gì.

Sáng đã có sẵn câu hỏi trên môi nhưng anh quyết định nuốt nó xuống. Di như nhìn thấu gan ruột anh.

– Anh có muốn biết tôi sống bằng cái gì, tại sao tôi không bị ăn đói mặc rách không?

– Tôi không muốn tò mò về những người ở trên tôi.

– Điều này đâu có làm phiền tôi. Cha tôi có một số thuyền tam bản, một đội thương thuyền nhỏ chạy ngược, xuôi trên các con sông ở đây. Khi ông ấy qua đời, một người anh em và tôi đã tiếp nhận công việc buôn bán này. Em trai thứ ba và thứ tư của tôi đã di cư sang một nước ở bờ biển bên kia, sang Mỹ. Ở đó họ làm nên cơ nghiệp bằng nghề giặt quần áo bẩn cho những người đàn ông da trắng. Mỹ quả là một đất nước độc đáo. Thử hỏi có ở nơi nào người ta có thể trở nên giàu có từ những thứ bẩn thỉu?

– Tôi cũng tính đến việc đi đến nước đó, Sáng nói.

Di nhìn Sáng vẻ dò xét.

– Để làm được việc đó thì cần phải có tiền. Chẳng có ai chờ không cho mình vượt qua đại dương đâu. Bây giờ thì tôi chúc anh ngủ ngon. Tôi hy vọng các anh sẽ tìm được việc làm.

Di hơi cúi người xuống rồi biến vào đêm tối. Sáng nằm xuống và thầm hỏi liệu có phải mình đã tưởng tượng ra cuộc chuyện trò này không. Có lẽ anh đã nói chuyện với chính cái bóng của mình? Mơ rằng đó là một người khác?

Ba anh em họ tiếp tục công cuộc tìm kiếm việc làm và miếng ăn đầy vô vọng trong cái thành phố lúc nhúc những người là người này. Sáng không buộc khấn vào với hai người anh em nữa. Anh thấy mình giống như một con thú với hai chàng thanh niên luôn áp sát vào mình trong đám người đông đúc.

Họ tìm việc làm ở bến cảng, trong các ngõ hẻm. Sáng nhắc hai người phải đi đứng cho thẳng người, khi đứng trước một trong những nhân vật quan trọng, có thể ban phát cho họ công ăn việc làm.

– Chúng ta phải tỏ ra là những người khỏe mạnh, Sáng nói. Không ai giao việc cho một người không có sức khỏe.

Họ ăn những thứ mà người khác vứt bỏ. Khi họ phải tranh giành vài cục xương với mấy con chó, Sáng thấy như thể họ đã dần dần biến thành thú vật. Mẹ Sáng đã có lần kể cho anh một câu chuyện cổ tích về một thanh niên đã biến thành một con thú không có tay, mà chỉ có bốn chân và đuôi, vì anh ta lười biếng không chịu làm lụng. Nhưng anh em Sáng thì không có việc gì để làm, bị biến thành thú vật không phải vì lười biếng.

Họ vẫn ngủ trên cầu tàu trong cái nóng oi ả. Đôi khi có những cơn mưa nặng hạt từ biển kéo vào, đổ ập xuống thành phố. Họ phải tìm chỗ trú mưa dưới gầm cầu, chui vào giữa những xà gỗ ẩm ướt nhưng cuối cùng vẫn ướt như chuột lột. Sáng nhận ra Quốc Sĩ và Vũ đang dần tuyệt vọng. Niềm ham sống của họ mỗi ngày một ít đi, cùng với cái đói, gió mưa, cái cảm giác không ai đoái hoài đến mình, không ai cần mình.

Một tối, Sáng để ý thấy Vũ ngồi xồm, gặp người xuống, miệng lầm rầm cầu xin các vị thần thánh mà cha mẹ họ đã tôn thờ. Việc làm của Vũ khiến Sáng phẫn nộ trong giây lát. Những vị thần của cha mẹ chưa bao giờ giúp gì được cho họ, kể cả trước kia lẫn bây giờ. Nhưng Sáng không nói gì. Nếu như Vũ tìm thấy niềm an ủi trong lời cầu nguyện của nó, thì anh đâu có quyền tước đi.

Càng ngày Sáng càng thấy Quảng Châu là một miền đất khùng khiếp. Sáng sáng, khi họ bắt đầu cuộc hành trình vô tận để tìm kiếm việc làm thì lại thấy có những xác người mới dưới các rãnh nước. Đôi khi khuôn mặt của họ đã bị chuột cống hoặc những con chó đói gặm mất. Sáng nào anh cũng lo sợ cuộc đời của mình rồi cũng sẽ kết thúc như vậy trong vô vàn ngõ ngách của Quảng Châu.

Sau một ngày nữa trong cái nóng oi ả, Sáng cũng dần mất đi niềm hy vọng. Anh đói đến chóng mặt và không còn có thể suy nghĩ sáng suốt được nữa. Khi anh nằm trên cầu tàu với hai người anh em đang ngủ, lần đầu tiên anh nghĩ tốt hơn hết là nên ngủ thiếp đi và không bao giờ thức dậy nữa.

Thức dậy làm gì cơ chứ?

Đêm ấy anh lại mơ thấy ba cái đầu. Đột nhiên chúng bắt đầu nói chuyện với anh, nhưng anh không hiểu những cái đầu đó nói gì.

Lúc anh mở mắt trong hừng đông đã thấy Di ngồi bên mố móc dây neo tàu và đang rít tẩu thuốc. Anh ta cười khi thấy Sáng đã thức dậy.

– Anh ngủ không được ngon giấc, Di nói. Tôi thấy anh đã mơ thấy một cái gì đó mà anh muốn trốn chạy khỏi nó.

– Tôi đã mơ thấy những cái đầu bị chặt, Sáng nói. Có thể một trong số đó là đầu của tôi.

Di nhìn Sáng ngẫm nghĩ trước khi tiếp tục.

– Khi còn có thể lựa chọn, thì hãy nên lựa chọn. Anh em của anh trông không được khỏe mạnh. Nhìn là thấy các anh đói ăn. Ai tìm người để khâu vác, kéo xe hàng, chắc sẽ không tìm người ốm đói. Bất luận thế nào người ta cũng không nhận những người như anh em anh, trong khi ở đây còn nhan nhản những người mới đến, còn khỏe mạnh, còn cái ăn dự trữ.

Di gõ tẩu cho tàn thuốc rơi ra, trước khi tiếp tục nói:

– Sáng nào cũng có người chết trôi sông. Đó là những người không còn đủ sức để tiếp tục sống nữa. Họ nhét đá vào túi áo, hoặc treo vật gì nặng vào chân. Quảng Châu trở thành một thành phố đầy những bóng ma chậm chờn của những kẻ tự sát.

– Vì sao anh lại kể cho tôi nghe điều này? Nỗi đau đớn sự giày vò của tôi cũng đã đủ lớn rồi.

Di giơ tay ngăn lại:

– Tôi kể ra không phải là để làm cho anh lo lắng. Mà tôi đã nói hết đầu. Anh họ của tôi có một nhà máy mà vào lúc này lại có quá nhiều thợ bị ốm. Có thể tôi giúp được cho anh em anh.

Sáng hầu như không thể tin nổi vào tai mình. Nhưng Di nhắc lại lời anh ta đã nói, tuy vậy không dám hứa chắc có thể kiếm việc làm cho họ được không.

– Vì sao anh lại chọn chúng tôi để giúp đỡ?

Di nhún vai:

– Vì sao chúng ta lại làm việc này mà không làm việc kia? Có lẽ tôi muốn giúp anh chỉ vì anh đáng được như vậy.

Di đứng lên:

– Chừng nào có tin mới, tôi sẽ quay trở lại, anh ta nói. Tôi không phải hạng người hứa bừa bãi. Một lời hứa không giữ đúng có thể giết chết một con người.

Anh ta đặt trước mặt Sáng một ít hoa quả rồi đi. Sáng nhìn anh ta đi dọc theo cây cầu rồi mất dạng trong đám người đông như kiến.

Vũ vẫn còn sốt khi tỉnh dậy. Trán Vũ nóng hầm hập.

Sáng ngồi xuống bên Vũ, còn Quốc Sĩ ngồi ở phía bên kia. Sáng kể cho hai người nghe về Di.

– Anh ấy cho anh số hoa quả này, và cũng là người đầu tiên ở Quảng Châu cho chúng ta một chút gì đó. Có thể Di là một vị thần mà cha mẹ đã gửi đến cho chúng ta từ một thế giới khác. Nếu như anh ta không quay trở lại, lúc đó chúng ta sẽ biết anh ta cũng chỉ là một kẻ dối trá. Chúng ta sẽ chờ ở đây.

– Chúng ta sẽ chết đói trước khi anh ta quay lại, Quốc Sĩ nói.

Sáng tức giận:

– Em không muốn nghe lời than vãn ngu xuẩn của anh!

Quốc Sĩ không nói gì thêm nữa. Sáng hy vọng họ sẽ không phải chờ đợi lâu.

Cái nóng hôm nay thật ngột ngạt. Sáng và Quốc Sĩ thay nhau tới chỗ vòi công cộng lấy nước uống về cho Vũ. Sáng đã may mắn kiếm được một ít rễ rau đem về ăn sống.

Trời đã tối mà vẫn chưa thấy Di trở lại, Sáng cũng bắt đầu thấy hoài nghi. Có thể Di cũng là kẻ hứa hão hòng giết chết người khác. Một lúc sau, chỉ còn Sáng ngồi thức bên đống lửa, lắng nghe mọi tiếng động từ trong bóng tối vọng đến chỗ anh ngồi. Anh không biết khi nào Di quay trở lại. Đột nhiên anh ta đã đứng ngay phía sau Sáng, khiến anh giật mình.

– Đánh thức họ dậy, Di nói. Chúng ta phải đi ngay. Tôi đã tìm được việc làm cho các anh rồi.

– Vũ bị ốm. Không thể chờ đến sáng mai được sao?

– Nếu vậy người khác sẽ nhận mất công việc này. Một là chúng ta phải đi ngay bây giờ, hoặc là chẳng bao giờ nữa.

Sáng vội vàng đánh thức Sĩ và Vũ dậy.

– Chúng ta phải đi, anh nói. Cuối cùng sớm mai chúng ta cũng sẽ có việc làm.

Di dẫn họ đi qua nhiều con hẻm tối tăm. Sáng mấy lần vấp phải người nằm ngủ trên đường. Anh em họ nắm chặt lấy tay nhau.

Không lâu sau, Sáng nhận ra gần đâu đây có nước qua cái mùi của nó.

Rồi mọi chuyện xảy ra rất nhanh. Từ trong bóng tối xuất hiện nhiều kẻ lạ mặt túm chặt lấy cánh tay anh em Sáng, trùm bao tải lên đầu họ. Sáng bị đánh ngã, nhưng anh vẫn chống trả.

Sáng nghe có tiếng Vũ hét lên ngay gần mình. Trong ánh sáng của chiếc đèn lồng đung đưa, anh nhìn thấy em mình nằm giữa trên mặt đất. Một người đàn ông rút con dao găm ở ngực Vũ ra và lặn nó xuống nước. Dòng nước từ từ cuốn xác Vũ đi.

Trong khoảnh khắc choáng váng này, Sáng hiểu ra Vũ đã chết. Anh đã không bảo vệ được em mình.



Rồi anh bị ai đó đánh mạnh vào gáy. Quốc Sĩ và Sáng ngất đi, được khiêng lên một con thuyền chở ra vịnh, nơi có một con tàu đang đợi.

Sự việc này xảy ra vào năm 1863, trong cái năm mà hàng ngàn nông dân Trung Quốc nghèo khổ bị bắt cóc và bị đưa vượt biển sang châu Mỹ, một châu lục đã nuốt chửng họ với lòng tham vô độ của nó. Ở đây, chờ đợi họ vẫn là công việc lao khổ mà trước đây họ từng mơ sẽ thoát được.

Họ đi qua biển rộng. Nhưng sự nghèo khổ cũng cùng đi với họ.

## 12

Khi Sáng tỉnh dậy, anh chỉ thấy xung quanh mình bóng tối mịt mù. Anh không thể nào cựa quậy được. Anh quờ quạng thấy các thanh tre của chiếc cũi mà anh đang bị nhốt trong đó, người gập làm đôi. Phải chăng Phàn đã bắt được anh, nhốt anh vào đây rồi đưa về quê?

Nhưng có một cái gì đó không phải là như vậy. Chiếc cũi lắc lư, nhưng không phải như là nó đang được khiêng đi. Anh lắng nghe trong bóng tối và tin rằng đó là tiếng nước vỗ bập bênh. Anh hiểu ra mình đang ở trên một khoang tàu. Nhưng còn Quốc Sĩ đâu? Anh không nhìn thấy gì trong bóng tối, cố cất tiếng gọi, nhưng chỉ phát ra được tiếng phều phào yếu ớt, người ta đã nhét giẻ vào mồm anh. Anh gần như phát hoảng. Anh ngồi trong một chiếc cũi chật tới mức không duỗi chân tay ra được. Anh tìm cách huých lưng cho các thanh tre bung ra tìm đường thoát.

Bỗng nhiên có ánh sáng quanh anh. Có ai đó đã kéo bỏ tấm vải buồm phủ trên chiếc cũi tre. Lúc quay đầu lại, anh nhìn thấy cửa khoang tàu phía trên, nhìn thấy một khoảng trời xanh và một đám mây trắng lè loi. Người đàn ông đang cúi xuống gần chiếc cũi có một vết sẹo dài trên mặt, mớ tóc cẩu bần được buộc túm lại phía sau gáy. Gã nhổ nước bọt, thò tay vào trong cũi lôi miếng giẻ nhét trong mồm anh ra.

– Bây giờ thì mày có thể gào lên được rồi đấy, gã nhả nhổ. Ở đây, giữa biển sẽ chẳng có ai nghe thấy mày đâu.

Gã thủy thủ nói tiếng địa phương nên hầu như Sáng không hiểu được.

– Tôi đang ở đâu? Anh hỏi. Quốc Sĩ đâu?

Gã thủy thủ nhún vai:

– Chẳng còn lâu nữa, chúng ta sẽ xa hẳn đất liền, lúc đó chúng tao sẽ cho mày ra khỏi cũi, tha hồ mà đi chào hỏi các bạn đồng hành may mắn của mày. Trước đây, chúng mày tên là gì cũng mặc xác. Khi nào đến nơi, chúng mày sẽ có tên mới.

– Chúng tôi được đưa đi đâu?

– Tới thiên đường.

Gã thủy thủ cười vang, trèo lên cửa khoang tàu rồi biến mất. Sáng quay đầu nhìn mọi phía. Chỗ nào cũng thấy có cũi tre giống như cái cũi nhốt anh. Tất cả đều được phủ bạt. Cảm giác cô đơn khủng khiếp xâm chiếm tâm hồn anh. Vũ và Quốc Sĩ đã biến mất. Chỉ còn lại mình anh, như một con thú bị nhốt trong cũi đang đến với cái nơi mà chẳng có ai quan tâm đến tên của nó.

Sau này, Sáng nhớ lại những giờ phút đó như là một tiết mục giữ thăng bằng trên miệng vực, ranh giới giữa cái sống và cái chết vô cùng mỏng manh. Anh hoàn toàn chẳng còn gì để mà phải sống, nhưng lại không thể tự sát được.

Anh không thể nói tình cảnh ấy kéo dài trong bao lâu. Cuối cùng đám thủy thủ cũng leo xuống hầm tàu qua khoang cửa. Chúng dỡ những tấm bạt, mở cửa cũi, quát tháo người bị nhốt trong đó mau đứng dậy. Các khớp xương của Sáng cứng đờ, nhưng cuối cùng anh cũng đứng dậy được.

Anh nhìn thấy Quốc Sĩ bị một thủy thủ lôi mạnh ra khỏi cũi. Anh đi cà nhắc đến chỗ Sĩ trên hai chân còn tê dại, cứng đờ và bị quất mấy roi, trước khi giải thích được là mình chỉ muốn đến giúp anh trai.

Họ bị xua lên boong tàu rồi bị xích với nhau. Đám thủy thủ đều nói với nhau bằng thổ ngữ mà Sáng không hiểu được, tất cả đều cầm dao, kiếm trong tay canh gác họ. Sợi dây xích quá nặng khiến Quốc Sĩ vất vả lắm mới đứng vững được. Sáng nhìn thấy một vết thương nặng trên trán Quốc Sĩ. Một gã thủy thủ dùng mũi kiếm đẩy anh đi.

– Anh tôi bị đau, Sáng nói. Nhưng không lâu nữa sẽ khỏi.

– Hy vọng là mày nói đúng. Hãy cố mà chăm sóc cho anh mày khỏe lại. Nếu không chúng tao sẽ quăng cả hai xuống biển.

Sáng cúi gập người xuống. Rồi anh giúp Sĩ đến ngồi trong bóng râm của một cuộn dây chèo.

– Có em ở đây, Sáng nói. Em sẽ giúp anh.

Quốc Sĩ nhìn em mình với hai con mắt còn chảy máu:

– Vũ đâu rồi?

– Nó còn ngủ. Mọi việc sẽ tốt cả thôi.

Quốc Sĩ lại rơi vào tình trạng nửa tỉnh nửa mê. Sáng thận trọng nhìn quanh. Con tàu với những cánh buồm no gió được cột chặt vào ba cột buồm lớn chạy phẳng phẳng. Sáng không thấy nơi đâu là đất liền. Nhờ vào vị trí mặt trời nên anh nhận ra con tàu đang chạy về hướng Đông.

Những người đàn ông bị xích với nhau đều ở trần, gầy gò như Sáng. Anh đưa mắt tìm Vũ, nhưng tuyệt nhiên không thấy đâu cả. Anh hiểu rằng Vũ đã chết thật và nằm lại ở Quảng Châu. Mỗi một đợt sóng bị con tàu xé rách, Vũ lại càng nằm lại xa hơn ở phía sau anh em Sáng.

Sáng nhìn người bạn đường cùng cảnh ngộ ngồi bên cạnh. Một bên mắt của anh ta sưng vù và một vết thương sâu hoắm ở trán do bị chém bởi một con dao hoặc một lưỡi kiếm. Sáng không biết liệu có được phép nói chuyện với nhau không hay là bị cấm. Nhưng anh thấy mấy người bị xích chung trong dây xích dài đang thì thầm nói chuyện với nhau.

– Tôi là Sáng, anh khẽ nói. Chúng tôi bị tấn công trong đêm. Sau đó thì tôi không biết thêm gì nữa cho tới khi tỉnh lại ở trên tàu.

– Còn tôi là Lưu.

– Chuyện gì đã xảy ra với anh vậy, anh Lưu?

– Tôi chơi cờ bạc mất hết cả tài sản, quần áo, đồ nghề. Tôi là thợ mộc. Tôi không trả được nợ, nên họ đã bắt tôi. Tôi tìm cách thoát thân nên bị họ đánh. Lúc mở được mắt ra đã thấy mình ở trên tàu.

– Anh có biết chúng ta bị chở đi đâu không?

Lưu nhổ nước bọt, thận trọng giơ bàn tay bị xích sờ vào bên mắt bị thương:

– Khi nhìn quanh, tôi đã có câu trả lời. Chúng ta đang trên đường sang châu Mỹ, hay đúng hơn là địa ngục. Nếu thoát được, tôi sẽ nhảy xuống biển.

– Anh có thể bơi trở lại được à?

– Anh đúng là ngốc. Tôi sẽ chết đuối.

– Nhưng như thế anh sẽ chẳng được chôn cất.

– Tôi sẽ chặt đứt một ngón tay của mình, nhờ một ai đó cầm nó về Trung Hoa và chôn ở đó. Tôi vẫn còn một ít tiền để thuê người làm việc đó. Tôi không mất hết cả xác dưới biển.

Câu chuyện bị gián đoạn khi một gã thủy thủ gõ keng. Người ta ra lệnh cho họ ngồi xuống và mỗi người nhận được một bát cơm. Sáng lay Sĩ dậy và bón cơm cho anh rồi sau đó mới ăn suất ăn của mình. Bát cơm họ nhận được đã có mùi thiu.

– Tuy cơm thiu, nhưng nó vẫn giữ được mạng sống của chúng ta, Lưu nói. Nếu chết, chúng ta chẳng còn giá trị gì nữa. Chúng ta giống như những con lợn được người ta cho ăn trước khi đưa đến lò mổ.

Sáng nhìn Lưu kinh hãi:

– Họ sẽ giết thịt chúng ta ư? Do đâu mà anh biết được những chuyện như vậy?

– Cả đời tôi đã được nghe đủ chuyện nên biết cái gì đang chờ chúng ta. Sẽ có người đứng bên bến cảng mua chúng ta. Một là chúng ta sẽ bị đưa đến những hầm mỏ hoặc sẽ bị đưa đến một vùng sa mạc xa tít tắp ở ngoài kia, nơi chúng ta phải đặt sắt lên đất cho những chiếc máy có nước sôi trong bụng kéo những toa tàu có bánh lớn chạy đi. Nhưng hỏi thế đủ rồi. Dù sao thì anh cũng quá ngốc, khó mà hiểu được.

Lưu quay người rồi nằm xuống ngủ. Sáng cảm thấy bị xúc phạm. Giá như anh còn tự do, Lưu sẽ không bao giờ dám nói với anh như vậy.

Buổi tối gió đã yếu đi. Những cánh buồm không đủ gió rủ xuống. Mỗi người lại nhận được một bát cơm đã chớm mốc, một muống nước uống và một chiếc bánh mì khô cứng gần như không nhai được nữa. Sau đó họ thay nhau ngồi xồm trên mạn tàu để đại tiểu tiện. Sáng phải giữ chặt lấy Quốc Sĩ để anh không bị sợi dây xích nặng nề kéo lộn qua mạn tàu, kéo theo những người khác rơi xuống biển.

Một thủy thủ mặc đồng phục màu đen, da trắng như người đàn ông mà Sáng đã nhìn thấy ở Quảng Châu trong chiếc kiệu, cho phép Quốc Sĩ và Sáng được ngủ trên boong tàu. Hai anh em họ bị xích vào cột buồm, trong khi đó những người còn lại ngủ dưới hầm tàu, nắp hầm được khóa lại.

Sáng ngồi tựa lưng vào cột buồm, nhìn những gã thủy thủ đang ngồi bên lò than đun nước và hút thuốc bằng những chiếc tẩu to. Con tàu trườn trên mặt biển sau những con sóng lừng, kêu cọt két. Thịnh thoảng lại có một thủy thủ đến bên Sáng và Quốc Sĩ kiểm tra xem họ có tìm cách trốn không.

– Chúng ta phải đi mất bao lâu? Sáng hỏi.

Gã thủy thủ ngồi xồm xuống, rít tẩu thuốc phả ra mùi ngòn ngọt.

– Cái này thì người ta không bao giờ biết được, gã trả lời. Thuận lợi thì bảy tuần, xấu nhất thì mất ba tháng. Nếu ngược gió. Nếu trên tàu có ma quỷ.

Sáng không biết chắc một tuần là bao nhiêu ngày. Và một tháng? Sáng chưa hề học tính toán như vậy. Ở làng, người ta sống theo lần mặt trời lặn rồi mọc, theo mùa. Nhưng Sáng có cảm giác rằng gã thủy thủ muốn nói chuyện hải hành này sẽ rất dài.

Con tàu nằm im một vài ngày vì lặng gió, buồm được hạ xuống. Đám thủy thủ tỏ ra sốt ruột, dễ cáu kỉnh và thường vô cớ đánh đập những người bị xiềng xích. Quốc Sĩ dần dần bình phục, thịnh thoảng anh còn hỏi được xem chuyện gì đã xảy ra.

Mỗi sáng cũng như mỗi tối, Sáng đều đưa mắt tìm đất liền. Nhưng chỉ thấy biển mênh mông vô tận và những cánh chim lẻ loi bay quanh

con tàu rồi biến mất.

Mỗi ngày qua đi, Sáng lại khĩa một vạch vào cột buồm nơi anh và Quốc Sĩ bị xích. Thời tiết thay đổi đột ngột, khi Sáng khĩa được vạch thứ mười chín, con tàu rơi vào một trận bão lớn. Suốt trong thời gian mưa bão, hai anh em họ vẫn bị xích bên cột buồm, mặc dù có những cơn sóng lớn tràn qua người họ, sập xuống đầu họ. Sức mạnh của biển khơi dữ dội đến mức Sáng tin rằng con tàu sẽ bị đánh vỡ tan tành. Trong những ngày bão, đồ ăn của họ chỉ là mấy miếng bánh quy do một thủy thủ phải buộc dây thừng quanh bụng, đem đến cho hai anh em. Họ nghe thấy tiếng kêu gào khiếp sợ của những người khác dưới hầm tàu.

Cơn bão kéo dài suốt ba ngày, rồi gió giảm dần và cuối cùng nó đã ngủ yên. Họ hoàn toàn bất động đúng một ngày một đêm, rồi gió lại nổi làm cho đám thủy thủ phấn chấn hẳn lên. Những cánh buồm lại căng phồng và những người đàn ông bị xích lại được trèo lên boong qua cửa hầm tàu.

Sáng hiểu ra rằng họ sẽ có nhiều cơ hội sống sót hơn nếu được phép ở lại trên boong. Anh nói với Quốc Sĩ hãy làm ra vẻ vẫn còn sốt nhẹ mỗi khi có tay thủy thủ nào hoặc gã thuyền trưởng da trắng đến xem tình trạng của anh ra sao. Sáng đảm bảo với họ rằng anh trai mình đang dần bình phục nhưng vẫn chưa hoàn toàn khỏe mạnh.

Một vài ngày sau trận bão, đám thủy thủ phát hiện thấy một hành khách đi lậu. Chúng tức giận gào thét lôi người đó ra khỏi chỗ ẩn náu ở dưới hầm tàu. Ở trên boong, nổi tức giận của chúng bỗng chuyển sang phấn khích khi biết đó là một phụ nữ trẻ ăn mặc giả trai. Nếu như viên thuyền trưởng không can thiệp và không rút súng ra ngăn bọn thủy thủ lại thì chắc chắn đám người ấy đã lăn xả vào cô gái. Ông ta ra lệnh trói cô gái vào cột buồm cùng với anh em Sáng. Kẻ nào động đến cô ta sẽ phải ăn đòn hằng ngày trong suốt cuộc hành trình.

Cô gái còn rất trẻ, cùng lắm chỉ mới khoảng mười tám, mười chín tuổi. Mãi tới tận tối, khi trên tàu đã im lặng, chỉ còn lại một người bé lái, một người đứng trên đài quan sát và một vài người canh gác, Sáng mới thì thầm hỏi tên cô. Cô trả lời anh với ánh mắt mệt mỏi và tiếng nói hầu như không nghe được. Tên cô là Tôn Na. Sáng không nói gì, đưa cho cô gái chiếc chăn cũ kỹ của Quốc Sĩ. Cô gái nằm xuống, kéo chăn phủ kín người từ đầu tới chân.

Ngày hôm sau, viên thuyền trưởng cùng với một phiên dịch đến chỗ cô và chất vấn cô. Cô nói tiếng địa phương nghe rất giống tiếng ở quê anh em Sáng. Cô nói khẽ tới mức mà hầu như không ai hiểu được cô nói gì. Nhưng dù sao Sáng cũng biết được rằng cha mẹ cô đã qua đời và một người họ hàng của cô dọa gả cô cho một điền chủ đáng sợ thường xuyên đánh đập, ngược đãi những người vợ trẻ của hắn. Do vậy Tôn Na đã trốn đến Quảng Châu, ở đó, cô đã lên lên tàu này để đến châu Mỹ, nơi chị gái cô sống.

– Chúng tôi sẽ để cô sống, viên thuyền trưởng nói. Tôi không quan tâm đến việc cô có chị gái hay không. Nhưng ở châu Mỹ đang rất thiếu phụ nữ Trung Hoa.

Ông ta lấy từ trong túi ra một đồng tiền bạc, tung nó từ tay này sang tay kia.

– Cô sẽ là một khoản thu nhập thêm của tôi trong chuyến đi này. Điều này có ý nghĩa thế nào, cô chắc chắn không hiểu được. Nhưng thế càng tốt.

Tối hôm đó, Sáng lại tiếp tục hỏi cô. Cô kéo chiếc chăn bắn trùm lên đầu và rất kiêu lời. Cô đến từ một làng có cái tên mà Sáng chưa bao giờ nghe tới. Nhưng khi cô tả lại phong cảnh và đặc biệt là màu nước con sông ở gần làng mình, anh hiểu ra ngay nó không cách xa ngôi làng Vân Hải của anh là mấy.

Con tàu vẫn tiếp tục chạy về hướng Đông. Sáng lại khĩa vào cột buồm khi một ngày trôi qua. Anh thấy những người đàn ông ban đêm phải ngủ dưới hầm tàu chật chội, ngột ngạt, sức khỏe ngày càng tồi tệ



hơn. Đã có hai người trong số họ được đưa lên boong tàu, được quấn trong mảnh buồm cũ rồi bị quăng qua thành tàu xuống biển mà không có ai nói một lời nào hoặc cúi đầu trước biển cả đang đón nhận hai xác chết vào lòng nó. Cái chết có mệnh lệnh riêng của nó ở trên tàu. Nó ấn định các trận gió, các dòng chảy, những con sóng và ai sẽ được đưa lên boong từ hầm tàu bốc mùi hôi thối.

Một vài ngày sau, lại có thêm xác chết từ hầm tàu được đưa lên boong. Quốc Sĩ và Sáng không nhìn thấy ai là người đã bị quăng qua thành tàu. Nhưng một người trong đám thủy thủ đi đến chỗ họ bên cột buồm sau khi xác chết đã biến mất. Anh ta cầm trong tay một miếng giẻ được cuộn lại.

– Người đó muốn anh nhận cho cái này.

– Ai cơ?

– Tôi không biết tên người đó.

Sáng cầm lấy cuộn giẻ và mở nó ra. Bên trong là một ngón tay cái bị chặt đứt. Như vậy, người chết là Lưu. Khi cảm thấy thời gian của mình sắp kết thúc, anh ấy đã chặt đứt ngón tay cái của mình, trả tiền cho người thủy thủ này, nhờ anh ta trao nó cho Sáng.

Sáng cảm thấy vinh hạnh. Anh đã nhận được bằng chứng cao cả nhất của lòng tin. Lưu đã tin rằng đến một ngày nào đó Sáng sẽ lại trở về Trung Hoa.

Sáng nhìn ngón tay cái một lúc lâu, rồi anh bắt đầu lột da và thịt của ngón tay cái đó bằng cách chà nó vào sợi dây xích quàng ở chân mình. Anh cố không để Quốc Sĩ nhìn thấy mình đang làm gì.

Phải mất hai ngày anh mới làm sạch được ngón tay cái đó. Sau đó anh rửa sạch nó trong một vũng nước mưa rồi giấu vào trong gấu áo. Anh sẽ thực hiện nhiệm vụ này kể cả khi gã thủy thủ đã im số tiền mà chắc chắn Lưu cũng nhờ chuyển đến cho anh.

Hai ngày sau, lại có thêm một người chết. Nhưng lần này thân xác ấy không phải được đưa lên từ hầm tàu. Người chết không ai khác chính là vị thuyền trưởng. Sáng đã nghĩ nhiều đến đất nước nơi anh sẽ

đến, đó cũng là nơi những người đàn ông da trắng nhợt kỳ lạ như người đàn ông này cư ngụ. Anh đã nhìn thấy người đàn ông này bỗng nhiên rùng mình như thể ông ta bị một nắm tay vô hình đánh trúng. Ông ta ngã xuống và không nhúc nhích nữa. Đám thủy thủ từ mọi phía ùa đến la hét, chửi rủa, nhưng uổng công. Ngày hôm sau, viên thuyền trưởng cũng bị quăng xuống biển. Nhưng ông ta được quấn trong một lá cờ có các đường sọc và những ngôi sao.

Cái chết của thuyền trưởng xảy ra đúng vào một đợt sóng yên biển lặng. Suốt nhiều ngày, không có lấy một cơn gió. Sự sốt ruột của thủy thủ dường như đã chuyển sang trạng thái lo sợ và bất an. Một vài thủy thủ cho rằng ác quỷ đã quật chết thuyền trưởng và khiến các trận gió ngu yên. Trên tàu lúc này có nguy cơ thiếu nước và lương thực dự trữ. Đôi khi xảy ra những trận cãi lộn và ẩu đả. Khi còn thuyền trưởng, những chuyện như thế này lập tức bị trừng phạt. Người tài công thay thế thuyền trưởng hình như không đủ uy tín và cũng thiếu quyết đoán. Sáng bắt đầu cảm thấy lo lắng về sự nhộn nhạo trên tàu. Anh tiếp tục khóa vạch vào cột buồm. Bao nhiêu thời gian đã trôi qua? Biển mà con tàu đang phải vất vả vượt qua rộng tới mức nào?

Vào một tối, lúc Sáng thiu thiu ngủ bên cột buồm, từ trong bóng tối xuất hiện một vài thủy thủ tới cởi trói cho Tôn Na. Một người nhét giẻ vào mồm cô để cô không kêu cứu được. Sáng kinh hãi nhìn họ lôi cô gái về phía mạn tàu, lột hết quần áo của cô rồi cưỡng hiếp. Càng lúc càng có nhiều thủy thủ xuất hiện từ trong bóng tối, chờ đợi đến lượt mình. Sáng phải chứng kiến cảnh tượng đó mà không thể làm gì được.

Bỗng anh thấy Quốc Sĩ tỉnh giấc. Anh thốt lên đau đớn khi hiểu được chuyện gì đang xảy ra.

– Tốt hơn là anh hãy nhắm mắt lại, Sáng nói. Em không muốn anh ốm lại. Chuyện xảy ra ở đây dễ làm cho người ta phát sốt mà chết.

Tôn Na nằm bất động khi đám thủy thủ đã làm xong cái việc của chúng. Một gã thủy thủ tròng dây vào cổ cô, kéo thân thể lỏa lồ của cô lên một cột buồm. Hai chân cô giãy giụa. Cô tìm cách bám chặt hai

tay vào sợi dây thừng kéo mình lên, nhưng không còn đủ sức. Cuối cùng cô bị treo lủng lẳng trên sợi dây. Sau đó đám thủy thủ quăng xác cô xuống biển, không có lấy một tấm vải buồm quấn lên người. Sáng không thể ngăn được tiếng kêu tuyệt vọng bật ra từ môi anh. Một gã thủy thủ nghe thấy tiếng anh.

– Mày thương nhớ người tình à? Gã hỏi.

Sáng sợ cũng bị ném qua mạn tàu.

– Tôi không có người tình nào cả, anh nói.

– Nó đã làm cho gió lặng, đã phù phép làm cho thuyền trưởng chết. Bây giờ thì nó đã biến mất và gió sẽ lại nổi lên.

– Vậy việc quăng cô ta xuống biển là việc làm hoàn toàn đúng.

Gã thủy thủ cúi sát xuống người Sáng.

– Mày sợ, gã nói. Mày sợ và mày đã dối trá. Nhưng mày không việc gì phải sợ, bọn tao không ném mày qua mạn tàu đâu. Mày nghĩ gì, tao không biết. Nhưng xem chừng mày sẽ thiếu tao, nếu như mày có thể làm được việc đó. Không chỉ riêng tao, mà là tất cả ở trên tàu này. Một thằng đàn ông suốt ngày bị xích vào cột buồm thì chẳng biết nó sẽ nghĩ ra những gì đâu.

Gã cười nhả nhổ rồi bỏ đi.

Quốc Sĩ không nhắc lại chuyện mà anh đã thấy. Sáng đã quen với ý nghĩ rằng có thể họ sẽ chẳng bao giờ đến được với bến bờ xa lạ bên kia. Đôi khi anh mơ thấy một người không có mặt đã lột da thịt anh ra rồi ném cho những con chim khổng lồ. Anh giật mình thức giấc. Sau một cơn ác mộng như vậy, thấy mình vẫn còn bị xích vào cột buồm quả là một cảm giác nhẹ bẫng tuyệt vời.

Họ giong buồm trong gió thuận một thời gian dài. Một buổi sáng, ngay sau khi trời hửng, anh nghe có tiếng reo to của hoa tiêu đứng trên chòi nhỏ phía đầu tàu. Tiếng reo của người đó cũng đánh thức Quốc Sĩ.

– Tại sao người đó lại reo to vậy?

– Em nghĩ, điều không tưởng đã xảy ra, Sáng trả lời và nắm chặt lấy bàn tay anh trai. Em nghĩ là họ đã nhìn thấy đất liền.

Ban đầu, nó như một dải đen sẫm treo trên các con sóng. Rồi họ nhìn thấy dải đen ấy lớn dần lên, đất liền, nó đã nhô lên khỏi mặt nước.

Hai ngày sau, họ có mặt trong một vịnh lớn, nơi những con tàu chạy bằng hơi nước cùng những chiếc thuyền buồm như thuyền của họ chen chúc nhau trong vũng và bên các cầu tàu. Tất cả mọi người được đưa lên boong. Những thùng lớn chứa nước uống được kéo lên, họ nhận được xà phòng và được tắm rửa dưới sự giám sát của các thủy thủ. Bây giờ không còn ai bị đánh đập nữa. Thậm chí khi có người nào đó không tắm rửa sạch sẽ, đám thủy thủ còn sẵn sàng kỳ cọ giúp họ. Mọi người được cạo râu, nhận được khẩu phần nhiều hơn trong chuyến hải hành. Sau khi mọi công việc chuẩn bị đã hoàn tất, những sợi dây xích chân được thay bằng còng tay.

Con tàu của họ còn nằm trên vịnh. Sáng và Quốc Sĩ cùng với những người khác đứng xếp hàng, nhìn lên bến cảng chạy dài. Nhưng thành phố trên đồi không lớn lắm. Sáng nhớ đến Quảng Châu. Thành phố này hoàn toàn không thể sánh với thành phố đã nằm lại ở phía sau họ. Liệu có đúng là đáy của những con sông ở đây được phủ vàng?

Tối đến, có hai chiếc thuyền nhỏ ghé sát vào con tàu của họ và neo lại ở phía cuối gió. Một chiếc thang dây được thả xuống. Sáng và Quốc Sĩ là hai trong số những người cuối cùng được đưa xuống. Những thủy thủ đón họ đều là người da trắng, đều để râu quai nón, có mùi mồ hôi, một vài người còn say rượu. Họ tỏ ra sốt ruột, xô đẩy Quốc Sĩ vì anh đi quá chậm. Ống khói của hai chiếc thuyền nhỏ nhả ra những đụn khói đen. Sáng nhìn con tàu với tất cả những vạch khía mà anh đã khía vào cột buồm, biến mất trong bóng đêm. Lúc này sợi dây cuối cùng nối với cổ quốc của anh đã bị cắt đứt.

Sáng nhìn lên bầu trời đầy sao. Vòm trời trên đầu anh không giống như vòm trời trước đây anh đã từng thấy. Những chòm sao vẫn như

cũ, chỉ khác là chúng đã chuyển dịch vị trí.

Anh thấy hình như lúc này mới hiểu ra được thế nào là cô đơn: ngay cả những vì sao trên trời cũng bỏ rơi anh.

– Chúng ta đi đâu? Quốc Sĩ thì thầm hỏi.

– Em cũng không biết.

Khi lên đến đất liền, họ phải giữ chặt lấy nhau để khỏi bị ngã. Họ ở trên tàu quá lâu nên đã mất đi khả năng giữ thăng bằng, khi đất dưới chân họ bỗng nhiên không chuyển động nữa.

Họ bị đẩy vào một phòng tối, sặc mùi sợ hãi và nước đá mèò. Một người đàn ông Trung Quốc, ăn mặc như những người da trắng, bước vào. Bên cạnh ông ta còn có hai người Trung Quốc cầm đèn dầu hỏa thấp sáng.

– Đêm nay các anh ở lại đây, người Trung Quốc đó nói. Ngày mai chúng ta lại tiếp tục lên đường. Không ai được tìm cách trốn khỏi đây. Nếu các anh gây ồn ào, chúng tôi sẽ khâu miệng các anh lại. Đến lúc đó, vẫn còn không im miệng, tôi sẽ cắt lưỡi các anh.

Hắn giơ cao con dao để mọi người có thể nhìn thấy rõ trong ánh sáng của ngọn đèn dầu.

– Nếu các anh làm theo những gì tôi nói, mọi việc sẽ tốt, nếu không mọi việc sẽ tồi tệ. Tôi có những con chó rất thích nhai lưỡi người.

Hắn nhét con dao vào bao.

– Sáng mai các anh sẽ nhận được khẩu phần ăn. Mọi chuyện rồi sẽ tốt cả thôi. Không lâu nữa, các anh sẽ bắt đầu làm việc. Ai chăm chỉ, sẽ có ngày trở về bên kia đại dương trong cảnh giàu sang.

Hắn rời khỏi căn phòng cùng với hai người xách đèn. Không một ai trong số những người đang phải chen chúc trong bóng tối dám mở miệng. Sáng thì thầm với Quốc Sĩ bảo anh trai cố ngủ đi một lát. Dù ngày mai có xảy ra chuyện gì đi chăng nữa, họ cũng cần có sức.

Sáng nằm thức rất lâu bên anh trai, Quốc Sĩ vừa đặt mình xuống đã ngủ. Quanh anh, tiếng thở chập chờn của những người đang ngủ hòa

lẫn với tiếng thở của những kẻ còn thức. Sáng ép tai vào bức tường lạnh lẽo tìm cách lắng nghe những tiếng động ở bên ngoài. Nhưng bức tường thì lại dày và câm lặng, không để tiếng động lọt qua.

– Hãy tới tìm anh, Sáng nói với Vũ trong bóng tối. Dù đã chết, em vẫn là người duy nhất trong mấy anh em mình còn ở lại Trung Hoa.

Ngày hôm sau họ được chở đi trên chiếc xe ngựa kéo trùm kín bạt. Họ rời khỏi thành phố mà không được nhìn thấy gì ở đó. Mãi tới lúc đến được nơi toàn cát là cát, khô cứng, chỉ có những bụi cây lúp xúp mọc, những người đàn ông cưỡi ngựa với súng trường trong tay mới kéo tấm bạt phủ xe sang hai bên.

Trời nắng nhưng lại rất lạnh. Sáng nhìn thấy những chiếc xe sắp thành hàng dài như một đoàn lễ hành. Anh nhận ra ở phía xa một dãy núi lớn.

– Chúng ta đi đâu thế? Quốc Sĩ lại hỏi.

– Em không biết. Em đã bảo anh đừng có hỏi nhiều. Khi nào biết em sẽ bảo anh.

Họ đi tiếp nhiều ngày nữa về hướng núi. Đêm đêm họ ngủ dưới gầm xe xếp vòng tròn.

Mỗi ngày qua nhiệt độ lại hạ xuống. Sáng thường tự hỏi liệu anh em họ có bị chết rét không.

Băng giá đã ở trong anh. Một trái tim nặng nề, khiếp sợ, đã đóng băng.

## 13

Ngày mồng 9 tháng Ba năm 1864, Quốc Sĩ và Sáng bắt đầu phải xé dãy núi cắt ngang tuyến đường sắt chạy qua lục địa Bắc Mỹ.

Như người ta nhớ được thì đó là mùa đông khắc nghiệt nhất từng có ở Nevada. Ngày lạnh tới mức người ta cho rằng mình đang thở hít những tinh thể băng thay vì không khí.

Cho đến khi đó, Sáng và Quốc Sĩ chủ yếu làm việc ở miền Tây, nơi công việc đơn giản hơn, chỉ phải san đất và đặt đường ray. Hai anh em họ được đưa thẳng từ tàu thủy đến đó vào cuối tháng Mười. Cùng với rất nhiều người khác bị bắt cóc từ Quảng Châu, bị xích chân, đưa đến đây, họ được những người Trung Hoa đã cắt bỏ bím tóc, ăn vận như người da trắng, đồng hồ quả quýt giắt túi áo, tiếp nhận. Một người đàn ông cùng họ Vương với hai anh em quản lý họ. Sáng vô cùng kinh ngạc khi thấy Quốc Sĩ, thường chẳng nói gì bao giờ, bỗng mở mồm phản đối:

– Chúng tôi bị tấn công, bị trói và đưa lên tàu. Chúng tôi không muốn đến đây.

Sáng nghĩ người đàn ông đang đứng trước mặt họ sẽ không chịu được khi người khác ăn nói với mình bằng những lời bướng bỉnh như vậy. Bây giờ ông ta sẽ rút khẩu súng đeo bên hông ra rồi bắn chết hai anh em họ.

Nhưng Sáng đã lầm. Ông Vương phá lên cười, như thể Quốc Sĩ vừa mới kể một câu chuyện tiểu lâm.

– Các anh đâu khác gì những con chó, ông ta nói. Di đã gửi cho tôi mấy con chó biết nói. Các anh là tài sản của tôi, cho tới khi nào các anh trả xong số tiền phải chi cho chuyến đi biển, tiền ăn và tiền đưa các anh từ San Francisco tới đây, bằng lao động của mình. Sau ba năm, các anh có thể làm những gì mình muốn. Nhưng cho tới ngày đó, các anh thuộc về tôi. Ở ngoài này, giữa sa mạc, các anh không thể bỏ

trốn được, ở đây có chó sói, có gấu và người da đỏ sẽ cắt cổ các anh, đập vỡ sọ các anh rồi húp não các anh như húp trứng gà. Nhưng nếu các anh vẫn cứ tìm cách bỏ trốn, tôi sẽ cho mấy con chó nòi của tôi lần theo dấu vết các anh. Lúc đó, chiếc roi da sẽ tha hồ mà nhảy múa và các anh sẽ phải làm việc cho tôi thêm một năm nữa. Bây giờ thì các anh biết cái gì đang chờ mình rồi đấy.

Sáng quan sát những người đàn ông đứng sau lão Vương. Chúng nắm xích những con chó được cột chung với nhau, súnng lăm lăm trong tay. Sáng ngạc nhiên thấy những gã đàn ông da trắng để râu xồm xoàm này lại sẵn sàng nghe lệnh của một người Trung Hoa. Đây quả thật là một đất nước kỳ lạ.

Họ được đưa đến ở trong một chiếc lều bạt nằm sâu trong một thung lũng có con suối chảy qua. Trên bờ suối bên này là đám thợ Trung Hoa ở, còn bên kia là những người Ái Nhĩ Lan, người Đức và những người châu Âu khác. Hai bên bờ rất căng thẳng với nhau. Lòng suối là ranh giới phân chia mà người Trung Hoa không được bước qua nếu không cần thiết. Những người Ái Nhĩ Lan thường hay say rượu, la hét chửi bới, ném đá sang phía những người Trung Hoa. Sáng và Quốc Sĩ không hiểu những lời to tiếng của họ. Nhưng những hòn đá bay qua không khí lại khiến người ta rất đau. Không có lý do nào để tin rằng những câu kia không phải là câu chửi bới.

Anh em Sáng sống chung với mười hai người Trung Hoa khác, nhưng không có ai trong họ cùng trên thuyền với hai người. Sáng đoán rằng lão Vương chọn cách để những người mới đến ở chung với người đã làm việc lâu năm trên công trường để được họ chỉ bảo. Căn lều chật chội. Tối ngủ, họ phải nằm ép vào nhau. Điều này giúp cho họ được ấm, nhưng cũng gây khó chịu vì không cựa quậy được.

Đứng đầu lều là một người đàn ông tên Xử, người gầy gò, răng yếu, nhưng được mọi người kính nể. Ông Xử chỉ chỗ ngủ cho Quốc Sĩ và Sáng. Ông hỏi anh em họ đến từ vùng nào, theo con thuyền nào, nhưng lại không kể gì về bản thân. Nằm bên cạnh Sáng là một người



đàn ông có tên là Hào, Hào kể cho Sáng nghe rằng ông Xử đã làm việc ở công trường đường sắt từ rất nhiều năm nay. Ông sang Mỹ từ đầu những năm 1850, ban đầu ông làm trong các mỏ vàng. Theo tin đồn, ông không may mắn lắm. Vì thế ông đã mua một căn lều nhỏ bằng gỗ cho những người đãi vàng gặp may thuê làm chỗ ở. Không ai hiểu vì sao ông Xử lại có thể ngu ngốc bỏ ra hai mươi lăm đô la để mua một căn nhà lụp xụp không một ai có thể ở được. Nhưng ông Xử đã cẩn thận quét sạch bụi đất trên nền nhà. Sau đó ông cạy những tấm ván lát sàn lên, cạo lớp đất dưới sàn nhà. Cuối cùng ông đã thu được rất nhiều hạt vàng và trở về San Francisco với số tài sản này. Ông quyết định trở về Trung Hoa và đã mua vé tàu thủy. Nhưng trong thời gian chờ đợi, ông đã ghé vào rất nhiều sòng bạc, nơi những người Trung Hoa khác dành rất nhiều thời gian cho những cuộc đỏ đen. Ông đã chơi và đã thua. Cuối cùng ông nường luôn cả chiếc vé tàu thủy. Sau đó, ông đã tìm đến với Central Pacific và là một trong những người Trung Hoa đầu tiên được tuyển dụng.

Ông Xử nói tiếng Anh. Qua ông, anh em Sáng được biết những tiếng gào thét ở bên kia suối là gì. Ông Xử khinh bỉ nói về những người đàn ông sống ở bờ bên kia.

– Chúng gọi chúng ta là Chệt, ông nói. Đó là một cái tên nhục nhã dành cho chúng ta. Khi bọn đàn ông Ái Nhĩ Lan say rượu, chúng còn gọi chúng ta là lũ lợn.

– Tại sao họ lại ghét chúng ta? Sáng hỏi.

– Vì chúng ta làm việc tốt hơn, ông Xử nói. Chúng ta làm việc nặng nhọc hơn, chúng ta không uống rượu, không bỏ đi. Ngoài ra chúng ta còn có da vàng, mắt xếch. Chúng không ưa những người trông không giống chúng.

Sáng sáng, Quốc Sĩ và Sáng, mỗi người cầm trên tay một chiếc đèn lồng, leo từ thung lũng lên con đường mòn dốc đứng đi lên cao. Khi đường đóng băng bằng, thường xuyên có người bị trượt ngã, rơi xuống thung lũng. Có hai người bị ngã như thế, chân đau không đi làm được

nên ở lại giúp chuẩn bị cơm nước cho mọi người khi họ trở về lán sau một ngày làm việc vất vả. Người Trung Hoa và những người ở bên kia suối làm việc cách xa nhau, ra khỏi thung lũng theo hai con đường khác nhau, làm việc ở những công trường khác nhau. Đám cai thợ phải thường xuyên giám sát để hai nhóm người này không đến gần nhau. Đôi khi cũng xảy ra những cuộc ẩu đả ở giữa suối, giữa người Trung Hoa được vũ trang bằng những chiếc gậy ngắn với người Ái Nhĩ Lan, dùng dao găm. Rồi đội canh gác râu xồm cười trên lưng ngựa xuất hiện, quất roi da tách hai đám người đang hăng máu ra. Đôi khi có người bị thương nặng quá đã chết. Một người Trung Hoa đánh vỡ sọ một người Ái Nhĩ Lan đã bị bắn chết, một người Ái Nhĩ Lan đâm chết một người Trung Hoa bị xích lại rồi giải đi. Ông Xử nhắc nhở mọi người trong lán tránh xa những cuộc ẩu đả và ném đá. Ông thường xuyên nhắc họ nhớ rằng tạm thời họ chỉ là khách của đất nước này.

– Chúng ta cần phải chờ đợi, ông nói. Rồi một ngày nào đó họ sẽ phải hiểu ra rằng sẽ không có đường sắt, khi những người Trung Hoa chúng ta không xây dựng xong nó. Một ngày nào đó mọi chuyện sẽ thay đổi.

Đêm đã khuya, khi mọi người đã ngủ trong lán, Quốc Sĩ thăm thì hỏi Sáng rằng ông Xử nói như vậy có nghĩa là gì. Nhưng Sáng cũng không có được câu trả lời rành mạch.

Hai anh em họ được đưa từ miền duyên hải đến nơi phong cảnh tiêu điều, căn cỗi này, nơi mà trời lạnh hơn. Khi họ bị ông Xử la to đánh thức dậy, ấy là lúc mọi người phải rất khẩn trương, vì nếu không người cai thợ đây quyền lực sẽ tức giận và sẽ bắt họ phải làm việc lâu hơn là mười hai tiếng thông thường. Cái lạnh như cắt vào da thịt. Hầu như ngày nào tuyết cũng rơi.

Thình thoảng họ cũng nhìn thấy lão Vương đáng sợ, kẻ luôn gọi họ là tài sản của mình. Lão xuất hiện đầy bất ngờ rồi cũng biến đi như thế.

Công việc của anh em Sáng là làm nền đường cho chắc để đặt tà vẹt và rải đường ray. Các đồng lửa được đốt lên ở khắp mọi chỗ, phần để có ánh sáng làm việc, phần để làm nóng nền đất đã đóng băng. Suốt trong thời gian làm việc, họ bị những cai thợ cười ngửa giám sát. Đó là những người da trắng mang theo súng, mặc áo khoác bằng da sói, quàng khăn trùm lên mũ để giữ ấm. Ông Xử đã dạy họ luôn phải trả lời: “Yes Boss”, mỗi khi những người đó nói với họ, ngay cả khi họ không hiểu các sếp nói gì.

Họ thấy có ánh lửa cách chỗ mình vài cây số. Ở đó, những người Ái Nhĩ Lan đang đặt tà vẹt và thanh ray. Thỉnh thoảng, họ nghe thấy tiếng còi của đầu tàu hỏa phụt hơi nước. Sáng và Quốc Sĩ xem đầu kéo màu đen khổng lồ này như một con rồng. Mặc dù con quái vật phun lửa mà mẹ họ kể có màu sắc sặc sỡ, nhưng chắc là mẹ ám chỉ đến con quái vật đen bóng này.

Công việc nặng nhọc thật không thể tưởng tượng nổi. Khi những ngày dài kết thúc, hầu như họ chỉ còn đủ sức lê bước xuống thung lũng, để ăn rồi sau đó nằm vật xuống trong lán. Sáng gắng hết sức giục Quốc Sĩ tắm rửa bằng nước lạnh. Sáng thấy kinh tởm ngay cả thân thể mình nếu như không được tắm rửa sạch sẽ. Điều làm cho Sáng ngạc nhiên là hầu như lúc nào cũng chỉ có mình anh ở dưới suối bên làn nước lạnh, cởi trần và rét run. Những người duy nhất ngoài anh ra, chịu khó tắm rửa, là những người mới đến. Ý muốn giữ mình cho sạch sẽ dần giảm bớt do công việc nặng nhọc. Cuối cùng thì cái ngày mà anh không tắm rửa đã lặn ra ngủ cũng tới. Anh nằm trong lán, người thấy mùi hôi ở những thân thể xung quanh. Anh thấy chính mình đang dần biến thành một sinh vật không còn nhân cách, không ước mơ, không khát vọng. Trong giấc ngủ chập chờn, anh nhìn thấy cha mẹ và nghĩ rằng mình chỉ đánh đổi một địa ngục quê nhà lấy một địa ngục xứ người mà thôi. Ở đây họ phải lao động như những kẻ nô lệ, một cuộc sống còn tồi tệ hơn cuộc đời cha mẹ họ trước đây. Đấy có phải là điều

mà họ hy vọng khi lên đường đến Quảng Châu? Chẳng lẽ không có lối thoát cho những kẻ nghèo ư?

Đêm ấy, ngay trước lúc ngủ thiếp đi, Sáng nhận ra rằng cơ may sống sót duy nhất của hai anh em là bỏ trốn. Ngày nào anh cũng nhìn thấy những người thợ thiếu ăn quy xuống và được khiêng đi như thế nào.

Ngày hôm sau, anh nói với Hào về kế hoạch của mình. Hào chú ý lắng nghe về nghĩ ngợi.

– Mỹ là một đất nước rộng lớn, Hào nói. Nhưng không đủ rộng để một người Trung Hoa như cậu hoặc anh trai của cậu có thể trốn ở đó đâu. Nếu nghĩ nghiêm túc về việc này, cậu buộc phải trốn về Trung Hoa. Nếu không đến một lúc nào đó, họ cũng sẽ tóm được anh em cậu. Lúc đó cái gì sẽ xảy ra với hai người, tôi chẳng cần phải nói ra với cậu.

Sáng suy nghĩ rất lâu về những điều Hào nói. Thời điểm thích hợp để chạy trốn vẫn còn chưa đến và cũng chưa phải là lúc nói cho Quốc Sĩ biết ý định này.

Gần cuối tháng Hai, một trận bão tuyết khủng khiếp tràn qua sa mạc Nevada. Trong vòng mười hai tiếng đồng hồ, tuyết đã rơi dày trên một mét. Khi bão tan, nhiệt độ tụt xuống thấp. Buổi sáng ngày mùng 1 tháng Ba năm 1864, họ phải tập trung vào công việc xúc tuyết. Những người Ái Nhĩ Lan ở bên kia con suối đóng băng ít bị ảnh hưởng hơn vì lán của họ nằm ở phía được thung lũng che chắn. Lúc này, họ đứng nhìn những người Trung Hoa đang phải dọn tuyết quanh lán và đường lên công trường, vẻ thích thú và cười âm ỉ.

Chúng ta chẳng nhận không được cái gì. Ngay cả tuyết rơi cũng không công bằng, Sáng nghĩ.

Anh nhìn Quốc Sĩ, anh ấy đã quá mệt, chẳng còn đủ sức nhắc nổi cái xẻng. Nhưng Sáng đã đi đến một quyết định. Họ cần phải giữ gìn cuộc sống của mình tới năm mới tiếp sau của người da trắng.

Trong tháng Ba, những người da đen đầu tiên đã đến “làng đường sắt” trong thung lũng. Họ dựng lều bên bờ có người Trung Hoa. Hai anh em Sáng chưa bao giờ được nhìn thấy một người da đen. Họ đến, ăn mặc rách rưới và rét run cầm cập. Nhiều người trong số họ đã chết ngay khi mới đến. Họ quá yếu, ngã xuống đất trong đêm tối và mãi sau này khi tuyết tan người ta mới phát hiện ra họ. Những người da đen này còn bị đối xử tồi tệ hơn người Trung Hoa và người ta gọi họ là “thằng nhỏ” với cái giọng còn thù nghịch hơn “thằng chệt”. Thậm chí ngay cả ông Xử, người thường giáo huấn mọi người nên đúng mực trong cách ăn nói về những đám thợ khác ở công trường, cũng thể hiện rõ thái độ khinh miệt đối với những người da đen.

– Người da trắng gọi họ là những thiên thần sa ngã, ông nói. Bọn nhỏ là những con thú không linh hồn, không ai thương xót chúng khi chúng chết. Thay vì có bộ não, chúng lại chỉ có những cục thịt đang thối rữa.

Quốc Sĩ đã bắt đầu nhổ nước bọt sau những người da đen một khi các nhóm thợ có lần nào đó chạm trán nhau. Bản thân Sáng khó chịu khi phải nhìn thấy còn có những con người bị đối xử còn tồi tệ hơn mình. Sáng tuyệt đối căm anh mình không được có thái độ như vậy đối với người da đen.

Cái lạnh khắc nghiệt muộn màng bất thường giống như một tấm chăn rắn như thép phủ lên thung lũng và công trường. Một buổi tối, khi họ cầm bát ăn ngồi sát đồng lửa, ông Xử thông báo cho họ biết ngày mai phải chuyển đến khu lán mới và làm việc ở một chỗ khác gần dãy núi, họ phải đào một đường hầm xuyên qua một quả núi. Công việc này phải sử dụng đến mìn. Sáng hôm sau, tất cả mọi người, khi rời khỏi lều trại, đều phải đem theo chăn bông của mình, kể cả bát đũa.

Họ lên đường vào sáng sớm. Sáng không nhớ đã bao giờ mình trải qua một cái lạnh như thế này chưa. Anh đi sau Quốc Sĩ, để đề phòng anh trai bị ngã và nằm lại trên đường di chuyển. Họ đi theo nền đường

tàu và đến được chỗ các thanh ray dừng lại và sau đó một vài trăm mét, nền đường cũng dừng lại. Nhưng ông Xử vẫn giục mọi người tiếp tục đi. Ánh sáng chập chờn của những chiếc đèn xách tay chiến đấu với bóng tối. Sáng biết, lúc này họ đã đến gần với vùng núi có tên “Sierra Nevada”, Dãy núi trắng Nevada. Ở đó họ phải xẻ đường, đào hầm để việc xây dựng đường tàu được tiếp tục.

Ông Xử dừng lại ngay trước mỏm núi thấp nhất. Ở đó những căn lều đã được dựng lên, và những đống lửa đang cháy. Những người đàn ông đã kiệt sức vì quãng đường dài đổ ập ngay xuống đất, sát cạnh đống lửa. Sáng quỳ gối, duỗi hai bàn tay lạnh buốt được quán trong giẻ. Giữa lúc đó, anh nghe có tiếng nói phía sau mình. Lúc quay đầu lại, anh nhìn thấy một người da trắng đã đứng ở đó, tóc dài đến vai, mặt bịt một chiếc khăn, trông như một tên cướp. Trên tay hắn là một khẩu súng. Hắn mặc một chiếc áo lông thú, từ trên mũ trùm đầu của hắn buông xuống một chiếc đuôi cáo. Hai mắt của hắn làm cho Sáng nhớ đến đôi mắt của Di.

Bất thành linh người đàn ông da trắng giương súng lên, nhả hai viên đạn vào bóng tối. Những người đàn ông đang nằm sưởi bên đống lửa co rúm lại.

– Đứng dậy! Ông Xử hô lớn. Bỏ mũ xuống!

Sáng ngạc nhiên nhìn ông. Họ thực sự phải bỏ mũ xuống, những chiếc mũ được nhồi cỏ khô và giẻ rách sao?

– Bỏ xuống! Ông Xử lại hét to, hình như ông rất sợ người đàn ông da trắng cầm súng này. Không được đội mũ!

Sáng bỏ mũ, gật đầu ra hiệu cho Quốc Sĩ cũng làm như mình. Người đàn ông cầm súng gỡ chiếc khăn che mặt xuống. Hắn có bộ ria mép rậm. Mặc dù hắn đứng cách xa mấy mét, nhưng Sáng vẫn nhận ra hắn có mùi rượu. Lập tức Sáng trở nên thận trọng. Bọn đàn ông da trắng bốc mùi rượu luôn khó lường hơn những kẻ không uống.

Người đàn ông bắt đầu nói bằng cái giọng the thé. Nó vang lên như thể đang đứng trước mặt họ là một người đàn bà tức giận. Ông Xử cố

gắng dịch những gì người đàn ông nói ra.

– Các anh phải bỏ mũ ra để nghe cho rõ hơn, giọng nói của ông cũng the thé gần giống giọng của người đàn ông cầm súng.

– Tai của các anh đầy rác rưởi, thường chẳng nghe rõ được cái gì, ông Xử dịch tiếp. Tôi tên là J.A. Nhưng các anh phải gọi tôi là *Boss*. Khi tôi nói chuyện với các anh, các anh phải bỏ mũ ra. Các anh trả lời tôi, nhưng không được tự đặt câu hỏi. Các anh hiểu chứ?

Sáng cũng lầm rầm cùng những người khác. Rõ ràng người đàn ông này không ưng người Trung Hoa.

Người đàn ông có tên là J.A. tiếp tục gầm lên:

– Các anh có một bức tường bằng đá ở trước mặt. Các anh phải xé quả núi này thành hai nửa, để đoàn tàu có thể chạy xuyên qua. Các anh là những người được chọn, vì các anh đã chứng minh được rằng mình có thể làm những công việc nặng nhọc. Đây không phải việc dành cho bọn nhọ khốn kiếp lẫn bọn Ái Nhĩ Lan say xỉn. Dãy núi này là dành cho người Trung Hoa. Chính vì lẽ đó mà các anh có mặt ở đây. Và tôi cũng ở đây, để theo dõi các anh làm, những gì các anh phải làm. Kẻ nào không gắng hết sức mình và lười biếng, kẻ đó sẽ phải nguyện rửa cái ngày mình được sinh ra. Các anh hiểu chứ? Tôi muốn các anh trả lời to hết mức có thể. Sau đó các anh lại có thể đội mũ. Các anh lấy cuốc xẻng ở chỗ Brown, cẩn thận đấy, hấn hay phát điên khi trăng tròn, rồi ăn sống người Trung Hoa. Còn bình thường hấn hiền như một con cừu.

Tất cả cùng lầm rầm trả lời.

Trời cũng vừa hửng sáng khi họ cầm cuốc xẻng trong tay đứng trước bức tường đá dựng đứng trước mặt. J.A. đưa khẩu súng của mình cho Brown, cầm lấy cuốc đào hai vạch mốc dưới chân vách đá. Sáng nhìn thấy con đường mà họ phải mở ra rộng gần tám mét.

Không thấy có bất cứ tảng đá nào rơi ra, cũng chẳng có sỏi. Ngọn núi này sẽ kiên cường chống đối lại họ. Mỗi một mảnh đá được đào ra

đòi hỏi ở họ một sự cố gắng không thể so sánh được với những gì cho đến nay họ đã làm.

Phải chăng các vị thần mà họ vẫn cầu khẩn đã thách thức họ đương đầu trước thử thách này? Họ phải đục qua được bức tường đá này để trở thành những người đàn ông tự do, để không còn là những “thằng chệt” bị khinh miệt, mất hút nơi tận cùng vùng sa mạc hẻo lánh của nước Mỹ này.

Một nỗi tuyệt vọng khôn cùng bất ngờ ập đến với Sáng. Điều duy nhất giúp cho anh đứng vững cho đến tận lúc này, đó là ý nghĩ một ngày nào đó Quốc Sĩ và anh sẽ trốn thoát.

Anh cố hình dung ngọn núi này thật ra chỉ là một bức tường ngăn cách họ với đất nước Trung Hoa. Chỉ một vài mét nữa thôi là cái lạnh sẽ chấm dứt. Ở đó những cây anh đào sẽ nở hoa.

Ngay buổi sáng, họ bắt đầu đục đá. Cai thợ mới canh chừng họ như một con ác quỷ. Ngay cả khi đứng quay lưng về phía họ, hình như gã vẫn có thể phát hiện ra có ai đó đang dừng cước, dù chỉ trong chốc lát. Năm tay hấn được cuộn dây da, xé tướt da mặt người nào mắc lỗi. Chỉ vài ngày sau đó, gã đàn ông luôn lăm lăm khẩu súng trong tay và chưa bao giờ thốt ra được một câu vui vẻ ấy đã bị tất cả mọi người căm ghét. Họ bắt đầu mơ tưởng đến việc giết chết hấn. Sáng đắn đo, J.A. có quan hệ như thế nào với lão Vương? Hấn cũng thuộc sở hữu của Vương hay ngược lại?

J.A. dường như được gọt đẽo theo hình hài ngọn núi này, ngọn núi kiên cường chống chọi trước khi chịu nhả ra toàn những mảnh vỡ nhỏ nhoi, như những giọt nước mắt nhỏ nhoi, những vết nứt từ đá hoa cương. Họ phải mất gần một tháng trời mới đục ra được một khoảng trống có chiều rộng như đã yêu cầu. Vậy mà trong số họ đã có một người chết. Anh ấy lặng lẽ thức dậy trong đêm, chui ra khỏi lều, cởi hết quần áo và nằm trong tuyết để chết. Khi J.A. phát hiện ra xác anh ta, hấn đã nổi giận.



– Các người không được thương xót một kẻ tự sát, hấn gào lên bằng cái giọng the thé. Các người chỉ nên buồn vì sẽ phải làm bù cho cả kẻ đó nữa.

Buổi tối khi họ từ công trường đục đá trở về lán, xác chết đã biến mất.

Một vài ngày sau đó, họ bắt đầu tấn công bức tường đá bằng thuốc nổ nitroglycerin. Thời tiết khi ấy đã bớt lạnh. Trong nhóm của họ có hai người tên là Giang và Bình rất có kinh nghiệm với thứ chất nổ nguy hiểm thất thường này. Hai người ngồi vào trong những chiếc sọt, được dây kéo lên cao để nhét những bánh thuốc nổ vào trong các kẽ đá. Sau đó họ đốt dây cháy chậm, những chiếc sọt nhanh chóng được hạ xuống và mọi người vội chạy tìm chỗ nấp. Đã nhiều lần Giang và Bình suýt không chạy kịp. Vào một buổi sáng, một chiếc sọt bị mắc lại trong lúc được thả xuống. Bình buộc phải nhảy xuống và bị thương ở bàn chân khi anh chạm đất. Vậy mà ngày hôm sau anh đã lại ngồi vào trong sọt để làm cái việc nguy hiểm chết người ấy.

Có tin đồn Giang và Bình được trả lương đặc biệt. Thứ họ nhận được không phải là tiền mà là thời gian họ phải làm việc để trả nợ tiền vé tàu thủy được rút ngắn. Tuy nhiên, cũng chẳng có ai tình nguyện thế chỗ họ trong mấy cái sọt đó.

Điều mà tất cả mọi người thường lo lắng đã xảy ra vào một buổi sáng giữa tháng Năm. Một khối thuốc nổ mà Giang đã đặt vào vị trí không phát nổ. Thường thì để tránh nguy cơ khối thuốc phát nổ muộn hơn dự kiến, người ta phải đợi khoảng một tiếng rồi mới tiến hành thử với dây cháy chậm mới. Nhưng J.A. cười ngửa phi đến và không muốn chờ đợi. Hấn ra lệnh kéo Bình và Giang lên làm lại ngay. Giang tìm cách giải thích cho hấn hiểu là phải chờ. J. A. không nghe, hấn nhảy xuống khỏi yên ngựa, đánh vào mặt Giang và Bình. Sáng nghe thấy tiếng xương quai hàm và sống mũi của họ bị gãy. Rồi tự tay J. A. nhấc họ vào trong sọt, thét ông Xứ kéo họ lên, nếu như ông không

muốn tất cả mọi người ở đây bị bỏ mặc cho chết rét trong tuyết. Hai thợ nổ mìn gần như đã ngất xỉu trong hai chiếc sọt được kéo lên cao. J.A. thấy việc này được thực hiện quá chậm, hắn giương súng bắn vào không khí.

Không ai hiểu chuyện gì đã xảy ra. Nhưng nitroglycerin đã phát nổ, những chiếc sọt cùng hai người đàn ông ngồi trong đó bị xé tươm đến mức không còn tìm thấy gì. Nhưng J.A. chẳng tỏ ra hề hấn gì, hắn ra lệnh đưa sọt và dây kéo mới đến. Sáng là một trong những người được hắn chọn làm tiếp công việc kia. Ông Xử cho anh biết cách sử dụng nitroglycerin như thế nào, nhưng Sáng chưa bao giờ đặt một khối thuốc nổ.

Người run lên vì sợ hãi, anh ngồi vào sọt để mọi người kéo lên vách đá. Anh tin mình sẽ chết, nhưng khi chiếc sọt chạm đất, anh nhảy ra và còn kịp chạy vào chỗ nấp khi những tiếng nổ vang lên.

Đêm hôm đó, Sáng kể cho anh trai nghe kế hoạch bỏ trốn của mình. Dù có điều gì đang chờ đợi họ ở nơi hoang dã thì cũng không tồi tệ hơn những gì họ đang phải trải qua ở đây. Họ phải chạy trốn và chỉ dừng lại khi đã ở đất nước Trung Hoa của mình.

Bốn tuần sau, họ đã bỏ trốn. Họ nhẹ nhàng rời khỏi lán trong đêm, đi theo đường tàu, ăn trộm hai con ngựa ở trạm vận chuyển thanh ray rồi phi về hướng Tây. Mãi tới khi đã đi được khá xa, không còn nhìn thấy rõ dãy Sierra Nevada nữa, hai người mới dám nghỉ một vài tiếng đồng hồ bên đống lửa, rồi sau đó lại vội vàng lên đường. Họ đến bên một con sông có một chỗ cạn lội qua được. Họ cho ngựa lội qua chỗ đó sang bên kia để xóa dấu vết.

Họ thường dừng lại, nhìn về phía sau. Nhưng quang cảnh phía sau họ trống vắng. Không có ai đuổi theo họ.

Dần dần, Sáng bắt đầu hy vọng: có thể cuối cùng họ cũng về được đến nhà chăng? Nhưng hy vọng ấy hết sức mong manh, đến mức anh vẫn còn chưa dám tin vào điều đó.

Sáng mơ thấy mỗi một thanh tà vẹt trên đường tàu, nằm dưới những thanh ray màu đen là xương sườn của một con người, có thể là của chính anh. Anh cảm thấy lồng ngực của mình xẹp xuống đến nỗi anh không còn không khí để thở nữa. Anh cố rũ bỏ cái trọng lượng đang đè lên mình, nhưng uổng công.

Sáng mở mắt. Trong lúc ngủ, Quốc Sĩ đã đè lên người anh để giữ hơi ấm. Sáng nhẹ nhàng đẩy anh mình sang bên và đập chiếc chăn bông lên người Quốc Sĩ. Anh ngồi dậy, xoa bóp hai cẳng chân cứng đờ của mình và bỏ thêm củi vào đồng lửa.

Anh hơ hai bàn tay lên ngọn lửa. Đây đã là đêm thứ ba từ khi hai anh em chạy trốn khỏi dãy núi, khỏi cai J.A. Và cai Vương. Anh không quên những lời lão Vương dùng để đe dọa những ai dám bỏ trốn.

Hiện giờ, họ vẫn chưa thấy có người đuổi theo. Có thể tay cai thợ cho rằng họ quá ngu ngốc nên chẳng nghĩ nổi chuyện cưỡi ngựa bỏ trốn.

Tuy vậy anh em họ cũng đang gặp khó khăn lớn. Hôm qua, một trong hai con ngựa đã khuy ngã. Đó là con ngựa Sáng cưỡi, một con ngựa lùn của người da đỏ, dẻo dai chẳng kém gì con ngựa khoang mà Quốc Sĩ cưỡi. Bất ngờ, con ngựa của anh bị vấp và ngã lăn ra. Có lẽ nó đã chết trước khi chạm đất. Sáng hoàn toàn không biết gì về ngựa, anh nghĩ rằng trái tim của ngựa bỗng nhiên ngừng đập, cũng giống như con người vậy.

Họ bỏ con ngựa nằm lại, sau khi đã cắt một mảng thịt lớn ở lưng nó. Để đánh lừa những kẻ đuổi theo, họ rẽ xuống hướng Nam. Sáng đi sau Quốc Sĩ hàng trăm mét liền, kéo theo một cành cây để xóa dấu vết.

Buổi tối họ dựng lều, nướng thịt ăn cho kỳ no. Số thịt còn lại, theo ước tính của Sáng còn đủ cho ba ngày nữa.

Sáng không biết họ đang ở đâu, còn cách biển và thành phố với nhiều tàu thuyền bao xa nữa. Cho đến giờ, họ hẳn đã bỏ xa dãy núi, nhưng ấy là lúc còn có hai con ngựa. Với chỉ một con ngựa, không thể chở được cả hai người, thì quãng đường họ qua chắc ngắn hơn rất nhiều.

Sáng ôm chặt lấy Quốc Sĩ để giữ ấm. Có tiếng tru cô đơn từ đêm tối vọng đến chỗ họ, có thể tiếng tru đó là của một con cáo hoặc một con chó hoang.

Anh choàng dậy bởi một tiếng nổ gần như xé rách đầu anh. Tai trái của anh đau dữ dội. Anh mở mắt, nhìn thấy ngay một khuôn mặt mà anh hy vọng sẽ không bao giờ nhìn thấy nữa. Trời còn tối, nhưng vẫn nhận ra được ánh bình minh chớm hửng trên dãy Sierra Nevada. J.A. đứng đó với khẩu súng trong tay, nòng vẫn còn bốc khói. Hắn đã bắn một phát sát ngay tai Sáng.

Không chỉ có một mình J.A. Đứng bên cạnh hắn là Brown và một vài người da đỏ tay giữ xích đám chó săn. J.A. đưa khẩu súng trường cho Brown và rút ra khẩu súng ngắn. Hắn tì sát súng vào đầu Sáng. Rồi hắn chếch nòng sang bên cạnh, bắn một phát sát ngay bên tai phải của anh. Sáng ngã vật ra đất. Khi nhóm dậy anh thấy J.A. đang quát tháo gì đó mà anh không nghe được. Trong đầu anh có tiếng gì lùng bùng như sấm. Sau đó J.A. lại giáng khẩu súng vào đầu Quốc Sĩ. Sáng nhìn thấy nỗi hoảng sợ trên mặt anh mình, nhưng không biết phải làm gì vào lúc này. Hai tiếng súng nổ bên tai Quốc Sĩ. Sáng nhìn thấy những giọt nước mắt đau đớn trong mắt anh mình.

Cuộc bỏ trốn đã kết thúc. Brown tròng sợi dây thòng lọng vào cổ họ sau khi đã trói chặt tay họ ra phía sau lưng. Sau đó là bắt đầu con đường trở lại. Sáng biết từ nay Quốc Sĩ và anh sẽ phải làm những công việc nguy hiểm nhất, nếu như lão Vương không treo cổ họ. Không một ai động lòng trắc ẩn với anh em họ. Kẻ nào bỏ trốn mà bị bắt lại sẽ thuộc vào lớp thợ thấp hèn nhất trên công trường. Họ đã mất nốt

chút phẩm cách còn sót lại. Họ hoàn toàn không còn gì hơn là lao động cho đến lúc chết.

Đêm đầu tiên khi họ dựng lều trên đường trở về, Sáng và Quốc Sĩ vẫn chưa nghe được. Họ như bị điếc, đầu cứ ong ong cực kỳ khó chịu. Sáng tìm ánh mắt của Quốc Sĩ để khích lệ anh. Nhưng hai mắt của Quốc Sĩ đã “chết”. Sáng hiểu mình phải vận hết sức lực để giữ anh ấy lại với cuộc sống. Anh sẽ không bao giờ có thể tha thứ cho mình, nếu như để cho anh mình chết. Anh vẫn còn cảm giác tội lỗi về cái chết của Vũ.

Sau khi họ về đến Sierra Nevada, J.A. để những người bỏ trốn bị bắt lại đứng trước đám thợ thuyền. Trên cổ họ vẫn còn lại những chiếc thòng lọng, tay vẫn bị trói quặt sau lưng. Sáng đưa mắt tìm lão Vương nhưng không thấy. Vì cả hai vẫn còn bị điếc, nên họ chỉ có thể đoán J. A. đã nói gì đó trong khi vẫn nghe ngộn trên lưng ngựa. Khi nói xong, trước mặt toàn thể khán giả, hấn xuống ngựa và đá thẳng vào mặt hai anh em Sáng. Sáng không còn đứng vững được nữa. Anh ngã xuống và trong giây lát có cảm giác sẽ không bao giờ còn có thể đứng lên được nữa.

Tuy nhiên, cuối cùng anh vẫn làm được. Một lần nữa.

Sau cuộc bỏ trốn không thành, mọi chuyện diễn ra như Sáng đã đoán trước. Họ không bị treo cổ. Nhưng mỗi khi phải dùng đến thuốc nổ để phá những tảng đá ngoan cố, anh và Quốc Sĩ lại phải ngồi vào trong “Sọt chết”, như đám thợ Trung Hoa đã đặt tên cho nó, để người ta kéo lên cao. Một tháng sau hai anh em Sáng vẫn chưa nghe lại được. Dần dần Sáng tin rằng mình sẽ phải sống nốt phần còn lại của cuộc đời với tiếng ào ào ầm ì trong tai. Nếu ai đó muốn gì ở anh, người đó phải nói rất to.

Mùa hè khô nóng và dài lê thê đã tới. Sáng sáng họ vác cuốc xẻng đi làm hoặc chuẩn bị những chiếc sọt đựng thuốc nổ. Với những vất vả khó nhọc vô hạn, họ đã vào sâu được trong núi, xẻ được những tảng

đá cứng, không chịu nhân nhượng lấy một milimet. Và Sáng không bao giờ biết liệu mình có sống sót được qua ngày không.

Sáng cầm thù J.A. Và mỗi cầm hờn ấy lại tăng lên mỗi ngày. Điều tồi tệ nhất không phải sự ác độc của hắn, cũng không phải việc hai anh em bị buộc phải ngồi vào những chiếc sọt nguy hiểm chết người. Điều khơi dậy mỗi cầm thù trong Sáng đó là khi anh em họ bị đẩy ra đứng trước những người thợ khác, thòng lọng vẫn tròn trên cổ, và bị xem như những con vật.

– Em sẽ giết chết thằng đó, Sáng nói. Em sẽ không rời khỏi dãy núi này trước khi giết được hắn. Em sẽ giết hắn, hắn và tất cả những kẻ như hắn.

– Điều đó có nghĩa là chúng ta cũng phải chết, Quốc Sĩ nói. Người ta sẽ treo cổ chúng ta. Giết một cai thợ người da trắng, điều đó có nghĩa là tự choàng thòng lọng vào cổ mình.

Sáng vẫn ngoan cố:

– Em sẽ giết chết thằng đó khi thời điểm đến. Trước đó thì không.

Cái nóng của mùa hè ngày càng tăng lên. Bây giờ họ phải làm việc từ sáng sớm cho đến tối dưới ánh mặt trời như thiêu như đốt. Ngày càng dài ra thì công việc của họ lại càng thêm nặng nhọc. Một vài thợ đã bị say nắng, những người khác thì chết vì kiệt sức. Nhưng hình như luôn có thêm người Trung Hoa đến đây thế vào chỗ những người đã chết.

Họ đến trên những đoàn xe dài vô tận. Lần nào cũng vậy, vừa mới đến, họ đã phải đứng trước lán trại trả lời hàng loạt câu hỏi: Họ đến từ đâu? Con tàu nào đã đưa họ vượt biển? Những người cũ ở đây thèm khát được biết tin tức mới từ Trung Hoa. Vào một đêm, Sáng choàng tỉnh giấc bởi một tiếng la to, tiếp theo là những tiếng nói vui vẻ tuôn ra như thác đổ. Khi ra khỏi lều, anh nhìn thấy một người đàn ông cứ lấy tay đập lên đầu, lên ngực, lên hai cánh tay của một người mới đến, thì ra anh ta đã tìm được em họ của mình.

Như vậy là vẫn có khả năng gia đình được đoàn tụ, Sáng thầm nghĩ.

Sáng lại thấy buồn khi nghĩ đến Vũ. Nó sẽ chẳng bao giờ chui ra khỏi một chiếc xe ngựa, dang rộng hai tay chạy về phía anh và Quốc Sĩ.

Thính giác của họ dần phục hồi. Tối tối, hai anh em họ lại nói chuyện với nhau, nói rất nhiều, như thể họ còn ít thời gian cho tới khi một người trong họ hoặc có thể là cả hai phải chết.

Trong những tháng hè ấy, J.A. bị sốt nên không xuất hiện. Vào một buổi sáng, Brown đến chỗ họ nói rằng chừng nào cai thợ không có mặt ở đây, chừng đó anh em Sáng không phải là những người duy nhất phải ngồi vào “sọt chết” kéo lên cao gần mìn nữa. Anh ta không giải thích vì sao lại tránh cho anh em Sáng việc đó. Có thể là vì Brown cũng bị J. A. đối xử trịch thượng như đối với những người Trung Hoa. Sáng bắt đầu thận trọng gần gũi với Brown. Anh chú ý để không gây ấn tượng vụ lợi trong chuyện này và cũng tránh để những người khác bị chọc giận. Những người nghèo, vì bị đối xử tệ bạc, không hào phóng với ai cả: mọi người ai cũng phải nghĩ đến mình trước tiên, ở đây không có công lý, chỉ có một nỗi đau mà mỗi người đều gắng hết sức tìm cách làm nó dịu đi.

Sáng thấy ngạc nhiên về việc những người có màu da đỏ như đồng, tóc đen dài, thường được trang điểm với những chiếc lông chim, có điều gì tương tự như anh. Họ có thể là anh em của nhau, mặc dù biển rộng ngăn cách họ. Họ có cùng đường nét khuôn mặt, cùng đôi mắt xé. Nhưng trong đầu họ nghĩ gì, anh hoàn toàn không biết.

Một tối anh hỏi Brown về chuyện đó. Brown cũng biết một ít tiếng Trung Quốc.

– Người da đỏ căm thù chúng tôi, Brown nói. Cũng ngang với các anh căm thù bọn tôi. Đó là điểm giống nhau duy nhất mà tôi thấy được.

– Nhưng họ lại giám sát chúng tôi.

– Chúng tôi cho họ ăn. Giao súng cho họ. Chúng tôi để họ đứng cao hơn các anh một nấc. Và còn một bậc nữa trên những người da đen.

Họ tin rằng họ có quyền lực. Nhưng thực ra họ cũng là nô lệ, giống như tất cả những người khác.

– Tất cả?

Brown nhún vai. Sáng không nhận được câu trả lời cho câu hỏi cuối cùng.

Họ ngồi trong bóng tối. Thịnh thoảng đốm lửa trên tàu thuốc của họ lại lập lòe chiếu sáng khuôn mặt họ. Brown đã cho Sáng một chiếc tàu cũ của mình và cả thuốc sợi nữa. Sáng cảnh giác. Anh vẫn còn chưa biết Brown muốn nhận lại ở mình cái gì. Có thể anh ta chỉ cần có người để chuyện trò, phá vỡ nỗi cô đơn khủng khiếp trên hoang mạc, giữa lúc anh ta không còn người cai thợ để nói chuyện nữa.

Cuối cùng Sáng cũng đánh bạo hỏi về J. A.

Người đàn ông này là ai, người đã không đầu hàng cho tới khi tìm lại được hai anh em họ, đã làm hồng thính giác của họ? Người đàn ông tìm thấy niềm vui trong việc hành hạ người khác này là ai?

– Đây là những chuyện tôi nghe được, Brown vừa nói vừa căn chốt tàu thuốc. Có phải là thật hay không thì tôi không biết. Nhưng vào một ngày anh ta xuất hiện ở chỗ những người giàu có ở San Francisco, những người đầu tư tiền của vào tuyến đường sắt này. Họ tuyển dụng anh ta làm bảo vệ. Để săn đuổi những người chạy trốn, anh ta đã có sáng kiến hay khi dùng đám chó và người da đỏ. Vì vậy mà anh ta được làm cai thợ. Nhưng đôi khi, như trong trường hợp của hai người, anh ta lại tự đi săn đuổi. Người ta nói J. A. bắt lại được tất cả những ai bỏ trốn, trừ những người bị chết ngoài hoang mạc. Anh ta chặt tay những người đã chết này và lột mảng da đầu của họ, như những người da đỏ vẫn làm, để chứng minh rằng mình đã tìm thấy họ. Nhiều người coi khả năng của anh ta là siêu nhiên. Người da đỏ tin rằng anh ta có thể nhìn thấy trong đêm tối. Chính vì vậy mà họ đặt cho anh ta cái biệt danh “Râu dài nhìn thấy trong đêm”.

Sáng suy nghĩ rất lâu về những lời Brown nói.



– Giọng anh ta không giống giọng anh. Nghe khác lắm. Anh ta đến từ đâu vậy?

– Tôi không biết chính xác. Từ một nơi nào đó ở châu Âu. Theo như người ta kể thì là từ một nước nằm tí ở phía Bắc. Có thể đó là Thụy Điển, nhưng tôi không chắc lắm.

– Anh ta không bao giờ kể về chuyện đó sao?

– Không bao giờ. Chuyện về cái đất nước nằm tí ở phía Bắc ấy có thể chỉ là bịa.

– Anh ta là người Anh à?

Brown lắc đầu.

– Người đàn ông này đến từ địa ngục. Và một ngày nào đó, anh ta sẽ hẳn sẽ quay lại nơi ấy.

Sáng muốn hỏi thêm nữa. Nhưng Brown càu nhàu.

– Không nói nhiều về anh ta nữa. Chẳng bao lâu nữa anh ta sẽ quay trở lại. Anh ta đã cắt cơn sốt và cũng không còn bị đi ngoài nữa. Khi anh ta lại có mặt ở đây, tôi hoàn toàn không thể làm gì để chống lại việc các anh phải nhảy múa với thần chết trong những chiếc sọt đó.

Mấy ngày sau, J.A. quay trở lại. Hẳn xanh xao và gầy gò hơn, nhưng đồng thời cũng tàn ác hơn. Ngay ngày đầu tiên, hẳn đã đánh hai người Trung Hoa làm chung với Quốc Sĩ và Sáng cho tới lúc họ ngất xỉu, chỉ vì họ không chào hẳn đủ lễ phép khi hẳn cưỡi ngựa đến. Hẳn không hài lòng với tiến độ của công việc trong thời gian hẳn bị ốm. Brown bị hẳn quở trách, và J.A. đã gầm lên, lập tức hẳn đòi hỏi mọi người làm thêm, đặc biệt là những người làm việc trên núi. Ai không tuân lệnh của hẳn sẽ bị phạt không cho ăn uống và bị đuổi ra hoang mạc.

Cũng ngay trong ngày quay trở lại công trường, J.A. lại bắt anh em Sáng ngồi vào sọt. Họ không còn mong chờ gì ở sự giúp đỡ của Brown nữa.

Họ đánh giáp lá cà với ngọn núi: nổ mìn, xé đá, san đất, đầm cát cho chắc để đặt đường ray. Họ đã chiến thắng ngọn núi từng mét, từng mét một bằng vào những nỗ lực vô hạn. Họ trông thấy ở đằng xa, đầu tàu đang nhả khói. Nó chờ tà vẹt, thanh ray và các nhóm công nhân đến công trường. Không lâu nữa, đoàn tàu sẽ tới chân núi này. Anh em Sáng thường nói chuyện với nhau rằng đoàn tàu giống như một con mãnh thú thở phì phì sau gáy mình, sẵn sàng xé xác mình. Nhưng hai anh em không bao giờ tự hỏi họ còn cầm cự được bao lâu nữa trên những chiếc “sọt tử thần”. Cái chết sẽ đến khi người ta nói về nó. Bằng cách câm lặng như vậy, họ sẽ luôn giữ được khoảng cách với cái chết.

Mùa thu dần sang. Đầu tàu càng lúc càng tiến lại gần hơn, J.A. càng ngày càng hay say rượu hơn. Những lúc đó hẳn đánh bất cứ ai hấn gặp trên đường. Đôi khi hấn say tới mức ngủ gục trên lưng ngựa. Tuy hấn ngủ, nhưng mọi người vẫn sợ hấn.

Đôi khi Sáng mơ thấy trong đêm ngọn núi tự liền lại. Vào buổi sáng khi mọi người thức dậy, họ phát hiện ra mình đang đứng trước bức tường đá còn nguyên vẹn, nơi mà mọi việc chỉ mới bắt đầu. Nhưng ngọn núi dần dần bị khuất phục. Họ đục, khoét, đánh mìn về hướng Đông, từng mét một, trong lúc gã cai thợ luôn canh chừng sau lưng.

Vào một buổi sáng, hai anh em họ nhìn thấy một ông lão người Trung Hoa bình thân leo lên một tảng đá cao rồi buông mình xuống. Sáng sẽ không bao giờ quên ông lão đã kết thúc cuộc sống của mình với phẩm cách như thế nào.

Cái chết luôn luôn kề cận. Một người đàn ông đập nát đầu mình bằng lưỡi cuốc, một người khác đơn giản là đi ra hoang mạc rồi biến mất. Gã cai thợ cho người da đỏ cùng chó săn đuổi theo, nhưng không bao giờ tìm được người đó. Chúng chỉ có thể phát hiện được những người bỏ trốn chứ không thể tìm được những người đi vào hoang mạc để chết.

Vào một ngày, Brown cho triệu tập mọi người làm việc ở đoạn đường được đặt tên là “Cổng địa ngục” lại. Họ phải đứng thành hàng. Khi J.A. cưỡi ngựa đến, hãnh tinh táo và ăn mặc sạch sẽ. Thường thì ở hãnh bốc mùi mồ hôi và mùi nước tiểu. Hãnh ngồi trên mình ngựa, không thét lác mà từ tốn nói:

– Hôm nay, chúng ta có khách tới thăm. Một vài quý ngài, những người đầu tư vốn cho hỏa xa, muốn tới xem liệu công việc có đạt đúng tiến độ không. Ta muốn các người hôm nay làm việc khẩn trương hơn mọi ngày. Nếu vui vẻ hò reo hoặc ca hát thì càng tốt. Nếu ai được hỏi chuyện, người đó phải trả lời lịch sự và nói mọi thứ ở đây đều ổn. Công việc ổn, ăn uống ổn, lều lán ổn, thậm chí ta cũng ổn. Ai xử sự khác, người đó hãy coi chừng, địa ngục sẽ chờ đợi khi các quý ông đó rời khỏi đây, điều này ta hứa với các người đấy.

Mấy tiếng đồng hồ sau, những người khách ấy đã đến trên một chiếc xe đóng kín với một đội kỵ binh có vũ trang thập tùng. Đó là ba người đàn ông mặc comple màu đen, đội mũ cao. Họ thận trọng bước trên mặt đường gồ ghề. Theo sau mỗi người là một người da đen cầm ô che nắng cho họ. Sáng và Quốc Sĩ đã ở trong sọt và đang gài thuốc nổ ở trên cao khi những người đàn ông đó xuất hiện. Họ vào chỗ ẩn nấp trước cả khi anh em Sáng châm thuốc nổ rồi thét to để người ta hạ dây xuống.

Sau khi những tảng đá bị công phá, một trong ba người mặc comple đen đi đến chỗ Sáng và muốn nói chuyện với anh. Bên cạnh ông ta là một người Trung Hoa làm phiên dịch. Sáng nhìn vào đôi mắt màu xanh và khuôn mặt nhân từ của ông ta. Người đàn ông lần lượt đặt các câu hỏi mà không cao giọng lấy một lần:

- Anh tên là gì? Anh ở đây được bao lâu rồi?
- Tôi tên là Sáng. Ở đây đã được một năm.
- Công việc của anh thật là nguy hiểm.
- Tôi làm theo mệnh lệnh.

Người đàn ông gật đầu. Rồi ông ta lấy từ trong túi ra vài đồng xu và đưa chúng cho Sáng.

– Anh chia cho người đàn ông kia một nửa.

– Đó là anh trai của tôi, tên là Quốc Sĩ.

Người đàn ông tỏ ra băn khoăn một lúc.

– Anh trai của anh?

– Vâng.

– Cùng làm công việc nguy hiểm như anh?

– Vâng.

Ông ta gật đầu vẻ nghĩ ngợi và đưa thêm cho Sáng một vài đồng xu nữa. Rồi ông ta quay người đi khỏi. Sáng nghĩ rằng trong khoảng thời gian ngắn ngủi người đàn ông mặc đồ đen hỏi chuyện anh, anh đã thực sự tồn tại. Còn lúc này, anh lại trở lại là một người Trung Hoa vô danh với cái cuốc trong tay.

Khi chiếc xe chở ba người đàn ông đã đi khuất, J.A. nhảy từ trên ngựa xuống bảo Sáng đưa cho mình số tiền xu mà anh vừa nhận được.

– Đô la vàng, hẳn nói. Mà muốn làm gì với nó?

Hắn nhét những đồng xu này vào túi áo rồi nhảy lên ngựa.

– Giá như trước đây mày không bỏ trốn, có lẽ tao đã để cho mày giữ lại những đồng tiền này.

Trong Sáng bừng cháy nổi căm hận mà anh gần như không thể kiểm soát được. Có lẽ rồi cuối cùng anh sẽ tự làm cho mình và gã cai thợ nổ tung trong không khí chằng?

Họ tiếp tục làm việc trong dãy núi. Thu đã sang hẳn, ban đêm trời lạnh hơn. Rồi, điều mà Sáng lo sợ nhất đã xảy ra. Quốc Sĩ bị ốm. Vào một buổi sáng, Quốc Sĩ thức dậy với một cơn đau bụng dữ dội, vội vã lao ra khỏi lán và vẫn còn kịp tụt quần xuống trước khi phân lỏng tóe ra.

Cánh thợ cùng lán sợ bị lây bệnh nên để anh một mình trong căn lều nhỏ. Sáng đem nước đến cho Quốc Sĩ. Ông già da đen có tên là Hoss

đắp một chiếc khăn ướt lên trán anh và lau sạch đồng phân lỏng rỉ ra từ đít. Hoss đã ở bên nhiều người bệnh đến nỗi dường như chẳng bệnh gì có thể lây sang ông được nữa. Ông chỉ còn lại một cánh tay từ khi suýt bị một tảng đá đè chết. Với bàn tay còn lại, ông đắp khăn ướt lên trán Quốc Sĩ và chờ cho đến khi anh chết.

Bất ngờ gã cai thợ xuất hiện trước cửa lều. Gã ghé tởm quan sát người đàn ông nằm ở đó trong đồng phân lỏng.

– Bây giờ mày muốn chết hay chưa? Hẳn hỏi.

Quốc Sĩ tìm cách ngồi dậy, nhưng anh không còn đủ sức.

– Tao cần căn lều này, J.A. tiếp tục nói. Tại sao bọn người Trung Quốc chúng mày luôn dành nhiều thời gian cho cái chết vậy?

Buổi tối ông già Hoss kể lại cho Sáng những gì gã cai thợ đã nói. Họ đứng trước cửa lều, bên trong người ốm vẫn nằm và đang mê sảng. Quốc Sĩ sợ hãi la lên, anh ấy nhìn thấy có ai đó từ hoang mạc đến với mình. Hoss tìm cách làm cho Sĩ bình tĩnh lại. Ông đã chứng kiến nhiều cảnh hấp hối nên biết rằng đây là sự hoang tưởng thường thấy ở những người sắp lìa đời. Một lữ khách từ hoang mạc đến để đón nhận người chết. Người đó có thể là người bố, hoặc một vị thần, hoặc một người bạn hoặc có thể là người vợ.

Ông lão Hoss ngồi bên một người Trung Quốc mà chưa một lần biết tên anh ta. Ông cũng không quan tâm đến cái tên đó. Ai chết, người đó không cần tên.

Sáng tuyệt vọng chờ đợi.

Ngày đã trở nên ngắn hơn. Mùa thu đang trôi qua. Không lâu nữa, mùa đông sẽ tới.

Nhưng Quốc Sĩ đã khỏe lại như nhờ một phép lạ. Nó diễn ra rất chậm, Hoss và Sáng không dám tin, nhưng vào một buổi sáng Quốc Sĩ đã ngồi dậy được. Thần chết đã rời bỏ thể xác anh mà không đem theo nó đi.

Vào khoảnh khắc ấy, Sáng quyết tâm một ngày nào đó phải quay trở lại Trung Quốc. Ở đó, dù gì cũng là nhà của họ, chứ không phải trong

hoang mạc ở đây.

Họ sẽ bền lòng bên dãy núi này cho tới khi hoàn thành xong cái hợp đồng nô lệ và được tự do, để đi đến bất kỳ đâu mà họ muốn. Họ sẽ chịu đựng hết thảy những trò hành hạ mà gã cai thợ J.A. Và những cai thợ khác dành cho họ. Ngay cả lão Vương cũng không thể tiêu diệt được ý định này.

Sáng hoàn toàn không thể chống lại được bệnh tật và tai nạn lao động. Tuy vậy, trong những năm qua anh đã bảo vệ cho Quốc Sĩ. Nếu lần này thần chết đã tha cho Sĩ, chắc thần sẽ không làm thế một lần nữa.

Họ tiếp tục cuộc đất, nổ mìn để mở đường hầm qua núi. Họ đã nhìn thấy những người thợ như mình bị thứ thuốc nổ hiểm ác xé nát thành từng mảnh như thế nào, nhìn thấy những người đã tự sát hoặc bị bệnh tật quật ngã ra sao. Bệnh tật luôn theo sát họ, những người thợ xây dựng đường sắt và cái bóng của J.A. luôn treo lơ lửng trên người họ giống như một quả đấm phủ đầu đe dọa của người khổng lồ. Vào một ngày hãn đã bắn chết một người thợ vì anh này làm cụt hứng của hãn, sau đó hãn lại cưỡng chế những thợ ốm yếu, bệnh tật tiếp tục làm những công việc nguy hiểm nhất chỉ để nhanh chóng đẩy họ đến với cái chết.

Sáng lảng tránh, dè dặt mỗi khi thấy J.A. ở gần. Lòng căm thù của anh đối với hãn đã cho anh sức mạnh để chịu đựng. Anh sẽ không bao giờ tha thứ cho cái thái độ khinh miệt của J.A. khi Quốc Sĩ đang cố chống trả lại cái chết.

Sau khoảng hai năm không thấy lão Vương đến nữa. Một hôm, Sáng tình cờ nghe được tin đồn đâu như lão bị một người đàn ông bắn chết trong lúc chơi bài vì cho rằng lão đã gian lận. Sự thật như thế nào, Sáng không bao giờ được biết. Nhưng lão Vương đã không đến chỗ họ nữa. Nửa năm sau, Sáng mới tin rằng chuyện đó là có thật.

Lão Vương đã chết.

Cuối cùng thì cái ngày ấy cũng đã đến, thời gian trả nợ của họ đã qua và họ đã có thể rời bỏ công trường xây dựng đường sắt như những người đàn ông tự do. Sáng đã dành những giờ đồng hồ ít ỏi mà anh không làm việc hoặc không ngủ để nghĩ cách trở về Quảng Châu. Đường như đó là việc đương nhiên nhất, lại đi về hướng Tây, trở về cái thành phố có bến cảng, nơi mà họ đã có lần đặt chân lên đất liền sau một chuyến vượt biển dài lê thê. Nhưng một vài tháng trước khi được trả tự do, Sáng được biết có một người da trắng tên là Samuel Acheson muốn đưa một đoàn xe về miền Đông. Ông ta cần một người vừa nấu ăn vừa giặt giũ quần áo cho mình và ông ta hứa trả tiền công. Ông Acheson có được một tài sản lớn nhờ đãi vàng ở sông Yukon. Bây giờ ông muốn đi xuyên qua lục địa, để đến thăm người em gái, người thân duy nhất của mình, hiện đang sống ở New York.

Ông Acheson sẵn sàng nhận Sáng và Quốc Sĩ. Họ sẽ không phải hối hận khi đi cùng ông. Ông Samuel Acheson đối xử với mọi người đàn ông hoàng không câu nệ màu da của họ.

Chuyến vượt châu lục, qua những bình nguyên vô tận cùng những dãy núi, kéo dài hơn là Sáng đã ước đoán. Ông Samuel Acheson hai lần bị ốm và phải nằm lại nhiều tháng trời. Hình như ông không bị đau ốm về thể xác, mà là về tinh thần. Ông buồn bực tới mức tự nhốt mình trong lều và chỉ ra khỏi đó khi cơn trầm uất đã qua. Mỗi ngày hai lần Sáng dọn bữa ăn cho ông ở trong lều và nhìn thấy ông nằm trên chiếc phản nhỏ, quay mặt vào trong.

Nhưng cả hai lần ông đều qua được. Ông đã khỏe lại và không còn sâu muộn nữa. Họ lại tiếp tục lên đường. Mặc dù có đủ điều kiện đi tàu hỏa, nhưng ông Samuel Acheson lại thích được đi trên chiếc xe không mấy thoải mái với những con bò đực uể oải kéo.

Vào các buổi tối trên thảo nguyên mênh mông, Sáng thường hay nhìn lên bầu trời sâu vô cùng tận. Anh tìm cha, tìm mẹ và Vũ, nhưng không thấy họ đâu cả.

Họ đã đến New York, ông Acheson gặp lại em gái của mình, anh em Sáng nhận được tiền công và đi tìm một chuyến tàu thủy đưa họ sang Anh. Sáng được biết đó là con đường duy nhất: từ New York không có tàu đến Quảng Châu hoặc Thượng Hải. Cuối cùng họ cũng kiếm được chỗ trên boong của một chiếc tàu thủy chạy về Liverpool.

Đó là tháng Ba năm 1867. Vào buổi sáng, khi họ rời New York, sương mù dày đặc buồng trên bến cảng. Đây đó vang lên tiếng còi hụ báo sương mù. Sáng và Quốc Sĩ đứng bên lan can mạn tàu.

– Chúng ta đang trên đường về nhà, Quốc Sĩ nói.

– Đúng thế, Sáng trả lời. Bây giờ chúng ta sẽ về nhà.

Trong chiếc khăn buộc nút có chứa chút tài sản ít ỏi của mình, Sáng còn để cả ngón tay cái của Lưu được cuốn kỹ trong một miếng vải bông. Anh luôn có ý định hoàn thành nhiệm vụ cuối cùng ấy.

Sáng thường hay mơ đến J.A. Ngay cả khi hai anh em đã bỏ lại phía sau mình ngọn núi ấy, nhưng J.A. Vẫn tiếp tục ám ảnh họ.

Và Sáng biết hẳn ta sẽ không bao giờ rời bỏ họ. Không bao giờ.



# Chiếc lông vũ và viên đá

Ngày mùng 5 tháng Bảy năm 1867, hai anh em rời khỏi Liverpool trên một con tàu mang tên *Nellie*.

Không lâu sau Sáng phát hiện ra rằng anh em họ là những người Trung Hoa duy nhất trên tàu. Họ được chỉ cho chỗ ngủ ở mãi tận mũi tàu. Con tàu cũ kỹ này đã bốc mùi ẩm mốc. Ở đây cũng có sự phân chia tầng lớp. Không có tuồng ngăn cách nhưng mỗi hành khách đều biết đâu là chỗ của mình. Người ta giong buồm để đến cùng một cái đích, nhưng không lẫn sang lãnh thổ của hàng xóm.

Trong lúc con tàu vẫn còn thả neo bên bến cảng, Sáng để ý đến hai hành khách tóc vàng thỉnh thoảng lại quỳ xuống cầu nguyện trước lan can mạn thuyền. Dường như họ hoàn toàn thờ ơ với tất cả những gì diễn ra xung quanh mình, với những thủy thủ đang hối hả làm việc, với viên thuyền trưởng đang la hét. Hai người đàn ông đó như đắm mình trong những lời cầu nguyện cho tới lúc họ lặng lẽ đứng lên.

Bất ngờ hai người đó quay sang Sáng và khẽ nghiêng người. Sáng giật mình tưởng họ dọa mình. Chưa bao giờ có một người da trắng nào cúi chào anh như vậy. Người da trắng không bao giờ nghiêng mình trước một người Trung Quốc. Họ chỉ dành cho anh ta những cú đá. Anh vội vàng lui về chỗ ngủ của mình, ngấm ngấm hai người đàn ông đó là ai. Thái độ của họ khiến anh không thể hiểu nổi.

Đến chiều tối, con tàu được kéo ra khỏi bến cảng, các cánh buồm được kéo lên. Một làn gió nhẹ từ hướng Bắc thổi tới. Con tàu xuất hành thuận lợi, nhắm hướng Đông đi tới.

Sáng giữ chặt lan can mạn tàu để cho luồng gió mát phả lên mặt. Hai anh em họ đã có chuyến đi vòng quanh thế giới, cuối cùng bây giờ lại trên đường trở về nhà. Từ lúc này họ không được phép ốm. Sáng không biết điều gì sẽ chờ đợi họ khi họ về đến Trung Quốc. Nhưng anh đã dự định sẽ không bao giờ chìm trong nghèo đói nữa.

Khi làn gió quất vào mặt Sáng là lúc anh đang nghĩ đến Tôn Na. Mặc dù biết cô đã chết, nhưng anh vẫn hình dung ra cô như đang đứng bên cạnh mình. Nhưng lúc chìa tay ra, anh chỉ thấy luồng gió chui qua kẽ ngón tay mà thôi.

Sau một vài ngày trên đại dương, hai người đàn ông tóc vàng tìm đến chỗ Sáng. Họ đem theo một người đàn ông có tuổi trong thủy thủ đoàn biết nói tiếng Trung Quốc. Sáng sợ rằng mình và Quốc Sĩ đã làm sai điều gì chẳng. Nhưng Mott, viên thủy thủ đi theo họ, giải thích rằng hai người đàn ông này là những nhà truyền đạo người Thụy Điển đang trên đường đến Trung Quốc. Ông ta giới thiệu tên hai nhà truyền đạo: ông Elgstrand và ông Lodin.

Mott nói tiếng Trung Quốc rất khó nghe. Nhưng dù sao Sáng và Quốc Sĩ cũng hiểu được rằng hai người đàn ông trẻ này là hai linh mục, họ nguyện dâng hiến cuộc đời của mình để truyền đạo cho dân Trung Hoa. Họ đang trên đường đến Phúc Châu để thành lập một xứ đạo, rồi cải đạo cho người Trung Quốc đến với đức tin hoàn mỹ và chỉ cho họ con đường đến với đất nước của Chúa, cái đích chân chính của loài người.

Liệu Quốc Sĩ và Sáng có đồng ý giúp họ làm quen với thứ tiếng Trung Quốc thường dùng không? Họ đã có những khái niệm cơ bản, nhưng sẵn sàng học hành cật lực trong chuyến hải hành này để có thể sẵn sàng khi đặt chân lên đất nước Trung Hoa.

Sáng suy nghĩ. Anh không thấy có lý do nào để từ chối khoản tiền công mà hai linh mục đã đề xướng. Việc này sẽ giúp anh dễ dàng khởi nghiệp ở quê nhà hơn.

Anh nghiêng mình.

– Đây sẽ là niềm vui lớn của anh Quốc Sĩ và tôi, được giúp đỡ hai vị tìm hiểu sâu hơn tiếng Trung Quốc.

Ngay ngày hôm sau họ đã bắt đầu giờ học. Elgstrand và Lodin mời anh em Sáng cùng đến ở chỗ của họ trên tàu, nhưng Sáng đã từ chối. Anh muốn giữ đúng quy định.

Sáng nhận trách nhiệm làm thầy giáo. Còn Quốc Sĩ phần lớn thời gian chỉ ngồi nghe.

Hai vị linh mục đối xử với anh em Sáng như những người giống họ. Cũng phải mất một thời gian, Sáng mới bớt cảnh giác và cuối cùng thì mỗi nghi ngờ của anh trước sự tử tế của hai linh mục hoàn toàn biến mất. Sáng ngạc nhiên khi phát hiện ra rằng hai người ấy tự nguyện bước vào chuyến hải hành này chứ không phải bị ai thúc ép. Điều hối thúc hai vị linh mục trẻ này là một thứ tình cảm chân chính và khát vọng cứu rỗi linh hồn của những người khác trước sự đầy đọa vĩnh cửu. Elgstrand và Lodin đã sẵn sàng dâng hiến cuộc sống của họ cho đức tin. Elgstrand xuất thân từ một gia đình nông dân thuần phác, trong khi cha của Lodin từng là mục sư ở một vùng hẻo lánh. Họ chỉ trên bản đồ cho anh em Sáng biết họ từ đâu đến. Họ kể chuyện cởi mở, không giấu giếm nguồn gốc bình dị của mình.

Khi nhìn vào tấm bản đồ thế giới, Sáng mới biết hành trình mà anh và Quốc Sĩ đã trải qua là con đường duy nhất con người có thể đi mà không gặp lại dấu chân của chính mình.

Elgstrand và Lodin rất chăm chỉ. Họ học nhanh và hăng hái. Sau khi đi qua vịnh Biscay, họ đã lập ra được lịch học thích hợp: học vào buổi sáng và buổi chiều tối. Sáng đã bắt đầu hỏi về đức tin và Chúa trời của họ. Anh muốn hiểu điều mà anh không hiểu được ở mẹ mình. Bà hoàn toàn không biết gì về Chúa trời của người Công giáo. Nhưng bà đã cầu nguyện, thờ phụng những thế lực vô hình khác. Làm sao một con người lại có thể sẵn sàng hiến dâng cuộc đời mình vào việc làm cho người khác tin vào đức Chúa trời mà bản thân mình thờ phụng?

Phần nhiều Elgstrand là người nói. Điều quan trọng nhất trong thông điệp của linh mục là tất cả mọi người đều phạm tội lỗi, nhưng sẽ được cứu chuộc và sau khi chết có thể được lên thiên đường.

Sáng nghĩ đến mối thù của mình đối với Di, Vương, may mắn là đã chết, và đối với J.A., kẻ mà anh khinh bỉ hơn cả những người khác.

Elgstrand quả quyết rằng đối với Chúa trời của người Công giáo, tội ác lớn nhất là giết chết đồng loại.

Sáng khó chịu. Lý trí mách bảo anh rằng có thể Elgstrand và Lodin nói không đúng. Họ luôn chỉ nói về cái gì chờ đợi con người sau khi chết mà không bao giờ nói ra làm thế nào để thay đổi cuộc sống của anh ở trên cõi đời này.

Elgstrand thường hay quay lại với ý tưởng rằng tất cả mọi người đều có giá trị như nhau: trước Chúa trời, ai cũng đều là những tội đồ đáng thương. Nhưng Sáng không thể hiểu nổi tại sao Di, J.A. Và bản thân anh đến ngày phán quyết cuối cùng lại gặp nhau với tâm thế bình đẳng.

Anh rất hoài nghi. Đồng thời anh lại thấy ngạc nhiên trước sự tử tế và kiên nhẫn dường như là vô tận mà hai người đàn ông trẻ từ đất nước Thụy Điển dành cho anh và Quốc Sĩ. Anh cũng để ý thấy anh trai mình và Lodin thường có những cuộc trò chuyện riêng xem ra rất vui vẻ. Chính vì lẽ đó mà Sáng không bao giờ tranh luận với Quốc Sĩ về những gì bản thân anh nghĩ về Chúa trời của người da trắng.

Elgstrand và Lodin chia sẻ phần ăn của họ với Sáng và Quốc Sĩ. Cái gì ở Thượng đế của họ là sự thật, cái gì là không, Sáng không thể biết được. Nhưng hai người đàn ông này đã sống đúng như những gì họ đã rao giảng thì không có gì phải hoài nghi nữa.

Sau ba mươi hai ngày lênh đênh trên biển, con tàu *Nellie* đã neo lại để chuyển thêm than xuống hầm tàu rồi sau đó lại tiếp tục đi xuống phương Nam. Khi gần đến mũi Hảo Vọng, họ đã rơi vào một trận bão khủng khiếp. Con tàu *Nellie* phải cuộn buồm lại bốn ngày giữa biển động dữ dội. Sáng sợ hãi trước ý nghĩ rằng tàu có thể bị chìm và anh cũng nhìn thấy nỗi sợ hãi ấy ở thủy thủ đoàn. Elgstrand và Lodin là hai người duy nhất trên tàu tỏ ra hoàn toàn bình tĩnh. Hoặc là họ biết cách giấu đi nỗi sợ hãi.

Quốc Sĩ rơi vào tình trạng hoảng loạn. Lodin ở lại bên anh trong lúc các khối nước khổng lồ trào qua con tàu có nguy cơ làm vỡ vỏ tàu.

Khi cơn bão đi qua, Quốc Sĩ quỳ xuống và nói anh muốn được đi theo tín ngưỡng của đức Chúa trời, tín ngưỡng mà những người đàn ông da trắng sắp khai thông cho những người anh em Trung Quốc.

Thái độ bình thản của hai nhà truyền giáo trước cơn bão không phải là không khiến Sáng phải ngạc nhiên. Nhưng để làm được như Sĩ, quỳ xuống và cầu xin một Thượng đế vẫn còn bí hiểm đối với anh, thì anh không làm được.

Họ đi vòng qua mũi Hảo Vọng, những cánh buồm gặp cơn gió thuận băng băng chạy trên Ấn Độ Dương. Trời đã ấm hơn, thời tiết dễ chịu hơn. Sáng vẫn tiếp tục dạy học, còn Quốc Sĩ hằng ngày gặp gỡ riêng với Lodin để thì thầm trao đổi về những điều họ cùng quan tâm.

Tuy nhiên Sáng không biết điều gì đang chờ đợi anh trai mình. Vào một đêm, Quốc Sĩ đánh thức Sáng dậy và thì thầm nói với em trai mình rằng mình bị thổ ra máu. Người anh nhợt nhạt như xác chết và run bần bật. Sáng nhờ người thủy thủ có ca trực đi gọi hai nhà truyền đạo đến chỗ mình. Viên thủy thủ Mỹ lai nhìn Quốc Sĩ.

– Tôi lại đi đánh thức linh mục chỉ vì gã nhà quê Trung Quốc nằm đây và thổ ra máu ư?

– Nếu anh không làm việc này, ngày mai họ sẽ trừng phạt anh.

Gã đàn ông nheo trán. Chẳng lẽ một thằng cu li người Trung Quốc lại dám mạo muội ăn nói kiểu này với một người trong thủy thủ đoàn sao? Nhưng hẳn biết hai nhà truyền giáo thường ngồi với Sáng và Quốc Sĩ.

Hắn đành phải đi gọi Elgstrand và Lodin. Họ đưa Quốc Sĩ về buồng và đặt anh nằm lên chiếc phản. Linh mục Lodin xem ra khá am hiểu về y học, điều trị cho Quốc Sĩ bằng nhiều loại thuốc khác nhau. Sáng ngồi xồm bên bức tường của căn buồng tương đối hẹp. Ánh sáng chập chờn của ngọn đèn hắt bóng người lên tường. Con tàu vẫn nhẹ nhàng trườn trên những con sóng lăn tăn.

Cái kết thúc đến rất nhanh. Quốc Sĩ chết vào lúc rạng đông. Trước khi Quốc Sĩ trút hơi thở cuối cùng, Elgstrand và Lodin đã cam đoan

với anh rằng đức Chúa trời sẽ đón nhận anh nếu anh thừa nhận đức tin và tội lỗi của mình. Họ nắm chặt lấy tay anh và cùng cầu nguyện. Sáng ngồi một mình trong góc phòng. Anh hoàn toàn không thể làm được gì. Bây giờ, người anh em thứ hai sắp lìa xa anh. Nhưng anh nhận ra các nhà truyền đạo đã đem đến cho Quốc Sĩ một sự thanh thản và lòng tin mà anh chưa hề có trong cuộc đời mình.

Sáng cố gắng hiểu những lời cuối cùng của Quốc Sĩ. Anh đoán rằng Quốc Sĩ muốn nói anh ấy không sợ hãi trước cái chết.

– Bây giờ anh đi đây, Quốc Sĩ nói. Anh đi trên mặt nước như người đàn ông có tên là Jesus. Anh đi vào một thế giới khác tốt đẹp hơn. Ở đó, Vũ đang chờ anh. Và em, đến một ngày nào đó cũng sẽ có mặt ở nơi ấy.

Quốc Sĩ chết, Sáng ngồi thu lu một chỗ, đầu gục xuống giữa hai gối, hai bàn tay bịt chặt hai tai. Anh từ chối không nói chuyện với linh mục Elgstrand. Không một ai có thể giúp anh ra khỏi cảm giác rối bời bây giờ.

Anh quay về chỗ của mình ở mũi tàu. Hai thủy thủ khâu mảnh vải buồm bọc xác Quốc Sĩ, dần thêm vào ít sắt vụn đã gỉ.

Elgstrand đến báo cho Sáng biết hai tiếng nữa thuyền trưởng muốn tiến hành lễ “mai táng trên biển” cho Quốc Sĩ.

– Tôi muốn được ở lại một mình với anh tôi, Sáng nói. Tôi không muốn anh ấy nằm trên boong tàu chờ cho tới khi người ta ném anh ấy xuống biển.

Elgstrand và Lodin khiêng cái xác đã được khâu trong tấm vải buồm về buồng của họ và để Sáng ở lại đó một mình. Sáng cầm lấy con dao trên chiếc bàn nhỏ, thận trọng cắt chỉ khâu tấm vải buồm. Anh cắt đứt bàn chân trái của Quốc Sĩ, thận trọng không để máu nhỏ lên sàn, cuốn mảnh vải buồm vào mồm cụt của bàn chân, sau đó lấy một mảnh vải khác cuốn bàn chân lại và nhét nó vào dưới áo của mình. Rồi anh khâu tấm vải buồm lại như cũ.

Ta có hai người anh em, Sáng nghĩ. Và ta phải chăm lo cho họ. Vậy mà giờ đây thứ duy nhất ta còn là một bàn chân.

Thuyền trưởng và thủy thủ đoàn đã tập trung bên lan can mạn tàu. Xác Quốc Sĩ cuốn trong tấm vải buồm được nhấc lên để trên một tấm ván bắc trên hai cái mễ. Thuyền trưởng bỏ mũ ra. Ông đọc một đoạn trong Kinh Thánh và bắt nhịp một bản Thánh vịnh. Eglstrand và Lodin hát với giọng trong trẻo. Khi thuyền trưởng ra hiệu cho các thủy thủ nhấc tấm ván qua lan can mạn tàu để đẩy xuống thì linh mục Elgstrand giơ tay ngăn lại.

– Người thanh niên Trung Quốc thuần phác này tên là Vương Quốc Sĩ đã tìm thấy được sự giải thoát, cứu chuộc, trước khi anh ấy qua đời. Dù rằng thân xác anh không lâu nữa sẽ chìm xuống đáy biển, nhưng linh hồn anh đã tự do và đã ở trên đầu chúng ta. Chúng ta hãy cầu xin đức Chúa trời đón nhận cái chết và giải phóng linh hồn họ. Amen.

Và lúc này, khi thuyền trưởng ra hiệu, Sáng nhắm mắt lại. Anh nghe thấy tiếng rơi ở nơi xa, khi xác anh mình đập lên mặt nước.

Sáng trở lại nơi hai anh em họ đã ngủ trong chuyến trở về. Anh không thể tin được rằng Quốc Sĩ đã chết. Chính vào lúc anh cảm thấy anh trai mình đã vững vàng hơn, nhờ vào cuộc gặp gỡ với hai nhà truyền giáo, thì bất ngờ anh ấy lại bị một căn bệnh lạ quật ngã.

Nỗi đau buồn, Sáng nghĩ. Nỗi đau buồn và kinh hoàng trước cái mà cuộc sống đã đem đến cho anh ấy, chính cái đó cuối cùng đã giết chết anh. Không phải là những trận ho, những cơn sốt hoặc lạnh giá.

Linh mục Elgstrand và Lodin muốn an ủi Sáng. Nhưng anh nói lúc này anh cần ở lại một mình.

Đêm ấy, sau khi “mai táng trên biển” xong, Sáng bắt đầu công việc gỡ da, thịt, gân, cơ bàn chân của Quốc Sĩ. Anh không có một thứ dụng cụ nào ngoài thanh sắt gỉ tìm thấy trên boong tàu. Anh làm việc này trong bóng tối để tránh có người nhìn thấy. Anh ném những miếng thịt xuống biển. Khi những đốt xương đã được róc sạch, anh lau chùi cẩn



thận bằng một mảnh vải rồi cất vào trong chiếc tay nải đựng quần áo của mình.

Suốt một tuần sau đó, anh ở một mình. Đôi khi anh tự nhủ tốt nhất là mình nên lên lên boong tàu trong đêm tối rồi trườn qua lan cận mạn tàu và lặn lẽ thả mình chìm vào biển cả. Nhưng anh còn phải đem những đốt xương chân của anh trai về với quê nhà.

Khi lại bắt đầu dạy tiếng cho hai nhà truyền giáo, anh nghĩ rất nhiều về chuyện họ có ý nghĩa như thế nào với Quốc Sĩ. Anh ấy đã chết không gào thét, chết thanh thản. Lodin và Elgstrand đã cho anh ấy thứ khó nhất: lòng dũng cảm để chết.

Trong thời gian còn lại của chuyến đi, qua Java nơi tàu lại lấy thêm than, rồi sau đó là tiến về Quảng Châu, Sáng thường hay hỏi về Thượng đế, Người có thể an ủi những người chết và hứa hẹn một thiên đường cho tất cả, ai cũng như nhau, dù giàu hay nghèo.

Nhưng câu hỏi mang tính quyết định vẫn là tại sao Thượng đế lại để Quốc Sĩ phải chết, khi cuối cùng họ đang trên đường trở về nhà sau khi đã trải qua bao nhiêu thử thách. Cả hai không ai cho anh lấy được một câu trả lời có tính thuyết phục. Đối với người Cơ Đốc giáo, những con đường của Chúa trời thật bí hiểm, Elgstrand nói. Điều này có ý nghĩa gì? Rằng cuộc sống chỉ là chờ đợi điều gì sẽ đến sau đó? Rằng đức tin này thực ra là một điều bí ẩn?

Càng đến gần Quảng Châu, Sáng lại càng phải suy ngẫm nhiều hơn. Anh sẽ không bao giờ quên được những gì đã phải trải qua. Anh cần phải học viết, để viết lại tất cả những gì đã xảy ra với anh, anh và những người anh em của anh, kể từ cái buổi sáng khi anh phát hiện thấy cha mẹ mình treo cổ trên cành cây.

Một vài ngày trước khi tàu cập vào bờ biển Trung Quốc, Elgstrand và Lodin đến ngồi xuống bên cạnh Sáng trên boong tàu.

– Chúng tôi đã hỏi nhau về việc anh định làm gì khi đến Quảng Châu, Lodin nói.

Sáng lắc đầu. Anh chưa có câu trả lời.

– Chúng tôi chẳng muốn để mất anh, Elgstrand đỡ lời Lodin. Chúng ta đã trở nên gần gũi qua chuyến đi này. Nhờ có anh mà vốn tiếng Trung của chúng tôi đã khá lên rất nhiều. Chúng tôi muốn đề nghị anh cùng đi với chúng tôi. Anh sẽ nhận được lương tháng và ở bên giúp chúng tôi xây dựng giáo hội Cơ Đốc mà chúng tôi hằng mơ.

Sáng im lặng hồi lâu trước khi trả lời. Khi đã có quyết định, anh đứng dậy cúi người hai lần trước hai linh mục.

Anh muốn đi cùng với họ. Có thể đến một ngày nào đó anh sẽ chạm tới được sự thần khôi đã soi sáng cho Quốc Sĩ trong những ngày cuối cùng của anh ấy.

Vào ngày 12 tháng Chín năm 1867, Sáng lại được đặt chân lên đất Quảng Châu. Trong bọc quần áo của anh có những đốt xương bàn chân của người anh trai đã chết và đốt xương ngón tay cái của Lưu. Đó là tất cả những gì anh mang về từ chuyến đi dài.

Anh đưa mắt nhìn quanh kè cảng. Anh kiếm tìm Di và Vũ ư? Bản thân anh cũng không trả lời được câu hỏi này.

Vài tuần sau, anh dẫn hai nhà truyền giáo Thụy Điển lên thuyền ngược sông đến thành phố Phúc Châu. Sáng ngắm nhìn phong cảnh chậm chậm lướt qua. Anh tìm một nơi có thể chôn cất chút di hài của Quốc Sĩ.

Anh muốn một mình làm việc này. Đây là việc giữa anh, cha mẹ anh và các linh hồn tổ tiên. Elgstrand và Lodin hẳn sẽ không thích anh tiếp tục tuân theo những truyền thống từ hàng ngàn năm ấy của người Trung Quốc.

Con thuyền từ từ lướt trên mặt nước về hướng Bắc. Tiếng ếch nhái vang lên hai bên bờ sông.

Sáng đã trở về nhà.

Vào một buổi tối mùa thu năm 1868, Sáng ngồi bên chiếc bàn nhỏ dưới ánh sáng của ngọn nến. Anh viết và viết những nét chữ đầu tiên trong câu chuyện về cuộc đời của anh, của hai người anh em đã chết. Năm năm đã trôi qua từ khi Quốc Sĩ và anh bị Di bắt cóc, một năm đã trôi qua từ khi anh trở về Quảng Châu với bàn chân của Quốc Sĩ trong tay nải quần áo. Năm ngoái, anh đã đưa Elgstrand và Lodin đến Phúc Châu, đã trở thành người phụ việc tận tụy của họ và đã học viết ở một thầy giáo mà Lodin tìm cho anh.

Buổi tối hôm đó có gió lớn thổi quanh ngôi nhà nơi Sáng đang ngồi viết câu chuyện của mình lên giấy. Cầm bút lông trên tay, anh lắng nghe những tiếng động ở bên ngoài và cảm thấy mình như lại có mặt trên một con tàu.

Mãi rồi anh mới dần dần hiểu ra được mức độ của tất cả những gì đã xảy ra. Anh cố nhớ lại từng chi tiết để không bỏ sót điều gì. Mỗi khi có những ký tự hoặc những câu anh không biết, anh lại hỏi thầy giáo Bùi. Thầy Bùi khích lệ anh không nên để mất thời gian vì ông cảm thấy cuộc đời mình đã gần đi đến những ngày tháng cuối cùng.

Một câu hỏi cứ luôn theo bên Sáng, kể từ khi họ đến Phúc Châu và sống trong ngôi nhà mà Elgstrand và Lodin mua. Anh kể câu chuyện này cho ai? Anh sẽ không trở về ngôi làng của mình nữa, còn những người khác thì chẳng ai biết anh là ai.

Mặc dù vậy, anh vẫn cứ muốn viết. Nếu quả thật, có một đấng tạo hóa trị vì những người đang sống và những người đã chết, chắc hẳn Người sẽ có cách để câu chuyện anh viết ra đến được tay một người muốn đọc nó.

Sáng bắt đầu viết, chậm rãi và khó nhọc trong khi trận gió lay động những bức tường. Anh khẽ đung đưa người trên chiếc ghế đầu. Căn

phòng nhanh chóng biến thành con tàu, mặt đất dưới chân anh tròng trành, chao đảo.

Anh đặt nhiều xếp giấy trên bàn. Giống như một con tôm dưới đáy sông, anh muốn tiến bằng cách giật lùi đến tận thời điểm mà anh nhìn thấy cha mẹ mình treo cổ trên cây. Nhưng anh lại muốn bắt đầu với chuyến đi đã đưa anh tới đây, chuyến đi vẫn còn đọng lại rõ ràng nhất trong ký ức của anh.

Khi đặt chân đến Quảng Châu, Elgstrand và Lodin tỏ ra vui mừng nhưng đồng thời cũng sợ hãi. Người đông như kiến, những mùi lạ lẫm và việc không thể hiểu được tiếng địa phương làm cho họ hoang mang. Họ được một nhà truyền giáo cũng là người Thụy Điển, tên là Tornas Hamberg đón chờ. Người Thụy Điển này làm việc cho một hội dịch và truyền bá Kinh Thánh của Đức. Ông Hamberg nhiệt tình tiếp đón họ và đưa họ đến ở nhà mình, trong tô giới Đức. Sáng đi theo họ như một gia tộc lạnh lẽ. Anh chỉ đạo người làm khuôn vác đồ đạc, giặt giũ quần áo cho hai nhà truyền giáo, phục vụ họ vào bất cứ thời gian nào trong ngày. Anh kín đáo lắng nghe tất cả những gì họ nói. Hamberg nói tiếng Trung khá hơn Elgstrand và Lodin. Để hai người có điều kiện luyện tập, ông Hamberg thường hay nói chuyện với họ bằng ngôn ngữ này. Qua kẽ hở của cánh cửa, anh nghe ông Hamberg hỏi Lodin xem hai người đã quen biết anh như thế nào. Sáng ngạc nhiên và bất bình khi nghe thấy ông ta nhắc nhở Lodin là không nên mù quáng tin tưởng vào một người hầu Trung Hoa.

Chưa bao giờ Sáng nghe một nhà truyền giáo nói một điều bất lợi về một người Trung Quốc. Tuy vậy anh vẫn tin rằng cả Elgstrand lẫn Lodin đều sẽ không nghe theo ý kiến của ông Hamberg. Hai người họ không giống ông ta.

Sau một vài tuần ráo riết chuẩn bị, họ rời khỏi Quảng Châu, đi dọc theo bờ biển và cuối cùng nhập vào sông Mân chạy tới Phúc Châu, thành phố của “Chùa trắng”. Hamberg đã viết một lá thư giới thiệu họ

với quan tri phủ. Ông này đã tỏ ra rất vui vẻ với hai nhà truyền giáo Cơ Đốc. Sáng ngạc nhiên khi thấy Elgstrand và Lodin đã không do dự quỳ xuống, đập trán lên sàn nhà trước mặt quan lớn. Họ được quan lớn cho phép hoạt động trong thành phố, và sau một vài lần tìm kiếm họ đã tìm được một nơi ở phù hợp với mục đích của mình. Đây là một dinh thự có tường rào vây quanh với nhiều nhà ngang dọc.

Vào hôm dọn đến ở, Elgstrand và Lodin đã quỳ xuống cầu phước cho dinh thự là tương lai của họ. Sáng cũng quỳ xuống, nhưng không cầu khẩn gì. Anh nghĩ đến bàn chân của Quốc Sĩ vẫn chưa được chôn cất.

Phải mất vài tháng anh mới chọn được một chỗ gần sông, nơi mặt trời buổi chiều chiếu sáng trên những ngọn cây và mảnh đất đó dần dần nằm trong bóng râm. Sáng đến thăm nơi này nhiều lần và cảm thấy bình yên khi ngồi ở đó, tựa lưng vào một thân cây. Con sông lặng lẽ tuôn chảy qua các cánh đồng. Ngay cả lúc này, trong tiết thu, hoa vẫn nở dọc bờ sông.

Nơi đây, Sáng có thể đến trò chuyện với các anh em của mình. Nơi đây, anh sẽ được gần họ. Nơi đây, họ sẽ được đoàn tụ. Ranh giới giữa người chết và người đang sống sẽ không còn nữa.

Vào một buổi sáng sớm, khi không có ai để ý, anh đi xuống phía sông, đào một cái hố sâu và chôn bàn chân cùng ngón tay cái của Lưu vào đó. Anh cẩn thận lấp đất, xóa mọi dấu vết rồi sau đó đặt lên trên một hòn đá mà anh đã mang theo trong cuộc hành trình dài qua hoang mạc châu Mỹ.

Sáng ngẫm nghĩ không biết có nên đọc một bài kinh cầu nguyện mà anh đã học được ở hai nhà truyền giáo hay không. Nhưng vì Vũ, ở một phương diện nào đó cũng đang ở đây, lại chưa hề biết đến đức Chúa trời mà lời kinh này hướng tới, nên anh chỉ nhắc tới tên của họ. Anh cho linh hồn của họ những đôi cánh và để họ bay đi về nơi ấy.

Elgstrand và Lodin có nghị lực đáng ngạc nhiên. Sáng khâm phục sự bền bỉ vượt qua mọi cản trở, lôi kéo được nhiều người giúp đỡ trong việc xây dựng trạm truyền giáo của họ. Đương nhiên là họ cũng có tiền, bớt được nhiều khó khăn trong công việc. Elgstrand đã ký được hợp đồng với một công ty vận tải đường biển của Anh, đều đặn cập cảng Phúc Châu, chuyển tiền từ Thụy Điển sang cho họ. Sáng ngạc nhiên thấy rõ ràng là những nhà truyền đạo này không sợ bọn kẻ cắp, bọn người không do dự giết chết họ để chiếm đoạt tài sản. Elgstrand cất tiền và tín phiếu ở dưới gối. Nếu Elgstrand và Lodin không có mặt ở nhà, Sáng sẽ là người chịu trách nhiệm về việc này.

Một lần Sáng đã bí mật đếm số tiền để trong một chiếc cặp da nhỏ. Anh ngạc nhiên thấy quá nhiều. Nỗi thèm khát trở dậy trong anh trong giây lát: cầm lấy số tiền này và bỏ trốn. Với số tiền này, anh có thể đến Bắc Kinh sống cuộc đời của kẻ giàu có bằng số tiền lãi.

Ý định này biến mất khi anh nghĩ đến Quốc Sĩ và sự quan tâm, tấm lòng bác ái mà hai nhà truyền đạo đã dành cho Sĩ trong những ngày cuối cùng của anh ấy.

Bản thân anh cũng đang có một cuộc sống mà trước đây anh không bao giờ dám mơ tới. Anh có phòng riêng với một chiếc giường, quần áo sạch sẽ, luôn luôn có cái ăn. Trong khi trước đây anh đứng ở nấc thang cuối cùng thì bây giờ anh phụ trách tất cả người hầu kẻ hạ đang làm việc trong ngôi nhà này. Anh đối xử với họ nghiêm khắc nhưng không bao giờ trừng phạt họ về thể xác.

Một vài tuần sau khi đến đây, Elgstrand và Lodin đã mở rộng cửa, mời mọi người vào nhà. Họ là những người tò mò, muốn được nghe những người da trắng xa lạ này rao giảng cái gì. Người đến rất đông, thậm chí còn phải đứng ở ngoài sân. Sáng đứng ở phía sau hậu trường nghe Elgstrand dùng vốn tiếng Trung còn hạn chế của mình nói về đức Chúa trời lạ thường, đã cho người con trai của mình xuống trần gian chịu đóng đinh trên cây thánh giá. Lodin đi vòng quanh phân phát những bức ảnh màu, chúng được truyền tay nhau.

Khi Elgstrand nói xong, mọi người trên sân vội vàng giải tán. Nhưng ngày hôm sau mọi việc lại lặp lại, mọi người lại đến và kéo theo những người mới. Cả thành phố đâu đâu cũng nghe người ta nói về hai người đàn ông da trắng kỳ lạ đã đến an cư ở đây cùng với họ. Điều mà những người Trung Quốc thấy khó hiểu nhất là Elgstrand và Lodin tới đây không phải để buôn bán, họ không mua gì, cũng chẳng bán gì. Họ chỉ đứng đó dùng thứ tiếng Trung còn chưa sôi nói về Thượng đế của mình, Người luôn đối xử công bằng với tất cả mọi người.

Những cố gắng của hai nhà truyền đạo trong thời gian đầu không biết đến giới hạn. Trên cổng lối vào sân nhà được gắn những chữ Trung Quốc mang ý nghĩa “Giáo đường của Thượng đế chân chính”. Hình như hai người đàn ông này không ngủ, họ luôn luôn bận rộn. Đôi khi Sáng nghe họ sử dụng tiếng Trung Quốc để biểu lộ thái độ “cần phải đấu tranh chống lại sự sùng bái thấp hèn”. Sáng tự hỏi làm thế nào mà họ lại có thể hy vọng thuyết phục được những người Trung Quốc bình thường từ bỏ đức tin họ đã có từ nhiều thế hệ nay. Một Thượng đế đã để con mình phải chịu đóng đinh trên cây thập giá thì làm sao có thể đem đến cho những người Trung Quốc nghèo khổ niềm an ủi tinh thần hoặc nghị lực được chứ?

Từ ngày đến thành phố, Sáng có quá nhiều việc phải làm. Khi Elgstrand và Lodin tìm được ngôi nhà phù hợp với mục đích của họ, nhiệm vụ của Sáng là tuyển người làm. Do có quá nhiều người tự tìm đến xin việc, nên Sáng chỉ cần phải lựa chọn dựa vào sự tinh ý của mình.

Một vài tuần sau khi dọn đến ở trong khu nhà này, như mọi buổi sáng khác, Sáng ra mở cánh cổng gỗ nặng nề thì thấy có một người phụ nữ đứng trước mặt mình. Cô ta cúi đầu và nói tên mình là Lạc Kỳ. Cô đến từ một làng nhỏ bên sông Mân gần Thủy Khẩu. Bố mẹ cô rất nghèo và cô đã phải bỏ làng đi khi biết bố muốn bán cô làm vợ lẽ cho một lão già gần bảy mươi tuổi ở Nam Xương. Cô đã van xin bố

thương mình và nói cho bố biết người đàn ông đó trước đây từng đánh chết một vài cô vợ bé khi đã chán họ. Nhưng bố cô không nhượng bộ nên cô bỏ trốn. Một nhà truyền giáo người Đức đi ngược dòng sông lên tới vùng Gousihan, đã kể cho cô nghe về trạm truyền giáo ở Phúc Châu, nơi cô có thể nương nhờ.

Sáng nhìn cô gái một hồi lâu, rồi anh hỏi xem cô biết làm gì và để cô vào. Anh cho cô nhận thử việc phụ bếp. Nếu cô làm được, có thể anh sẽ giao việc cho cô.

Niềm vui hiện lên trên khuôn mặt cô làm cho anh cảm động. Anh chưa bao giờ mơ tới sẽ có ngày mình có khả năng này: làm cho người khác được vui nhờ vào công việc mà anh giao cho người đó, tìm cho người đó một lối thoát khỏi cảnh nghèo đói triền miên.

Kỳ đã qua được đận thử việc, Sáng giữ cô ở lại. Cô sống chung với mấy cô giúp việc trong trạm, và không bao lâu đã được mọi người quý mến vì bản chất hiền hậu của mình. Cô chưa bao giờ tìm cách lẩn tránh công việc. Sáng thích được nhìn thấy cô khi cô làm việc trong bếp hoặc khăn trương với một công việc nào đó trên sân. Thỉnh thoảng ánh mắt của hai người lại giao nhau.

Vào một ngày trước lễ Giáng sinh, Elgstrand bảo Sáng thuê một chiếc thuyền và một đội chèo thuyền. Họ phải xuôi theo dòng sông, cập mạn một con tàu vừa từ Luân Đôn tới. Elgstrand nhận được tin báo của lãnh sự Anh ở Phúc Châu, trên tàu có một kiện hàng gửi cho trạm truyền giáo.

– Tốt nhất là anh cũng đi! Elgstrand cười. Khi phải đi nhận một túi đầy tiền như vậy, tôi cần đến người đàn ông tốt nhất của mình.

Sáng tìm được một đội chèo thuyền ở bến cảng. Ngày hôm sau, anh và Elgstrand lên thuyền. Sáng nói thầm với linh mục rằng tốt hơn là không nói cho những người này biết mình đến tàu đó để lấy gì.

Elgstrand cười:

– Đúng là tôi hơi ngây thơ, nhưng không đến nỗi thế đâu.



Đội chèo thuyền phải mất ba tiếng đồng hồ mới cập được mạn tàu và neo lại ở đó. Elgstrand và Sáng leo thang dây lên tàu. Một thuyền trưởng hói đầu tên là John Dunn đón tiếp họ. Ông ta quan sát những người chèo thuyền với vẻ cực kỳ không tin tưởng. Rồi ông ta nhìn Sáng với cái vẻ cũng như vậy rồi bình phẩm gì đó mà Sáng không hiểu. Elgstrand lắc đầu và giải thích với Sáng rằng thuyền trưởng Dunn không có nhiều thiện cảm với người Trung Quốc.

– Ông coi tất cả các anh đều là những tên trộm cướp lừa đảo, Elgstrand nói và cười to. Đến một lúc nào đó ông ta sẽ hiểu ra là mình đã lầm.

Dunn và Elgstrand biến mất vào trong buồng của thuyền trưởng. Một lúc sau Elgstrand trở ra cầm theo một chiếc cặp da, đưa nó cho Sáng vẻ muốn chứng minh:

– Thuyền trưởng Dunn xem tôi như là một thằng ngốc điên rồ khi tin tưởng anh. Thật buồn khi phải nói thế này nhưng thuyền trưởng Dunn là một người thô lỗ. Ông ấy rất am hiểu về thuyền bè, biển cả và những cơn gió, nhưng lại chẳng hiểu gì về con người cả.

Hai người tụt theo thang dây xuống thuyền và trở về nhà. Khi về tới nơi, trời đã tối, Sáng trả tiền công cho người đội trưởng. Khi đi qua những con hẻm tối tăm, Sáng cảm thấy bất an. Anh cứ nghĩ đến buổi tối ở Quảng Châu khi Di đã nhử anh em anh vào bẫy. Nhưng hôm nay hoàn toàn không xảy ra chuyện gì. Elgstrand đem theo chiếc cặp đi vào phòng mình. Sáng chốt cánh cổng và đánh thức người gác đang tựa lưng vào tường ngủ gà ngủ gật.

– Anh được trả công để canh gác, chứ không phải để ngủ, anh nói giọng trách mắng.

Mình là cai thợ đang phải canh chừng khu nhà, Sáng nghĩ. Mình không ngồi cao trên lưng ngựa như J.A. Ngoài ra mình cũng ngủ như một con chó canh gác, một mắt luôn mở.

Anh rời cổng đi về phía phòng mình. Dọc đường anh nhìn thấy phòng của đám phụ nữ còn sáng đèn. Anh nhú mày bởi ở đây buổi tối

cắm đốt nển vì có nguy cơ hỏa hoạn rất lớn. Anh bước đến gần bên cửa sổ, nhìn qua kẽ rèm vào bên trong. Có người ở trong phòng này. Bà lớn tuổi nhất đang ngủ, trong khi Kỳ và cô gái khác có tên là Na ngồi trên giường nói chuyện với nhau. Trên bàn có chiếc đèn cầy. Buổi tối nóng nực nên Kỳ đã cởi bớt cúc áo. Sáng nhìn vào thân thể cô như người bị phù phép. Anh không nghe được tiếng cô nói và đoán rằng cô phải nói thầm để không làm người phụ nữ kia tỉnh giấc.

Bất ngờ Kỳ quay mặt ra hướng cửa sổ. Sáng giật mình lùi lại. Cô có nhìn thấy anh không? Anh chờ đợi trong bóng tối. Kỳ không kéo rèm cửa lại. Sáng lại đến bên cửa sổ và đứng ở đó cho tới khi Na thổi tắt đèn và căn phòng chìm trong bóng tối.

Sáng đứng im. Một trong những con chó gác đêm chạy đến bên anh, đưa mũi người bàn tay anh.

– Tao không phải là kẻ trộm, Sáng thầm thì nói với nó. Tao chỉ là một thằng đàn ông bình thường, đang thích một người con gái. Có thể một ngày nào đó cô ấy sẽ trở thành vợ của tao cũng nên.

Từ tối hôm đó, Sáng tìm cách gần gũi với Kỳ. Anh thận trọng để không khiến Kỳ sợ. Và anh cũng không muốn để những cô gái khác nhận ra sự quan tâm của anh dành cho Kỳ. Thói ghen tị dễ bắt lửa và lan rộng trong đám gia nhân.

Cũng phải mất khá lâu Kỳ mới hiểu được những dấu hiệu mà Sáng kín đáo gửi đến cô. Họ bắt đầu gặp nhau vào buổi đêm trước căn phòng của cô, sau khi Na hứa không nói cho ai biết chuyện này và cô đã nhận được một đôi giày cho sự im lặng của mình. Cuối cùng, sau hơn nửa năm, có những đêm Kỳ đã ở lại trong phòng Sáng. Khi nằm cạnh cô, Sáng cảm thấy một niềm vui nhen nhóm, nó xua đi hết thấy những bóng đen và những ký ức đắng cay thường ám ảnh anh.

Đối với Sáng và Kỳ, họ muốn chung sống với nhau, không có gì phải hoài nghi nữa.

Sáng quyết định nói chuyện này với Elgstrand và Lodin, đề nghị họ cho phép mình được cưới Kỳ. Anh đến gặp hai người vào một buổi

sáng sau bữa điếm tâm, trước khi họ bắt tay vào làm việc. Anh nói cho hai người đó biết lý do anh đến gặp họ. Lodin im lặng trong khi Elgstrand nói.

– Tại sao anh lại muốn cưới cô ấy?

– Cô ấy là người tử tế, ân cần và làm việc chăm chỉ.

– Cô ấy là một phụ nữ rất bình thường và hoàn toàn không hiểu được những gì anh đã học. Cô ấy không tỏ ra quan tâm đến thông điệp của Chúa Trời.

– Cô ấy còn quá trẻ.

– Nghe nói cô ấy ăn cắp.

– Bọn người hầu hạ tung tin bậy. Chẳng từ một ai. Người này vạch lỗi của người khác. Tôi biết cái gì là đúng, cái gì không. Kỳ không ăn cắp.

Elgstrand quay sang Lodin. Hai người nói chuyện với nhau bằng ngôn ngữ của họ nên Sáng không hiểu được.

– Quan điểm của chúng tôi là anh hãy nên chờ đã, Elgstrand nói. Nếu hai người muốn cưới nhau thì phải làm lễ nhà thờ. Hai người sẽ là những người đầu tiên ở đây được chúng tôi tổ chức một lễ cưới như thế. Nhưng cả hai còn chưa sẵn sàng. Chúng tôi muốn hai người hãy khoan cưới vội.

Sáng cúi chào rồi rời khỏi phòng. Anh rất thất vọng nhưng dù sao thì đó cũng chưa phải là một lời từ chối dứt khoát. Sẽ có ngày anh và Kỳ nên vợ nên chồng.

Một vài tháng sau, Kỳ nói cho Sáng biết là mình có thai. Sáng thầm reo lên vui sướng và lập tức quyết định, đưa trẻ, nếu là con trai, sẽ được đặt tên là Quốc Sĩ. Đồng thời anh cũng hiểu rằng tình trạng mới này sẽ có thể gây rắc rối lớn. Trong những bài giảng hằng ngày của Elgstrand và Lodin trước mọi người ở sân trạm truyền giáo, có những điều được nhắc đi nhắc lại thường xuyên. Đạo Cơ Đốc đưa ra nhiều đòi hỏi nghiêm khắc đối với mọi người, ví dụ phải kết hôn rồi mới được sinh con. Ăn nằm với nhau trước khi cưới được xem như một

trọng tội. Sáng suy nghĩ rất lâu nhưng không biết phải làm sao. Cái bụng đang dần to lên nhưng vẫn giấu được trong một thời gian nữa. Tuy nhiên Sáng cần phải hành động trước khi sự thật được phơi bày.

Một hôm, Sáng nhận được thông báo là cần một đội chèo thuyền để đưa Lodin đến thăm trạm truyền giáo do các nhà truyền giáo người Đức xây dựng ở thượng nguồn sông. Trong những chuyến đi thuyền như thế này trước đây, bao giờ Sáng cũng cùng đi. Chuyến đi dự tính sẽ kéo dài bốn ngày. Trước chuyến đi, Sáng đến chia tay với Kỳ vào buổi tối và hứa sẽ tranh thủ khoảng thời gian này để tìm ra giải pháp cho vấn đề của họ.

Bốn ngày sau, khi cùng Lodin trở về, anh lập tức được gọi đến gặp Elgstrand. Linh mục muốn nói chuyện với anh. Elgstrand ngồi trong văn phòng bên bàn làm việc của mình. Thường thì linh mục bảo Sáng ngồi xuống ghế, nhưng lần này linh mục không làm vậy. Sáng đoán đã có chuyện gì đó xảy ra.

Giọng nói của Elgstrand mềm mỏng hơn mọi lần:

– Chuyến đi thế nào?

– Đúng như dự kiến.

Elgstrand gật đầu ngẫm nghĩ và nhìn Sáng như dò xét.

– Tôi thất vọng, linh mục nói. Suốt một thời gian dài, tôi muốn tin rằng tin đồn kia là vô căn cứ. Nhưng cuối cùng tôi đã buộc phải hành động. Anh có hiểu tôi nói về chuyện gì không?

Sáng đã hiểu ra. Nhưng anh phủ nhận.

– Điều này lại càng khiến tôi thất vọng hơn nữa, Elgstrand nói. Khi một người nói dối, thì quỷ sứ đã làm tổ trong tâm hồn người đó rồi. Đương nhiên là tôi muốn nói đến chuyện người đàn bà mà anh định lấy làm vợ đã có thai. Bây giờ, một lần nữa, tôi cho anh cơ hội để nói ra sự thật.

Sáng cúi đầu, không trả lời. Anh thấy tim mình đập dữ dội.

– Đây là lần đầu tiên kể từ khi chúng ta gặp nhau trên tàu, tôi nghi ngờ anh, Elgstrand tiếp tục nói. Anh thuộc vào những người cho tôi và giáo huynh Lodin của tôi cảm giác rằng người Trung Quốc cũng có thể đạt tới một trình độ trí tuệ cao. Những ngày vừa qua thật nặng nề, tôi đã cầu nguyện cho anh và quyết định anh vẫn được ở lại đây, nhưng cần phải nỗ lực chăm chỉ hơn nữa, cố gắng hơn nữa, để đến một lúc nào đó có thể nói rằng anh đã tin theo đức Chúa trời chung của chúng ta.

Sáng cúi đầu đứng đó, chờ đợi những lời tiếp theo, nhưng không có gì nữa.

– Vậy thôi, Elgstrand nói. Giờ thì anh hãy đi làm đi.

Ra đến gần cửa, anh nghe tiếng Elgstrand ở phía sau:

– Đương nhiên là anh hiểu, cô Kỳ không thể ở lại đây. Cô ấy đã rời bỏ chúng ta.

Người Sáng như tê dại khi anh bước ra ngoài sân. Cảm giác ấy tương tự như khi Quốc Sĩ chết. Anh tìm Na, túm chặt lấy tóc cô lôi ra khỏi bếp. Đây là lần đầu tiên Sáng dùng bạo lực đối với một người hầu gái. Na hét lên và lăn ra đất. Sáng sớm hiểu ra, người bếp xép chuyện này không phải là cô. Người hầu gái lớn tuổi đã nghe được Kỳ tâm sự với Na. Sáng cố kiềm chế để không đi tìm người đã tố giác chuyện này. Nếu làm vậy anh cũng phải rời khỏi trạm truyền giáo. Anh đưa Na đến phòng ở của mình và bảo cô ngồi xuống chiếc ghế đầu.

– Kỳ đâu?

– Chị ấy đã bỏ đi cách đây hai ngày.

– Bỏ đi đâu?

– Em không biết. Chị ấy rất buồn. Đã bỏ chạy.

– Cô ấy phải nói mình đi đâu chứ?

– Em nghĩ chị ấy cũng không biết mình phải đi đâu. Em nghĩ chị ấy đi ra sông chờ anh về.

Sáng vùng đứng dậy, chạy ra khỏi phòng, qua cổng, chạy xuống bến cảng. Nhưng anh không thấy Kỳ đâu cả. Anh tìm cô suốt cả một ngày, gặp ai cũng hỏi, nhưng không một ai nhìn thấy cô. Anh nói chuyện với nhóm thợ chèo thuyền. Họ hứa sẽ báo tin cho anh biết khi nào Kỳ xuất hiện.

Khi quay về trạm truyền giáo, anh gặp Elgstrand nhưng hình như người này đã quên chuyện xảy ra. Anh ta đang chuẩn bị cho buổi dâng Thánh lễ được tiến hành vào ngày hôm sau.

– Anh không nghĩ là sẽ phải dọn sân cho sạch sẽ hay sao? Elgstrand niềm nở hỏi.

– Tôi sẽ lo việc dọn dẹp vào sáng sớm ngày mai trước khi khách khứa đến.

Elgstrand gật đầu. Sáng cúi đầu chào. Hiển nhiên, Elgstrand cho rằng Kỳ đã phạm tội xấu xa không còn có thể cứu giúp được nữa.

Sáng không hiểu nổi tại sao người ta lại không thể được tha thứ chỉ vì đã yêu thương một người khác.

Anh nhìn sang Elgstrand và Lodin đang đứng nói chuyện với nhau trước phòng làm việc ở trạm truyền giáo.

Anh thấy dường như đến lúc này, anh mới nhìn đúng về họ.

Hai ngày sau, Sáng nhận được tin báo của một người bạn ở cảng. Anh vội vàng chạy đến đó và phải chen qua một đám người rất đông. Kỳ nằm trên một tấm ván. Một sợi xích sắt nặng cuốn quanh bụng, vậy mà cô vẫn nổi từ đáy sâu lên mặt nước. Một người dân chài đã tìm thấy cô mắc vào mái chèo của anh ta. Làn da cô nhợt nhạt, hai mắt nhắm nghiền. Chỉ có Sáng mới biết trong bụng cô còn có một đứa trẻ.

Một lần nữa, Sáng lại chỉ có một mình trên cõi đời.

Anh đưa cho người bạn báo tin một ít tiền đủ để thiêu xác cô. Hai ngày sau, anh đem tro cốt cô chôn bên cạnh Sĩ và Lưu.

Đó là những gì mà ta làm trong cuộc đời này, anh đắng cay nghĩ. Ta đã dựng một nghĩa trang cho riêng mình và dần lấp kín chỗ cho nó. Ở

đây đã yên nghỉ phần còn lại của bốn con người, trong đó có một đứa trẻ chưa được chào đời.

Anh quỳ gối đập đầu xuống đất nhiều lần. Nỗi buồn đau xâm chiếm tâm hồn anh, nỗi đau mà anh không thể chống trả được. Anh gào lên như một con thú điên cuồng. Chưa bao giờ anh cảm thấy bất lực như bây giờ. Anh, người đã có thời được xem như là có khả năng chăm lo cho những người anh em của mình, nay chỉ còn là cái bóng của một kẻ suy sụp.

Đêm khuya, khi anh trở về trạm truyền giáo, người gác trạm báo cho anh biết Elgstrand tìm anh. Sáng gõ cửa văn phòng nơi Elgstrand đang ngồi viết bên ngọn đèn.

– Tôi không thấy anh đâu cả, linh mục nói. Anh vắng mặt cả một ngày trời. Tôi đã cầu nguyện đức Chúa trời để không có chuyện gì xảy ra với anh.

– Không xảy ra chuyện gì cả, Sáng trả lời và cúi người xuống. Tôi chỉ bị đau răng chút ít và đi tìm lá đập để chữa.

– Thế thì tốt. Không có anh chúng tôi không biết phải làm gì. Bây giờ thì anh hãy đi ngủ đi.

Sáng không nói cho Elgstrand và Lodin biết Kỳ đã tự tử. Một cô hầu gái mới được nhận vào làm. Sáng khóa kín nỗi đau của mình trong trái tim và tiếp tục là một người hầu không thay thế được của trạm truyền giáo suốt nhiều tháng nữa. Không bao giờ anh thổ lộ, dù chỉ là chút ít, về tình cảm của mình, không tiết lộ rằng bây giờ anh đã lắng nghe những nhà truyền giáo với một sự quan tâm hoàn toàn khác.

Thời gian này cũng là lúc anh học viết được nhiều nhất, anh tin là vậy, để rồi viết lại câu chuyện của anh và của hai người anh em. Anh vẫn còn chưa biết mình viết nó cho ai. Có thể chỉ cho gió. Nhưng nếu đúng là như vậy, anh cũng muốn bắt gió phải nghe.

Anh viết vào những lúc đêm khuya, ngủ ít hơn, để không vì thế mà chệnh mảng công việc của mình. Anh luôn tỏ ra niềm nở, sẵn sàng giúp đỡ, đưa ra những quyết định, chỉ dẫn cho những người hầu, tóm

lại là làm tất cả để trợ giúp cho linh mục Elgstrand và Lodin trong công việc hoán cải tôn giáo của họ.

Một năm đã trôi qua kể từ khi họ đến Phúc Châu. Sáng thấy rõ rằng sẽ còn rất lâu nữa mới xây dựng được đất nước của Chúa mà hai nhà truyền đạo mơ ước. Sau mười hai tháng trời đã có mười chín người cải đạo và đón nhận ân huệ của Chúa.

Anh viết hết đêm này sang đêm khác, lần tìm trở về với cuộc bỏ trốn khỏi làng.

Một trong những nhiệm vụ của Sáng là dọn dẹp, lau chùi sạch sẽ văn phòng của Elgstrand. Không ai khác được phép bước vào căn phòng này. Vào một ngày, lúc Sáng đang thận trọng lau bàn ghế, phôi bụi trên đồng giấy tờ trên mặt bàn, anh nhìn thấy một lá thư được Elgstrand viết bằng tiếng Trung Quốc gửi cho một người bạn truyền giáo của mình ở Quảng Châu, có lẽ vì Elgstrand muốn luyện tập tiếng Trung với người bạn đó.

Elgstrand thổ lộ với bạn:

*“Những người Trung Quốc, như bạn biết, chăm chỉ làm việc đến lạ thường, chịu đựng nghèo khổ, như lừa, ngựa chịu đòn roi đánh đập. Nhưng ta không được phép quên rằng chúng cũng là những kẻ dối trá và lừa đảo, ranh mãnh và quỷ quyệt, kiêu ngạo và háms lợi, chúng còn mang trong mình thứ nhục dục đầy thú tính đôi khi làm cho tôi kinh tởm. Phần lớn chúng là những con người thấp hèn. Người ta chỉ có thể hy vọng, một ngày nào đó tình yêu của Chúa sẽ thâm nhập được vào sự tàn bạo khủng khiếp mà chúng đã được tôi rèn.”*

Sáng đọc lại bức thư một lần nữa. Rồi anh làm xong công việc của mình và ra khỏi phòng.

Anh tiếp tục làm việc, xem như không có chuyện gì xảy ra, ban đêm lại tiếp tục viết, ban ngày thì nghe các nhà truyền giáo giảng đạo.



Vào một buổi tối mùa thu năm 1868, anh lặng lẽ rời khỏi trạm truyền giáo không để ai biết. Anh gói ghém số tài sản ít ỏi của mình trong một chiếc túi vải. Trời mưa bão lúc anh bỏ đi. Người gác đêm đang ngủ say, không hay biết Sáng đã trèo qua tường. Khi ra được bên ngoài cổng, anh giật tấm biển trên đó có dòng chữ viết “Giáo đường của Thượng đế chân chính”. Anh ném nó xuống vũng bùn.

Con đường vắng vẻ. Cơn mưa trút nước.

Bóng tối nuốt chửng anh và anh đã biến mất.

Elgstrand mở mắt. Ánh sáng mặt trời buổi sáng chiếu qua màn hình gỗ rơi vào trong phòng. Linh mục nghe có tiếng chổi quét trên sân. Elgstrand rất thích nghe âm thanh này, đó là điểm mốc bất biến trong một thế giới vô cùng bất ổn. Mọi thứ đều có thể thay đổi, nhưng không phải tiếng chổi ban sáng ấy.

Như thường lệ, Elgstrand còn nằm nán lại trên giường một lúc và để cho ý nghĩ của mình được tự do bay bổng. Một loạt những hình ảnh ùa về. Tuổi thơ thuần phác của Elgstrand trong một thành phố nhỏ mang tên Småland. Khi ấy linh mục chẳng thể nào ngờ được thiên hướng của mình: trở thành một nhà truyền giáo đi giúp đỡ mọi người tìm thấy được đức tin chân chính duy nhất.

Nhiều năm đã trôi qua, nhưng vào buổi sớm ấy, tuổi thơ của Elgstrand như ở rất gần. Nhất là vào chính cái ngày hôm nay, ngày mà linh mục lại phải xuôi theo dòng sông để đến với con tàu chở hàng của Anh, nhận số tiền cùng thư từ gửi cho trạm truyền giáo. Đây là lần thứ tư linh mục Elgstrand đi nhận hàng. Một năm rưỡi đã trôi qua kể từ khi Elgstrand và Lodin đến ở thành phố Phúc Châu. Mặc dù họ làm việc hết sức hăng hái nhưng trạm truyền giáo của họ đang phải đương đầu với rất nhiều khó khăn. Điều thất vọng lớn nhất của linh mục Elgstrand là ở chỗ có quá ít người thực sự chịu cải đạo. Họ có mặt rất đông ở trạm truyền giáo, nhận mình là người theo Cơ Đốc giáo. Nhưng ngược lại với Lodin, người nhìn nhận sự việc với con mắt ít tình ý hơn, Elgstrand đã nhận ra rằng đức tin của nhiều người chỉ là giả, họ đến chỉ vì muốn nhận được quần áo hoặc đồ ăn của những nhà truyền giáo.

Thời gian vừa qua, cũng đã có những lúc linh mục Elgstrand nản lòng. Những lúc đó, Elgstrand than vãn trong nhật ký về sự giả dối của người Trung Quốc, về sự sùng bái ghê tởm của họ. Đã có lúc

Elgstrand xem những người Trung Quốc đến với các buổi giảng đạo của mình như là những con vật, thấp kém hơn rất nhiều so với những người nông dân nghèo khổ ở đất nước Thụy Điển. Với Elgstrand, lời trong Kinh Thánh “đàn gậy tai trâu” đã mang một ý nghĩa mới đầy bất ngờ. Nhưng linh mục không buông xuôi. Elgstrand cầu nguyện và hứa hẹn với Lodin. Trong những bức thư gửi về cho hội truyền giáo Thụy Điển, nơi đỡ đầu cho công việc của họ, Elgstrand không giấu giếm những khó khăn gặp phải, nhưng luôn nhắc lại không ngừng rằng cần phải kiên nhẫn. Khi khởi đầu, giáo hội Cơ Đốc cũng đã phải mất hàng trăm năm cho việc truyền bá tôn giáo của mình. Sự kiên nhẫn tương tự cũng cần phải được dành cho những người được cử đến đất nước Trung Hoa rộng lớn và lạc hậu này.

Linh mục Elgstrand đứng dậy, rửa mặt trong chậu nước và mặc quần áo, dành cả buổi sáng để viết thư gửi theo tàu chở hàng. Linh mục đặc biệt muốn viết thư gửi mẹ, bà đã già yếu và giảm trí nhớ. Elgstrand muốn nhắc nhở mẹ rằng bà có một đứa con trai đang thực hiện một nhiệm vụ cao quý nhất mà một tín đồ Cơ Đốc giáo có thể tưởng tượng được.

Có tiếng gõ cửa dè dặt. Khi linh mục mở cửa đã thấy một cô hầu bưng khay thức ăn buổi sáng đứng đó. Cô ta đặt khay thức ăn lên bàn và rón rén ra khỏi phòng. Vừa mặc áo khoác, linh mục Elgstrand vừa đi ra cửa và ngắm nhìn mảnh sân đã được quét dọn sạch sẽ. Không khí nóng ẩm, và những đám mây như báo sắp có mưa. Trong chuyến xuôi sông này, họ cần phải đem theo ô và đồ che mưa. Elgstrand vẫy Lodin đang đứng lau kính trước cửa.

Không có Lodin, chắc mọi việc sẽ khó khăn hơn đối với mình, Elgstrand thầm nghĩ. Anh chàng này còn ngây thơ, không đặc biệt có tài, nhưng tử tế và chịu khó, có được một chút khờ khạo từng được nói đến trong Kinh Thánh.

Elgstrand cầu kinh trước bữa ăn sáng. Trong khi ăn, linh mục thầm hỏi không biết đã thuê được đội chèo thuyền cho chuyến đi này chưa.

Lúc này linh mục thấy thiếu Sáng. Từ trước tới nay, Sáng là người giải quyết những công việc như thế này, và luôn trôi chảy. Từ cái đêm mùa thu Sáng bỏ đi cho đến nay, linh mục Elgstrand vẫn chưa tìm được người phù hợp thay thế.

Linh mục vừa rót thêm trà vừa tự hỏi tại sao Sáng lại bỏ đi. Cách giải thích hợp lý nhất là anh ta đã cùng với Kỳ, cô gái mà anh ta phải lòng, bỏ trốn. Điều làm cho Elgstrand đau đớn là đã nghĩ quá tốt về Sáng. Linh mục có thể chịu đựng được chuyện thường xuyên bị những người Trung Quốc bình thường lừa đảo, gạt gẫm: sự giả tạo nằm sẵn trong bản chất của họ rồi. Nhưng còn Sáng, người mà linh mục quý mến, lại cũng có thể hành động tương tự như vậy được sao? Đó là nỗi thất vọng lớn nhất của linh mục kể từ khi tới Phúc Châu cho đến nay. Linh mục đã cho hỏi tất cả những người quen biết Sáng, nhưng không một ai biết chuyện gì đã xảy ra vào đêm mưa bão ấy, khi gió đã giật tấm bảng của giáo đường xuống. Tấm bảng đã được gắn vào chỗ cũ. Nhưng Sáng vẫn mất dạng.

Mấy tiếng sau, linh mục Elgstrand đã viết xong thư và một bản tường trình gửi cho các thành viên của hội truyền giáo ở Thụy Điển. Mỗi một lần viết thư báo cáo về những bước tiến triển của công việc truyền giáo ở đây là một cực hình với linh mục. Vào lúc một giờ chiều, Elgstrand dán kín chiếc phong bì cuối cùng và ngó xem thời tiết một lần nữa. Xem chừng trời muốn mưa.

Khi bước chân lên thuyền, Elgstrand có cảm giác đã nhận ra một vài người chèo thuyền từng thuê những lần trước, nhưng lại không dám chắc. Lodin và Elgstrand ngồi vào giữa lòng thuyền. Một người đàn ông có tên là Xìn cúi chào và nói họ đã sẵn sàng nhổ neo. Hai nhà truyền giáo nhân chuyến đi này trao đổi với nhau về nhiều vấn đề khác nhau của trạm, tính đến khả năng phải xây dựng thêm những trạm mới, một mạng lưới các trạm truyền giáo dọc theo sông Mân, đó là ước mơ của linh mục Elgstrand. Khi chứng minh được rằng họ có thể phát triển, nó sẽ có tác dụng lôi kéo những người hoài nghi, do dự, tuy

vậy lại tò mò về một Chúa trời kỳ lạ, người đã hiến tế con trai của mình bên thập tự giá.

Nhưng nguồn tiền sẽ đến từ đâu? Về điều này, cả Lodin và Elgstrand đều không có câu trả lời.

Khi thuyền của họ đến được bên chiếc tàu chở hàng của Anh, Elgstrand ngạc nhiên khi nhận ra nó. Hai người leo thang dây lên boong tàu, thuyền trưởng Dunn đã đứng trước mặt họ. Elgstrand giới thiệu linh mục Lodin với thuyền trưởng. Ông bắt tay hai người và dẫn họ về buồng của mình. Ông đặt chai rượu mạnh cùng ba chiếc cốc thủy tinh lên bàn và không chịu nhượng bộ cho tới khi mỗi người trong họ phải uống hai cốc.

– Vậy ra anh vẫn còn ở đây? Thuyền trưởng nói. Làm thế nào mà anh trụ được lâu như vậy?

– Chúng tôi nguyện đi theo thiên hướng của mình, Elgstrand nói.

– Công việc tiến triển ra sao?

– Ông nói tới công việc nào?

– Cải hóa tôn giáo. Các anh đã làm cho người Trung Quốc tin vào Thượng đế chưa, hay là họ vẫn thắp hương trước những vị thần của mình?

– Để hoán cải tôn giáo một người, cũng phải mất rất nhiều thời gian.

– Vậy để hoán cải tôn giáo cho cả một dân tộc sẽ mất bao lâu?

– Chúng tôi không tính như vậy. Chúng tôi có thể ở lại đây cả đời. Và sau chúng tôi sẽ là lớp người khác kế tục.

Viên thuyền trưởng quan sát hai người vẻ dò xét. Elgstrand nhớ lần đầu gặp, thuyền trưởng Dunn đã nói nhiều đến mặt tiêu cực của người dân Trung Quốc.

– Thời gian như cát chảy qua các kẽ ngón tay, dù cho chúng ta có tìm mọi cách nắm chặt nó lại. Thế còn với khoảng cách thì sao? Trước khi biết tới các dụng cụ đo đạc như hiện nay, các thủy thủ đi biển chỉ

biết áng chừng, dựa vào một vài điểm mốc nơi đường chân trời. Còn các vị, các vị đo khoảng cách như thế nào, thưa hai nhà truyền giáo? Các vị đo khoảng cách từ Thượng đế đến những người mà các vị muốn hoán cải như thế nào?

– Kiên nhẫn và thời gian là đơn vị đo lường của chúng tôi.

– Tôi khâm phục hai vị, ông Dunn nói, ngược với mong muốn của tôi, nhưng nó là như vậy. Đức tin chưa từng giúp một thuyền trưởng nào tìm được luồng lạch vượt qua đá ngầm và cồn cát. Đối với chúng tôi chỉ có kiến thức là quan trọng. Cứ cho là không phải cùng một ngọn gió thổi căng buồm của tôi và các vị.

– Một hình ảnh tuyệt vời, Lodin nói sau khi đã giữ thái độ im lặng và chờ đợi cho tới lúc này.

Viên thuyền trưởng cúi xuống chiếc hòm gỗ để bên cạnh giường ngủ, mở nắp và lấy ra một xấp thư, một gói hàng và cuối cùng là một tập tiền cùng tín phiếu. Những tín phiếu này hai nhà truyền đạo có thể đem đổi ra tiền ở chỗ các thương gia người Anh hiện đang buôn bán ở Phúc Châu.

Thuyền trưởng Dunn trao cho Elgstrand một tờ giấy có ghi tổng số tiền.

– Anh hãy đếm lại tiền rồi ký nhận cho tôi.

– Điều này có cần thiết không? Tôi không tin là một thuyền trưởng lại ăn cắp tiền mà những người nghèo đã quyên góp để giúp cho những kẻ ngoại đạo có cuộc sống tốt hơn.

– Tin hay không tin đó là việc của anh. Đối với tôi, điều quan trọng chỉ là anh công nhận rằng đã nhận đủ số tiền.

Elgstrand đành phải đếm tiền và tín phiếu rồi ký tên vào biên lai, đưa nó cho thuyền trưởng Dunn. Ông cho tờ biên lai vào thùng gỗ khóa lại.

– Các vị đã dâng số tiền này cho người Trung Quốc. Đối với các vị chắc họ phải quan trọng lắm, thuyền trưởng Dunn nói thêm.

Trời đã tối khi Elgstrand và Lodin lại leo thang dây xuống thuyền. Thuyền trưởng Dunn đứng bên mạn tàu nhìn hai người xuống con thuyền chở họ trở lại trạm truyền giáo.

– Tạm biệt, ông nói. Ai mà biết được liệu chúng ta còn có lần nào lại gặp nhau trên con sông này không.

Con thuyền chở họ rời mạn tàu. Những người chèo thuyền nhịp nhàng vung mái chèo khóa nước. Elgstrand cười vang trên mặt sông, nhìn Lodin:

– Thuyền trưởng Dunn là một người đàn ông kỳ lạ. Tôi tin ông ấy có một trái tim nhân ái, mặc dù ngoài miệng thì nói những lời báng bổ, bất mãn.

– Có lẽ không phải chỉ một mình ông ấy có quan điểm như vậy, Lodin trả lời.

Họ im lặng đi tiếp. Thường thì những thuyền có mái chèo như thế này luôn chạy sát bờ sông. Nhưng lần này những người chèo thuyền lại thích chạy ở giữa dòng. Lodin ngủ, Elgstrand cảm thấy hai mí mắt nặng trĩch và cũng thiu thiu. Bỗng Elgstrand choàng dậy, khi thấy có nhiều thuyền xuất hiện trong bóng đêm và đâm vào mũi thuyền của họ. Sự việc diễn ra quá nhanh, Elgstrand không kịp hiểu chuyện gì đang xảy ra. Một tai nạn, linh mục nghĩ. Tại sao những người chèo thuyền lần này lại không cho thuyền đi sát bờ như mọi khi?

Sau đó linh mục hiểu ra đây không phải là một tai nạn. Nhiều người đàn ông đeo mặt nạ nhảy sang thuyền của họ. Lodin lúc này cũng đã choàng dậy và tìm cách đứng lên thì lập tức bị đánh một nhát vào đầu, ngã xuống. Những người chèo thuyền không tìm cách bảo vệ họ hoặc chèo thuyền bỏ chạy. Elgstrand hiểu vụ tấn công này đã được lên kế hoạch.

– Jesuma, lạy Chúa! Linh mục kêu to. Chúng tôi là những người truyền đạo, chúng tôi không làm điều gì độc ác với các anh.

Bỗng một người đeo mặt nạ tiến lại gần. Trong tay người đó cầm một chiếc rìu hoặc là một chiếc búa. Ánh mắt của hai người gặp nhau.

– Hãy tha mạng cho chúng tôi! Elgstrand cầu xin.

Người đàn ông tháo mặt nạ ra. Tuy trời tối, nhưng Elgstrand lập tức nhận ra chính Sáng đang đứng ngay trước mặt mình. Gương mặt của anh vô cảm khi giờ cao chiếc rìu giáng xuống đầu Elgstrand. Anh đẩy Elgstrand xuống sông và nhìn theo thân thể anh ta bị dòng nước cuốn đi. Một người trong số họ định cắt cổ Lodin, nhưng Sáng giơ tay ngăn lại.

– Hãy để anh ta sống. Tôi muốn còn lại ai đó để có thể thuật lại việc này.

Sáng cầm lấy túi đựng tiền và bước sang một trong những chiếc thuyền trên sông. Những người chèo thuyền cũng chuyển sang các thuyền còn lại. Chỉ còn lại Lodin ngất xỉu trên thuyền.

Dòng sông vẫn lặng lẽ trôi. Bọn cướp không để lại dấu vết nào.

Hôm sau người ta đã tìm thấy con thuyền cùng Lodin ngất xỉu trên đó. Lãnh sự Anh ở Phúc Châu nhận Lodin và đưa về trụ sở của họ cho tới khi linh mục khỏe trở lại. Khi Lodin đã vượt qua được cú sốc tồi tệ nhất, ông lãnh sự hỏi linh mục có nhận ra kẻ nào trong bọn cướp không. Lodin lắc đầu. Sự việc diễn ra quá nhanh, bọn cướp đều bịt mặt, anh không rõ điều gì xảy đến với Elgstrand.

Viên lãnh sự suy nghĩ rất lâu, vì sao chúng lại giữ lại mạng sống cho Lodin. Khi cướp bóc, bọn cướp trên sông hiếm khi để ai sống sót. Nhưng lần này lại có một trường hợp ngoại lệ khó hiểu.

Viên lãnh sự lập tức liên lạc với chính quyền của thành phố và báo cáo việc xảy ra. Quan tri phủ quyết định điều tra vụ này. Họ đã lần ra dấu vết của toán cướp tại một ngôi làng nằm ở phía Tây Bắc dòng sông. Vì tất cả bọn chúng đã bỏ trốn nên quan tỉnh trưởng quyết định trừng phạt gia đình chúng. Tất cả bị xử trảm còn ngôi làng biến thành tro bụi.

Sự việc xảy ra gây ảnh hưởng tồi tệ đến công việc truyền giáo. Linh mục Lodin rơi vào tình trạng suy sụp và không dám rời khỏi lãnh sự



quán Anh. Phải rất lâu sau tình trạng của Lodin mới khá hơn và có thể trở về Thụy Điển. Những người chịu trách nhiệm ở Thụy Điển đã phải đi đến một quyết định khó khăn, trước mắt không cử các nhà truyền giáo của hội sang Trung Quốc nữa. Mọi thành viên của hội đều biết giáo huynh Elgstrand của họ đã tử vì đạo, điều này người ta cũng đã phải tính đến trong công việc của mình. Giá như Lodin hoàn toàn bình phục trở lại, có khả năng tiếp tục làm việc thì chắc mọi việc sẽ tiến triển khác. Nhưng đối với một người đàn ông chỉ còn biết khóc lóc và hầu như không dám ra khỏi nhà, thì người ta không còn dám trông cậy vào anh ta được nữa.

Trạm truyền giáo vì thế bị đóng cửa. Mười chín người Trung Quốc đã cải đạo nhận được lời khuyên tìm đến các trạm truyền giáo của người Đức hoặc người Mỹ nằm dọc sông Mân.

Không còn ai quan tâm đến bản báo cáo của Elgstrand về công việc truyền giáo nữa và nó được xếp vào hồ sơ lưu trữ.

Mấy năm sau khi Lodin đã trở về Thụy Điển, có một người Trung Quốc ăn mặc sang trọng cùng với một vài người hầu đến Quảng Châu. Đó là Sáng. Anh trở lại thành phố sau thời gian ẩn náu ở Vũ Hán.

Dọc đường Sáng đã dừng chân ở Phúc Châu. Trong khi để những người theo hầu ở lại nhà trọ, anh đến bãi sông, nơi anh trai anh, Kỳ và Lưu được chôn cất. Anh thắp hương cho những người đã chết, thì thầm kể cho họ nghe về cuộc sống hiện nay của mình. Anh không nhận được một câu trả lời nào, nhưng tin chắc là họ đã nghe thấy mình.

Ở Quảng Châu, Sáng thuê một ngôi nhà nhỏ nằm ở rìa thành phố, cách xa các khu tô giới nước ngoài và những khu phố có nhiều người nghèo. Anh sống một cuộc đời thanh đạm và ít giao du. Anh sống bằng tiền lãi và dành thời gian học hành. Anh lịch sự với mọi người, nhưng tránh giao tiếp với những người khác khi không cần thiết.

Nhà anh luôn sáng đèn tới tận khuya. Sáng tiếp tục viết câu chuyện về cuộc đời mình kể từ ngày cha mẹ anh tự tử. Anh hoàn toàn không bỏ qua một sự kiện nào. Sáng không cần phải làm lụng để kiếm tiền nữa. Số tiền anh tìm thấy trong chiếc túi xách của linh mục Elgstrand thừa đủ để anh sống cuộc đời như hiện nay.

Ý nghĩ đây là số tiền của hội truyền giáo làm cho anh thấy mãn nguyện. Đó là sự báo thù cho việc anh đã bị những người theo Cơ Đốc giáo này lừa gạt một thời gian dài, những người muốn thuyết phục anh tin rằng có một vị Thượng đế công bằng đối xử với tất cả mọi người như nhau.

Nhiều năm trôi qua cho đến khi Sáng gặp được một người đàn bà mới. Vào một ngày, trong một chuyến đi vào thành phố, anh nhìn thấy hai cha con một cô gái trên phố. Anh đi theo sau họ và sau khi biết chỗ họ sống, anh sai người hầu tin cậy nhất của mình tìm hiểu về nhà họ. Anh được biết người cha là một công chức nhỏ làm việc trong dinh quan lớn, anh hy vọng rằng người cha sẽ thấy anh là một đám môn đăng hộ đối. Anh thận trọng tìm cách làm quen với ông và mời ông tới một trong những trà quán sang trọng bậc nhất ở Quảng Châu. Một thời gian sau, anh được ông mời đến thăm tề xá của mình, và đây cũng là lần đầu anh đứng đối diện với người con gái tên Chi ấy. Anh thấy vừa lòng với cô gái và sau khi đã mạnh dạn hơn một chút, cô tỏ ra là một cô gái thông minh.

Một năm sau, tháng Năm năm 1881, lễ cưới của họ được tiến hành. Tháng Ba năm 1882, con trai họ ra đời, được đặt tên là Quốc Sĩ. Sáng ngắm nhìn thẳng bé không biết chán và lần đầu tiên, sau bao nhiêu năm trời, anh cảm thấy hạnh phúc.

Nhưng không vì thế mà nổi căm thù của anh vơi đi. Anh hăng hái ủng hộ ngày càng tích cực hơn cho một hội kín hoạt động nhằm đánh đuổi bọn người da trắng ra khỏi đất nước Trung Hoa. Đói nghèo ở đất nước anh sẽ không bao giờ giảm đi, chừng nào bọn người da trắng xa

lạ còn độc chiếm nguồn lợi tức buôn bán khổng lồ và khiến người Trung Quốc u mê trong nha phiến.

Thời gian trôi đi. Sáng già hơn, gia đình đông đúc hơn. Đêm đêm anh thường ở một mình trong phòng riêng, đọc lại những trang hồi ký đã viết và còn tiếp tục viết. Anh chỉ còn phải đợi những đứa con anh đủ lớn để đọc và hiểu được cuốn sách này.

Anh vẫn tiếp tục nhìn thấy bóng ma của đói nghèo lướt qua trên các đường phố Quảng Châu. Thời điểm vẫn chưa tới, anh nghĩ. Nhưng sẽ có một ngày, tất cả sẽ bị sóng thủy triều cuốn trôi.

Sáng vẫn sống một cuộc đời bình dị. Anh dành phần lớn thời gian cho con cái.

Nhưng anh không thôi tìm kiếm Di. Mỗi lần đi lang thang trong thành phố để tìm kiếm hăng, anh luôn mang theo con dao mài sắc, giấu trong áo.

Nhã Như thích được ở một mình trong văn phòng vào buổi tối. Từ tầng trên cùng của tòa nhà nằm ngay trung tâm thành phố Bắc Kinh có thể nhìn bao quát cả thành phố qua những tấm kính cửa sổ cực lớn. Tòa nhà này là của Nhã Như. Vào giờ này chỉ còn lại người bảo vệ và những người làm vệ sinh ở dưới tầng trệt. Bà Sen, thư ký của anh, ngồi trong phòng làm việc chờ đợi theo yêu cầu của anh, thậm chí có những lần bà phải ở lại cho đến sáng.

Vào ngày này tháng Mười hai năm 2005, Nhã Như tròn ba mươi tám tuổi. Anh tán thành quan điểm của một nhà tư tưởng phương Tây cho rằng một người đàn ông vào tuổi này là đang ở điểm giữa của cuộc đời. Nhiều người bạn của anh sợ rằng người ta sẽ cảm thấy tuổi tác tuy chỉ là ngọn gió nhẹ nhưng đã băng giá ở sau gáy khi đến gần với tuổi bốn mươi. Nhã Như không có nỗi sợ hãi này. Ngay từ khi còn là sinh viên ở Đại học Thượng Hải, anh đã quyết định không lãng phí thời gian và sức lực cho những điều lo lắng mà mình không thay đổi được. Cuối cùng bao giờ thời gian cũng chiến thắng. Người ta có thể chống lại nó bằng cách cố gắng kéo dài nó, cố sử dụng nó tốt hơn, nhưng không thể ngăn bước tiến của nó.

Nhã Như lướt nhẹ đầu mũi lên tấm kính lạnh của cửa sổ. Anh luôn duy trì nhiệt độ thấp trong khu văn phòng liên hoàn với đồ đạc bằng gỗ đúng kiểu màu đen và màu đỏ thẫm. Nhiệt độ phải ổn định ở mức 17°C, dù là trong mùa đông lạnh giá, trong cái nóng như thiêu như đốt, hoặc trong những trận bão cát thổi qua Bắc Kinh. Như thế giúp anh thấy thoải mái. Nhã Như luôn muốn giữ một cái đầu lạnh. Với anh, kinh doanh buôn bán hay làm chính trị cũng giống như chiến tranh: ngoài những tính toán hợp lý và lạnh lùng ra, không còn giải pháp nào khác. Không phải không có lý do mà người ta đặt cho Nhã Như biệt danh “Kẻ lạnh lùng”.

Đương nhiên cũng có người cho là anh nguy hiểm. Điều đó đúng. Trước kia, anh cũng đã có nhiều lần mất tự chủ, đánh người gây thương tích. Nhưng những việc như thế không tái diễn nữa. Không phải do anh thấy sợ hãi về những việc làm đó mà điều quan trọng hơn là anh không muốn đánh mất khả năng kiểm soát cơn tức giận đôi khi trỗi dậy trong mình.

Thỉnh thoảng Nhã Như rời khỏi căn hộ của mình vào sáng sớm qua một cửa bí mật. Rồi trà trộn vào đám người trong một công viên gần đó, nơi người già đang tập thái cực quyền. Lúc đó anh cảm thấy mình là một phần nhỏ bé tầm thường trong đám quần chúng Trung Hoa vô danh tiểu tốt. Không một ai biết anh là ai hoặc tên anh là gì. Với anh, việc ấy như một sự thanh lọc. Rồi khi trở về nhà, nhận lại được chính bản thân mình, lúc đó anh cảm thấy mình mạnh lên.

Sắp tới nửa đêm. Đêm nay anh chờ hai người khách. Anh thích đón tiếp khách mời vào nửa đêm hoặc sáng sớm tinh mơ. Trong một căn phòng lạnh lẽo vào buổi sáng sớm, anh dễ dàng đạt được những gì mình muốn hơn.

Anh nhìn xuống thành phố lấp lánh ánh đèn. Năm 1967, khi làn sóng của cuộc cách mạng văn hóa dâng lên cao nhất, anh đã được sinh ra trong một bệnh viện ở đâu đó phía dưới kia. Cha của anh vắng mặt, vì ông là giáo sư ở một trường đại học, nên đã bị hồng vệ binh bắt giữ trong đợt thanh trừng gặt gao và bị đưa về vùng nông thôn để chăn lợn cho những người nông dân. Nhã Như chưa một lần được gặp ông. Ông đã biến mất không để lại tin tức gì. Sau này Nhã Như đã cử những tay chân thân tín về vùng nông thôn nơi mà có lẽ cha anh đã bị đưa đến đó. Nhưng không có kết quả; không ai còn nhớ đến ông. Ngay cả trong đồng hồ sơ lưu trữ lợn xộn của thời bấy giờ cũng không có dấu vết nào. Cha của Nhã Như đã chết đuối trong một đợt thủy triều chính trị khổng lồ.

Đó là thời gian nặng nề và khó khăn nhất đối với mẹ anh, một thân một mình nuôi anh và chị Hồng. Ký ức sớm nhất của anh trong cuộc

đời là mẹ đã khóc. Ký ức tuy có mờ nhạt, nhưng anh không bao giờ quên được. Sau này, vào đầu những năm 1980, hoàn cảnh của họ có khá hơn, mẹ anh lại được nhận vào làm giáo viên dạy môn vật lý lý thuyết trong trường Đại học Bắc Kinh, và anh đã hiểu được thêm nhiều về sự hỗn mang thống trị vào thời gian anh được sinh ra. Mao đã tìm cách xây dựng một thế giới mới; một nước Trung Hoa mới bước ra từ phiến loạn do chính ông phát động, giống như vũ trụ được hình thành từ vụ nổ Big Bang vậy.

Nhã Như sớm hiểu ra rằng người ta chỉ có thể tiến lên khi xác định được rõ quyền lực đang ở đâu. Ai không nắm được các khuynh hướng chính trị và kinh tế sẽ không bao giờ đạt được trình độ mà anh đã chạm tới.

Vậy là giờ ta đang ở đó, Nhã Như nghĩ. Khi Trung Quốc mở cửa thị trường, ta đã sẵn sàng. Ta là một trong những con mèo mà Đặng Tiểu Bình đã nói đến: mèo, dù là mèo trắng hay mèo đen, miễn là bắt được chuột. Hiện ta là một trong những người giàu nhất thế hệ mình. Nhờ vào những quan hệ tốt, ta đã lọt được vào Tử Cấm Thành của thời đại mới, nơi trung ương đảng Cộng sản thống trị. Ta trả tiền cho các chuyến du lịch nước ngoài của họ, đưa những nhà thiết kế thời trang đến cho phu nhân của họ, lo cho con cái họ vào những trường đại học danh tiếng ở Mỹ, xây nhà cửa cho cha mẹ họ. Đổi lại, ta có tự do.

Anh tự ngắt dòng suy nghĩ và nhìn vào đồng hồ. Đã sắp tới nửa đêm. Vị khách đầu tiên của anh sắp đến. Anh đến bên bàn làm việc, ấn nút điện thoại nội bộ. Bà Sen lập tức trả lời.

– Tôi đợi khách đến trong khoảng mười phút nữa, anh nói vào máy. Bà hãy để chị ấy chờ ở đó ba mươi phút. Sau đó tôi sẽ gọi để mời chị ấy vào.

Nhã Như ngồi vào bên bàn làm việc. Khi rời văn phòng vào buổi tối, anh không bao giờ để lại gì trên bàn. Mỗi ngày mới bắt đầu với một chiếc bàn trống trơn, trên đó những thách thức mới sẽ bày ra.

Bây giờ ở trên mặt bàn là một cuốn sách đã được đọc đến nhàu nát với cái bìa màu nâu được khâu chắp vá. Đôi khi Nhã Như cũng nghĩ tới việc thuê một người thợ đóng sách khéo tay làm bìa mới cho cuốn sách, trước khi nó bị bung ra. Nhưng rồi anh lại quyết định cứ để nó như vậy. Tuy bìa cuốn sách đã rách nát, giấy viết mỏng và xốp, nhưng phần lõi của nó sau bao nhiêu năm được viết ra vẫn không hề hấn gì.

Anh thận trọng đẩy cuốn sách sang một bên và thò tay bấm nút dưới mặt bàn. Một màn hình máy tính trôi lên mặt bàn trong tiếng ù ù nhẹ. Anh ấn một vài phím và cây phả hệ hiện ra. Phải tốn kém khá nhiều thời gian và tiền bạc anh mới có thể thu thập được tất cả những thông tin này về gia đình mình. Trong dòng lịch sử đẫm máu và tàn bạo của Trung Hoa không chỉ những di sản văn hóa đồ sộ bị phá hủy, mà còn có một số lượng đáng sợ hồ sơ lưu trữ bị hủy bỏ. Trên cây phả hệ mà anh đang chiêm ngưỡng, có những chỗ khuyết không bao giờ có thể khóa lấp được.

Nhưng may mắn là các tên tuổi quan trọng nhất vẫn còn được ghi lại, đặc biệt là tên họ của người đàn ông đã viết cuốn sách này.

Nhã Như đã tìm kiếm ngôi nhà nơi tổ tiên ông từng ngồi viết dưới ánh nến nhưng hoàn toàn không còn lại gì nữa. Nơi ông Vương Sáng từng sống nay đã thành xa lộ.

Trong nhật ký của mình, ông Sáng đã viết, những lời của ông được dành cho gió và con cháu ông. Điều ông nói, “dành cho gió”, Nhã Như hoàn toàn không hiểu nổi. Có lẽ trong sâu thẳm tâm hồn, ông Sáng là một người lãng mạn, bất chấp cuộc sống tàn nhẫn mà ông buộc phải trải qua, và mong muốn báo thù chưa bao giờ từ bỏ ông. Nhưng ông Sáng đã có những người con, trong số họ có người con trai cả tên là Quốc Sĩ, sinh năm 1882, sau này là một trong những nhà lãnh đạo đầu tiên của đảng Cộng sản Trung Quốc, đã bị người Nhật giết hại trong chiến tranh xâm lược.

Nhã Như thường nghĩ cuốn nhật ký được đặc biệt viết cho chính anh. Mặc dù từ đó đến nay đã hơn một thế kỷ, vậy mà anh ngỡ như cụ

Sáng đang trực tiếp nói chuyện với mình. Nỗi căm hận từng khắc sâu trong trái tim tổ tiên anh như vẫn tiếp tục sống trong anh. Đầu tiên là cụ Sáng, rồi đến ông Quốc Sĩ và bây giờ cuối cùng đến lượt anh.

Có một tấm ảnh của ông Quốc Sĩ được chụp vào những năm 1930. Ông đứng chung với mấy người đàn ông, trong một vùng rừng núi. Nhã Như quét tấm ảnh lên máy tính, nhìn kỹ anh thấy mình giống ông Quốc Sĩ. Ông đứng ngay đằng sau một người đàn ông đang cười, có một mụn cơm trên má. Ông đã rất gần với quyền lực tuyệt đối, Nhã Như thầm nghĩ. Giống như mình, con cháu của ông.

Điện thoại nội bộ trên bàn anh kêu vo vo. Bà Sen trực tiếp báo cho anh biết người khách đầu tiên đã đến. Nhưng anh nghĩ cứ để cho người khách đó ngồi chờ. Cách đây khá lâu anh được đọc một giai thoại về một nhà lãnh đạo chính trị. Ông ta đã xếp thứ tự bạn bè và đối thủ chính trị của mình bằng khoảng thời gian mà họ phải chờ cho tới khi được mời vào gặp. Họ có thể so sánh thời gian chờ đợi của họ với nhau, để biết sự ưu ái của vị lãnh đạo đối với mình như thế nào.

Nhã Như tắt máy tính và cũng với tiếng ù ù nhẹ tương tự cho nó biến mất dưới mặt bàn. Anh rót nước từ chiếc bình pha lê có nắp đậy đặt trên mặt bàn vào một cốc thủy tinh. Chiếc bình này được đưa đến từ Ý và được một nhà máy mà anh có cổ phần thông qua các công ty ảo của mình chế tạo riêng cho.

Nước và dầu, anh nghĩ. Xung quanh ta được bao bọc bằng chất lỏng. Hôm nay là dầu, ngày mai có thể là quyền khai thác nước sông ngòi và ao hồ.

Anh lại bước đến gần bên cửa sổ. Vào giờ này nhiều ngọn đèn đã được tắt. Không lâu nữa sẽ chỉ còn lại những ngọn đèn đường và đèn ở những nơi công cộng chiếu sáng thành phố.

Anh nhìn sang khu Tử Cấm Thành. Anh thích đến đó thăm những người bạn mà anh là người quản lý và làm cho tiền của họ sinh lời. Ngày nay ngai hoàng đế bỏ trống. Nhưng quyền lực vẫn luôn nằm trong phạm vi những bức tường của cố đô. Đặng Tiểu Bình đã có lần



nói, các triều đại vua chúa cũ sẽ phải ghen tức với đảng Cộng sản Trung Quốc vì quyền lực của nó. Không có bất cứ một nước nào trên thế giới có một nền tảng quyền lực tương tự như ở đất nước này. Cứ năm người thì lại có một người đang sống phụ thuộc vào quyết định của vị hoàng đế mới này.

Nhã Như biết mình được sự may mắn biệt đãi. Anh không bao giờ quên điều đó. Nếu coi đó là đương nhiên, anh sẽ có cơ bị mất đi tầm ảnh hưởng và sản nghiệp. Anh, một siêu quần bạt chúng, là một phần của tinh hoa quyền lực. Anh là đảng viên đảng Cộng sản, có những quan hệ sâu sắc với giới lãnh đạo chuyên đưa ra những quyết định quan trọng nhất. Anh còn là cố vấn đặc biệt của họ, sờ soạng lần mò bằng những chiếc xúc tu để phát hiện ra đâu là hố bẫy và đâu là luồng lạch an toàn.

Hôm nay anh tròn ba mươi tám tuổi và biết rằng mình đang ở giữa những cuộc chuyển biến lớn lao nhất mà đất nước Trung Hoa trải qua kể từ cuộc cách mạng văn hóa. Sau một giai đoạn khép mình, đất nước giờ đây đang hướng ngoại. Tuy trong Bộ Chính trị đang diễn ra một cuộc tranh luận dữ dội về con đường nên đi theo, nhưng Nhã Như đã gần như nắm chắc được kết quả. Trung Quốc sẽ không thay đổi hướng đi. Ngày càng có nhiều đồng bào của anh được cải thiện đời sống. Mặc dù hố ngăn cách giàu và nghèo, thành thị và nông thôn không ngừng tăng lên, nhưng một phần phúc lợi cũng đã đến được với những người nghèo nhất. Sẽ là điên rồ nếu như tìm cách thay đổi bước tiến này bằng cách áp dụng những công thức của quá khứ. Chính vì vậy mà cần phải không ngừng tìm kiếm thị trường mới ở nước ngoài và nguồn nguyên liệu.

Anh nhìn khuôn mặt mình phản chiếu trong tấm kính rọng. Có thể cụ Vương Sáng trông bề ngoài cũng giống như anh.

Thế mà đã hơn một trăm ba mươi lăm năm trôi qua, Nhã Như trầm nghĩ. Cụ Sáng sẽ chẳng bao giờ tưởng tượng ra nổi cuộc sống của mình hiện nay. Còn mình thì lại có thể hình dung được cuộc sống

trước kia của cụ và có thể hiểu được nỗi tức giận dữ dội đã ngấm vào người cụ. Cụ đã viết cuốn nhật ký này để nhắc nhở con cháu mình đừng bao giờ quên sự bất công mà cụ, cha mẹ của cụ, các anh em của cụ đã phải gánh chịu. Một sự bất công lớn đã đè bẹp đất nước Trung Quốc.

Nhã Như lại nhìn đồng hồ và ngưng dòng suy nghĩ. Mặc dù chưa đến nửa tiếng, nhưng anh vẫn đến bên bàn làm việc ấn nút thông báo người khách đầu tiên đã có thể vào.

Một cánh cửa trượt bí mật được mở ra. Hồng Quế, chị gái của anh, bước vào. Chị là một phụ nữ đẹp. Một sắc đẹp rực rỡ.

Họ đi về phía nhau và khẽ hôn lên má nhau.

– Em trai, chị nói. Bây giờ em đã già hơn hôm qua một chút rồi đấy. Không lâu nữa em sẽ đuổi kịp chị.

– Không, Nhã Như nói. Sao có thể thế được. Nhưng chẳng có ai có thể biết, cuối cùng ai sẽ chôn ai.

– Sao em lại nói điều đó vào lúc này? Vào đúng sinh nhật của mình?

– Kẻ khôn ngoan luôn biết cái chết lúc nào cũng ở bên cạnh mình.

Nhã Như dẫn chị gái đến bên bộ bàn ghế kê ở góc phòng. Chị không uống được rượu nên Nhã Như rót trà từ chiếc ấm mạ vàng ra mời chị. Còn anh vẫn tiếp tục uống nước lọc.

Hồng Quế mỉm cười nhìn em trai. Rồi bỗng nhiên chị trở nên nghiêm túc.

– Chị có quà cho em. Nhưng trước tiên chị muốn biết tin đồn chị nghe được có đúng không đã.

Nhã Như làm vẻ mặt:

– Quan họ có biết bao tin đồn. Giống như bao người ở cương vị cao khác. Giống như chị, chị gái thân yêu ạ.

– Chị chỉ muốn biết liệu có phải em nhận được các hợp đồng xây dựng lớn là do hối lộ hay không?

Hồng Quế đặt mạnh tách trà lên mặt bàn:

– Em có hiểu thế là thế nào không? Việc hối lộ ấy mà?

Nhã Như bỗng cảm thấy chán ngấy chị gái mình. Đôi lúc anh thấy thích thú khi được trò chuyện với chị, bởi chị thông minh và thẳng thắn. Anh cũng thích mài giũa lập luận của mình khi tranh luận với chị. Chị đại diện cho những quan điểm cũ kỹ và những tư tưởng thần phục hoàn toàn không còn ý nghĩa gì nữa. Giờ đây đoàn kết cũng đã trở thành là một thứ hàng hóa như tất cả mọi thứ khác. Chủ nghĩa cộng sản cổ điển không thể sống sót qua thử thách của một thực tế mà những nhà lý thuyết cũ không bao giờ thực sự hiểu được. Không phải bởi vì Karl Marx đã hoàn toàn đúng khi nói về ảnh hưởng cơ bản của kinh tế đối với chính trị, hay bởi vì Mao đã chứng minh rằng ngay cả những người nông dân nghèo khổ cũng có thể thoát khỏi đói nghèo mà Trung Quốc có thể đối mặt với những thách thức lớn hiện này bằng cách tiếp tục vận dụng không phê phán các phương pháp cổ điển.

Hồng Quế không đi theo chiều của lịch sử. Nhã Như biết chị sẽ thất bại.

– Chúng ta sẽ không bao giờ là kẻ thù, anh nói. Gia đình chúng ta luôn đi tiên phong trong việc cứu nhân dân từ đồng đổ nát. Chúng ta chỉ có quan điểm khác nhau về phương pháp cần vận dụng mà thôi. Tất nhiên là em không hối lộ một ai cả, cũng như em không để mình được hối lộ.

– Em chỉ nghĩ đến chính bản thân mình mà không nghĩ đến một ai khác. Chị không tin là em nói thật.

Đây là lần ngoại lệ Nhã Như đánh mất tự chủ.

– Chị đã nghĩ gì cách đây mười sáu năm, khi vỗ tay hoan hô việc những kẻ già nua trong ban lãnh đạo đảng cho xe tăng đàn áp người biểu tình trên quảng trường Thiên An Môn? Chị đã nghĩ gì? Chị không hiểu rằng em cũng có thể có mặt ở đó hay sao? Ngày ấy em hai mươi hai tuổi.

– Sự can thiệp của chúng ta là cần thiết. Sự ổn định của toàn đất nước bị đe dọa.

– Bởi một vài ngàn sinh viên? Lúc này chị mới là người không nói lên sự thật, chị Hồng Quế. Các người sợ hãi trước một điều gì đó hoàn toàn khác.

– Sợ cái gì?

Nhã Như cúi người về phía chị gái nói khẽ:

– Sợ những người nông dân. Các người sợ họ sẽ đứng về phía sinh viên. Và thay vì thử suy nghĩ đến tương lai của đất nước bằng cách thoát ra khỏi những lối mòn thì các người lại sử dụng đến vũ khí. Thay vì giải quyết vấn đề thì các người lại tìm cách che đậy nó.

Hồng Quế không trả lời. Chị nhìn chăm chăm em trai. Nhã Như nghĩ rằng trong gia đình họ, cách đây vài thế hệ, người ta hẳn sẽ không bao giờ dám nhìn một viên quan như thế.

– Không nên cười với chó sói, Hồng Quế nói, nếu không nó có thể nghĩ rằng em muốn đánh nhau.

Chị đứng dậy đặt gói quà được buộc dải băng đỏ lên mặt bàn:

– Chị lo lắng không biết con đường của em sẽ dẫn em tới đâu. Chị sẽ làm tất cả những gì có thể để những người như em không làm biến dạng được đất nước này. Đó sẽ là một nỗi xấu hổ, chúng ta rồi sẽ vô cùng hối tiếc. Cuộc chiến giai cấp đã quay trở lại. Em đang đứng về phe nào? Dĩ nhiên không phải là phe của nhân dân.

– Em tự hỏi bây giờ ai là chó sói, Nhã Như nói.

Anh tìm cách hôn lên má chị, nhưng Hồng Quế đã quay mặt bỏ đi. Chị dừng lại trước cánh cửa trượt. Nhã Như đến bên bàn làm việc bấm nút mở cửa cho chị.

Khi cánh cửa đã được khép lại, anh cúi xuống điện thoại nội bộ:

– Tôi còn chờ một người khách nữa.

– Tôi có cần ghi lại tên người đó không? Bà Sen hỏi.

– Anh ta không có tên. Nhã Như nói. Bà chỉ cần báo cho tôi biết khi anh ta đến.

Nhã Như quay lại bên bàn, mở gói quà mà Hồng Quế để lại. Đó là một chiếc hộp ngọc thạch, bên trong có chiếc lông vũ và một viên đá.

Điều này không có gì là lạ bởi hai chị em họ thường trao đổi quà tặng mà trong đó ẩn chứa một câu đố hoặc một thông điệp ngầm. Nhã Như lập tức hiểu ra chị muốn nói gì. Món quà này muốn ám chỉ đến một bài thơ của Mao chủ tịch. Chiếc lông vũ biểu tượng cho một cuộc sống bị lãng phí, còn hòn đá biểu tượng cho một cuộc sống và một cái chết có ích.

Chị cảnh cáo ta, Nhã Như thầm nghĩ. Hoặc cũng có thể là một thách thức. Ta sẽ chọn con đường nào cho cuộc đời mình?

Anh cười món quà tặng của chị và quyết định đến lần sinh nhật sau của chị sẽ tặng chị một con chó sói khắc bằng ngà voi.

Nhã Như khâm phục tính kiên trì của chị mình. Những gì liên quan đến tính cách và ý chí thì chị thật sự là chị của anh. Chị sẽ tiếp tục đấu tranh với anh, với những người dưới sự chỉ đạo của Đảng đi theo con đường mà chị lên án. Nhưng chị đã lầm, chị và những người từ chối một sự phát triển mà nhờ đó sẽ đưa Trung Quốc trở thành đất nước hùng mạnh nhất thế giới.

Nhã Như ngồi vào bàn làm việc và bật đèn sáng. Anh thận trọng xỏ đôi găng tay trắng, mỏng bằng vải bông vào. Rồi anh lại tiếp tục lật từng trang trong quyển nhật ký của cụ Vương Sáng đã được truyền qua nhiều thế hệ. Chị Hồng Quế cũng đã đọc, nhưng hình như không có ấn tượng như anh.

Nhã Như giở trang cuối cùng. Cụ Vương Sáng đã thọ được tới tám mươi ba tuổi thì trở nên rất ốm yếu và không lâu nữa sẽ qua đời. Những dòng cuối cùng trong nhật ký nói đến nỗi sợ hãi của cụ là sẽ phải chết mà chưa làm được tất cả những điều cụ đã hứa với những người anh em của mình:

“Ta chết quá sớm. Nếu ta có sống đến nghìn tuổi thì vẫn là chết quá sớm, vì ta đã không phục hồi lại được danh dự cho gia đình của chúng ta. Ta đã làm những gì mình có thể, nhưng vẫn chưa đủ.”

Nhã Như gấp cuốn nhật ký lại, nhét nó vào ngăn kéo rồi khóa lại. Anh tháo găng tay. Anh lấy từ ngăn kéo khác ra một chiếc phong bì dày. Rồi anh nhấn nút điện thoại nội bộ. Bà Sen lập tức trả lời.

– Khách của tôi đã tới chưa?

– Khách đã tới rồi.

– Bà cho anh ta vào.

Cánh cửa trượt ra. Người đàn ông bước vào phòng là một người cao lớn, gầy gò. Anh ta bước đi êm ái trên tấm thảm dày và cúi đầu chào Nhã Như.

– Đã đến lúc anh phải làm việc, Nhã Như nói. Tất cả những gì anh cần đều nằm trong phong bì này. Tôi muốn anh quay về vào tháng Hai khi chúng ta đón năm mới. Đó là thời gian tốt nhất để hoàn thành nhiệm vụ của anh.

Nhã Như trao cho người đàn ông chiếc phong bì. Người này cúi đầu đón nhận nó.

– Lưu Sinh, Nhã Như nói. Nhiệm vụ này là nhiệm vụ quan trọng nhất mà tôi từng giao cho anh. Việc này có liên quan đến bản thân tôi, đến gia đình tôi.

– Tôi sẽ làm theo những gì anh yêu cầu.

– Điều này tôi biết. Nhưng nếu thất bại, anh không được phép quay trở lại nữa. Nếu không tôi buộc phải giết anh.

– Tôi sẽ không thất bại.

Nhã Như gật đầu. Cuộc trao đổi kết thúc. Người đàn ông với cái tên Lưu Sinh biến mất qua cánh cửa từ từ đóng lại. Đây là lần cuối cùng trong buổi tối hôm nay Nhã Như nói với bà Sen:

– Người khách vừa rời khỏi phòng tôi, Nhã Như nói.

– Anh ta rất kiêu lời và tử tế.

- Hãy nhớ, hôm nay anh ta không có mặt ở đây.
- Đương nhiên là tôi nhớ.
- Chỉ có chị Hồng Quế đến thăm tôi thôi.
- Tôi đã không để ai khác vào văn phòng. Tôi cũng không ghi tên ai, ngoài tên Hồng Quế, vào lịch làm việc.
- Vậy bây giờ bà có thể về nhà. Tôi còn ở lại đây một vài tiếng nữa.

Nhã Như biết bà Sen sẽ tiếp tục ở lại cho tới khi nào anh rời khỏi đây. Bà ấy không có gia đình, không có cuộc sống nào khác ngoài công việc ở chỗ anh. Bà chính là vị thần canh gác trước cửa.

Nhã Như lại bước tới bên cửa sổ ngắm nhìn xuống thành phố say ngủ. Lúc này đã quá nửa đêm lâu rồi. Anh cảm thấy sáng khoái. Một lễ sinh nhật vui vẻ. Mặc dù cuộc trò chuyện với chị Hồng Quế đã không diễn ra như anh hy vọng. Chị ấy không còn hiểu chuyện gì đang xảy ra trên thế giới. Chị từ chối không nhìn vào thời đại mới. Ý nghĩ rằng họ càng ngày càng xa nhau làm cho anh thấy buồn. Nhưng đó là điều cần thiết. Cho đất nước. Có thể đến một ngày nào đó chị ấy sẽ hiểu ra.

Nhưng điều quan trọng nhất trong buổi tối hôm nay là các công việc chuẩn bị, cuộc tìm kiếm khó khăn và các bước xác định khác đã kết thúc. Nhã Như đã bỏ ra mười năm trời để điều tra về quá khứ và lên một kế hoạch. Nhiều khi anh đã muốn bỏ cuộc. Thời gian trôi qua đã phủ lấp quá nhiều thứ. Nhưng khi đọc quyển nhật ký của cụ Vương Sáng anh lại tìm lại được sức mạnh cần thiết. Nỗi căm hờn mà cụ nung nấu trong mình đã truyền sang cho anh, cũng sống động như trong quá khứ. Giờ đây anh đủ quyền lực để làm cái việc mà cụ Vương Sáng đã không làm được.

Ở cuối quyển nhật ký còn một vài trang trắng. Khi mọi chuyện xong xuôi, Nhã Như sẽ viết lên đó chương cuối cùng. Anh đã chọn ngày sinh nhật của mình để cử Lưu Sinh đi đến cái thế giới xa lạ, làm một công việc mà anh cần phải làm. Điều này cho anh có một cảm giác nhẹ nhõm.

Nhã Như đứng im rất lâu bên cửa sổ. Rồi anh cũng tắt đèn, đi tới chỗ thang máy riêng của mình.

Khi đã ngồi trong chiếc xe chờ sẵn dưới ga ra ngầm, anh bảo tài xế cho xe dừng lại ở Thiên An Môn. Qua lớp kính màu, anh có thể nhìn thấy quảng trường vắng bóng người vào giờ này, ngoài mấy người lính mặc quân phục màu xanh rêu luôn có mặt ở đây.

Nơi đây, ngày trước Mao đã tuyên ngôn sự ra đời của nước Cộng hòa nhân dân mới. Ngày đó vẫn chưa có anh.

Anh nghĩ, những sự kiện lớn lao sắp xảy đến sẽ không được công bố công khai trên quảng trường này.

Tất cả sẽ nảy nở trong sự âm thầm sâu kín. Cho tới khi không một ai có thể ngăn cản nó trở thành sự thật.



## Phần thứ ba

### Dải Lụa đỏ (2006)

Có đấu tranh là có hy sinh: cái chết là một điều thường gặp. Chính lợi ích của nhân dân, nỗi đau khổ của đại đa số quần chúng nằm trong trái tim chúng ta, nên khi chúng ta vì nhân dân mà hy sinh thì đó là cái chết vinh quang. Tuy vậy chúng ta hết sức tránh những hy sinh không cần thiết.

MAO TRẠCH ĐÔNG, 1944

# Những kẻ nổi loạn

## 19

Birgitta Roslin đã tìm thấy cái bà cần tìm trong góc phòng của quán ăn Trung Quốc. Chiếc đèn lồng treo trên bàn thiếu một dải băng đỏ.

Bà đứng lại và nín thở.

Người đó đã ngồi ở đây, bà nghĩ. Trong góc tối nhất. Rồi sau đó, người ấy đứng dậy, rời khỏi quán ăn và đi về Hesjövalle. Người đó hẳn là đàn ông. Chắc chắn là một người đàn ông.

Bà nhìn quanh căn phòng. Cô phục vụ mỉm cười. Từ trong bếp vọng ra tiếng trò chuyện bằng tiếng Trung Quốc.

Bà nghĩ rằng không chỉ bản thân bà mà cả cảnh sát cũng không hiểu được chuyện gì đã xảy ra. Nó rộng lớn hơn, sâu sắc hơn, bí ẩn hơn so với những gì mà họ có thể tưởng tượng ra.

Nói đúng ra, họ hoàn toàn không biết được gì.

Bà quay lại chỗ mình và lơ đãng ăn những món vừa tự chọn ở quầy buffet. Đến lúc này bà vẫn còn là thực khách duy nhất trong quán ăn. Bà vẫy cô phục vụ lại phía mình và chỉ vào chiếc đèn.

– Nó bị mất một dải băng, bà nói.

Thoạt tiên cô phục vụ chưa hiểu ý bà. Bà chỉ vào chiếc đèn lồng một lần nữa. Cô phục vụ gật đầu ngạc nhiên. Cô hoàn toàn không hề biết về dải băng bị thiếu. Rồi cô cúi xuống gầm bàn tìm xem nó có rơi xuống đó không.

– Mất, đoạn cô nói. Không thấy đâu cả.

– Nó bị thiếu từ bao giờ vậy? Bà Birgitta Roslin hỏi.

Cô phục vụ nhìn bà, sững sờ. Roslin nhắc lại câu hỏi, vì bà nghĩ cô phục vụ không hiểu bà. Cô ta lắc đầu về sột ruột.

– Không biết. Nếu bà không muốn ngồi ở bàn này, có thể đổi.

Trước khi Roslin kịp nói, cô phục vụ đã quay ra đón một tốp khách khá đông đang bước qua cửa vào trong quán. Bà Roslin đoán đây là

những nhân viên của ủy ban hành chính địa phương. Qua những mẫu trao đổi mà bà nghe được, bà được biết họ vừa tham dự một hội nghị về nạn thất nghiệp cao ở Hälsingland. Birgitta Roslin vẫn uể oải ăn trong quán ăn mỗi lúc một thêm đông. Cô phục vụ phải vất vả, luôn chân luôn tay. Cuối cùng cũng có một người đàn ông từ trong bếp ra phụ giúp cô dọn dẹp bát đĩa và lau bàn ăn.

Hai tiếng đồng hồ sau, cảnh chen chúc buổi trưa trong quán ăn đã qua. Birgitta Roslin vẫn tiếp tục nhấm nháp đồ ăn trong đĩa, rồi gọi một ấm trà xanh và tận dụng thời gian để suy nghĩ lại những gì đã xảy ra ở Hälsingland từ khi bà đến đây. Đương nhiên bà không tự giải thích nổi vì sao dải băng đỏ từ quán ăn này lại có thể nằm trong tuyết ở HesjövalLEN được.

Cuối cùng cô phục vụ cũng đến bên bà và hỏi xem bà còn muốn gọi thêm gì nữa không. Bà Roslin lắc đầu.

– Tôi chỉ muốn hỏi cô một vài câu.

Trong quán ăn vẫn còn lại một vài thực khách. Cô phục vụ nói chuyện với người đàn ông Trung Quốc đã giúp cô dọn dẹp, lau chùi bàn ăn, rồi cô quay trở lại chỗ bà Roslin.

– Nếu bà muốn mua đèn, thì có thể, cô gái cười nói.

Bà Roslin cười đáp lại:

– Không, tôi không mua đèn. Dịp nghỉ lễ đầu năm mới quán ăn của cô vẫn mở cửa đấy chứ?

Cô phục vụ lại nhìn bà vẻ ngạc nhiên:

– Cửa hàng chúng tôi mở liên tục. Buôn bán kiểu Trung Quốc. Luôn luôn mở, khi những cửa hàng khác đóng.

Bà Roslin nhủ thầm rằng câu hỏi của mình muốn đưa ra thật khó mà trả lời được. Tuy vậy bà vẫn hỏi:

– Cô có nhớ được khách hàng của mình không?

– Bà cũng đã tới rồi, cô ta nói. Tôi nhớ được các thực khách của mình.

– Cô có nhớ ai đã ngồi ở chính bàn này vào mấy ngày đầu năm mới không?

Cô phục vụ lắc đầu.

– Chiếc bàn này là chiếc bàn ở vị trí đẹp. Khách thường ngồi ở đây. Lúc này bà cũng đang ngồi ở đây mà. Ngày mai lại có người khác đến ngồi.

Birgitta Roslin nhận ra rằng những câu hỏi mơ hồ của mình chẳng dẫn tới đâu. Bà cần phải hỏi chính xác hơn. Sau một lúc do dự, bà đã biết mình nên đặt câu hỏi như thế nào:

– Mấy ngày đầu năm mới, bà nhắc lại, một thực khách mà cô mới nhìn thấy lần đầu.

– Nghĩa là chưa bao giờ?

– Chưa bao giờ. Cả trước đó lẫn sau đó.

Bà thấy cô phục vụ đang cố gắng nhớ lại.

Những thực khách buổi trưa cuối cùng cũng rời khỏi quán ăn. Máy điện thoại bên máy tính tiền đổ chuông. Cô phục vụ nhận điện thoại đặt hàng của khách. Sau đó cô quay lại chỗ bà. Có ai đó làm việc trong bếp lúc này đã cho chạy đĩa CD nhạc Trung Quốc.

– Nhạc hay, cô phục vụ nói. Nhạc Trung Quốc. Bà có thích không?

– Hay, Birgitta Roslin nói. Rất hay.

Cô phục vụ ngập ngừng. Cuối cùng cô gật đầu, trước tiên còn đắn đo, sau đó có vẻ quả quyết hơn.

– Một người đàn ông Trung Quốc, cô nói.

– Người đã ngồi ở chỗ này ấy à?

– Trên chính chiếc ghế bà đang ngồi. Ăn tối.

– Đó là khi nào?

Cô gái ngẫm nghĩ:

– Vào tháng Giêng. Nhưng không phải vào ngay đầu năm. Sau đó.

– Sau đó bao lâu?

– Hình như chín hoặc mười ngày gì đó?

Birgitta Roslin cắn chặt môi. Có lẽ đúng rồi, bà thầm nghĩ. Đêm 12 rạng ngày 13 là một ngày đẫm máu ở Hesjövallen.

– Có thể muộn hơn một vài ngày nữa không?

Cô phục vụ đi đến quầy bar lấy cuốn sổ ghi chép rồi quay trở lại.

– 12 tháng Giêng, cô nói. Anh ta ngồi ở chỗ này, không đặt bàn trước.

– Trông anh ta thế nào?

– Người Trung Quốc. Mảnh khảnh.

– Anh ta có nói gì không?

Câu trả lời của cô phục vụ đến rất nhanh làm cho bà Roslin phải ngạc nhiên.

– Hoàn toàn không. Anh ta chỉ chỉ vào thứ mình muốn.

– Nhưng anh ta là người Trung Quốc cơ mà?

– Tôi tìm cách nói chuyện với anh ta bằng tiếng Trung Quốc. Nhưng anh ta chỉ nói “im lặng”. Tôi nghĩ anh ta muốn được yên tĩnh. Anh ta ăn. Xúp, chả giò, cơm rang và món tráng miệng. Anh ta có vẻ rất đói.

– Anh ta có uống gì không?

– Nước suối và trà.

– Suốt trong thời gian đó anh ta không nói gì sao?

– Anh ta muốn được yên tĩnh.

– Còn sau đó?

– Trả tiền. Bằng tiền Thụy Điển. Rồi đi.

– Và không quay lại nữa?

– Không.

– Anh ta có lấy dải băng đỏ không?

Cô phục vụ cười:

– Sao phải làm thế?

– Dải băng đỏ có ý nghĩa gì đặc biệt không?

– Chỉ là một dải băng đỏ. Chẳng có nghĩa gì cả.

– Ngoài ra còn có chuyện gì xảy ra nữa không? Sau khi anh ta đi ấy?

– Bà hỏi nhiều câu buồn cười quá. Bà là người của sở tài chính à? Anh ta đâu có làm việc ở đây. Chúng tôi đóng thuế. Mọi người làm ở đây đều có giấy tờ.

– Tôi chỉ tò mò vậy thôi. Vậy là cô không gặp lại anh ta nữa à?

Cô phục vụ chỉ ra cửa sổ.

– Anh ta đi về hướng tay phải. Tuyệt rồi. Rồi anh ta biến mất, không quay trở lại nữa. Vì sao bà lại hỏi?

– Có thể tôi biết anh ta, Birgitta Roslin trả lời.

Roslin trả tiền và rời khỏi tiệm ăn. Người đàn ông ấy đã rẽ về hướng tay phải. Bà cũng làm đúng như vậy. Ở chỗ ngã tư bà đưa mắt nhìn quanh. Ở một bên có mấy cửa hàng và một bãi đỗ xe. Con đường ngang dẫn tới phía bên kia chập vào một ngõ cụt. Ở đó có một khách sạn nhỏ với cửa kính bị rạn. Bà lại nhìn quanh một lần nữa. Một ý nghĩ thoáng qua trong đầu bà.

Bà quay trở lại tiệm ăn Trung Quốc. Cô phục vụ đang ngồi ở quầy bar hút thuốc. Cô ta giật mình khi thấy cửa mở và lập tức dập tắt mẫu thuốc lá.

– Tôi có một câu hỏi nữa, Roslin nói. Người đàn ông Trung Quốc mà cô nói đến không mặc áo khoác đúng không?

Cô phục vụ suy nghĩ một lúc.

– Không. Thật sự là không. Sao bà lại biết?

– Tôi có biết gì đâu. Cô cứ hút thuốc tiếp đi. Cảm ơn sự giúp đỡ của cô.

Cánh cửa của khách sạn bị hỏng. Có ai đó đã tìm cách cạy cửa. Ổ khóa sau đó chỉ được sửa tạm thời. Bà bước lên tầng lửng tới quầy lễ tân chỉ có một chiếc bàn quầy và một khoang trống thay cho cửa. Không có ai trực. Bà cất tiếng gọi. Không một ai xuất hiện. Bà phát

hiện ra chiếc chuông nhỏ và rung chuông. Bà giật nảy mình khi bất ngờ có ai đó đứng sau lưng. Một người đàn ông gầy trơ xương như người ốm nặng. Ông ta đeo một cặp kính cận dày cộp và người bốc mùi rượu.

– Bà tìm phòng trọ à?

Bà Roslin nghe như ông ta nói giọng địa phương. Hình như ông ta xuất thân từ vùng Göteborg.

– Tôi chỉ muốn được hỏi ông một vài câu. Về một người bạn mà theo tôi biết thì đã ngủ lại trong khách sạn của ông.

Người đàn ông lệt xệt đi vào sau quầy, đưa những ngón tay run rẩy lấy ra cuốn sổ ghi tên khách trọ. Bà không bao giờ tưởng tượng nổi một khách sạn như thế này vẫn còn tồn tại. Bà thấy mình như được đưa trở lại trong một bộ phim của những năm 1940.

– Tên người khách đó là gì?

– Tôi chỉ biết anh ấy là một người Trung Quốc.

Người đàn ông đặt cuốn sổ lên mặt bàn. Khuôn mặt ông run rẩy trong lúc nhìn bà. Chắc ông ta mắc chứng Parkinson, bà thầm nghĩ.

– Thường thì người ta phải biết tên những người bạn của mình, kể cả khi đó là một người Trung Quốc.

– Anh ấy là bạn của một người bạn tôi. Một người Trung Quốc.

– Tôi hiểu rồi. Anh ta ở trọ chỗ chúng tôi hôm nào?

– Đầu tháng Giêng, bà trả lời.

– Dạo đó tôi đang phải nằm viện. Thằng cháu thay tôi quản lý khách sạn.

– Ông có thể gọi điện cho cậu ta được không?

– Đáng tiếc là không được. Nó đang có mặt trên một con tàu thám hiểm ở Bắc Cực.

Ông lão dùng đôi mắt cận nặng lần tìm trong các trang sổ.

– Quả thật đã có một người Trung Quốc trọ ở đây, ông lão bất ngờ nói như reo lên. Một người đàn ông có tên là Vương Minh Hào, đến từ



Bắc Kinh. Anh ta đã ngủ lại một đêm. Đêm 12 rạng ngày 13 tháng Giêng. Có phải đó là người đàn ông mà bà cần tìm không?

– Đúng đấy, Birgitta Roslin nói mà gần như không giấu nổi sự phấn khích. Đúng là anh ấy.

Ông già quay cuốn sổ ghi chép cho bà đọc. Bà lấy từ trong túi xách tay ra một mảnh giấy và ghi lại những thông tin về người đàn ông này: tên họ, số hộ chiếu và một chi tiết nữa có thể là một địa chỉ ở Bắc Kinh.

– Cảm ơn ông đã giúp đỡ tôi, bà Roslin nói. Liệu anh ấy có quen thứ gì ở khách sạn không?

– Tôi tên là Sture Hermansson, người đàn ông nói. Vợ chồng tôi đã mở khách sạn này từ năm 1946. Giờ thì bà ấy đã qua đời. Cũng sắp đến lượt tôi. Đây có lẽ là năm cuối cùng. Ngôi nhà này sẽ được phá bỏ.

– Nếu vậy thì thật đáng buồn.

Sture Hermansson lâu bầu vể không tán thành.

– Điều gì đáng buồn ở đây? Ngôi nhà cũng đã tàn tạ, cả tôi cũng vậy. Người già phải chết đó là lẽ thường. Nhưng tôi thực sự tin rằng cái anh chàng Trung Quốc có để lại một thứ gì đó.

Ông lão biến mất vào trong căn phòng phía sau bàn quầy. Bà Roslin chờ đợi.

Bà đang tự hỏi liệu ông ta có bị lên cơn đau tim không thì ông ta trở ra, trên tay cầm một cuốn tạp chí.

– Cái này nằm trong một sọt rác khi tôi từ bệnh viện về. Tôi có thuê một phụ nữ người Nga giúp việc lau chùi nhà cửa. Tôi chỉ có tám phòng nghỉ nên cô ấy cũng kham nổi. Nhưng cô ấy hơi cầu thả. Khi từ viện về, tôi đã đi kiểm tra. Cái này ở trong phòng của người Trung Quốc đó.

Ông Sture Hermansson đưa cho bà cuốn tạp chí có những dòng chữ tiếng Trung, ảnh chụp bên trong, bên ngoài một tòa nhà. Bà Roslin

cho rằng đây không phải là một cuốn tạp chí thông thường, mà chỉ là một catalog giới thiệu của một công ty nào đó. Ở trên bìa sau có những ký tự tiếng Trung Quốc được viết cầu thả bằng bút mực.

– Nếu thích bà có thể giữ lấy nó, tôi không biết tiếng Trung, ông Sture Hermansson nói.

– Cảm ơn ông đã giúp đỡ, bà nói rồi cầm lấy cuốn tạp chí nhét vào túi xách tay và tạm biệt ông lão.

– Bà không cần phải cảm ơn. Bà hài lòng chứ?

– Hơn cả hài lòng.

Ra gần tới cửa, bà nghe có tiếng ông Hermansson sau lưng:

– Hình như tôi còn có thêm cái này cho bà nữa. Nhưng tôi thấy bà có vẻ đang vội, bà không có nhiều thời gian thì phải?

Birgitta Roslin quay lại bên quầy. Ông lão cười, rồi ông chỉ vào một điểm phía sau đầu ông. Thoạt đầu bà Roslin không hiểu mình phải nhìn cái gì. Trên tường có treo một chiếc đồng hồ và một quyển lịch của xưởng sửa chữa xe dành riêng cho tất cả các loại xe Ford.

– Tôi không hiểu ông định nói gì?

– Vậy là bà nhìn còn kém hơn tôi đấy, ông nói, rồi lấy từ dưới bàn quầy lên một chiếc gậy nhỏ thường dùng để chỉ bản đồ và giải thích. Đồng hồ treo tường của tôi chạy chậm. Tôi phải dùng đến chiếc gậy này để chỉnh lại kim đồng hồ. Ở tình trạng của tôi mà trèo lên thang thì quả là không nên.

Ông dùng đầu gậy chỉ vào một điểm ở trên tường ngay dưới chiếc đồng hồ. Bà chỉ nhìn thấy một lỗ thông gió. Bà vẫn còn chưa hiểu ông muốn chỉ cho bà xem cái gì. Cuối cùng bà cũng nhận ra đó không phải là một lỗ thông gió mà là một cái lỗ được khoét để giấu ống kính camera bên trong.

– Nhờ thứ này, chúng ta có thể biết người đàn ông ấy trông như thế nào, ông lão nói với vẻ khoái chí.

– Đây là một camera giám sát?

– Hoàn toàn đúng vậy. Tôi tự thiết kế lấy. Thuê hẳn một hãng chỉ để lắp đặt cho một khách sạn nhỏ như thế này thì quá tốn kém. Ngoài ra, có ai lại nảy ra ý định trộm cắp của tôi chứ? Kẻ nào làm vậy thì thật là ngốc nghếch, có khác nào đi trấn lột mấy thằng cha đáng thương ngồi uống cho đến say trên ghế băng công viên chứ.

– Có nghĩa là ông đã chụp ảnh từng khách trọ?

– Tôi quay video. Nói chung tôi không biết làm vậy có hợp pháp không. Nhưng tôi có một cái nút ở chỗ này, dưới mặt bàn, chỉ cần ấn lên nó, vậy là vị nào đứng trước quầy đều bị ghi hình.

Ông lão thích thú nhìn bà:

– Tôi vừa mới quay phim bà đấy, ông nói. Bà đứng rất đúng vị trí đấy.

Roslin đến bên ông sau quầy bàn. Đó là một căn phòng nhỏ có lẽ ông lão vừa dùng nó làm chỗ ngủ vừa làm văn phòng. Qua một cánh cửa để ngỏ bà nhìn thấy một phòng bếp cũ, bên trong có một phụ nữ đang lau rửa.

– Đó là cô Natacha, ông lão nói. Đúng ra tên của cô ấy không phải vậy. Nhưng tôi thấy đã là phụ nữ Nga thì nên gọi là Natacha.

Bất ngờ ông lão nhìn chằm chằm Roslin vẻ lo lắng:

– Tôi hy vọng bà không phải là người của bên cảnh sát.

– Không đâu. Ông khỏi lo.

– Tôi không tin là mọi giấy tờ của cô ấy đều ổn. Nhưng mà hầu như phần lớn người nhập cư đều vậy cả, phải không?

– Không hoàn toàn như vậy đâu, Birgitta Roslin nói. Nhưng tôi không phải là cảnh sát.

Ông lão tìm trong đồng băng video được ghi rõ ngày tháng.

– Chúng ta chỉ còn có thể hy vọng rằng thằng cháu tôi đã không quên ấn nút, ông lão nói trong lúc lục tìm. Tôi đã không kiểm tra các cuộn băng ghi từ đầu tháng Giêng. Thời gian này gần như chỗ chúng tôi không có khách.

Sau khi lục tìm cuối cùng ông lão cũng tìm được ra cái mình cần. Ông nhét nó vào máy và bật vô tuyến. Người phụ nữ có tên là Natacha biến ra khỏi bếp như một cái bóng.

Ông Sture Hermansson ấn nút *Play*. Birgitta Roslin cúi người về phía trước. Hình ảnh rõ đến đáng ngạc nhiên. Một người đàn ông đội một chiếc mũ lông thú to đứng trước quầy.

– Đây là Lundgren đến từ Järvsö, ông giới thiệu. Mỗi tháng ông ta đến đây một lần để được yên tĩnh uống cho đến say. Khi đã ngà ngà, ông ta gào lên những bài Thánh vịnh. Rồi ông ta trở về nhà. Một gã dễ mẫn. Buôn sắt vụn. Là khách ruột của tôi gần ba mươi năm nay. Một khách được giảm giá.

Màn hình nhấp nháy. Khi hình ảnh đã ổn định và rõ ràng, bà nhìn thấy hai người phụ nữ trung tuổi.

– Đó là những bạn gái của Natacha. Thịnh thoảng họ lại qua đây. Tốt hơn là không nên biết họ làm gì ở thành phố. Họ không được phép tiếp khách trong khách sạn của tôi. Nhưng tôi đoán, họ vẫn làm chuyện này khi tôi ngủ.

– Họ cũng được giảm giá đấy chứ?

– Tôi giảm giá cho tất cả mọi người. Tôi không đặt ra giá cố định. Khách sạn đã làm ăn thua lỗ từ cuối những năm 1960. Thực ra tôi sống nhờ lợi tức của một gói chứng khoán, cổ phiếu. Tôi hy vọng vào ngành lâm nghiệp và công nghiệp nặng.

Hình ảnh thay đổi. Birgitta Roslin giật mình. Hình ảnh rất rõ. Một người đàn ông Trung Quốc, mặc áo măng tô đen. Anh ta ngược nhìn lên chỗ đặt máy camera trong giây lát. Như thể ánh mắt họ đã giao nhau. Anh ta trẻ, bà thâm nghĩ. Không quá ba mươi tuổi, nếu như hình ảnh trên màn hình không đánh lừa. Anh ta nhận chìa khóa phòng và biến mất khỏi màn hình.

– Có đúng là người đó không? Ông lão hỏi. Tôi không nhìn được rõ nữa.

– Hôm đó là ngày 12 tháng Giêng?

– Tôi tin thế. Nhưng để tôi xem lại trong sổ đăng ký, liệu có đúng anh ta đăng ký trọ sau những cô bạn gái người Nga của chúng ta không đã.

Ông lão đứng lên và biến mất vào căn phòng phía sau quầy. Trong lúc vắng mặt ông lão, Birgitta Roslin đã tua đi tua lại nhiều lần hình ảnh người đàn ông Trung Quốc. Bà cho dừng lại đúng lúc anh ta ngược mắt nhìn lên nơi đặt máy quay. Anh ta đã phát hiện thấy chiếc camera bí mật, bà thầm nghĩ. Sau đó, anh ta nhìn đi chỗ khác và cúi mặt xuống. Thậm chí anh ta còn thay đổi cả vị trí để khuôn mặt không bị lộ trước máy quay nữa. Mọi việc diễn ra rất nhanh. Bà cho tua lại đoạn băng, xem lại một lần nữa. Lúc này bà tin chắc rằng suốt thời gian đó anh ta luôn tỏ ra cảnh giác và tìm kiếm xem ở đây có chỗ nào đặt máy quay không. Bà lại cho dừng hình. Một người đàn ông tóc cắt ngắn, đôi mắt linh hoạt, hai môi mím chặt. Di chuyển nhanh, cảnh giác. Có lẽ nhiều tuổi hơn là lúc đầu bà đoán.

Ông Sture Hermansson trở ra.

– Xem như là chúng ta đúng, ông nói. Hai bà đầm người Nga đã ghi tên, đương nhiên là tên giả. Rồi sau đó đến người đàn ông này, Vương Minh Hào, đến từ Bắc Kinh.

– Có thể sao lại đoạn băng này không?

Ông lão nhún vai.

– Bà có thể giữ nó. Tôi cần nó làm gì đâu. Tôi lắp chiếc camera này cho vui. Cứ nửa năm tôi lại xóa bỏ. Tôi tặng bà cuốn băng này.

Ông lão nhét cuộn băng vào bao rồi đưa nó cho bà. Hai người cùng đi ra cầu thang. Natacha đang lau các bóng đèn chiếu sáng hành lang, lối vào khách sạn.

Ông Sture Hermansson thân thiện bẹo cánh tay bà.

– Bây giờ có lẽ bà đã có thể nói cho tôi biết vì sao bà lại quan tâm đến cái anh chàng người Trung Quốc này, được chứ? Hẳn nợ tiền bà à?

– Sao ông lại nghĩ như vậy?

– Tất cả đều nợ nhau một cái gì đó. Khi người ta tìm kiếm ai đó, phần nhiều là vì tiền bạc.

– Tôi nghĩ người đàn ông này có thể có câu trả lời về một vài vấn đề, Roslin nói. Nhưng đáng tiếc là tôi không thể nói gì nhiều hơn nữa.

– Và bà không phải là cảnh sát đấy chứ?

– Không.

– Bà cũng không phải là người vùng này?

– Đúng thế. Tên tôi là Birgitta Roslin, đến từ Helsingborg. Nếu như người này lại xuất hiện ở đây, ông có thể báo cho tôi biết qua điện thoại được không?

Bà ghi lại số điện thoại của mình cho ông Sture Hermansson rồi tạm biệt.

Lúc ra đến ngoài đường bà mới nhận ra mình đã vã mồ hôi. Đôi mắt của người đàn ông Trung Quốc ám ảnh bà. Bà nhét cuộn băng vào trong túi xách tay và đảo mắt nhìn quanh, về lưỡng lự. Bây giờ bà phải làm gì? Đáng ra bà đã phải đang trên đường trở về Helsingborg. Lúc này đã gần tối. Bà đi vào một nhà thờ gần đó và ngồi xuống hàng ghế đầu. Trời lạnh. Một người đàn ông đang quỳ trước tường sửa chữa lại chỗ ghép thạch cao. Bà cố nghĩ cho rõ ràng mọi chuyện, ở Hesjövalle người ta tìm thấy một dải băng đỏ. Trong tuyết. Nhờ tình cờ bà đã lần ra dấu vết trong một tiệm ăn Trung Quốc. Ngày 12 tháng Giêng, vào buổi tối, đã có một người đàn ông Trung Quốc ngồi ăn ở đó. Cũng trong đêm đó hoặc rạng sáng hôm sau, đã có mười chín người ở làng Hesjövalle bị giết chết.

Bà nghĩ đến hình ảnh trên cuộn băng của ông Sture Hermansson. Liệu có thể tưởng tượng được rằng một mình người đàn ông đó đã gây ra tất cả chuyện này? Hoặc còn có nhiều người cùng tham gia mà cho đến giờ bà hoàn toàn chưa biết gì về họ? Liệu dải băng đỏ có thể vì một lý do khác đã rơi trên tuyết ở ngoài ấy?

Bà lấy từ trong túi xách tay ra cuốn tạp chí đã bị ném vào sọt đựng giấy ở khách sạn. Chi tiết này cũng khiến cho bà hoài nghi. Có thể

cuối cùng cái người tên là Vương Minh Hào này chẳng có liên quan gì đến sự kiện đã xảy ra ở Hesjövallen. Một tên giết người ranh mãnh liệu có để lại dấu vết rõ ràng như vậy không?

Ánh sáng trong nhà thờ yếu ớt. Bà phải đeo kính để đọc cuốn tạp chí. Trên một trang bà nhìn thấy bức ảnh chụp một tòa nhà chọc trời của Bắc Kinh và những dòng chữ Trung Quốc. Trên trang khác là một loạt các con số, những tấm ảnh của một vài người đàn ông Trung Quốc đang cười.

Bà quan tâm nhiều nhất đến những ký tự Trung Quốc được viết bằng mực ở bìa sau. Ở đây Vương Minh Hào đến gần bà hơn. Có thể những chữ này do chính tay anh ta viết ra. Anh ta muốn ghi nhớ điều gì chăng? Và đó là điều gì?

Ai có thể giúp bà đọc những chữ này? Ngay khi đặt ra câu hỏi này, bà đã có câu trả lời. Bỗng cái quá khứ đầy nhiệt huyết cách mạng trở về trong bà. Bà rời khỏi nhà thờ, đi đến khu nghĩa trang với chiếc máy điện thoại di động trên tay. Karin Wiman, một trong những cô bạn của bà từ thời sinh viên ở Lund, đã trở thành nhà Hán học và đang làm việc tại trường đại học Copenhagen. Karin không bắt máy, nhưng bà đã để lại tin nhắn đề nghị Karin gọi lại cho mình. Sau đó bà trở về chỗ đậu xe, phóng đến một khách sạn lớn ở trung tâm thành phố và thuê một phòng ở đó. Căn phòng rộng rãi nằm ở tầng trên cùng. Bà bật vô tuyến và được biết đêm nay sẽ có tuyết rơi.

Bà nằm xuống giường chờ đợi. Bà nghe có tiếng đàn ông cười ở phòng bên cạnh.

Tiếng chuông điện thoại cầm tay làm bà thức giấc. Đó là Karin gọi lại cho bà, không giấu nổi vẻ ngạc nhiên. Khi Birgitta Roslin giải thích rõ chuyện của mình, Karin Wiman bảo bà gửi qua máy fax cho bà ấy tấm ảnh với những dòng chữ ghi ở đó. Tại quầy lễ tân của khách sạn, người ta đã vui vẻ giúp bà fax bức ảnh này đi. Bà trở về phòng mình và chờ đợi. Lúc này ở bên ngoài trời đã tối. Cũng đã đến lúc phải gọi

điện về nhà thông báo rằng bà đã suy tính lại, thời tiết quá xấu nên bà còn ở lại đây một đêm nữa.

Karin Wiman gọi điện cho bà vào lúc bảy rưỡi tối.

– Chữ viết hơi cầu thả, nhưng mình tin là đã đọc được nó.

Birgitta Roslin nín thở.

– Đó là tên của một bệnh viện. Mình đã kiểm tra rồi. Bệnh viện Long Phúc, nằm ngay giữa trung tâm Bắc Kinh trên Phố sau bảo tàng Mỹ thuật. Gần ngay Viện bảo tàng Mỹ thuật lớn của Trung Quốc. Nếu bạn muốn, mình có thể gửi cho bạn một tấm bản đồ thành phố.

– Thế thì hay quá.

– Nhưng bây giờ bạn phải giải thích cho mình rõ, vì sao bạn lại muốn biết tất cả việc này. Niềm đam mê của bạn đối với Trung Quốc lại trở dậy à?

– Có thể là như thế. Mình sẽ kể cho bạn nghe sau. Bạn có thể fax cho mình tấm bản đồ vào số máy vừa rồi không?

– Một vài phút nữa nó sẽ có mặt ở chỗ bạn. Nhưng bạn hơi làm ra vẻ bí mật quá đấy.

– Bạn phải kiên nhẫn một chút. Mình sẽ kể mà.

– Sắp tới bọn mình phải gặp nhau thôi.

– Bạn nói đúng đấy. Chúng ta gặp nhau ít quá.

Birgitta Roslin đi xuống quầy lễ tân và chờ. Mấy phút sau tấm bản đồ trung tâm Bắc Kinh đã được chuyển đến qua máy fax. Karin đã cẩn thận đánh mũi tên chỉ vào khu nhà bệnh viện.

Lúc này bà cảm thấy đói. Khách sạn không có nhà ăn nên bà lên phòng lấy áo khoác và đi ra phố.

Bên ngoài trời đã tối. Ít ô tô qua lại, lác đác có một vài người đi bộ trên vỉa hè. Nhân viên quầy lễ tân giới thiệu cho bà một quán ăn Ý ở gần đấy. Bà tới đó, ăn bữa tối trong quán ăn vắng khách.

Tuyệt lại bắt đầu rơi khi bà bước ra đường. Bà trở về khách sạn.



Bỗng nhiên bà đứng lại, ngoảnh đầu nhìn. Bà có cảm giác như đang bị theo dõi. Nhưng bà không nhìn thấy ai.

Bà vội vàng rảo bước về khách sạn và ngoắc sợi dây xích vào chốt cửa phòng. Rồi bà đến đứng sau bức rèm cửa sổ nhìn xuống đường phố.

Vẫn không thấy ai. Chỉ có tuyết đang rơi.

Birgitta Roslin ngủ không được ngon giấc. Bà thức dậy nhiều lần và bước đến bên cửa sổ. Tuyết vẫn rơi. Những trận gió thổi dồn tuyết lại thành từng đống dọc các tòa nhà. Đường phố vắng tanh. Vào lúc gần bảy giờ sáng bà lại bị đánh thức một lần nữa vì tiếng động âm âm của những chiếc xe ủi tuyết.

Đêm qua, trước khi lên giường đi ngủ, bà đã gọi điện về nhà, nói tên khách sạn bà đang ở. Staffan im lặng nghe mà không nói gì nhiều. Ông ấy hẳn phải tự hỏi mình đang làm gì, bà thầm nghĩ. Điều duy nhất mà ông ấy chắc chắn là mình không phản bội ông ấy. Nhưng làm sao ông ấy lại có thể quá tin chắc chuyện đó như vậy? Ít ra thì ông ấy cũng nên nghi ngờ rằng mình đã tìm được một người khác để thỏa mãn nhu cầu tình dục của mình chứ? Phải chăng ông ấy tin chắc rằng mình sẽ chờ đợi không mệt mỏi?

Trong năm vừa qua, đã đôi lần bà tự hỏi liệu đã đến lúc tìm một người đàn ông khác hay chưa. Bà không biết. Có lẽ chủ yếu vẫn là vì chưa có người nào cuốn hút được bà.

Bà cảm thấy thất vọng và tức giận, vì Staffan không hề tỏ ra ngạc nhiên khi thấy bà lại trì hoãn chuyển trở về. Trước đây chúng ta đã học được cách không đào bới quá sâu vào đời sống tinh thần của người kia. Mỗi người cần có khoảng không gian riêng, mà ngoài mình ra, không một ai khác được bước vào. Nhưng nó cũng không được phép đi quá xa để đến nỗi người kia trở nên đứng đưng với những gì bạn đời của mình làm. Phải chăng chúng ta đang đi theo hướng đó? Hoặc có lẽ chúng ta đã đến cái điểm đó rồi sao?

Bà không biết. Nhưng bà cảm thấy lúc này cần phải giải thích với Staffan hơn bao giờ hết.

Trong phòng bà có ấm đun nước. Bà pha cho mình một cốc trà rồi ngồi vào trước tấm bản đồ thành phố Bắc Kinh mà Karin đã gửi. Căn

phòng tranh tối tranh sáng, chỉ được chiếu sáng bởi ngọn đèn ngủ và ánh sáng của chiếc vô tuyến mà bà đã tắt tiếng. Bản sao không rõ nên bà khó đọc được tám bản đồ. Bà tìm vị trí của Tử Cấm Thành và quảng trường Thiên An Môn. Ký ức sống lại trong bà.

Birgitta Roslin đặt tám bản đồ sang một bên và nghĩ đến các con gái của mình, nghĩ đến cái thời bà bằng tuổi chúng bây giờ. Cuộc trò chuyện với Karin Wiman đã gợi nhắc bà về con người bà đã từng là trước đây. Quá gần gũi nhưng cũng đã quá xa xôi, bà tự nhủ. Có những kỷ niệm vẫn còn rõ nét, một số khác lại nhạt nhòa hơn sau mỗi lần gắng nhớ lại. Mình thậm chí còn không nhớ nổi gương mặt một số người từng rất thân thiết với mình. Còn những người khác, ít quan trọng hơn, thì hôm nay mình lại nhớ rất rõ. Tất cả luôn ở trong trạng thái vận động, ký ức đến rồi đi, lúc rõ nét, lúc nhạt nhòa, lúc mờ lúc tỏ, mất đi hoặc giành lại được ý nghĩa.

Nhưng ta không bao giờ phủ nhận rằng, những năm tháng đó là những năm tháng quyết định trong cuộc đời ta. Ngay ở giữa sự hỗn mang của mình, ta vẫn tin tưởng chắc chắn rằng sự đoàn kết và giải phóng sẽ dẫn đến một thế giới tốt đẹp hơn. Ta sẽ không bao giờ quên cái cảm giác được ở giữa thế giới, ở giữa cái thời mà tất cả mọi chuyện đều có thể.

Nhưng ta đã không biết cách nâng cuộc sống của mình lên ngang tầm với niềm tin ấy. Trong những khoảnh khắc tồi tệ nhất, ta có cảm giác mình là kẻ phản bội. Nhất là với người mẹ đã khích lệ ta dấy loạn. Chủ tâm chính trị của ta thực ra chỉ là một nước sơn ta phủ bên ngoài sự sinh tồn của mình, một lớp sơn bóng bên ngoài Birgitta Roslin! Điều duy nhất ta thực sự đạt được, đó là ta đã nỗ lực làm một thẩm phán đảng hoàng. Điều này thì không ai có thể lấy mất của ta.

Bà uống trà và lên kế hoạch cho ngày hôm sau. Bà sẽ lại đến gõ cửa sở cảnh sát, thông báo cho họ biết phát hiện của mình. Lần này họ sẽ buộc phải nghe bà! Cuộc điều tra vẫn giậm chân tại chỗ. Lúc tới khách sạn, bà đã nghe thấy mấy người Đức đứng nói chuyện với nhau ở tiền

sánh về sự kiện Hesjövallen. Tin này đã loang ra ngoài biên giới Thụy Điển. Một vết nhơ đáng xấu hổ trên đất nước Thụy Điển vô tội. Giết người hàng loạt không thuộc về đất nước này, bà nghĩ. Những việc như thế này chỉ có thể xảy ra ở Mỹ hoặc đôi lúc ở Nga. Có thể là do những kẻ điên khùng tàn bạo hoặc là những tên khủng bố gây ra. Nhưng không phải là ở đây, trong một ngôi làng Thụy Điển heo lánh và bình yên nằm heo hút giữa rừng.

Bà tìm cách kiểm tra xem huyết áp có hạ không. Bà tin nó đã hạ. Bà sẽ ngạc nhiên khi bác sĩ vẫn chưa cho phép bà đi làm trở lại.

Birgitta Roslin nhớ lại những vụ án đang chờ bà, đồng thời cũng thăm hỏi các vụ xử được giao cho các đồng nghiệp của bà trong thời gian bà nghỉ ốm tiến triển ra sao.

Bỗng một cảm giác ủa đến giục bà phải khẩn trương. Bà muốn trở về nhà, trở về với cuộc sống thường nhật của mình, dù rằng ở một vài khía cạnh nào đó cuộc sống ấy trống rỗng và buồn tẻ. Bà không thể ngồi không và chờ đợi một ai đó tới giải quyết công việc thay vào chỗ của bà.

Trong ánh sáng lờ mờ của căn phòng khách sạn, bà đã quyết định sẽ tổ chức một bữa tiệc thịnh soạn mừng sinh nhật Staffan. Họ không có thói quen tiệc tùng vào những dịp thế này. Nhưng có lẽ cũng đã đến lúc phải thay đổi rồi chẳng?

Hôm sau, lúc bà đến sở cảnh sát, tuyết vẫn rơi. Nhiệt độ hạ thấp. Chiếc nhiệt kế gắn trước khách sạn chỉ bảy độ âm. Tuyết phủ trên các vỉa hè vẫn chưa được dọn. Bà bước chân thận trọng để khỏi bị ngã.

Ở phòng trực của sở cảnh sát không khí có vẻ yên ắng. Một cảnh sát đang đứng trước tấm bảng thông báo và chăm chú đọc. Còn người phụ nữ ngồi trực điện thoại thì đang trăn trăn nhìn vào khoảng không.

Birgitta Roslin có cảm giác rằng làng Hesjövallen với những người đã chết chỉ là một câu chuyện hư cấu tàn bạo. Vụ tàn sát đã không diễn ra, đó chỉ là một sự hoang tưởng đang dần biến mất.

Chuông điện thoại reo. Birgitta Roslin chờ cho tới khi cuộc gọi được chuyển tiếp.

– Tôi muốn gặp bà Vivi Sundberg.

– Bà ấy đang bận họp.

– Còn ông Erik Huddén?

– Ông ấy cũng đang họp.

– Tất cả mọi người ở đây đều bận họp cả sao?

– Tất cả. Trừ tôi ra. Nếu là việc quan trọng, tôi có thể nhắn tin vào trong đó. Nhưng bà phải chờ lâu đấy.

Birgitta Roslin suy ngẫm. Đương nhiên điều bà muốn báo cho họ là quan trọng, nếu không muốn nói là mang tính quyết định.

– Cuộc họp còn lâu nữa không?

– Điều này người ta không thể biết được. Sau tất cả những gì đã xảy ra, cuộc họp có thể kéo dài cả ngày.

Người phụ nữ trực ban cho viên cảnh sát đang đứng xem thông báo đi vào.

– Tôi nghĩ chắc có chuyện gì đó xảy ra, chị ta nói khẽ. Sáng nay lúc năm giờ các nhân viên điều tra đã có mặt, kể cả ngài công tố viên nữa.

– Vậy đã xảy ra chuyện gì?

– Tôi không rõ. Nhưng tôi đoán chừng bà sẽ phải chờ lâu đấy. Bà nhớ là tôi hoàn toàn không nói gì đâu nhé.

– Tất nhiên là không.

Birgitta Roslin ngồi xuống ghế và giở một tờ báo ra đọc. Chốc chốc lại có một vài cảnh sát đi qua khung cửa kính. Một vài nhà báo và đội truyền hình xuất hiện. Chỉ còn thiếu sự hiện diện của Lars Emanuelsson.

Lúc này đã là chín giờ mười lăm. Bà nhắm mắt, tựa lưng vào tường. Bà giật mình khi nghe thấy có giọng nói quen quen. Vivi Sundberg đang đứng trước mặt bà, vẻ mệt mỏi, mắt thâm quầng.

– Bà muốn nói chuyện với tôi?

– Nếu tôi không quấy rầy bà.

– Bà quấy rầy tôi rồi còn gì. Nhưng tôi đoán là có chuyện quan trọng nên bà mới tìm gặp tôi. Bà cũng biết rằng trong những cuộc điều tra kiểu này, chúng tôi không có đủ thời gian để nghe cả những chuyện vặt vãnh.

Birgitta Roslin theo sau Sundberg qua cửa quay vào một căn phòng trống.

– Đây không phải là phòng của tôi, Vivi Sundberg nói. Nhưng chúng ta có thể nói chuyện với nhau ở trong này được.

Birgitta Roslin ngồi lên chiếc ghế dành cho khách. Vivi Sundberg đứng tựa vào chiếc giá có những cặp hồ sơ màu đỏ.

– Tôi tin là mình đã chạm tới một cái gì đó, Birgitta Roslin nói. Một hướng điều tra, có thể gọi là như thế.

Vivi Sundberg nhìn bà không biểu lộ gì cả. Birgitta Roslin cảm thấy như bị thách thức. Dù gì thì bà cũng là một thẩm phán và bà biết một cảnh sát thì sẽ quan tâm tới điều gì trong khuôn khổ một cuộc điều tra hình sự.

– Có thể điều tôi nói ra quan trọng tới mức bà phải cho gọi thêm người đến cùng nghe cũng nên.

– Tại sao?

– Vì tôi tin vào điều mình nói ra.

Giọng nói cương quyết của bà không phải là không có tác động. Vivi Sundberg rời khỏi phòng và biến mất ngoài hành lang. Mấy phút sau bà trở lại cùng với một người đàn ông đang húng hắng ho, ông ta tự giới thiệu mình là công tố viên Robertsson.

– Tôi phụ trách điều tra sơ bộ. Vivi nói rằng bà có việc quan trọng muốn báo cho chúng tôi biết. Nếu tôi không nhầm, bà là thẩm phán ở Helsingborg?

– Đúng vậy.

– Công tố viên Halmberg còn ở đó chứ?

– Ông ấy đã nghỉ hưu.

– Nhưng ông ấy vẫn còn sống ở thành phố đó chứ?

– Hình như ông ấy đã chuyển sang Pháp, ở Antibes.

– Một con người hạnh phúc. Ông ấy rất mê xì gà ngon. Có lần các bồi thẩm viên đã bị ngạt khói thuốc trong phòng nghỉ giải lao giữa phiên tòa, đến nỗi có người ngất xỉu. Khi lệnh cấm hút thuốc trong các phòng nghỉ giải lao được ban hành, ông ấy bắt đầu bị thua kiện. Ông ấy nói nguyên nhân thua kiện là do buồn phiền vì bị cấm hút xì gà.

– Tôi cũng có nghe giai thoại này.

Công tố viên Robertsson ngồi vào bên bàn làm việc, Vivi Sundberg quay trở về chỗ cũ của mình bên giá để hồ sơ. Birgitta Roslin kể chi tiết phát hiện của mình. Bà đã nhận ra dải băng đỏ như thế nào, xác định được nguồn gốc của nó, rồi tìm thấy người đàn ông Trung Quốc đã có mặt ở thành phố này ra sao. Bà đặt cuộn băng video cùng với cuốn tạp chí lên bàn và giải thích ý nghĩa của những chữ được viết vội ở bìa sau.

Không ai nói gì sau khi bà ngừng kể. Robertsson quan sát bà bằng ánh mắt sắc sảo. Vivi Sundberg nhìn vào hai bàn tay của mình. Rồi Robertsson cầm lấy cuộn băng và đứng dậy.

– Bây giờ chúng ta xem ngay cuộn băng này. Sự việc nghe ra có vẻ rất điên rồ. Nhưng một vụ giết người điên rồ đòi hỏi một lời giải thích có thể cũng điên rồ.

Họ cùng đi đến một phòng họp trong đó có một phụ nữ da màu đang thu dọn cốc cà phê giấy và túi nilon được bỏ lại trên mặt bàn. Birgitta Roslin cảm thấy khó chịu về thái độ không nhã nhặn của Vivi Sundberg khi bà ấy bảo bà phục vụ rời khỏi phòng họp. Cuối cùng sau khi đã khá vất vả, vừa làm vừa lẩm bẩm chửi bới, Robertsson cũng bật được đầu video và vô tuyến.

Có ai đó gõ cửa phòng. Ông Robertsson quát lên rằng họ không muốn bị quấy rầy. Một phụ nữ người Nga thấp thoáng đi qua và biến mất. Màn hình nhấp nháy, kêu vo vo. Vương Minh Hào xuất hiện, đưa

mắt nhìn lên camera rồi biến mất. Robertsson tua lại và cho dừng ở cảnh Vương Minh Hào nhìn lên camera. Lúc này Vivi Sundberg cũng đã tỏ ra quan tâm. Bà kéo tấm rèm ở cửa sổ bên cạnh lại. Hình ảnh trong vô tuyến rõ hơn.

– Vương Minh Hào, Birgitta Roslin nói. Nếu như đó là tên thật của anh ta. Như từ còi hư vô anh ta xuất hiện ở Hudiksvall vào đêm 12 tháng Giêng, đã ngủ lại trong một khách sạn nhỏ, sau khi lấy đi dải băng của chiếc đèn lồng bằng giấy ở quán ăn Trung Quốc. Dải băng này sau đó đã được tìm thấy trên hiện trường ở Hesjövalle. Tôi không biết anh ta đến từ đâu và đi đâu lúc rời khỏi đây.

Robertsson đang đứng bên màn hình cũng tới ngồi xuống ghế. Vivi Sundberg mở nắp chai nước có ga.

– Kỳ lạ, Robertsson nói. Tôi cho rằng bà tin chắc dải băng đó đó thực sự là của quán ăn?

– Tôi đã so sánh chúng.

– Vậy thực ra chuyện gì đang xảy ra ở đây? Vivi Sundberg nói về gay gắt. Bà đang song song thực hiện một cuộc điều tra?

– Tôi không muốn làm phiền các vị, Birgitta Roslin nói. Tôi biết, các vị đã phải nghe rất nhiều thông tin. Một áp lực gần như không tưởng tượng nổi. Vụ này còn tồi tệ hơn vụ kẻ điên khủng đã bắn chết nhiều người trên con tàu Malar hồi đầu thế kỷ 20.

– John Filip Nordlund, Robertsson sốt sắng bổ sung. Tên tội phạm của thời kỳ ấy. Trông hăn giống như những kẻ gây rối của chúng ta ngày nay với cái đầu trọc lốc. Đó là vào ngày 17 tháng Năm năm 1900, trên một chiếc tàu thủy chạy tuyến Arboga đến Stockholm hăn đã giết chết năm người. Sau đó hăn lĩnh án chặt đầu. Ngày nay những kẻ gây rối của chúng ta không còn phải chịu hình phạt ấy nữa. Và những kẻ hoặc kẻ nào gây ra vụ thảm sát ở Hesjövalle cũng vậy.

Vivi Sundberg tỏ ra không mấy ấn tượng về kiến thức lịch sử của Robertsson. Bà đi ra ngoài hành lang.



– Tôi đã cho người đến quán ăn trưng dụng chiếc đèn đó, bà nói lúc quay lại.

– Ở đó mười một giờ họ mới mở cửa, Birgitta Roslin nói.

– Đây là một thành phố nhỏ, chúng tôi cho gọi ông chủ quán đến mở cửa.

– Chú ý đừng để cái đám hạ dân báo chí đánh hơi thấy, Robertsson cảnh báo. Tôi đã hình dung ra những dòng tít lớn của họ rồi: Người Trung Quốc đứng sau vụ thảm sát Hesjövalle? Truy nã kẻ điên khùng mắt xích.

– Sau cuộc họp báo của chúng ta vào chiều hôm nay mà vẫn thế thì sẽ khiến tôi ngạc nhiên đấy.

Như vậy là người phụ nữ trẻ ở phòng thường trực đã nói đúng, Birgitta Roslin liền tự nhủ. Có chuyện gì đó đã xảy ra, và chiều hôm nay họ sẽ công bố trong cuộc họp báo. Vì vậy mà họ cũng không mấy quan tâm đến phát hiện của mình.

– Chúng ta hãy cùng suy nghĩ một lát nào, Vivi Sundberg nói. Đúng là từ khi ở đây, bà đã cung cấp cho chúng tôi không ít đầu mối.

Lúc này sẽ đến chuyện những quyển nhật ký, Birgitta Roslin nghĩ. Ngày hôm nay sẽ kết thúc với việc Robertsson sẽ bới ra được một điểm nào đó để buộc tội mình. Không hẳn là tội cản trở người thi hành công vụ nhưng chắc chắn ông ta sẽ tìm ra một khoản nào đó để khép mình vào.

Tuy nhiên Vivi Sundberg không hề dả động đến những quyển nhật ký. Birgitta Roslin bỗng cảm thấy người phụ nữ ấy thông cảm với mình, dù bà ấy không thể hiện ra.

– Đương nhiên chúng tôi sẽ kiểm tra lại việc này, ông Robertsson nói. Chúng tôi làm việc không theo giả định. Nhưng không có dấu vết nào khác cho thấy một người Trung Quốc có liên quan đến vụ này.

– Thế còn hung khí? Birgitta Roslin hỏi. Các vị đã tìm thấy chưa?

Cả Vivi lẫn Robertsson đều không trả lời. Họ đã tìm thấy, bà Roslin thăm nghĩ. Chiều hôm nay họ sẽ công bố việc này. Chắc là thế.

– Vào lúc này chúng tôi chưa thể bình luận gì về chuyện đó, Robertsson nói. Chúng ta chờ chiếc đèn lồng và so sánh những dải băng. Nếu chúng khớp với nhau, thông tin này sẽ được đưa vào cuộc điều tra của chúng tôi. Còn cuốn băng này đương nhiên là chúng tôi sẽ giữ lại.

Robertsson lấy ra một cuốn sổ và bắt đầu ghi chép.

– Ai đã nhìn thấy người Trung Quốc này?

– Cô phục vụ trong quán ăn.

– Tôi cũng thường đến ăn ở đó. Cô trẻ hay cô lớn tuổi? Hay là ông bố hay ca cầm ở trong bếp? Cái ông già có mụn cơm trên trán ấy?

– Cô trẻ.

– Còn ai nữa không?

– Còn ai nữa là sao?

Robertsson thở dài.

– Bà bạn đồng nghiệp kính mến, bà đã làm cho tất cả mọi người chúng tôi phải sững sốt với người đàn ông Trung Quốc mà bà dốc ra từ ống tay áo. Còn ai khác nữa đã gặp anh ta?

– Người cháu trai của ông chủ khách sạn. Tôi không biết tên anh ta. Nhưng ông Sture Hermansson nói rằng hiện nay anh ta đang ở Bắc Cực.

– Nói cách khác, vụ điều tra này đang bắt đầu mang tầm toàn cầu rồi đây. Thoạt đầu bà đến với chúng tôi vì một người đàn ông Trung Quốc. Bây giờ lại thêm một nhân chứng đang ở tận Bắc Cực. Tờ *Times* và *Newsweek* đã viết về vụ việc. Tờ *Guardian* ở Luân Đôn đã gọi điện thoại cho tôi, tương tự tờ *Los Angeles Times* cũng bày tỏ sự quan tâm. Còn ai khác đã gặp người đàn ông Trung Quốc đó? Tôi hy vọng người đó vào lúc này đang ở tận cùng hoang mạc của Úc châu.

– Có một phụ nữ làm vệ sinh trong khách sạn. Một phụ nữ người Nga.

Robertsson đặc chí reo lên:

– Tôi đã nói gì nào? Bây giờ chúng ta lại nhận thêm được một phụ nữ Nga. Tên người đó là gì vậy?

– Cô ấy được gọi là Natacha. Theo ông Sture Hermansson thì cô ta có tên khác.

– Có thể cô ta sống bất hợp pháp ở đây, Vivi Sundberg nói. Đôi khi chúng tôi còn phát hiện thấy cả người Ba Lan, không riêng gì người Nga.

– Lúc này chưa cần quan tâm đến chuyện đó. Robertsson nói. Còn có ai nữa đã nhìn thấy người đàn ông Trung Quốc này?

– Tôi không biết, Birgitta Roslin nói. Nhưng rõ ràng là anh ta đã đến đây rồi đi. Bằng xe buýt? Taxi? Hẳn phải có ai đó để ý thấy.

– Việc này chúng tôi sẽ lo, ông Robertsson nói và đặt bút lên bàn. Một khi hướng điều tra này được chứng minh là quan trọng.

Điều này thì ông chẳng định tin lấy một giây, Birgitta Roslin thầm nghĩ. Dù thế nào thì ông vẫn thích hướng điều tra của mình hơn.

Vivi Sundberg và Robertsson rời khỏi căn phòng, Birgitta Roslin cảm thấy kiệt sức. Xác suất phát hiện của bà có gì đó liên quan đến vụ việc này đương nhiên là quá nhỏ. Từ kinh nghiệm của bản thân, bà biết rằng những sự kiện lạ lùng kiểu này thường dẫn đến một hướng đi sai lầm.

Trong lúc chờ đợi, bà sốt ruột đi đi lại lại trong phòng họp. Bà hiểu quá rõ các công tố viên như Robertsson, những nữ cảnh sát như Vivi Sundberg, dù có quá cân hay tóc đỏ hay không. Họ thường dùng các từ tiếng lóng tục tĩu. Ngay cả các thẩm phán cũng không dùng thứ ngôn ngữ ấy để nói với nhau về các can phạm.

Vivi Sundberg quay trở lại, ngay sau đó là Robertsson cùng đi với Tobias Ludwig. Anh ta cầm trong tay chiếc túi nilon chứa dải băng đỏ,

còn Vivi thì cầm chiếc đèn lồng của quán ăn Trung Quốc.

Những dải băng được để lên mặt bàn và được so với nhau. Quả thật chúng khớp với nhau, không nghi ngờ gì nữa.

Họ lại ngồi vào bàn. Robertsson tóm tắt lại những gì mà Birgitta Roslin đã trình báo. Bà phải thừa nhận rằng ông ta nắm vững nghệ thuật thuyết trình.

Sau đó không có thêm câu hỏi nào nữa. Chỉ có Tobias Ludwig lên tiếng:

– Việc này liệu có làm thay đổi gì cuộc họp báo chiều nay không?

– Không, Robertsson nói. Việc này sẽ được xem xét, nhưng vào thời gian phù hợp.

Sau đó Robertsson kết thúc cuộc trao đổi. Ông ta bắt tay Roslin rồi biến mất. Lúc đứng lên, Birgitta Roslin bắt gặp cái nhìn của Vivi Sundberg như tỏ ý muốn bà ở lại thêm.

Khi chỉ còn lại hai người, Vivi Sundberg đóng cửa lại và đi thẳng vào việc:

– Tôi ngạc nhiên khi thấy bà vẫn hăng hái tiếp tục can thiệp vào cuộc điều tra này. Tất nhiên là bà đã có được một phát hiện đáng chú ý về dải băng đỏ. Chúng tôi sẽ cho điều tra việc này. Nhưng tôi tin là bà hiểu rằng vào lúc này chúng tôi có những ưu tiên khác.

– Nghĩa là các vị đã có được một hướng điều tra khác?

– Chiều nay, trong cuộc họp báo chúng tôi sẽ công bố.

– Bà có thể nói cho tôi biết điều đó vào lúc này được không?

Vivi Sundberg lắc đầu.

– Bất luận thế nào cũng không thể.

– Bà đã có nghi phạm?

– Như đã nói, chúng tôi sẽ công bố trong cuộc họp báo. Tôi muốn bà lưu lại đây một lúc vì một lý do hoàn toàn khác.

Vivi Sundberg đứng dậy rời khỏi phòng. Lúc trở lại, trên tay bà là những cuốn nhật ký mà trước đây một vài ngày Birgitta Roslin đã phải

nộp lại.

– Chúng tôi đã xem qua những thứ này, Vivi Sundberg nói. Theo đánh giá của tôi, những cuốn nhật ký này không quan trọng với cuộc điều tra của chúng tôi. Vì vậy tôi muốn thể hiện thiện ý với bà và cho bà mượn lại chúng. Nhưng phải có ký nhận và với điều kiện bà sẽ trao lại cho chúng tôi khi chúng tôi yêu cầu.

Birgitta Roslin thăm hỏi liệu đây có phải là một cái bẫy. Điều Vivi Sundberg định làm gần như không được phép, dù nó không phạm pháp. Birgitta Roslin không liên quan gì đến cuộc điều tra. Chuyện gì có thể xảy ra khi bà nhận những cuốn nhật ký này?

Vivi Sundberg nhận ra sự do dự của bà.

– Tôi đã nói chuyện này với ông Robertsson. Ông ấy chỉ cần nhận được giấy biên nhận của bà thôi.

– Những gì mà tôi đọc được trong đó có liên quan đến những người Trung Quốc làm việc trên một công trường xây dựng đường sắt ở Hợp chúng quốc Hoa Kỳ.

– Vào đầu những năm 60 của thế kỷ 19? Đã gần một trăm năm mươi năm rồi!

Vivi Sundberg đặt chiếc túi nhựa đựng những cuốn nhật ký lên bàn. Bà lấy từ trong túi ra một tờ biên nhận và bảo Birgitta Roslin ký.

Vivi Sundberg tiễn Birgitta Roslin tới phòng thường trực. Hai người chia tay nhau bên cửa kính. Birgitta Roslin hỏi khi nào bắt đầu cuộc họp báo.

– Hai giờ chiều nay. Nếu bà có thể nhà báo thì có thể vào dự. Có quá nhiều người muốn có mặt, nhưng chúng tôi không có đủ chỗ cho số lượng phóng viên, nhà báo... lớn như vậy. Đây là một vụ quá lớn đối với một thành phố quá nhỏ.

– Tôi hy vọng các vị đã tìm được một hướng điều tra.

Vivi Sundberg ngẫm nghĩ một lúc trước khi trả lời:

– Có đấy. Tôi cho rằng chúng tôi đang trên con đường tốt nhất để làm rõ vụ giết người kinh tởm này.

Bà từ từ gật đầu như để khẳng định lời nói của chính mình.

– Giờ thì chúng tôi đã biết được rằng tất cả người trong làng đều có họ hàng với nhau. Tất cả các nạn nhân.

– Tất cả, trừ đứa bé?

– Nó cũng có họ hàng với họ. Nhưng nó chỉ đến thăm.

Birgitta Roslin rời khỏi sở cảnh sát. Bà cứ mãi tự hỏi xem điều gì sẽ được công bố trong cuộc họp báo.

Một người đàn ông đuổi kịp bà trên vỉa hè phủ tuyết chưa được dọn.

Lars Emanuelsson cười nhả nhổ. Birgitta Roslin bỗng cảm thấy muốn được đâm vào mặt ông ta. Đồng thời lại thấy ấn tượng với tính ngoan cố của ông ta.

– Như vậy là chúng ta lại gặp nhau, ông ta nói. Bà hay lui tới sở cảnh sát nhỉ. Nữ thẩm phán từ Helsingborg vận động không mệt mỏi bên lề cuộc điều tra. Bà phải hiểu rằng trí tò mò của tôi bị kích thích.

– Ông hãy đặt câu hỏi với cảnh sát, chứ không phải với tôi.

Lars Emanuelsson trở lại nghiêm túc.

– Bà có thể tin chắc rằng tôi đã làm việc đó. Chỉ có điều tôi vẫn chưa nhận được câu trả lời. Càng ngày càng phát bực. Thế là tôi bắt đầu phỏng đoán. Một nữ thẩm phán từ Helsingborg làm gì ở Hudiksvall? Bà ta dính líu gì vào những sự kiện khủng khiếp này?

– Tôi không có gì để nói với ông.

– Bà chỉ cần cho tôi biết tại sao bà lại khó chịu với tôi như vậy?

– Vì ông luôn quấy rầy tôi.

Lars Emanuelsson hất đầu chỉ chiếc túi nhựa.

– Tôi nhìn thấy bà đi tay không vào đó. Và bây giờ trở ra với một chiếc túi to. Có gì ở trong đó? Giấy tờ? Cặp hồ sơ? Hay là cái gì khác?

– Bất luận thế nào cũng không liên quan đến ông.

– Bà đừng bao giờ trả lời một nhà báo như vậy. Tất cả đều có cái gì đó liên quan đến tôi. Trong túi kia có cái gì hay không có cái gì, hoặc vì sao bà không muốn trả lời tôi.

Birgitta Roslin tiếp tục đi, bỏ ông ta đứng lại ở đó. Bà vấp ngã trên tuyết. Một cuốn nhật ký trong túi rơi ra. Lars Emanuelsson lập tức có mặt, nhưng bà hất tay ông ta ra, đồng thời nhật cuốn nhật ký lên và nhét nó vào túi. Bà bỏ đi, mặt đỏ bừng vì tức giận.

– Trước sau gì tôi cũng sẽ lộ được hết ra ánh sáng! Lars Emanuelsson nói to sau lưng bà.

Mãi tới lúc đến được bến xe ô tô của mình bà mới phủi tuyết bám trên quần áo. Bà chui vào xe, cho máy nổ và vặn công tắc lò sưởi. Khi xe ra tới xa lộ bà mới bình tâm trở lại. Bà xua đuổi mọi ý nghĩ về Lars Emanuelsson và Vivi Sundberg, cho xe chạy theo con đường nằm sâu trong nội địa đến Borlänge, tại đó bà dừng lại nghỉ ăn trưa, và vào khoảng hai giờ chiều bà cho xe vào một bãi đậu ở Ludvika.

Bà bật radio trong xe. Cuộc họp báo cũng vừa mới được bắt đầu. Theo những gì bà nghe được thì hiện nay cảnh sát đã có một nghi phạm trong vụ thảm sát ở Hesjövalen. Các thông tin chi tiết hơn sẽ được cung cấp trong chương trình thời sự sau.

Birgitta Roslin tiếp tục phóng xe đi và một tiếng đồng hồ sau bà lại dừng. Bà cho xe rẽ vào một con đường rừng, thận trọng để không bị sa lầy trong đồng tuyết xốp.

Bà bật radio và nghe thấy ngay giọng nói của Robertsson. Ông cho biết nghi phạm đã được thẩm cung, và có khả năng buổi chiều hoặc buổi tối hôm nay sẽ bị bắt giam. Ông ấy không muốn nói thêm gì nữa.

Khi bản tin kết thúc, bà tắt radio. Một vài đụn tuyết nặng từ trên các cành cây rơi xuống nóc xe bà. Bà tháo dây an toàn, mở cửa chui ra khỏi xe. Nhiệt độ vẫn tiếp tục xuống thấp. Bà rùng mình. Ông Robertsson đã nói gì? Một nghi phạm. Không thêm gì nữa. Nhưng nghe ông ta nói có vẻ rất tin tưởng, đúng như Vivi Sundberg trước đó đã làm.

Nhưng ở đây không có người đàn ông Trung Quốc, bà bỗng nghĩ đến điều này. Người đàn ông xuất hiện từ trong bóng tối, lấy đi một dải băng đỏ trong một quán ăn, hoàn toàn không dính líu đến vụ án này. Sớm muộn gì rồi người ta cũng tìm ra một lời giải thích.

Bà quyết định không nghĩ đến người đàn ông Trung Quốc đó nữa. Anh ta chỉ là một cái bóng đã làm cho bà bất an trong mấy ngày qua.

Bà nổ máy đi tiếp. Bà quên bản tin sau đó.

Buổi tối bà đến được Orebro và nghỉ đêm ở đó. Bà để lại chiếc túi có những quyển nhật ký trong xe.

Trước khi ngủ thiếp đi, bà cảm thấy một nỗi khát khao khôn cưỡng được ôm siết lấy một ai đó. Staffan chẳng? Nhưng chồng bà không có ở đây. Bà thậm chí còn không thể nhớ được đôi bàn tay của ông.

Khoảng ba giờ chiều hôm sau bà về tới Helsingborg. Bà để chiếc túi đựng những cuốn nhật ký vào phòng làm việc của mình ở nhà.

Theo những tin tức mới nhất, công tố viên Robertsson đã công bố lệnh bắt giam một người đàn ông khoảng bốn mươi tuổi, danh tính chưa được tiết lộ. Tin tức quá ít ỏi đã khiến giới truyền thông phẫn nộ.

Không ai biết người đàn ông đó là ai. Mọi người đều phải chờ đợi.



Buổi tối Birgitta Roslin cùng chồng xem chương trình thời sự. Công tố viên Robertsson thông báo về bước ngoặt quyết định của cuộc điều tra. Vivi Sundberg đứng ở hậu cảnh. Cuộc họp báo xem ra rất lộn xộn. Tobias Ludwig không còn khả năng ngăn được cánh nhà báo gần như đã ùa lên bực phát biểu, nơi Robertsson ngồi. Công tố viên là người duy nhất giữ được bình tĩnh. Cuối cùng, trước ống kính, Robertsson trả lời phỏng vấn, qua đó ông ta cho biết chuyện gì đã xảy ra. Một người đàn ông bốn mươi lăm tuổi đã bị bắt tại nhà riêng ở gần Hudiksvall. Sự việc diễn ra không gặp trở ngại nào. Nhưng để bảo đảm an toàn, người ta cũng đã phái đến một đội đặc nhiệm khi tiến hành việc bắt giữ đối tượng. Người đàn ông này bị bắt vì nghi có liên quan đến vụ giết người hàng loạt ở làng Hesjövalen. Vì những lý do điều tra nên Robertsson không công bố nhân thân của người đàn ông này.

– Tại sao ông ta lại không công bố? Staffan hỏi.

– Vì sẽ đánh động những kẻ có liên quan khác, các bằng chứng sẽ bị hủy, Birgitta trả lời đồng thời ra hiệu cho chồng im lặng

Robertsson không tiết lộ các chi tiết. Nhưng việc bắt bớ đã được tiến hành nhờ vào nhiều lời chứng. Bây giờ người ta đang kiểm tra những dấu vết khác. Cuộc thẩm cung đầu tiên đã được tiến hành.

Các nhà báo theo sát Robertsson với những câu hỏi của họ:

– Ông ta có thú nhận không?

– Không.

– Ông ta có nói ra điều gì khác không?

– Về việc này tôi không thể nói được.

– Tại sao không?

– Cuộc điều tra đang trong giai đoạn quyết định.

– Ông ta có ngạc nhiên khi bị bắt không?

- Không bình luận.
- Ông ta có gia đình không?
- Không bình luận.
- Nhưng ông ta sống ở gần Hudiksvall?
- Đúng.
- Nghề nghiệp của ông ta?
- Không bình luận.
- Giữa ông ta và những người bị giết có mối liên hệ nào?
- Ngài nên hiểu rằng, tôi không thể trả lời câu hỏi này.
- Nhưng ngài cũng cần hiểu, khán giả của chúng tôi rất muốn biết chuyện gì đã xảy ra. Đây là vụ án tồi tệ nhất xảy ra trên đất Thụy Điển kể từ vụ tắm máu ở Stockholm.

Ngạc nhiên, Robertsson không nhin được cười. Birgitta Roslin thở dài. Những tay nhà báo này...

– Vụ đấy xảy ra vào thế kỷ 16, không thể so sánh như vậy được, Robertsson nói.

- Thế bây giờ thì sao?
- Chúng tôi tiếp tục thẩm vấn nghi phạm.
- Ông ta có luật sư bào chữa không?
- Có.
- Ngài tin chắc là đã bắt được đúng người?
- Hãy còn quá sớm để trả lời câu hỏi này. Nhưng chúng tôi mừng là đã bắt được ông ta.

Cuộc phỏng vấn kết thúc. Birgitta vắn nhỏ tiếng lại. Staffan nhìn vợ:

- Bà thẩm phán có ý kiến gì về việc này?
- Đương nhiên là họ đã có được cái gì đó trong tay. Nếu không thì không thể quyết định bắt người. Nhưng người đàn ông này mới chỉ là nghi phạm. Một là Robertsson thật trọng, hai là ông ta chẳng có thêm gì trong tay nữa.

- Một mình người đàn ông này đã làm chuyện đó ư?
- Ông ta bị bắt không có nghĩa là nhất thiết ông ta hành động một mình.
- Liệu có thể là gì khác ngoài chuyện đây là hành động của một kẻ điên loạn?

Birgitta Roslin im lặng một lúc rồi mới trả lời.

- Hành động của một kẻ điên cũng có thể được lên kế hoạch một cách hoàn hảo ư? Trong chuyện này, em cũng không biết gì hơn anh.
  - Như vậy là chúng ta phải chờ xem.
- Họ uống trà và đi ngủ sớm. Ông vuốt má vợ.
- Em đang nghĩ gì vậy?
  - Về những cánh rừng bất tận ở Thụy Điển.
  - Anh cứ nghĩ, có thể em thấy tốt cho mình khi bỏ hết mọi chuyện, tránh xa mọi thứ.

– Tránh xa cái gì? Xa anh?

– Ừ, xa anh. Và những phiên tòa. Một cuộc nổi loạn khi ngoài năm mươi.

Bà xích lại gần bên ông.

– Đôi lúc em nghĩ: mọi chuyện phải như vậy sao? Điều này thật bất công, em biết. Anh, các con, công việc, em còn muốn gì hơn? Nhưng còn những điều khác, những điều mà khi còn trẻ chúng ta đã nghĩ đến thì sao? Không chỉ là hiểu thực tế, mà là thay đổi nó. Khi nhìn lại xung quanh, ta thấy một thế giới ngày càng tồi tệ hơn.

– Không hoàn toàn như vậy. Chúng ta đã ít hút thuốc hơn. Chúng ta đã có máy tính và điện thoại di động.

– Em có cảm giác thế giới sắp tan ra. Và các tòa án của chúng ta chỉ là một thứ vô dụng để gìn giữ chút gì đó gọi là đạo đức công cộng ở đất nước này.

– Chính chuyến đi lên miền Bắc đã cho em suy nghĩ này à?

– Có thể. Em hơi bi quan một chút. Nhưng đôi khi cũng cần phải bi quan.

Hai người im lặng nằm bên nhau. Bà chờ ông ôm siết lấy mình, nhưng điều đó đã không xảy ra.

Chúng ta vẫn còn chưa sẵn sàng, bà thầm nghĩ. Đồng thời bà cũng không hiểu tại sao mình không làm điều mà ông không làm.

– Chúng ta nên đi du lịch, ông nói. Có những chuyện người ta nên nói vào ban ngày thì tốt hơn là trước lúc đi ngủ.

– Có lẽ chúng ta nên làm một chuyến hành hương, bà nói. Đi trên con đường về Santiago di Compostela, như ngày xưa. Để những hòn đá vào ba lô, mỗi hòn biểu tượng cho một vấn đề mà chúng ta đang phải đối mặt. Khi đã tìm ra giải pháp, chúng ta sẽ lần lượt để từng hòn đá đó xuống vệ đường.

– Em nghĩ nghiêm túc đấy chứ?

– Tất nhiên. Chúng ta sẽ là những người hành hương, bà nói. Nhưng không phải vào lúc này. Lúc này em phải ngủ, cả anh nữa.

Ngày hôm sau bà gọi điện đến cho bác sĩ để yên tâm rằng lịch khám vào năm ngày sau vẫn giữ nguyên. Rồi bà dọn dẹp nhà cửa, thoáng nhìn chiếc túi đựng những cuốn nhật ký. Sau đó bà gọi điện cho các con, thỏa thuận với họ sẽ tổ chức một bữa tiệc bất ngờ nhân sinh nhật Staffan. Các con bà đều cho đó là một ý tưởng hay, vậy nên bà đã gọi điện cho bạn bè, mời họ cùng đến tham dự. Trong lúc ấy, bà vẫn tò mò lắng nghe tin thời sự từ Hudiksvall. Nhưng có rất ít thông tin từ sở cảnh sát lọt ra bên ngoài.

Mãi tới buổi chiều bà mới ngồi được vào bàn làm việc. Bà miễn cưỡng lấy những cuốn nhật ký từ trong túi ra. Giờ đây khi đang có một nghi phạm ngồi trong trại tạm giam, bà cảm thấy những giả thiết của mình đã mất đi ý nghĩa. Bà giở tới trang đã đọc dở trước đó, rồi đọc tiếp.

Điện thoại đổ chuông. Đó là Karin Wiman.

– Mình chỉ muốn biết bạn về đến nhà thuận lợi chứ.

– Những cánh rừng Thụy Điển thật là vô tận. Là những người sống trong bóng tối của những khu rừng ấy lại chẳng có ai mọc lá non cả. Mình sợ những cây thông. Chúng làm cho mình thối chí.

– Thế còn những cây lá rộng?

– Với chúng, mình thấy dễ chịu hơn. Nhưng lúc này mình cần những cánh đồng trải rộng, cần biển, cần trời.

– Vậy thì sang đây với mình đi. Phóng xe qua cầu. Cú điện thoại của bạn đã đánh thức những kỷ niệm xưa. Khi người ta già đi, bỗng nhiên những người bạn cũ xuất hiện như những báu vật mà người ta cần phải giữ gìn.

Birgitta Roslin thấy ý tưởng của bạn mình rất hấp dẫn. Bà cũng nghĩ lại về cuộc điện thoại với Karin Wiman.

– Khi nào thì bạn có thời gian? Mình còn đang được nghỉ ốm, thiếu máu, áp huyết cao.

– Hôm nay thì không được. Nhưng có thể ngày mai.

– Bạn không phải lên lớp à?

– Mình dành phần lớn thời gian cho việc nghiên cứu. Mình cũng rất yêu quý các sinh viên, nhưng chúng ta tốn thần kinh mình. Chúng chỉ quan tâm đến Trung Quốc vì tin rằng có thể làm giàu được ở đó. Trung Quốc chính là mỏ vàng mới của thời đại chúng ta. Chỉ có một số ít là thực sự tìm hiểu sâu về đất nước Trung Hoa khổng lồ với cái quá khứ khốc liệt không tưởng tượng nổi của nó.

Birgitta nghĩ đến cuốn nhật ký nằm trước mặt. Ở đó cũng có chuyện về mỏ vàng.

– Bạn có thể ngủ ở nhà mình, Karin nói tiếp. Mấy thằng con mình hầu như không bao giờ có mặt ở nhà.

– Thế còn ông xã bạn?

– Ông xã mình mất rồi.

Birgitta Roslin muốn cắn đứt lưỡi mình. Bà đã quên bég mất điều này. Karin đã trở thành góa phụ từ mười năm nay. Chồng của Karin là

một anh chàng bô trai đến từ Aarhus, trở thành bác sĩ, đã qua đời vì mắc bệnh máu trắng giai đoạn cuối.

– Mình thật sự xấu hổ. Hãy tha lỗi cho mình.

– Thôi đi nào. Bạn đến chứ?

– Mai nhé. Mình muốn nói chuyện với bạn về Trung Quốc. Trung Quốc cũ và Trung Quốc mới.

Bà ghi lại địa chỉ, thỏa thuận giờ giấc và cảm thấy vui vì được gặp lại Karin. Hai người từng là bạn rất thân của nhau một thời, nhưng rồi con đường của họ đã tách rời nhau, những lần liên lạc cứ thưa dần, các cuộc điện thoại cũng trở nên hãn hữu. Birgitta Roslin đã có mặt trong buổi bảo vệ luận án tiến sĩ của Karin, đã dự giờ lên lớp đầu tiên của bạn ở trường đại học Copenhagen. Còn Karin thì ngược lại chưa lần nào có mặt trong phòng xử án khi Birgitta làm chủ tọa phiên tòa.

Sự lãng quên làm cho bà thấy sợ. Do đâu lại có sự lơ đãng này? Để đến mức bà lại hoàn toàn không nhớ ra là chồng của Karin Wiman đã qua đời mười năm nay!

Bà trút bỏ cảm giác bức mình và bắt đầu đọc tiếp cuốn nhật ký để mở. Bà từ từ bỏ lại phía sau mình mùa đông ở Helsingborg và bước vào hoang mạc Nevada, nơi những người đàn ông với chiếc mũ vải màu đen hoặc với chiếc khăn buộc quanh đầu, buộc tuyến đường sắt vượt dài từng mét một về phía Đông với tất cả nỗ lực của mình.

J.A. tiếp tục viết vào cuốn nhật ký, ghi lại những điều tồi tệ về những ai làm việc với ông ta hoặc dưới quyền ông ta. Những người Ái Nhĩ Lan lười biếng và nát rượu. Một số ít những người da đen được công ty tuyển mộ tuy có sức khỏe nhưng lại hay né việc. J.A. khát khao có được những nô lệ như ở vùng Caribe hoặc ở Nam Mỹ mà ông ta đã có lần được nghe kể. Chỉ có đòn roi mới khiến cho những tên đàn ông khỏe mạnh này thực sự huy động được tất cả sức lực trong chúng. Ông ta ước ao giá như mình có thể được quất roi lên chúng như với đám bò hoặc lừa. Ông ta không ưa đám người nào nhất? Có thể đó là người da đỏ, ông ta trút lên họ tất cả sự khinh miệt của mình. Sự

thiếu ý thức lao động, tính ranh mãnh quỷ quyệt của họ không tìm thấy ở đâu khác trong đám cận bã mà ông ta cần phải giày xéo, đánh đập để tuyến đường sắt có thể tiếp tục trườn về phía trước. Trong nhiều đoạn, ông ta nói về người Trung Quốc, những người mà ông ta thích nhất là được dồn họ xuống Thái Bình Dương, để họ tự chọn lựa, hoặc là chết đuối, hoặc là bơi về Trung Quốc. Nhưng ông ta cũng không thể chối cãi được rằng người Trung Quốc là những người thợ chăm chỉ. Họ không uống rượu, chịu khó tắm rửa, và giữ đúng các quy định. Điểm yếu duy nhất ở họ là ham mê cờ bạc và các nghi lễ tôn giáo kỳ lạ. Suốt trong thời gian dài, J.A. đã tìm cách lý giải tại sao ông ta lại không ưa những con người này trong khi chính là nhờ có họ mà ông ta dễ dàng hoàn thành nhiệm vụ của mình hơn.

Những người được J.A. coi trọng nhất đến từ vùng Bắc Âu. Ở công trường xây dựng đường sắt có một nhóm nhỏ người Bắc Âu: vài người Đan Mạch, Na Uy và một nhóm lớn hơn gồm những người Thụy Điển và Phần Lan. “Nhóm người này có thể tin cậy được. Họ không lừa dối tôi, chùng nào tôi để mắt đến họ. Ngoài ra họ không tiếc sức làm việc. Nhưng khi tôi quay lưng đi, lập tức họ cũng biến thành bọn vô lại như những nhóm người khác.”

Birgitta Roslin đẩy cuốn nhật ký sang một bên và đứng dậy. Bà cảm thấy tay cai thợ này ngày càng trở nên đáng ghét. Một người đàn ông xuất thân tầm thường, nhập cư vào Mỹ và rồi đột nhiên, khi có chút quyền hành, ông ta trở thành một kẻ tàn nhẫn, bạo ngược. Bà mặc ấm và ra phố đi dạo rất lâu để ít nhất cũng tạm thời rũ bỏ được cảm giác khó chịu.

Lúc sáu giờ tối bà mở radio trong bếp. Chương trình thời sự bắt đầu với giọng nói của công tố viên Robertsson. Bà lặng người lắng nghe. Cùng với giọng ông ta, người ta còn nghe thấy có tiếng máy ảnh và tiếng kéo ghế.

Như những lần trước, Robertsson nói rất rõ ràng và mạch lạc. Người bị bắt hôm trước đã thú nhận một mình gây ra vụ án giết người

ở Hesjövallen. Vào lúc mười một giờ trưa, qua luật sư ông ta yêu cầu được nói chuyện với nữ thanh tra hình sự đã tiến hành cuộc thẩm vấn lần đầu với ông ta. Ông ta cũng yêu cầu công tố viên phải có mặt. Sau đó ông ta đã thú nhận toàn bộ sự việc. Lý do của hành động này theo ông ta nói có liên quan đến chuyện trả thù. Còn phải tiếp tục tiến hành nhiều cuộc thẩm vấn nữa thì mới có thể làm rõ vì sao ông ta lại trả thù.

Robertsson kết thúc với một tình tiết mà tất cả mọi người đều chờ đợi. Người bị bắt có tên là Lars-Erik Valfridsson, hiện sống độc thân, làm việc ở một công ty chuyên nổ mìn và khai thác hầm mỏ, đã có nhiều tiền án về tội đánh người gây thương tích.

Tiếng đèn chụp rào rào. Robertsson bắt đầu trả lời các câu hỏi chông chéo hầu như không thể nghe rõ mà đám phóng viên trút lên ông. Giọng ông nhường chỗ cho phóng viên đài phát thanh. Cô ta tóm tắt lại các sự kiện. Birgitta Roslin bật vô tuyến. Trên đó không có gì khác ngoài những điều bà đã nghe trên radio. Bà tắt cả hai thứ, ngồi xuống sofa. Một cái gì đó trong giọng nói của Robertsson cho bà thấy ông ta tin chắc đã bắt đúng thủ phạm. Trong sự nghiệp của mình, bà đã nghe nhiều công tố viên nói, đủ để dám tự cho là mình có khả năng đánh giá họ tin chắc đến mức nào. Robertsson tin rằng mình có lý. Và những công tố viên dày dạn kinh nghiệm như ông không bao giờ xây dựng cáo trạng của mình dựa trên các phỏng đoán hoặc những gì phát hiện được, mà phải dựa trên sự thật.

Thực ra cũng còn quá sớm để đưa ra kết luận nhưng người đàn ông bị bắt giam không có vẻ gì là người Trung Quốc. Điều bà phát hiện được dần mất đi ý nghĩa. Bà đi vào phòng làm việc và bỏ những quyển nhật ký vào chiếc túi nhựa. Không còn lý do nào để tiếp tục nghiên cứu những quan điểm phân biệt chủng tộc, thù ghét con người của người đàn ông kinh tởm viết trong những quyển nhật ký cũ cách đây hơn một trăm năm.

Buổi tối bà cùng ngồi ăn bữa muộn với Staffan. Hai người chỉ nói qua về diễn tiến mới nhất của vụ việc ở Hesjövallen. Trong các số báo



buổi chiều mà ông đem từ tàu về nhà không có thông tin gì mới. Trong một bức ảnh chụp buổi họp báo, bà nhận ra Lars Emanuelsson đang giơ tay để đặt câu hỏi. Bà khẽ rùng mình nghĩ đến cuộc chạm trán gần đây với ông ta. Bà nói với Staffan ngày mai mình đi thăm Karin Wiman và có thể sẽ ngủ lại ở đó một đêm. Staffan cũng biết Karin và người chồng quá cố của bà.

– Ừ, em cứ đi đi, ông nói. Việc đó sẽ tốt cho em. Lịch khám lần sau của em là khi nào vậy?

– Năm ngày nữa. Chắc chắn ông ấy sẽ nói em đã khỏe lại.

Ngày hôm sau, khi Staffan đã ra tàu, điện thoại đổ chuông lúc bà đang sắp đồ đạc vào túi xách. Đó là Lars Emanuelsson. Bà lập tức cảnh giác.

– Ông muốn gì vậy? Do đâu mà ông có số điện thoại của tôi? Đây là số bí mật mà.

Lars Emanuelsson cười khẩy.

– Một nhà báo không biết cách tìm ra số điện thoại, dù cho nó có bí mật thế nào đi chăng nữa, thì cũng nên đổi nghề.

– Ông muốn gì?

– Một lời bình luận. Ở Hudiksvall đã xảy ra vụ việc nghiêm trọng. Một công tố viên tỏ ra không tự tin, mà vẫn dám nhìn vào mắt chúng ta. Bà có thể nói gì về điều đó?

– Không có gì.

Sự niềm nở của Lars Emanuelsson, dù thật hay giả, lúc này đã biến mất. Giọng nói của ông ta trở nên sắc lạnh hơn, sốt ruột hơn.

– Bà không nên lặp lại giọng điệu cũ với tôi. Hãy trả lời câu hỏi của tôi. Nếu không tôi sẽ viết về bà.

– Tôi hoàn toàn không có lấy một thông tin nào, dù là nhỏ nhất về những gì công tố viên đã tuyên bố. Tôi cũng thấy ngạc nhiên như những người khác.

– Ngạc nhiên?

– Ông có thể dùng từ nào cũng được. Bất ngờ, nhẹ nhõm, dừng  
dừng, tùy ông.

– Bây giờ sẽ là những câu hỏi đơn giản.

– Tôi gác máy bây giờ.

– Nếu bà làm vậy, tôi sẽ viết ngay rằng một nữ thẩm phán từ  
Helsingborg, vừa mới đây đã vấp chân lên cổ rời khỏi Hudiksvall, đã  
từ chối trả lời các câu hỏi. Nhà bà đã khi nào bị đám nhà báo bủa vây  
chưa? Việc này rất dễ sắp xếp. Trước kia ở nước này, bẻ vào những  
tin đồn có mục đích, người ta có thể nhanh chóng huy động được một  
đám đông sẵn sàng hành hình bất kỳ ai. Một đám nhà báo phát khùng  
cũng chẳng khác kiểu hành hình ấy là mấy.

– Ông muốn gì?

– Câu trả lời. Tại sao bà lại có mặt ở Hudiksvall?

– Tôi có họ hàng với các nạn nhân ở đó. Với những ai thì tôi không  
thể nói được.

Bà nghe được ở đầu dây bên kia tiếng thở nặng nề của Emanuelsson  
trong khi ông ta đánh giá hoặc đang ghi lại câu trả lời của bà.

– Điều này xem ra có lý. Và vì sao bà lại bỏ đi?

– Vì tôi muốn trở về nhà.

– Có gì nằm trong chiếc túi nhựa bà đem từ sở cảnh sát ra?

Bà do dự một lúc rồi nói:

– Một cuốn nhật ký của một người họ hàng.

– Thật là như thế?

– Phải. Ông cứ đến Helsingborg, tôi sẽ chìa qua kẽ cửa cho ông xem  
một cuốn trong số đó. Lúc nào tùy ông.

– Tôi tin bà. Mong bà thông cảm, tôi làm việc này chỉ vì công việc.

– Bây giờ chúng ta đã xong việc rồi chứ?

– Có thể nói như vậy.

Birgitta đập mạnh ống nghe. Cuộc nói chuyện đã làm cho bà vã mồ  
hôi. Bà đã nói sự thật, một cách rất chung chung. Lars Emanuelsson sẽ

chẳng khai thác được gì từ đó. Nhưng sự chai lì của ông ta khiến bà phải khâm phục. Phải thừa nhận rằng đó là một phóng viên tài năng.

Lẽ ra có thể đơn giản hơn cho bà nếu bà đi chuyến phà tới Helsingborg, nhưng bà lại lái xe xuống tận Malmö và qua eo Oresund trên cây cầu mới mà cho đến giờ bà chỉ đi xe buýt qua. Karin Wiman sống ở Gentofte, phía Bắc Copenhagen. Birgitta Roslin hai lần đi nhầm đường, trước khi tìm thấy con đường ven biển dẫn lên phía Bắc. Trời lạnh và có gió, nhưng quang đặng. Đến mười một giờ rớt cuộc bà cũng tìm ra ngôi nhà xinh xắn của Karin Wiman. Karin đã sống ở đây từ khi kết hôn và chồng bà cũng qua đời trong chính ngôi nhà này. Ngôi nhà màu trắng xung quanh là một khu vườn rộng. Birgitta Roslin nhớ ra là từ tầng trên người ta có thể nhìn thấy biển.

Karin đi qua cổng vườn đón bà. Dạo này trông bà ấy xanh xao và gầy hơn trong trí nhớ của Birgitta Roslin. Ý nghĩ đầu tiên của bà là Karin bị ốm. Hai người ôm lấy nhau, rồi đi vào nhà, để túi xách trong phòng nơi bà sẽ ngủ qua đêm. Sau đó họ đi xem lại các phòng. Từ lần cuối cùng Birgitta có mặt ở đây cho đến nay, không có mấy thay đổi. Karin muốn giữ nguyên như khi chồng mình còn sống, Birgitta thăm nghĩ. Nếu là mình, mình sẽ làm gì? Bà không thể hình dung ra được. Karin Wiman và bà là hai người rất khác nhau. Tình bạn bền chặt của họ được xây dựng chính trên sự khác biệt này. Họ đã sáng chế ra chiếc giảm xóc, đón đỡ rất ngoạn mục những va chạm đôi khi xảy ra giữa hai người.

Karin đã chuẩn bị sẵn bữa trưa. Họ ngồi xuống bên nhau trong một mảnh vườn mùa đông rợp bóng cây và đầy hương thơm. Sau giai đoạn dò xét đầu tiên, họ gần như lập tức bắt đầu nói về thời trẻ của mình ở Lund. Karin, vì bố mẹ bà có một trại nuôi ngựa giống ở Scanie, đã đến Lund vào năm 1966, Birgitta thì một năm sau đó. Hai người gặp nhau trong một buổi bình thơ của hội sinh viên và đã nhanh chóng trở thành bạn thân của nhau dù tính cách khác biệt. Karin thì đầy tự tin với xuất

thân gia đình như vậy. Còn Birgitta thì ngược lại, thiếu tự tin và đang trên đường tìm kiếm thứ đó cho mình.

Họ đã bị lôi kéo vào phong trào phản đối chiến tranh ở Việt Nam, ngồi câm lặng như những con chuột nhắt ở đó, lắng nghe diễn giả là những người tự cho là mình rất thông thái nói dài dòng về việc cần phải nổi dậy. Đồng thời, họ chìm đắm trong cảm giác rằng một thế giới khác là khả thể và họ sẽ trực tiếp tham gia vào việc tạo dựng nên thế giới ấy. Phong trào phản đối chiến tranh Việt Nam không phải là trường học tổ chức chính trị duy nhất của họ. Hàng loạt nhóm khác đã bày tỏ tình đoàn kết với các phong trào chống đế quốc ở các nước nghèo. Ngay cả ở Thụy Điển, một không khí hừng khởi chống lại tất cả những cái cũ kỹ và lỗi thời cũng nổi lên. Đó là một giai đoạn tuyệt vời.

Sau đó cả hai người tham gia vào một nhóm cánh tả cấp tiến với cái tên “Những kẻ nổi loạn”. Trong một vài tháng cuồn cuộn, họ như sống trong một giáo phái được xây dựng dựa trên sự tự phê phán mẽ và niềm tin mù quáng vào tư tưởng cách mạng của Mao Trạch Đông.

Karin hỏi xem bà có còn nhớ cuộc đi bơi nổi tiếng bất hảo ở Tylösand không. Birgitta làm sao có thể quên được lần đó. Họ đã có cuộc họp mặt nhau ở chi bộ nhóm. Đồng chí Moses Holm, sau này làm bác sĩ nhưng đã bị mất giấy phép hành nghề vì sử dụng ma túy và đã không ngần ngại kê đơn thuốc loại này cho người khác, đã đưa ra đề nghị thâm nhập “ồ răn tư bản mà mùa hè nào cũng tới tắm nắng ở Tylösand”. Cuộc thảo luận kéo dài đã đi đến quyết định và một chiến lược được thảo ra. Vào Chủ nhật sau đó, một ngày đầu tháng Bảy, mười chín người trong nhóm tới Halmstad rồi Tylösand trong một chiếc minibus thuê. Với ảnh chân dung Mao Trạch Đông trên nóc xe, bao quanh là những lá cờ đỏ, họ diễu hành trên bãi biển, trước mặt những người đi bơi đầy sừng sốt. Họ hô vang các khẩu hiệu, tay vẫy những quyển sách đỏ được gọi là Mao tuyển, sau đó lội xuống bơi cùng với bức ảnh Mao. Sau đó họ tập hợp trên bãi biển hát bài “Đông

phương hồng”, đọc bài diễn văn ngắn nguyện rửa đất nước Thụy Điển phát xít, kêu gọi những người lao động đang tắm nắng cầm vũ khí, chuẩn bị cho cuộc cách mạng đang ở ngay phía trước. Rồi họ trở về nhà và dành những ngày sau đó cho việc đánh giá cuộc “tấn công” vào bãi tắm ở Tylösand.

– Thế bạn nhớ đến điều gì? Karin hỏi.

– Đến Moses. Anh ta đã quả quyết rằng cuộc hành quân của chúng ta đến Tylösand sẽ đi vào lịch sử cách mạng tương lai.

– Còn mình thì chỉ nhớ ngày đó nước rất lạnh.

– Nhưng nói chung mình không còn nhớ ngày đó mình đã nghĩ gì.

– Chúng mình đâu có suy nghĩ. Tư tưởng là như thế đó. Chúng ta phải nghe theo ý tưởng của người khác. Chúng ta phải hành động như robot để giải cứu nhân loại.

Karin lắc đầu và phá lên cười.

– Chúng ta đúng là trẻ con. Rất nghiêm túc. Chúng ta quả quyết rằng chủ nghĩa Mác là một môn khoa học, cũng chân chính như các công trình của Newton, Copernic hoặc Einstein. Nhưng trên hết, chúng ta có niềm tin. Mao tuyển là giáo lý của chúng ta. Chúng ta không hiểu rằng đó không phải là Kinh Thánh mà chỉ là trước tác của một nhà cách mạng vĩ đại.

Hai người nói chuyện đến chiều tối. Sau đó họ ra ngoài đi dạo quanh nhà. Birgitta nhận thấy cả Karin lẫn bà đều cần đào sâu vào quá khứ để hiểu rõ hơn hiện tại.

– Tuy vậy không phải tất cả đều ngây thơ và điên khùng, Birgitta nói. Ý nghĩ về một thế giới được gây dựng dựa trên tình đoàn kết cho đến nay vẫn luôn sống động trong mình. Mình luôn cố tự nhủ rằng dù sao chúng ta cũng đã nổi dậy, rằng chúng ta cũng đã đặt câu hỏi về những quy ước và lễ thói mà nếu không có cuộc nổi dậy sẽ còn khiến cho thế giới của chúng ta hữu khuynh hơn nữa.

– Mình đã thôi không đi bầu cử, Karin nói. Mình không thích trật tự hiện nay nhưng mình không thấy có thể tham gia đảng phái nào.

Ngược lại mình ủng hộ các phong trào mà mình có niềm tin. Vẫn còn có những phong trào như thế, lớn mạnh và kiên cường. Giờ thì còn ai quan tâm đến chuyện chống lại chế độ phong kiến ở một đất nước nhỏ bé như Nepal? Còn mình. Mình đã ký đơn kiến nghị và đã ủng hộ tiền.

– Mình còn gần như không biết Nepal nằm ở đâu, Birgitta nói. Phải thừa nhận là mình đã trở nên biếng nhác. Nhưng đôi khi mình cũng nhớ tiếc những ý định tốt đẹp mà chúng mình đã có. Chúng ta không chỉ là những sinh viên lăm đường lạc lối, tin rằng mình đang ở tâm điểm của thế giới, nơi mà không có gì là không thể. Tình đoàn kết là có thật.

Karin cười.

– Bạn còn nhớ Hanna Stojkovic không? Cô bồi bàn khùng khùng trong khách sạn Grand ở Lund, người đã bảo chúng ta đều là những kẻ khiếp nhược ấy? Cô gái đã chỉ cho chúng ta cái gọi là chiến thuật “các vụ giết người nhỏ” ấy? Nghĩa là chúng ta sẽ tiến hành giết các chủ nhà băng, chủ các công ty và giáo viên phản động. Chúng ta phải đi săn thú dữ, cô ấy đã nói như vậy. Cô ấy cũng đã chết rồi.

– Mình không biết chuyện này.

– Nghe đâu cô ấy nói với chồng rằng hôm nay các chuyến tàu không chạy đúng giờ. Anh chồng không hiểu ý cô ấy là gì. Sau đó mọi người tìm thấy cô ấy trên đường tàu gần Arlov. Cô ấy đã cuốn quanh mình một chiếc chăn len để nhân viên cứu hộ sẽ không thấy rùng rợn.

– Tại sao cô ấy phải tự tử?

– Không ai biết nguyên nhân. Cô ấy chỉ để lại một mảnh giấy trên mặt bàn bếp: *Em đi tàu hỏa.*

– Còn chúng ta, bạn trở thành giáo sư, còn mình thành thẩm phán.

– Còn Karl-Anders? Bạn còn nhớ anh ta không? Cái anh chàng lúc nào cũng ghét bị hói ấy? Người gần như không nói bao giờ nhưng lại luôn có mặt đầu tiên trong các cuộc họp. Anh ta đã trở thành mục sư.

– Không thể thế được!

– Mục sư đạo Tin lành. Thuộc liên đoàn truyền giáo Thụy Điển. Vẫn là người như thế. Mùa hè đi khắp nước, truyền đạo trong lều lưu động.

– Cũng không có nhiều khác biệt.

Karin trở nên nghiêm túc:

– Theo mình thì như thế cũng là khác rồi. Chúng ta không được quên những người vẫn tiếp tục đấu tranh cho một thế giới khác. Giữa thời hỗn mang, các luận thuyết chính trị nháo nhào, người ta vẫn tiếp tục tin rằng cuối cùng lẽ phải sẽ chiến thắng.

– Đúng thế. Nhưng điều có vẻ như cực kỳ đơn giản vào thời đó lại luôn trở nên phức tạp hơn.

– Chẳng phải như thế sẽ càng khích lệ chúng ta hơn hay sao?

– Chắc chắn. Có thể là vẫn còn chưa quá muộn. Mình ghen tị với tất cả những người không bao giờ từ bỏ lý tưởng của mình. Hoặc đúng hơn là ý thức của mình. Ý thức về thực trạng thế giới. Và những nguyên do của thực trạng ấy. Vẫn còn có những người tiếp tục kháng chiến. Họ không biến mất.

Họ cùng nhau chuẩn bị bữa tối. Karin kể tuần tới bà sẽ đi Trung Quốc tham dự một hội nghị về triều đại tiền Tần, triều đại có vị hoàng đế đầu tiên thống nhất Trung Quốc.

– Lần đầu tiên đặt chân đến đất nước mà mình đã ước mơ suốt thời tuổi trẻ, bạn thấy thế nào?

– Lần đầu tiên đến Trung Quốc, mình hai mươi chín tuổi. Lúc đó Mao đã qua đời và tất cả mọi thứ đã thay đổi. Đó là một nỗi thất vọng to lớn và sâu sắc. Bắc Kinh là một thành phố lạnh và âm. Hàng ngàn chiếc xe đạp kéo kẹt trên đường phố như cào cào. Rồi sau đó mình nhận thấy tuy vậy ở đất nước này đã diễn ra một cuộc chuyển biến lớn lao. Người dân đã có quần áo và giày dép. Trong thành phố mình không thấy ai bị đói, không có người ăn xin. Mình còn nhớ, mình đã xấu hổ như thế nào. Mình, một người từ một đất nước giàu có bay đến Trung Quốc, đâu có cái quyền quan sát sự phát triển ấy với thái độ

khinh miệt hoặc ngạo mạn. Mình lại bắt đầu thấy cảm phục nghị lực của đất nước này. Từ đó mình quyết định dứt khoát trở thành nhà Hán học. Trước đây mình còn có những dự định khác.

– Kiểu như thế nào?

– Bạn sẽ không tin đâu.

– Cứ thử xem!

– Mình muốn làm lính chuyên nghiệp.

– Vì sao?

– Bạn đã trở thành thẩm phán. Tất cả những ý tưởng này là từ đâu ra?

Sau bữa ăn tối họ trở lại với mảnh vườn mùa đông. Những ngọn đèn chiếu sáng trên tuyết. Karin đưa cho bà chiếc áo len cao cổ, vì trời bắt đầu trở lạnh. Trong bữa ăn họ đã uống rượu nho. Birgitta cảm thấy chệnh choáng.

– Hãy cùng đi Trung Quốc với mình, Karin nói. Giờ vé máy bay không còn đắt như trước kia nữa. Chắc chắn mình sẽ được bố trí một phòng rộng ở khách sạn. Chúng ta sẽ ở chung. Trước kia bọn mình chẳng từng làm vậy rồi sao? Ở trại hè ngoài hai đứa mình ra còn có thêm ba bạn nữa ngủ trong một chiếc lều nhỏ. Chúng ta gần như đã nằm chồng lên nhau.

– Mình không thể, Birgitta nói. Mình đã khỏe lại, kỳ nghỉ ốm sẽ kết thúc.

– Thì cứ đi đã. Công việc có thể chờ bạn.

– Mình cũng có hứng thú. Nhưng chắc chắn sau này bạn còn quay lại đó nữa, đúng không?

– Dĩ nhiên rồi. Nhưng ở tuổi bọn mình, không nên chờ đợi quá lâu.

– Chúng ta sẽ còn sống rất lâu, sống đến già.

Karin không trả lời. Birgitta nhận ra mình đã lỡ lời. Chồng Karin đã qua đời ở tuổi bốn mươi mốt.



Karin đoán ra Birgitta đang nghĩ gì. Bà chìa tay ra đặt lên đầu gối Birgitta.

– Hoàn toàn không sao đâu.

Hai người còn nói chuyện với nhau rất lâu. Lúc họ lên giường đi ngủ đã gần nửa đêm. Birgitta nằm lên giường với chiếc điện thoại di động để trên bụng, Staffan về nhà vào lúc nửa đêm và sẽ gọi điện cho bà.

Birgitta thiu thiu ngủ thì điện thoại rung.

– Anh làm em thức giấc à?

– Gần như thế.

– Sao, có vui không?

– Tụi em nói chuyện liên tục suốt mười hai tiếng đồng hồ.

– Ngày mai em về nhà chứ?

– Em sẽ ngủ cho đã, rồi sẽ về.

– Anh đoán em đã nghe được chuyện gì xảy ra? Hẳn ta đã kể hết mọi chuyện.

– Ai vậy?

– Người đàn ông ở Hudiksvall.

Bà ngồi bật dậy.

– Em hoàn toàn không biết gì cả. Anh kể đi!

– Lars-Erik Valfridsson. Người đàn ông bị bắt. Hiện nay cảnh sát đang tìm hung khí. Hình như hẳn đã khai ra nơi giấu vũ khí. Một thanh kiếm Samurai tự rèn, theo tin thời sự cho biết.

– Thật vậy không?

– Chẳng lẽ anh lại kể cho em nghe chuyện không có thật hay sao?

– Em không có ý ấy. Mà là hẳn có kể thật không ấy. Hẳn có giải thích lý do không?

– Ai cũng cho rằng đó là một vụ trả thù. Anh không biết gì thêm nữa.

Birgitta vẫn ngồi trên giường khi cuộc nói chuyện của họ đã kết thúc. Suốt ngày bên Karin, bà không hề nghĩ đến Hesjövallen. Lúc này các sự kiện lại quay về trong tiềm thức của bà.

Có thể đã có lời giải thích đối với dải lụa đỏ mà không ai ngờ tới, kể cả bà.

Tại sao Lars-Erik Valfridsson lại không có khả năng đến ăn ở quán Trung Hoa đó chứ?

Bà lại chui vào chăn và tắt đèn ngủ. Hôm sau bà sẽ về nhà, gửi trả lại cho Vivi Sundberg những cuốn nhật ký và sẽ tiếp tục đi làm trở lại.

Nhưng bất luận thế nào bà cũng sẽ không cùng đi Trung Quốc với Karin, dù bà rất muốn.

Sáng hôm sau khi Birgitta Roslin thức dậy, Karin Wiman đã đi Copenhagen vì hôm nay bà có giờ lên giảng đường. Bà để lại bức thư ngắn trên mặt bàn bếp.

*Birgitta,*

*Đôi khi mình thấy như có một con đường mòn trong đầu. Mỗi ngày nó như dài thêm ra một vài mét và dẫn sâu hơn vào một phong cảnh lạ, nơi một ngày nào đó nó sẽ kết thúc. Nhưng con đường mòn đó cũng ngoằn ngoèo uốn khúc phía sau mình. Đôi lúc mình quay người lại, như hôm qua, trong những giờ chúng ta trò chuyện cùng nhau, và rồi mình nhìn thấy những thứ mà mình đã quên hoặc đã không muốn nhớ lại. Đôi khi mình thấy như thể chúng ta đang cố quên. Mình muốn chúng ta tiếp tục chuyện trò với nhau. Rốt cuộc bạn bè là thứ duy nhất còn lại với chúng ta. Nói cách khác, đó là pháo đài cuối cùng mà người ta cần phải bảo vệ.*

*Karin.*

Birgitta nhét lá thư vào túi xách, uống một tách cà phê và chuẩn bị lên đường. Lúc định sập cửa lại, bà nhìn thấy một tấm vé máy bay nằm trên mặt bàn ở hành lang. Karin sẽ bay qua Helsinki tới Bắc Kinh bằng máy bay của hãng hàng không Phần Lan.

Trong một thoáng, bà rất muốn nhận lời đề nghị của Karin. Nhưng bà không thể. Chắc chắn ông chánh tòa sẽ không bao giờ đồng ý cho bà nghỉ phép sau khi vừa nghỉ ốm khá lâu, trong khi các vụ án chưa giải quyết xong còn chất đống ở tòa sơ thẩm.

Bà chạy theo đường qua Helsingborg về nhà. Gió thổi mạnh lúc qua phà. Sau đó bà dừng lại ở một quầy báo. Các báo lớn đều chạy những dòng tít lớn về lời thú nhận của Lars-Erik Valfridsson. Bà mua một

xấp báo rồi phóng xe về nhà. Bà gặp người phụ nữ dọn dẹp nhà cửa ở hành lang. Một phụ nữ người Ba Lan ít nói và nhút nhát. Hai người nói vài lời với nhau bằng tiếng Anh, trong khi Birgitta trả tiền công cho bà ta. Mãi tới khi chỉ còn lại một mình, bà mới gỡ báo ra đọc.

Những gì hôm qua Staffan kể cho bà nghe qua điện thoại đều đúng với những thông tin đăng trên các báo. Chi tiết mới duy nhất là tấm ảnh của nghi phạm. Tấm ảnh, có lẽ được phóng to từ một tấm ảnh hộ chiếu, cho thấy người đàn ông này có gương mặt hốc hác, miệng nhỏ, trán cao và mái tóc cắt ngắn. Bà khó có thể hình dung được người đàn ông này lại là kẻ đã gây ra tội ác man rợ ở ngôi làng Hesjövalle. Dáng vẻ của một mục sư đạo Tin lành, bà tự nhủ. Không phải kiểu nung nấu những vụ giết người ghê tởm trong đầu. Nhưng bà biết chuyện này chẳng nói lên điều gì. Trong phòng xử án, bà đã nhìn thấy bao kẻ tội phạm đi qua, và không kẻ nào thật sự có vẻ ngoài thích hợp với hành động của mình.

Mãi tới khi bà bật vô tuyến, mối quan tâm của bà mới được đánh thức. Cảnh sát đã tìm thấy hung khí phỏng đoán đã được sử dụng để giết người. Nó được đào lên ở một địa điểm không nói tên, nhưng phù hợp với lời khai của Lars-Erik Valfridsson. Đó là một thanh kiếm tự chế nhái theo một thanh kiếm Samurai của Nhật, tuy xấu nhưng rất sắc. Hiện nay người ta đang tiến hành kiểm tra dấu vân tay và vết máu trên thanh kiếm đó.

Nửa tiếng đồng hồ sau bà nghe chương trình thời sự trên radio. Lại là công tố viên Robertsson với giọng nói trầm tĩnh của ông ta, như trút được gánh nặng sau khi đã tìm thấy hung khí.

Sau khi Robertsson tuyên bố xong, các phóng viên, nhà báo đặt ra hàng loạt câu hỏi. Nhưng Robertsson từ chối không đưa ra lời bình luận nào. Khi có tin gì mới ông ta sẽ lập tức thông báo cho truyền thông.

Birgitta Roslin tắt radio, lấy từ giá sách xuống một cuốn từ điển. Bà tìm thấy trong đó hình một thanh kiếm Samurai. Bà đọc bài viết, lười

kiếm phải được mài sắc như dao cạo.

Điều này khiến bà rùng mình. Như vậy là người đàn ông này trong một đêm ở Hesjövallen đã đi từ nhà này sang nhà khác để giết chết mười chín người. Có thể dải lụa đỏ tìm được trên tuyết đã được buộc vào chuôi thanh kiếm?

Ý nghĩ này không để bà được yên. Trong túi xách của bà vẫn còn tấm danh thiếp của quán ăn Trung Hoa. Bà gọi vào số máy đó và nhận ra giọng của cô phục vụ mà có lần bà đã nói chuyện. Bà giải thích mình là ai. Một vài giây sau cô đã nhớ ra.

– Cô đã xem báo chưa? Ảnh của người đàn ông đã giết chết rất nhiều người ấy?

– Tôi có nhìn thấy. Một người đàn ông đáng sợ.

– Cô có nhớ liệu ông ta đã bao giờ đến quán ăn của cô chưa?

– Chưa bao giờ.

– Cô có chắc không?

– Chắc, những hôm tôi có mặt ở đây. Còn vào những ngày khác thì tôi không biết, vì những ngày đó em gái tôi hoặc cậu em họ của tôi làm thay tôi. Quán ăn gia đình mà.

– Cô có thể giúp tôi nói với họ xem lại tấm ảnh ở trong báo. Nếu như họ nhận ra người đàn ông này, cô gọi điện báo cho tôi biết nhé.

Cô bồi bàn ghi lại số điện thoại.

– Cô tên là gì vậy?

– Li.

– Tôi là Birgitta Roslin. Cảm ơn sự giúp đỡ của cô.

– Bà không ở thành phố này à?

– Tôi ở Helsingborg.

– Helsingborg? Ở đó chúng tôi cũng có một quán ăn. Cũng của gia đình. Tên là quán “Thượng Hải”. Món ăn cũng ngon như ở đây.

– Tôi sẽ đến đó ăn.

Nửa tiếng sau cô Li gọi điện lại.

– Có thể, cô nói.

– Có thể sao?

– Cậu em của tôi cho rằng người đàn ông này đã có lần đến quán ăn.

– Bao giờ?

– Năm vừa rồi.

– Cậu ấy có chắc chắn không?

– Không.

– Cô có thể cho tôi biết tên của cậu ấy được chứ?

Birgitta Roslin viết tên và số điện thoại của cậu em cô bồi bàn ở Soderhamn rồi gác máy. Sau một thoáng do dự, bà gọi đến sở cảnh sát Hudiksvall và nói muốn được gặp bà Vivi Sundberg. Bà đã tính đến khả năng phải để lại tin nhắn, nhưng bà ngạc nhiên khi thấy Vivi Sundberg nhận máy.

– Những cuốn nhật ký, Vivi Sundberg nói, bà còn quan tâm đến chúng đấy chứ?

– Chúng khó đọc quá. Nhưng tôi có thời gian. Tôi muốn được chúc mừng kết quả điều tra của bà. Nếu tôi hiểu đúng, bà đã có lời tự thú cũng như hung khí của nghi phạm.

– Đó không phải là lý do của cuộc điện thoại này, đúng không?

– Đương nhiên là không. Tôi muốn quay trở lại với cái quán ăn Trung Quốc.

Bà kể về người em họ của cô phục vụ quán ăn hiện đang sống ở Soderhamn và việc Lars-Erik Valfridsson có thể đã đến quán ăn Trung Quốc ở Hudiksvall.

– Điều này có thể giải thích được về dải băng đỏ, cuối cùng bà nói. Nó không còn là một dấu vết rời rạc nữa.

Vivi Sundberg tỏ ra quan tâm vừa phải.

– Hiện tại chúng tôi không còn đặc biệt quan tâm đến dải băng này nữa. Điều này chắc bà cũng hiểu.

– Tôi cũng chỉ muốn kể ra. Tôi có thể cho bà số điện thoại của người thanh niên bồi bàn đó và cả tên anh ta, người đã nhìn thấy người đàn ông đó.

Bà Vivi Sundberg ghi lại.

– Cảm ơn bà đã liên lạc với chúng tôi.

Sau khi kết thúc cuộc điện thoại, Birgitta Roslin gọi điện đến cho sếp của mình, ông Hans Mattsson. Bà phải chờ cho tới khi nối máy được với điện thoại của ông. Bà cho ông biết có thể bác sĩ của bà sẽ cho phép bà đi làm trở lại vào mấy ngày nữa.

– Chúng tôi sắp chết đuối đây này, ông chánh tòa nói. Hay tốt hơn tôi nên nói là chúng tôi sắp chết ngạt? Các tòa án Thụy Điển đang bị bóp cổ qua việc bị cắt giảm quân số. Tôi chưa bao giờ nghĩ mình phải trải qua cảnh Nhà nước pháp quyền và nền dân chủ được tính toán bằng tiền. Không có một Nhà nước pháp quyền hoạt động, sẽ không có nền dân chủ nữa. Chúng ta đang quỳ gối. Khắp nơi chỗ nào cũng khó khăn và nền móng xã hội của chúng ta đang sụp đổ. Thực lòng tôi thấy rất lo lắng.

– Tôi chẳng có giải pháp nào cho những vấn đề này. Nhưng tôi hứa với anh là sẽ trở lại với các vụ xét xử của mình.

– Chúng tôi mong chị sớm trở về với công việc.

Bữa tối, bà ngồi ăn một mình vì Staffan phải ngủ lại ở Hallsberg giữa hai ca trực. Bà lại tiếp tục lật mở những trang nhật ký. Bà chỉ đọc chi tiết phần cuối của cuốn cuối cùng, được viết vào tháng Sáu năm 1892. Khi ấy J.A. đã là một ông già. Ông ta sống trong một ngôi nhà nhỏ ở San Diego, mắc bệnh đau lưng và đau chân. Nhờ có thuốc uống và thuốc xoa bóp bằng thảo dược mua được của một ông già người da đỏ sau khi cò kè giá cả, nên cũng giảm đau nhiều. Ông ta viết về nỗi cô đơn đến khủng khiếp, về cái chết của vợ, về những đứa con đã chuyển đi xa, thậm chí một anh con trai còn sống ở một vùng hoang dã mãi tận Canada. Ông ta không còn viết về con đường sắt nữa,

nhưng vẫn không thay đổi quan điểm khi viết về con người. Ông ta vẫn còn căm ghét người da đen và người Trung Quốc. Ông ta sợ người da đen hoặc da vàng sẽ chuyển đến ở trong một ngôi nhà hàng xóm bỏ hoang.

Cuốn nhật ký kết thúc ở giữa một câu. Ngày 19 tháng Sáu năm 1892. Ông ta viết, trời mưa cả đêm. Lưng đau nhiều hơn những ngày khác. Ông ta có một giấc mơ.

Đến đây, mọi thứ kết thúc. Không một ai, kể cả Birgitta Roslin biết được ông ta đã mơ thấy gì.

Bà nghĩ đến điều hôm qua Karin Wiman đã viết: con đường nội tâm nghèo nghèo cho đến một điểm rồi bỗng nhiên kết thúc. Vậy là, ngày 19 tháng Sáu năm 1892 ấy: những lời bình luận đầy khinh miệt của J. A. Về những con người có màu da khác đột ngột kết thúc.

Bà giở lại một lần nữa. Không có dấu hiệu nào cho thấy ông ta đã linh cảm thấy cái chết, hoàn toàn không. Một đời người, bà nghĩ. Nhật ký của mình, nếu như mình có viết, chắc cũng giống như thế này. Cũng dở dang như thế này. Thực ra, làm gì có ai có thể đặt dấu chấm hết cho câu chuyện của mình trước khi nhắm mắt xuôi tay trên giường.

Bà xếp những quyển nhật ký vào túi nhựa và dự định ngày mai sẽ gửi trả chúng. Bà sẽ tiếp tục theo dõi cuộc điều tra ở Hudiksvall như tất cả mọi người.

Bà lấy từ giá sách ra cuốn danh mục các chánh án trên toàn Thụy Điển. Ông chánh tòa ở Hudiksvall tên là Tage Porsén. Đây sẽ là vụ tranh tụng để đời của ông ta, bà thầm nghĩ. Hy vọng ông ta sẽ là một thẩm phán biết đánh giá công luận. Birgitta biết rằng nhiều bạn đồng nghiệp của bà không những chỉ lo ngại mà còn tỏ rõ thái độ ghê tởm khi đối mặt với cánh báo chí và truyền hình, ít nhất là với thế hệ của bà. Còn các thế hệ thẩm phán trẻ xử sự với công luận như thế nào, bà không được biết.



Chiếc nhiệt kế gắn ở trước cửa sổ bếp cho thấy nhiệt độ đã xuống thấp. Bà ngồi xuống trước vô tuyến theo dõi chương trình thời sự buổi tối rồi sẽ lên giường đi ngủ. Hôm qua ở chỗ Karin thật là thú vị, có bao nhiêu chuyện được nhớ lại, nhưng cũng là một ngày khá mệt.

Chương trình thời sự đã phát được một vài phút. Nhưng bà hiểu ngay ra rằng có chuyện gì đó liên quan đến Hesjövallen. Một phóng viên đang phỏng vấn một nhà tội phạm học. Ông ta trả lời hùng hồn, nhưng nghiêm túc. Birgitta cố gắng hiểu chuyện gì đã xảy ra.

Sau cuộc phỏng vấn với nhà tội phạm học là đến bản tin về Liban. Bà bực mình lâu bầu và chuyển kênh. Lập tức bà có được ngay câu trả lời: Lars-Erik Valfridsson đã tự tử. Mặc dù cứ mười lăm phút người ta lại kiểm tra phòng giam một lần, nhưng chừng đó thời gian cũng đủ để ông ta xé rách chiếc áo ra làm nhiều mảnh, nối chúng với nhau thành một sợi dây thòng lọng để tự treo cổ. Mọi ý định cấp cứu đều thất bại.

Bà tắt vô tuyến. Những ý nghĩ chen lấn trong đầu bà. Ông ta không chịu đựng nổi vì phải sống trong tội lỗi? Hoặc ông ta mắc bệnh tâm thần?

Ở đây có điều gì đó không đúng, bà nghĩ. Ông ta không thể là tác giả của vụ tàn sát này. Mình không biết tại sao ông ta lại tự tử, tại sao ông ta thú nhận và còn chỉ cho cảnh sát nơi chôn giấu hung khí. Nhưng ngay từ đầu, mình luôn có cảm giác rằng ở đây có một cái gì đó không đúng.

Bà ngồi xuống ghế bành, không bật đèn. Căn phòng chìm trong cảnh tranh tối tranh sáng. Ngoài đường có tiếng cười của người nào đó đi qua. Đây là chiếc ghế bành đặc biệt để ngồi suy nghĩ. Bà ngồi đó khi phải suy nghĩ về một bản án hoặc khi những tình tiết tranh tụng làm cho bà đau đầu. Bà cũng ngồi ở đó khi cần phải suy nghĩ về cuộc sống thường nhật của chính mình hoặc của gia đình.

Một lần nữa bà trở lại xuất phát điểm, khi bà nhận thấy rằng giữa bà với những người đã chết trong cái đêm tháng Giêng ấy có một mối liên hệ mơ hồ nào đó. Thật khó mà là thật được, bà nghĩ. Không phải

bà cho rằng một sát thủ đầy quyết tâm không thể một mình thực hiện được vụ giết người này. Nhưng còn người đàn ông sống ở Hälsingland, chỉ mới có một vài tiền án thì sao? Ông ta đã thú nhận một tội ác mà ông ta không phạm phải. Rồi sau đó đã chỉ cho cảnh sát thấy cái thứ vũ khí tự rèn lấy và treo cổ trong phòng giam. Tất nhiên mình có thể lầm lẫn. Nhưng ở đây có cái gì đó không đúng. Việc bắt giam ông ta diễn ra quá trơn tru. Còn động cơ của ông ta? Vì sao lại phải báo thù như vậy?

Lúc bà đứng dậy khỏi chiếc ghế bành cũng đã là nửa đêm. Bà suy nghĩ xem có nên gọi điện cho Staffan vào lúc này nữa không. Có lẽ ông ấy cũng đã ngủ rồi. Bà lên giường và tắt đèn. Những ý nghĩ lại đưa bà trở lại ngôi làng đó. Bà lại thấy dải băng đỏ đã được tìm thấy trong tuyết, lại thấy hình ảnh người đàn ông Trung Quốc trong đoạn phim của ông Sture Hermansson. Cảnh sát hẳn đã biết một điều gì đó mà mình không biết, họ biết vì sao lại bắt Lars-Erik Valfridsson, động cơ thực sự của ông ta là gì. Nhưng họ đã mắc một sai lầm quen thuộc: tự buộc mình vào một hướng điều tra duy nhất.

Bà không tài nào ngủ được. Khi không muốn cứ phải nằm trần trọc mãi trên giường nữa, bà đứng dậy mặc lên người chiếc áo choàng mỏng và đi xuống tầng trệt. Bà ngồi vào bàn, viết tóm tắt lại tất cả các sự kiện có liên quan đến vụ tàn sát ở ngôi làng Hesjövalen. Việc này kéo dài gần ba tiếng đồng hồ. Càng viết bà lại càng cảm thấy có thứ gì đó đã vượt khỏi mình. Nó ở ngay trước mắt bà, nhưng bà lại không nhận ra. Bà cảm thấy chiếc bút của mình giống như một chiếc máy cắt cỏ mà bà phải dùng cẩn trọng để không làm bị thương chú nai nào ẩn mình trong bụi cây. Khi bà đứng dậy để vươn vai thì đã bốn giờ sáng. Bà ra chỗ chiếc ghế bành cùng với những điều vừa ghi chép, ngồi xuống, bật đèn và đọc lại từ đầu. Trong lúc đọc lại, bà chú ý để ý xem còn có gì ẩn chứa sau câu chữ, liệu có còn những viên đá mà bà vẫn chưa bật lên, hoặc những sự trùng lặp mà bà chưa phát hiện ra. Không giống như cảnh sát, bà không quen tìm các lỗ hổng trong lời khai của

nhân chứng hoặc trong biên bản thẩm vấn các nghi phạm. Nhưng bà lại có kinh nghiệm tìm ra những điều mâu thuẫn, những điều phi logic, và đã vô số lần bà phải can thiệp trong các phiên tòa, đặt ra những câu hỏi mà theo quan điểm của bà, công tố viên đã bỏ qua.

Nhưng ở đây hoàn toàn không có gì thu hút sự chú ý của bà. Có thể nó chỉ làm cho bà thấy rõ hơn rằng đây không phải là hành động của một kẻ điên. Hành động này đã được lên kế hoạch quá hoàn hảo, được một kẻ quá bình tĩnh thực hiện: chỉ một sát thủ điềm tĩnh và lạnh lùng mới có thể làm chuyện này.

Bà ghi ra bên lề: liệu trước đó hung thủ đã từng có mặt ở hiện trường hay chưa? Đêm ấy trời tối, hẳn có thể sử dụng một chiếc đèn pin lớn, nhưng một vài nhà hẳn phải đã khóa cửa. Hẳn phải biết rất chính xác ai sống ở nhà nào và có lẽ hẳn còn có chìa khóa. Hiển nhiên hẳn phải có một động cơ rõ ràng để có thể hành động như vậy mà không do dự lấy một giây.

Năm giờ sáng, hai mí mắt bà bắt đầu sập xuống. Không có điểm nào đáng ngờ, bà nghĩ. Kẻ làm việc này biết rõ cái gì chờ đợi mình và không gì khiến được hẳn dừng tay. Thậm chí hẳn còn chế ngự được một tình huống bất ngờ, khi bắt gặp thằng bé. Hẳn không phải là một kẻ bạo hành tình cờ xuất hiện, mà là một kẻ máu lạnh có mục tiêu rõ ràng.

Hẳn không hề chần chừ, bà nghĩ. Và muốn các nạn nhân phải đau đớn. Hẳn muốn những người phải chết hiểu rằng chuyện gì sẽ xảy ra với họ. Trừ một người. Một đứa bé trai.

Bỗng một ý nghĩ đến với bà. Hung thủ có thể cho các nạn nhân nhìn thấy mặt hẳn không? Họ có biết hẳn là ai không? Hẳn có muốn để những người đó nhìn thấy không?

Đó là một câu hỏi mà Vivi Sundberg phải trả lời, bà nghĩ vậy. Trong những căn phòng nơi các nạn nhân được tìm thấy có sáng đèn không? Họ có nhìn thấy cái chết trước mặt mình không?

Bà để tờ giấy ghi chép sang một bên, liếc qua chiếc nhiệt kế trước cửa sổ và nhận ra nhiệt độ đã tụt xuống âm tám độ. Bà uống một cốc nước rồi lên giường nằm. Lúc thiu thiu ngủ, bà có cảm giác mình đã bỏ qua một chi tiết: hai người chết bị trói chặt vào với nhau. Hình ảnh này nhắc bà nhớ tới một điều gì đó, nhưng là gì? Bà ngồi dậy trên giường và bỗng nhiên trở nên tỉnh táo. Bà đã nhìn thấy cảnh này ở đâu đó.

Rồi bà nhớ ra. Những quyển nhật ký. Trong một đoạn mà bà chỉ đọc lướt qua, có viết về điều gì đó tương tự như vậy. Bà lại đi xuống tầng trệt, bày tất cả các quyển nhật ký lên bàn và bắt đầu lục tìm. Bà gần như tìm ra ngay được đoạn miêu tả ấy.

Đó là vào năm 1865. Đoạn đường sắt vươn dài về phía Đông, mỗi một thanh tà vẹt, mỗi một thanh ray là một sự khổ ải. Bệnh tật tấn công đám thợ. Họ chết như ruồi. Nhưng lực lượng lao động mới từ phía Tây tràn tới đã cứu được cái dự án khổng lồ này và giải thoát nó trước khó khăn về tài chính. Một hôm, chính xác là vào ngày mùng 9 tháng Mười một, J.A. nghe được tin về một tàu thủy chở nô lệ Trung Quốc đang trên đường từ Quảng Châu sang. Đó chẳng qua là một chiếc thuyền buồm cũ kỹ chỉ dùng để chuyên chở những người Trung Quốc bị bắt cóc đưa sang California. Trên thuyền đã nổ ra một cuộc nổi loạn khi có khả năng sẽ bị thiếu nước và lương thực sau hành trình kéo dài. Để bóp chết cuộc nổi loạn này, viên thuyền trưởng đã áp dụng những biện pháp cực kỳ dã man, chưa từng nghe thấy. Ngay cả J.A., kẻ không do dự sử dụng nắm đấm và những chiếc roi, khi nghe kể, cũng cảm thấy phẫn nộ. Viên thuyền trưởng ra lệnh trói những người còn sống với những kẻ nổi loạn đã chết với nhau. Rồi để họ nằm trên boong tàu, người sống thì chết dần vì đói, người chết thì dần thối rữa. J.A. Viết trong nhật ký: “Trò này thật là quá trốn.”

Liệu có thể so sánh những cảnh này với nhau? Một trong những nạn nhân ở Hesjövallen đã bị trói với một xác chết? Một tiếng đồng hồ,

hay ít hơn, hoặc có thể lâu hơn trước khi nhất chém cuối cùng giáng xuống mình?

Mình đã bỏ qua chi tiết này, bà nghĩ. Thế còn cảnh sát ở Hudiksvall? Bất luận thế nào, mình vẫn hoài nghi họ đã đọc kỹ những cuốn nhật ký này trước khi giao chúng cho mình.

Nhưng người ta cũng có thể đưa ra một lập luận khác, ngay cả khi xem ra nó cũng cực kỳ khó tin. Liệu thủ phạm có biết chút gì về những sự kiện mà J.A. đã viết trong cuốn nhật ký của ông ta? Liệu ở đây có tồn tại một mối liên quan đặc biệt vượt thời gian và không gian hay không?

Tại sao Vivi Sundberg lại đưa cho bà những quyển nhật ký này? Bà ấy hy vọng rằng Birgitta Roslin đọc chúng và sẽ cho biết khi bà thấy có gì đó quan trọng? Ý nghĩ này không có gì là lạ, vì cảnh sát có quá nhiều việc phải làm.

Cuối cùng, Birgitta cũng có thể ngủ lại được. Điều bà vừa phát hiện ra bất luận thế nào cũng sẽ khiến Vivi Sundberg quan tâm. Đặc biệt vào lúc này, khi nghi phạm đã tự tử.

Bà ngủ đến mười giờ, trở dậy và nhìn thời gian biểu của Staffan, chiều nay vào lúc ba giờ ông ấy sẽ có mặt ở Helsingborg. Đúng lúc bà ngồi xuống bên máy điện thoại để gọi cho Vivi Sundberg thì nghe có tiếng chuông cửa. Bà mở cửa. Trước mặt bà là một thanh niên Trung Quốc nhỏ thó, một túi nhựa đựng đầy đồ ăn trên tay.

– Tôi đâu có gọi đồ ăn, bà nói vẻ ngạc nhiên.

– Cửa cô Li ở Hudiksvall, người thanh niên cười nói. Đây là suất ăn miễn phí. Cô ấy muốn bà gọi điện cho cô ấy. Đây là quán ăn của gia đình chúng tôi mà.

– Quán Thượng Hải phải không?

Người thanh niên mỉm cười.

– Quán Thượng Hải. Món ăn ngon lắm.

Người thanh niên trao cho bà chiếc túi đựng đồ ăn, cúi đầu chào bà rồi biến mất qua cổng vườn. Birgitta mở gói đồ ăn, hít hà mùi thơm của nó rồi đặt lên mặt bàn bếp. Sau đó bà gọi điện cho Li.

– Cảm ơn suất ăn của cô gửi đến, Birgitta Roslin nói. Thật là bất ngờ.

– Bà đã nếm thử chưa?

– Chưa. Tôi đợi nhà tôi về đã.

– Ông ấy cũng thích món ăn Trung Quốc sao?

– Rất thích. Cô bảo tôi gọi lại cho cô à?

– Tôi nghĩ nhiều đến chiếc đèn lồng, cô Li nói. Dải băng đỏ bị mất ấy. Bây giờ thì tôi biết thêm được chút ít. Tôi đã nói chuyện với mẹ tôi.

– Hình như tôi chưa gặp mẹ cô thì phải.

– Mẹ tôi thường ở nhà. Thỉnh thoảng mới đến tiệm dọn dẹp. Hôm nào cũng ghi vào sổ. Hôm 11 tháng Giêng mẹ tôi đã có mặt ở đây. Vào sáng sớm, trước giờ mở cửa.

Birgitta Roslin nín thở.

– Mẹ tôi bảo, hôm đó bà lau chùi tất cả các đèn giấy ở trong tiệm và tin chắc rằng không thấy thiếu một dải băng nào cả.

– Liệu bà có nhầm không?

– Không đời nào. Mẹ tôi chẳng nhớ nhầm cái gì bao giờ.

Birgitta Roslin nhận thấy điều này có ý nghĩa gì. Buổi sáng hôm người đàn ông Trung Quốc ngồi ăn ở cái bàn trong góc phòng, dải băng vẫn còn. Như vậy là dải băng tìm thấy ở HesjövalLEN đã bị mất trong buổi tối hôm đó. Không còn nghi ngờ gì nữa.

– Việc này quan trọng à? Li hỏi.

– Có thể, Birgitta Roslin nói. Cảm ơn cô đã cho tôi biết.

Bà gác máy. Lập tức điện thoại lại đổ chuông. Lần này là Lars Emanuelsson.

– Bà đừng gác máy, ông ta nói.

- Ông muốn gì?
- Muốn được nghe quan điểm của bà về việc đã xảy ra.
- Tôi không có gì để nói cả.
- Bà có thấy bất ngờ không?
- Về điều gì?
- Về chuyện nghi phạm đã xuất hiện? Lars-Erik Valfridsson ấy?
- Tôi hoàn toàn không biết gì về ông ta, ngoài những gì được đăng trên báo.
- Nhưng trên đó không phải là tất cả.
- Ông ta đang nhử mỗi bà. Lập tức bà trở nên tò mò.
- Ông ta đã ngược đãi hai bà vợ cũ của mình, Emanuelsson nói. Người đầu tiên thì bỏ trốn được. Sau đó Valfridsson tìm được một cô gái người Philippin, bằng những hứa hẹn, dối trá, lừa đảo, ông ta đã nhử được cô ấy sang Thụy Điển, để rồi sau này đã đánh đập hết sức tàn nhẫn đến mức hàng xóm phải báo động và ông ta đã bị kết án tù. Nhưng thật ra ông ta còn tồi tệ hơn.
- Điều gì còn có thể tồi tệ hơn được nữa?
- Đánh chết người. Từ năm 1977. Ngày đó ông ta còn trẻ. Cuộc ẩu đả xảy ra chỉ vì một chiếc xe máy. Ông ta đã lấy đá đập vào đầu người thanh niên kia khiến anh ta chết ngay tại chỗ. Một bác sĩ tâm lý đã tiến hành kiểm tra thần kinh của Lars-Erik cho biết ông ta có thể sẽ tái diễn hành động bạo lực. Ông ta phải bị xem như là nguy hiểm đối với cộng đồng. Do vậy mà cảnh sát và viện công tố tin rằng họ đã tìm ra được đúng đối tượng.
- Nhưng ông cho rằng họ đã nhầm lẫn?
- Tôi đã nói chuyện sơ qua với những người biết ông ta. Valfridsson luôn mơ được nổi tiếng. Hình như ông ta còn kể với mọi người rằng mình là một điệp viên, là người con bí mật của nhà vua. Thú nhận là thủ phạm vụ tàn sát là một cách để trở nên nổi tiếng. Điều duy nhất mà

tôi không hiểu nổi là vì sao ông ta lại kết thúc màn diễn của mình sớm như vậy. Đến đó thì tôi không theo dõi ông ta nữa.

– Nghĩa là ông cho rằng Valfridsson không phải là thủ phạm?

– Điều này thời gian sẽ cho ta biết. Nhưng bà đã nghe tôi nói suy nghĩ của mình. Với bà thế là đủ rồi. Giờ thì tôi muốn biết kết luận của bà ra sao. Liệu chúng có trùng với những kết luận của tôi không?

– Tôi không còn quan tâm đến chuyện này nhiều hơn người khác nữa. Còn bây giờ ông cũng nên chấp nhận rằng tôi đã ngán nói chuyện với ông rồi đấy.

Lars Emanuelsson làm ra vẻ mình không nghe thấy gì.

– Giờ thì bà nói về mấy cuốn nhật ký đi. Chúng phải có một mối liên quan nào đó với chuyện này.

– Ông hãy thôi việc gọi điện thoại cho tôi đi!

Bà đập máy. Lập tức điện thoại lại đổ chuông. Bà không nhắc ống nghe. Sau khi nó im lặng được năm phút, bà bấm số máy của sở cảnh sát ở Hudiksvall. Phải mất một lúc khá lâu bà mới liên lạc được với phòng thường trực. Bà nhận ra giọng của cô trực tổng đài hôm trước. Cô ta có vẻ căng thẳng và mệt mỏi. Vivi Sundberg bận việc không nói chuyện điện thoại được. Birgitta Roslin để lại tên và số điện thoại của mình.

– Tôi hoàn toàn không thể hứa trước được, cô gái nói. Hôm nay ở đây lộn xộn lắm.

– Tôi hiểu. Cô nói với bà Sundberg, lúc nào bà ấy có thời gian thì gọi điện cho tôi.

– Việc có quan trọng không?

– Bà Sundberg biết tôi là ai. Có lẽ điều đó đã đủ thay cho câu trả lời về câu hỏi của cô.

Hôm sau Vivi Sundberg gọi điện đến. Vụ bê bối trong trại tạm giam ở Hudiksvall có mặt trên mọi bản tin. Ông bộ trưởng Bộ Tư pháp trong một bài phát biểu đặc biệt đã hứa sẽ làm sáng tỏ vụ việc và



tuyên bố những người chịu trách nhiệm sẽ phải làm bản tường trình. Trong cuộc gặp với báo chí và truyền hình, Tobias Ludwig đã cố gắng thể hiện tốt vị thế của mình. Nhưng tất cả đều thống nhất cho rằng điều đáng lẽ không được phép để xảy ra thì đã xảy ra.

Bên máy điện thoại, Vivi Sundberg tỏ ra mệt mỏi. Birgitta Roslin quyết định không hỏi gì. Thay vì thế, bà kể về dải băng đỏ và chia sẻ với Sundberg những suy nghĩ, cân nhắc của mình.

Vivi Sundberg lắng nghe Birgitta nói, không bình luận gì. Birgitta nghe trong điện thoại những tiếng nói lao xao lọt vào cho thấy lúc này ở sở cảnh sát không khí đang căng thẳng như thế nào. Cuối cùng, Birgitta Roslin kết thúc cuộc trao đổi bằng câu hỏi: ở trong các phòng nơi tìm thấy các nạn nhân có sáng đèn không.

– Bà đã đúng, Vivi Sundberg trả lời. Chúng tôi cũng đã nghĩ về điều này. Đèn sáng trong tất cả các phòng. Trừ một phòng.

– Căn phòng nơi đứa bé bị giết?

– Đúng thế.

– Bà có lời giải thích nào không?

– Bà hiểu cho, tôi không thể nói điều đó với bà qua điện thoại.

– Tôi hiểu. Tôi xin lỗi.

– Không sao. Nhưng tôi muốn đề nghị bà một việc. Bà hãy viết lại những suy nghĩ của mình về sự kiện ở Hesjövalle. Về dải băng đỏ, tôi sẽ tự tìm hiểu kỹ. Nhưng những cái khác, bà hãy viết ra và gửi cho tôi.

– Lars-Erik Valfridsson không làm chuyện đó, Birgitta Roslin nói.

Những lời này đến thật bất ngờ. Bà đã không chuẩn bị để nói chúng, cũng như Vivi Sundberg không chuẩn bị để nghe chúng.

– Hãy gửi cho tôi những lý lẽ của bà, Vivi Sundberg nhắc lại. Cảm ơn bà đã gọi điện đến.

– Còn những cuốn nhật ký?

– Lúc này tốt hơn là chúng tôi nhận lại chúng.

Sau cuộc trao đổi, Birgitta Roslin cảm thấy nhẹ nhõm. Dù gì thì những cố gắng của bà cũng không vô ích. Bây giờ bà đã có thể phó thác tất cả. Trong trường hợp may nhất, một ngày nào đó cảnh sát sẽ tìm ra một hoặc nhiều thủ phạm. Khi đó bà cũng sẽ không ngạc nhiên khi biết có một người Trung Quốc dính líu vào.

Ngày hôm sau Birgitta Roslin đến gặp bác sĩ. Đó là một ngày mùa đông trở gió. Từng cơn gió từ eo biển thổi vào. Bà đã thấy sốt ruột và muốn trở lại với công việc.

Bà không phải chờ lâu trong phòng đợi. Ông bác sĩ hỏi bà cảm thấy trong người ra sao và bà trả lời rằng mình thấy đã hoàn toàn bình phục. Sau khi cô y tá lấy mẫu máu thử, bà lại ngồi ở phòng chờ. Một lúc sau bà lại được mời vào phòng của bác sĩ, ông đo huyết áp và đi thẳng vào vấn đề:

– Bà cảm thấy khỏe. Nhưng huyết áp của bà vẫn còn quá cao. Như vậy là chúng tôi phải tiếp tục tìm ra nguyên nhân. Trước hết tôi viết giấy nghỉ ốm cho bà hai tuần nữa. Tôi sẽ chuyển bà sang cho một bác sĩ chuyên khoa.

Mãi tới lúc ra đến ngoài đường, làn gió lạnh tạt mạnh lên người, bà mới hiểu rõ vấn đề. Bà bị bệnh nặng sao? Bà thấy rất lo lắng, dù bác sĩ có đảm bảo với bà rằng chưa đến mức phải như vậy.

Bà đứng trên quảng trường, quay lưng về hướng gió. Lần đầu tiên sau rất nhiều năm, bà cảm thấy bất lực. Bà đứng im, cho tới lúc chiếc điện thoại di động trong túi áo măng tô bắt đầu đổ chuông. Đó là Karin Wiman.

– Bạn đang làm gì đấy? Karin hỏi.

– Mình đang đứng trên một quảng trường, Birgitta Roslin nói. Mình đang chẳng biết phải làm gì.

Rồi bà kể cho bạn mình nghe về chuyện đi khám ở chỗ bác sĩ. Hai người thỏa thuận sẽ gọi lại cho nhau trước khi Karin đi Trung Quốc.

Tuyết lại rơi lúc bà bước qua cổng vườn. Gió vẫn thổi mạnh từng cơn.

Ngay trong ngày, bà đến tòa án gặp Hans Mattsson. Ông ủ rũ và lo lắng khi bà thông báo cho ông biết mình vẫn còn phải nghỉ ốm.

Ông nhìn bà vẻ nghĩ ngợi qua tròng kính.

– Nghe ra không được tốt lắm. Tôi thực sự lo lắng cho chị.

– Theo như bác sĩ nói, anh không cần phải lo lắng cho tôi. Tôi chỉ bị thiếu máu một chút và huyết áp thì cần phải hạ xuống. Bây giờ ông ấy chuyển tôi sang một bác sĩ chuyên khoa. Nhưng tôi đâu có thấy mình ốm đau gì, chỉ mệt mỏi một chút thôi.

– Ai cũng vậy cả. Tôi cảm thấy mệt mỏi từ gần ba mươi năm nay rồi! Thời buổi này điều xa xỉ nhất với tôi là sáng sáng có thể được ngủ đầy giấc.

– Tôi sẽ vắng mặt mười bốn ngày nữa. Chúng ta chỉ còn cách hy vọng chuyện này rồi sẽ được giải quyết xong.

– Chị cũng nên nghỉ ngơi nhiều nếu cần thiết. Tôi sẽ nói chuyện với Sở Tư pháp để xem họ có giúp được gì không. Như chị biết, không phải chị là người duy nhất vắng mặt. Karl Hansson đang tiến hành một cuộc điều tra ở Liên minh châu Âu tại Brussels. Tôi không nghĩ anh ấy sẽ trở lại. Tôi luôn ngờ rằng có cái gì khác đang quấy rối anh ấy hơn là làm chủ tọa trong một phòng xử án.

– Đáng tiếc là tôi cũng bỏ mặc các anh.

– Chị đâu có bỏ mặc chúng tôi. Mà là huyết áp của chị làm điều đó. Bây giờ chị hãy nghỉ ngơi. Hãy trồng nhiều hoa hồng và quay trở lại khi đã bình phục.

Bà nhìn ông chánh án vẻ ngạc nhiên.

– Tôi đâu có trồng hoa hồng. Tôi đâu có mát tay.

– Bà tôi luôn nói như vậy. Bà sinh năm 1879, vào cùng cái năm mà Strindberg cho xuất bản tiểu thuyết *Căn phòng đỏ*, lạ không? Công việc duy nhất mà bà tôi làm trong suốt cuộc đời của mình, ngoài việc

sinh con, là vá bít tất. Vậy nên hãy trồng hoa hồng nhé. Tôi rất thích hình ảnh ấy.

– Tôi sẽ làm thế, Birgitta Roslin nói. Trở về nhà và trồng hoa hồng.

Ngày hôm sau bà gửi trả những quyển nhật ký kèm theo những gì bà đã viết ra cho sở cảnh sát ở Hudiksvall. Khi gửi gói hàng và nhận tờ biên nhận, bà cảm thấy như mình đã cất vào trong ngăn tủ những sự kiện ở Hesjövalen. Mẹ bà cùng với bố mẹ nuôi đã xuất hiện bên lề biến cố khủng khiếp này. Nhưng bây giờ mọi thứ đã qua. Bà cảm thấy nhẹ nhõm và lao vào việc chuẩn bị cho ngày sinh nhật của Staffan.

Gần như cả gia đình bà đã có mặt cùng với những người bạn của họ khi Staffan xuất hiện nơi ngưỡng cửa. Ông sửng sốt không nói được gì, đứng ngây giữa khung cửa trong bộ đồng phục với chiếc mũ lông cũ kỹ trên đầu, khi mọi người hát vang bài hát chúc mừng sinh nhật. Đối với Birgitta, bà thấy nhẹ nhõm khi nhìn thấy gia đình và bạn bè ngồi quây quần bên bàn. Lúc này, sự kiện ở Hälsingland cũng như huyết áp cao chẳng còn nghĩa lý gì nữa, khi bà cảm nhận được sự bình yên mà chỉ gia đình mới có thể mang lại cho bà. Tất nhiên bà rất mong muốn Anna có thể trở về từ châu Á. Nhưng bà không nói ra điều này khi hai mẹ con cuối cùng đã liên lạc được với nhau qua điện thoại cầm tay nghe lạo xạo ở Thái Lan. Đêm đã muộn, sau khi khách khứa ra về, chỉ còn lại gia đình họ ngồi lại với nhau. Bà có những đứa con thích nói chuyện nên luôn thích những buổi gặp gỡ như thế này. Hai vợ chồng bà ngồi trên ghế sofa lắng nghe chuyện của các con. Thịnh thoảng bà lại đứng dậy rót rượu vào cốc cho họ. Hai chị em song sinh, Siv và Louise muốn được ngủ lại nhà của bố mẹ, còn David, mặc dù bị mẹ kịch liệt phản đối, vẫn muốn ngủ ở khách sạn. Mãi tới gần bốn giờ sáng, cuộc chuyện trò của họ mới kết thúc. Cuối cùng chỉ còn lại hai ông bà. Họ dọn dẹp cốc chén, bát đĩa cho vào máy rửa, chuyển vỏ chai không xuống ga ra ô tô.

– Đây quả thật là một bất ngờ lớn, Staffan nói, khi họ ngồi lại bên chiếc bàn bếp. Anh sẽ không bao giờ quên được. Món quà thật tuyệt

vời! Đúng vào hôm nay bỗng nhiên anh thấy khổ tâm khi đi qua các toa tàu. Anh đi và đi, nhưng rồi chẳng đến được nơi nào. Đó là lời nguyền đối với những người soát vé trên tàu. Bọn anh cứ quay tròn trong cái bể cá của mình.

– Chúng ta cũng nên thường xuyên tổ chức những buổi như thế này. Trong những khoảnh khắc ấy cuộc sống mang một ý nghĩa khác. Không phải chỉ có công việc mới quan trọng.

– Còn bây giờ thì sao?

– Ý anh là gì?

– Em còn được nghỉ ốm mười bốn ngày. Em muốn làm gì?

– Sếp của em, ông Hans Mattsson, sôi nổi nói về những buổi sáng được ngủ đầy giấc. Có lẽ thời gian tới em cũng làm thử một lần chẳng?

– Hãy bay về xứ ấm một tuần. Cùng với một cô bạn gái.

Bà lắc đầu ngập ngừng:

– Có thể. Nhưng mà ai?

– Karin Wiman chẳng hạn.

– Karin bay sang Trung Quốc tham dự một cuộc hội thảo gì đó.

– Ngoài người đó ra không còn ai khác để em có thể hỏi à? Hay một trong hai cô con gái sinh đôi?

– Ý hay đấy. Em sẽ nói chuyện với hai đứa nó. Nhưng trước hết em còn phải xem mình có thích đi du lịch không đã. Anh đừng quên là em còn phải đến gặp bác sĩ chuyên khoa nữa đấy.

Staffan đặt bàn tay lên cánh tay vợ.

– Hãy nói thật với anh đi. Anh không phải lo lắng chứ?

– Không. Trừ khi bác sĩ cũng không nói thật với em. Nhưng em không cho là thế.

Họ còn ngồi thêm một lúc nữa trước khi đi ngủ. Sáng hôm sau khi bà thức dậy, Staffan đã đi làm. Ngay cả hai cô con gái sinh đôi cũng không còn ở đây nữa. Bà đã ngủ tới gần mười một rưỡi trưa. Đây

chính là một sáng được ngủ đầy giấc mà ông Hans Mattsson hằng mong ước.

Bà nói chuyện điện thoại với hai cô con gái, nhưng chẳng cô nào có thời gian để đi du lịch với mẹ, mặc dù cả hai đều hứng thú. Buổi chiều Birgitta Roslin nhận được thông báo rằng ngày hôm sau bà có thể đến khám ở chỗ bác sĩ chuyên khoa.

Khoảng bốn giờ chiều có tiếng chuông gọi cửa. Bà thăm hỏi liệu có phải lại nhận được món ăn Trung Quốc miễn phí nữa chẳng. Nhưng khi mở cửa thì đó lại là thanh tra Hugo Malmberg. Tóc ông còn dính tuyết, chân đi ủng lồi mốt.

– Tình cờ tôi gặp Hans Mattsson. Anh ấy nói là chị không được khỏe. Anh ấy biết chúng ta có quen nhau.

Bà mời ông vào nhà. Mặc dù to béo nhưng ông không gặp trở ngại gì khi phải cúi xuống tháo ủng.

Họ ngồi trong phòng bếp uống cà phê. Bà kể cho ông nghe về huyết áp, chứng thiếu máu, những vấn đề không quá xa lạ ở độ tuổi của họ.

– Chứng huyết áp cao của tôi cứ như một quả bom nổ chậm trong người, ông Hugo nói vẻ ảm đạm. Tôi đã uống thuốc và bác sĩ bảo rằng tình hình không tệ. Tuy vậy tôi vẫn thấy lo. Trong gia đình tôi chưa bao giờ có ai chết vì ung bướu. Tất cả, đàn bà cũng như đàn ông, đều do đột quỵ hoặc nhồi máu cơ tim mà lăn đùng xuống đất. Ngày nào tôi cũng phải cố gắng không để nỗi sợ hãi chiến thắng mình.

– Tôi đã tới Hudiksvall, Birgitta Roslin nói. Anh đã cho tôi biết số của Vivi Sundberg.

– Thật vậy sao?

– Anh còn nhớ tôi đã nói gì không? Tôi đã phát hiện ra mình có quan hệ họ hàng với một gia đình bị giết hại ở Hesjövallen. Rồi sau đó mới hay rằng tất cả những người bị giết đều có họ hàng với nhau. Anh có rảnh không?

– Hộp thư trả lời tự động của tôi thông báo là tôi có công vụ ở bên ngoài đến tận cuối ngày. Hôm nay lại không có ca trực nên tôi có thể ở

được đến sáng mai để nghe chị giải khuây bằng tất cả những điều khiếp khủng mà tôi chẳng buồn bận tâm đến.

– Anh vô luân vậy sao?

Ông cau mày lâu bà.

– Chị nghĩ tôi tệ vậy sao? Sau bao nhiêu năm trời? Chị làm tổn thương tôi đấy.

– Tôi đâu muốn thế.

– Vậy thì chị có thể bắt đầu. Tôi nghe đây.

Vì ông thực sự quan tâm đến chuyện này, nên Birgitta Roslin đã kể chi tiết cho ông. Hugo lắng nghe, thỉnh thoảng lại xen vào một câu hỏi, nhưng tỏ ra bị thuyết phục về độ chính xác của lời kể. Sau khi bà kết thúc, ông ngồi lặng im một hồi lâu quan sát hai bàn tay mình. Bà biết Hugo Malmberg là một cảnh sát cực kỳ có năng lực. Ông biết cách kết hợp giữa kiên nhẫn với mau lẹ, phương pháp với trực giác. Bà nghe nói ông là một trong những giáo viên được ưa chuộng nhất trong các khóa đào tạo cảnh sát của Thụy Điển. Mặc dù làm việc cho sở cảnh sát Helsingborg, nhưng ông cũng thường được mời tham gia vào các vụ điều tra phức tạp trên khắp cả nước.

Bỗng nhiên bà thấy lạ là người ta đã không để ông tham gia điều tra vụ án mạng khủng khiếp ở Hesjövalle.

Bà hỏi thẳng ông về việc này, ông cười:

– Thực ra họ cũng có thăm dò. Nhưng không một ai nói xa gần gì về việc chị có mặt ở trên đó và đã có những phát hiện đáng chú ý.

– Tôi nghĩ họ không mấy uring tôi.

– Công chức cảnh sát ghen tức canh chừng máng ăn của mình thôi. Họ cũng muốn tôi tham gia vụ này. Nhưng khi tóm được Valfridsson, họ không còn mấy quan tâm đến việc ấy nữa.

– Nhưng bây giờ Valfridsson đã chết.

– Cuộc điều tra lại tiếp tục.

– Nhưng giờ anh đã biết ông ta không phải là thủ phạm.



– Tôi biết điều đó sao?

– Anh đã nghe những gì tôi kể rồi còn gì.

– Những sự kiện kỳ lạ, những tình tiết mê hoặc, chúng đương nhiên cần phải được điều tra chính xác hơn. Nhưng việc Lars-Erik Valfridsson tự tử không loại bỏ hướng điều tra ấy.

– Ông ta không phải là thủ phạm. Những gì xảy ra vào đêm 12 rạng ngày 13 tháng Giêng vượt xa tầm của một người đàn ông chỉ có một vài tiền án vì tội đánh người và một vụ ngộ sát.

– Có tên ăn cắp xe đạp đã trở thành kẻ cướp nhà băng, một gã nát rượu trở thành kẻ đòi nợ thuê chuyên nghiệp, sẵn sàng vì tiền mà giết bất cứ ai, những con cá to nhất cũng có thể bơi ở vùng nước lặn. Đến một lúc nào đó ở đây, ở cái đất nước Thụy Điển này rất có thể cũng sẽ xảy ra chuyện một gã đàn ông đã phạm tội ngộ sát, đánh người trong lúc say khướt, lúc điên khùng hoàn toàn có thể phạm vào một tội ác khủng khiếp như vậy.

– Nhưng ông ta hoàn toàn không có động cơ!

– Ông công tố viên chẳng đã nói đây là một vụ báo thù đó sao?

– Báo thù vì cái gì? Trả thù cả cái làng ấy ư? Việc này hoàn toàn vô nghĩa.

– Nếu tội ác không mang một ý nghĩa nào đó, thì động cơ của nó cũng không có nghĩa lý gì.

– Bất luận thế nào tôi cũng tin rằng Lars-Erik Valfridsson đã là một hướng điều tra sai.

– *Đang* là một hướng điều tra sai. Tôi đã nói gì nhỉ? Cuộc điều tra được tiếp tục, ngay cả khi ông ta đã chết. Câu chuyện của chị về một người đàn ông Trung Quốc có đáng tin hơn không? Lạ Chúa, làm sao có thể tìm thấy mối liên hệ giữa một ngôi làng nhỏ bé ở miền Bắc với Trung Quốc được nhỉ?

– Tôi cũng không biết nữa.

– Chúng ta hãy chờ xem. Còn chị hãy chú ý làm thế nào để chóng khỏe lại.

Lúc ông ra về, tuyết lại rơi dày hơn.

– Sao chị không đi du lịch đâu đó? Đi về xứ ấm ấy.

– Mọi người ai cũng nói vậy. Nhưng trước hết tôi phải được bác sĩ cho phép đã.

Bà nhìn theo bóng dáng Hugo Malmberg biến mất trong màn tuyết dày. Bà thấy cảm động về việc ông đã dành thời gian đến thăm mình.

Ngày hôm sau, tuyết không còn rơi nữa. Bà đến phòng khám của bác sĩ chuyên khoa, để y tá lấy mẫu máu và được biết một tuần nữa mới có kết quả phân tích.

– Tôi có cần phải kiêng cử gì không? Bà hỏi ông bác sĩ mới của mình.

– Bà nên tránh những gì quá sức.

– Tôi có thể đi du lịch được không?

– Không vấn đề gì.

– Tôi còn một câu hỏi nữa. Tôi có điều gì đáng lo không?

– Không. Bà không có triệu chứng nào khác, nên chẳng có lý do nào để phải lo lắng.

– Như vậy có nghĩa là tôi sẽ không chết?

– Có đấy. Bà sẽ chết. Cũng như tôi vậy. Nhưng không phải ngay lập tức. Điều cần làm là hạ được huyết áp của bà xuống mức vừa phải.

Khi ra đến ngoài đường bà mới thấy rõ mình đã lo lắng như thế nào. Lúc này bà cảm thấy nhẹ nhõm hơn. Bà định sẽ đi dạo thật lâu. Nhưng mới bước được một vài bước đã dừng lại.

Ý nghĩ như đến từ một cõi hư vô. Hoặc có thể bà đã vô thức đi đến quyết định này. Bà đi vào một tiệm cà phê và gọi điện cho Karin Wiman. Máy bận. Bà sốt ruột chờ đợi, gọi cà phê, giở một tờ báo ra đọc. Máy vẫn bận. Mãi đến lần thứ năm máy mới nổi được.

– Mình cùng đi Bắc Kinh với bạn.

Mấy giây sau Karin mới hiểu ra.

– Chuyện gì xảy ra vậy?

– Mình tiếp tục nghỉ ốm. Nhưng bác sĩ nói, mình có thể đi du lịch được.

– Thật vậy không?

– Cả thế giới nói với mình rằng mình nên đi du lịch. Ông xã mình, các con mình, sếp của mình. Bây giờ thì mình hiểu thực sự mình nên làm theo lời khuyên đó. Nếu như bạn vẫn còn hứng thú chia sẻ phòng ngủ với mình...

– Ba ngày nữa mình bay rồi. Cần phải khẩn trương xin Visa cho bạn.

– Có lẽ đã quá muộn chẳng?

– Thông thường việc này sẽ mất thời gian hơn. Nhưng mình có thể giật dây một vài chỗ. Bạn lo mua vé đi nhé.

– Mình nhớ là bạn đi hãng hàng không Phần Lan thì phải?

– Mình sẽ nhắn tin cho bạn số hiệu chuyến bay. Hiện mình không có vé ở đây. Mình cần gấp bản photo hộ chiếu của bạn.

– Mình sẽ về nhà ngay.

Mấy tiếng đồng hồ sau bà đã có toàn bộ giấy tờ để gửi cho Karin. Nhưng bà không mua được vé cùng chuyến bay với Karin. Cuối cùng bà quyết định sẽ bay sau một ngày. Khi ấy hội nghị còn chưa bắt đầu. Tuy Karin là thành viên của ban tổ chức nhưng bà hứa sẽ tranh thủ ra sân bay đón Birgitta.

Birgitta Roslin cảm thấy hồi hộp trước chuyến đi tương tự như ngày trước, khi bà mới bước sang tuổi mười sáu, một mình đi xa tham gia một khóa học tiếng tại Eastbourne thuộc Anh quốc.

– Lạy Chúa, bà nói to trong điện thoại. Mình thậm chí còn không biết hiện thời tiết ở đó như thế nào. Đang là mùa hè hay mùa đông?

– Mùa đông. Như ở đây. Nhưng mà là lạnh khô. Đôi khi có các trận bão từ sa mạc phía Bắc thổi xuống tận Bắc Kinh. Bạn hãy chuẩn bị

như cho một chuyến thám hiểm ở Bắc Cực ấy. Khắp nơi, chỗ nào cũng lạnh. Kể cả ở trong nhà. Nhưng hiện giờ đã khá hơn so với chuyến đến Trung Quốc lần đầu của mình. Ngày đó tuy được ngủ trong một khách sạn tốt nhất, nhưng mình phải mặc cả quần áo ấm mới ngủ được. Sáng nào cũng bị đánh thức bởi tiếng cót két của xe đạp. Nhớ đem theo quần áo lót dày. Cà phê nữa. Món đấy họ vẫn chưa làm được. Nhưng mà không, không đúng đâu, điều mình vừa nói ấy. Chỉ là để chắc ăn thôi. Cà phê ở khách sạn chỉ phải cái là không được đặc như người ta mong muốn thôi.

– Có cần phải mặc đẹp không?

– Áo váy dạ hội bạn khỏi cần. Nhưng một chiếc áo đầm xinh xinh chắc cũng chẳng có hại gì.

– Phải xử sự như thế nào? Không nên nói điều gì? Mình đã có lần nghĩ rằng đã biết tất cả về Trung Quốc. Nhưng đó chỉ là ảo tưởng của một kẻ phiến loạn: Ở Trung Quốc người ta cấy lúa và giơ cao cuốn Mao tuyền, mùa hè người ta bơi lội, với những sải tay mạnh mẽ, đến với tương lai, theo sau Người cầm lái vĩ đại.

– Bạn đừng lo lắng. Quần áo lót dày dặn là được rồi. Đô la tiền mặt. Bạn có thể sử dụng thẻ tín dụng, nhưng không phải là ở khắp nơi. Giày đi đường loại bền. Ở đấy dễ bị cảm lạnh. Đừng tính đến chuyện dễ dàng tìm được loại thuốc bạn thường dùng.

Birgitta Roslin ghi lại những điều đó. Sau cuộc nói chuyện, bà lấy từ ga ra ô tô ra chiếc va li tốt nhất. Buổi tối bà nói chuyện với Staffan về quyết định của mình. Nếu có ngạc nhiên về điều này, ông ấy cũng chẳng để bà nhận ra. Dưới con mắt của ông, Karin Wiman được xem như là bạn đồng hành lý tưởng nhất.

– Anh cũng đã nghĩ đến việc này, ông nói, khi em kể Karin Wiman sẽ bay sang Trung Quốc. Anh không hoàn toàn bị bất ngờ đâu. Bác sĩ nói sao?

– Ông ấy bảo: bà hãy đi đi!

– Vậy thì anh cũng sẽ nói như vậy. Nhưng nhớ gọi điện thoại cho tụi trẻ để chúng khỏi lo lắng.

Bà gọi điện cho ba đứa con mà bà liên lạc được. Đứa duy nhất nói lên nỗi lo lắng của mình là David. Xa vậy sao? Bất ngờ vậy sao? Bà nói để David yên tâm là mình cùng đi với ai, bác sĩ điều trị cho bà không những không phản đối mà còn khuyên bà nên làm thế.

Bà tìm tấm bản đồ và cùng với Staffan đã xác định được khách sạn Đông Dương nơi bà sẽ ở.

– Anh ghen tị với em đấy, bỗng nhiên ông nói. Ngay cả trong thời trẻ của chúng mình, em đã là cô gái Trung Quốc còn anh chỉ là một chàng trai yêu tự do nhút nhát, tin vào những sự thay đổi xã hội một cách trầm lặng, anh đã ước mơ một lần được đến Trung Quốc. Trước hết là Bắc Kinh. Anh hình dung ra rằng từ chân trời đó, thế giới sẽ mang một dáng vẻ khác, khác với tầm nhìn từ các đoàn tàu của anh chạy giữa Alvesta và Nassjo.

– Anh hãy tưởng tượng rằng anh cử em đến đó với nhiệm vụ thám thính trước. Sau đó chúng ta sẽ tới vào mùa hè, nếu không có bão cát.

Bà sống những ngày trước chuyến đi với tâm trạng chờ đợi ngày càng căng thẳng và hồi hộp. Khi Karin Wiman bay đi từ sân bay Kastrup, bà đã có mặt ở đó để nhận vé của mình. Hai người đã tạm biệt nhau ở phòng chờ.

Buổi tối, khi có lẽ Karin đã có mặt ở Bắc Kinh, Birgitta Roslin lục tìm trong một hộp các tông ở ga ra ô tô. Bà tìm thấy ở tận dưới đáy hộp thứ cần tìm. Một cuốn Mao tuyển đã cũ. Trên ngay trang đầu, bà đã viết: *19 tháng Tư năm 1966*.

Ngày đó mình còn là một cô gái, bà thầm nghĩ. Còn trong trắng trong hầu hết mọi lĩnh vực. Chỉ duy nhất có một lần mình ngủ với cái anh Tore đến từ Borstahusen, anh chàng lúc nào cũng mơ trở thành một người hiện sinh chủ nghĩa, nhưng lại hay băn khoăn về việc mình không có được bộ râu rậm. Với chàng trai này, mình đã mất trinh trong một chòi vườn lành lạnh, bốc mùi ẩm mốc. Mình chỉ còn nhớ

anh ta rất vụng về, vụng về đến không chịu nổi. Sau đó, hai đứa đã cảm thấy ngỡ ngàng nghịu đến mức chia tay ngay lập tức, không còn có thể nhìn mặt nhau nữa. Cho đến tận hôm nay mình vẫn tự hỏi anh ta đã kể gì về mình cho các bạn của anh ta. Còn mình cũng không nhớ đã nói gì với đám bạn gái nữa. Nhưng sự ngây thơ chính trị cũng đúng như vậy. Và rồi “cơn bão đỏ” đã đến cuốn mình theo. Sau thời gian bên những người nổi loạn, mình đã trốn tránh. Mình chưa bao giờ nhận thức rõ được tại sao mình lại có thể để bị lôi kéo vào một thứ giống như một giáo phái. Karin tiếp tục cùng cánh tả chiến đấu. Còn mình thì đi theo tổ chức Ân xá Quốc tế rồi bây giờ mình có không mục tiêu.

Bà ngồi lên chông lốp xe và giở từng trang cuốn sách màu đỏ. Bà tìm thấy một tấm ảnh kẹp trong đó. Đó là Karin Wiman và bà. Bà còn nhớ dịp này. Trên nhà ga ở Lund, hai người đã chui vào một buồng chụp ảnh, đó là ý tưởng của Karin, như thường lệ. Bà bật cười nhưng đồng thời cũng giật mình: thời ấy đã quá xa xôi, đến mức bà không thể nhìn trọn được toàn bộ con đường đã qua.

Cơn gió lạnh, bà nghĩ. Tuổi già đang theo bà sát gót mà không báo trước. Bà cầm theo cuốn sách và rời khỏi ga ra. Staffan cũng vừa về tới nhà. Bà ngồi xuống đối diện với ông trong lúc ông ăn suất ăn mà bà chuẩn bị.

– Cô hồng vệ binh đã sẵn sàng chưa? Ông đùa hỏi.

– Em mới đi tìm cuốn sách đỏ của mình.

– Gia vị, ông nói. Nếu như em muốn mua quà cho anh thì hãy mang về các đồ gia vị. Anh luôn hình dung ra rằng chỉ ở Trung Quốc mới có các hương vị như thế.

– Anh còn mong muốn gì nữa không?

– Em trở về khỏe mạnh và vui vẻ.

– Em nghĩ, điều đó em có thể hứa với anh được.

Ông muốn ngày hôm sau được đưa bà đến Copenhagen. Nhưng bà bảo ông chỉ cần đưa mình ra tàu thôi.

Trong đêm bà thấy bồn chồn trước chuyến đi, nhiều lần thức dậy để uống nước. Bà tranh thủ tiếp tục theo dõi trên vô tuyến những sự kiện mới nhất ở Hudiksvall. Ngày càng có thêm nhiều thông tin về Lars-Erik Valfridsson nhưng người ta vẫn không biết được vì sao cảnh sát lại nghi ngờ ông ta là người đã gây ra vụ thảm sát đó. Việc ông ta tự sát đã gây tiếng vang tới tận Nghị viện, bộ trưởng Bộ Tư pháp đã chất vấn về vấn đề này. Người duy nhất vẫn còn giữ được bình tĩnh, đó là công tố viên Robertsson. Ông ấy vẫn giữ quan điểm tiếp tục điều tra như cho đến nay, mặc dù thủ phạm có thể đã chết. Nhưng ông ấy cũng ám chỉ rằng cảnh sát đang lần theo những hướng điều tra khác.

Đó chính là người đàn ông Trung Quốc của ta, bà nghĩ. Dải băng đỏ của ta.

Bà đã nhiều lần định gọi điện cho Vivi Sundberg nhưng rồi lại từ bỏ ý định đó. Điều quan trọng lúc này là chuyến đi đã cận kề.

Đó là một ngày mùa đông đẹp trời, khi Staffan Roslin đưa vợ ra ga, vẫy tay tạm biệt vợ khi đoàn tàu từ từ chuyển bánh. Ở Kastrup, bà không gặp trở ngại gì khi làm thủ tục hải quan. Như mong muốn, bà nhận được chỗ ngồi ở gần lối đi giữa hai dãy ghế. Khi máy bay tăng tốc bốc lên khỏi đường băng, bà có cảm giác tự do như được giải phóng, bà mỉm cười với ông già người Phần Lan ngồi bên cạnh. Bà nhắm mắt, nhớ lại cái thời khi Trung Quốc còn là thiên đường trần gian mơ ước của bà. Bà thấy kinh ngạc về những ý tưởng ngô nghê của mình ngày ấy. Đặc biệt là bà còn cho rằng vào một thời điểm nào đó xã hội Thụy Điển sẽ nổi dậy chống lại trật tự đã được thiết lập. Bà đã nghiêm túc tin vào điều đó? Hay đó chỉ là một cuộc chơi?

Birgitta Roslin nhớ đến trại hè năm 1969 ở Na Uy, mà bà và Karin được mời tham dự. Tất cả hết sức bí mật, không một ai được biết trại hè diễn ra ở đâu. Tất cả những người tham dự, biết rất ít về nhau, đều nhận được một bí danh. Để làm cho kẻ thù giai cấp thường xuyên dò xét bị nhầm lẫn, người ta đã đổi giới tính cho từng người. Bà còn nhớ

trong thời gian ở trại hè bà mang cái tên đàn ông là Alfred. Bà được thông báo đi tuyến xe bus về Kongsberg, rồi xuống xe ở một bến nhất định. Người ta sẽ đón bà ở đó. Bà đã đứng một mình trên bến đỗ dưới trời mưa như trút nước, cố gắng chứng tỏ sự kiên trì cách mạng dưới cơn mưa rào. Cuối cùng một chiếc xe tải nhỏ cũng tới. Người đàn ông trẻ ngồi sau tay lái lau bầu giới thiệu mình là Lisa và bảo bà lên xe. Trại được tổ chức trên một cánh đồng bỏ hoang, ở đó những chiếc lều bạt đã được dựng lên thành từng dãy. Bà đã đổi được chỗ để được ở cùng lều với Karin Wiman lúc này mang tên Sture. Sáng sáng họ dậy tập thể dục trước lá cờ đỏ bay phần phật trong gió. Suốt một tuần ở trại, bà luôn lo sợ phạm sai lầm, sợ nói sai điều gì đó, sợ có thái độ phản cách mạng. Bà đã suýt ngất vào khoảnh khắc quyết định khi được yêu cầu đứng dậy tự giới thiệu về mình, tất nhiên là với cái tên Alfred và kể mình làm gì trong cuộc sống thường dân, lý do nào khiến bà trở thành một nhà cách mạng chuyên nghiệp kiên cường. Nhưng bà đã hoàn thành việc này, thắng lợi của bà thật tuyệt vời khi một trong những người lãnh đạo trại, một người đàn ông to lớn, trạc ba mươi tuổi, tên là Kajsa, có hình xăm trổ, vỗ lên vai bà vẻ công nhận.

Vào lúc này, hai mắt nhắm nghiền, ngồi trên chuyến bay tới Helsinki, bà mới nhận thấy mình đã sợ hãi suốt một thời gian dài ra sao. Vào những lúc hiểm hoi, bà có cảm giác như mình đã tham gia vào một phong trào có thể làm thay đổi trục quay của trái đất. Nhưng phần lớn thời gian, bà cảm thấy sợ hãi.

Bà thức dậy khi máy bay hạ cánh xuống sân bay Helsinki. Bánh máy bay chạm lên mặt đường băng bê tông. Chuyến bay đi Bắc Kinh còn hai giờ nữa mới khởi hành. Ở Helsinki trời lạnh. Qua khung cửa sổ lớn bà nhìn được xuống đường băng nơi những nhân viên mặt đất thở như bốc hơi. Bà nhớ lại cuộc trao đổi cuối cùng với Vivi Sundberg cách đây một vài ngày. Birgitta Roslin hỏi liệu có thể in ảnh từ cuốn băng video không và bà muốn có một tấm trong số đó. Vivi Sundberg không hỏi lý do vì sao bà lại muốn có tấm ảnh của người đàn ông



Trung Quốc. Ngày hôm sau trong thùng thư nhà mình, bà đã có tấm ảnh phóng to. Lúc này nó đang nằm trong túi xách của bà. Bà lấy nó ra khỏi chiếc phong bì.

Anh ta sống ở đâu đó, Birgitta Roslin nghĩ, nhưng làm sao tìm ra được anh ta giữa hàng tỉ người? Mình sẽ không bao giờ biết được anh là ai. Liệu đó có phải là tên thật của anh không. Và nhất là anh ta đã làm gì.

Bà thông thả đi ra lối cửa dành cho chuyến bay Bắc Kinh, hành khách đã đứng chờ, phân nửa là người Trung Quốc. Châu Á đã bắt đầu từ đây, bà nghĩ. Đường biên giới xê dịch trên các sân bay, chúng đến gần hơn, trong khi vẫn ở rất xa.

Bà ngồi ở ghế số 22C. Bên cạnh bà là một người da màu, làm việc cho một công ty của Anh ở Bắc Kinh. Họ vui vẻ trao đổi một vài câu với nhau, nhưng đáng tiếc là cả hai không có nhu cầu dẫn sâu vào cuộc chuyện trò. Bà co ro trong chiếc chăn len và nhận thấy cảm giác hồi hộp lúc này đã được thay thế bởi ý nghĩ chuyến đi này đã không được chuẩn bị chu đáo. Thực ra bà sẽ làm gì ở Bắc Kinh? Đi dạo trên đường phố, ngắm nhìn mọi người, đi thăm viện bảo tàng? Chắc hẳn Karin Wiman sẽ không có nhiều thời gian cho bà. Bà nghĩ rằng con người nổi loạn thời trẻ vẫn còn lại gì đó trong bà.

Mình đi chuyến này để tự tìm lại mình, bà nghĩ. Chứ không phải tìm kiếm một cách vô vọng một người đàn ông Trung Quốc đã giật đứt một dải băng đỏ của chiếc đèn lồng và sau đó có lẽ đã giết chết mười chín con người. Mình đang tìm cách nối lại những đầu dây bị xoắn ra của cuộc đời mình.

Chuyến hạ cánh không như mong đợi. Khi tới lãnh thổ Trung Quốc, cơ trưởng đã thông báo do bão cát nên máy bay không hạ cánh xuống sân bay Bắc Kinh được mà buộc phải đáp xuống thành phố Thiên An và chờ thời tiết tốt hơn. Sau khi máy bay hạ cánh, họ lên một chiếc xe buýt tới phòng chờ khá lạnh, trong đó đã có những người Trung Quốc mặc quần áo dày cộp đang im lặng ngồi chờ. Lịch múi giờ khiến bà

thấy mệt và bà không biết ấn tượng đầu tiên về Trung Quốc của mình là gì. Những ngọn đồi quanh sân bay bị tuyết phủ, trên con đường gần đó bà nhìn thấy xe buýt và những chiếc xe bò kéo.

Hai tiếng sau bão cát ở Bắc Kinh đã giảm. Máy bay lại cất cánh rồi hạ cánh. Sau khi bà làm xong mọi thủ tục hải quan, Karin đã đứng chờ ở lối ra.

– Quân nổi loạn đã trở lại! Karin nói. Nhiệt liệt chào mừng bạn đã đến Bắc Kinh.

– Cảm ơn. Nhưng mình vẫn chưa tin là thực sự mình đã có mặt ở đây.

– Bạn đang có mặt ở Trung Quốc. Trung tâm của thế giới. Trung tâm của cuộc sống. Còn bây giờ chúng ta về khách sạn.

Buổi tối đầu tiên, Birgitta Roslin đứng ở tầng mười chín của khách sạn, trong căn phòng ở cùng với Karin. Bà nhìn xuống thành phố khổng lồ với ánh đèn rực rỡ và rùng mình.

Trong một tòa nhà khác, cũng vào lúc ấy, có một người đàn ông cũng đang đứng đó ngắm nhìn thành phố ấy, ánh đèn ấy, như Birgitta Roslin.

Trong tay anh ta cầm một dải băng đỏ. Khi nghe có tiếng gõ nhẹ vào cửa, anh ta thong thả quay người lại đón vị khách mà mình đã sốt ruột chờ đợi.

# Mạt chược

Buổi sáng đầu tiên ở Bắc Kinh, Birgitta Roslin dậy sớm. Bà đã cùng ăn điểm tâm với Karin Wiman trong phòng ăn rộng thênh thang, trước khi Karin phải khẩn trương đến hội nghị và nghe những bài phát biểu xuất sắc về vị hoàng đế mà hầu như không còn dân thường nào quan tâm đến nữa. Đối với Karin Wiman, ở một vài phương diện thì lịch sử dường như sống động hơn hiện tại.

– Khi mình còn trẻ và nổi loạn, trong những tháng khủng khiếp lúc bấy giờ, vào mùa xuân và mùa hè năm 1968, mình đã sống trong một ảo tưởng, gần như là bị khóa chặt trong một kiểu giáo phái tín ngưỡng. Sau đó mình đã tìm được chỗ ẩn náu trong lịch sử, nơi không gì có thể làm cho mình đau đớn. Và rồi ai mà biết được, chẳng mấy mà mình sẽ lại được sống trong thực tế như bạn.

Birgitta Roslin không muốn phân biệt rạch ròi điều gì là mĩa mai, điều gì là sự thật trong câu nói của Karin. Khi đã ăn mặc thật ấm để có thể dám bước ra ngoài trong thời tiết lạnh khô khắc nghiệt, bà đem theo trên đường những lời nói của Karin. Có thể những lời này có giá trị đối với chính bản thân bà chăng?

Tại quây lễ tân, một cô gái rất đẹp, nói tiếng Anh lưu loát, đã đưa cho bà một tấm bản đồ thành phố. Một câu trích dẫn hiện ra trong đầu bà. *Sự chuyển mình hiện nay của phong trào nông dân là một sự kiện vĩ đại.* Đó là lời phát biểu của Mao được đưa ra trong những cuộc thảo luận gay gắt vào mùa xuân năm 1968, luôn luôn được nhắc lại.

Con đường trước mặt bà rộng rãi và nhiều luồng. Khắp nơi chỗ nào cũng chỉ thấy xe hơi, còn xe đạp thì hầu như vắng bóng. Bên đường là trụ sở rộng lớn của một nhà băng và một hiệu sách cao năm tầng. Trên vỉa hè, những người bán hàng bày la liệt những bịch nước khoáng. Mới đi được một đoạn mà Birgitta Roslin đã cảm thấy không khí ô nhiễm thiêu đốt mũi và cổ họng bà, để lại trong miệng bà vị như kim

loại. Giữa các tòa nhà cao tầng, vươn lên trục cần cầu của những công trường mới: bà đang đi trong một thành phố biến đổi hối hả.

Một người đàn ông kéo chiếc xe ba gác chất đầy lồng gà trống không, dường như đã nhầm thời đại. Nếu không có ông ta, bà hẳn có thể tin rằng mình đang ở bất kỳ đâu trên thế giới này. Khi còn trẻ, bà đã hình dung ra hình ảnh một đoàn người Trung Quốc dài vô tận ăn vận giống hệt nhau, với cuốc, xẻng trong tay, vây quanh là những lá cờ đỏ, những tiếng hô khẩu hiệu, biến núi cao thành những cánh đồng. Đoàn người đông đúc vẫn còn đó, nhưng ít ra thì ở Bắc Kinh, trên đường phố này, họ không còn mặc quần áo giống nhau, không còn cầm cuốc xẻng trong tay nữa. Họ cũng không còn phải đạp xe đạp, họ đã có xe hơi, phụ nữ thả bước trên vỉa hè với những đôi giày cao gót thanh lịch.

Bà chờ đợi cái gì? Đã gần bốn mươi năm trôi qua từ mùa hè 1968, nỗi sợ, nếu không muốn nói là nỗi khiếp hãi, vì không đủ tư cách đứng trong hàng ngũ, rồi vào tháng Tám, đột ngột giải tán, tiếp đó là trống rỗng rồi nhẹ nhõm. Cảm giác giống như đi từ một khu rừng rậm ẩm thấp vào trong một hoang mạc lạnh giá, tối đen như mực.

Cuối những năm 1980 bà với Staffan đã đi du lịch châu Phi, thăm thác nước Victoria ở biên giới giữa Zambia và Zimbabwe. Khi tới bờ sông Zambezi, bỗng dừng Staffan đề nghị làm một chuyến thám hiểm trên đoạn sông chảy xiết phía dưới thác Victoria. Bà đã đồng ý, nhưng rồi mặt tái xanh khi sáng hôm sau phải tập hợp nhau bên bờ sông để nghe chỉ dẫn, ký vào bản cam kết tự chịu trách nhiệm trước những rủi ro rồi lên thuyền cao su. Sau đoạn nước chảy xiết đầu tiên được xem như là đoạn dễ dàng nhất, bà nhận ra rằng chưa bao giờ trong đời mình lại sợ đến như thế. Bà cho rằng không sớm thì muộn họ sẽ bị đắm thuyền, bà sẽ mắc kẹt dưới chiếc thuyền lật ngược và chết đuối. Staffan giữ chặt sợi dây ở mạn thuyền, trên môi nở một nụ cười bí hiểm.

Bây giờ khi đứng trước khách sạn, bà nhận ra rằng vào mùa xuân năm 1968 ấy bà cũng cảm thấy y hệt như chuyến đi thuyền trên khúc sông chảy xiết Zambezi: bà bị cuốn đi trong phong trào của những người nổi loạn, những người nghiêm túc tin rằng không lâu nữa “quần chúng” Thụy Điển sẽ đứng dậy chống lại bọn tư bản và bọn dân chủ xã hội phản bội giai cấp.

Lúc này, khi đứng trước khách sạn bóng lộn với mặt tiền được ốp đá cẩm thạch, còn nhân viên lễ tân thì nói tiếng Anh lưu loát không chê vào đâu được, bà cảm thấy như mình đã được đưa đến một thế giới khác mà bà hoàn toàn không hề biết đến sự tồn tại. Có đúng đây là xã hội nơi mà sự chuyển mình của phong trào nông dân đã là một sự kiện vĩ đại?

Bà nhìn lên tấm bản đồ và thông thả đi dọc theo con phố. Đã biết bao lần bà mừng rỡ ra thành phố này. Thời trẻ, bà đã tuần hành, đã bị cuốn hút bởi hàng triệu người khác, mang một thế lực mà tư bản phát xít không thể chống lại được. Còn bây giờ bà đang ở đây, là một nữ thẩm phán Thụy Điển, được nghỉ ốm vì chứng huyết áp cao. Phải chăng cuối cùng bà đã tới đích, tới thánh địa Mecca mơ ước thời trẻ, tới được quảng trường vĩ đại nơi Mao vẫy tay chào khối đông quần chúng, và cả một vài sinh viên đã ngồi trên sàn nhà của một căn hộ ở Lund tham dự cuộc họp quần chúng đầu tiên? Dù cho sáng nay có hơi bối rối một chút vì hình ảnh nhìn thấy không giống như điều mình chờ đợi, nhưng dù sao bà cũng cảm thấy như một khách hành hương cuối cùng đã đến được cái đích từng ước ao.

Cái lạnh ở đây khô và buốt giá. Bà cúi đầu xuống một chút để tránh những đợt gió lạnh và cát phả lên mặt mình. Bà có tấm bản đồ trong tay, nhưng bà biết rằng chỉ cần đi theo đại lộ này là tới được nơi cần đến.

Một kỷ niệm nữa lại ùa về trong tâm trí bà. Trong những năm làm thủy thủ, cha bà đã có lần đến Trung Quốc. Bà nhớ đến một bức tượng Phật bằng gỗ mà ông đã đem về tặng mẹ.

Lúc này khi đang đi trên đường phố, bỗng nhiên bà cảm thấy cha đang ở rất gần bên mình mặc dù ngày ấy ông không đến Bắc Kinh, mà chỉ cập bến những cảng lớn nhất.

Mình và cha tạo thành một đoàn rước vô hình, bà nghĩ. Mình và cha trong cái thành phố Bắc Kinh lạnh buốt và xa lạ này.

Birgitta Roslin phải mất hơn một tiếng đồng hồ mới tới được quảng trường Thiên An Môn. Bà chưa thấy quảng trường nào lớn thế này. Quảng trường đông đặc người. Bà vạch một lối đi giữa đám đông. Khắp nơi người ta chụp ảnh, vẫy cờ, bán bưu ảnh và nước uống.

Bà đứng lại nhìn xung quanh. Trời đầy sương mù. Vẫn còn thiếu một thứ gì đó. Phải một lúc sau bà mới nhớ ra thứ đó là gì. Không có chim sẻ. Hoặc chim bồ câu. Không có lấy một cánh chim.

Giữa đám đông chen lấn trên quảng trường, bà như vô hình. Bà có thể đột nhiên biến mất mà không ai nhận ra.

Bà nhớ lại những hình ảnh của năm 1989, khi sinh viên đòi hỏi nói rộng quyền tự do tư tưởng và tự do ngôn luận, rồi hình ảnh cuộc biểu tình bị giải tán bằng xe tăng. Ngày đó có một thanh niên đứng ở đây, tay cầm một chiếc túi nhựa. Cả thế giới nín thở nhìn anh trên màn hình vô tuyến. Người thanh niên đó đứng cản một chiếc xe tăng, không chịu nhường lối. Giống như một chú lính chì nhỏ bé, anh đã trở thành biểu tượng của sự phản kháng. Khi chiếc xe tăng tìm cách lách qua, anh vẫn tiếp tục bước sang chặn lối. Bà không biết cuối cùng chuyện gì đã xảy ra. Bà không được nhìn thấy hình ảnh đó.

Trong mối quan hệ của bà với Trung Quốc thì những sự kiện này, hình ảnh người thanh niên ấy đánh dấu một bước ngoặt. Một phần lớn cuộc đời bà đã trôi đi kể từ mùa xuân 1968 ấy khi nhân danh Mao, bà tin tưởng sắt son đến mức vô lý rằng cách mạng đã bắt đầu ở Thụy Điển. Hai mươi năm, trong thời gian ấy cô gái trẻ theo lý tưởng chủ nghĩa đã trở thành thẩm phán đồng thời là bà mẹ bốn con. Bà chưa bao giờ thôi nghĩ về Trung Quốc. Thoạt đầu chỉ như một giấc mơ, sau đó đã trở thành một đất nước kỳ bí và đầy mâu thuẫn mà bà không hiểu

nổi. Những đứa con của bà lại có một cái nhìn hoàn toàn khác về đất nước này. Đối với chúng, đây là một đất nước đầy cơ hội, giống như thế hệ bà và thế hệ cha ông bà đã từng mơ về nước Mỹ. Cách đây không lâu, bà ngạc nhiên khi nghe David tuyên bố khi nào có con, sẽ tìm một vú nuôi Trung Quốc để dạy con học tiếng Trung từ trong nôi.

Bà đi dạo trên quảng trường Thiên An Môn, nhìn những người đang chụp ảnh cho nhau và những người cảnh sát có mặt khắp mọi chỗ. Bà đi cả vào phía trong khu nhà, nơi mà vào năm 1949 Mao Chủ tịch đã tuyên bố thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. Bà trở về khách sạn khi thấy người đã bắt đầu ớn lạnh. Karin hứa sẽ từ chối bữa ăn ở hội nghị để cùng đi ăn với bà.

Ở trên tầng cao nhất của khách sạn, có một nhà hàng từ đó nhìn được toàn cảnh thành phố. Birgitta kể lại cuộc dạo chơi của mình ở quảng trường lớn và nhắc lại một phần những điều mình suy nghĩ.

– Làm sao chúng ta có thể tin được vào những điều ấy nhỉ?

– Bạn nói vậy có ý gì?

– Tin rằng thực tế Thụy Điển đã đứng bên bờ một cuộc nội chiến dẫn đến cách mạng.

– Người ta tin khi người ta biết quá ít. Đó là trường hợp của chúng ta. Ngoài ra chúng ta còn bị lừa dối bởi những kẻ tuyên truyền cho chúng ta. Bạn còn nhớ tay người Tây Ban Nha chứ?

Birgitta còn nhớ rất rõ. Đó là một trong những tay lãnh đạo phong trào nổi loạn, một gã người Tây Ban Nha đã tận mắt được nhìn thấy hong vệ binh diễu hành tại Trung Quốc năm 1967. Không có lý lẽ nào chống lại được anh ta: anh ta đã mục sở thị cách mạng.

– Anh ta sao rồi?

Karin lắc đầu:

– Mình không biết, khi phong trào tan rã, anh ta đã lẫn mất. Theo tin đồn thì hình như anh ta bán thiết bị vệ sinh ở Tenerife. Cũng có thể anh ta đã chết. Hoặc cũng có thể đã trở thành linh mục, hồi đó anh ta đã giống thế rồi: anh ta tin Mao như người ta tin Chúa. Chỉ trong có



vài tháng, anh ta đã gieo rắc nỗi hoang mang trong bao nhiêu thanh niên đầy thiện ý.

– Hồi đó, lúc nào mình cũng sợ. Sợ mình không làm được gì cả, sợ mình không biết rõ không biết đủ, sợ mình không nghĩ kỹ về những quan điểm của mình, sợ mình bị buộc phải tự làm kiểm điểm, tự phê bình...

– Mọi người ai cũng thấy như vậy. Có lẽ chỉ cái tay người Tây Ban Nha kia là không, vì anh ta là người không khiếm khuyết. Anh ta là sứ giả của Thượng đế trên trái đất này với cuốn Mao tuyền trên tay.

– Bạn lúc nào cũng hiểu biết hơn mình. Sau khi trở lại với thực tế, bạn đã gia nhập Đảng cánh tả.

– Không hoàn toàn đơn giản như vậy. Vì mình đã tìm thấy ở đó một cuốn giáo lý khác. Ở đó vẫn thống trị luận điểm cho rằng Liên bang Xô Viết là một hình thái xã hội lý tưởng. Không lâu sau mình cảm thấy xa lạ với nó.

– Dù sao thì cũng vẫn tốt hơn là hoàn toàn không tham gia hoạt động chính trị nào.

– Chúng ta đã xa cách nhau. Mình không biết vì sao lại thế.

– Phải chăng do chúng ta chẳng còn gì để nói với nhau? Những năm sau đó mình cảm thấy hoàn toàn trống rỗng.

Karin giơ hai tay.

– Chúng mình đừng tự đả kích bản thân nữa. Dù sao thì quá khứ của chúng ta vẫn cứ là quá khứ duy nhất mà ta có. Không phải tất cả những gì chúng ta làm đều là xấu.

Họ ăn nhiều món Trung Quốc và cuối bữa đã dùng trà. Birgitta lấy ra cuốn tạp chí có ghi địa chỉ bệnh viện Long Phúc.

– Mình định chiều hôm nay sẽ đến thăm bệnh viện này.

– Vì sao?

– Khi dạo chơi trong một thành phố lạ thì có một đích đến vẫn tốt hơn. Bất cứ là đích nào. Khi cứ đi không có chủ đích, đôi chân sẽ mệt

mọi. Chỉ là để tìm ra tấm biển có những chữ này và sau đó có thể quay về nói với bạn rằng bạn đã đúng.

Hai người chia tay nhau trước cửa thang máy, Karin lại vội vàng đến với hội nghị. Birgitta trở về phòng mình trên tầng mười chín để nghỉ ngơi.

Trong lúc dạo chơi buổi sáng, bà đã cảm thấy có chút bất an. Dù ở giữa dòng người đang chen chúc nhau trên đường phố hay một mình trong cái khách sạn xa lạ của thành phố Bắc Kinh rộng lớn này, bà đều cảm thấy như bản thân bà đang dần tan biến. Nếu như bà biến mất, ai sẽ nhận ra điều ấy? Ai để tâm đến bà? Người ta sẽ sống thế nào đây khi cảm thấy mình hoàn toàn có thể thay thế được?

Bà từng trải qua cảm giác tương tự khi còn rất trẻ. Bỗng nhiên cảm thấy bản thân vượt mất khỏi mình.

Bà bồn chồn đứng dậy tới bên cửa sổ. Ở sâu dưới đó là thành phố, là những con người, tất cả với những ước mơ của họ, những ước mơ xa lạ của họ.

Bà vớ lấy áo khoác, khăn và đôi găng tay, sập cửa lại phía sau. Nỗi lo lắng vẫn đè nặng trong bà chỉ càng tăng lên. Bà cần phải vận động, thăm thú thành phố. Karin hứa tối nay sẽ dẫn bà đến xem buổi trình diễn của nhà hát kịch Bắc Kinh.

Nhìn trên bản đồ, bà thấy đường đến bệnh viện Long Phúc rất xa. Nhưng bà có thời gian, chẳng bị thúc ép gì. Bà cứ thẳng theo con đường tưởng như dài vô tận và cuối cùng cũng đã đến được bệnh viện sau khi đi qua viện bảo tàng nghệ thuật đồ sộ.

Bệnh viện Long Phúc gồm hai tòa nhà. Bà đếm được bảy tầng đều được quét vôi màu trắng và màu xám. Các cửa sổ ở tầng trệt đều được lắp chấn song sắt, rèm cửa được buông xuống. Khắp nơi là những bồn hoa đã khô lá. Những hàng cây trước bệnh viện vào mùa này đều trơ lá, trên bãi cỏ khô lác đác những bãi phân chó. Ấn tượng đầu tiên của bà là Long Phúc giống một nhà tù hơn là một bệnh viện. Bà đi vào khu công viên. Một chiếc xe cứu thương chạy qua, ngay sau đó lại thêm

một chiếc nữa. Ở lối vào chính bà nhìn thấy tấm biển tiếng Trung Quốc gắn ở cột đỡ. Bà so chúng với những chữ viết ở bìa sau của cuốn tạp chí và nhận ra mình đã đến đúng chỗ. Một bác sĩ mặc áo blu trắng đang đứng hút thuốc trước cửa và nói rất to vào chiếc điện thoại cầm tay. Lúc này bà đứng rất gần ông ta nên nhìn thấy được những ngón tay nhuộm vàng do nicotin. Lại thêm một chuyện nữa, bà thầm nghĩ. Hồi đó, chúng ta đã hút thuốc liên tục, hút khắp mọi nơi, hầu như không nghĩ đến xung quanh mình còn có những người khác không chịu được khói thuốc. Chỉ khác là ngày đó chúng ta vẫn chưa có điện thoại di động. Chúng ta không biết cha mẹ, bạn bè, người thân hiện đang ở đâu. Mao chủ tịch hút thuốc, cho nên chúng ta cũng làm như vậy. Ngày đó luôn phải tìm kiếm một trạm điện thoại công cộng còn hoạt động, chỗ nhét tiền không bị kẹt, dây không bị giật đứt. Mình còn nhớ chuyện những người may mắn được đến Trung Quốc thời ấy kể lại: ở đó không có tội phạm. Nếu có ai đó bỏ quên bàn chải đánh răng ở khách sạn Bắc Kinh mà sau đó lại đi đến Quảng Châu, chiếc bàn chải sẽ được gửi ngay đến nơi mới, giao tới tận nhà. Và mọi trạm điện thoại đều hoạt động tốt.

Bà đi một vòng xung quanh bệnh viện. Khắp trên các vỉa hè đều thấy những ông già ngồi chơi mạt chược. Trước kia bà cũng biết luật chơi. Liệu Karin có còn nhớ không? Bà sẽ cố tìm mua một bộ đem về Thụy Điển.

Khi đã đi được một vòng, bà lại đi theo con đường dẫn về khách sạn. Bà dừng lại khi mới đi được một đoạn ngắn. Bà đã nhận ra điều gì đó nhưng không rõ đó là cái gì. Bà từ từ quay người lại. Bệnh viện, công viên tiêu điều, đường phố, những tòa nhà khác. Cảm giác lúc này trở nên mạnh hơn, bà không hoang tưởng. Bà đã bỏ qua cái gì đó. Bà quay trở lại. Viên bác sĩ hút thuốc với chiếc điện thoại di động đã mất dạng. Lúc này đứng ở chỗ đó là mấy cô y tá đang thềm thường hít mạnh khói thuốc vào phổi.

Khi tới được góc công viên, bà mới hiểu ra mình đã nhìn thấy gì mà không để ý. Ở phía bên kia đường có một tòa nhà xa hoa mới được xây dựng. Bà lại lấy cuốn tạp chí bằng tiếng Trung Quốc ra. Tòa nhà được in trong đó chính là tòa nhà đang ở trước mặt bà. Không còn nghi ngờ gì nữa. Trên nóc tòa nhà có một sân thượng không giống với bất cứ một sân thượng nào khác. Nó vươn lên không trung như mũi một con tàu. Bà quan sát mặt tiền tòa nhà lắp kính tối màu. Trước cửa chính có mấy người bảo vệ cầm súng. Có lẽ đây là tòa nhà cơ quan chính quyền. Bà đứng sau một thân cây để tránh gió lạnh. Một vài người đàn ông bước ra khỏi tòa nhà qua khung cửa lớn có lẽ được làm bằng đồng thau, rồi nhanh chóng bước lên chiếc xe đang chờ họ. Một ý nghĩ hấp dẫn lướt qua tâm trí bà. Bà sờ vào trong túi xem tấm ảnh của Vương Minh Hào có ở trong đó không. Nếu như anh ta có liên quan đến tòa nhà này thì chắc chắn những người bảo vệ ở đây phải biết anh ta. Nhưng bà sẽ nói gì khi họ gật đầu bảo rằng đúng là anh ta có ở đây?

Bà không biết nên quyết định như thế nào. Trước khi chìa ra tấm ảnh này bà phải tìm được lý do vì sao mình lại tìm anh ta. Đương nhiên lý do này không được dính dáng tới sự kiện ở Hesjövallen. Nếu ai đó hỏi, bà phải đưa ra được một câu trả lời đáng tin.

Một thanh niên dừng lại chỗ bà đứng. Anh ta nói cái gì đó mà thoát đầu bà không hiểu. Rồi bà nhận ra anh ta đang tìm cách nói với bà bằng tiếng Anh.

– Bà bị lạc đường à? Tôi có thể giúp bà được không?

– Tôi chỉ muốn ngắm tòa nhà đẹp này thôi, bà nói. Anh có biết ai là chủ nhân của nó không?

Anh ta ngạc nhiên lắc đầu.

– Tôi học ngành thú y, anh ta nói. Tôi hoàn toàn không biết gì về tòa nhà này. Tôi có thể giúp bà được gì? Tôi cố gắng nói được tiếng Anh tốt hơn.

– Anh nói hơi nhanh một chút, bà nói. Khó mà hiểu được hết các từ.  
Anh nên nói chậm lại.

– Thế này đã tốt hơn chưa?

– Có lẽ hơi chậm quá.

– Thế được chưa?

– Bây giờ thì tôi hiểu tốt hơn rồi.

– Tôi có thể giúp bà tìm được đường về.

– Tôi có bị lạc đâu. Tôi chỉ dừng lại ngắm tòa nhà này thôi.

– Tòa nhà này quả là đẹp.

Bà chỉ lên sân thượng nhô ra phía trước.

– Tôi tự hỏi ai có thể sống ở đó.

– Một người nào đó, rất giàu có.

Bỗng bà quyết định:

– Tôi muốn nhờ anh giúp cho một việc.

Bà lấy ra tấm ảnh của Vương Minh Hào.

– Anh có thể sang đó hỏi mấy người bảo vệ xem họ có biết người này không? Nếu họ hỏi tại sao, anh cứ nói đơn giản là có người nhờ anh nhắn anh ta.

– Nhắn gì vậy?

– Anh cứ nói là mình sẽ quay lại với lời nhắn. Tôi chờ anh ở trước bệnh viện.

Anh ta đưa ra câu hỏi mà bà chờ đợi.

– Tại sao bà không tự hỏi lấy?

– Tôi thấy e ngại, một phụ nữ châu Âu không nên đi đến đó để hỏi gặp một người đàn ông Trung Quốc.

– Bà có quen biết anh ta không?

– Có.

Birgitta Roslin tìm cách tỏ ra không muốn nói ra hết lý do, đồng thời bà bắt đầu thấy hối tiếc về ý định của mình. Nhưng người thanh

niên đã cầm lấy tấm ảnh và dợm đi.

– Còn việc này nữa, bà nói. Anh hãy hỏi xem ai là người sống ở trên đó. Ở tầng trên cùng ấy. Nó trông giống như một căn hộ có sân thượng.

– Tôi tên là Hứa, anh ta nói. Tôi sẽ hỏi xem.

– Còn tôi là Birgitta. Anh hãy làm như mình là một người tò mò.

– Bà từ đâu đến? Từ Mỹ à?

– Thụy Điển. Phiên âm ra tiếng Trung Quốc là Ruidian, tôi nghĩ thế.

– Tôi không biết nước ấy ở đâu?

– Vậy thì khó có thể giải thích được.

Khi anh ta chuẩn bị bước qua đường, bà cũng quay người đi vội về phía trước khu nhà bệnh viện.

Lúc này mấy cô y tá không còn ở đó. Một ông lão chống nạng từ từ bước ra khỏi khung cửa mở. Bà bỗng có cảm giác đã tự đặt mình vào một mối nguy hiểm, nhưng rồi cũng tự trấn an rằng lúc này trên đường phố còn rất đông người qua lại. Một người đàn ông Trung Quốc có thể biến mất sau khi giết rất nhiều người trong một ngôi làng nhỏ ở Thụy Điển. Nhưng sẽ không thể giết một khách du lịch phương Tây giữa ban ngày ban mặt ngay trên phố. Điều này Trung Quốc không cho phép.

Hứa quay trở lại. Anh ta bước đi thong thả, không nhìn ngang nhìn ngửa. Birgitta Roslin đi về phía Hứa.

Anh ta lắc đầu.

– Không có ai nhìn thấy người đàn ông này.

– Không ai biết anh ta là ai ư?

– Không một ai.

– Anh đã cho ai xem tấm ảnh này?

– Mấy người bảo vệ. Có một người đàn ông nữa từ trong ngôi nhà ấy bước ra cũng xem nó. Anh ta đeo kính râm. Tôi phát âm đúng chứ? “Kính râm”?

- Rất chuẩn. Thế còn ai sống ở tầng trên cùng?
  - Họ không trả lời câu hỏi này.
  - Nhưng có người sống ở trên đó đúng không?
  - Tôi nghĩ vậy. Họ cũng không thích câu hỏi này và bảo tôi đi đi.
  - Sau đó anh làm gì?
- Anh ta ngạc nhiên nhìn bà:
- Sau đó tôi bỏ đi.

Bà lấy từ trong túi xách tay ra một tờ mười đô la. Thoạt đầu anh ta không muốn nhận và trả lại bà tấm ảnh Vương Minh Hào, rồi hỏi bà hiện nay đang ở khách sạn nào, tin chắc là bà sẽ về được khách sạn của mình, nên anh lịch sự cúi chào tạm biệt bà.

Trên đường trở về khách sạn, bà lại có cảm giác choáng váng rằng lúc nào cũng có thể bị đám đông nuốt chửng và biến mất mà không một ai nhận thấy. Bà buộc phải đứng lại, tựa lưng vào tường một ngôi nhà. Gần đó có một quán trà. Bà vào đó, gọi một cốc trà cùng một vài chiếc bánh bích quy và cố thở thật sâu. Cơ hoành loạn mà bà phải chịu từ vài năm nay lại xuất hiện. Choáng váng, cảm giác bỗng nhiên bị rơi tự do. Chuyển đi xa đến Bắc Kinh cũng không giúp bà thoát ra khỏi nỗi lo lắng vẫn gặm nhấm bà.

Bà lại nghĩ đến Vương. Bà đã theo dấu anh ta đến tận đây, nhưng không tiếp tục được nữa. Bà gõ chiếc búa thăm phán tượng tượng của mình lên mặt bàn trà và tuyên bố không thành tiếng với chính mình rằng tất cả đã qua. Một thanh niên phát âm tiếng Anh còn chưa chuẩn đã giúp bà hết mức có thể. Bà không thể đi xa hơn nữa, không cần nghĩ tới chuyện đó nữa.

Bà thanh toán tiền trà. Giá quá cao khiến bà giật mình. Rồi bà lại ra với gió lạnh.

Buổi tối hai người đến nhà hát. Mặc dù ở đây có tai nghe chụp đầu, nhưng Karin Wiman vẫn kiếm được một nữ phiên dịch cho bà. Suốt bốn giờ đồng hồ, Birgitta Roslin phải ngồi nghiêng đầu qua một bên

lắng tai nghe lời tóm tắt đôi chỗ hơi khó hiểu của cô phiên dịch về những tình tiết đang diễn ra trên sân khấu. Khi chương trình kết thúc, và cuối cùng đã có thể rời khỏi rạp hát lạnh băng, cả hai đều mỗi cứng cổ.

Trước cửa nhà hát, họ đứng đợi xe mà hội nghị đã bố trí cho Karin sử dụng. Birgitta cho rằng mình đã thoáng thấy Hứa.

Sự việc diễn ra quá nhanh đến nỗi bà chưa kịp nhìn rõ khuôn mặt anh ta thì anh ta đã biến mất.

Khi hai người trở về đến khách sạn, bà nhìn lại phía sau. Nhưng bà không hề biết một ai trong số đó.

Người bà ớn lạnh. Từ cõi hư vô nỗi sợ hãi của bà lại xuất hiện. Bà đã nhìn thấy Hứa trước rạp hát. Bà chắc chắn điều này.

Karin hỏi liệu bà có muốn uống một chút gì trước khi lên giường không. Birgitta đồng ý.

Một tiếng đồng hồ sau Karin đã ngủ say. Birgitta còn đứng bên cửa sổ, nhìn ra những ngọn đèn nê ông nhấp nháy.

Nỗi sợ hãi không chịu rời bỏ bà. Làm thế nào Hứa lại biết bà có mặt ở đó? Tại sao anh ta bám theo bà?

Khi lên giường nằm xuống bên cạnh người bạn gái đang ngủ say, bà thấy hối hận vì đã cho Hứa xem tấm ảnh của Vương Minh Hào.

Bà thấy lạnh, thao thức rất lâu. Đêm mùa đông ở Bắc Kinh trùm lên bà tấm áo khoác giá băng của nó.



Ngày hôm sau tuyết rơi nhẹ. Karin thức dậy từ lúc sáu giờ sáng để xem lại bản báo cáo mà bà phải thuyết trình trước hội nghị. Birgitta Roslin cũng thức giấc, nhìn thấy bạn mình đang ngồi trên chiếc ghế kê gần cửa sổ, bên cạnh ngọn đèn thấp sáng vì bên ngoài trời vẫn còn tối. Một cảm giác ghen tị đến với bà. Karin đã chọn cho mình một cuộc sống được tiếp xúc với nền văn hóa khác, được đi đó đây, được gặp gỡ. Còn cuộc sống của Birgitta diễn ra trong các phòng xử án, với những cuộc đấu tay đôi liên miên giữa sự thật và dối trá, giữa công bằng và độc đoán, mà kết quả thì cực kỳ không chắc chắn và thường khiến người ta thất vọng.

Karin để ý thấy bà đã thức nhưng vẫn còn nằm và đang nhìn mình.

– Tuyết rơi đấy, bà nói với Birgitta. Nhẹ và mỏng. Ở Bắc Kinh không bao giờ có tuyết nặng hạt. Nó nhẹ, nhưng sắc như cát trong sa mạc.

– Bạn chăm chỉ vậy. Mới sáng sớm đã làm việc.

– Mình hồi hộp. Có rất nhiều người lắng nghe, họ chỉ muốn tìm ra sai sót của mình.

Birgitta nhồm dậy trên giường, thận trọng quay đầu.

– Gáy mình vẫn còn cứng đờ.

– Kinh kịch Bắc Kinh đòi hỏi thân thể phải có sức chịu đựng tốt.

– Mình muốn được đi xem một lần nữa. Nhưng không có phiên dịch.

Karin rời khỏi phòng lúc gần bảy giờ sáng. Hai người thỏa thuận hẹn nhau vào buổi tối. Birgitta còn ngủ thêm một tiếng nữa. Khi bà ăn xong bữa sáng đồng hồ đã chỉ chín giờ. Cảm giác bất an của bà ngày hôm qua đã biến mất. Khuôn mặt của người thanh niên mà bà cho là mình đã nhận ra sau buổi biểu diễn ở nhà hát chắc chắn là do bà tưởng

tượng ra. Bà đã quen với hiện tượng này nhưng vô ích, đôi khi trí tưởng tượng vẫn chơi bà một vở.

Vì rảnh rỗi nên bà quyết định đến một cửa hàng bách hóa nào đó để mua một bộ mặt chược. Bà cũng đã hứa với Staffan sẽ đem về cho ông một số gia vị. Một thanh niên trẻ gác cửa khách sạn chỉ trên bản đồ thành phố đường đến một cửa hàng có cả hai thứ bà muốn mua. Sau khi đã đổi tiền trong nhà băng ở khách sạn, bà lên đường. Hôm nay trời đỡ lạnh hơn. Những bông tuyết nhẹ xoáy tròn trong không khí. Bà kéo khăn quàng cổ trùm lên miệng, mũi và rảo bước.

Đi được một vài mét, bà dừng lại đưa mắt nhìn xung quanh. Trên vỉa hè mọi người đang đi về các hướng khác nhau. Bà quan sát những người đứng im tại chỗ, hút thuốc, nói chuyện điện thoại di động hoặc đơn giản là đang chờ đợi. Nhưng bà không nhận ra gương mặt quen nào.

Phải gần một tiếng đồng hồ sau bà mới tới được cửa hàng. Nó nằm trên phố Vương Phủ Tĩnh. Cửa hàng này chiếm toàn bộ dãy nhà, khi vào bên trong bà có cảm giác như bước vào mê cung. Bà lập tức lọt vào giữa dòng người đang chen chúc. Bà để ý thấy những người xung quanh nhìn bà như dò xét rồi bình phẩm với nhau về quần áo, diện mạo của bà. Bà cố tìm biển chỉ dẫn bằng tiếng Anh, nhưng uống công. Lúc bà len vào chỗ thang máy cuốn, có rất nhiều người bán hàng gọi với theo bằng tiếng Anh trợ trợ.

Ở tầng ba bà tìm thấy một quầy bán sách, giấy viết và đồ chơi. Bà nói với một cô bán hàng, nhưng ngược lại với các nhân viên ở khách sạn, cô này không hiểu bà nói gì. Cô ta nói gì đó vào máy điện thoại nội bộ và ngay sau đó một người đàn ông đứng tuổi tới bên bà và mỉm cười,

– Tôi có thể giúp gì cho bà?

– Tôi muốn mua một bộ mặt chược.

Ông ta dẫn bà lên một tầng khác, nơi bà bất ngờ lọt vào giữa những giá để hàng với các loại bàn cờ khác nhau. Bà lấy hai bộ, cảm ơn ông

ta rồi ra quầy thanh toán tiền. Khi hai bộ mặt chược đã được bọc lại và xếp vào một chiếc túi nhựa lớn, bà tự lần theo mùi hương tìm tới quầy bán thực phẩm, ở đó bà cầm những chiếc túi giấy nhỏ xinh đưa lên mũi ngửi những thứ gia vị còn xa lạ đối với bà. Cuối cùng bà vào một quầy bán đồ ăn điếm tâm gần ngay lối đi ra. Bà uống trà và ăn một loại bánh ngọt tới mức không nuốt nổi. Hai đứa bé đến gần bàn bà, trôn trôn nhìn bà trước khi bị mẹ chúng ngồi ở bàn bên cạnh quát gọi về chỗ ngồi.

Lúc đứng dậy, bà lại có cảm giác mình đang bị theo dõi. Bà đưa mắt nhìn xung quanh, cố nhớ từng khuôn mặt, nhưng không thấy khuôn mặt nào quen. Bực mình vì luôn bị ám ảnh bởi những ý nghĩ kiểu này, bà rời khỏi cửa hàng. Bà bắt taxi về khách sạn vì mấy chiếc túi quá nặng. Trên đường về bà nghĩ xem nên làm gì cho hết ngày. Tới khuya bà mới có thể gặp Karin, vì bạn bà vướng vào một bữa tiệc theo lệ muốn từ chối cũng không được.

Khi đã đem đồ về khách sạn, bà quyết định đi thăm bảo tàng nghệ thuật mà hôm qua đã đi qua. Bà biết đường đến đó. Bà nhớ là mình đã nhìn thấy nhiều quán ăn, nếu đói, bà có thể tạt vào một trong những quán đó. Lúc này tuyết đã ngừng rơi, tấm chăn mây đã bị xé rách. Bỗng nhiên bà cảm thấy như mình trẻ ra, mạnh mẽ hơn lúc buổi sáng. Chính lúc này mình đang là tảng đá lăn mà khi còn trẻ mình đã mơ ước được là nó, bà thầm nghĩ. Một tảng đá lăn với cái cổ cứng đờ.

Khu nhà chính của viện bảo tàng trông giống như một cái tháp, với những gờ tường và phần mái được làm tỉ mỉ. Khách tham quan đi vào qua hai chính môn rộng. Vì bảo tàng quá lớn nên bà quyết định chỉ tham quan tầng dưới. Ở đó trưng bày các hiện vật cho thấy Giải phóng quân nhân dân đã sử dụng nghệ thuật là vũ khí tuyên truyền như thế nào. Phần lớn các bức tranh được thể hiện theo phong cách lý tưởng hóa mà bà đã được biết qua các tạp chí ảnh những năm 60 về Trung Quốc. Nhưng cũng có những bức tranh trừu tượng với các gam màu mạnh mẽ mô tả chiến tranh và hỗn loạn.

Xung quanh bà chỗ nào cũng thấy bảo vệ và hướng dẫn viên, phần lớn là những cô gái trẻ mặc đồng phục màu xanh. Bà tìm cách bắt chuyện với một vài người, nhưng không ai biết tiếng Anh.

Bà dành nhiều giờ đồng hồ tham quan viện bảo tàng. Lúc ra đến ngoài đường, đồng hồ đã chỉ ba giờ chiều. Bà nhìn sang khu bệnh viện và tòa nhà có sân thượng vươn ra. Bà vào một quán ăn bình dân ở gần viện bảo tàng. Bà được chỉ vào chiếc bàn ở góc phòng. Bà gọi món ăn giống như mấy người khách ở bàn bên cạnh và một chai bia. Lúc uống bà mới nhận thấy mình khát thế nào. Bà ăn rất nhiều và uống thêm hai cốc trà đặc để xua đi cảm giác mệt mỏi. Bà ngồi xem lại mấy tập bưu ảnh về nền hội họa Trung Hoa đã mua trong viện bảo tàng.

Bỗng nhiên bà thấy như là đã xong việc với Bắc Kinh dù mới ở đây được hai ngày. Bà cảm thấy quá nhàn rỗi, nhớ công việc của mình và thấy đang lãng phí thời gian. Dĩ nhiên là bà có thể tiếp tục dạo chơi trong thành phố, nhưng bà thiếu một cái đích, giờ đây khi đã mua được bộ mặt chược và đồ gia vị. Cần có một chương trình, bà nghĩ. Trước hết phải trở về khách sạn, nghỉ ngơi, rồi lên một chương trình cho ra trò. Mình còn ở đây năm ngày nữa. Mãi tới hai ngày cuối cùng Karin mới có thời gian cho mình.

Lúc bà ra khỏi quán ăn, mặt trời đã lại biến mất sau những đám mây. Bà thấy như trời lạnh hơn. Bà kéo áo khoác sát hơn vào người và kéo khăn che miệng.

Một người đàn ông tay cầm tờ giấy và cái kéo đi lại phía bà. Bằng tiếng Anh bập bẹ ông ta đề nghị được phép cắt hình bóng của bà. Trong chiếc kẹp tài liệu ông ta đã để sẵn hình mẫu. Phản ứng đầu tiên của bà là từ chối, nhưng rồi bà lại đổi ý. Bà bỏ mũ ra, kéo khăn quàng cổ xuống và ngồi nghiêng để ông ta cắt hình.

Hình bóng mà ông ta vừa cắt xong giống đến đáng kinh ngạc. Khi ông ta nói giá năm đô la, bà đã đưa cho ông tờ mười đô.

Người đàn ông này đã già và có một vết sẹo ở má. Bà thấy tiếc là không được nghe những câu chuyện của ông ta, rồi để tấm hình cắt

vào trong túi xách. Hai người cúi người chào tạm biệt nhau, mỗi người đi về một hướng.

Vụ trấn lột diễn ra quá bất ngờ. Bà nhận thấy một cánh tay ghì chặt lấy cổ mình kéo về phía sau, trong khi một kẻ khác giật lấy chiếc túi xách của bà. Lúc bà cố kêu to, cổ bà bị siết chặt hơn. Một cú đâm vào bụng khiến bà ngạt thở trong giây lát. Bà té xiêu trên mặt đường, không nhận ra ai đã tấn công mình. Mọi chuyện diễn ra quá nhanh, chỉ chừng năm đến mười giây. Một người đàn ông dừng xe đạp lại và một phụ nữ đặt những túi hàng xuống, cùng giúp bà đứng dậy. Nhưng bà không đứng vững, lại té xiêu xuống mặt đường và bất tỉnh.

Lúc bà tỉnh lại đã thấy mình nằm trên một băng ca trong xe cứu thương đang hú còi. Một bác sĩ áp ống nghe lên ngực bà. Bà nhớ là đã bị giật mất túi xách. Nhưng sao bà lại phải nằm trên xe cứu thương? Bà tìm cách hỏi ông bác sĩ, nhưng ông ta chỉ trả lời bằng tiếng Trung Quốc và bà đoán ông ta ra hiệu bảo bà nên yên lặng và không được cử động. Cơn cổ bà bị đau do cánh tay của kẻ đó đã kẹp chặt vào yết hầu. Bà có bị thương nặng không? Ý nghĩ này khiến bà sợ hãi. Bà đã có thể bị giết chết trên đường. Hung thủ không chần chừ dù giữa ban ngày ban mặt và người dân cùng xe cộ vẫn đi lại đầy trên phố.

Bà bật khóc. Phản ứng đầu tiên của bác sĩ là bắt mạch ngay cho bà. Đúng lúc ấy xe cứu thương đột ngột dừng lại, cửa được mở ra. Bà được chuyển sang một chiếc băng ca khác, đẩy lăn trên hành lang đèn sáng trưng. Lúc này bà nức nở khóc, không cầm được nước mắt. Bà gần như không để ý thấy người ta đã tiêm cho mình một liều thuốc an thần. Bà cảm thấy mình như đang dập dềnh trên làn sóng biển sau cơn bão, xung quanh là những khuôn mặt người Trung Quốc hình như cũng trôi nổi như bà, những cái đầu nhấp nhô, sẵn sàng đón chào Người cầm lái vĩ đại, khi ông trở lại bờ sông sau chuyến vượt Trường Giang đầy nghị lực.

Lúc tỉnh lại, bà thấy mình nằm trong một căn phòng đèn sáng lờ mờ, rèm cửa kéo kín. Một người canh gác mặc đồng phục ngồi trên

chiếc ghế gần cửa ra vào. Lúc thấy bà mở mắt, anh ta đứng dậy rời khỏi phòng. Ngay sau đó có hai người đàn ông khác bước vào, cũng mặc đồng phục. Cùng đi với họ là ông bác sĩ, vị này nói chuyện với bà bằng tiếng Anh giọng Mỹ.

– Bà thấy trong người thế nào?

– Tôi không biết. Tôi thấy mệt. Cổ tôi bị đau.

– Chúng tôi đã khám kỹ cho bà. Bà không hề hấn gì trong vụ việc đáng tiếc này.

– Vậy tại sao tôi lại phải nằm đây? Tôi muốn về khách sạn.

Ông bác sĩ cúi xuống sát người bà hơn chút nữa.

– Trước hết bên cảnh sát muốn được nói chuyện với bà. Chúng tôi thấy khách nước ngoài gặp phải chuyện như thế này ở đất nước chúng tôi là một điều không tốt, khiến chúng tôi hổ thẹn. Những kẻ đã tấn công bà nhất định sẽ phải bị bắt giữ.

– Nhưng tôi không nhìn thấy gì cả.

– Về việc này bà không cần phải nói với tôi.

Ông bác sĩ đứng dậy, gật đầu với hai người mặc đồng phục. Họ kéo ghế lại gần giường bà. Người trẻ hơn làm phiên dịch cho người đàn ông chừng sáu mươi tuổi, lúc ông ta đặt câu hỏi. Ông ta đeo một chiếc kính màu, nên bà không nhìn thấy ánh mắt của ông ta. Ông ta bắt đầu đặt câu hỏi mà không hề giới thiệu về mình, kể cả người đi cùng. Bà cứ có cảm giác người đàn ông lớn tuổi hơn không có thiện cảm với bà.

– Chúng tôi cần phải biết bà đã nhìn thấy gì?

– Hoàn toàn không nhìn thấy gì cả. Sự việc diễn ra quá nhanh.

– Các nhân chứng đều khai thống nhất rằng hai người đàn ông đó không bị mặt.

– Thậm chí tôi cũng không biết là có hai người.

– Khi ấy bà thấy thế nào?

– Có ai đó dùng cánh tay kẹp chặt lấy cổ tôi. Chúng đến từ phía sau, giật túi xách và đâm vào bụng tôi.

- Bà phải kể cho chúng tôi tất cả những gì bà biết về hai người này.
- Tôi đã nói là tôi hoàn toàn không nhìn thấy gì cả.
- Không cả nhìn thấy mặt chúng?
- Không.
- Bà có nghe thấy giọng nói của chúng không?
- Tôi không nghe thấy chúng nói gì cả.
- Chuyện gì xảy ra ngay trước vụ tấn công này?
- Một người đàn ông đã cắt hình bóng cho tôi. Tôi vừa trả tiền xong và chuẩn bị đi tiếp.
- Bà có nhìn thấy gì trong lúc ngồi để cắt hình bóng không?
- Tôi phải nhìn thấy cái gì mới được chứ?
- Một ai đó đang chờ đợi.
- Tôi còn phải nói là tôi hoàn toàn không nhìn thấy gì hết bao nhiêu lần nữa?

Khi người phiên dịch xong câu đó của bà, người đàn ông xoay người về phía trước và cao giọng:

– Chúng tôi đặt những câu hỏi này vì chúng tôi muốn bắt được những kẻ đã đánh bà và giật mất túi xách của bà. Vì vậy bà cần phải bình tĩnh mà trả lời.

Câu nói này của ông ta dội lên bà như những cú bạt tai liên tiếp.

- Tôi thấy sao nói vậy.
  - Trong túi xách của bà có những gì?
  - Một ít nhân dân tệ, đô la Mỹ. Một cái lược, một chiếc khăn mùi soa, mấy vỉ thuốc, một chiếc bút bi, toàn những thứ không quan trọng.
  - Chúng tôi tìm thấy hộ chiếu của bà trong túi áo khoác. Bà là người Thụy Điển? Tại sao bà lại ở đây?
  - Tôi cùng đi với một người bạn gái trong dịp nghỉ phép.
- Người đàn ông đứng tuổi suy nghĩ. Gương mặt của ông ta bất động.
- Chúng tôi không thấy bức cắt hình bóng của bà, ông ta nói sau một lúc im lặng.

– Nó ở trong túi xách của tôi mà.

– Điều này bà không nói lúc chúng tôi hỏi. Bà còn quên thứ gì khác nữa không?

Bà suy nghĩ rồi lắc đầu. Cuộc thẩm vấn kết thúc đột ngột. Người đàn ông đứng tuổi nói gì đó rồi rời khỏi phòng.

– Khi khỏe hơn, bà sẽ được đưa về khách sạn. Chúng tôi sẽ gặp bà một lần nữa để hỏi thêm một số vấn đề, sau đó sẽ hoàn tất biên bản.

Người phiên dịch nói tên khách sạn của bà dù bà chưa hề nhắc đến nó.

– Do đâu mà anh biết tôi sống ở khách sạn đó? Chìa khóa phòng ở trong túi của tôi mà.

– Tuy vậy chúng tôi vẫn có thể biết.

Anh ta cúi chào rồi rời khỏi phòng. Trước khi cánh cửa được khép lại, ông bác sĩ nói giọng Mỹ lại bước vào.

– Chúng tôi còn cần thêm chút thời gian nữa. Một vài mẫu máu thử, đánh giá phim X-quang. Sau đó bà có thể về khách sạn.

Chiếc đồng hồ, bà nghĩ. Bọn chúng đã không giật mất. Bà nhìn đồng hồ. Năm giờ kém mười lăm.

– Khi nào tôi có thể về khách sạn?

– Không lâu nữa.

– Bạn tôi chắc sẽ lo lắng, nếu như không thấy tôi đâu.

– Chúng tôi sẽ đưa bà về khách sạn. Chúng tôi cố gắng làm thế nào để những vị khách nước ngoài không hoài nghi về lòng hiếu khách của chúng tôi, mặc dù đôi khi cũng xảy ra những chuyện không may.

Họ để lại bà một mình trong phòng. Bà nghe có tiếng người gào thét ở đâu đó, một tiếng kêu cô đơn, vọng dọc theo hành lang.

Bà cố nhắm mắt xem chuyện gì đã xảy ra. Điều duy nhất cho thấy người ta đã tấn công bà là vết hầu của bà bị đau và chiếc túi xách bị mất. Còn lại mọi chuyện đều như hư ảo: cú sốc bất ngờ khi bị ôm chặt từ phía sau, cú đâm vào bụng, những người đã giúp đỡ bà.



Những người ấy, họ hẳn đã nhìn thấy chuyện gì xảy ra. Cảnh sát đã thẩm vấn họ chưa? Họ vẫn còn ở đó khi xe cứu thương đến chứ? Hay cảnh sát mới là những người tới trước?

Trong đời, chưa bao giờ bà bị tấn công. Bà có bị đe dọa, nhưng chưa có ai đánh bà. Bà nhận ra đây là lần đầu tiên mình bị đánh. Bà đã kết án những kẻ đánh người, bắn người, đâm người bằng dao nhọn. Nhưng chưa bao giờ bà cảm thấy hai chân mình nhũn ra như thế.

Mình đã phải đi sang nửa kia của địa cầu để việc ấy xảy ra, bà nghĩ, ở đây, nơi mà ngay cả một chiếc bàn chải đánh răng cũng không bị mất.

Bà đã học được điều này trong nhiều năm làm thẩm phán: một người bị tấn công sẽ không bao giờ quên được. Nỗi sợ hãi có thể ăn sâu cắm rễ rất lâu, đôi khi suốt cả phần đời còn lại. Nhưng bà không muốn như vậy, không muốn sẽ là một con người sợ hãi trước bóng tối, không bao giờ dám ra đường mà cứ phải liếc trước liếc sau nhìn xung quanh.

Bà quyết định khi về nhà sẽ lập tức kể cho Staffan nghe chuyện này. Tất nhiên bà sẽ kể phiên bản được cắt xén bớt đi nhưng vẫn đủ để chồng bà hiểu được rằng rất có thể bà đã bất ngờ chết trên đường phố chẳng vì lý do gì.

Bà biết mình đang có những phản ứng hoàn toàn bình thường sẽ xuất hiện sau một vụ tấn công: nỗi sợ hãi, tức giận, cảm giác bị làm nhục, sự buồn rầu và ham muốn trả thù. Ngay bây giờ, khi vẫn còn phải nằm lại trên giường bà cũng sẽ không phản đối khi hai gã đàn ông đã tấn công bà bị buộc phải quỳ xuống và mỗi tên nhận một viên đạn vào gáy.

Một cô y tá bước vào phòng giúp bà mặc quần áo. Bà vẫn còn thấy đau ở vùng bụng, đầu gối bị trầy da. Khi cô y tá đưa cho bà lược chải đầu và giơ gương cho bà soi, bà thấy mặt mình thật xanh xao. Thì ra khi sợ hãi, trông mình như thế này đây, bà thầm nghĩ.

Ông bác sĩ bước vào lúc bà ngồi trên giường và đã sẵn sàng trở về khách sạn.

– Có thể ngày mai bà sẽ thấy hết đau ở cổ, ông ta nói.

– Cảm ơn sự chăm sóc của ông. Trở về khách sạn bằng cách nào đây?

– Xe của bên cảnh sát sẽ đưa bà về.

Ngoài hành lang đã có ba cảnh sát chờ sẵn. Một người cầm trên tay một khẩu tiểu liên nhìn đến phát hoảng. Bà đi thang máy với họ xuống dưới tầng trệt và lên xe của cảnh sát. Bà không biết mình đang ở đâu, cả đến tên bệnh viện nơi bà được điều trị, bà cũng không biết. Phía xa, bà như nhìn thấy một mặt của Tử Cấm Thành, nhưng bà cũng không chắc lắm.

Họ không bật còi hụ. Bà biết ơn vì đã không bị đưa về khách sạn với ánh đèn nhấp nháy màu xanh. Bà xuống xe trước cửa khách sạn. Chiếc xe đã phóng đi ngay khi bà chưa kịp quay đầu lại. Bà vẫn tự hỏi làm sao họ lại biết được mình ở khách sạn nào.

Bên quầy lễ tân, bà giải thích mình đã đánh mất chiếc chìa khóa nhựa, lập tức bà nhận được một chiếc mới. Việc này diễn ra quá nhanh chóng, có lẽ chiếc chìa khóa đã được chuẩn bị sẵn cho bà. Cô gái đứng sau quầy lễ tân mỉm cười. Cô ta đã biết, bà nghĩ. Cảnh sát đã tới đây thông báo với khách sạn về vụ tấn công.

Trong lúc tới thang máy, bà tự nhủ mình nên biết ơn vì sự giúp đỡ của họ mới phải. Nhưng thay vì thế, bà lại cảm thấy bất an. Nỗi bất an không tan biến khi bà mở cửa bước vào phòng và nhận ra rằng đã có ai đó có mặt ở đây, ngoài cô dọn phòng ra. Đương nhiên có thể Karin đã tạt về lấy cái gì đó hoặc là để thay quần áo. Không loại trừ chuyện ấy. Nhưng điều gì có thể ngăn cảnh sát bí mật ghé qua căn phòng này? Hoặc là một ai khác? Ở Trung Quốc chắc chắn phải có một lực lượng cảnh sát mật có mặt ở khắp mọi nơi nhưng không để bị nhìn thấy.

Chính chiếc túi nhựa đựng bộ mặt chược đã vạch mặt vị khách xa lạ đó. Birgitta lập tức nhận ra nó không còn nằm ở chỗ cũ. Bà nhìn

quanh phòng, từ từ, để không bỏ qua bất cứ điều gì. Nhưng chỉ có chiếc túi nhựa là không nằm đúng vị trí lúc trước.

Bà đi vào phòng tắm. Chiếc túi đựng đồ trang điểm của bà vẫn ở chỗ mà buổi sáng bà đã để, vẫn y nguyên như cũ.

Bà trở ra phòng ngoài, ngồi xuống chiếc ghế gần cửa sổ. Va li của bà vẫn nằm đó, nắp được mở ra. Bà đứng dậy kiểm tra đồ đạc bên trong, nhấc ra từng thứ áo xống một. Nếu như có ai đó đã lục lọi thì họ cũng không để lại dấu vết gì.

Mãi tới lúc chạm đáy va li bà mới sững lại. Ở đây phải có chiếc đèn pin và hộp diêm. Những thứ này bà luôn đem theo trong các chuyến du lịch sau cái lần đi nghỉ ở Madeira hồi một năm trước khi kết hôn và phải trải qua lần mất điện kéo dài hai mươi tư tiếng đồng hồ. Hôm đó bà đi dạo chơi vào buổi tối, leo lên các mỏm đá dựng đứng ở ngoại vi Funchal. Bỗng xung quanh bà tối om. Phải mất mấy tiếng đồng hồ bà mới mò mẫm về tới được khách sạn. Từ lần đó trở đi lúc nào trong va li của bà cũng có bao diêm. Trên hộp diêm, có nhãn hiệu màu xanh lá cây của một tiệm ăn ở Helsingborg.

Bà giữ lại đồng quần áo một lần nữa, nhưng không thấy bao diêm đâu cả. Hay là bà đã để nó trong túi xách? Đôi khi cũng xảy ra như vậy. Tuy nhiên bà không nhớ đã lấy nó ra khỏi va li. Nhưng ai lại đi mò vào lục lọi đồ trong một phòng khách sạn để lấy đi bao diêm cơ chứ?

Bà lại ngồi xuống chiếc ghế bên cửa sổ. Những giờ đồng hồ vừa qua ở bệnh viện, khi ấy mình đã thấy là không cần thiết, bà nghĩ. Họ hy vọng sẽ biết được gì khi thẩm vấn mình? Có thể đó chỉ là cái cớ giữ mình lại cho tới khi cảnh sát lục soát xong căn phòng? Nhưng tại sao? Rốt cuộc mình mới là người bị tấn công!

Có tiếng gõ cửa. Bà giật mình. Nhìn qua lỗ cửa, bà thấy có một vài cảnh sát đứng ở ngoài hành lang. Bà mở cửa, đầy lo lắng. Đó là những cảnh sát khác, không phải những người ở bệnh viện. Trong số họ có một người phụ nữ nhỏ nhắn, trạc tuổi Roslin. Bà ta là người lên tiếng:

– Chúng tôi chỉ muốn biết chắc chắn là mọi chuyện đã ổn.

– Cảm ơn.

Bà ta tỏ thái độ muốn được vào trong phòng. Birgitta Roslin bước qua một bên. Một cảnh sát đứng lại ở trước cửa, còn người thứ ba đứng ngoài hành lang. Người phụ nữ dẫn Birgitta Roslin đến bên mấy chiếc ghế gần cửa sổ, đặt cặp tài liệu lên mặt bàn. Có gì đó rất khó tả trong thái độ của bà ta khiến cho Birgitta ngạc nhiên.

– Tôi muốn bà xem một vài tấm ảnh. Chúng tôi đã có lời khai của các nhân chứng, có thể chúng tôi biết kẻ nào đã gây ra vụ này.

– Nhưng tôi không nhìn thấy gì cả. Chỉ trừ một cánh tay. Làm sao tôi có thể nhận dạng được?

Bà cảnh sát không buồn nghe, cứ lấy một tập ảnh từ trong cặp tài liệu trải ra trước mặt Birgitta. Tất cả đều là những thanh niên còn trẻ.

– Có thể bà đã nhìn thấy một cái gì đó mà không nhớ ngay ra được.

Birgitta Roslin thấy có phản đối cũng vô nghĩa. Bà xem từng tấm ảnh và thầm nghĩ có thể một ngày nào đó những thanh niên này sẽ phải chết vì những gì mình đã làm. Đương nhiên là bà không nhận ra ai trong số họ. Bà lắc đầu nói:

– Tôi chưa bao giờ nhìn thấy họ.

– Bà có chắc vậy không?

– Tôi chắc chắn.

– Không một ai trong số họ?

– Không một ai.

Nữ cảnh sát cất những tấm ảnh đó vào cặp tài liệu. Birgitta Roslin để ý thấy móng tay bà ta bị gãy.

– Chúng tôi sẽ tóm được bọn người đã tấn công bà, bà ta nói trước khi rời khỏi phòng. Bà còn ở lại Bắc Kinh bao lâu?

– Bốn ngày.

Bà ta gật đầu, cúi đầu chào rồi ra khỏi phòng.

Điều này thì bà biết quá rõ rồi, Roslin thầm nghĩ, cảm thấy phần nộ khi móc sợi xích an toàn vào chốt cửa. Sao lại còn hỏi tôi? Tôi không dễ bị đánh lừa thế đâu.

Bà đến bên cửa sổ, nhìn xuống đường phố. Máy người cảnh sát ra khỏi khách sạn, chui vào ô tô và nó lập tức phóng đi. Bà lên giường nằm. Bà vẫn chưa biết điều gì ở người phụ nữ kia đã khiến mình chú ý.

Bà nhắm mắt và nghĩ mình nên gọi điện về nhà.

Lúc bà thức dậy, bên ngoài trời đã tối. Cổ bà đã đỡ đau. Nhưng lúc này ký ức về vụ tấn công có vẻ như đáng sợ hơn. Bà có một cảm giác kỳ lạ rằng điều tệ hại nhất vẫn còn ở phía trước. Bà cầm máy di động gọi về Helsingborg. Staffan không có nhà, cũng không bắt máy di động. Bà để lại tin nhắn, định gọi cho các con rồi lại đổi ý.

Bà nghĩ đến chiếc túi xách tay của mình, cố nhớ lại xem trong túi có những thứ gì. Bà đã bị mất sáu mươi đô la. Nhưng bà đã cất phần lớn tiền mặt của mình trong chiếc két nhỏ ở phòng khách sạn. Một ý nghĩ thoáng qua trong đầu, bà đứng dậy mở tủ quần áo. Két sắt vẫn đóng. Bà ấn số bí mật rồi kiểm lại số tiền. Hoàn toàn không mất một đồng nào cả. Bà đóng két và khóa lại. Bà vẫn nghĩ đến thái độ kỳ lạ của nữ cảnh sát. Bà tới bên cửa ra vào, cố gắng nắm bắt điều mình đã bỏ qua. Vô ích. Bà lại nằm lên giường, lật giở trong đầu một lần nữa những tấm ảnh người ta đã cho bà xem.

Bỗng bà ngồi bật dậy. *Bà đã mở cửa. Nữ cảnh sát ra hiệu bảo bà tránh sang một bên. Rồi bà ta tức khắc đi ngay đến chỗ mấy chiếc ghế ở gần cửa sổ. Bà ta không hề nhìn sang hai bên, không nhìn vào cửa phòng tắm để mở, không nhìn vào căn phòng có chiếc giường đôi.*

Birgitta Roslin chỉ thấy có một cách giải thích duy nhất cho hiện tượng này: trước đó nữ cảnh sát đã tới căn phòng này. Bà ta không cần phải xem lại vì đã biết căn phòng như thế nào rồi.

Birgitta Roslin trân trân nhìn chiếc bàn nơi bà ta đã để cặp tài liệu với những tấm ảnh lên trên đó. Một ý nghĩ ban đầu rồi rầm dần trở nên

rõ ràng hơn trong đầu bà. Bà đã không nhận ra khuôn mặt nào trong các tấm ảnh. Và nếu đó chính là điều mà cảnh sát muốn kiểm tra? Rằng bà không thể nhận dạng được một ai? Đây không phải là việc để rồi qua đó sẽ bắt được thủ phạm, mà hoàn toàn ngược lại. Cảnh sát muốn chắc chắn rằng thực sự bà hoàn toàn không nhìn thấy gì hết.

Nhưng tại sao? Bà lại đến đứng bên cửa sổ, lại nghĩ về điều đã từng nghĩ đến tại Hudiksvall.

*Chuyện đã xảy ra thật quá nghiêm trọng, quá bí ẩn, tới mức bà khó mà tưởng tượng nổi.*

Nỗi sợ hãi bất ngờ xâm chiếm bà. Phải hơn một tiếng đồng hồ bà mới vượt qua được nó và đi xuống tiệm ăn của khách sạn.

Trước khi bước qua cửa kính bà đưa mắt nhìn quanh. Nhưng không có một ai.

Birgitta Roslin khóc. Karin nhóm dậy, dè dặt giữ chặt hai vai bạn, lay cho bà tỉnh dậy.

Đêm qua Karin về muộn, khi ấy Birgitta đã ngủ. Để ngủ được, bà đã uống một viên thuốc ngủ, điều mà rất ít khi bà làm.

– Bạn lại mơ ngủ, Karin nói. Một giấc mơ buồn à, vì bạn khóc.

Nhưng Birgitta không nhớ được giấc mơ đó.

– Mấy giờ rồi?

– Gần năm giờ sáng rồi. Mình mệt, cần phải ngủ thêm. Tại sao bạn lại khóc?

– Mình không biết. Hẳn là mình đã mơ, nhưng không nhớ gì nữa.

Karin lại nằm xuống. Một lúc sau bà đã ngủ thiếp đi. Birgitta dậy, mở hé rèm cửa sổ. Sáng sớm trên đường đã có nhiều xe cộ và người qua lại. Nhìn những lá cờ bay phần phật, bà biết hôm nay sẽ lại là một ngày có gió ở Bắc Kinh.

Nỗi sợ hãi quay trở lại. Nhưng bà quyết định sẽ chống lại nó, phản ứng giống như những khi bà nhận được thư đe dọa trong sự nghiệp làm thẩm phán. Bà hồi tưởng lại các sự kiện một lần nữa, cố gắng giữ một thái độ bình tĩnh. Rốt cuộc bà rút ra kết luận khó khăn rằng sức tưởng tượng phong phú của bà lại đi quá xa. Bà thấy chỗ nào cũng là một âm mưu, một chuỗi các sự kiện mà trong thực tế không hề tồn tại. Bà đã bị tấn công, chiếc túi xách bị giật mất. Đó là sự thật. Cảnh sát chắc chắn là đang làm hết khả năng để tìm ra thủ phạm, vậy tại sao họ lại phải dính dáng vào đây cơ chứ? Giờ đây, khi vừa tỉnh giấc, bà thấy điều này thật khập khiễng. Bà đã suy diễn lung tung, có thể chính vì vậy mà bà đã khóc.

Bà lại nằm lên giường, bật công tắc chiếc đèn đứng, đẩy lùi nó lại để ánh sáng không rọi lên người Karin. Rồi bà bắt đầu giờ cuốn sách hướng dẫn du lịch Bắc Kinh đã đem theo. Bà đánh dấu vào bên lề

những nơi dự định đến xem trong những ngày còn lại. Trước hết bà muốn đến tham quan Tử Cấm Thành. Bà đã đọc nhiều về khu này và nó luôn lôi cuốn bà kể từ khi bà quan tâm đến Trung Quốc. Vào một ngày khác bà muốn đến thăm một ngôi chùa Phật giáo. Staffan và bà thường hay đàm đạo với nhau rằng chỉ có đạo Phật mới có thể lôi cuốn được họ, nếu như có ngày nào đó họ có hứng thú tôn thờ một vị thần nào đó. Staffan cũng lưu ý rằng đạo Phật là tín ngưỡng duy nhất không đưa đến chiến tranh hoặc sử dụng bạo lực để truyền bá học thuyết. Còn đối với Birgitta, điều quan trọng là ở chỗ đạo Phật chỉ thừa nhận một đức Phật ở trong tâm của mỗi người.

Bà ngủ thêm mấy tiếng đồng hồ nữa và thức dậy khi thấy Karin đang trần truồng vươn vai ở giữa phòng. Một cựu chiến sĩ phiến loạn với thân hình còn rất thon thả, bà thầm nghĩ.

– Còn ưà nhìn lắm, Birgitta nói.

Karin giật mình, cảm thấy như bị bắt quả tang:

– Mình cứ ngỡ bạn vẫn còn ngủ.

– Cách đây một phút thôi. Giờ thì mình đã thức mà không khóc.

– Có đúng là lúc trước bạn mơ ngủ không?

– Chắc chắn. Nhưng mình hoàn toàn chẳng nhớ được gì cả. Giấc mơ đã bỏ trốn. Nhưng có lẽ mình mơ mình là một thiếu nữ đang thất tình.

– Chưa bao giờ mình mơ thấy tuổi trẻ. Ngược lại, mình lại rất hay mừng tượng ra cảnh tuổi già.

– Chúng ta đang trên đường đến đó đây.

– Hiện giờ, với hội nghị này, mình không có thời gian nghĩ tới điều đó. Mình hy vọng là các bài tham luận được trình bày hôm nay sẽ thú vị.

Karin biến mất vào phòng tắm. Lúc quay ra bà đã ăn mặc chỉnh tề.

Birgitta vẫn chưa kể cho Karin nghe về vụ tấn công. Bà tự hỏi mình có nên nhắc lại chuyện đó không. Trong tất cả các cảm xúc có liên



quan đến sự kiện này, có gì đó giống như sự khó chịu như thế bà hoàn toàn có thể tránh được chuyện đã xảy ra. Thường thường, lúc nào bà cũng rất cảnh giác.

– Tối nay mình sẽ lại phải về muộn như hôm qua, Karin nói. Nhưng ngày mai thì chấm hết. Chúng ta có thời gian cho nhau.

– Mình có một danh mục khá dài, Birgitta nói. Hôm nay Tử Cấm Thành chờ đợi mình.

– Một vài chuyên gia có quan điểm là khi sống ở đó Mao đã cố bắt chước một hoàng đế cũ, Karin nói. Trước hết là Tần Thủy Hoàng, một vị hoàng đế mà mấy hôm nay thường được mọi người nói đến trong hội nghị. Nhưng mình cho rằng đó chỉ là những lời vu khống độc địa. Một sự xuyên tạc vì mục đích chính trị.

– Tư tưởng của ông ấy vẫn ở trong chúng ta, Birgitta nói. *Hãy tiến lên, bằng lòng hăng say lao động, bằng những suy nghĩ đúng đắn.*

Karin nhanh chóng biến mất, tràn trề sinh lực. Thay vì ghen tị với bạn, Birgitta cũng nhanh nhẹn vùng dậy, làm một vài động tác hít đất và chuẩn bị cho một ngày ở Bắc Kinh không bị ám ảnh bởi điều gì. Bà dành cả buổi sáng cho mê cung bí ẩn của Tử Cấm Thành. Phía trên chính môn, ở giữa bức tường gạch nung ngoài cùng, mà trước kia chỉ có hoàng đế mới được bước vào, bây giờ có treo một bức ảnh chân dung lớn của Mao. Birgitta Roslin để ý thấy người Trung Quốc nào khi bước qua cổng cũng đều sờ vào nẹp cửa mạ vàng. Bà cho rằng đó là một hình thức mê tín dị đoan. Có thể Karin biết nhiều hơn về việc này.

Bà đặt chân lên những phiến đá lát đã mòn vẹt trong sân Cố Cung và nhớ lại mình đã đọc được rằng Tử Cấm Thành có cả thảy 9999,5 phòng. Vì Thượng đế chỉ có mười ngàn phòng, nên đương nhiên thiên tử không thể có nhiều hơn được.

Mặc dù trời lạnh nhưng vẫn có rất nhiều du khách, phần lớn là người Trung Quốc, họ sùng kính đi qua các phòng mà tổ tiên của họ hết thế hệ này đến thế hệ khác đã không được đặt chân vào. Một cuộc

cách mạng vĩ đại, Birgitta Roslin trầm nghĩ. Khi một dân tộc tự giải phóng mình, điều đó có nghĩa là dân tộc đó có quyền mơ những ước mơ của họ, được đặt chân vào những căn phòng cấm nơi áp bức từng ngự trị.

Cứ năm người trên trái đất thì có một người là người Trung Quốc. Nếu gia đình mình đại diện cho thế giới thì có một người trong nhà là người Trung Quốc. Bọn mình đã được tập quen với ý nghĩ này, bà tự nhủ. Những nhà tiên tri theo chủ nghĩa Mao của bọn mình, đặc biệt là Moses, con người tinh thông thuyết lý chính trị, thường xuyên nhắc nhở mọi người rằng không thể bàn về tương lai, nếu như không có Trung Quốc tham dự vào những cuộc bàn bạc đó.

Giữa lúc định rời khỏi Tử Cấm Thành, bà ngạc nhiên phát hiện thấy một quán cà phê thuộc chuỗi nhà hàng rất nổi tiếng của Mỹ. Tấm biển trên bức tường gạch nung như kêu gọi bà. Bà để ý xem những người Trung Quốc đi qua quán cà phê đó phản ứng như thế nào. Thi thoảng có người dừng lại chỉ trỏ, thậm chí cũng có người đi vào quán, nhưng phần đông tỏ ra thờ ơ, không bận tâm đến thứ mà Birgitta xem là một sự phạm thượng tồi tệ. Trung Quốc rõ ràng vẫn còn là một ẩn số. Nhưng phải đi xa hơn nữa, bà tự nhủ. Ngay cả sự hiện diện của một quán cà phê Mỹ cũng có thể được lĩnh hội nhờ vào việc phân tích khách quan tình hình thế giới.

Bà trở về khách sạn, vào quầy bar bên cạnh phòng lễ tân gọi một tách cà phê. Bà tìm một tờ nhật báo tiếng Anh. Ở chỗ để các loại báo, bà lấy ra tờ *The Guardian*, ngồi vào góc phòng, nơi có lò sưởi đang đỏ lửa. Một vài du khách Mỹ đang to tiếng thông báo đã đến giờ đi thăm Vạn Lý Trường Thành. Bà thấy thiếu thộn cảm với họ.

Khi nào bà mới đi thăm Vạn Lý Trường Thành? Người ta có thể nói rằng đã thăm Trung Quốc mà không nhìn thấy Vạn Lý Trường Thành không? Nghe nói đó là công trình kiến trúc duy nhất có thể nhìn thấy từ vũ trụ.

Mình phải được tận mắt nhìn thấy công trình vĩ đại này, bà thăm nhủ. Chắc hẳn Karin từng tới đó. Nhưng bà ấy phải dẫn mình tới đó cùng với máy ảnh của bà ấy thôi. Không thể về nhà mà không có lấy một tấm ảnh chụp trên Vạn Lý Trường Thành.

Một người phụ nữ bỗng dừng lại bên chiếc bàn bà ngồi. Người phụ nữ này cũng trạc tuổi bà với mái tóc chải ngược về phía sau. Bà ta cười, toát ra vẻ quý phái, nói với bà bằng thứ tiếng Anh không chê vào đâu được.

– Bà Roslin?

– Vâng, tôi đây.

– Tôi được phép ngồi chứ? Tôi có việc quan trọng.

– Xin mời.

Người phụ nữ này mặc bộ váy màu xanh thẫm, y phục của bà ta chắc phải rất đắt.

Bà ta ngồi xuống.

– Tôi tên là Hồng Quế, bà ta nói. Tôi sẽ không quấy rầy bà nếu như đây không phải là một việc khẩn cấp.

Bà ta kín đáo ra hiệu cho người đàn ông đang đứng chờ cách đó không xa. Anh ta bước đến bên bàn, đặt chiếc túi xách của Roslin lên mặt bàn, như thể nó là một món quà tặng quý giá rồi quay đi.

Birgitta Roslin sững sờ nhìn Hồng Quế.

– Cảnh sát đã tìm thấy chiếc túi của bà, Hồng Quế nói. Vì đây là điều đáng xấu hổ đối với chúng tôi khi để một tai họa như thế này xảy đến với một vị khách của mình, nên người ta đề nghị tôi đích thân trao lại cho bà chiếc túi.

– Bà là người bên cảnh sát?

– Không, không, bà Hồng cười. Thịnh thoảng các cơ quan chính quyền cũng đề nghị tôi làm một số việc. Bà xem có thiếu thứ gì không?

Birgitta Roslin mở chiếc túi xách. Tất cả vẫn còn, chỉ mất đi số tiền mặt. Bà ngạc nhiên phát hiện thấy bao diêm mà mình tìm kiếm nằm trong đó.

– Đủ cả, chỉ bị mất tiền thôi.

– Chúng tôi hy vọng sẽ bắt được kẻ phạm tội. Chúng sẽ bị trừng phạt nghiêm khắc.

– Nhưng chắc chắn sẽ không bị kết án tử hình chứ?

Một phản ứng hầu như khó nhận thấy thoáng hiện trên khuôn mặt của bà Hồng. Nhưng Birgitta đã nhận ra.

– Luật pháp của chúng tôi rất nghiêm minh. Nếu như trước đó chúng đã có tiền án, có thể sẽ phải chịu hình phạt tử hình. Nếu như chúng có tiền bộ, án này sẽ được chuyển sang án tù.

– Thế nếu họ không thay đổi?

Một câu trả lời lảng tránh:

– Luật pháp của chúng tôi rõ ràng và minh bạch. Nhưng không có gì là hoàn toàn chắc chắn. Chúng tôi luận tội từng trường hợp một. Những hình phạt được áp một cách tự động sẽ không bao giờ công bằng.

– Bản thân tôi cũng là thẩm phán. Theo tôi, áp dụng án tử hình là một quan niệm cực kỳ nguyên thủy của luật pháp, loại hình phạt này rất hiếm khi, hoặc thậm chí là không bao giờ có tác dụng răn đe.

Birgitta Roslin bỗng cảm thấy ghê tởm chính cái giọng điệu dạy đời của mình. Nhưng Hồng Quế lại nghiêm túc lắng nghe bà nói. Nụ cười của bà ta biến mất. Một cô phục vụ đến bên bàn của họ, lập tức bà ta hất đầu ra hiệu bảo cô ấy đi đi. Birgitta Roslin có cảm giác rõ ràng rằng kịch bản lại lặp lại. Hồng Quế không hề có phản ứng gì khi nghe bà nói mình cũng là một thẩm phán. Bà ta đã biết điều này.

Ở đất nước này, họ biết mọi điều về mình, bà thầm nghĩ. Ý nghĩ này khiến bà phẫn nộ, trừ khi đó không phải là điều mà bà tưởng tượng ra.

– Đương nhiên là tôi rất biết ơn vì bà đã đem trả lại cho tôi chiếc túi. Nhưng bà cũng cần phải hiểu cho sự ngạc nhiên của tôi. Bà đến gặp tôi với chiếc túi, bà không phải là người bên cảnh sát, tôi không biết bà là ai. Bọn cướp đã bị bắt, hay là tôi đã hiểu lầm bà? Chiếc túi này đã được quăng bỏ ở đâu đó?

– Không có tên cướp nào bị bắt. Nhưng cảnh sát đã có sự nghi ngờ nhất định. Chiếc túi này được tìm thấy cách chỗ xảy ra vụ tấn công không xa.

Hồng Quế chuẩn bị đứng lên, nhưng Roslin giữ bà ta lại.

– Bà hãy giải thích cho tôi rõ, bà là ai. Bỗng dưng có một người phụ nữ hoàn toàn xa lạ xuất hiện và trao lại cho tôi chiếc túi bị mất.

– Tôi là một trong những người chịu trách nhiệm về vấn đề an ninh. Do tôi nói được tiếng Anh và tiếng Pháp, nên thường xuyên được đề nghị tiếp nhận một số công việc nhất định.

– An ninh? Như vậy bà là cảnh sát?

Hồng Quế lắc đầu.

– An ninh là một cơ quan không phải lúc nào cũng dính dáng đến việc canh gác ở bên ngoài. Việc đó thuộc trách nhiệm của cảnh sát. Còn lực lượng an ninh vươn sâu hơn tới tận gốc rễ thực chất của xã hội. Tôi chắc rằng, ở đất nước của bà cũng như vậy.

– Ai đã đề nghị bà đến gặp và trao lại cho tôi chiếc túi này?

– Một thủ trưởng của văn phòng thu nhận của rơi thuộc thành phố Bắc Kinh.

– Văn phòng thu nhận của rơi? Ai là người đem nộp chiếc túi này ở văn phòng đó?

– Việc này thì tôi không được biết.

– Làm sao vị thủ trưởng đó lại biết chiếc túi này là của tôi? Trong túi không hề có giấy tờ tùy thân.

– Tôi cho rằng văn phòng này đã được cảnh sát thông báo.

– Còn có nhiều cơ quan khác chịu trách nhiệm về những vụ trấn lột trên đường phố sao?

– Thông thường thì các nhân viên cảnh sát phối kết hợp với các cơ quan chức năng khác nhau.

– Để tìm ra một chiếc túi xách?

– Để làm rõ vụ tấn công nghiêm trọng đối với một người khách của đất nước chúng tôi.

Bà ta cứ nói quanh nói quẩn, Birgitta nghĩ. Mình sẽ không bao giờ nhận được một câu trả lời rõ ràng.

– Tôi là thẩm phán, Birgitta nhắc lại một lần nữa. Tôi còn ở lại Bắc Kinh một vài ngày nữa. Vì bà đã biết tất cả về tôi, nên có lẽ tôi không cần phải giải thích hoặc kể ra rằng tôi đến đây cùng với một người bạn gái. Bà ấy tham dự một hội nghị quốc tế về vị hoàng đế Trung Hoa đầu tiên.

– Để hiểu về đất nước của chúng tôi, những kiến thức về đời nhà Tần là rất quan trọng. Ngược lại bà đã lầm khi tin rằng tôi biết rõ về bà và lý do bà đến Bắc Kinh.

– Vì bà đã có thể tìm lại cho tôi chiếc túi xách, tôi muốn xin bà một lời khuyên. Tôi phải làm gì để có thể vào được một phòng xử án ở Trung Quốc? Không nhất thiết phải là một vụ tranh tụng đặc biệt. Tôi chỉ muốn được tham dự một phiên tòa, tìm hiểu thủ tục tố tụng và có thể đưa ra một vài câu hỏi.

Câu trả lời ngay tắp lự làm cho Birgitta Roslin ngạc nhiên:

– Việc này tôi có thể sắp xếp được cho bà vào ngày mai. Tôi có thể đi cùng bà.

– Tôi không muốn làm phiền bà nhiều như vậy. Xem ra bà là người rất bận rộn.

– Nhưng tôi có thể tự quyết định việc mà tôi cho là quan trọng.

Hồng Quế đứng lên.

– Vào cuối chiều nay tôi sẽ liên lạc với bà, báo cho bà biết sáng mai chúng ta gặp nhau lúc mấy giờ.

Birgitta Roslin suýt buột miệng nói mình ở phòng nào rồi lại đổi ý. Bà nghĩ chắc hẳn Hồng Quế đã biết số phòng của bà.

Bà nhìn theo Hồng Quế đi ra cửa qua chỗ quầy bar. Người đàn ông đem đến cho bà chiếc túi cùng với một người đàn ông nữa đi theo Hồng Quế. Họ biến mất khỏi tầm nhìn của bà.

Bà nhìn chiếc túi và bất giác mỉm cười. Chiếc túi biến mất rồi lại xuất hiện, thật kỳ diệu, bà thầm nghĩ. Nhưng thực ra điều gì đã xảy ra ở khoảng giữa thì vẫn còn là bí ẩn. Mình khó mà phân biệt được rạch ròi chuyện gì là thật còn chuyện gì là do mình tưởng tượng ra.

Một tiếng đồng hồ sau, Hồng Quế gọi điện thoại đến đúng vào lúc Birgitta Roslin vừa về tới phòng. Hoàn toàn không có gì khiến bà ngạc nhiên thêm nữa. Có vẻ như đã có những người bí mật dõi theo từng cử động của bà và bất cứ lúc nào cũng có thể nói được bà hiện đang ở đâu. Như lúc này chẳng hạn. Bà bước chân vào phòng và lập tức điện thoại đổ chuông.

– Sáng mai vào lúc chín giờ, Hồng Quế nói.

– Ở đâu?

– Tôi sẽ đón bà. Chúng ta sẽ đến thăm một tòa án ở ngoại thành Bắc Kinh. Tôi đã chọn nơi đó vì ngày mai thẩm phán là một phụ nữ.

– Tôi rất biết ơn bà.

– Chúng tôi sẽ làm tất cả để đền bù lại cho bà sau vụ việc không may xảy ra.

– Bà chẳng đã làm rồi đó sao. Tôi cảm thấy xung quanh mình có những vị thần hộ mệnh.

Sau cuộc trao đổi điện thoại, Birgitta Roslin dốc chiếc túi lên giường. Bà vẫn còn chưa hình dung ra được vì sao bao diêm lại ở trong chiếc túi này, thay vì ở trong va li. Bà mở hộp diêm. Nó chỉ còn một nửa. Birgitta nhíu mày. Có ai đó đã hút thuốc, bà nghĩ. Bao diêm

còn đây khi mình để nó vào trong va li. Bà dốc bao diêm ra giường mà không biết mình chờ đợi phát hiện được điều gì. Đó chỉ là một hộp diêm, không hơn. Bà bực mình xếp diêm vào bao rồi bỏ vào va li. Bà đã lại đi quá xa. Những ý nghĩ hoang tưởng của bà lại bắt đầu chất đống.

Thời gian còn lại trong ngày, bà đến thăm một ngôi chùa và ăn bữa tối ở một quán ăn không xa khách sạn. Bà đã ngủ khi Karin nhón chân bước vào phòng. Bà xoay người quay lưng lại phía ánh đèn.

Sáng hôm sau cả hai cùng thức dậy một lúc. Karin thông báo trước khi đi rằng hội nghị sẽ kết thúc vào lúc hai giờ chiều, sau đó bà được tự do. Birgitta kể sẽ đến thăm một tòa án, nhưng vẫn không nói gì về vụ tấn công.

Hồng Quế chờ ở quầy lễ tân. Bà ta mặc một chiếc áo lông màu trắng. Birgitta Roslin cảm thấy hơi ngượng vì ăn mặc quá xuềnh xoàng khi đứng cạnh bà ta. Hồng Quế để ý thấy Birgitta Roslin đã mặc đủ ấm.

– Có thể trong các phòng xử án sẽ lạnh, bà ta nói.

– Như trong rạp hát ấy à?

Hồng Quế cười thay cho câu trả lời. Dù gì thì bà ta cũng không biết cách đây mấy ngày mình và Karin đã có mặt ở nhà hát kịch, Birgitta Roslin thầm nghĩ.

– Trung Quốc vẫn còn là một đất nước nghèo. Chúng tôi xích gần đến tương lai với sự quy phục và lao động nặng nhọc.

Không phải tất cả đều nghèo, Birgitta chua chát thầm nghĩ. Tôi không rành lắm nhưng rõ ràng là chiếc áo lông của bà là lông thú thật và rất đắt tiền.

Tài xế ngồi trong xe chờ họ trước khách sạn. Birgitta Roslin cảm thấy một nỗi bất an mơ hồ. Thực ra bà đã biết được gì về người đàn bà xa lạ mà bà đang cùng bước lên một chiếc xe do một người không quen biết lái?



Bà tin rằng sẽ không có mối nguy hiểm nào. Tại sao bà lại không thể đơn giản là quý trọng sự săn sóc ân cần mà người ta dành cho bà? Hồng Quế im lặng ngồi trong góc của bà ta với đôi mắt nhắm hờ. Xe của họ phóng nhanh trên một đại lộ dài. Sau một vài phút, Birgitta Roslin đã không còn biết mình đang ở đâu nữa.

Chiếc xe dừng lại trước một khu nhà bê tông thấp, có hai cảnh sát canh gác ở lối vào. Phía trên cửa vào là hàng chữ Trung Quốc màu đỏ.

– Đó là tên tòa án, Hồng Quế nói khi thấy Birgitta Roslin nhìn lên đó.

Khi họ bước lên cầu thang, hai cảnh sát liền bồng súng lên chào. Hồng Quế không có phản ứng gì. Birgitta Roslin lại thầm hỏi thật ra người đàn bà này là ai. Chắc chắn không phải là một nhân viên chuyên đem trả lại đồ bị ăn cắp cho khách nước ngoài.

Họ tiếp tục đi theo một hành lang trống trải dẫn đến một phòng có lẽ là phòng xử án, ở đây cũng không trang trí gì với các bức tường ốp gỗ màu nâu. Có hai người đàn ông mặc quân phục ngồi ở một phía của bục khán đài. Ở giữa hai người là một chỗ còn để trống. Trong phòng xử không thấy có người dự. Hồng Quế đi đến dãy ghế băng trên cùng, ở đó hai chiếc gối tựa đang đợi họ. Tất cả đều đã được chuẩn bị trước, Birgitta Roslin nghĩ. Buổi trình diễn có thể được bắt đầu. Hoặc giả đây chỉ là một sự quan tâm chăm sóc khác dành cho bà?

Bà chưa kịp ngồi xuống thì bị cáo đã được hai người bảo vệ dẫn vào. Đó là một người đàn ông trung tuổi, tóc cắt ngắn, trong bộ quần áo tù nhân màu sẫm. Ông ta cúi đầu nhìn xuống đất. Đi bên cạnh ông ta là một luật sư bào chữa. Một người đàn ông khác mà Birgitta cho rằng đó là một kiểm sát viên, đến đứng bên cạnh một chiếc bàn khác. Ông ta mặc quần áo dân sự và già hơn với khuôn mặt hằn nhiều nếp nhăn. Bà thầm phán bước vào phòng xử từ một khung cửa phía sau bục khán đài. Bà ta tầm sáu mươi tuổi, thấp béo. Lúc ngồi xuống sau chiếc bàn, trông bà ta gần như một đứa bé.

– Chu Phúc là kẻ cầm đầu một nhóm tội phạm chuyên ăn cắp xe hơi, Hồng Quế nói nhỏ. Những tên khác đã bị kết án. Bây giờ mới đến lượt kẻ cầm đầu. Vì hắn tái phạm nên rất có thể sẽ phải nhận hình phạt rất nghiêm khắc. Trước kia luật pháp đã khoan hồng với hắn. Nhưng hắn đã phản bội lòng tin ấy nên lần này tòa sẽ xử nặng hơn.

– Nhưng sẽ không phải lãnh án tử hình đấy chứ?

– Đương nhiên là không.

Birgitta Roslin nhận thấy Hồng Quế không hài lòng với câu hỏi cuối cùng của mình. Câu trả lời của bà ta nghe thiếu kiên nhẫn và phủ nhận. Và nụ cười đã biến mất, bà trầm nghĩ. Liệu có phải mình đang được tham dự một phiên tòa thực sự hay tất cả chỉ là một màn diễn được dàn dựng mà ở đó bản án đã được đưa ra?

Những giọng nói chói tai vang dội trong phòng xử. Người duy nhất không hề nói một câu nào chính là bị cáo, lúc nào cũng chỉ cúi gằm mặt nhìn xuống đất. Thỉnh thoảng Hồng Quế dịch lại cho bà nghe những gì đã được nói ra. Viên luật sư bào chữa tỏ ra không mấy cố gắng giúp đỡ thân chủ của mình, điều mà ở Thụy Điển cũng có khi xảy ra, bà nghĩ. Tất cả chỉ là cuộc đối thoại giữa bà thẩm phán với đại diện viện kiểm sát.

Phiên tòa kéo dài chưa được nửa giờ đồng hồ.

– Hắn sẽ nhận án phạt lao động cải tạo chừng mười năm, Hồng Quế nói với bà.

– Nhưng tôi không nghe bà thẩm phán tuyên án.

Hồng Quế không đáp lời. Lúc bà thẩm phán đứng dậy, mọi người cũng làm theo. Người bị kết án được giải đi. Birgitta Roslin không đón bắt được ánh mắt của ông ta.

– Bây giờ chúng ta đến gặp bà thẩm phán, Hồng Quế nói. Bà ấy mời chúng ta vào phòng dùng trà. Tên bà ấy là Mẫn Tháp. Nếu không phải làm việc, bà ấy thường chơi với hai đứa cháu.

– Bà ấy tiếng tăm ra sao?

Hồng Quế không hiểu câu hỏi của bà.

– Mọi thẩm phán đều có một danh tiếng riêng, trong đó ít nhiều chứa đựng sự thật. Nhưng danh tiếng này rất hiếm khi hoàn toàn sai lệch. Ví dụ tôi được xem như là một thẩm phán ôn hòa, nhưng rất quả quyết.

– Bà Mẫn Tháp tuân thủ luật pháp và rất tự hào là một thẩm phán. Với chức danh đó bà ấy cũng là một đại diện chân chính cho đất nước chúng tôi.

Họ đi qua khung cửa thấp phía sau bức khán đài, được Mẫn Tháp đón tiếp trong căn phòng sơ sài và ngấm lạnh của mình. Một thừa tác viên của tòa pha trà cho họ, khi họ đã ngồi xuống bên bàn. Mẫn Tháp lập tức lên tiếng vẫn với cái giọng the thé của mình như trong phòng xét xử. Hồng Quế dịch lại khi bà ấy nói xong.

– Được gặp một nữ đồng nghiệp từ Thụy Điển là một vinh hạnh lớn của bà ấy. Bà ấy đã được nghe nhiều điều tốt đẹp về hệ thống pháp luật của Thụy Điển. Đáng tiếc bà ấy lại sắp phải bắt đầu một vụ xử mới. Nếu không, bà ấy muốn được trao đổi lâu hơn về hệ thống pháp luật của Thụy Điển.

– Bà cảm ơn bà ấy giúp tôi vì đã dành thời gian tiếp tôi, Birgitta Roslin nói. Bà hỏi bà ấy xem bà ấy nghĩ thế nào về bản án. Bà đã nói là mười năm, đúng không?

– Tôi không bao giờ bước chân vào phòng xử án mà chưa chuẩn bị tốt, Mẫn Tháp trả lời sau khi được nghe dịch xong. Đó là nghĩa vụ của tôi, sử dụng tốt thời gian của mình và thời gian của các thừa tác viên tòa án. Trong vụ này, không có gì phải lưỡng lự cả. Người đàn ông đã thú nhận tội lỗi của mình, đó là một phạm nhân tái phạm, không có tình tiết giảm nhẹ. Tôi nghĩ rằng sẽ tuyên phạt ông ta từ bảy đến mười năm tù giam, nhưng sẽ còn phải cân nhắc kỹ hơn nữa.

Đó là câu hỏi duy nhất Birgitta Roslin có thể đưa ra. Sau đó đến lượt Mẫn Tháp đặt ra một loạt câu hỏi. Bà thăm hỏi thực ra Hồng Quế

đã nói gì trong lời dịch của bà ta. Có lẽ bà ta và bà Mẫn Tháp đã nói về một thứ gì đó hoàn toàn khác chẳng?

Hai mươi phút sau Mẫn Tháp đứng dậy tuyên bố mình phải trở lại phòng xử án. Một người đàn ông với chiếc máy chụp hình bước vào phòng. Mẫn Tháp đến đứng bên cạnh Birgitta Roslin, một tấm ảnh đã được chụp. Hồng Quế đứng bên cạnh, ngoài phạm vi ống kính. Mẫn Tháp và Birgitta bắt tay rồi cùng nhau bước ra ngoài hành lang. Lúc Mẫn Tháp mở cánh cửa dẫn ra phòng xử, Birgitta thấy có rất nhiều người ngồi trong phòng xử.

Bà và Hồng Quế quay ra xe. Chiếc xe phóng đi với tốc độ cao. Khi chiếc xe dừng lại, không phải là ở trước khách sạn mà là trước một quán trà trông giống như ngôi chùa nằm trên một hòn đảo giữa một hồ nước nhân tạo.

– Trời lạnh quá, Hồng Quế nói. Trà làm ấm người.

Hồng Quế dẫn bà vào một căn phòng cách biệt với những phòng khác. Ở đây đã có sẵn hai tách trà, một cô phục vụ đã cầm sẵn trên tay bình trà. Tất cả đều đã được chuẩn bị rất tỉ mỉ. Từ một khách du lịch bình thường, Birgitta bỗng nhiên biến thành một vị khách quan trọng của đất nước này. Nhưng bà vẫn chưa hiểu tại sao.

Bất chợt Hồng Quế nói về hệ thống pháp luật của Thụy Điển. Bà ta tỏ ra đã đọc rất nhiều sách, đặt ra những câu hỏi về các vụ ám sát thủ tướng Olof Palme và bà bộ trưởng Anna Lindh.

– Trong một xã hội cởi mở, người ta không bao giờ có thể đảm bảo an toàn trọn vẹn cho các cá nhân, Birgitta Roslin nói. Mọi hình thức xã hội đều có cái giá của nó. Từ trước tới nay, tự do và an toàn luôn giành nhau lãnh địa của mình.

– Một khi ai đó thực sự muốn giết người thì không gì cản nổi, Hồng Quế nói. Ngay cả tổng thống Mỹ cũng khó bảo vệ được.

Birgitta Roslin đoán rằng có ẩn ý trong câu nói của Hồng Quế nhưng bà không muốn giải nghĩa nó.

– Ở đây, chúng tôi không thường xuyên được nghe nói đến Thụy Điển, Hồng Quế tiếp tục. Tuy nhiên, thời gian vừa qua, báo chí chúng tôi có hay đưa tin về một vụ thảm sát khủng khiếp ở Thụy Điển.

– Vâng, về vụ này tôi cũng được biết ít nhiều, Birgitta Roslin nói, dù tôi không phải là thẩm phán có liên quan. Một nghi phạm đã bị bắt. Nhưng người đó đã tự tử. Riêng điều đó đã là một vụ bê bối rồi.

Vì Hồng Quế tỏ ra quan tâm một cách lịch sự, Birgitta Roslin đã kể tỉ mỉ những sự kiện đó. Hồng Quế chăm chú nghe, không hỏi cắt ngang, nhưng nhiều lần đề nghị bà nhắc lại.

– Một kẻ điên, Birgitta nói. Hắn đã tự sát thành công. Hoặc đây là hành động của một kẻ điên khác mà đến nay cảnh sát vẫn chưa tóm được. Hoặc là một cái gì đó hoàn toàn khác, một kế hoạch tàn bạo với động cơ rõ ràng được một tay máu lạnh thực hiện.

– Động cơ là gì?

– Trả thù. Hận thù. Vì hình như không có bất cứ một thứ gì bị đánh cắp, nên có lẽ là thế.

– Thế theo bà thì sao?

– Người ta phải tìm kiếm theo hướng nào đây? Tôi hoàn toàn không biết. Nhưng tôi thấy khó mà tin được cái giả thuyết cho rằng vụ này do một kẻ điên khủng hành động đơn độc.

Rồi sau đó Birgitta Roslin kể lại tình tiết mà bà gọi là “Dấu vết Trung Quốc”. Bà kể từ đầu, từ việc mình phát hiện ra có quan hệ họ hàng với một trong các nạn nhân tới chi tiết một người Trung Quốc bí ẩn ghé qua Hudiksvall. Trước vẻ thực sự quan tâm của Hồng Quế, bà không thể ngừng kể. Cuối cùng bà lấy ra tấm ảnh và đưa cho Hồng Quế xem.

Hồng Quế vừa xem vừa lắc đầu, rồi chìm trong ý nghĩ riêng của mình trong giây lát. Birgitta Roslin bỗng có cảm giác Hồng Quế nhận ra người đàn ông trong ảnh. Nhưng xem ra rõ ràng là vô lý. Một khuôn mặt trong hàng tỉ khuôn mặt ư?

Hồng Quế cười, trả lại bà tấm ảnh và hỏi bà đã có chương trình gì cho những ngày còn lại ở Bắc Kinh chưa.

– Tôi hy vọng ngày mai bạn tôi sẽ đưa tôi đi thăm Vạn Lý Trường Thành. Ngày kia chúng tôi bay về nhà.

– Đáng tiếc ngày mai tôi lại bận việc nên không giúp bà được.

– Bà đã giúp tôi nhiều hơn là tôi hy vọng.

– Bất luận thế nào tôi cũng sẽ đến tạm biệt bà trước khi bà lên đường về nước.

Hai người chia tay nhau trước khách sạn. Bà nhìn theo chiếc xe của Hồng Quế phóng đi.

Karin trở về lúc ba giờ, thở dài nhẹ nhõm ném một phần đám giấy tờ lộn xộn dùng cho hội nghị vào sọt rác. Khi Birgitta đề nghị ngày mai đi thăm Vạn Lý Trường Thành, bà đồng ý ngay tắp lự. Còn bây giờ bà muốn đi mua sắm. Hai người đi hết cửa hàng này sang cửa hàng khác, đến các khu chợ trời trong ngõ hẻm, các cửa hàng tối tăm trong đó bày bán đủ thứ từ những chiếc đèn cổ đến các loại tượng gỗ các vị thần thiện, ác. Khi trời nhập nhoạng tối, hai người linh kính túi xách vẫy một chiếc taxi về khách sạn. Karin đăng ký chuyến tham quan Vạn Lý Trường Thành cho ngày mai ở quầy lễ tân.

Karin ngủ còn Birgitta ngồi co chân trong chiếc ghế bành xem vô tuyến khi đã được vắn nhỏ tiếng. Đôi lúc bà cảm thấy một thoáng sợ hãi vì vụ tấn công. Nhưng bà đã quyết định không nói cho ai biết chuyện này, kể cả Karin.

Ngày hôm sau họ đi thăm Vạn Lý Trường Thành. Trời lạnh gió, cái lạnh khô không còn quá khắc nghiệt như mấy hôm vừa rồi. Hai người đi dạo quanh, thấy ngạc nhiên về sự hùng vĩ của bức tường, thay nhau chụp ảnh hoặc đưa máy ảnh cho một người Trung Quốc cởi mở, nhờ anh ta chụp hộ.

– Cuối cùng chúng ta cũng đến đây, với máy ảnh trên tay chứ không phải với cuốn Mao tuyển, Karin nói.

– Rõ ràng ở đất nước này đã xảy ra một phép lạ, Birgitta nói. Không phải do thần thánh tạo ra mà do con người bằng những nỗ lực vượt bậc của họ.

– Ở thành phố có nhiều thay đổi lớn lao. Nhưng các vùng nông thôn thì vẫn còn nghèo kinh khủng. Chuyện gì sẽ xảy ra khi hàng trăm triệu người nông dân nghèo khổ vùng lên?

– *Sự chuyển mình hiện tại của phong trào nông dân là một sự kiện vĩ đại. Có lẽ cuối cùng câu khẩu hiệu ấy cũng chứa đựng một phần sự thật chẳng?*

– Dù thế nào thì hồi đó không một ai nói với chúng ta rằng ở Trung Quốc có thể lạnh đến như thế này. Bây giờ thì mình sắp chết vì lạnh rồi.

Hai người quay trở về chỗ xe đậu. Trong khi bước xuống các bậc đá, Birgitta quay đầu lại như để nhìn Vạn Lý Trường Thành một lần cuối cùng.

Và bà đã nhìn thấy một trong những nhân viên của Hồng Quế đang đứng đọc cuốn sách hướng dẫn du lịch. Không nghi ngờ gì nữa. Đó chính là người đàn ông đã đem chiếc túi xách tay để lên bàn của bà ở khách sạn cùng với Hồng Quế.

Từ trong xe Karin sốt ruột vẫy bà. Bà ấy lạnh và muốn nhanh chóng trở về khách sạn.

Khi Birgitta quay đầu lại lần nữa, người đó đã biến mất.

Sau chuyến tham quan, Karin và Birgitta xuống quầy bar của khách sạn uống cocktail cho ấm lại và nghĩ xem có thể làm gì vào buổi tối cuối cùng ở Bắc Kinh. Nhưng rượu đã làm cho họ buồn ngủ díu cả mắt nên quyết định ăn ở khách sạn. Sau bữa ăn hai người còn ngồi lại rất lâu, nói về cuộc sống của mình. Xem ra cuộc sống ấy như thể đã được đóng khung trong những ước mơ nổi loạn thời trẻ của họ, về một Trung Quốc đỏ, một đất nước mà bây giờ họ đang khám phá, một đất nước đang trải qua những thay đổi lớn lao, dù có thể không hoàn giống như trước kia họ đã hình dung. Họ là những vị khách cuối cùng còn ngồi lại. Những dải băng xanh của chiếc đèn treo trên bàn lòng thòng rủ xuống. Birgitta nhòai người sang phía Karin thì thầm muốn có hai dải lụa xanh đó làm kỷ niệm. Karin lấy kéo cắt móng tay từ trong ví ra và thừa lúc nhân viên phục vụ không để ý, đã nhanh nhẹn cắt lấy hai dải.

Sau khi đã gói ghém xong va li, Karin lăn ra ngủ. Hội nghị khiến bà thấm mệt. Birgitta ngồi trên ghế sofa trong căn phòng mờ mờ sáng đèn. Một cảm giác của tuổi già đến với bà. Bà đã bắt đầu bước chân vào con đường dẫn tới đó. Thêm một đoạn nữa, rồi con đường bỗng kết thúc và bóng tối bao trùm lấy bà. Có lẽ lúc này bà cũng đã bắt đầu xuống dốc, một cách từ từ, rất khó nhận ra nhưng chắc chắn là thế. Mi hãy nghĩ tới mười điều mà mi còn phải làm, bà thầm thì với mình. Bà đứng dậy đến bên bàn và bắt đầu viết lên một tờ giấy.

Thực sự thì bà muốn làm gì trước khi chết? Đương nhiên bà hy vọng có cháu. Staffan và bà thường hay nói về những hòn đảo mà hai người muốn được đến thăm. Cho đến nay họ mới chỉ đến được Iceland và Crete. Một trong những chuyến đi mà họ mơ ước đó là tới đảo Pitcairn, thuộc Galapagos, nơi máu của những người nổi loạn trên con tàu Bounty còn chảy trong huyết quản của dân ở đó. Còn gì nữa đây?



Hay là học thêm một ngoại ngữ nữa? Hoặc ít ra cũng cố phục hồi lại vốn tiếng Pháp mà trước đây bà đã khá thông thạo.

Dù gì thì điều quan trọng nhất vẫn là Staffan và bà phải khơi lại được ngọn lửa trong mối quan hệ của hai người. Bà thấy buồn khi mình đang trên đường đến với tuổi già mà không còn lại chút gì của những đam mê cũ.

Bà vo viên tờ giấy ném vào sọt rác. Tại sao lại phải viết ra những gì đã nằm trong máu thịt bà? Người ta sẽ không viết một cuốn tiểu thuyết về tương lai của Birgitta Roslin đâu.

Bà cởi quần áo và nằm lên giường. Karin vẫn thở bình yên bên cạnh bà. Bỗng nhiên bà cảm thấy đã đến lúc phải trở về nhà, đi khám lại và tiếp tục đi làm. Không có những nhịp điệu thường nhật ấy bà sẽ không thể biến được giấc mơ nào của mình trở thành sự thật.

Bà do dự một lúc, rồi cầm lấy điện thoại di động gửi SMS cho chồng: “Em đang về. Chuyến du lịch nào cũng bắt đầu bằng bước chân đầu tiên. Dù là lúc đi hay lúc quay về.”

Lúc bà thức dậy đồng hồ đã chỉ bảy giờ. Mặc dù ngủ không đầy năm tiếng, nhưng bà cảm thấy tỉnh táo, tuy còn hơi nhức đầu, nó gợi cho bà nhớ là mình đã uống cocktail vào tối hôm qua. Karin vẫn còn ngủ, cuộn người trong chăn, một cánh tay thông xuống sàn nhà. Bà nhẹ nhàng nhấc cánh tay bạn để vào dưới chăn.

Mặc dù vẫn còn sớm nhưng phòng ăn điểm tâm đã đông người. Bà đưa mắt nhìn quanh xem có nhận ra gương mặt quen nào không. Bà không hề nghi ngờ rằng người đàn ông dựa lưng vào tường là một trong những nhân viên của Hồng Quế. Có thể đơn giản chỉ là Nhà nước Trung Quốc muốn đặt bà dưới sự canh chừng, nhằm không để xảy ra những sự vụ không đáng có chẳng?

Bà ăn sáng, giở xem một tờ báo tiếng Anh. Lúc bà định đi lên phòng, Hồng Quế bỗng đứng cạnh bàn ăn của bà. Hồng Quế không đi một mình, bên cạnh bà ta còn có hai người đàn ông khác mà Birgitta chưa nhìn thấy lần nào. Hồng Quế gật đầu với hai người đó, lập tức họ

lùi lại, và ngồi xuống ghế. Hồng Quế bảo bồi bàn mang tới cho bà ta một cốc nước khoáng.

– Tôi hy vọng mọi chuyện đều ổn, Hồng Quế nói. Chuyến tham quan Vạn Lý Trường Thành ra sao?

Điều này thì bà ta đã biết quá rõ, Birgitta nghĩ. Ngoài ra mình cũng chắc rằng hôm qua một vài “con mắt riêng” của bà ta đã có mặt ở tiệm ăn của khách sạn, khi Karin và mình ăn tối tại đó.

– Vạn Lý Trường Thành rất ấn tượng nhưng trời lạnh quá.

Birgitta Roslin nhìn thẳng vào mắt Hồng Quế vẻ thách thức, bà muốn biết liệu bà ta có biết bà đã phát hiện ra đám “cảnh sát mật” của bà ta hay không. Nhưng gương mặt Hồng Quế tuyệt nhiên không biểu lộ điều gì. Bà ta đã giấu kín những lá bài của mình.

– Ở phòng bên cạnh có một người đàn ông đang đợi bà, Hồng Quế nói. Tên ông ta là Chấn Bình.

– Ông ta muốn gì ở tôi?

– Thông báo cho bà biết rằng cảnh sát đã bắt được một trong những kẻ đã tấn công bà.

Birgitta thấy tim mình đập rộn với một linh cảm xấu.

– Tại sao ông ta không đến thẳng đây?

– Ông ta mặc cảnh phục và không muốn quấy rầy lúc bà đang ăn sáng.

Birgitta giơ hai tay phác một cử chỉ nhân nhượng.

– Tôi thấy không có vấn đề gì khi gặp một người mặc cảnh phục.

Bà đứng dậy, bỏ lại trên bàn tờ giấy lau miệng. Giữa lúc đó Karin bước vào phòng ăn và nhìn Birgitta như muốn hỏi. Birgitta buộc phải giải thích chuyện đã xảy ra và giới thiệu Hồng Quế.

– Mình không hiểu chuyện này là thế nào, bà nói với Karin. Hình như cảnh sát đã bắt được một trong những kẻ tấn công mình. Bạn cứ yên tâm ăn sáng đi. Mình sẽ quay lại ngay khi đã kết thúc chuyện này.

– Sao bạn lại không nói gì với mình về chuyện này?

- Mình không muốn làm bạn phải lo lắng.
- Thay vì thế thì ngay bây giờ mình còn lo lắng hơn là đằng khác.
- Bạn không cần phải thế đâu.
- Đúng mười giờ chúng ta đã phải ra sân bay.
- Còn hai tiếng nữa mà.

Birgitta Roslin đi theo Hồng Quế. Hai người đàn ông đi lùi lại một chút. Họ dẫn bà tới một phòng họp nhỏ. Một người đàn ông đứng tuổi ngồi bên chiếc bàn hình bầu dục và đang hút thuốc. Ông ta mặc cảnh phục sẫm màu với nhiều huy hiệu gài trên áo. Trên mặt bàn là chiếc mũ cảnh sát. Ông ta đứng dậy, cúi chào bà, đồng thời chỉ vào một chiếc ghế bên cạnh. Hồng Quế đến đứng bên cửa sổ ở phía sau.

Chấn Bình có mái tóc chải hất về phía sau và hai mắt vẫn những tia máu đỏ. Birgitta Roslin có một cảm giác mơ hồ rằng người đàn ông ngồi cạnh bên mình rất nguy hiểm. Ông ta hít mạnh khói thuốc về thềm thường. Trong chiếc gạt tàn trước mặt đã có ba đầu mẩu thuốc.

Hồng Quế nói một vài câu gì đó, Chấn Bình gật đầu. Birgitta Roslin tự hỏi đã khi nào gặp một người có nhiều sao trên cầu vai như người đàn ông này chưa.

Chấn Bình cất giọng khàn khàn:

– Chúng tôi đã bắt được một trong hai kẻ tấn công bà. Chúng tôi tới để đề nghị bà nhận diện người đàn ông đó.

Tiếng Anh của Chấn Bình hơi lúng túng một chút, nhưng vẫn hiểu được ông ta nói gì.

- Nhưng tôi hoàn toàn không nhìn thấy gì cả.
- Người ta luôn nhìn thấy nhiều hơn là mình tưởng.
- Họ đâu có ở trước mặt tôi. Còn sau gáy tôi lại không có mắt.

Chấn Bình quan sát bà vẻ vô cảm.

– Ồ có đấy. Trong những tình huống căng thẳng và nguy hiểm người ta có thể nhìn thấy bằng gáy.

– Điều này có thể xảy ra ở Trung Quốc. Chứ ở Thụy Điển thì không. Trong đời mình, tôi chưa bao giờ kết án một người vì có ai đó đã nhận diện được anh ta nhờ những con mắt ở sau gáy.

– Còn có những nhân chứng khác. Không phải chỉ riêng bà phải nhận diện kẻ tấn công. Các nhân chứng cũng phải nhận diện bà nữa, chính bà.

Birgitta Roslin nhìn sang Hồng Quế, nhưng bà ta như đang mãi quan sát một điểm ở đâu đó phía trên đầu bà.

– Tôi phải về nhà, Birgitta Roslin nói. Hai tiếng nữa, tôi cùng bạn phải ra sân bay. Tôi đã nhận lại được chiếc túi xách của mình. Sự giúp đỡ mà cảnh sát dành cho tôi thật đáng trân trọng. Tôi không biết bày tỏ lòng biết ơn của mình như thế nào. Nhưng tôi không thể nhận diện một thủ phạm mà tôi không nhìn thấy.

– Chúng tôi không yêu cầu bà điều bất khả. Theo luật pháp của đất nước chúng tôi, bà có trách nhiệm thi hành những yêu cầu của cảnh sát để làm sáng tỏ một trọng tội.

– Nhưng tôi muốn trở về nhà. Việc này sẽ kéo dài bao lâu?

– Nhiều nhất là một ngày.

– Vậy thì không được.

Hồng Quế kín đáo tiến lại gần.

– Đương nhiên chúng tôi sẽ giúp bà đổi chuyến bay, bà ta nói.

Birgitta Roslin đập tay lên mặt bàn.

– Tôi muốn trở về nhà vào ngày hôm nay. Tôi từ chối ở lại thêm một ngày nữa.

– Ông Chấn Bình là thủ trưởng cấp cao của cảnh sát. Những gì ông ấy nói, được coi như là mệnh lệnh. Ông ấy có thể buộc bà phải ở lại đây.

– Vậy thì tôi yêu cầu được nói chuyện với đại sứ quán của chúng tôi.

– Đương nhiên rồi.

Hồng Quế đặt chiếc điện thoại di động và một mảnh giấy có ghi số điện thoại của sứ quán Thụy Điển lên bàn trước mặt bà.

– Một tiếng đồng hồ nữa sứ quán mới làm việc.

– Tại sao các vị lại ép tôi phải làm việc này?

– Chúng tôi không muốn trừng phạt người vô tội, nhưng cũng không để lọt tội phạm.

Birgitta Roslin trân trân nhìn hai người và nhận ra mình không còn lựa chọn nào khác. Họ đã quyết định giữ bà ở lại đây. Điều tốt nhất mà mình có thể làm là chấp nhận tình huống này, bà nghĩ. Nhưng không ai có thể buộc được mình phải nhận diện một thủ phạm mà mình chưa hề nhìn thấy mặt.

– Tôi cần phải nói chuyện với bạn tôi, bà nói với Chấn Bình. Còn hành lý của tôi thì sao?

– Căn phòng vẫn dành lại cho bà, Hồng Quế trả lời.

– Tôi đoán rằng việc này đã được sắp xếp hết rồi. Việc này được quyết định vào khi nào vậy? Hôm qua? Đêm vừa rồi?

Bà không nhận được câu trả lời. Chấn Bình lại châm một điếu thuốc mới và nói một vài câu với Hồng Quế.

– Ông ấy nói gì vậy?

– Rằng phải khẩn trương lên. Ông Chấn Bình còn bận rất nhiều việc.

– Ông ta là ai?

Hồng Quế giải thích cho bà hiểu trong lúc họ đi dọc theo hành lang.

– Chấn Bình là một cán bộ điều tra có rất nhiều kinh nghiệm. Ông ấy chịu trách nhiệm về những vụ việc liên quan đến người nước ngoài, như bà.

– Tôi thấy thiếu thiện cảm với ông ta.

– Tại sao?

Birgitta Roslin đứng lại.

– Nếu phải tới đó, tôi yêu cầu bà ở lại bên tôi. Nếu không tôi sẽ không rời khỏi khách sạn, trước khi đại sứ quán mở cửa và tôi được nói chuyện với một ai ở đó.

– Tôi sẽ ở bên bà.

Họ tiếp tục đi đến phòng ăn. Giữa lúc Karin Wiman định rời khỏi bàn ăn thì hai người đã xuất hiện. Birgitta giải thích mọi chuyện cho Karin nghe. Karin nhìn bà ngạc nhiên.

– Tại sao bạn không kể cho mình nghe? Như thế chúng ta đã có thể tính đến khả năng sẽ xảy ra chuyện này và bạn có thể sẽ phải ở lại đây.

– Cũng chỉ vì, như đã nói, mình không muốn bạn phải lo lắng và bản thân cũng không muốn phải lo lắng. Mình nghĩ là mọi chuyện đã xong. Mình đã nhận lại được chiếc túi. Còn bây giờ mình phải ở lại đến ngày mai.

– Việc này có cần thiết không ?

– Viên cảnh sát mà mình vừa mới gặp xem ra không phải là người dễ thay đổi quyết định đã đưa ra.

– Bạn có muốn mình ở lại đây không?

– Cứ bay đi. Ngày mai mình sẽ bay sau. Mình sẽ gọi điện về nhà nói cho Staffan biết.

Karin còn chần chừ. Birgitta đưa bạn mình đến lối ra.

– Cứ đi đi. Mình ở lại để làm rõ ràng mọi chuyện. Có vẻ như luật pháp ở đây không để cho mình đi trước khi làm xong những việc mà họ yêu cầu.

– Nhưng bạn đã chẳng nói là mình không nhìn thấy ai hết?

– Mình sẽ vẫn giữ ý kiến này. Còn bây giờ hãy lên đường đi. Khi nào mình về nhà, chúng ta sẽ cùng nhau xem lại những tấm ảnh chụp ở Vạn Lý Trường Thành.

Birgitta nhìn Karin đi xa dần tới chỗ thang máy.

Bà ngồi vào chiếc xe ô tô cùng với Hồng Quế và Chấn Bình. Những chiếc mô tô rú còi dẹp đường cho họ giữa dòng xe cộ đông đúc. Xe

chạy qua quảng trường Thiên An Môn, tiếp tục qua một trong những trục đường chính cho tới lúc rẽ vào một khu để xe có người đứng gác. Họ đi thang máy lên tầng mười bốn, rồi đi theo dọc một hành lang có những người mặc cảnh phục nhìn bà với ánh mắt dò xét. Giờ đã tới lãnh địa của Chấn Bình, Birgitta nghĩ. Ở đây Hồng Quế không phải là nhân vật quan trọng nhất, chính Chấn Bình mới là người quyết định.

Họ đi qua phòng đợi của một phòng làm việc, các nhân viên cảnh sát đứng dậy chào. Cánh cửa được đóng lại phía sau họ. Bà đoán lúc này mình đang có mặt trong phòng làm việc của Chấn Bình. Bức chân dung của chủ tịch nước được treo trên tường. Bà nhận thấy Chấn Bình sử dụng một chiếc máy tính hiện đại và nhiều điện thoại di động. Ông ta chỉ vào chiếc ghế bên cạnh bàn. Birgitta Roslin ngồi xuống. Hồng Quế ở lại ngoài phòng đợi.

– Lão Tam, Chấn Bình nói, là tên của người đàn ông mà bà sẽ gặp cùng với chín người đàn ông khác. Bà phải nhận ra người đó.

– Tôi còn phải nói với ông bao nhiêu lần nữa rằng, tôi không nhìn thấy những kẻ đã tấn công mình?

– Vậy thì bà cũng không thể biết, liệu chỉ là một hay là hai hoặc nhiều hơn nữa.

– Tôi cảm thấy nhiều hơn là một người. Xung quanh tôi có rất nhiều cánh tay.

Bỗng nhiên bà cảm thấy lo lắng. Mãi sau này bà mới nhận ra rằng có khả năng không chỉ Hồng Quế mà cả Chấn Bình đã biết bà đi tìm Vương Minh Hào. Chính vì lẽ đó mà bà đang phải ngồi bên bàn của một sếp cảnh sát cao cấp. Theo một cách nào đó, bà đã trở thành mối nguy. Vấn đề chỉ là: đối với ai?

Cả hai người đó đều biết rõ, bà nghĩ. Hồng Quế không vào vì bà ta đã biết trước Chấn Bình sẽ nói gì với mình.

Tấm ảnh vẫn nằm ở túi trong chiếc áo măng tô của bà. Bà thầm hỏi liệu có nên lấy nó ra và cho Chấn Bình xem hay không. Nhưng có gì

đó đã ngăn bà lại. Trong lúc này chính Chấn Bình mới là người dẫn dắt mọi việc.

Chấn Bình kéo mấy tờ giấy nằm trên mặt bàn về phía mình. Không phải để đọc, bà thấy rõ điều ấy, mà là để có thời gian quyết định xem nên bắt đầu từ đâu.

- Bao nhiêu tiền? Ông ta hỏi.
- Sáu mươi đô la Mỹ. Số tiền Trung Quốc ít hơn.
- Đồ trang sức? Thẻ tín dụng?
- Tất cả vẫn còn.

Một chiếc điện thoại di động trên mặt bàn đổ chuông khe khẽ. Chấn Bình mở máy, lắng nghe rồi đặt nó xuống bàn.

– Mọi chuyện đã rõ, ông ta đứng lên. Bây giờ bà sẽ nhìn thấy người đàn ông đã tấn công bà.

- Ông nói nhiều hơn là một người mà?
- Đây là người duy nhất trong số những kẻ tấn công bà mà chúng tôi có thể lấy cung được.

Như vậy là người kia đã chết, bà nghĩ và cảm thấy nôn nao khó chịu. Vào giây phút này bà cảm thấy ân hận vì đã ở lại Bắc Kinh. Đáng lẽ bà phải cương quyết phản đối để cùng bay với Karin về nhà. Bà đã cho chân vào bẫy khi đồng ý ở lại đây.

Họ đi theo một hành lang xuống cầu thang rồi vào một căn phòng. Ánh sáng lờ mờ. Một cảnh sát đứng bên cạnh tấm rèm vải.

– Tôi để bà ở lại một mình, Chấn Bình nói. Như bà biết, những người đàn ông đó không nhìn thấy được bà. Bà hãy nói vào micro trên bàn, khi nào bà muốn có ai đó trong số họ phải bước lên một bước hoặc phải quay nghiêng.

- Sau đó tôi phải nói với ai?
- Bà sẽ nói với tôi. Bà có thời gian mà.
- Việc này thật phi lý. Tôi không biết mình còn phải nói bao nhiêu lần nữa, rằng tôi không nhìn thấy mặt những người đã tấn công mình.



Chấn Bình không trả lời. Tấm rèm vải được kéo sang một bên, Birgitta Roslin còn lại một mình trong phòng. Ở phía bên kia tấm gương không tráng là khoảng chục người đàn ông trạc ba mươi tuổi, ăn mặc xuềnh xoàng, có một vài người rất gầy, đứng thành một hàng. Khuôn mặt của họ thật là xa lạ, bà không biết một ai trong số họ, ngay cả khi bà thoáng tin rằng người đàn ông đứng ngoài cùng bên trái nhắc bà nhớ đến người được ghi hình lại trong camera giám sát ở khách sạn tại Hudiksvall. Nhưng không phải. Người đàn ông này có khuôn mặt tròn và cặp môi dày hơn.

Từ một chiếc loa bí mật vang lên giọng nói của Chấn Bình.

– Bà còn nhiều thời gian.

– Trước đây tôi chưa nhìn thấy ai trong số họ.

– Bà hãy để những ấn tượng của mình chín muồi.

– Cho dù tôi có ở đây đến sáng mai, thì các ấn tượng của tôi cũng không thay đổi.

Chấn Bình không trả lời. Bà tức giận ấn nút micro.

– Tôi chưa bao giờ nhìn thấy người nào trong số những người này.

– Bà có chắc không?

– Chắc.

– Bà hãy nhìn lại cho kỹ.

Người đàn ông đeo số bốn ở bên phải phía sau tấm gương bỗng bước lên phía trước một bước. Anh ta mặc một chiếc áo bông và một chiếc quần vá. Khuôn mặt gầy gò của anh ta lờm chờm râu ria.

Giọng nói của Chấn Bình bỗng trở nên căng thẳng:

– Bà đã có lần nào nhìn thấy người đàn ông này chưa?

– Chưa bao giờ.

– Hẳn là một trong những kẻ đã tấn công bà. Lão Tam, hai mươi chín tuổi, đã có nhiều tiền án. Bố của hắn cũng bị tử hình về tội giết người.

– Tôi chưa bao giờ nhìn thấy anh ta.

- Hãn đã thừa nhận vụ tấn công.
- Vậy thì ông đâu còn cần đến tôi nữa.

Người cảnh sát đứng sau bà trong bóng tối kéo tấm rèm vải lại. Anh ta ra hiệu cho bà đi theo mình. Bà trở lại căn phòng nơi Chấn Bình đã chờ sẵn bà. Không thấy Hồng Quế đâu cả.

– Chúng tôi muốn cảm ơn về sự giúp đỡ của bà, Chấn Bình nói. Giờ chỉ còn lại một vài thủ tục nữa thôi. Một biên bản đang được viết.

– Biên bản gì vậy?

– Về việc nhận diện thủ phạm.

– Chuyện gì sẽ xảy đến với anh ta?

– Tôi không phải là thẩm phán. Ở đất nước bà, người ta sẽ làm gì với anh ta?

– Cái này còn phụ thuộc vào rất nhiều tình tiết.

– Đương nhiên hệ thống pháp lý của chúng tôi cũng hoạt động theo hình thức như vậy. Chúng tôi phán xét thủ phạm, có xem xét đến ý thức hợp tác của anh ta và những tình tiết đặc biệt nếu có.

– Có nguy cơ anh ta bị tuyên án tử hình không?

– Hầu như không, Chấn Bình trả lời cụt lủn. Đó chỉ là định kiến của các nước phương Tây khi cho rằng ở đất nước chúng tôi các tội danh ăn cắp vặt cũng bị kết án tử hình. Nếu như anh ta sử dụng vũ khí hoặc gây thương tích nghiêm trọng cho bà thì lại là chuyện khác.

– Nhưng kẻ đồng lõa với anh ta đã chết?

– Hãn đã chống lại việc bắt giữ. Hai cảnh sát bị tấn công đã buộc phải hành động tự vệ.

– Do đâu mà ông biết rằng anh ta là người có tội?

– Vì hãn đã chống trả.

– Có thể anh ta có những lý do khác.

– Người đàn ông mà vừa rồi bà nhìn thấy, Lão Tam, đã thừa nhận người đó là tông phạm của mình.

– Nhưng không có bằng chứng.

– Nhưng có lời tự thú.

Birgitta Roslin nhận thấy mình không nên thách thức lòng kiên nhẫn của Chấn Bình. Bà thầm quyết định hãy làm những gì mà họ đề nghị rồi sau đó rời khỏi Trung Quốc càng sớm càng tốt.

Một nữ cảnh sát mang theo tập hồ sơ bước vào phòng, cố tránh không nhìn Birgitta Roslin.

Chấn Bình đọc cho bà nghe biên bản. Birgitta Roslin có cảm giác rằng Chấn Bình đang rất vội. Ông ta đã hết kiên nhẫn, bà nghĩ. Vở kịch đã kết thúc. Hoặc là một cái gì khác đã kết thúc mà mình không được biết đó là gì.

Trong cái văn bản cầu kỳ này, Chấn Bình đã giải thích rằng bà Birgitta Roslin, công dân Thụy Điển không nhận diện được Lão Tam, thủ phạm tấn công bà để cướp giật.

Chấn Bình ngừng đọc, đẩy tờ giấy về phía bà. Biên bản này được viết bằng tiếng Anh.

– Bà ký tên vào đó, Chấn Bình nói. Sau đó bà có thể về.

Birgitta Roslin cẩn thận đọc hai trang viết rồi mới ký. Chấn Bình lại châm thuốc hút. Hình như ông ta đã quên rằng bà đang có mặt ở trong phòng này.

Bồng Hồng Quế xuất hiện.

– Bây giờ chúng ta có thể đi được rồi, bà ta nói. Công việc đã xong.

Birgitta Roslin ngồi im lặng trong xe trên đường về khách sạn. Trước khi lên xe, bà chỉ hỏi Hồng Quế một câu duy nhất.

– Tôi đoán là hôm nay không còn chuyến bay nào kịp cho tôi nữa?

– Đáng tiếc là bà phải chờ đến mai.

Ở quầy lễ tân có thông báo xác nhận bà đã đặt chỗ trên chuyến bay của hãng hàng không Phần Lan vào ngày hôm sau. Bà định chia tay Hồng Quế vào lúc này, nhưng Hồng Quế mời bà tối nay cùng đi ăn bữa tối và hẹn quay lại đón bà sau. Birgitta Roslin đồng ý ngay. Vào lúc này bà gần như không chịu nổi cảnh chỉ có một mình ở Bắc Kinh.

Bà bước vào thang máy và nghĩ bây giờ Karin đang trên máy bay trở về nhà, trên những tầng cao không nhìn thấy.

Khi về đến phòng, việc đầu tiên là bà gọi điện thoại về nhà. Bà không tính đến chuyện lệch múi giờ: khi Staffan nghe máy, bà thấy rõ là mình đã đánh thức chồng.

– Em đang ở đâu?

– Ở Bắc Kinh.

– Tại sao?

– Em bị nhỡ chuyến bay.

– Ở bên ấy mấy giờ rồi?

– Một giờ chiều.

– Không phải là em đang trên đường về Copenhagen à?

– Em không muốn đánh thức anh. Em sẽ có mặt ở nhà vào giờ đã định, chỉ chậm lại một ngày.

– Mọi chuyện đều ổn cả chứ?

– Tất cả đều OK.

Cuộc nói chuyện bị gián đoạn. Bà cố thử gọi một lần nữa, nhưng máy không thông. Bà đành phải gửi tin nhắn nhắc lại mình sẽ về nhà chậm một ngày.

Khi đặt máy điện thoại lên bàn, bà nhận ra đã có ai đó vào phòng lúc bà ở chỗ cảnh sát. Bà không nhận thấy ngay lập tức mà cảm giác ấy dần xâm chiếm bà. Bà đứng giữa phòng, nhìn quanh. Thoạt đầu bà không thể nói được điều gì đã đánh thức sự nghi ngờ của bà. Rồi bà nhận ra chiếc va li bị mở nắp. Áo xống ở trong đó không nằm như bà đã xếp đặt vào buổi tối hôm trước. Bà đã thử đóng nắp lại để xem nó có bị mắc kẹt không. Còn bây giờ khi bà thử lại, phéc mớ tuya không kéo vào được nữa.

Bà ngồi lên thành giường. Cô phục vụ phòng không đời nào lại đi xếp lại va li của mình, bà nghĩ. Ai đó đã vào phòng lục soát đồ đạc của mình. Đây là lần thứ hai.

Bỗng bà hiểu ra: đi nhận diện kẻ tấn công bà chỉ là cái cớ để triệu bà ra khỏi phòng. Mọi chuyện bỗng trở nên gấp gáp sau khi Chấn Bình đọc cho bà nghe biên bản. Khi ấy hẳn ông ta đã nhận được tin báo rằng việc lục soát phòng bà đã kết thúc.

Việc này hoàn toàn không liên quan đến chiếc túi xách của mình, bà nghĩ. Cảnh sát lục soát căn phòng của mình hoàn toàn vì những lý do khác. Cũng chính chúng giải thích sự xuất hiện của Hồng Quế.

Việc này không hề liên quan đến chiếc túi, bà nhắc lại với mình. Chỉ có một cách lý giải: Có ai đó muốn biết vì sao mình lại chìa tấm ảnh một người xa lạ ra trước tòa nhà gần bệnh viện đó. Có thể đó không hoàn toàn là một người xa lạ?

Nỗi sợ hãi lại quay trở lại với tất cả sức mạnh của nó. Bà bắt đầu tìm xem trong phòng có gắn máy quay phim, micro ở gầm giường, gầm bàn, sau những bức tranh hoặc trong các chao đèn hay không, nhưng hoàn toàn không tìm thấy gì cả.

Hồng Quế xuất hiện đúng giờ hẹn ở quầy lễ tân và đề nghị dẫn bà đi ăn ở một nhà hàng nổi tiếng. Nhưng lúc này Birgitta Roslin không còn muốn rời khách sạn nữa. Bà nói:

– Tôi bị mệt. Ông Chấn Bình đã khiến tôi kiệt sức. Bây giờ tôi muốn ăn ở đây rồi đi ngủ. Ngày mai tôi sẽ bay về nhà.

Câu cuối cùng nghe giống như là một câu hỏi. Hồng Quế gật đầu.

– Phải, ngày mai bà bay về nhà.

Hai người ngồi xuống bên cạnh một khung cửa sổ lớn nhìn được toàn cảnh. Một nghệ sĩ piano đang ý tứ ngồi chơi bên chiếc đàn ở giữa căn phòng rộng có các bể cá và giếng phun.

– Tôi biết bản nhạc này, Birgitta Roslin nói. Một giai điệu của Anh từ Thế chiến thứ hai? *We'll meet again, don't know where, don't know when*. Có thể nó nói về chúng ta chẳng?

– Tôi luôn mong muốn được đến thăm những nước phương Bắc. Biết đâu đấy?

Birgitta Roslin uống rượu vang đỏ. Vì chưa ăn gì nên bà cảm thấy hơi choáng đầu.

– Bây giờ thì mọi chuyện đã qua, bà nói. Tôi có thể về nhà. Tôi đã nhận lại được chiếc túi của mình và tôi đã được nhìn thấy Vạn Lý Trường Thành. Tôi đã tin rằng phong trào nông dân Trung Quốc đạt được những bước tiến lớn lao. Những gì diễn ra ở đất nước này thật là kỳ diệu. Ngày còn trẻ, tôi ao ước được đứng giữa hàng ngàn các bạn trẻ khác, tay cầm cuốn sách đỏ của Mao Chủ tịch đi diễu hành. Còn bà thì sao? Chúng ta cùng trạc tuổi nhau.

– Tôi là một trong những người đã diễu hành ở đó.

– Vì giác ngộ?

– Tất cả mọi người đều như thế. Bà đã khi nào thấy một nhà hát hoặc một rạp xiếc toàn là trẻ con chưa? Chúng reo lên vui sướng. Không nhất thiết là vì những gì chúng được xem, mà là vì chúng được có mặt trong một rạp xiếc hoặc trong một nhà hát cùng hàng ngàn đứa trẻ khác, không có thầy cô giáo ở bên cạnh, không có cha mẹ ở bên cạnh. Chúng thống trị thế giới. Nếu như ta đủ đông, ta có thể tin vào bất cứ điều gì.

– Đó đâu phải là câu trả lời cho câu hỏi của tôi.

– Câu trả lời sẽ đến ngay bây giờ. Tôi đã như những đứa trẻ trong rạp xiếc ấy. Nhưng tôi cũng tin tưởng rằng nếu không có Mao chủ tịch, Trung Quốc sẽ không bao giờ đứng lên được từ đói nghèo. Là người cộng sản có nghĩa là đi chân trần mà đấu tranh chống lại những khốn cùng. Chúng tôi đã chiến đấu vì một đôi giày cho tất cả.

– Sau đó chuyện gì đã xảy ra?

– Đã xảy ra điều mà Mao luôn cảnh báo chúng tôi. Rằng sự bất ổn luôn tồn tại dưới gầm trời này. Chúng chỉ thay hình đổi dạng. Chỉ có kẻ ngu xuẩn mới tin rằng có thể lội xuống cùng một dòng sông đến hai lần. Giờ đây tôi mới nhận ra rằng ông ấy sáng suốt đến mức nào.

– Bà vẫn còn là đảng viên đảng Cộng sản?

– Phải. Cho đến nay chưa có gì khiến tôi thay đổi lý tưởng cả: chỉ có cùng nhau hành động, chúng tôi mới có thể đấu tranh chống lại đói nghèo hiện vẫn còn quá nhiều ở đất nước mình.

Birgitta Roslin vung tay quá mạnh khiến ly rượu đổ lênh láng trên mặt bàn.

– Bà thử nhìn khách sạn này mà xem. Có kém gì bất cứ đâu trên thế giới đâu.

– Con đường vẫn còn dài mà.

Các món ăn được bày lên bàn. Nghệ sĩ piano ngừng chơi đàn. Birgitta Roslin đang đấu tranh với những ý nghĩ của mình. Cuối cùng bà đặt dao đĩa xuống trước mặt, nhìn Hồng Quế khiến bà ta cũng lập tức ngừng ăn.

– Bà hãy nói cho tôi biết sự thật. Giờ tôi sắp về rồi. Bà không cần phải diễn kịch trước mặt tôi nữa. Bà là ai? Tại sao tôi lại bị giám sát suốt trong thời gian qua? Ông Chấn Bình là ai? Những người mà tôi phải nhận dạng là ai? Tôi không bị bịp nữa đâu: đây không phải là chuyện liên quan đến chiếc túi của tôi, cũng không phải chuyện bảo vệ một vị khách nước ngoài là nạn nhân của một vụ rắc rối.

Bà tính đến khả năng Hồng Quế sẽ phản ứng như thế nào đó, rằng bà ta sẽ hé mở tấm kính chắc chắn mà bà ta luôn nấp ở phía sau ra một chút. Nhưng tràng câu hỏi ấy không làm cho bà ta mất bình tĩnh.

– Vậy ngoài vụ tấn công ra còn chuyện gì khác nữa?

– Có ai đó đã lục soát phòng tôi.

– Bà bị mất thứ gì sao?

– Không. Nhưng tôi biết đã có ai đó vào phòng tôi.

– Nếu bà muốn, tôi sẽ cho mời người phụ trách an ninh của khách sạn đến đây.

– Tôi chỉ muốn bà trả lời những câu hỏi của tôi. Chuyện gì đã xảy ra ở đây?

– Hoàn toàn không gì khác ngoài điều tôi muốn, rằng các vị khách cảm thấy mình được an toàn ở đất nước chúng tôi.

– Tôi có nên thực sự tin lời bà nói không?

– Nên, Hồng Quế nói. Tôi muốn bà tin những điều tôi nói.

Có gì đó trong giọng nói của bà ta khiến Birgitta không còn hứng thú hỏi thêm. Bà biết dù gì thì mình cũng sẽ không nhận được câu trả lời. Và bà sẽ không bao giờ được biết mình bị Hồng Quế hay Chấn Bình cho theo dõi. Bà đang bước về phía lối ra của một hành lang dài, mắt bị bịt kín.

Hồng Quế tiễn bà lên tới tận cửa phòng. Birgitta Roslin nắm lấy khuỷu tay bà ta.

– Giờ thì bà hứa sẽ không còn lệnh triệu tập nữa? Không còn phải nhận diện thủ phạm nữa? Không biên bản? Không còn có những người đi theo tôi mà tôi nhận mặt được nữa chứ?

– Ngày mai tôi đón bà vào lúc mười hai giờ.

Birgitta Roslin ngủ chập chờn trong đêm. Bà thức dậy rất sớm và vội vàng ăn điểm tâm trong phòng ăn, không thấy ai quen mặt trong số thực khách và bồi bàn. Trước khi rời phòng, bà đã rắc một ít bột muối dùng để pha nước tắm trong bồn lên thảm trước cửa, treo tấm biển “Yêu cầu không quấy rầy” lên. Lúc quay lên phòng bà nhận thấy không có ai vào phòng mình.

Bà Hồng đến đón bà đúng như đã hứa. Ở sân bay Hồng Quế dẫn bà qua cửa kiểm tra đặc biệt để bà khỏi phải đứng xếp hàng dài.

Hai người tạm biệt nhau ở cửa kiểm tra hộ chiếu. Hồng Quế trao cho bà một gói nhỏ.

– Một món quà từ Trung Quốc.

– Cửa bà hay của đất nước bà?

– Cửa cả hai.

Birgitta Roslin nghĩ có thể mình đã xử sự không công bằng với Hồng Quế. Có thể bà ấy chỉ đơn giản là muốn giúp bà vượt qua được



vụ tấn công chẳng?

– Bà hãy bảo trọng, Hồng Quế nói. Có thể chúng ta sẽ còn gặp lại nhau.

Birgitta Roslin bước qua cửa kiểm tra hộ chiếu. Lúc bà quay lại nhìn, Hồng Quế đã biến mất.

Mãi tới khi máy bay cất cánh, bà mới mở gói quà ra xem. Đó là một bức tượng nhỏ bằng sứ: một cô gái giơ cao trên đầu cuốn sách đỏ của Mao.

Bà để món quà vào trong túi xách và nhắm mắt lại. Cảm giác nhẹ nhõm vì cuối cùng đã được trở về nhà đi cùng với cơn mỏi mệt.

Khi bà đến sân bay Copenhagen, Staffan đã có mặt đón bà. Buổi tối bà ngồi bên cạnh ông trên ghế sofa và kể cho ông nghe về chuyến đi nhưng tuyệt nhiên không nhắc đến vụ tấn công.

Karin Wiman gọi điện đến. Birgitta hứa sẽ đến gặp bạn ngay khi có thể.

Một ngày sau khi trở về bà đến khám bác sĩ. Huyết áp của bà đã hạ. Nếu tình hình tiếp tục ổn định thì trong một vài ngày nữa bà có thể đi làm lại.

Tuyết rơi nhẹ lúc bà bước ra ngoài đường. Bà mong được trở lại với công việc biết bao.

Ngày hôm sau bà đã có mặt ở phòng làm việc vào lúc bảy giờ sáng. Dù chưa chính thức trở lại làm việc, bà vẫn tới sắp xếp lại đồng giấy tờ tích tụ trên bàn thời gian bà vắng mặt.

Tuyết rơi ngày càng dày hơn. Bà nhìn ra, thấy lớp tuyết đóng lại trên bộ cửa sổ.

Bức tượng cô gái má hồng với nụ cười chiến thắng đang giơ cao cuốn sách đỏ được bà đặt lên bàn ngay gần điện thoại. Tấm ảnh mà bà để ở túi trong áo măng tô suốt chuyến đi được bà cất vào ngăn kéo dưới cùng của bàn làm việc.

Lúc khóa ngăn kéo lại, bà bỗng có cảm giác rằng cuối cùng thì mọi chuyện cũng qua đi.

## Phần thứ tư

### Những tên thực dân (2006)

Trong cuộc đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng hoàn toàn các dân tộc bị áp bức, trước hết các đồng chí phải dựa vào cuộc đấu tranh của chính mình và sau đó, chỉ sau đó mới dựa vào sự ủng hộ của quốc tế. Một dân tộc đã chiến thắng trong cuộc cách mạng của mình, cần phải giúp đỡ các dân tộc còn đang phải đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng của họ. Đó là nghĩa vụ quốc tế của chúng ta.

MAO TRẠCH ĐÔNG.

*Cuộc trao đổi với các bạn châu Phi  
vào ngày 8 tháng Tám năm 1963.*

# Lớp vỏ bị voi gặm

Cách Bắc Kinh về hướng Tây khoảng năm mươi cây số, không xa phế tích hoàng cung là mấy, còn có một vài tòa nhà màu xám, xung quanh có tường bao bọc, nơi được ban lãnh đạo đảng Cộng sản Trung Quốc sử dụng vào những dịp nhất định. Những tòa nhà không mấy gây ấn tượng ấy gồm có rất nhiều phòng họp rộng, bếp nấu và nhà ăn, nằm giữa khu công viên rộng, nơi những người có mặt thường hay thả bộ hoặc tiến hành những cuộc trao đổi riêng với nhau. Chỉ những ai thuộc thành phần cốt lõi nhất của ban lãnh đạo đảng mới được biết nơi đây được sử dụng cho những cuộc họp bàn quan trọng bậc nhất về tương lai của đất nước Trung Quốc.

Và vào ngày mùa đông năm 2006 này, một cuộc họp tương tự như vậy đang diễn ra. Ngay sáng sớm đã có một đoàn xe Limousine đen bóng phóng với tốc độ cao đi qua cổng. Khi chiếc xe cuối cùng đã lọt qua, cánh cổng lập tức được đóng lại. Ngọn lửa rừng rực cháy trong các lò sưởi đốt bằng củi trong phòng họp lớn. Tất cả thành viên tham gia hội nghị gồm mười chín người đàn ông và ba phụ nữ. Phần lớn trong số họ đã ngoài sáu mươi, người trẻ nhất khoảng chừng ba mươi lăm tuổi. Dường như họ đã biết nhau từ những dịp gặp gỡ trước đây. Họ là những tinh hoa đang điều khiển đất nước Trung Quốc về chính trị và kinh tế. Hội nghị này chỉ vắng mặt hai nhân vật chủ chốt, đó là chủ tịch nước và tổng tư lệnh các lực lượng vũ trang. Hai người này sẽ được báo cáo lại tất cả các nội dung sau khi hội nghị kết thúc.

Chương trình nghị sự hôm nay chỉ có một điểm. Nó được thảo ra dưới sự bảo mật cao nhất và tất cả những người tham gia hội nghị này phải tuyên thệ giữ kín. Ai vi phạm đều biết mình sẽ nhanh chóng biến mất mà không để lại dấu vết nào.

Trong căn phòng được ngăn với hội trường, có một người đàn ông chừng bốn mươi tuổi đang đi đi lại lại không ngừng. Trong tay ông ta

là bản thuyết trình được viết trong nhiều tháng qua và hôm nay nó sẽ được báo cáo trước hội nghị. Ông ta biết rằng đây là một trong những tài liệu quan trọng nhất chưa bao giờ được trình bày với những vị lãnh đạo cấp cao của đảng Cộng sản Trung Quốc, kể từ khi thành lập Nhà nước Trung Quốc vào năm 1949 đến nay.

Trần Bá, cách đây hai năm đã được chính người đứng đầu Nhà nước trao cho nhiệm vụ này. Khi ấy ông đang là nhà nghiên cứu đầy triển vọng tại Đại học Bắc Kinh. Người ta thông báo với ông rằng chủ tịch nước muốn nói chuyện với ông. Ông đã nhận nhiệm vụ mật này. Ngay ngày hôm đó ông ngừng công việc giảng dạy và có một ban tham mưu gồm ba mươi người giúp việc. Toàn bộ dự án được tiến hành dưới sự bảo mật nghiêm ngặt nhất, được bộ phận an ninh đặc biệt của chủ tịch nước giám sát. Bản thuyết trình được thảo trên máy tính cá nhân của Trần Bá. Chỉ ông mới được đọc.

Không một tiếng động nào lọt qua các bức tường. Nghe đồn căn phòng này trước kia là phòng ngủ của bà Giang Thanh, vợ của Mao Trạch Đông. Sau khi Mao qua đời, bà ta cùng ba người nữa đã bị bắt, bị đưa ra tòa, họ thuộc cái gọi là “bè lũ bốn tên”. Bà Giang Thanh sau đó đã tự sát trong tù. Lúc sinh thời bà luôn đòi hỏi một sự im lặng tuyệt đối trong các căn phòng, nơi bà ngủ lại trong những dịp nhất định. Những người thợ được cử đến những nơi đó trước để thực hiện công việc cách âm, lũ chó xung quanh nơi bà ở đều bị lính đập chết.

Trần Bá nhìn đồng hồ. Lúc này là chín giờ kém mười. Đúng chín giờ mười lăm ông sẽ tiến hành thuyết trình trong hội nghị. Lúc bảy giờ sáng bác sĩ đã cho ông uống một viên thuốc an thần. Nó giúp ông bình tĩnh nhưng không gây buồn ngủ. Ông thấy cảm giác hồi hộp của mình đã lắng xuống. Nếu những gì ông viết ra trong bản báo cáo này một ngày nào đó được thực hiện thì sẽ mang lại những thành tựu to lớn cho toàn thế giới chứ không riêng gì Trung Quốc. Nhưng sẽ không bao giờ có ai biết được ông chính là người đưa ra những giải pháp ấy. Ông sẽ trở về với chức giáo sư, về với sinh viên của mình. Lương tháng của

ông sẽ được tăng, bây giờ ông đã có một căn hộ rộng rãi hơn trong một khu dân cư tốt hơn ở trung tâm Bắc Kinh. Còn lời tuyên thệ giữ kín sẽ trói chặt ông cho đến cuối đời. Trách nhiệm, những lời phê phán và có thể là cả vinh quang sẽ không thuộc về ông mà thuộc về các nhà lãnh đạo chính trị.

Ông ngồi bên cửa sổ và uống cốc nước khoáng. Những thay đổi lớn lao sẽ không được quyết định trên chiến trường, ông nghĩ. Chúng diễn ra trong những phòng họp kín. Cũng như những người lãnh đạo nước Mỹ, nước Nga, chủ tịch nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa là một trong những người quyền lực nhất thế giới. Lúc này ông đang đứng trước những lựa chọn sống còn. Ông phải tới đây những người đại diện này để lắng nghe cho ông rồi báo cáo lại. Sau đó quyết định của ông sẽ lan tỏa ra khắp thế giới.

Trần Bá nhớ tới một chuyến đi cùng với người bạn là nhà địa chất cách đây vài năm. Hai người đã nghỉ lại ở một vùng núi hẻo lánh, nơi đầu nguồn của sông Trường Giang. Họ lần ngược theo lòng suối cạn, chạy ngoằn ngoèo, càng lúc càng hẹp lại, cho tới khi chỉ còn là một vài mương rãnh nhỏ. Bạn của ông đã thò chân xuống nước tuyên bố:

– Mình sẽ chặn đứng dòng chảy của Trường Giang hùng vĩ tại đây.

Kỷ niệm này luôn theo ông trong suốt những tháng trời dằng dẳng chuẩn bị cho bản báo cáo về tương lai của Trung Quốc. Lúc này ông mới chính là người có khả năng thay đổi dòng chảy tương lai. Người không lồ Trung Quốc sẽ bước ra khỏi những con đường được vạch sẵn mà nó vẫn đi theo suốt những thập niên vừa qua.

Trần Bá cầm trong tay danh sách những người tham dự hội nghị hiện đã có mặt trong hội trường. Mặc dù trước kia ông đã biết đến những cái tên này, nhưng ông vẫn còn thấy ngạc nhiên về việc mình lại được quyền sử dụng thời gian của họ vào lúc này. Đây là một nhóm những người quan trọng bậc nhất Trung Quốc. Họ là những chính khách, những nhà quân sự, đại diện của nền kinh tế, các triết gia, và

chưa phải đã hết, còn có những quan chức được coi như là “chất xám” chuyên nhào nặn ra các chiến lược chính trị thường xuyên phải thay đổi theo thực tế. Ngoài ra còn có các chuyên gia hàng đầu về chính trị quốc tế cũng như đại diện của các cơ quan an ninh quan trọng nhất. Nhiều người trong số họ thường xuyên gặp nhau, nhưng cũng có những người chỉ thỉnh thoảng hoặc chưa bao giờ có quan hệ trực tiếp với nhau, nhưng tất cả đều thuộc vào mạng lưới vốn tạo nên trung tâm đầu não của quyền lực ở đại quốc Trung Hoa với hơn một tỉ dân.

Cánh cửa phía sau lưng ông nhẹ nhàng mở ra. Một người phục vụ mặc đồ trắng đem trà đến cho ông. Cô gái còn trẻ và rất đẹp lặng lẽ đặt khay trà lên bàn rồi rời khỏi phòng.

Đã đến giờ có mặt ở hội trường. Ông nhìn lại mình trong gương và mỉm cười. Bây giờ ông đã sẵn sàng đặt bàn chân xuống nước để chặn lại dòng chảy của Trường Giang.

Không khí trong phòng hoàn toàn im lặng khi ông bước lên bục diễn thuyết. Ông chỉnh lại micro, đặt bản báo cáo lên mặt bàn cho đúng tầm, rồi lướt mắt xuống khán phòng có đến một nửa năm trong cảnh tranh tối tranh sáng.

Ông bắt đầu nói về tương lai. Đó cũng chính là lý do mà ông đứng ở đây, hoàn thành nhiệm vụ mà chủ tịch nước và bộ chính trị giao cho. Ông trình bày mạch lạc về sự cần thiết phải có những thay đổi lớn, nhắc lại những ý kiến mà chủ tịch nước đã đưa ra khi giao nhiệm vụ này cho ông.

– Chúng ta đã đi đến thời điểm khi mà việc tái định hướng triết đề đã trở nên cần thiết. Nếu chúng ta không hành động hoặc không lựa chọn đúng, sẽ có nguy cơ phải đối mặt với thảm họa. Đến lúc đó ngay cả lực lượng quân đội trung thành của chúng ta cũng không thể kháng cự lại được hàng trăm triệu nông dân đang nổi giận.

Trần Bá đã hiểu nhiệm vụ của mình theo cách đó: Trung Quốc đang đứng trước một mối đe dọa to lớn đòi hỏi phải có những biện pháp



thận trọng nhưng đồng thời cũng táo bạo. Nếu không đất nước sẽ lại rơi vào tình trạng hỗn độn như đã từng xảy ra trong lịch sử.

Đằng sau những người đàn ông và một số ít phụ nữ đang có mặt trong căn phòng nửa sáng nửa tối này là hàng triệu nông dân đang ăn mình, đang mất dần kiên nhẫn chờ đợi một cuộc sống khác có thể được đem lại cho họ, chứ không phải chỉ dành cho tầng lớp trung lưu đang lớn mạnh ở các thành phố. Không lâu nữa lòng kiên nhẫn của họ sẽ cạn kiệt, chuyển thành nỗi căm phẫn quá mức, đòi hỏi phải hành động ngay lập tức. Trái táo đã chín muồi, nếu không ai hái lấy nó, nó sẽ rụng và thối rữa.

Trần Bá đưa tay phác nên một ngã rẽ tưởng tượng trong không khí.

– Chúng ta đang ở ngã ba đường, ông nói. Cuộc cách mạng vĩ đại đã dẫn dắt chúng ta đến một nơi mà cha mẹ chúng ta chưa một lần dám mơ tới. Chúng ta có thể dừng lại ở chỗ ngoặt này trong chốc lát và quay đầu nhìn lại. Trong quá khứ xa xôi chúng ta đã phải sống trong đói nghèo và đau khổ. Chúng ta chỉ có thể và nên ngạc nhiên về những gì chúng ta giành được dưới sự lãnh đạo của đảng. Chúng ta biết thực tế luôn luôn thay đổi, phải đưa ra những nghị quyết mới, có như vậy chủ nghĩa xã hội mà chúng ta theo đuổi, sự đoàn kết của chúng ta mới có thể trường tồn. Cuộc sống không chờ đợi, những thách thức mới đang được đặt ra trước chúng ta và buộc chúng ta phải có được những hiểu biết mới, tìm ra những biện pháp mới cho những vấn đề mới. Chúng ta biết rằng mình sẽ không bao giờ có thể đạt tới một thiên đường vĩnh cửu. Nếu tin như vậy, đó sẽ là một cái bẫy. Không có thực tế nào không có mâu thuẫn. Không có tương lai nào không có đấu tranh. Chúng ta biết rằng đối kháng giai cấp luôn không ngừng sinh ra, giống như các mối quan hệ trên thế giới cũng thay đổi. Mao Trạch Đông thường nói rằng sự bất ổn to lớn thống trị dưới gầm trời này, và chúng ta có thể khẳng định rằng ông đã đúng.

Trần Bá lật sang trang mới. Ông nhận ra trong phòng có sự tập trung cao độ. Mọi người ngồi im lặng, chờ đợi ông tiếp tục trình bày. Ông dự tính buổi thuyết trình của mình kéo dài khoảng năm tiếng đồng hồ. Điều này những người tham dự cũng đã được thông báo trước.

Trong những giờ tiếp theo Trần Bá nói đến việc nhìn nhận quá khứ lịch sử của Trung Quốc, một đất nước đã phải trải qua nhiều thay đổi lớn lao.

Trần Bá dành phần dài nhất trong báo cáo của mình để nói về Mao và thời đại của ông.

– Hôm nay, Trần Bá nói tiếp, vị lãnh tụ vĩ đại của chúng ta, người cầm lái tiên tri vĩ đại của chúng ta, đã qua đời được ba mươi năm. Thời gian cho thấy ông đã đúng. Nhưng ông không nêu đích danh những cuộc đấu tranh mà ông đã thấy trước. Ông cũng không tìm cách để biết điều đó, vì ông biết là không thể. Lịch sử không bao giờ cho phép dự đoán chính xác tương lai. Có chăng nó chỉ cho phép chúng ta thấy được rằng khả năng đối mặt với những thay đổi của chúng ta là hữu hạn.

Trần Bá thấy thính giả vẫn tiếp tục tập trung lắng nghe. Lúc này, khi đã trình bày xong phần mở đầu lịch sử, ông biết rằng họ sẽ còn chăm chú hơn nữa. Trần Bá biết rằng ông đang công bố một trong những bản báo cáo quan trọng nhất trong lịch sử của Trung Quốc hiện đại. Một ngày nào đó chính chủ tịch nước sẽ nhắc lại lời ông.

Bên cạnh chiếc đèn ở bục diễn thuyết có gắn một chiếc đồng hồ. Trần Bá đã mở đầu bài diễn văn dài gần hai tiếng đồng hồ nói về tình hình hiện nay của Trung Quốc và những thay đổi cần thiết. Cái hố ngăn cách giữa thành thị và nông thôn ngày càng lớn hiện đang đe dọa sự phát triển. Đến đây bài phát biểu của Trần Bá xoay xung quanh hai từ khóa: “đe dọa” và “cần thiết”. Ông bắt đầu với những mối đe dọa. Mối đe dọa đầu tiên xuất phát từ khoảng cách ngày càng lớn giữa

người dân. Trong khi những người dân sống trong các thành phố miền duyên hải thấy mức sống của mình không ngừng được cải thiện, thì những người nông dân nghèo thấy cuộc sống của họ hầu như không khá hơn trước. Tệ hại hơn nữa, họ thấy rằng nền nông nghiệp hầu như không thể nuôi sống được họ nữa. Họ chỉ còn cách bỏ lên thành phố với hy vọng tìm được việc làm ở đó. Cho đến giờ, phong trào rời nông thôn ra thành thị, đến với những khu công nghiệp, nơi sản xuất hàng hóa cho thị trường phương Tây như đồ chơi, đồ may mặc... vẫn được chính quyền ủng hộ. Nhưng rồi điều gì sẽ xảy ra, khi các thành phố công nghiệp này, các công trường xây dựng sông sùng sục này, không còn có thể thu nhận tất cả các đối tượng không còn cần đến cho nền nông nghiệp nữa? Điều này cho đến giờ mới chỉ là giả thiết nhưng nó sẽ nhanh chóng biến thành một mối đe dọa. Đằng sau những người rời làng quê, chen nhau ra thành phố, còn có biết bao nhiêu người khác nữa. Hàng trăm triệu con người đứng xếp hàng chờ đợi chỉ để có được một tấm vé lên thành phố. Ai có thể giữ chân họ lại khi mà họ không có lựa chọn nào khác giữa cảnh đói khổ ở quê nhà và một cuộc sống dư dật ở thành phố xa xôi, cuộc sống mà họ đã từng được nghe nói đến và đòi hỏi cũng có phần của mình trong đó? Làm thế nào có thể ngăn được cuộc nổi loạn của hàng trăm triệu con người hoàn toàn không còn gì để mất ngoài sự nghèo đói? Vẫn cứ luôn khốn khổ như hai mươi năm trước, họ sẽ đứng lên để phản đối: làm sao có thể bảo họ làm thế là sai?

Trần Bá biết nhiều thính giả ở đây từ lâu đã quan tâm đến vấn đề này: mối đe dọa này có khả năng đẩy Trung Quốc trở lại như nhiều thập kỷ trước. Ông cũng biết đã có một kế hoạch bí mật dự kiến một giải pháp cực đoan. Không ai nói đến điều này, nhưng chỉ cần biết chút ít về cách thức vận hành của đảng Cộng sản là có thể đoán ra. Sự kiện diễn ra trên quảng trường Thiên An Môn năm 1989 là một vở khai màn nhỏ. Đảng Cộng sản không bao giờ cho phép cảnh hỗn độn

lan rộng. Trong trường hợp xấu nhất, quân đội sẽ được sử dụng chống lại những người nổi loạn.

– Tóm lại, vấn đề rất đơn giản, Trần Bá nói. Liệu có còn một giải pháp nào khác ngoài cách đàn áp mù quáng không? Câu trả lời nằm ngay trong câu hỏi. Có một giải pháp, nhưng nó đòi hỏi các nhà lãnh đạo Trung Quốc phải đổi mới tư duy sâu sắc. Phải triển khai nhiều chiến lược. Nhưng, các vị thánh giả kính mến, trên thực tế các bước chuẩn bị đã được bắt đầu, dù nhìn bề ngoài không phải như vậy.

Cho đến lúc này ông mới chỉ nói về Trung Quốc, về lịch sử và hiện tại. Bây giờ, khi đã bước sang giờ thứ ba, ông rời Trung Quốc, vượt xa biên giới của đất nước, ông nói đến tương lai.

– Chúng ta sẽ đi đến một châu lục khác, ông nói. Đến châu Phi. Trong cuộc chiến nhằm đáp ứng nhu cầu của chúng ta về nguyên liệu thô, đặc biệt là dầu mỏ, trong những năm qua chúng ta đã xây dựng được những mối quan hệ càng ngày càng sâu sắc hơn với rất nhiều nước châu Phi. Chúng ta đã dành cho họ nhiều khoản vay tín dụng và quà tặng, mà không hề can thiệp vào nền chính trị của những quốc gia này. Chúng ta trung lập và làm ăn buôn bán với tất cả, dù đó là Zimbabwe, Malawi, Sudan hay Angola. Cũng giống như chúng ta đã bác bỏ mọi sự can thiệp từ bên ngoài vào tình hình nội bộ và hệ thống pháp lý của chúng ta, chúng ta công nhận những nước này là quốc gia độc lập, chúng ta không có quyền can thiệp vào cách tổ chức xã hội của họ. Làm như vậy chúng ta vấp phải nhiều chỉ trích, nhưng những thứ đó không phương hại gì đến chúng ta, bởi chúng ta biết rằng trong đó ẩn chứa lòng ghen tị và nỗi sợ hãi: Trung Quốc không còn là bức tượng đất sét khổng lồ mà từ lâu nay Mỹ và Nga vẫn hình dung. Ở phương Tây, người ta không muốn thừa nhận rằng các dân tộc châu Phi mong muốn hợp tác với chúng ta hơn. Trung Quốc chưa bao giờ áp bức họ, biến đất của họ thành thuộc địa của mình. Ngược lại, chúng ta đứng bên họ khi họ bắt đầu tự giải phóng vào những năm 1950. Vì

vậy những bước tiến của chúng ta ở châu Phi vấp phải sự đổ kỵ của các nước phương Tây. Những người bạn châu Phi trông cậy ở chúng ta khi Quỹ tiền tệ quốc tế hoặc Ngân hàng thế giới từ chối họ. Chúng ta không do dự giúp đỡ họ. Chúng ta làm việc đó với lương tâm thanh thản bởi chúng ta cũng là một nước nghèo. Chúng ta vẫn thuộc về cái gọi là thế giới thứ ba. Trong sự hợp tác ngày càng thu được nhiều kết quả hơn với các quốc gia này, chúng ta nhận ra về lâu dài thì đây sẽ là một phần của giải pháp trước mối đe dọa mà vừa rồi tôi đã nói tới. Với nhiều người trong chúng ta, kể cả bản thân tôi, thì đây có vẻ như là một nghịch lý lịch sử.

Các đồng chí cho tôi được phép so sánh để hiểu được hoàn cảnh của những nước này năm mươi năm trước. Ngày đó gần như toàn bộ châu Phi đều là thuộc địa nằm dưới ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc phương Tây. Đoàn kết với những dân tộc này, chúng ta đã ủng hộ các phong trào giải phóng của họ bằng vũ khí và lời khuyên tốt. Không phải là vô ích khi chủ tịch Mao và thế hệ của ông đã nêu những tấm gương cho thấy có thể đánh thắng kẻ thù mạnh hơn mình bằng chiến tranh du kích, giống như hàng ngàn con kiến cùng đốt chân voi cho tới khi con voi đó phải gục ngã. Chúng ta đã thấy với sự giúp đỡ của chúng ta, các quốc gia đó đã lần lượt được giải phóng như thế nào, cái đuôi của chủ nghĩa đế quốc đã phải sụp xuống như thế nào. Khi đồng chí Nelson Mandela của chúng ta rời khỏi nhà tù trên hòn đảo nơi ông bị giam cầm nhiều năm trời, thì đó chính là thất bại cuối cùng của chủ nghĩa đế quốc phương Tây trong “y phục” của chủ nghĩa thuộc địa. Cuộc giải phóng châu Phi đã làm xê dịch trực trái đất theo hướng mà chúng ta nghĩ rằng tự do và công bằng cuối cùng sẽ chiến thắng. Hiện giờ chúng ta thấy ở châu Phi có nhiều vùng rộng lớn màu mỡ bị bỏ hoang. Ngược lại với đất nước chúng ta, mật độ dân số của lục địa đen rất thấp. Ở đó có một phần giải pháp cho những vấn đề đang đe dọa sự ổn định của chúng ta.

Trần Bá ướng cạn cốc nước để cạnh micro. Sau đó ông lại tiếp tục. Giờ ông đề cập đến một điểm mà ông biết rằng sẽ gây tranh cãi gay gắt trong thính giả của hội nghị này và trong Bộ Chính trị.

– Chúng ta phải biết mình làm gì, Trần Bá nói, nhưng đồng thời cũng phải biết mình không làm cái gì. Những gì chúng ta đề xuất với những người bạn châu Phi không phải là làn sóng thuộc địa hóa mới. Chúng ta không đến đó như những kẻ xâm lược mà như những người bạn. Chúng ta không có ý định tái diễn những sai lầm của chủ nghĩa thực dân. Chúng ta biết thế nào là áp bức vì biết bao lớp cha ông của chúng ta đã phải sống như nô lệ ở nước Mỹ vào thế kỷ 19. Chúng ta cũng từng phải trải qua sự tàn ác của chủ nghĩa thực dân châu Âu. Nhìn bề ngoài có thể khiến người ta nhầm lẫn, nhưng thế không có nghĩa là chúng ta sẽ đặt lục địa Phi châu trước một cuộc xâm lược của thực dân. Chúng ta chỉ muốn giải quyết một vấn đề mà vẫn trợ giúp được người dân ở đây. Chúng ta sẽ tiến hành canh tác trên những vùng đồng bằng thừa thớt, trong các thung lũng màu mỡ chạy dọc những con sông lớn của châu Phi bằng cách gửi hàng triệu nông dân nghèo của chúng ta đến đó, và họ sẽ không do dự khai hoang những mảnh đất đó. Chúng ta không đuổi người bản địa đi mà chỉ lấp đầy những khoảng trống và tất cả đều được hưởng lợi từ việc này. Ở một số nước châu Phi, đặc biệt là tại miền Nam và Đông Nam, có những dải đất bao la mà người dân nghèo nước ta có thể đến an cư lạc nghiệp. Như vậy chúng ta sẽ di dân, sẽ canh tác, xây dựng châu Phi và đồng thời loại trừ được mối đe dọa đang treo lơ lửng trên đầu mình. Chúng ta biết sẽ gặp phải sự phản đối, không phải chỉ từ cộng đồng quốc tế, họ tố cáo Trung Quốc đang trở thành thực dân sau khi đã ủng hộ cuộc chiến chống chủ nghĩa thực dân. Chúng ta cũng sẽ vấp phải sự phản đối ngay trong Đảng. Tôi mong bài phát biểu này sẽ làm sáng tỏ những ý kiến trái chiều đó. Cũng sẽ có nhiều người đối lập trong các hàng ngũ lãnh đạo đất nước. Các đồng chí, những người hôm nay có mặt ở đây, các đồng chí đại diện cho lý trí, cho lẽ phải, vì các đồng chí

tin rằng phần lớn mối đe dọa sự ổn định của đất nước chúng ta có thể được loại trừ bằng phương cách tôi vừa nói. Tư tưởng mới luôn vấp phải sự phản đối. Mao Chủ tịch và cố vấn Đặng Tiểu Bình biết rõ điều này hơn ai hết. Họ giống nhau ở điều này: không bao giờ sợ cái mới, luôn tìm kiếm giải pháp để cải thiện cuộc sống của dân nghèo trên khắp hành tinh, dưới danh nghĩa đoàn kết quốc tế.

Trần Bá tiếp tục dành một tiếng bốn mươi phút nữa để trình bày chính sách của Trung Quốc trong tương lai gần. Cuối cùng, khi phát biểu xong, ông kiệt sức tới mức hai chân run lên. Tiếng vỗ tay trong phòng họp kéo dài suốt mười chín phút. Ông đã hoàn thành nhiệm vụ của mình.

Ông rời khỏi bục diễn thuyết theo lối đã vào rồi vội vàng lên chiếc xe hơi đã chờ sẵn đưa ông về trường đại học. Ngồi trên xe ông cố hình dung ra cuộc tranh luận sau bài diễn văn của mình. Hoặ là những người tham dự đã giải tán? Người nào trở về vị trí của người ấy để ở đó suy nghĩ về những sự kiện lớn lao cần được khắc ghi trong chính sách của Trung Quốc những năm tới?

Điều mà Trần Bá nhận thấy khi rời bục diễn thuyết có phải là một cảm giác trống rỗng? Ông đã hoàn thành bốn phận của mình. Trong tương lai tên ông sẽ chẳng bao giờ được nhắc đến khi các nhà sử học nghiên cứu những thay đổi lớn lao trong chính sách của Trung Quốc được bắt đầu vào năm 2006 này. Có thể trong những chuyện truyền khẩu người ta sẽ nói đến một cuộc họp kín, nhưng sẽ không một ai biết chính xác điều gì đã xảy ra ở đó. Những người tham dự hội nghị đã nhận được chỉ thị không được ghi chép lại bất cứ một điều nào.

Khi về đến văn phòng, Trần Bá khóa cửa lại và nhét bài diễn văn của mình vào máy hủy tài liệu được lắp đặt từ khi ông bắt đầu nhiệm vụ bí mật này. Khi những tờ giấy đã được cắt vụn thành từng dải, ông thu chúng lại và đem xuống hầm lò của trường đại học. Một người

trông coi mở nắp lò, ông ném những dải giấy vụn vào trong đó. Ông nhìn chúng cháy thành tàn tro.

Rồi không còn gì nữa. Thời gian còn lại trong ngày ông đắm mình vào việc viết bài về tác động của việc nghiên cứu ADN trong tương lai. Ông rời văn phòng vào lúc gần sáu giờ và về nhà. Ông thấy nổi gai ốc khi ngồi vào trước vô lăng chiếc xe mới của Nhật, một phần thưởng dành cho bài diễn văn của ông.

Mùa đông còn lâu mới kết thúc. Ông khát khao mùa xuân.

Cũng vào buổi tối hôm đó, Nhã Như đứng bên cửa sổ trong văn phòng nằm ở tầng cao nhất của tòa nhà nhìn ra toàn cảnh. Anh nghĩ đến bài diễn văn về tương lai đã được nghe sáng nay. Nhưng không phải nội dung của nó khiến anh xáo trộn. Anh đã biết những chiến lược đang được thảo ra trong ban lãnh đạo Đảng. Ngược lại, anh chỉ thấy ngạc nhiên khi người ta cũng đã mời cả Hồng Quế tham dự hội nghị. Ngay cả khi chị ấy có địa vị cao trong Đảng, giữ cương vị là cố vấn của người đưa ra các quyết định, thì anh cũng không mong chờ gặp chị ở đó.

Điều này khiến anh không hài lòng. Anh biết rõ Hồng Quế thuộc lớp những người cộng sản cũ phản đối cái được gọi là chủ nghĩa thực dân mới đáng xấu hổ này. Vì bản thân anh là một trong những người ủng hộ mạnh mẽ cho chính sách bành trướng sang châu Phi nên anh không muốn rơi vào thế đối lập với chị gái mình. Điều này có thể dẫn đến sự bất ổn, tác động xấu đến vị thế quyền lực của anh: nếu như có một thứ mà các nhà lãnh đạo Đảng ghét nhất, thì đó chính là mâu thuẫn gia đình của những người giữ địa vị cao nhất. Chưa có một ai quên sự đối đầu giữa Mao Trạch Đông và Giang Thanh, vợ ông.

Cuốn nhật ký của cụ Sáng còn để mở nằm trên bàn. Đến nay anh vẫn chưa điền thêm được gì vào những trang còn bỏ trống. Nhưng anh biết Lưu Sinh đã trở về và không lâu nữa sẽ tới báo cáo với anh.



Chiếc nhiệt kế treo trên tường báo nhiệt độ trong phòng đã hạ thấp.

Nhã Như mỉm cười và thôi không nghĩ đến chị gái cũng như cái lạnh nữa. Không lâu nữa anh sẽ được rời xa cái lạnh này khi là thành viên của một phái đoàn gồm những chính khách và doanh nhân Trung Quốc đến thăm bốn quốc gia Nam và Đông Phi.

Anh chưa từng đến châu Phi. Nhưng bây giờ, khi lục địa đen càng ngày càng trở nên có ý nghĩa hơn đối với sự phát triển của Trung Quốc, thậm chí có thể một ngày nào đó sẽ trở thành châu lục vệ tinh của Trung Quốc, nên điều quan trọng là anh phải có mặt khi những mối quan hệ làm ăn nền tảng được thiết lập.

Nhiều tuần lễ bận rộn đang đợi trước mắt: hết đi đây đi đó, lại gặp gỡ chỗ này chỗ khác. Nhưng trước khi bay trở về Bắc Kinh, anh sẽ tách đoàn một vài ngày, sẽ đi thám hiểm các trảng rừng lúp xúp cây cối với hy vọng tận mắt nhìn thấy một con báo gấm.

Thành phố trải rộng dưới chân anh. Anh được biết báo thường tìm đến những chỗ cao để có được cái nhìn toàn cảnh xung quanh.

Chỗ này là đỉnh đồi của ta, anh nghĩ. Vách đá của ta. Từ chỗ này, chẳng gì lọt qua được mắt ta.

Vào sáng mùng 7 tháng Ba năm 2006, bản án tử hình đối với giám đốc Trương Vĩnh Xan đã được tòa án nhân dân tối cao Bắc Kinh phê chuẩn. Trước đây một năm, bản án tử hình treo dành cho ông ta đã được quyết định. Mặc dù trong thời gian qua Trương Vĩnh Xan tỏ ra ăn năn về việc đã nhận tiền hối lộ lên tới hàng trăm triệu nhân dân tệ, nhưng tòa án không chuyển án này sang án chung thân. Dư luận ngày càng ác cảm với những giám đốc thoái hóa của các công ty có liên quan đến Đảng. Đảng đã nhận thấy cần phải trừng trị nghiêm khắc những phần tử đã làm giàu bất chính qua việc nhận hối lộ.

Trương Vĩnh Xan năm mươi chín tuổi. Từ hai bàn tay trắng, ông ta đã dựng nên cơ nghiệp với một tập đoàn giết mổ chuyên chế biến thịt lợn. Để giành được các mối lợi, một vài nhà cung cấp đã đút tiền hối lộ và ông ta đã nhận những số tiền bồi trơn đó. Thoạt tiên, vào đầu những năm 1990, ông ta khá thận trọng, hài lòng với những khoản tiền nhỏ và tránh sống phô trương. Vào khoảng cuối thập niên ấy, khi nhận thấy đa số đồng nghiệp của mình đã vỡ vét kha khá, ông ta càng lúc càng đòi hỏi những khoản tiền lớn hơn, đồng thời lại công khai mình có thể có một cuộc sống như thế nào.

Đương nhiên ông ta không bao giờ tưởng tượng ra cảnh một ngày mình lại biến thành kẻ phải chịu trận, làm gương răn đe cho người khác. Trong phòng xử án, ông ta còn tin rằng án tử hình của mình sẽ được chuyển thành án chung thân rồi sau này người ta sẽ rút ngắn xuống. Khi thẩm phán tuyên bố bằng giọng nghiêm khắc rằng bản án sẽ được thi hành trong vòng bốn mươi tám tiếng nữa, ông ta bàng hoàng. Không một ai trong phiên tòa muốn nhìn thẳng vào ông ta. Khi bị cảnh sát giải đi, ông ta bắt đầu phản kháng. Nhưng đã quá muộn. Không một ai còn muốn nghe ông ta trình bày và ông ta lập tức bị đưa tới phòng biệt giam dành cho tử tù được canh gác nghiêm ngặt, rồi sau

đó từng người một hoặc một nhóm bị dẫn ra một cánh đồng, nơi họ bị bắn chết: quỳ gối, hai tay trói quặt ra sau, nhận một viên đạn găm vào gáy.

Thường thường nếu phạm những tội danh như giết người, cưỡng dâm, trộm cướp hoặc những tội danh tương tự, các thủ phạm bị giải thẳng từ tòa án ra pháp trường. Cho tới giữa những năm 1990, xã hội Trung Quốc rất ủng hộ hình phạt tử hình: những kẻ bị kết án được chở ra pháp trường trên những chiếc xe tải không che bạt và việc hành quyết được tiến hành công khai. Đám đông được quyền quyết định xem tử tù có bị giết hay không. Nhưng những người có mặt trong những vụ việc như thế này không bao giờ muốn ân xá cho kẻ phạm tội, họ muốn những kẻ có tội này phải bị trừng phạt bằng cái chết. Tuy nhiên, những năm sau này, các cuộc hành quyết được tiến hành kín đáo hơn. Nhà nước kiểm soát rất chặt chẽ những người được phép vào quay phim, chụp ảnh, còn báo chí chỉ được đăng tin sau đó. Để tránh kích động thứ mà chính quyền cho là sự phẫn nộ giả nhân giả nghĩa ở các nước khác, các vụ xử bắn những kẻ tội phạm thông thường không còn được thông báo công khai nữa. Ngoài chính quyền ra không một ai được biết con số phạm nhân bị tử hình chính xác là bao nhiêu. Chỉ những cuộc hành quyết những kẻ tội phạm như Trương Vĩnh Xan mới được công bố trên truyền thông, vì chúng được coi như lời cảnh cáo đối với giới quan chức cao cấp, giám đốc các doanh nghiệp, đồng thời cũng xoa dịu nỗi bất bình ngày càng tăng trong dân chúng trước nạn tham ô tràn lan.

Tin đồn về bản án cuối cùng dành cho Trương Vĩnh Xan nhanh chóng lan rộng trong giới chính trị gia Bắc Kinh. Hồng Quế được nghe nói về quyết định của tòa án chỉ sau một vài tiếng đồng hồ. Bà vừa từ một cuộc họp chi bộ đảng trở về thì điện thoại di động đổ chuông. Bà bảo tài xế cho xe dừng lại bên lề đường để suy nghĩ về tin vừa nhận được. Hồng Quế không quen biết Trương Vĩnh Xan, chỉ gặp

ông ta có một lần trong một buổi tiếp đón của sứ quán Pháp vài năm trước. Bà không có cảm tình với Vĩnh Xan, bằng vào trực giác, bà linh cảm thấy ông ta là người tham lam và tha hóa. Nhưng Vĩnh Xan là bạn thân của Nhã Như, em trai bà. Tất nhiên lúc này Nhã Như không muốn dính dáng đến ông ta nữa và sẽ phủ nhận mối quan hệ mật thiết giữa hai người, sẽ nói mình chỉ biết sơ qua về ông ta, nhưng Hồng Quế biết thực tế không phải như vậy.

Bà nhanh chóng đi đến một quyết định và bảo lái xe đưa mình đến nhà giam nơi Vĩnh Xan đang trải qua những giờ phút cuối cùng của cuộc đời. Hồng Quế quen biết ông giám đốc trại giam. Biết đâu bà có cơ may gặp được Vĩnh Xan.

Một người bị lĩnh án tử hình nghĩ gì, bà thầm nghĩ trong khi chiếc xe len lỏi giữa dòng xe cộ lộn xộn.

Hồng Quế đã nhìn thấy nhiều người chết. Bà đã tham dự những vụ chặt đầu, hành quyết bằng giá treo cổ, bằng xử bắn. Nhưng nhận một viên đạn vào gáy vì tội tham nhũng là cái chết đáng khinh nhất mà bà có thể hình dung ra. Hỏi xem có ai muốn bị quăng vào đồng rác của lịch sử như vậy? Bà khẽ rùng mình khi nghĩ đến điều này. Nhưng bà không thuộc phe những người phản đối tử hình. Bà xem đó như là một công cụ cần thiết để bảo vệ Nhà nước, và cho là đúng đắn khi tước đi của bọn tội phạm quyền được sống trong chính cái xã hội mà chúng đã phá hoại. Bà không hề cảm thông với những kẻ hiếp dâm hoặc những kẻ bị tử hình vì trộm cắp. Ngay cả khi chúng có xuất thân khốn khổ, ngay cả khi luật sư bào chữa có tìm mọi cách đưa ra những tình tiết giảm nhẹ, thì cuộc sống vẫn có nghĩa là phải tự chịu trách nhiệm về bản thân. Người ta phải gánh lấy hậu quả do hành động của mình gây ra: trong trường hợp nghiêm trọng nhất thì là bằng cái chết.

Chiếc xe dừng lại trước cổng trại giam. Trước khi mở cửa xe, Hồng Quế kiểm tra hè đường qua lớp kính màu. Bà nhìn thấy một vài người và cho rằng họ là nhà báo hoặc phóng viên ảnh. Sau đó bà ra khỏi xe, đi nhanh đến bên cánh cửa nhỏ ngay gần cổng chính.

Gần ba mươi phút sau bà mới được một người bảo vệ dẫn qua khu nhà như một mê cung đến gặp ông Hà Ninh, giám đốc trại giam, tại văn phòng của ông ở tầng trệt. Đã lâu bà không gặp lại ông và ngạc nhiên thấy ông đã già đi nhiều.

– Anh Hà Ninh, bà vừa cất lời chào vừa chìa hai bàn tay về phía ông. Bao nhiêu năm đã trôi qua.

Ông nắm chặt lấy hai bàn tay bà.

– Chị Hồng Quế. Tôi đã nhìn thấy những sợi tóc bạc trên mái đầu chị, cũng giống như tôi vậy. Chị còn nhớ chúng ta gặp nhau lần cuối vào khi nào chứ?

– Khi ông Đặng Tiểu Bình có bài phát biểu về việc cần thiết phải hợp lý hóa nền công nghiệp của chúng ta.

– Thời gian trôi nhanh quá.

– Người ta càng già, thời gian trôi càng nhanh hơn. Tôi nghĩ rằng thần chết đang đuổi theo chúng ta với tốc độ nghẹt thở, nhanh tới mức mà chúng ta có lẽ hoàn toàn không nhận thấy được.

– Như một trái lựu đạn đã tháo chốt an toàn? Cái chết sẽ nổ ngay trước mặt chúng ta?

Hồng Quế rút tay về.

– Như một viên đạn đã ra khỏi nòng. Tôi đến vì muốn được nói chuyện với anh về Trương Vĩnh Xan.

Ông Hà Ninh dường như không thấy ngạc nhiên. Hồng Quế hiểu vì sao khi này ông lại để bà phải chờ lâu như vậy, ông muốn tìm hiểu trước xem bà muốn gì. Hẳn là phải liên quan đến người tử tù. Có thể Hà Ninh cũng đã gọi điện cho một ai đó ở Bộ Nội vụ để hỏi xem nên xử sự với Hồng Quế như thế nào.

Hai người ngồi xuống bên chiếc bàn họp nhỏ. Hà Ninh châm thuốc hút. Hồng Quế đi thẳng vào vấn đề. Bà muốn được thăm Trương Vĩnh Xan để vĩnh biệt ông ta, hỏi xem có thể giúp gì được cho ông ta không.

– Thật là lạ, Hà Ninh nói. Ông Trương quen biết em trai của chị. Ông ta đã cầu xin Nhã Như cứu mạng sống. Nhưng Nhã Như từ chối nói chuyện với ông ta và cho rằng án tử hình dành cho ông Trương là chính đáng. Còn bây giờ thì chị đến, chị gái của Nhã Như.

– Một người đáng phải đón nhận cái chết không có nghĩa là người đó không đáng có được một ước muốn cuối cùng hoặc được nghe những lời cuối cùng của anh ta.

– Tôi đã được phép để chị vào thăm ông Trương. Nếu ông ta muốn vậy.

– Ông ta có muốn không?

– Tôi không biết. Bác sĩ nhà tù đang ở trong khám của ông Trương trao đổi với ông ta về việc này.

Hồng Quế gạt đầu tỏ ý không muốn nói tiếp về việc này nữa.

Ba mươi phút sau Hà Ninh được báo ra phòng ngoài. Khi quay lại, ông báo cho Hồng Quế biết Trương đồng ý gặp bà.

Bà lại đi theo những dãy hành lang ngoằn ngoèo đến nơi Trương và những phạm nhân bị kết án tử hình khác bị giam trong mười hai khám kề nhau.

– Có bao nhiêu người? Hồng Quế khẽ hỏi.

– Chín người. Hai phụ nữ và bảy nam giới. Trương là kẻ tham tàn nhất. Hai phụ nữ có liên quan đến mại dâm, số nam giới thì giết người cướp của, buôn bán ma túy. Tất cả đều là những thành phần không thể cải tạo được nữa. Xã hội chúng ta không cần đến hạng người đó.

Bà Hồng cảm thấy khó chịu khi đi qua hành lang này. Bà đoán bên trong là những con người đang rên rỉ, người ngồi lắc lư hoặc thờ ơ nằm duỗi thẳng trên giường. Còn có điều gì khủng khiếp hơn đối với một con người, bà nghĩ, khi được biết mình sắp sửa phải chết? Thời gian đã được ấn định, không có lối thoát nào khác. Con lắc đồng hồ buông xuống, cái chết chực chờ.

Trương bị giam trong khám cuối cùng, phía cuối hành lang. Mái tóc đen dày ngày trước của ông ta nay đã bị cạo trọc. Ông ta mặc bộ quần áo tù, chiếc quần quá rộng, còn áo thì lại quá chật. Hà Ninh rút lui, để một người gác mở cửa khám. Khi bước vào, Hồng Quế cảm thấy nỗi sợ hãi và kinh hoàng ngập tràn trong khám. Trương nắm chặt lấy tay Hồng Quế và quỳ xuống.

– Tôi không muốn chết, ông ta rên rỉ.

Hồng Quế giúp ông ta ngồi lên giường, bà kéo chiếc ghế đầu lại gần và ngồi xuống trước mặt Trương.

– Anh cần phải cứng rắn lên, bà nói. Vì người ta sẽ nhớ đến điều đó. Rằng anh đã chết trong phẩm giá. Cái phẩm giá mà anh mắc nợ với gia đình mình. Nhưng không ai có thể cứu được anh. Kể cả tôi hay bất kỳ ai khác.

Trương nhìn Hồng Quế với đôi mắt mở to.

– Nhưng tôi chẳng làm gì quá đáng hơn tất cả những kẻ khác.

– Không phải tất cả. Nhưng nhiều kẻ khác thì đúng. Anh cần phải chịu trách nhiệm với những gì mình đã làm, đừng tự hạ mình hơn nữa bởi những điều dối trá.

– Vậy tại sao tôi lại phải chết?

– Điều này cũng có thể xảy ra với một người khác. Nhưng lúc này là anh. Cuối cùng tất cả những ai không quay lại con đường chân chính sẽ đều phải chịu chung số phận.

Trương nhìn những ngón tay run rẩy của mình và lắc đầu.

– Không một ai muốn nói chuyện với tôi. Không chỉ là tôi phải chết, mà tôi còn hoàn toàn cô độc trên thế giới này. Ngay cả gia đình cũng không đến thăm tôi lấy một lần. Như thể tôi đã chết rồi.

– Cả Nhã Như cũng không đến.

– Tôi không hiểu ý chị là gì.

– Thực ra cũng vì nó mà tôi đến đây.

– Tôi không muốn giúp anh ta.

– Anh đã hiểu sai rồi. Nhã Như không cần sự giúp đỡ. Nó không đến và phủ nhận chưa bao giờ dính líu đến anh. Đó là luật chơi, tất cả đều vu khống anh. Nhã Như cũng không phải ngoại lệ.

– Thật vậy sao?

– Đúng như tôi đã nói. Tôi chỉ có thể làm được cho anh một việc. Tôi có thể giúp anh trả thù, nếu anh kể cho tôi biết về những công việc anh chung đụng với Nhã Như.

– Nhưng cậu ta là em trai chị cơ mà?

– Mỗi liên hệ gia đình từ lâu nay đã bị cắt đứt. Nhã Như là người nguy hiểm đối với đất nước này. Nền tảng của xã hội Trung Quốc được xây dựng dựa trên phẩm giá của từng cá nhân. Chủ nghĩa xã hội sẽ không đứng vững và phát triển được nếu không có ý thức công dân. Những người như anh và Nhã Như đã tự băng hoại mình, và còn làm băng hoại đến toàn xã hội.

Cuối cùng Trương cũng hiểu ra mục đích việc đến thăm của Hồng Quế là gì. Hình như việc này đã đem đến cho ông ta chút nghị lực, giảm bớt nỗi khiếp sợ trong giây lát. Hồng Quế biết rằng bất cứ lúc nào ông ta cũng có thể rơi trở lại vào trạng thái hoảng sợ chết người, khiến ông ta tê liệt tới mức không còn trả lời được những câu hỏi của bà nữa. Chính vì vậy mà bà thôi thúc, đẩy ông ta lên phía trước giống như là bị cảnh sát thẩm cung.

– Giờ anh ngồi trong khám và chờ chết, trong khi đó Nhã Như lại ngồi ở văn phòng cao tít trên tòa nhà mà nó đặt cho cái tên “Núi Rồng”. Như vậy có đúng không?

– Cậu ta rất có thể phải ngồi vào chỗ của tôi ở đây.

– Có nhiều tin đồn về nó. Nhưng Nhã Như là người khôn khéo. Nó không để lại dấu chân ở những nơi nó đến.

Trương cúi người về phía Hồng Quế, hạ thấp giọng:

– Hãy đi theo dấu tiên.

– Nó dẫn tới đâu?



– Đến chỗ những người đã cho cậu ta vay những khoản tiền khổng lồ để cậu ta có thể xây được “lâu đài rồng”. Nếu không thì cậu ta lấy đâu ra từng núi tiền như thế để xây?

– Từ những công ty mà nó đầu tư vốn.

– Từ những nhà máy thảm hại sản xuất những con vệt nhựa để cho đám trẻ con phương Tây thả chơi trong bồn tắm của chúng ấy à? Từ những lều lán đóng giày và may quần áo ấy à? Ngay cả những nhà máy gạch cũng không thể đem lại cho cậu ta nhiều tiền đến như vậy.

Hồng Quế nheo trán.

– Nhã Như cũng có cổ phần ở các xí nghiệp sản xuất gạch sao? Người ta vừa mới phát hiện ra việc những công nhân làm việc ở đó bị coi như nô lệ, nếu không chịu làm việc cật lực, họ sẽ bị phạt phơi nắng.

– Nhã Như đã được cảnh báo sẽ có chuyện xảy ra. Cậu ta đã rút hết cổ phần trước khi cảnh sát tiến hành một cuộc vây ráp lớn. Đó là thể mạnh của cậu ta. Cậu ta luôn được báo trước, cậu ta có nguồn tin mật ở khắp nơi.

Trương ấn mạnh hai bàn tay lên vùng bụng như bị lên cơn đau bất thành hình. Hồng Quế nhìn thấy nỗi lo lắng trên khuôn mặt ông ta và gần như có cảm giác thương hại đối với người đàn ông này. Ông ta vừa bước vào tuổi năm mươi chín, đã có một sự nghiệp rực rỡ và lúc này thì mất hết. Không chỉ là tiền bạc, cuộc sống dễ chịu, một ốc đảo mà ông ta dựng lên cho gia đình mình, cho bản thân mình ngay giữa cảnh đói nghèo của bao người khác. Khi Trương bị bắt và bị truy tố, tờ báo nào cũng đăng những chi tiết đầy phẫn nộ, đồng thời cũng đầy chế nhạo. Một ví dụ trong đó là chuyện hai cô con gái của ông ta đều đặn sang Tokyo, Los Angeles để mua sắm quần áo. Hồng Quế còn nhớ đến một câu, chắc chắn do bên an ninh hoặc bên Bộ Nội vụ viết: “Họ mua sắm quần áo xa xỉ bằng tiền tiết kiệm của những người nông dân nuôi lợn nghèo khổ!” Câu này thường xuyên được nhắc lại. Người ta cũng đăng những bức thư của độc giả. Đương nhiên chúng được tòa báo

viết ra và được những người ở cương vị cao chịu trách nhiệm về ảnh hưởng chính trị của vụ xét xử đối với Trương Vĩnh Xan kiểm tra. Một người gửi thư đã đưa ra đề nghị bảm nhỏ thân thể Trương rồi quăng cho lợn ăn - đó là hình phạt duy nhất xứng đáng với ông ta.

– Tôi không thể cứu anh, Hồng Quế nhắc lại. Nhưng tôi có thể giúp anh kéo theo những kẻ khác cùng rơi xuống. Tôi được phép nói chuyện với anh ba mươi phút. Thời gian cũng sắp hết. Khi này anh nói là tôi nên lần theo dấu vết của tiền, có đúng vậy không?

– Đôi khi cậu ta được là “Bàn tay vàng”.

– Nghĩa là thế nào?

– Thế nào ư? Cậu ta là bàn tay trung gian quý như vàng. Cậu ta rửa tiền, đưa tiền ra khỏi Trung Quốc, dùng tiền ấy để đầu tư mà các cơ quan thuế vụ không hề biết. Cậu ta nhận mười lăm phần trăm cho mỗi phi vụ như vậy. Đặc biệt cậu ta tẩy sạch những đồng tiền đang chảy đầy ở Bắc Kinh thời gian này, tất cả nhà cửa, sân vận động đang được xây dựng chuẩn bị cho Thế vận hội sắp tới ấy.

– Có thể chứng minh tất cả những chuyện này không?

– Cần có hai bàn tay, Trương nói nhỏ. Một bàn tay nhận tiền, nhưng cũng cần có một bàn tay khác sẵn sàng đưa tiền. Những kẻ sẵn sàng đưa tiền hối lộ để được ưu tiên, chúng có bao giờ bị kết án tử hình không? Gần như là không bao giờ. Tại sao kẻ nhận hối lộ lại bị coi là phạm nhiều tội hơn kẻ đưa hối lộ? Chính vì vậy, chị cần phải lần theo dấu vết của đồng tiền. Hãy bắt đầu với Trường, với Lữ, hai ông chủ xây dựng. Họ lo sợ, họ sẽ nói ra để tự cứu lấy mình. Họ có thể kể ra những chuyện đáng kinh ngạc.

Trương im lặng. Hồng Quế nghĩ đến một cuộc đấu đá quyết liệt giữa những người muốn bảo tồn khu phố cổ ở trung tâm Bắc Kinh và những người muốn phá bỏ tất cả để phục vụ các dự án bất động sản khi Thế vận hội đang đến gần. Bà thuộc phe những người hết mình bảo vệ Bắc Kinh cổ kính. Bà đã nhiều lần bị tố cáo là đa cảm, hoài cổ. Đương nhiên người ta có thể xây dựng và cải tạo lại nhưng không

được vì lợi ích thiên cận mà đi đến quyết định thành phố trong tương lai phải mang diện mạo như thế nào.

Thế vận hội có từ năm 1896. Quãng thời gian quá ngắn, mới hơn một thế kỷ. Thậm chí chúng ta vẫn còn chưa biết liệu đó có phải một truyền thống sẽ trường tồn hay chỉ mang tính nhất thời, tồn tại được một vài trăm năm. Chúng ta cần ghi nhớ lời của Chu Ân Lai khi được hỏi về những kinh nghiệm rút ra được từ cuộc cách mạng Pháp. Khi ấy ông đáp rằng hãy còn quá sớm cho một phán xử cuối cùng.

Hồng Quế nhận ra rằng bằng những câu hỏi của mình, bà đã khiến Trương trong vài phút ngắn ngủi gần như quên đi được cuộc hành quyết. Ông ta lại tiếp tục nói:

– Nhã Như là một người ưa báo thù. Người ta bảo cậu ta không bao giờ quên một sự sỉ nhục, dù nó có nhỏ bé như thế nào. Cậu ta cũng có lần kể cho tôi nghe rằng cậu ta xem gia đình mình như một triều đại thực sự cần phải bảo vệ niềm vinh quang hậu thế. Chị hãy cẩn thận, đừng để cậu ta coi chị là một kẻ phản nghịch, phản bội lại danh dự gia đình.

Trương chăm chú nhìn Hồng Quế.

– Cậu ta sẵn sàng giết những người cản đường mình. Tôi biết chắc điều đó. Nhưng trước hết là những ai dám nhạo báng cậu ta. Nhã Như có tay chân chuyên lo những việc này. Họ xuất hiện trong bóng tối, rồi lại nhanh chóng biến mất. Mới đây tôi có nghe cậu ta đã cử một người đi Mỹ. Người ta đồn rằng người đó đã quay về Bắc Kinh và để lại sau lưng mình một loạt xác chết. Hình như người này cũng đã có mặt ở châu Âu.

– Mỹ? Châu Âu?

– Người ta nói vậy.

– Tin đồn ấy đúng chứ?

– Tin đồn bao giờ cũng đúng. Khi người ta lột bỏ những gì là dối trá và phóng đại, sẽ còn lại cái lõi của sự thật. Cần lần tìm theo hướng ấy.

– Do đâu mà anh biết được mọi chuyện?

– Người ta chỉ giữ được quyền lực khi có nhiều nguồn tin.

– Vậy mà những thứ đó cũng chẳng giúp gì được cho anh.

Trương không trả lời. Hồng Quế nghĩ lại những gì ông ta đã nói ra. Bà vẫn còn bất ngờ.

Bà cũng nghĩ đến những gì mà bà thẩm phán người Thụy Điển đã kể. Hồng Quế đã nhận ra người đàn ông trong tấm ảnh mà Birgitta Roslin cho xem. Mặc dù tấm ảnh không được rõ nét, nhưng bà không nghi ngờ, đó chính là Lưu Sinh, vệ sĩ của em trai bà. Liệu những điều bà Roslin kể có gì liên quan với điều Trương vừa nói ra không? Có khả năng đó không? Nếu vậy thì Nhã Như đã khiến bà ngạc nhiên: chẳng lẽ nó lại ưả trả thù đến bệnh hoạn, không gì có thể cản nổi sao? Thậm chí cả khoảng cách hơn một thế kỷ?

Người gác ngục từ hành lang bước vào khám. Thời gian đã hết. Mặt Trương đột nhiên trắng bệch, ông ta nắm chặt lấy cánh tay bà.

– Đừng bỏ lại tôi một mình, ông ta nói. Tôi không muốn chỉ có một mình khi chết.

Hồng Quế gỡ tay ông ta ra. Trương bắt đầu gào thét như một đứa trẻ sợ sệt. Người gác ngục buộc phải quật ông ta xuống nền nhà. Hồng Quế rời khỏi khám, rời vôi vàng bỏ đi. Tiếng gào tuyệt vọng của Trương ám ảnh bà cho tới tận văn phòng của ông Hà Ninh.

Ở đây bà đã đi đến quyết định. Bà không thể để Trương một mình trong những giây phút cuối cùng của ông ta.

Gần bảy giờ sáng hôm sau Hồng Quế đã có mặt trên khu đất được rào quanh, nơi diễn ra cuộc hành quyết. Hôm nay chín phạm nhân sẽ bị hành hình. Cùng với người nhà của họ, Hồng Quế đứng vào chỗ sau rào chắn, bị những người lính trẻ tay bông súng canh chừng. Hồng Quế nhìn người lính trẻ đứng gần mình. Anh ta chưa đến mười chín tuổi. Bà thầm hỏi anh ta đang nghĩ gì, người thanh niên bằng tuổi con trai bà.

Một chiếc xe tải bị kín chạy vào khu đất. Chín tử tù bị đám lính thiếu kiên nhẫn kéo xuống khỏi sàn xe. Không hề có một nghi thức nào cho cái chết trên thửa đất lạnh lẽo và ẩm ướt này. Bà nhìn thấy Trương ngã nhào khi ông ta bị đẩy xuống khỏi sàn xe. Ông ta im lặng, nhưng Hồng Quế nhìn thấy nước mắt chảy trên má ông ta. Ngược lại người nữ tử tù lại gào thét. Một người lính quát bà ta, nhưng bà ta vẫn tiếp tục gào thét cho tới lúc bị một sĩ quan giáng mạnh báng súng ngắn vào mặt. Bà ta để những người lính lôi vào hàng. Tất cả bọn họ phải quỳ xuống. Những người lính cầm súng tiến đến phía sau họ, mũi súng chỉ cách gáy họ chừng ba mươi centimét. Tất cả diễn ra rất nhanh. Viên sĩ quan hô to, những viên đạn được bắn ra. Hồng Quế quay đi khi viên sĩ quan đi đến bên những người đã bị hành quyết, bắn viên đạn ân huệ vào từng người một. Bà không cần phải nhìn thêm nữa.

Những ngày sau đó Hồng Quế suy nghĩ rất nhiều đến những điều Trương đã nói. Điều ông ta nói về chuyện Nhã Như ham trả thù trở đi trở lại trong tâm trí bà. Bà biết trước kia nó cũng đã không hề do dự sử dụng bạo lực. Nó là kẻ tàn nhẫn, gần như là ưa thích những trò tàn ác. Đôi khi bà nghĩ em trai mình có thể là một kẻ tâm thần. Bà biết ơn ông Trương quá cố đã giúp bà nhìn ra bộ mặt thật của nó.

Bà thấy cũng đã đến lúc phải nói chuyện với một trong những kiểm sát viên thuộc ban chống tham nhũng quốc gia.

Hồng Quế không hề nghi ngờ: Trương đã nói sự thật.

Ba hôm sau vào một buổi tối, Hồng Quế được đưa đến một sân bay quân sự nằm ở ngoại thành Bắc Kinh. Ở đó đã có hai chiếc máy bay của hãng hàng không Trung Quốc, đèn bật sáng trưng, đang chờ đoàn đại biểu gồm gần bốn trăm thành viên cho chuyến đi Zimbabwe.

Đầu tháng Mười hai Hồng Quế được biết, mình sẽ tham gia chuyến đi này để chuẩn bị cho sự hợp tác chặt chẽ giữa Zimbabwe và Trung Quốc trong lĩnh vực an ninh. Trước hết phía Trung Quốc sẽ cung cấp

cho những đồng nghiệp châu Phi kiến thức và kỹ thuật. Bà đã rất vui trước tin này, vì bà chưa đến châu Phi lần nào.

Hồng Quế thuộc số hành khách quan trọng nên nhận được chỗ ở khoang trước của máy bay, nơi có những chiếc ghế ngồi rộng hơn và thoải mái hơn. Máy bay cất cánh. Sau bữa ăn, bà tựa người vào ghế và lập tức chìm vào giấc ngủ.

Bà thức giấc vì hình như có ai đó đã ngồi vào chiếc ghế còn trống bên cạnh. Lúc mở mắt, bà nhìn thấy khuôn mặt tươi cười của Nhã Như.

– Ngạc nhiên phải không, chị gái thân yêu? Trong danh sách của đoàn chị không thấy tên em, bởi một lý do đơn giản, vì trong đó không ghi hết tên tất cả các thành viên. Nhưng đương nhiên em biết, chị cùng đi.

– Đáng lẽ chị phải biết là em sẽ không bỏ qua cơ hội này.

– Châu Phi là một phần thế giới của chúng ta. Bây giờ, khi mà các thế lực phương Tây dần phó mặc lục địa này cho chính nó, thì Trung Quốc cần phải bước ra khỏi hậu trường. Em linh cảm thấy những bước tiến khổng lồ với Tổ quốc của chúng ta.

– Còn chị thì thấy Trung Quốc đang ngày càng rời xa những lý tưởng của mình.

Nhã Như giơ tay phản đối.

– Không phải bây giờ, không phải vào lúc nửa đêm này. Thế giới đang say ngủ dưới chân chúng ta. Có thể lúc này chúng ta đang bay qua bầu trời Việt Nam, cũng có thể là đã xa hơn. Đừng để chị em mình lại cãi nhau. Chúng ta cần phải ngủ. Những câu hỏi của chị có thể đợi được. Hay đúng hơn là “những lời buộc tội” của chị, phải không nhỉ?

Nhã Như đứng dậy và mất dạng trên cầu thang dẫn lên tầng trên nằm ngay sau mũi máy bay.

Chúng ta không chỉ cùng đi trên một chuyến bay, Hồng Quế nghĩ. Chúng ta còn đem theo cả chiến trường, và kết cục của cuộc chiến không biết bao lâu nữa mới được định đoạt.

Bà lại nhắm mắt. Điều này quả là không tránh khỏi, bà nghĩ. Thời điểm ấy ngày càng đến gần hơn, vết rạn sâu giữa nó và mình sẽ không còn có thể che đậy được nữa và cũng không được phép che đậy. Giống như vết rạn trong nội bộ Đảng.

Cuối cùng bà cũng ngủ thiếp đi được. Nếu không ngủ đây giấc, bà sẽ không đọ lại được với sức lực của em trai.

Nhã Như ngồi ngay ở phía trên bà, tỉnh táo, cốc rượu trên tay. Cuối cùng thì anh ta cũng thấy rõ mình căm thù Hồng Quế. Chị ấy phải biến mất. Chị ấy không còn thuộc vào cái gia đình mà anh ta tôn thờ. Chị đã can thiệp vào quá nhiều việc không hề liên quan đến mình. Trước chuyến đi này một ngày, qua một mối quan hệ, Nhã Như được biết Hồng Quế đã đến gặp một kiểm sát viên chuyên trách các vụ hối lộ. Nhã Như tin rằng người mà chị nói đến chính là anh ta.

Ngoài ra bạn của Nhã Như, một quan chức cảnh sát cấp cao, Chấn Bình, đã kể cho anh ta biết rằng Hồng Quế rất quan tâm đến một nữ thẩm phán người Thụy Điển từng đến thăm Bắc Kinh. Nhã Như muốn được nói chuyện với Chấn Bình về việc này khi từ châu Phi trở về.

Hồng Quế đã tuyên chiến với anh ta. Bà sẽ thua cuộc trước khi trận chiến thực sự bắt đầu.

Nhã Như ngạc nhiên khi thấy mình không do dự lấy một giây. Không có gì được cản đường anh ta, kể cả người chị gái thân yêu đang ngồi ở tầng dưới, trên cùng chiếc máy bay với anh ta.

Nhã Như nằm ngay ngắn lại trên chiếc ghế bành lúc này đã được ngả ra. Không lâu sau, anh ta cũng thiếp đi.

Phía dưới anh ta là Ấn Độ Dương và phía xa kia, bờ biển châu Phi còn bị bóng đêm bao phủ.

Hồng Quế ngồi trên hàng hiên của một bungalow dành cho bà trong chuyến thăm Zimbabwe. Mùa đông Bắc Kinh đã nằm lại phía sau, còn lúc này bà đang trải qua một đêm châu Phi nóng nực. Bà lắng nghe những âm thanh hỗn tạp từ trong bóng tối quanh mình, hơn hết là tiếng kêu rả rích của dế và ve sầu. Mặc dù trời nóng nhưng bà vẫn mặc áo sơ mi dài tay, vì người ta đã lưu ý bà đề phòng muỗi truyền bệnh sốt rét. Bà chỉ muốn được cởi hết quần áo, lôi chiếc giường ra hàng hiên và được ngủ ngay dưới bầu trời đêm. Chưa bao giờ bà thấy nóng như thế này, kể từ khi rời khỏi máy bay vào buổi sáng sớm. Nó giống như là một sự giải phóng. Cái lạnh như chiếc còng khóa chặt chúng ta, bà nghĩ. Sự ấm áp như chiếc chìa khóa giải phóng chúng ta.

Căn biệt thự nằm giữa các lùm cây trong một ngôi làng được xây dựng để tiếp đón khách quan trọng của Nhà nước Zimbabwe. Những căn biệt thự này được xây dựng từ thời Ian Smith, khi một bộ phận thiểu số người da trắng đơn phương tuyên ngôn độc lập với nước Anh và dựng lên một chính phủ của những người da trắng phân biệt chủng tộc nhằm giữ Nhà nước thuộc địa trước đây. Ngày đó mới chỉ có một nhà khách có tiệm ăn và bể bơi. Một vài dịp cuối tuần, Ian Smith đến đây cùng với các bộ trưởng của ông ta để thảo luận về những vấn đề lớn mà Nhà nước ngày càng bị cô lập này phải đối đầu. Từ năm 1980, sau khi chính phủ của những người da trắng bị lật đổ và Robert Mugabe lên nắm chính quyền, người ta cho xây ở đây một loạt căn biệt thự, những con đường đi dạo và một vịnh lâu dài bên sông Logo, từ đây có thể nhìn thấy từng đàn voi đến uống nước vào lúc mặt trời lặn.

Trên con đường mòn dưới các tán cây thấp thoáng bóng người bảo vệ. Hồng Quế chưa bao giờ thấy một bóng đêm nào đen đặc như đêm



châu Phi này. Ngoài kia, trong cái bóng tối đó, bất cứ con thú săn mồi nào, dù là hai hay bốn chân, đều có thể giấu mình được.

Bà giật mình với ý nghĩ cậu em trai có thể cũng đang ẩn mình ở đó. Quan sát, chờ đợi. Lúc này ngồi giữa bóng tối nơi đây, từ sâu thẳm trong lòng, lần đầu tiên bà cảm thấy sợ đứa em trai của mình. Đường như bà chỉ vừa mới hiểu ra rằng em trai mình có khả năng làm tất cả để thỏa mãn cơn khát quyền lực, giàu có và thỏa mãn ham muốn trả thù của nó.

Bà giật mình khi bị một con gì đó bay chạm vào mặt. Chiếc cốc để trên mặt bàn tre rơi xuống nền đá vỡ tan. Tiếng giun để im lặng trong giây lát, rồi lại tiếp tục.

Bà đẩy chiếc ghế sang một bên để không giẫm chân lên những mảnh vỡ. Bản chương trình làm việc trong thời gian ở Zimbabwe nằm trên mặt bàn. Ngày hôm nay đã trôi qua với một cuộc diễu hành tưởng như dài vô tận của binh lính và đội quân nhạc. Sau đó đoàn xe dài có mô tô cảnh sát dẫn đường chở đoàn đại biểu khổng lồ đến dự một bữa tiệc, nơi các ông bộ trưởng đọc những diễn văn chào mừng dài dằng dặc rồi cùng nhau nâng cốc. Theo chương trình, tổng thống Mugabe cũng có mặt nhưng lại không tới. Cuối cùng, sau bữa tiệc, họ mới được đưa về ở trong các căn biệt thự. Khu biệt thự nằm cách Harare vài chục kilômét về phía Tây Nam. Từ trong ô tô, Hồng Quế nhìn thấy phong cảnh hoang vắng và những ngôi làng xám xịt. Bà thầm nghĩ nghèo đói ở đâu thì trông cũng giống hệt nhau. Người giàu luôn có thể chi tiêu xa xỉ để mang lại sự đa dạng: nhà cửa, xe cộ, quần áo khác nhau. Hoặc những ý tưởng, những giấc mơ khác nhau. Còn người nghèo thì hoàn toàn không có gì ngoài cái màu xám xịt miễn cưỡng kia, sắc thái duy nhất của cái nghèo.

Buổi chiều có một cuộc họp để chuẩn bị cho công việc những ngày tới. Nhưng bà lại thích được ngồi lại một mình trong phòng để đọc qua các tài liệu. Sau đó bà đi ra bờ sông dạo chơi một hồi lâu. Bà nhìn thấy lũ voi đứng đĩnh đi giữa các lùm cây và những chiếc đầu nhô trên mặt

nước của đám hà mã. Không phải lúc này chỉ có một mình Hồng Quế ở phía dưới đó, mà còn có cả một nhà hóa học của trường đại học Bắc Kinh và một người nữa thuộc số những nhà kinh tế thị trường cấp tiến được đào tạo trong thời Đặng Tiểu Bình mà Hồng Quế đã quên mất tên, một người bạn của em trai bà. Hai người này có quan hệ rất gần bó với nhau. Bà thầm hỏi phải chăng Nhã Như đã cử anh ta đến theo dõi mình. Nhưng bà xua đuổi ý nghĩ này ra khỏi đầu. Nhã Như là một kẻ thông minh, láu cá.

Liệu còn có thể tiến hành một cuộc tranh luận với Nhã Như nữa không? Cái vết rạn trong nội bộ Đảng chẳng phải là đã đến hồi không thể giải hòa được đó sao? Đây không chỉ đơn giản là sự bất đồng quan điểm về một chính sách vào một thời điểm nào đó. Mâu thuẫn khởi nguồn từ sâu xa hơn, nó là sự đối đầu giữa những người ủng hộ lý tưởng cũ với một trào lưu chỉ gắn kết một cách rất hời hợt với những gì đã tạo nên nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa hơn năm mươi bảy năm trước.

Nó mang dáng vẻ của trận chiến cuối cùng, bà nghĩ. Nó sẽ không kéo dài mãi, đó chỉ là sự tưởng tượng ngây thơ. Các xung đột mới luôn luôn xuất hiện, các cuộc đấu tranh giai cấp mới, các cuộc bạo động mới. Lịch sử không có hồi kết. Nhưng chắc chắn là Trung Quốc đang đứng trước ngã ba đường. Trước kia, đất nước này đã góp phần đưa thời đại thực dân đến chỗ diệt vong. Các quốc gia nghèo ở châu Phi đã tự giải phóng mình. Nhưng trong tương lai Trung Quốc sẽ đóng vai trò gì? Vai trò của một người bạn hay vai trò một tên thực dân mới?

Nếu những kẻ như em trai bà được quyền quyết định, thì pháo đài vững chắc cuối cùng của xã hội Trung Quốc sẽ bị tàn phá. Đến lúc đó một cơn sóng lừng của chủ nghĩa tư bản sẽ cuốn trôi đi hết những gì còn lại của những thiết chế được xây dựng dựa trên một lý tưởng đoàn kết. Đất nước sẽ không thể hồi phục lại được trong một thời gian dài, có thể là rất nhiều thế hệ. Bà tin tưởng rằng con người về căn bản là

một sinh vật có lý trí, rằng đoàn kết là sự thông minh, chứ không chỉ là thói đa cảm; rằng thế giới, mặc dù có nhiều thất bại, nhưng vẫn vận động tới một điểm mà ở đó lẽ phải ngự trị. Nhưng bà cũng hiểu rõ, công cuộc xây dựng một xã hội có tình người không thể tự động diễn ra được. Không có quy luật tự nhiên nào tác động tới thái độ của con người.

Đắm chìm trong dòng suy nghĩ, bà thiu thiu ngủ trên hiên nhà. Một tiếng động khiến bà thức giấc. Bà lắng tai nghe. Tiếng động lại lặp lại. Có ai đó gõ cửa. Bà nhìn đồng hồ. Đã nửa đêm. Ai đến chỗ bà muộn vậy? Bà thầm hỏi mình có nên mở cửa hay không. Lại có tiếng gõ cửa một lần nữa. Có ai đó biết mình vẫn còn thức, bà thầm nghĩ, đã nhìn thấy mình ngồi ở ngoài hiên. Bà đi vào trong phòng, ngó qua lỗ nhìn ở cửa. Một người châu Phi mặc đồng phục khách sạn đang đứng bên ngoài. Nỗi tò mò của bà đã thắng, bà mở cửa. Người thanh niên trao cho bà một bức thư. Nhìn vào tên mình ghi ở ngoài phong bì, bà nhận ngay ra nét chữ của Nhã Như. Bà đưa cho chàng trai mấy đô la Zimbabwe mà không chắc thế là quá ít hay quá nhiều, rồi quay trở ra hiên. Bà đọc bức thư ngắn.

*Chị Quế!*

*Chúng ta nên giữ hòa khí, vì gia đình và vì dân tộc. Em xin lỗi về tính cục cằn mà thỉnh thoảng em đã thể hiện ra với chị. Chúng ta đừng lẫn tránh nữa, chúng ta hãy một lần nữa nhìn thẳng vào mắt nhau. Em muốn mời chị, vào những ngày cuối cùng trước khi trở về nhà, cùng làm một chuyến du ngoạn ngắm những trảng rừng hoang dã, để gần gũi với thiên nhiên và muông thú. Ở đó chị em mình có thể trò chuyện với nhau.*

*Em Nhã Như*

Bà xem kỹ lá thư, mong tìm thấy một thông điệp bí mật nào đó nằm giữa các câu viết. Bà không tìm thấy gì cả, ngay cả câu trả lời cho câu hỏi vì sao Nhã Như lại chuyển lá thư này cho mình vào lúc nửa đêm.

Bà nhìn vào bóng đêm và nghĩ đến con thú săn đang ngồi rình mồi.

– Tôi nhìn thấy cậu, bà thầm thì. Dù cậu có đột ngột xuất hiện ở đâu, tôi cũng sẽ kịp thời phát hiện ra. Không bao giờ cậu có thể lặng lẽ đến ngồi cạnh tôi mà tôi lại không thấy cậu tới.

Sáng hôm sau Hồng Quế thức dậy sớm. Bà đã ngủ chập chờn, mơ thấy những cái bóng đang tiến lại gần, đầy đe dọa và không rõ mặt. Lúc này bà đứng ở bên ngoài trên hàng hiên, ngắm nhìn buổi bình minh ngấn ngủi, mặt trời đang nhô lên trên trảng rừng trải dài vô tận. Một chú chim bói cá màu sắc sặc sỡ với chiếc mỏ dài đậu xuống lan can hàng hiên rồi lại lập tức lao vọt lên không trung. Những giọt sương đêm long lanh trên cỏ. Từ đâu đó nghe có những tiếng nói xa lạ, ai đó đang gọi, đang cười. Xung quanh bà sức nức mùi thơm ngào ngạt. Bà lại nghĩ đến bức thư nhận được vào lúc nửa đêm hôm qua và tự nhắc nhở mình phải hết sức thận trọng. Nhìn theo cách nào đó, ở đất nước xa lạ này bà cũng đơn độc hơn trước Nhã Như.

Đúng tám giờ sáng, ba mươi lăm thành viên được chọn ra của đoàn đại biểu, trong đó có bộ trưởng Bộ Thương mại và hai thị trưởng của thành phố Thượng Hải và thành phố Bắc Kinh đã có mặt tại hội trường khách sạn. Trên tường có treo ảnh chân dung của Tổng thống Mugabe với một nụ cười mà Hồng Quế không thể nói đó là nụ cười chế giễu hay thân thiện. Thư ký của ông bộ trưởng Bộ Thương mại cao giọng nhắc mọi người chú ý.

– Bây giờ chúng ta sẽ gặp tổng thống Mugabe. Ông sẽ đón tiếp chúng ta ở dinh tổng thống. Chúng ta sẽ lần lượt đi vào dinh, giữ khoảng cách theo nghi thức giữa bộ trưởng, thị trưởng và các đại biểu khác. Chúng ta chào tổng thống, nghe quốc ca và ngồi vào chỗ đã dành trước cho mỗi người. Tổng thống Mugabe và bộ trưởng của chúng ta sẽ chào hỏi nhau thông qua phiên dịch. Tổng thống sẽ có một bài diễn văn ngắn. Chúng ta không biết nội dung của bài diễn văn đó vì chưa nhận được bản sao. Rất có khả năng nó sẽ kéo dài từ hai mươi

phút đến ba tiếng đồng hồ. Trước đó, khuyên các đồng chí nên đi vệ sinh. Sau bài diễn văn sẽ là một tiếng đồng hồ dành cho các câu hỏi. Những ai đã chuẩn bị câu hỏi sẽ lên tiếng, giới thiệu về mình khi được phép đưa ra câu hỏi, sau khi hỏi xong phải đứng nguyên tại chỗ, cho tới lúc tổng thống Mugabe trả lời xong. Không được phép chất vấn thêm gì, các đại biểu khác không được bày tỏ ý kiến. Sau cuộc gặp tổng thống, phần lớn các thành viên trong đoàn sẽ đi tham quan mỏ đồng Wandlana, trong khi bộ trưởng và những thành viên đã được chọn tiếp tục thảo luận, trao đổi với tổng thống Mugabe cùng một số bộ trưởng của ông.

Hồng Quế nhìn sang phía Nhã Như đứng ở cuối phòng, hai mắt nhắm hờ, tựa lưng vào một cột trụ. Mãi tới khi rời khỏi hội trường ánh mắt của hai chị em họ mới giao nhau. Nhã Như mỉm cười với chị gái trước khi biến mất vào một trong những chiếc ô tô dành cho bộ trưởng, hai thị trưởng và các thành viên được lựa chọn của đoàn.

Bà lên chiếc xe buýt chờ sẵn. Nhã Như có một kế hoạch, bà nghĩ. Nhưng kế hoạch thế nào?

Nỗi sợ hãi trong bà càng lúc càng mạnh hơn. Mình cần phải nói chuyện với một ai đó, bà tự nhủ. Bà đưa mắt nhìn khắp xe. Phần lớn đại biểu lớn tuổi bà đều quen biết đã lâu. Nhiều người trong số họ có cùng quan điểm với bà về đường hướng phát triển chính sách ở Trung Quốc. Nhưng họ đã quá già và mệt mỏi đến mức sẽ không phản ứng ngay cả khi nguy hiểm cận kề.

Bà vẫn tiếp tục nhìn quanh, nhưng vô ích. Không ai trong số những người này cho bà cảm giác có thể tin cậy được. Sau cuộc gặp tổng thống, bà sẽ xem lại danh sách các đại biểu. Hẳn phải có người mà bà có thể nói chuyện.

Chiếc xe buýt phóng nhanh về hướng mỏ đồng Harare. Qua cửa sổ bà nhìn thấy bụi đỏ hất tung vào những người bên đường.

Chiếc xe đột ngột dừng lại. Người đàn ông ngồi ở hàng ghế bên lối đi giải thích với bà:

– Chúng ta không thể đến cùng một lúc. Những chiếc xe chở các yếu nhân phải đi trước cách chúng ta một khoảng nhất định. Sau đó mới tới lượt chúng ta, giống như đợi tới lượt nhảy khi dự vũ hội.

Hồng Quế cười. Bà đã quên mất tên người đàn ông nói chuyện với mình. Nhưng bà còn nhớ ông ta là giáo sư vật lý trong thời kỳ cách mạng văn hóa đã phải chịu rất nhiều khổ sở. Khi ông được trở về từ cuộc sống đầy thiếu thốn ở nông thôn, người ta lập tức quyết định cho ông làm lãnh đạo một cơ sở sau này phát triển thành Viện Nghiên cứu vũ trụ của Trung Quốc. Bà đoán rằng ông có cùng quan điểm với bà trong vấn đề Trung Quốc cần phải đi theo con đường nào. Ông là một trong số ít những người già còn chưa buông tay, chứ không phải như lớp trẻ không thể nhìn xa nổi cái rốn của mình.

Họ dừng lại ngay bên một bãi chợ nhỏ nằm ven đường. Hồng Quế biết nền kinh tế Zimbabwe đang bên bờ sụp đổ. Đó cũng là một trong những lý do đoàn đại biểu Trung Quốc có mặt ở đây. Mặc dù không ai thừa nhận nhưng chính tổng thống Mugabe đã đề nghị chính phủ Trung Quốc giúp đỡ để nước mình vượt qua suy thoái kinh tế. Đòn trừng phạt của thế giới phương Tây đã khiến cho hạ tầng cơ sở của nước này đang xuống cấp nặng nề. Chỉ một vài ngày trước chuyến đi, bà Hồng đã đọc được trên một tờ báo rằng lạm phát ở Zimbabwe đang ở mức xấp xỉ năm ngàn phần trăm. Những người bên lề đường bước đi chậm chạp. Bà thấy như là họ bị đói hoặc quá mệt.

Bỗng bà chú ý đến một người phụ nữ đang quỳ, trên lưng địu một đứa bé, và trên đầu đội một chiếc vành tròn được khâu bằng vải dùng để đỡ bao xi măng mà hai người đàn ông đứng bên cạnh nhắc để lên đầu chị ta, rồi giúp chị ta đứng lên. Bà Hồng nhìn theo người phụ nữ loạng choạng đi dọc theo lề đường trên đôi chân như sắp khuỵu xuống. Không nghĩ ngợi gì, bà liền đứng dậy đi đến chỗ cô phiên dịch.

– Tôi muốn chị cùng xuống xe với tôi.

Cô phiên dịch há hốc mồm phản đối. Nhưng Hồng Quế không bận tâm đến điều đó. Tài xế đã mở cửa xe phía trước cho thoáng vì điều

hòa nhiệt độ bị hồng, trong xe rất nóng bức. Hồng Quế kéo cô phiên dịch sang bên kia đường, nơi lúc này hai người đàn ông đã ngồi trong bóng râm hút thuốc lá. Người phụ nữ với bao xi măng nặng đội trên đầu cũng đã biến mất trong ánh sáng mặt trời mờ hơi nước.

– Chị hỏi giúp bao xi măng mà vừa rồi người phụ nữ đội trên đầu nặng bao nhiêu cân?

– Năm mươi cân, cô phiên dịch trả lời.

– Như thế quá nặng. Sức lưng của chị ấy sẽ hỏng hết trước khi bước vào tuổi ba mươi.

Hai người đàn ông cười rộ.

– Chúng tôi tự hào về phụ nữ nước mình. Họ rất khỏe.

Hồng Quế chỉ nhìn thấy trong mắt họ sự thiếu thông cảm. Những người phụ nữ ở đây cũng chẳng khác gì những người phụ nữ nghèo ở Trung Quốc. Họ luôn phải mang gánh nặng trên mình. Nhưng nặng nhất là những gì thuộc về truyền thống, định kiến.

Bà cùng cô phiên dịch quay về xe buýt. Những cảnh sát đi mô tô đã quay trở lại. Chiếc xe tiếp tục lăn bánh. Hồng Quế để luồng gió thổi qua cửa sổ để mở phả lên mặt mình.

Bà sẽ không bao giờ quên được người phụ nữ với bao xi măng đội trên đầu ấy.

Cuộc gặp mặt tổng thống Mugabe kéo dài bốn tiếng đồng hồ. Khi ông bước vào phòng, bà thấy ông giống một giáo viên tiểu học bình thường. Khi ông lơ đãng bắt tay bà, mắt nhìn mà không thấy, ông như người đàn ông sống ở một thế giới khác, chỉ thoáng sượt qua thế giới của bà. Sau cuộc gặp gỡ này ông sẽ không còn nhớ tới bà. Bà nghĩ rằng người đàn ông nhỏ bé toát ra sức mạnh này, mặc dù đã già yếu, vẫn thường được mô tả như là một bạo chúa khát máu, hành hạ chính nhân dân của mình, tàn phá làng mạc, xua đuổi dân chúng ra khỏi mảnh đất của họ nếu ông ta thích. Nhưng những người khác lại nhìn ông như một vị anh hùng không đầu hàng trong cuộc đấu tranh chống

lại những thế lực của chủ nghĩa thực dân mạnh hơn mình nhiều lần và là nguyên do của mọi vấn đề của Zimbabwe, như ông luôn nhấn mạnh.

Còn bà thì nghĩ gì? Bà biết quá ít để có thể đưa ra ý kiến cá nhân. Nhưng Robert Mugabe là một người đàn ông ở nhiều phương diện xứng đáng nhận được sự ca tụng và kính trọng. Ngay cả khi tất cả những gì ông làm chưa hẳn đều tốt cả, nhưng ông tin rằng chủ nghĩa thuộc địa đã cắm rễ quá sâu nên không phải chỉ nhổ một lần mà được. Bà còn kính trọng ông hơn nữa khi được biết những đòn tấn công mãnh liệt mà giới truyền thông phương Tây không ngừng nhắm vào ông. Bà sống cũng đã đủ lâu để hiểu rằng hành động to mồm phản đối của những tên thực dân cùng những tờ báo của chúng chỉ nhằm mục đích át đi tiếng hét đau đớn của những con người vẫn luôn phải chịu nhiều đau đớn do chủ nghĩa thuộc địa gây ra.

Zimbabwe và Robert Mugabe đang bị cấm vận. Thế giới phương Tây đã rất phẫn nộ khi trước đây một vài năm, Mugabe đã cho quét sạch các chủ đồn điền da trắng vẫn luôn thống trị đất nước này bằng cách tước đoạt đất đai của hàng nghìn nông dân bản xứ khốn khổ. Mỗi hận thù với Mugabe tăng lên ở mỗi cuộc đối đầu khi một đồn điền chủ da trắng bị ném đá hoặc bắn chết.

Nhưng bà biết rằng ngay từ năm 1980, sau khi giải phóng đất nước khỏi chế độ phát xít của Ian Smith, Mugabe đã đề nghị các đồn điền chủ da trắng trao đổi thẳng thắn để tìm ra một giải pháp hòa bình cho vấn đề đất đai vốn mang tính quyết định. Người ta đã đáp lại đề nghị của ông bằng sự im lặng, suốt mười lăm năm trời. Cuối cùng không còn cách nào khác, một số nông trại được chuyển giao cho những người nông dân không có ruộng đất. Vậy là lập tức cộng đồng quốc tế đồng loạt phản đối.

Trong phút chốc, hình ảnh Mugabe từ một chiến sĩ đấu tranh cho tự do đã biến thành một bạo chúa châu Phi điển hình. Người ta không thương tiếc ném danh dự của người đàn ông đã giải phóng đất nước mình xuống bùn đen. Không một ai nói đến việc ông đã để cho những



kẻ cầm đầu trước đây dưới thời Ian Smith, kể cả ông này, tiếp tục được ở lại đất nước. Ông đã không cho treo cổ họ sau khi xét xử qua loa như người Anh đã làm đối với những người da đen nổi dậy ở thuộc địa của họ. Người da trắng chống đối không giống như người da đen chống đối.

Bà nghe Mugabe nói. Ông nói từ tốn, giọng ôn hòa, và cũng không cao giọng khi nhắc đến những đòn trừng phạt đã làm tăng tỷ lệ tử vong ở trẻ em, khiến nạn đói lan rộng và ngày càng có nhiều đồng bào của ông buộc phải di cư bất hợp pháp sang Nam Phi. Sau đó ông nhắc đến sự chống đối trong nước.

– Đã có nhiều vụ gây rối xảy ra, ông nhấn mạnh. Nhưng các cơ quan truyền thông nước ngoài không hề coi đó là những vụ tấn công chống lại tôi và những người ủng hộ tôi. Chúng tôi luôn bị coi là những kẻ xấu, sử dụng đất đá và gậy gộc, chứ không bao giờ là những kẻ khác, những kẻ ném bom xăng và đánh người đến què quặt.

Một bài diễn văn dài nhưng hùng hồn. Bà Hồng nghĩ đến cái tuổi trên tám mươi của ông. Cũng như rất nhiều nhà lãnh đạo châu Phi khác, ông đã phải trải qua một thời gian dài trong tù, khi mà các thế lực thực dân nghĩ rằng vẫn còn có thể đẩy lui những cuộc tấn công chống lại ách đô hộ của họ. Bà biết Zimbabwe còn là một đất nước bê bối, tham nhũng. Con đường còn nhiều trắc trở. Nhưng để đổ hết tội lỗi lên vai Mugabe thì thật dễ dàng. Thực tế phức tạp hơn.

Hồng Quế nhìn thấy Nhã Như ngồi ở đầu bàn bên kia, gần chỗ bộ trưởng và bực diễn thuyết nơi ông Mugabe đứng. Anh ta đang nguệch ngoạc lên cuốn sổ ghi chép. Ngay từ nhỏ Nhã Như đã thường làm như vậy, vừa vẽ hình, phần lớn là hình những con quỷ nhảy xung quanh đồng lửa đang cháy, vừa suy nghĩ hoặc lắng nghe. Tuy vậy nó lại là người nghe chăm chú nhất, bà thầm nghĩ. Nó nuốt lấy từng lời, và xử lý chúng để thấy mình có thể thu được lợi gì trong những phi vụ làm ăn tương lai. Bởi đây chính là mục đích của chuyến đi: Zimbabwe có

thế cung cấp cho chúng ta nguyên liệu gì? Làm thế nào để mua được với giá rẻ?

Khi cuộc gặp kết thúc, tổng thống Mugabe rời khỏi hội trường, Nhã Như và Hồng Quế gặp nhau ở cửa. Cậu em trai đã đứng ở đó để chờ bà. Cả hai chị em đều cầm lên đĩa bánh mì kẹp trên cái bàn dài. Trong khi Nhã Như uống rượu vang, chị cậu chỉ uống một cốc nước khoáng.

– Tại sao lại gửi thư cho chị vào nửa đêm?

– Khi ấy, em có một cảm giác rằng nó rất quan trọng. Cho nên em không thể chờ được.

– Sao người thanh niên gõ cửa lại biết chị vẫn còn thức?

Nhã Như nhướng mày tỏ vẻ ngạc nhiên.

– Người ta sẽ gõ cửa kiểu khác khi biết người ở trong phòng đang ngủ.

– Chị gái của em thật là láu lỉnh.

– Đừng quên rằng chị có thể nhìn được cả trong bóng tối. Chị đã ngồi rất lâu trên hiên nhà. Có thể nhìn ra các khuôn mặt trong ánh trăng.

– Nhưng đêm qua đâu có trăng.

– Chỉ cần ánh sao là đủ.

Nhã Như nhìn chị gái, vẻ suy nghĩ.

– Chị muốn đo sức với em? Phải vậy không?

– Còn em thì không chắc?

– Chị em mình cần phải nói chuyện với nhau. Trong yên lặng và thật bình tĩnh. Ở đây sắp xảy ra nhiều biến cố lớn. Chúng ta đến châu Phi với một hạm đội lớn nhưng thiện chí. Giờ chúng ta phải lên bờ.

– Hôm nay chị đã nhìn thấy hai người đàn ông đặt lên đầu một phụ nữ bao xi măng nặng năm mươi cân. Câu hỏi của chị dành cho em rất đơn giản. Chúng ta muốn đạt được gì với hạm đội lớn này? Chúng ta muốn giúp đỡ người phụ nữ để sẻ bớt gánh nặng của chị ta? Hay chúng ta thuộc vào những người đặt gánh nặng ấy lên đầu chị ta?

– Một câu hỏi quan trọng mà em muốn được tranh luận. Nhưng không phải vào lúc này. Tổng thống đang chờ.

– Nhưng không phải là chờ chị.

– Tối nay chị chỉ việc ra ngồi ở ngoài hiên. Nếu đến nửa đêm mà em không gõ cửa, lúc đó chị có thể đi ngủ.

Nhã Như đặt cốc lên bàn, mỉm cười để chị gái ở lại một mình. Cuộc chuyện trò ngắn ngủi giữa hai chị em làm cho Hồng Quế toát mồ hôi. Có ai đó thông báo ba mươi phút nữa xe buýt sẽ khởi hành. Bà lấy thêm một chiếc bánh mì kẹp bỏ lên đĩa. Khi đã ăn no, bà đi ra phía sau dinh, nơi xe buýt đang chờ. Trời nắng nóng, ánh nắng mặt trời phản chiếu lên bức tường trắng của dinh tổng thống. Bà đeo kính râm và lấy chiếc mũ vải màu trắng từ trong túi ra đội lên đầu. Bà vừa định bước lên xe thì nghe có tiếng gọi. Bà quay người lại.

– Mã Lý? Chị cũng ở đây à?

– Tôi đi thay ông Chu. Ông ấy bị nhồi máu cơ tim. Và thế là người ta đến đón tôi. Chính vì lẽ đó mà trong danh sách không có tên tôi.

– Sáng nay trên đường đến đây tôi đâu có nhìn thấy chị.

– Người phụ trách lễ tân đã nhầm khi bảo tôi lên đoàn xe kia. Nhưng giờ thì tôi về đúng chỗ của mình rồi.

Hồng Quế nắm chặt lấy cổ tay Mã Lý, đây chính là người mà bà chờ đợi, người mà bà có thể tin tưởng. Bà và Mã Lý kết bạn với nhau từ thời học đại học sau cách mạng văn hóa. Bà nhớ lại mình đã gặp Mã Lý như thế nào vào một buổi sáng trong một phòng nghỉ giải lao của trường đại học. Mã Lý đã nằm ngủ trên một băng ghế. Khi Mã Lý thức dậy, hai người đã bắt chuyện với nhau. Họ sinh ra là để hiểu nhau.

Mã Lý được đào tạo trở thành nhà phân tích kinh tế và được bố trí công tác ở Bộ Thương mại, làm việc trong nhóm chuyên viên tài chính ngày đêm giám sát sự biến động tiền tệ trên thế giới. Còn Hồng Quế trở thành cố vấn của bộ trưởng phụ trách an ninh nội bộ, phối hợp hành động với ban lãnh đạo quân sự tối cao trong vấn đề quốc phòng,

đặc biệt là công tác bảo vệ an toàn cho các nhà lãnh đạo chính trị. Hồng Quế đã dự lễ cưới của Mã Lý, nhưng từ khi Mã Lý làm mẹ của hai đứa trẻ, họ không còn gặp nhau thường xuyên nữa.

Còn bây giờ họ gặp lại nhau, bên cửa xe buýt, phía sau dinh tổng thống Mugabe. Họ trò chuyện suốt quãng đường về. Hồng Quế nhận thấy Mã Lý ít nhất cũng giống như bà, rất mừng về cuộc hội ngộ này. Khi về tới khách sạn, hai người quyết định làm một cuộc đi dạo tới vịnh lâu bên bờ sông. Hôm nay họ không có chương trình làm việc nữa. Ngày hôm sau Mã Lý sẽ đi thăm trang trại thực nghiệm còn bà Hồng sẽ có cuộc trao đổi với một nhóm quân nhân Zimbabwe ở thác nước Victoria.

Trời nóng đến ngột ngạt, khi họ tới được bờ sông. Họ nhìn thấy ở phía xa những tia chớp lóe sáng và nghe có tiếng sấm rền vang. Họ không phát hiện thấy con thú nào ở gần sông. Dường như là toàn bộ khu vực này bỗng nhiên bị bỏ hoang.

– Chị nhìn thấy gì không? Mã Lý vừa hỏi vừa chỉ về phía một bụi cây ở bờ sông.

Hồng Quế nhìn về hướng Mã Lý chỉ, nhưng không phát hiện thấy động tĩnh nào.

– Phía sau thân cây mà voi đã gặm vỏ ấy. Chị nhìn thấy chưa, chỗ phiến đá nhô lên khỏi mặt đất như ngọn giáo ấy.

Bây giờ thì bà Hồng đã nhìn thấy nó. Cái đuôi của con sư tử cử động từ từ, rồi đập lên mặt đất đỏ. Thỉnh thoảng mắt và bờm của nó thấp thoáng giữa các tán lá.

– Chị còn tinh mắt lắm, Hồng Quế nói.

– Tôi đã học cách quan sát. Ngay cả ở thành phố, trong một phòng họp, khung cảnh xung quanh cũng đầy chạm bẫy, sẵn sàng sập xuống nếu ta không chú ý.

Im lặng, họ gần như tĩnh tâm nhìn con sư tử đi đến bờ sông và vục nước uống. Lúc này ở giữa sông đã thấy mấy cái đầu hà mã nhô lên. Một con chim bói cá, sắc màu cũng sắc sỡ như con chim bói cá mà

Hồng Quế nhìn thấy ban sáng, sà xuống đậu lên tay vịn của vọng lâu, trong mỏ còn cặp một con chuồn chuồn.

– Sự yên lặng, Mã Lý nói. Càng lớn tuổi tôi lại càng khát khao nó hơn. Có thể đó là dấu hiệu đầu tiên của tuổi tác chăng? Không một ai muốn chết giữa tiếng ồn ào của máy móc hoặc của radio. Những tiến bộ khoa học đang tước dần đi của chúng ta sự tĩnh lặng. Thật ra con người có thể sống mà không có sự yên lặng này được không?

– Chị nói đúng, Hồng Quế nói. Nhưng còn những hiểm họa vô hình đối với cuộc sống của chúng ta?

– Chị muốn nói đến chuyện ô nhiễm? Những sản phẩm độc hại? Các bệnh dịch thường xuyên biến đổi?

– Theo Tổ chức Y tế Thế giới thì ngày nay Bắc Kinh là thành phố bẩn nhất thế giới. Cách đây không lâu đã đo được 142 microgram phân tử ô nhiễm trong một mét khối không khí. Ở New York là 27, ở Pari là 22. Chúng ta biết con quỷ luôn quậy phá như thế nào.

– Chúng ta thử nghĩ đến những người lần đầu tiên trong đời mua được một chiếc xe máy. Làm thế nào ngăn cản được họ?

– Bằng cách tăng cường vai trò của Đảng trong định hướng phát triển kinh tế. Đảng kiểm soát cả tư tưởng lẫn việc sản xuất hàng hóa.

Mã Lý vuốt nhẹ lên má Hồng Quế.

– Tôi thật biết ơn chị khi thấy mình không đơn độc. Tôi không xấu hổ khi khẳng định rằng chỉ có *Nhật báo Rạng Đông* mới có thể cứu đất nước chúng ta khỏi cảnh tan vỡ và suy vong.

– “Cuộc vận động để Đảng tiếp tục giữ được quyền lãnh đạo.” Tôi cũng đồng quan điểm với chị. Nhưng cả hai chúng ta đều biết rằng, hiểm họa đe dọa từ bên trong. Trước đây vợ của Mao Chủ tịch là Chuột chũi của giai cấp thượng lưu mới, mặc dù bà ấy là người vấy lá cờ đỏ hăng hái hơn bất kỳ ai. Ngày nay lại xuất hiện một lớp người khác, ẩn náu trong Đảng, hoàn toàn không muốn gì hơn là hoạt động chống lại Đảng, muốn thay thế sự ổn định trong nước bằng cái gọi là

tự do tư bản chủ nghĩa, đến một lúc nào đó sẽ không còn có thể kiểm soát được nữa.

– Đã không còn ổn định nữa rồi, Mã Lý nói. Tôi biết những luồng tiền nào đang lưu hành trong đất nước chúng ta. Vậy nên tôi biết những điều mà có thể cả chị và những người khác không được biết. Nhưng đương nhiên tôi không được phép nói ra.

– Ở đây chỉ có hai chúng ta. Con sư tử thì không nghe được.

Mã Lý nhìn bà dò xét. Hồng Quế biết chính xác Mã Lý đang nghĩ gì: mình có thể tin tưởng ở bà ấy hay không?

– Nếu chị còn hoài nghi, thì đừng nói gì cả, Hồng Quế nói. Khi ta chọn sai người có thể thổ lộ tâm tình là đã hạ hết các quân bài và phó mặc mình cho người đó. Điều này Khổng Tử đã dạy chúng ta.

– Tôi tin tưởng ở chị, Mã Lý nói. Tuy vậy cũng không tránh khỏi bản năng tự vệ thông thường nhắc nhở phải thận trọng.

Hồng Quế chỉ về phía bờ sông.

– Con sư tử đã biến mất mà chúng ta không để ý.

Mã Lý gật đầu.

– Năm nay, chính phủ dự kiến tăng chi phí quân sự thêm gần mười lăm phần trăm, Hồng Quế nói tiếp. Vì Trung Quốc không có kẻ thù trực tiếp nên đương nhiên Lầu Năm Góc và điện Kremli sẽ ngạc nhiên. Các nhà phân tích của họ sẽ hiểu ra ngay rằng Nhà nước và quân đội chuẩn bị trước để đối phó với mối đe dọa bên trong. Ngoài ra chúng ta chi gần mười tỉ nhân dân tệ cho việc giám sát mạng Internet. Những con số như vậy người ta khó mà giấu kín được. Nhưng còn những con số khác mà rất ít người biết. Chị có biết năm vừa qua có bao nhiêu vụ lộn xộn và biểu tình quần chúng ở trong nước không?

Mã Lý suy nghĩ một lúc.

– Tôi không biết, có thể là năm ngàn vụ?

Bà Hồng lắc đầu.

– Gần chín mươi ngàn. Chị thử tính xem như thế là bao nhiêu vụ trong một ngày. Đó là một thanh kiếm treo lơ lửng trên đầu Bộ Chính trị. Cách đây mười lăm năm, ý tưởng tự do hóa nền kinh tế của Đặng Tiểu Bình đã giúp tình hình trở nên ổn định hơn. Nhưng giờ thì không đủ nữa. Nhất là khi các thành phố không đủ chỗ ở và việc làm cho hàng trăm triệu nông dân nghèo đói đang sốt ruột chờ đến lượt mình được hưởng thịnh vượng như họ vẫn mơ ước.

– Vậy chuyện gì sẽ xảy ra?

– Tôi không biết. Không một ai biết được điều này. Người thông minh thì hoang mang, nghĩ ngợi. Trong nội bộ đảng đã diễn ra một cuộc đấu tranh quyền lực, đó là cuộc đấu tranh nghiêm trọng hơn mọi cuộc đấu tranh đã diễn ra từ trước đến nay, kể cả so với thời của Mao. Không ai biết, rồi nó sẽ kết thúc ra sao. Quân đội lo sợ cảnh hỗn độn không kiểm soát được. Chị và tôi, chúng ta biết rằng điều duy nhất có thể làm được, điều duy nhất cần phải làm đó là quay trở lại với các nguyên tắc cơ bản.

– Nhật báo Rạng đông.

– Đó là con đường duy nhất của chúng ta. Không có lối tắt nào dẫn đến tương lai cả.

Một đàn voi dẫn nhau ra sông uống nước. Khi một nhóm khách du lịch phương Tây ùa lên vọng lâu, hai người phụ nữ quay trở về sảnh khách sạn. Hồng Quế muốn hai người dùng bữa tối với nhau, nhưng Mã Lý đoán trước được và báo rằng tối nay bà không có thời gian.

– Chúng ta còn ở đây hai tuần nữa, Mã Lý nói. Chúng ta có thời gian để lại nói về tất cả những chuyện này.

– Về tất cả những gì đã và sẽ xảy ra, Hồng Quế nói thêm, về tất cả những gì mà chúng ta vẫn chưa có câu trả lời.

Hồng Quế nhìn Mã Lý biến mất phía bên kia bể bơi rộng. Ngày mai mình sẽ nói với bà ấy, bà tự nhủ. Đúng vào lúc mình đặc biệt cần đến một người, thì lại có ngay một người bạn cũ.

Hồng Quế ăn tối một mình. Bà thích được ngồi ăn một mình trong khi phần lớn các thành viên của đoàn ngồi ăn với nhau bên hai cái bàn dài.

Những con thiêu thân bay quanh chiếc đèn treo trên bàn ăn của bà.

Sau bữa ăn, bà ngồi thêm một lúc bên quầy bar cạnh bể bơi uống trà. Một vài thành viên của đoàn đã say rượu và tìm cách tán tỉnh mấy cô phục vụ xinh đẹp đang chạy hết từ bàn này sang bàn khác. Bà thấy khó chịu, bực bội rời khỏi quầy bar. Ở Trung Quốc thì làm gì có chuyện này, bà thầm nghĩ. Các lực lượng an ninh sẽ lập tức can thiệp. Những kẻ gây tai tiếng sẽ không bao giờ còn được phép đại diện cho Trung Quốc. Có thể họ còn bị kết án tù. Nhưng hôm nay, mọi người đều để mặc.

Bà ngồi trên hiên nhà và nghĩ về sự ngạo mạn của mấy thành viên trong đoàn. Có lẽ sự ngạo mạn đó xuất phát từ niềm tin rằng một nền kinh tế thị trường tự do hơn sẽ có lợi cho sự phát triển. Chủ ý của Đặng Tiểu Bình ngày đó là làm thế nào để cho những bánh xe Trung Quốc quay nhanh hơn trên đúng đường ray dành cho nó. Nhưng tình hình ngày nay đã khác. Chúng ta đang đứng trước hiểm họa của sự nôn nóng, không chỉ trong lĩnh vực kinh tế mà còn trong cả suy nghĩ của mình. Chúng ta không nhìn thấy cái giá phải trả: các dòng sông nhiễm độc, bầu không khí ngột ngạt và hàng triệu người đang tuyệt vọng trốn chạy khỏi đồng ruộng.

Trước đây chúng ta đã ủng hộ cuộc đấu tranh giải phóng của đất nước có tên là Rhodésie. Và bây giờ, sau gần ba thập niên, chúng ta lại đến đây, nhưng là những tên thực dân giả trang vụng về. Em trai mình là một trong những kẻ đã quảng đi lý tưởng tốt đẹp của đất nước. Trong nó không còn lại chút niềm tin chân thành nào vào quần chúng, thứ từng giúp chính đất nước chúng ta giành được tự do.

Bà nhắm mắt, lắng nghe những tiếng động của đêm. Ký ức về cuộc trò chuyện với Mã Lý mờ nhạt dần.



Bà gần như đã thiu thiu ngủ thì có một tiếng động làm cho tiếng giun dế, ve sầu im bật. Đó là tiếng một cành cây gãy.

Bà mở mắt và ngồi nhòm dậy. Tiếng ve sầu vẫn cầm bật. Bỗng bà có cảm giác ai đó đang ở gần đâu đây.

Bà chạy ngay vào phòng và chốt cửa kính lại. Bà tắt hết đèn.

Tim bà đập dữ dội. Bà sợ.

Đã có người ở ngoài kia trong bóng tối. Người đó đã vô tình giẫm chân làm gãy cành cây khô.

Bà nằm vật xuống giường, lo sợ có ai đó sẽ vào phòng mình.

Nhưng không có ai xuất hiện trong bóng tối. Sau khi đã chờ đợi gần một tiếng đồng hồ, bà kéo rèm cửa lại và ngồi vào bàn làm việc viết bức thư đã hình thành trong đầu bà suốt cả ngày hôm nay.

Hồng Quế bỏ ra nhiều giờ đồng hồ để viết lại những sự kiện trong thời gian qua, bắt đầu từ những thông tin lạ lùng mà Birgitta Roslin, một nữ thẩm phán người Thụy Điển, cung cấp đến những điều bà biết được về Nhã Như. Bà viết bức thư này nhằm tự bảo vệ mình, đồng thời cũng là để khẳng định rằng em trai mình thực sự đã tha hóa và thuộc vào số người có ý muốn nắm quyền kiểm soát Trung Quốc. Ngoài ra cũng có thể nó và Lưu Sinh, vệ sĩ của nó, đã dính líu vào nhiều vụ giết người dã man, vượt ra ngoài biên giới Trung Quốc.

Bà tắt điều hòa nhiệt độ để có thể nghe thấy rõ hơn tiếng động ở bên ngoài. Những con thiêu thân bay loạn xạ xung quanh ngọn đèn sáng trong căn phòng oi bức, và những giọt mồ hôi của bà rơi xuống mặt bàn. Bà nghĩ sự lo lắng của mình là có cơ sở. Bà đã sống đủ lâu để có thể phân biệt được đâu là những mối nguy hiểm thật và đâu là tưởng tượng.

Nhã Như là em bà, nhưng đó cũng là một người đàn ông sẵn sàng sử dụng mọi phương tiện để đạt được mục đích của mình. Bà không phản đối những chiến lược phát triển mới. Vì lẽ, thế giới đã thay đổi nên Trung Quốc cũng phải thích nghi với môi trường mới. Nhưng vấn đề phải cân nhắc đối với bà cũng như nhiều người khác, đó là sự phát triển hướng đến một nền kinh tế mở theo cơ chế thị trường liệu có dung hòa được với những nền tảng xã hội chủ nghĩa hay không. Phải chăng không còn lựa chọn nào khác? Bà không đồng tình với điều ấy. Một đất nước hùng mạnh như Trung Quốc không cần phải bán linh hồn của mình cho cuộc săn tìm dầu lửa, nguyên liệu và thị trường đầu ra cho ngành công nghiệp của mình. Ngược lại, Trung Quốc cần chứng minh cho thế giới thấy rằng một đất nước không nhất thiết phải trải qua chủ nghĩa đế quốc tàn ác và chủ nghĩa thực dân trên con đường phát triển của mình.

Bà đã thấy một bộ phận lớp trẻ, ham muốn lợi lộc, đã xây dựng được cơ nghiệp đáng nể như thế nào nhờ vào các mối quan hệ, vào họ hàng và đặc biệt là sự tàn nhẫn của họ. Họ cảm thấy sẽ chẳng ai làm gì được mình, điều này lại càng khiến họ trở nên tàn nhẫn và trâng tráo hơn. Bà muốn chống lại bọn người này, bọn họ và Nhã Như. Tất cả vẫn còn có thể, tương lai không thuộc về những con người như vậy.

Khi viết xong thư, đọc lại một lần nữa, sửa chữa một vài chỗ, làm rõ hơn một số vấn đề, bà dán phong bì lại, ghi tên Mã Lý lên đó, rồi lên giường đi ngủ. Bên ngoài vẫn yên ắng. Dù đã thối mệ, nhưng phải một lúc lâu sau bà mới thiếp đi được.

Bà thức dậy vào lúc bảy giờ sáng, đứng trên hàng hiên nhìn mặt trời đang từ từ nhô lên phía chân trời. Lúc bà bước vào phòng ăn đã thấy Mã Lý ngồi ở đó. Bà ngồi xuống bên cạnh bạn, gọi một cốc trà và đưa mắt nhìn quanh phòng. Ở các bàn bên cạnh phần lớn đều là thành viên của đoàn đại biểu. Mã Lý nói muốn ra sông ngắm thú rừng.

– Một tiếng nữa chị đến phòng tôi nhé, Hồng Quế nói. Phòng 22.

Mã Lý gật đầu, không hỏi lý do. Bà ấy đã học được cách sống với những điều bí mật, giống như mình, Hồng Quế thâm nghĩ.

Bà kết thúc bữa sáng, trở về phòng đợi Mã Lý.

Đúng một tiếng sau, Mã Lý gõ cửa. Hồng Quế trao cho bà bức thư đã viết đêm hôm qua.

– Nếu có chuyện gì xảy ra với tôi, bức thư này sẽ trở thành thứ tối quan trọng, bà nói. Ngược lại, nếu tôi chết vì già yếu, chị hãy đốt nó đi.

Mã Lý nhìn Hồng Quế vẻ dò xét.

– Tôi có cần phải lo cho chị không?

– Không. Tuy vậy bức thư này là cần thiết. Vì những người khác. Và cho đất nước của chúng ta.

Bà thấy Mã Lý ngạc nhiên. Nhưng bà ấy không hỏi gì thêm, cất bức thư vào túi xách.

- Chương trình của chị hôm nay thế nào? Mã Lý hỏi.
- Một cuộc trao đổi với một vài thành viên thuộc ban an ninh của tổng thống Mugabe. Chúng ta giúp đỡ họ.
- Bằng vũ khí?
- Một phần. Nhưng chủ yếu vẫn là huấn luyện các đội đặc nhiệm, luyện tập cách cận chiến, và cả kỹ thuật giám sát.
- Lĩnh vực mà chúng ta là chuyên gia.
- Có ẩn ý gì không đấy?
- Đương nhiên là không, Mã Lý ngạc nhiên.
- Chị biết là tôi luôn cho rằng việc bảo vệ đất nước chống thù trong lẫn giặc ngoài đều quan trọng như nhau. Ví dụ, không ít nước phương Tây chẳng mong muốn gì hơn là đất nước Zimbabwe lại rơi vào cảnh hỗn loạn. Nước Anh chưa bao giờ hoàn toàn chấp nhận nền độc lập mà Zimbabwe giành được vào năm 1980. Vậy quanh tổng thống Mugabe là biết bao kẻ thù. Sẽ thật ngu ngốc nếu ông ấy không yêu cầu các cơ quan an ninh của mình hoạt động hết khả năng.
- Vậy ông ấy không phải là người ngu ngốc sao?
- Robert Mugabe đủ thông minh để hiểu rằng bằng mọi giá, phải chống trả những nỗ lực của các thế lực thực dân trước đây hòng hất cẳng đảng cầm quyền. Một khi Zimbabwe thất thủ sẽ kéo theo sự bất ổn ở một loạt các nước khác.

Hồng Quế tiễn Mã Lý ra tận cửa và nhìn bà dần khuất bóng trên con đường lát đá uốn khúc giữa các lùm cây xanh mướt.

Ngay sát căn biệt thự của bà có một cây tử đàn. Bà ngắm nhìn những bông hoa màu xanh nhạt. Bà cố so sánh chúng với một màu tương tự nào đó, nhưng uống công. Bà nhặt lên một bông hoa, ép vào giữa cuốn nhật ký mà bà luôn đem theo, nhưng hiếm khi viết thêm được gì vào trong đó.

Bà đang định ra ngồi ở hàng hiên để đọc một bản báo cáo về phe đối lập ở Zimbabwe thì nghe có tiếng gõ cửa. Bên ngoài cửa là Chu

Phúc, một trong những người phụ trách chuyến đi, một người đàn ông trung tuổi. Bà nhận thấy ông ta cứ lo lắng quá thể trước một trục trặc dù là nhỏ nhất. Ông ta hoàn toàn không thích hợp gánh vác một trọng trách như tổ chức một chuyến đi quan trọng thế này, đặc biệt là khi vốn tiếng Anh chỉ ở hạng trung bình.

– Chị Hồng Quế, Chu Phúc nói. Kế hoạch có thay đổi. Đồng chí bộ trưởng muốn sang nước láng giềng Mozambique và muốn chị cùng đi.

– Tại sao?

Bà Hồng ngạc nhiên thực sự. Chưa bao giờ bà có quan hệ gần gũi với bộ trưởng Bộ Thương mại, mà chỉ chào hỏi ông ta qua loa trong chuyến đi.

– Bộ trưởng Kế gửi lời thăm và báo để chị biết sẽ cùng đi với đồng chí ấy. Chỉ vậy thôi. Đây là một đoàn nhỏ.

– Khi nào thì chúng ta đi? Đi đâu?

Chu Phúc gạt mồ hôi trán, hai tay dang rộng. Ông ta chỉ vào đồng hồ của mình.

– Tôi không thể giải thích rõ hơn được. Bốn mươi lăm phút nữa xe sẽ đưa đoàn ra sân bay. Không ai được phép chậm trễ. Những thành viên của đoàn chỉ được đem theo hành lý gọn nhẹ và tính đến khả năng sẽ ngủ lại ở đó. Nhưng cũng có thể tối hôm nay sẽ quay về.

– Chúng ta đi đâu? Mục đích là gì?

– Bộ trưởng Kế sẽ giải thích cho chị.

– Ít ra anh cũng nên cho tôi biết sẽ đi đâu chứ.

– Đến thành phố Beira bên bờ Ấn Độ Dương. Theo thông tin của tôi chuyến bay kéo dài một tiếng đồng hồ.

Hồng Quế không kịp hỏi thêm. Chu Phúc đã xuống tới con đường mòn.

Hồng Quế đứng im giữa khuôn cửa. Chỉ có một cách lý giải, bà thầm nghĩ. Chính Nhã Như đứng sau chuyện này. Tất nhiên nó là một

thành viên trong đoàn cùng đi với bộ trưởng Kế. Và nó muốn có mình trong tầm tay.

Bà nhớ một giai thoại được nghe trong chuyến đi này. Tổng thống Kaunda của Zambia yêu cầu hãng hàng không quốc gia Zambia mua một chiếc Boeing 747, loại máy bay lớn nhất vào hồi bấy giờ. Tuyến bay giữa Lusaka và Luân Đôn không nhiều chuyến nên một khoản đầu tư như vậy là không kinh tế. Không lâu sau người ta phát hiện ra rằng tổng thống Kaunda thực ra muốn sử dụng chiếc máy bay đó cho các chuyến công cán nước ngoài thường xuyên của mình. Không phải vì ông muốn đi du lịch một cách xa xỉ như vậy, mà chỉ là để có đủ chỗ cho những người thuộc đảng đối lập và các thành viên chính phủ mà ông không tin tưởng. Ông đơn giản là muốn mang theo mình những người có ý đồ mưu phản, tìm cách lật đổ ông khi ông không có mặt trong nước.

Liệu có phải Nhã Như định áp dụng cách này? Anh ta muốn chị gái luôn ở bên cạnh mình để dễ bề giám sát?

Bà Hồng nghĩ đến cành cây khô bị giã gãy trong bóng đêm. Chắc chắn đó không phải là Nhã Như, mà là kẻ nào đó được sai đi theo dõi bà thì đúng hơn.

Vì không muốn làm phật ý bộ trưởng Kế, nên bà Hồng sắp đồ rồi chuẩn bị lên đường. Bà có mặt ở quầy lễ tân trước thời gian ấn định một vài phút. Bà không thấy bộ trưởng Kế lẫn Nhã Như đâu cả. Ngược lại bà tin là đã nhìn thấy Lưu Sinh, vệ sĩ của Nhã Như, nhưng không mấy chắc chắn. Chu Phúc dẫn bà ra một chiếc Limousine nằm trong số xe đang chờ sẵn. Cùng ngồi trong xe với bà là hai người đàn ông mà bà biết họ làm việc ở Bộ Nông nghiệp tại Bắc Kinh.

Sân bay nằm cách Harare không xa. Được mô tô hộ tống, ba chiếc xe nối đuôi nhau phóng nhanh trên đường. Hồng Quế để ý thấy góc phố nào cũng có cảnh sát đứng chặn đường cho họ qua. Họ được đưa thẳng tới chỗ chiếc máy bay phản lực của lực lượng không quân Zimbabwe.

Bà lên máy bay ở cửa sau và nhận ra nó được chia ra làm hai buồng ở chính giữa. Bà đoán đây là chiếc máy bay dành riêng cho tổng thống Mugabe. Chỉ mấy phút sau máy bay đã cất cánh. Ngồi cạnh bà là nữ thư ký của bộ trưởng Kế.

– Chúng ta bay đi đâu vậy? Hồng Quế hỏi khi chiếc máy bay đã đạt được độ cao ổn định và viên phi công thông báo chuyến bay sẽ kéo dài khoảng năm mươi phút.

– Đến thung lũng sông Zambezi, cô thư ký trả lời.

Giọng cô ta cho bà biết có tiếp tục hỏi cũng vô ích. Bà sẽ sớm biết chuyến bay bất ngờ này có ý nghĩa gì.

Bất ngờ ư? Đột nhiên bà nhận ra rằng mình không chắc chắn về điều ấy. Có thể tất cả chỉ là một phần của một kế hoạch mà bà không được biết.

Trước khi hạ cánh, chiếc máy bay lượn một vòng rộng trên biển. Bà nhìn thấy nước biển màu xanh lam lấp lánh và những chiếc thuyền đánh cá nhỏ với những cánh buồm hình tam giác đang nhấp nhô trên sóng. Thành phố Beira lấp lánh trắng trong ánh mặt trời. Bao quanh trung tâm thành phố bằng bê tông là những dãy nhà lợp tôn lợp xụp trải dài, có lẽ là những khu ổ chuột.

Cái nóng hầm hập phả lên người bà lúc bước ra khỏi máy bay. Bà nhìn thấy bộ trưởng Kế đi đến bên chiếc xe đầu tiên. Đó không phải là chiếc Limousine màu đen, mà là một chiếc Land Cruiser màu trắng có cắm cờ Mozambique trước mui xe. Nhã Như cũng lên xe đó, không hề quay đầu lại nhìn chị gái. Nhưng nó biết mình có mặt ở đây, bà thầm nghĩ.

Xe của họ chạy về hướng Tây Bắc. Cùng ngồi chung xe với bà vẫn là hai cán bộ của Bộ Nông nghiệp. Họ cúi nhìn tấm bản đồ trắc địa nhỏ và nhìn qua cửa sổ ngắm phong cảnh bên ngoài đang thay đổi đúng như trên bản đồ. Bà Hồng vẫn còn cảm thấy khó chịu như khi Chu Phúc đứng trước cửa nhà và nói với bà rằng kế hoạch đã thay đổi. Xem ra người ta đã ép buộc bà, trong khi tất cả mọi thứ đều mách bảo

bà cần cảnh giác. Nhã Như muốn mình cùng đi trong chuyến này, bà thầm nghĩ. Nhưng nó viện ra lý lẽ nào để thuyết phục bộ trưởng Kế, để lúc này mình phải ngồi trong chiếc xe Nhật đang phóng rầm rầm qua các ổ gà trên đường làm tung lên những đám bụi đỏ? Ở Trung Quốc đất đai có màu vàng, còn ở đây thì lại là màu đỏ, nhưng ở đâu thì cũng đều bốc lên dễ dàng giống nhau, bám vào các lỗ chân lông khắp trên người và vào trong mắt.

Cái lý do duy nhất hợp lẽ khiến bà phải có mặt ở đây là bà thuộc vào số rất nhiều Đảng viên hoài nghi chính sách mà không phải chỉ bộ trưởng Kế theo đuổi. Nhưng người ta bắt bà đi chuyến này như một con tin, hay là để bà thay đổi quan điểm về chính sách mà bà căm ghét khi tận mắt thấy chính sách đó được thực hiện như thế nào? Những cán bộ cao cấp của Bộ Nông nghiệp và ngài bộ trưởng Bộ Thương mại trên một chuyến đi bằng ô tô xóc nảy người tới nơi hang cùng ngõ hẻm ở Mozambique: chuyến đi hẳn phải mang một ý nghĩa cực kỳ to lớn.

Quang cảnh đơn điệu lướt qua cửa sổ xe: cây cối thấp lè tè, nhiều bụi gai mọc san sát, thỉnh thoảng bị gián đoạn bởi các con suối nhỏ, nước lóng lánh chảy và những chòm xóm nằm rải rác đây đó với những túp lều cùng thửa đất nhỏ được trồng trọt, canh tác. Hồng Quế ngạc nhiên khi thấy một vùng đất phì nhiêu như vậy mà dân cư lại quá thưa thớt. Trong tưởng tượng của bà, châu Phi, cũng như Trung Quốc hoặc Ấn Độ, là một lục địa nghèo, ở đó có cơ man nào là người và con người giày xéo lên nhau để mà tồn tại. Nhưng đó là một định kiến, bà nghĩ. Những thành phố lớn của châu Phi cũng chẳng kém gì Thượng Hải hoặc Bắc Kinh: một sự phát triển hỗn loạn, dẫn đến thảm họa cho con người và thiên nhiên. Nhưng mình không biết gì về những vùng nông thôn châu Phi như vùng mình vừa qua đây.

Họ tiếp tục đi về hướng Tây Bắc. Con đường có những đoạn quá xấu nên buộc lái xe phải chạy chậm. Mưa đã làm xói lở mặt đường tạo thành nhiều ổ gà lớn.



Cuối cùng họ dừng lại ở một địa điểm có tên là Sachombé. Đó là một ngôi làng toàn những mái nhà lụp xụp, một vài cửa hàng và một vài ngôi nhà bê tông màu trắng đã xập xệ được xây dựng từ thời thuộc địa. Bà nhớ là đã đọc một tài liệu viết về Salazar, kẻ độc tài người Bồ Đào Nha, đã thống trị những vùng rộng lớn gồm Angola, Mozambique và Guiné-Bissau bằng bàn tay thép. Ông ta đã đưa những người nông dân nghèo khổ của nước mình, phần lớn là mù chữ, tới vùng đất khi ấy được gọi là lãnh thổ hải ngoại này, phần nhằm giải quyết được một vấn đề trong nước, phần nhằm mở rộng một đế chế thực dân mà cho đến những năm 1950 vẫn bị giới hạn ở vùng duyên hải. Phải chăng chúng ta cũng đang làm điều tương tự? Hồng Quế tự hỏi. Lặp lại hành động xâm lược, dưới một vỏ bọc khác?

Khi họ ra khỏi xe, rũ bụi trên quần áo và lau mồ hôi trên mặt, bà nhận thấy toàn bộ khu vực này được bao vây bởi nhiều xe quân sự và lính có vũ trang. Phía sau rào chắn bà cũng nhận ra những khuôn mặt tò mò đang quan sát những vị khách có đôi mắt xéch lẹ lùng. Những con người tội nghiệp, những quan sát viên vĩnh viễn mà chúng ta cho là mình tới đây để bảo vệ họ, bà thầm nghĩ.

Ở giữa bãi cát trước ngôi nhà màu trắng đã có hai lều bạt lớn được dựng lên. Trước khi đoàn của họ có mặt, ở đây đã có nhiều xe Limousine đen đến trước. Ở đó cũng có cả hai chiếc trực thăng của lực lượng không quân chờ sẵn. Mình không biết sắp có chuyện gì, Hồng Quế nghĩ, nhưng chắc chắn là rất quan trọng. Điều gì khiến bộ trưởng Kế đến thăm một nước không nằm trong chương trình? Một bộ phận nhỏ của đoàn sẽ đi Malawi và Tanzania một ngày. Nhưng không thấy nhắc đến Mozambique.

Đội kèn đồng diễu hành. Cùng lúc đó, một vài người đàn ông từ trong lều bước ra. Bà lập tức nhận ngay ra người đàn ông nhỏ con đi đầu. Ông ta có mái tóc bạc, đeo kính, người tuy nhỏ nhưng rắn chắc. Người đàn ông vào lúc này đang bắt tay bộ trưởng Kế, không phải ai khác, đó chính là tổng thống Mozambique mới đắc cử, ông Guebuza.

Bộ trưởng Kế giới thiệu với tổng thống những người thấp tùng mình. Khi bắt tay, bà nhìn thẳng vào mắt ông, một ánh mắt thân thiện nhưng chăm chú. Guebuza chắc chắn là một người đàn ông không bao giờ quên một khuôn mặt nào, bà nghĩ vậy. Sau phần giới thiệu, đội quân nhạc cử hành quốc ca hai nước. Bà đứng nghiêm.

Trong khi lắng nghe quốc ca Mozambique, bà kín đáo nhìn xem Nhã Như đứng ở chỗ nào, nhưng không thấy. Từ lúc đến Sachombé tới giờ bà cũng không thấy Nhã Như. Khi nhìn lại đoàn khách Trung Quốc, bà nhận ra rằng có một vài người đã biến đâu mất sau khi máy bay hạ cánh ở Beira. Bà khẽ lắc đầu: không, sẽ là vô ích khi cố gắng hiểu xem Nhã Như đang âm mưu điều gì. Điều quan trọng là bà phải hiểu xem ở đây, ngay trước mắt bà đang diễn ra chuyện gì, trong cái hẻm núi có con sông Zambezi chảy qua này.

Mọi người được dẫn vào một trong hai lều bạt. Một tốp phụ nữ đứng tuổi ăn mặc sặc sỡ đang nhảy múa theo nhịp trống. Bà được chỉ vào một chỗ ở hàng sau cùng. Nền lều bạt được trải thảm, mỗi người tham dự được ngồi vào một chiếc ghế dài vô cùng thoải mái. Khi mọi người đã ngồi vào chỗ, tổng thống Guebuza bước đến bục diễn giả. Hồng Quế chụp tai nghe vào. Tiếng Bồ Đào Nha được dịch sang tiếng Trung Quốc rất hoàn hảo. Bà đoán chắc người phiên dịch này trước kia đã được đào tạo ở Học viện cao cấp Bắc Kinh, nơi đào tạo ra những phiên dịch ưu tú. Bà nghe nói rằng không có bất kỳ một thứ ngôn ngữ nào, dù cho nó ít được dùng đến đâu, mà Trung Quốc lại không có phiên dịch thành thạo. Điều này làm cho bà thấy tự hào. Dân tộc bà đã vượt qua được mọi giới hạn, một dân tộc cách đây một vài thế hệ còn bị giam giữ trong ngu muội và đói khổ.

Tổng thống Guebuza nói ngắn gọn. Ông nhiệt liệt hoan nghênh đoàn đại biểu Trung Quốc. Hồng Quế chăm chú lắng nghe để hiểu được những gì đang diễn ra ở đây.

Bà giật mình khi nhận thấy có một bàn tay đặt lên vai mình. Nhã Như vào trong lều từ lúc nào mà bà không để ý và ngồi xuống chiếc

ghế ở ngay sau lưng bà. Anh ta nhắc một bên tai nghe của bà lên và thì thầm vào tai bà:

– Hãy lắng nghe cho kỹ, chị thân yêu, rồi chị sẽ hiểu được những sự kiện lớn lao này, những sự kiện sẽ làm thay đổi đất nước chúng ta và toàn thế giới. Ở đây chị sẽ thấy tương lai của chúng ta có diện mạo như thế nào.

– Em đã ở đâu vậy?

Bà đỏ mặt khi hiểu ra câu hỏi này ngu ngốc biết bao. Cũng hết như bà hỏi em mình ngày trước, lúc còn bé, mỗi lần nó về nhà muộn. Bà đã phải nhận vai trò làm mẹ, mỗi khi song thân của bà phải có mặt ở một cuộc họp chính trị nào đó.

– Đó là việc của em. Lúc này em muốn chị hãy lắng nghe và học hỏi. Những lý tưởng cũ sẽ được thay thế bằng những lý tưởng mới như thế nào mà không làm biến chất nội dung của chúng.

Nhã Như lại đặt tai nghe lên tai chị gái, rồi lủi nhanh qua cửa lều bạt. Bà nhận ra gã vệ sĩ Lưu Sinh ở bên ngoài và lại tự hỏi, liệu có đúng anh ta đã giết chết tất cả những người mà Birgitta Roslin đã kể hay không.

Bà quyết định ngay sau khi trở về Bắc Kinh sẽ tìm gặp một vài bạn cũ ở bên cảnh sát để trao đổi với họ. Lưu Sinh hoàn toàn không dám làm gì nếu không có lệnh của Nhã Như.

Khi thời điểm đến, bà sẽ đối chất với Nhã Như về việc này. Nhưng trước hết bà phải biết rõ hơn chuyện gì đã diễn ra.

Tổng thống nhường lời phát biểu cho vị chủ tịch ủy ban phụ trách các công tác nghiệp vụ của Mozambique. Đó là một người đàn ông khá trẻ làm cho người ta phải chú ý đến với cái đầu cạo trọc và cặp kính không gọng. Tên anh ta là Mapito, hoặc có thể là Mapiro gì đấy mà bà không nghe rõ. Giọng anh ta đầy hào hứng như thể những điều nói ra làm cho anh ta thực sự thích thú.

Và bà đã hiểu. Tính chất của cuộc gặp gỡ này, điều bí ẩn quanh nó dần được làm rõ. Nằm sâu trong rừng rú của Mozambique, một dự án

khổng lồ đã được hình thành, nó liên kết hai nước nghèo nhất trên thế giới với nhau, chỉ có điều một bên là một thế lực khổng lồ còn bên kia là một đất nước nhỏ bé ở châu Phi. Bà chú ý lắng nghe lời nói của diễn giả được dịch ngay sang tiếng Trung Quốc bởi một giọng mềm mại và bà hiểu ra vì sao Nhã Như lại muốn bà có mặt ở đây. Bà là đối thủ đáng gờm của những kẻ muốn Trung Quốc trở thành một đế quốc hùng mạnh mà như Mao Chủ tịch thường nói sẽ có thể trở thành một con hổ giấy, sớm muộn gì cũng bị cuộc kháng chiến của quần chúng tiêu diệt. Có thể Nhã Như hy vọng rằng qua cuộc gặp bà sẽ nhận thấy là cả hai bên đều sẽ được lợi trong dự án này? Nhưng quan trọng hơn là để bà hiểu được những người nắm quyền lực không sợ hãi trước một nhóm người trong đó có bà. Không chỉ riêng bộ trưởng Kế mà cả Nhã Như đều không sợ hãi trước bà và những đồng chí của bà.

Lúc Mapito nghỉ uống nước, bà tự nhủ điều bà lo lắng nhất sắp xảy ra: rằng Trung Quốc sẽ trở lại là một xã hội phân chia giai cấp, còn tệ hơn cả điều Mao Chủ tịch cảnh báo. Một đất nước bị chia thành một tầng lớp đầy quyền lực và một tầng lớp dưới bị giam cầm trong đói nghèo. Một đất nước mặc nhiên cho phép mình cư xử như một tên đế quốc với phần còn lại của thế giới.

Mapito tiếp tục nói:

– Ngày hôm nay chúng ta sẽ bay dọc theo sông Zambezi về phía thượng nguồn đến Bandar, rồi từ đó bay xuống Luabo, nơi bắt đầu vùng châu thổ rộng lớn. Chúng ta sẽ bay qua những vùng đất phì nhiêu, dân cư thưa thớt. Theo tính toán của chúng tôi, trong vòng năm năm có thể tiếp nhận bốn triệu nông dân Trung Quốc, những người sẽ tiến hành canh tác những vùng còn hoang hóa này. Không có bất cứ người nào bị cưỡng bức di dời, không một ai bị mất đi những phương tiện sinh sống của mình. Ngược lại đồng bào của chúng tôi cũng có lợi từ sự thay đổi to lớn này. Tất cả mọi người dân đều được tiếp cận với đường sá, trường học, bệnh viện và điện sinh hoạt, những gì mà trước kia chỉ dành cho một số ít người có đặc quyền.

Hồng Quế đã nghe nói rằng các cơ quan phụ trách sơ tán những vùng rộng lớn để xây các đập nước khổng lồ đã hứa hẹn với những người buộc phải di dời rằng một ngày nào đó họ sẽ có thể sống một cuộc sống vương giả ở châu Phi. Đó là những cuộc di dân khổng lồ. Những lời nói hay ho vẽ ra bức tranh thiên đường, những người nông dân nghèo khổ từ Trung Quốc, những con người mù chữ mông muội sẽ dễ dàng cảm rỗi trong một môi trường xa lạ như thế nào. Nhờ vào tình hữu nghị giữa các dân tộc và sự đoàn kết, sẽ không có bất cứ xung đột nào xảy ra với những người bản xứ đã sống từ bao đời nay bên dòng sông này. Nhưng không một ai có thể thuyết phục được bà tin rằng tất cả những điều bà được nghe không phải là khúc dạo đầu trong quá trình biến đổi của Trung Quốc để trở thành một kẻ săn mồi, sẵn sàng chiếm đoạt không thương tiếc nguồn dầu lửa và các nguyên liệu khác cần thiết cho sự phát triển kinh tế vùn vụt của mình. Trong cuộc đấu tranh giải phóng kéo dài đánh đuổi những tên thực dân Bồ Đào Nha từ năm 1974, Liên Xô đã giúp họ vũ khí, nhưng thường là những loại vũ khí đã lạc hậu hoặc đã qua sử dụng để đổi lấy quyền được bắt đánh cá lâu dài ở các vùng lãnh hải giàu sản vật của Mozambique. Trung Quốc, đất nước mà nguyên tắc duy nhất là luôn phục vụ cho những mục đích riêng của mình, liệu có noi gương này không?

Để tránh những ánh mắt sẽ hướng về phía mình, bà cũng cùng vỗ tay hoan hô với những người khác khi bài diễn văn kết thúc. Bộ trưởng Kế bước đến bục diễn thuyết. Sẽ không có mối nguy hiểm nào, ông ta cam kết, tất cả đều kiên quyết tôn trọng những quy tắc trao đổi song phương và bình đẳng.

Ông Kế nói ngắn gọn. Sau đó mọi người được dẫn sang lều bạt bên cạnh, nơi đã bày sẵn rất nhiều món ăn khác nhau. Hồng Quế cầm lên một cốc rượu vang ướp lạnh, nhìn quanh tìm Nhã Như, nhưng không thấy anh ta đâu.

Một tiếng sau, hai chiếc trực thăng cất cánh bay về hướng Tây Bắc. Bà nhìn thấy con sông hùng vĩ ở phía dưới. Một vài khu vực có người ở, đất đai được khai khẩn và canh tác mang nét tương phản rõ rệt với những vùng bỏ hoang rộng mênh mông. Bà tự hỏi có phải mình đã lầm lẫn không. Có thể Trung Quốc đầu tư vào Mozambique không chỉ hoàn toàn vì dầu cơ?

Trong tiếng ồn của động cơ bà khó có thể tập trung suy nghĩ được. Câu hỏi của bà vẫn bị bỏ lửng.

Trước khi lên trực thăng người ta đã đưa cho bà một tấm bản đồ nhỏ. Bà nhận ra nó. Đó là tấm bản đồ mà hai cán bộ của Bộ Nông nghiệp đã giở ra xem trong chuyến đi từ Beira.

Họ đã đến được điểm cực Bắc rồi sau đó đã quay về hướng Đông. Khi tới Luabo, hai chiếc trực thăng lượn một vòng rộng trên đồng bằng châu thổ rồi đáp xuống gần một làng mà bà nhận ra trên bản đồ là Chinde. Ở bãi đậu đã có những chiếc ô tô chờ sẵn và lại là con đường đất đỏ như trước đó.

Xe chạy qua những trảng rừng lúp xúp cây cối và dừng lại bên một nhánh nhỏ của sông Zambezi. Bãi đỗ xe đã được phát quang, những chiếc lều bạt đã được dựng bên bờ sông theo hình cánh cung. Lúc bà Hồng xuống xe đã thấy Nhã Như có mặt đón bà.

– Nhiệt liệt hoan nghênh chị đến Kaya Kwanga. Nó có nghĩa là “nhà của tôi” theo tiếng địa phương. Chúng ta sẽ nghỉ đêm ở đây.

Nhã Như chỉ vào chiếc lều bạt ở gần sông nhất. Một phụ nữ da đen còn trẻ đỡ lấy chiếc túi xách của bà.

– Chúng ta làm gì ở đây? Bà Hồng hỏi.

– Chúng ta thường thức bầu không khí tĩnh lặng của châu Phi sau một ngày dài làm việc.

– Và ở đây chị sẽ được nhìn thấy những con báo gấm chứ?

– Không. Chỗ này không có báo gấm mà chủ yếu là rắn và thằn lằn.

– Thế bây giờ thì sao?

– Không sao cả. Công việc của ngày hôm nay đã kết thúc. Chị sẽ thấy khu trại này không hoang sơ như chị nghĩ đâu. Trong lều của chị thậm chí còn có cả vòi tắm đứng. Và một chiếc giường thoải mái. Sau đây sẽ là bữa ăn chung. Ăn xong ai muốn ngồi lại bên lửa trại thì ngồi, ai muốn đi ngủ thì tùy ý.

– Chúng ta cần phải nói chuyện với nhau, bà nói.

Nhã Như cười.

– Đồng ý. Sau bữa ăn. Ở trước lều của em.

Không cần Nhã Như chỉ bà cũng biết đó là chiếc lều ngay bên cạnh lều của mình.

Hồng Quế ngồi trước lều của mình ngắm nhìn buổi hoàng hôn ngấn ngủi trên trảng rừng. Ở khoảng trống giữa các lều bạt một đồng lửa đã được nhóm lên. Bà nhận ra Nhã Như đã có mặt ở đó. Anh ta mặc bộ lễ phục màu trắng làm cho bà nhớ đến một tấm ảnh bà đã nhìn thấy trên một tạp chí Trung Quốc cách đây đã lâu. Đó là một bài viết so sánh lịch sử thuộc địa của châu Phi và châu Á. Hai người đàn ông da trắng vận lễ phục ngồi giữa một khu rừng châu Phi bên chiếc bàn ăn trải khăn trắng, cùng những bình sứ quý và rượu vang ướp lạnh. Phía sau họ là hai người phục vụ bản xứ đứng im chờ đợi.

Mình tự hỏi em trai mình là ai, bà nghĩ. Trước kia mình nghĩ rằng hai chị em gắn bó với nhau không chỉ vì mối liên hệ gia đình mà còn vì lòng yêu nước nữa. Nhưng giờ đây mình không còn biết ra sao nữa.

Bà là người cuối cùng đi đến bên bàn ăn đã bày bên đồng lửa.

Bà nghĩ đến bức thư đã được viết vào đêm trước và nghĩ đến Mã Lý, người mà bà bỗng nhiên cũng không còn biết có thể tin tưởng được không.

Hoàn toàn chẳng có gì chắc chắn nữa, bà nghĩ. Hoàn toàn không.

Sau bữa ăn dưới bóng đêm, một tốp múa xuất hiện. Để giữ cho đầu óc được tỉnh táo, bà Hồng không uống chút rượu nào. Bà nhìn những vũ công vẻ thán phục và nhớ đến niềm khát khao đã thuộc về quá khứ của mình. Khi còn rất bé, bà ước mơ trong tương lai mình sẽ trở thành một diễn viên xiếc hoặc là nghệ sĩ nhạc kịch. Đó là một giấc mơ hai phần. Lúc bà nhìn thấy mình trên sân khấu đang khéo léo giữ nhiều chiếc đĩa sứ quay tròn trên đầu các que tre, từ từ đi xung quanh đồng thời giữ cho những chiếc đĩa quay tít và đã giữ cho một chiếc đĩa chao nghiêng suýt rơi xuống vào phút cuối cùng. Còn ở nhà hát nhạc kịch Bắc Kinh, bà lại là một nữ anh hùng chân chính đang chiến đấu với một kẻ thù mạnh hơn hàng ngàn lần trong cuộc mãi võ với gậy gộc tượng trưng cho ngọn giáo và thanh kiếm. Sau này, khi đã lớn tuổi hơn và những giấc mơ đã qua, bà hiểu ra rằng mình khát khao kiểm soát hoàn toàn những gì xảy ra xung quanh. Bây giờ, khi nhìn những vũ công đã hòa vào nhau thành một thân hình duy nhất có nhiều cánh tay, một chút cảm xúc ngày đó lại sống dậy trong bà. Thời thơ ấu của bà đã quay trở lại trong cái đêm châu Phi với bóng tối mù mịt, cái nóng hầm hập hơi nước, mùi của biển với tiếng sóng rì rào khe khẽ giữa khoảng tĩnh lặng.

Bà quan sát Nhã Như ngồi trên chiếc ghế vải bạt, hai mắt khép hờ, giữ thẳng bằng cốc rượu vang trên đầu gối. Bà thầm nghĩ mình hầu như chẳng biết gì về những giấc mơ thời nhỏ của nó. Nhã Như không bao giờ cởi mở với bà. Hai người họ là chị em gần gũi thật đấy, nhưng không tới mức nó thổ lộ những giấc mơ với bà.

Tay phiên dịch người Trung Quốc giới thiệu các điệu vũ. Điều đó thật không cần thiết, bà nghĩ. Bà có thể thấy rõ rằng đó là những vũ điệu dân gian, bám rễ ăn sâu vào đời sống thường nhật hoặc đề cập đến những cuộc chạm trán tượng trưng với yêu quái hoặc với các vị



thần tốt bụng. Các nghi lễ của con người thường có nguồn gốc giống nhau, không phụ thuộc vào màu da và đất nước. Dĩ nhiên là khí hậu cũng có ảnh hưởng: ở những nước xứ lạnh, người ta ăn mặc kín đáo khi nhảy múa. Nhưng khi nhập hồn, hoặc tìm kiếm mối liên hệ giữa thế giới người sống với thế giới người chết, giữa quá khứ và tương lai, người Trung Quốc và người châu Phi đều có quan niệm như nhau.

Bà vẫn đưa mắt nhìn quanh. Tổng thống Guebuza và những người cùng đi với ông đã biến mất. Trong lán trại chỉ còn các thành viên của đoàn Trung Quốc, cùng với các nhân viên phục vụ, đầu bếp và lực lượng an ninh lẫn khuất trong bóng tối. Nhiều người dường như đã chìm đắm giữa dòng suy nghĩ của mình trong khi mắt vẫn nhìn các vũ công. Một bước nhảy vĩ đại đang được chuẩn bị trong đêm châu Phi, bà thầm nghĩ. Và mình thì không cho rằng đó chính là con đường chúng ta cần phải đi. Không thể gửi tới đây bốn triệu nông dân nghèo của chúng ta, hoặc thậm chí còn nhiều hơn nữa, đến đất nước này mà không dè lên vai họ một gánh nặng.

Một phụ nữ bắt đầu cất tiếng hát. Phiên dịch viên nói đây là một khúc hát ru. Hồng Quế lắng nghe, giai điệu ấy cũng có thể dỗ ngủ được một đứa trẻ Trung Quốc. Ở những nước nghèo người phụ nữ địu con trên lưng để hai tay không vướng bận trong khi làm việc: cuốc đất ở châu Phi, cấy lúa mà nước ngập tới tận đầu gối ở Trung Quốc. Chính nhịp bước chân của mẹ ru những đứa trẻ ngon giấc.

Bà nhắm mắt lại và lắng nghe. Người phụ nữ kết thúc bài hát với một nốt ngân dài rồi đột nhiên buông xuống như một chiếc lông vũ. Buổi diễn kết thúc, khán giả vỗ tay hoan hô. Tiếng nói chuyện rì rầm nổi lên, những chiếc ghế được kéo sát lại gần nhau. Có người đứng lên, trở về lều của mình hoặc đến đứng bên cạnh đồng lửa trại như thể chờ đợi một điều gì đó.

Nhã Như đến ngồi bên chị.

– Một buổi tối kỳ lạ, anh ta nói. Tự do và tĩnh lặng tuyệt đối. Em nghĩ mình chưa bao giờ sống xa những ồn ào của thành phố như thế này.

– Cũng gần giống văn phòng làm việc của cậu, bà Hồng nói. Tít cao trên những người dân bình thường, trên dòng xe cộ và tiếng ồn.

– Không thể so sánh như vậy được. Ở đó em thấy như đang ở trên một chiếc máy bay. Đôi lúc em nghĩ tòa nhà của mình đang lơ lửng trong không trung. Còn ở đây em đang trên mặt đất. Trái đất giữ chặt em lại. Em rất thích có một ngôi nhà ở đất nước này, một căn biệt thự bên bãi biển, em có thể đi thẳng từ chỗ tắm buổi đêm lên giường ngủ.

– Điều này em chỉ cần hỏi là được. Một khu đất, một hàng rào, và người ta sẽ xây một ngôi nhà theo ý em.

– Có thể đến một lúc nào đó. Không phải là bây giờ.

Bà để ý thấy lúc này chỉ còn lại hai chị em họ với nhau. Những chiếc ghế xung quanh đã bỏ trống. Bà tự hỏi liệu có phải Nhã Như đã có chỉ thị để có thể nói chuyện riêng với chị gái?

– Chị có nhìn thấy người phụ nữ nhảy như một mụ phù thủy đang lên đồng đó không?

Hồng Quế nghĩ lại. Một vũ công với các động tác mạnh mẽ nhưng nhịp nhàng.

– Có, chị ta nhảy rất hoang dã và mạnh mẽ.

– Có người bảo em là chị ta bệnh nặng sắp chết.

– Sao lại chết?

– Một bệnh về máu. Không phải là AIDS, hình như họ nói về bệnh ung thư. Người ta còn bảo chị ta nhảy múa cũng là để có can đảm cho cuộc chiến này. Nhảy múa là cuộc đấu tranh sinh tồn của chị ta. Nó giữ cái chết lại.

– Dù gì thì chị ta cũng sẽ chết.

– Như một hòn đá, chứ không phải như một chiếc lông vũ.

Lại là một câu nói của Mao Chủ tịch, bà nghĩ. Có thể nó thường hay nghĩ đến Người cầm lái vĩ đại hơn là mình tưởng. Nó ý thức rằng mình thuộc vào lớp người ưu tú mới, cách xa với nhân dân mà nó tin rằng nó là người đại diện và bảo vệ.

– Cái giá cho tất cả là bao nhiêu? Bà hỏi.

– Trại nghỉ này? Chuyến đi này? Ý của chị là gì vậy?

– Di dời bốn triệu người Trung Quốc đến thung lũng châu Phi này. Và sau đó có thể là mười, hai mươi hoặc một trăm triệu nông dân nghèo khổ của chúng ta đến các nước khác ở lục địa này.

– Rất nhiều tiền nếu nhìn ngắn hạn. Nhìn lâu dài thì hoàn toàn không là gì cả.

– Chị đoán tất cả đã được chuẩn bị. Tiêu chí tuyển chọn, chuyên chở bằng một hạm đội tàu, nhà cửa đơn giản mà họ phải tự xây cất lấy, lương thực, thực phẩm, dụng cụ, cửa hàng, bệnh viện, trường học. Hợp đồng giữa hai Nhà nước đã được ký kết? Đối lại, Mozambique nhận được gì? Chúng ta nhận được gì, ngoài cái quyền được loại đi một số lượng nông dân nghèo sang một đất nước nghèo khác? Chuyện gì sẽ xảy ra khi cuộc di dân khổng lồ này là một sai lầm? Còn có điều gì mà chị còn chưa biết? Điều gì ẩn sau dự án này, ngoài việc người ta loại bỏ được một vấn đề có nguy cơ vượt khỏi tầm kiểm soát của Trung Quốc? Em sẽ làm gì với hàng triệu dân Trung Quốc khác đến một lúc nào đó sẽ nổi loạn chống lại chế độ hiện hành này?

– Em muốn chị nhìn vấn đề này bằng chính đôi mắt của chị. Sử dụng lý trí của mình và chị sẽ hiểu ra sự cần thiết là phải di dân đến thung lũng sông Zambezi. Đồng bào chúng ta ở đây sẽ sản xuất ra thừa hàng hóa để có thể xuất khẩu được.

– Theo lời em mô tả, người ta cứ tưởng rằng chúng ta đang làm một việc tốt cho đất nước này khi kéo những người nông dân nghèo của mình đến đây. Chị cho rằng chúng ta chỉ đơn giản là lại đi theo vết xe mà những tên đế quốc cũ đã đi. Các vùng thuộc địa phụ thuộc vào chúng ta còn lợi nhuận thì chúng ta hưởng. Một thị trường mới cho

hàng hóa của chúng ta, một phương thức vĩnh cửu hóa chủ nghĩa tư bản. Vậy đấy, Nhã Như, đó là sự thật ẩn sau tất cả những lời lẽ hay ho của em. Chị biết, chúng ta đã xây dựng một bộ tài chính mới cho Mozambique và gọi đó là quà tặng, nhưng chị thì cho rằng đó là tiền bôi trơn. Chị cũng nghe nói những cai thợ người Trung Quốc đã đánh công nhân bản xứ, một khi họ không chịu khó làm việc. Đương nhiên những hành động như vậy được giữ kín. Nhưng chị thấy xấu hổ vì chuyện đó. Và sợ nữa. Ở châu Phi, chúng ta đang dần chế ngự hết nước này đến nước khác nhằm phục vụ sự phát triển của riêng mình. Chị không tin em, Nhã Như.

– Chị già đi rồi đấy, chị Quế. Và giống như mọi người già khác, chị cũng sợ hãi trước những cái mới. Chị nhìn chỗ nào cũng thấy toàn những âm mưu chống lại những lý tưởng cũ. Chị nghĩ mình là người gìn giữ sự thật, nhưng thực tế thì chị bắt đầu trở thành thứ mà chị e ngại nhất: một người bảo thủ, một kẻ phản động.

Hồng Quế nhào người về phía trước giáng vào mặt cậu em trai một cái tát. Nhã Như giật mình, sững sốt nhìn chị gái.

– Bây giờ chị đã đi quá xa rồi đấy. Tôi không để chị làm nhục tôi đâu. Chúng ta có thể tranh luận với nhau, có thể không nhất trí với nhau. Nhưng không được đánh tôi.

Nhã Như đứng dậy không nói lời nào rồi biến mất vào đêm tối. Hình như không có ai để ý thấy việc này. Hồng Quế thấy hối hận. Lẽ ra bà phải kiên nhẫn hơn và tìm cách giải thích cho Nhã Như thấy cậu ta đã lầm lẫn.

Nhã Như không quay trở lại. Bà đi về lều của mình. Ngọn đèn dầu hỏa treo ở bên ngoài dưới mái lều tỏa sáng một vùng. Màn chống muỗi đã được buông xuống, giường chiếu đã được chuẩn bị sẵn.

Bà Hồng ngồi xuống trước lều. Đêm oi bức. Lều của Nhã Như vẫn bỏ trống. Bà biết đứa em trai của mình sẽ trả thù cú bạt tai. Nhưng chính điều đó lại không làm cho bà lo sợ. Nó giận vì bị chị đánh, điều đó bà có thể hiểu được. Bà sẽ xin lỗi nó ngay khi gặp mặt.

Căn lều của bà nằm hơi tách biệt ra một chút. Những âm thanh của thiên nhiên bao quanh bà. Cơn gió nhẹ mang theo mùi muối, cát ẩm và một mùi gì đó rất khó tả.

Bà thả mình theo dòng suy nghĩ. Mao Chủ tịch từng nói rằng trong chính trị mỗi một khuynh hướng lại ẩn giấu một khuynh hướng khác. Rằng ở sau cái mà người ta có thể nhìn thấy thì lại có một cái khác đang hình thành. Cuộc nổi dậy vào ngày hôm nay hay mười nghìn năm nữa thì cũng đều chính đáng. Lịch sử của đất nước Trung Hoa cổ xưa, cùng với hàng ngàn năm nhục nhã, áp bức đẫm máu, mồ hôi và nỗ lực đã rèn giũa nên sức mạnh cách mạng tương lai. Quyền lực tàn bạo của các lãnh chúa phong kiến đã dẫn đến sự suy tàn và nghèo đói không kể xiết ở Trung Quốc. Nhưng trong nỗi thống khổ ấy đồng thời cũng xuất hiện sức mạnh nuôi dưỡng nhiều cuộc chiến tranh và các phong trào nông dân không bao giờ hoàn toàn bị dập tắt. Cuộc đối đầu kéo dài hàng trăm năm. Nhà nước của bọn quan lại và của các triều đại vua chúa đã phải rút vào một thành trì được cho là không thể đánh chiếm. Nhưng sự bình lặng không bao giờ trở lại, cuộc nổi dậy tiếp tục, và cuối cùng thời cơ cũng chín muồi, các thủ lĩnh nông dân đã vĩnh viễn tống cổ bọn lãnh chúa phong kiến ra khỏi đất đai tài sản của chúng và hoàn thành cuộc giải phóng nhân dân.

Mao Trạch Đông đã biết sẽ có nguy cơ gì. Ngay trong ngày tuyên ngôn sự ra đời của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa trên quảng trường Thiên An Môn năm 1949, ông đã tập hợp những đồng chí thân cận nhất của mình và nói rằng Nhà nước mới được thành lập vài giờ nhưng các lực lượng chống đối đã bắt đầu hình thành.

“Ai tin rằng, trong thời đại của chủ nghĩa cộng sản, sẽ không còn xuất hiện hàng ngũ quan lại, thì người đó hoàn toàn không hiểu gì cả,” ông đã nói như vậy. Và nhiều sự kiện sau này đã cho thấy là ông đúng. Trong lúc chờ đợi sự đấng quang của một con người mới, đoạn tuyệt hoàn toàn với những giá trị thừa hưởng từ quá khứ, người ta vẫn sẽ luôn thấy có những nhóm cá nhân tìm cách chiếm đoạt các đặc quyền.

Mao Trạch Đông đã cảnh báo trước sự phát triển ở Liên Xô. Vì lúc bấy giờ Trung Quốc còn hoàn toàn phụ thuộc vào sự hỗ trợ của người anh lớn này, nên ông đã cẩn trọng bày tỏ ý kiến: “Con người hoàn toàn không cần phải ác độc. Cuối cùng rồi họ cũng sẽ tìm được đặc quyền cho mình. Tầng lớp quan lại Trung Hoa không chết. Nếu chúng ta không cảnh giác, sẽ có một ngày họ đứng trước chúng ta với những lá cờ đỏ trong tay.”

Hồng Quế đã cảm thấy bất lực khi tát Nhã Như. Bây giờ bà nhận thấy việc đó đã qua. Điều quan trọng nhất đối với bà là tiếp tục suy nghĩ làm thế nào để có thể góp phần xây dựng một cuộc thảo luận nghiêm túc trong Đảng về vấn đề hậu quả của đường lối mới. Trong thâm tâm bà phản đối điều mà ngày hôm nay bà đã được chứng kiến, phản đối hình ảnh tương lai mà Nhã Như dựng lên trước mắt bà. Chỉ cần ý thức được sự bất bình rõ ràng ngày càng tăng ở các vùng nông thôn Trung Quốc là có thể hiểu được rằng cần phải hành động. Nhưng không phải như thế này, không phải bằng cách đày hàng triệu nông dân sang châu Phi.

Bà đã nói với Mã Lý về chín mươi ngàn vụ lộn xộn. Chín mươi ngàn! Bà nhẩm tính trong đầu sẽ là bao nhiêu vụ một ngày. Hai đến ba trăm vụ, và chiều hướng còn tăng lên. Sự bất bình ngày càng tăng không chỉ do chênh lệch thu nhập trong các tầng lớp dân cư. Nó cũng không chỉ do vấn đề trường học, y tế, mà còn do những nhóm tội phạm hoành hành ở các làng mạc, bắt cóc phụ nữ, ép họ làm gái mại dâm, buộc họ làm nô lệ cho các lò gạch, các nhà máy phải tiếp xúc với hóa chất độc hại. Người ta bất bình với những kẻ, thường được sự hỗ trợ của các quan chức địa phương xưa đuổi nông dân ra khỏi đất đai của họ rồi trục lợi khi giá đất tăng lên do nhu cầu xây dựng căn hộ cho các thành phố không ngừng tăng. Qua nhiều chuyến đi về vùng nông thôn, bà cũng đã nhận thấy những hậu quả mà phát triển kinh tế thị trường tự do gây ra cho môi trường: các dòng sông bị ô nhiễm, cạn

kiệt dần. Để cứu vãn được chúng, nếu như còn có khả năng, sẽ phải tốn một khoản tiền khổng lồ.

Bà đã nhiều lần công khai nổi giận phản đối các công chức Nhà nước có trách nhiệm ngăn ngừa những sai phạm này nhưng lại bán mình để lấy những khoản tiền bôi trơn.

Nhã Như cũng dính líu vào đó, bà nghĩ. Mình không bao giờ được phép quên điều này.

Hồng Quế ngủ chập chờn, thường xuyên thức giấc. Những tiếng động lạ trong bóng tối thâm nhập những giấc mơ của bà, kéo bà lên bề mặt. Lúc mặt trời nhô lên phía chân trời, bà đã thức dậy và mặc xong quần áo.

Nhã Như bất ngờ đứng trước bà. Anh ta cười nói.

– Cả hai chúng ta đều thức dậy sớm. Không ai trong chị em mình có đủ kiên nhẫn ngủ quá nhu cầu tối thiểu.

– Chị xin lỗi vì đã tát em.

Nhã Như nhún vai và chỉ vào chiếc xe Jeep sơn xanh đậu trên đường gần khu lều.

– Chiếc xe đó dành cho chị, anh ta nói. Tài xế sẽ đưa chị đến một nơi cách chỗ này khoảng vài dặm. Ở đó chị sẽ được xem một cảnh tượng đặc sắc diễn ra vào buổi rạng đông bên một hồ nước: trong một lúc, những con dã thú và con mồi sẽ kết thân với nhau, chỉ trong thời gian uống nước.

Người tài xế da đen đứng bên cạnh chiếc ô tô.

– Anh ta tên là Arturo, Nhã Như nói. Một tài xế mà chị có thể tin tưởng được, anh ta biết nói tiếng Anh.

– Cảm ơn sự quan tâm của em, bà nói, nhưng chúng ta cần nói chuyện với nhau.

Nhã Như sốt ruột lảng tránh như muốn gạt bỏ sang một bên câu nói cuối cùng của chị mình.

– Chuyện trò hãy gác lại sau. Bình minh châu Phi rất ngắn ngủi. Cà phê và bữa ăn sáng ở trong giỏ.

Hồng Quế có cảm giác Nhã Như muốn tìm một con đường hòa giải. Việc xảy ra vào tối hôm qua không nên tồn tại giữa hai người nữa. Bà đi đến ô tô, chào người lái xe, một người đàn ông gầy gò, trạc tuổi trung niên, rồi chui vào xe, ngồi ở hàng ghế sau. Con đường chạy ngoằn ngoèo giữa các bụi cây lúp xúp gần như không lớn hơn một vệt hằn trên mặt đất khô. Bà để ý tránh những cành gai góc quệt vào sườn chiếc xe trống hoác.

Khi họ đến nơi, Arturo cho xe đỗ lại trên một gò nhô cao phía trên hồ nước và đưa cho bà một chiếc ống nhôm. Bên hồ nước là đám linh cầu và vài con trâu rừng đang uống nước. Arturo chỉ cho bà một đàn voi. Những con vật khổng lồ màu xám đang đứng đĩnh đi đến bên hồ nước như thể chúng từ mặt trời đến.

Hắn đây phải là sự khởi thủy của thời gian, bà nghĩ. Ở đây những con thú đã đến và đi trong hàng dài vô tận của nhiều thế hệ.

Arturo đưa cho bà một cốc cà phê mà không nói gì. Những con voi đến gần hơn, bụi tung mù mịt xung quanh thân hình to lớn của chúng.

Rồi sự tĩnh lặng nổ tung.

Arturo là người chết trước tiên. Viên đạn bắn trúng vào thái dương, xé rách một nửa khuôn mặt anh ta. Hồng Quế chưa kịp hiểu chuyện gì đã xảy ra thì cũng bị trúng một viên đạn vào quai hàm, viên đạn chệch xuống phía dưới phá nát cột sống. Những tiếng nổ khô khốc làm cho những con thú ngẩng đầu lên trong chốc lát và lắng nghe. Rồi sau đó chúng lại cúi đầu xuống, tiếp tục uống nước.

Nhã Như và Lưu Sinh đến bên chiếc xe Jeep, cùng hợp sức đẩy nó xuống sườn dốc. Lưu Sinh tước một can xăng lên chiếc xe. Hắn bước sang một bên, quệt diêm rồi vút vào chiếc xe, nó cháy bùng lên. Đám thú bỏ chạy tán loạn.

Nhã Như đợi ở cạnh chiếc xe Jeep của mình. Gã vệ sĩ bước vào xe chuẩn bị nổ máy. Nhã Như nhẹ nhàng tiến lại phía sau Lưu Sinh,



giáng mạnh thanh sắt vào gáy gã. Anh ta nện liên tục cho tới khi Lưu Sinh không cựa quậy nữa. Sau đó Nhã Như đẩy xác gã vệ sĩ vào đồng lửa vẫn còn đang cháy rừng rực.

Nhã Như phóng xe vào rừng và chờ đợi. Nửa tiếng sau anh ta quay về trại báo động cho mọi người biết ở chỗ hồ nước đã xảy ra một vụ tai nạn ô tô, chiếc xe Jeep phóng chồm lên cạnh một tảng đá, lăn xuống dốc rồi bốc cháy. Chị gái của anh ta và người lái xe bị chết cháy. Lưu Sinh tìm cách cứu họ cũng bị chết trong đám cháy.

Tất cả những người nhìn thấy Nhã Như ngày hôm ấy kể lại rằng Nhã Như đã bị sốc như thế nào. Nhưng đồng thời họ cũng lấy làm ngạc nhiên về khả năng tự chủ của anh ta. Anh ta không cho phép nỗi bất hạnh này làm cản trở đến công việc quan trọng của họ. Bộ trưởng Thương mại Kế bày tỏ lời chia buồn với Nhã Như và cuộc đàm phán vẫn được tiến hành theo kế hoạch.

Những xác chết đựng trong các túi ni lông màu đen được chuyển đi và được thiêu ở Harare. Báo chí ở Mozambique và cả ở Zimbabwe hoàn toàn không đăng tải sự kiện này. Gia đình Arturo sống ở thành phố Xai Xai, sâu dưới miền Nam Mozambique, sau cái chết của anh ta, đã nhận được khoản tiền trợ cấp suốt đời, tạo điều kiện cho sáu đứa con của anh ta được học hành, và vợ anh ta, chị Emilda, nhận được một ngôi nhà mới và một chiếc xe ô tô.

Nhã Như cùng đoàn đại biểu trở về Bắc Kinh đem theo hai bình tro. Vào buổi tối đầu tiên ở Bắc Kinh, anh ta bước ra sân thượng nằm cao trên thành phố và tung những nắm tro vào bóng tối.

Đôi khi anh ta cảm thấy thiếu người chị gái của mình cũng như những tranh luận giữa họ. Đồng thời anh ta biết rằng điều mình đã làm là tuyệt đối cần thiết.

Mã Lý âm thầm khóc bạn, đầy sợ hãi. Trong thâm tâm, bà không tin vào vụ tai nạn ô tô.

Trên bàn có một bông lan trắng. Nhã Như vuốt nhẹ ngón tay lên cánh hoa mềm mại.

Đó là một buổi sáng sớm, một tháng sau khi từ châu Phi trở về. Trên mặt bàn trước mặt Nhã Như là những bản vẽ ngôi nhà mà anh ta dự định xây dựng bên bãi biển gần thành phố Quelimane ở Mozambique. Bên lề những giao dịch quan trọng được tiến hành thành công giữa hai nước, Nhã Như đã tậu được, với điều kiện hết sức ưu đãi, một khu đất rộng còn hoang sơ ở gần bờ biển. Anh ta dự định sau này sẽ cho xây dựng một khu du lịch dành cho những người Trung Quốc giàu có đang ngày một nhiều và muốn đi du lịch khắp thế giới.

Vào hôm sau cái chết của Hồng Quế và Lưu Sinh, Nhã Như đã đứng rất lâu trên một đụn cát cao nhìn xuống Ấn Độ Dương. Anh ta được tỉnh trưởng tỉnh Zambezi và một kiến trúc sư Nam Phi dẫn đến đây. Bồng tỉnh trưởng chỉ một điểm nằm phía bên kia dải đá ngầm xa nhất. Họ nhìn thấy cột nước cá voi phun lên. Ông tỉnh trưởng cho biết thông thường ở đoạn bờ biển này thường có cá voi.

– Còn các núi băng trôi thì sao? Nhã Như hỏi. Đã có khi nào có những tảng băng của Bắc Cực trôi về tới đây chưa?

– Có một truyền thuyết, ông tỉnh trưởng nói. Vào thời cụ kỵ của chúng tôi, ngay trước khi những người da trắng đầu tiên, tức là những thủy thủ người Bồ Đào Nha, cập vào bãi biển của chúng tôi, người ta đã nhìn thấy những núi băng ở đây. Những người đàn ông chèo thuyền ra chỗ những tảng băng đó đã hoảng sợ trước cái lạnh của chúng. Sau này, khi những người da trắng từ những chiếc thuyền buồm khổng lồ của họ đặt chân lên đất liền, người ta nói núi băng là một điềm báo. Nước da của những người da trắng cũng trắng giống như màu sắc của núi băng, ý nghĩ và hành động của họ cũng lạnh lùng như vậy. Không thể biết được liệu truyền thuyết này có đúng hay không.

– Tôi sẽ xây dựng ở đây, Nhã Như nói. Sẽ không có nguy cơ những núi băng màu vàng giạt vào bãi biển này.

Trong ngày hôm đó một khu đất rộng lớn đã được đóng cọc phân ranh giới và sau đó được chuyển giao cho một trong những công ty thương mại của Nhã Như. Cái giá phải trả chỉ là tượng trưng. Với một khoản tiền phù hợp, Nhã Như cũng đã mua được sự đồng ý của tỉnh trưởng và lòng hiếu khách của những công chức quan trọng nhất, họ lo cho anh ta có được giấy phép xây dựng và mọi giấy tờ cần thiết khác mà không phải mất thời gian chờ đợi. Căn cứ vào những hướng dẫn mà Nhã Như cung cấp cho các kiến trúc sư Nam Phi, họ đã đưa ra những bản vẽ, kèm theo bức tranh màu thủy mặc, trên đó cho thấy tòa nhà kiểu cung điện của anh ta trông như thế nào. Nó gồm hai bể bơi được bơm nước biển vào, xung quanh bao bọc bởi những cây chà là và có một thác nước nhân tạo. Tòa nhà gồm mười một phòng, trần phòng ngủ có thể mở ra để ngắm bầu trời đầy sao. Ông tỉnh trưởng hứa sẽ lo việc kéo đường điện và điện thoại đến khu vực còn hẻo lánh này.

Khi ngồi ngắm tòa nhà châu Phi tương lai này, một ý nghĩ chợt đến với anh ta: sắp xếp một căn phòng cho Hồng Quế. Nhã Như muốn được thờ chị mình. Trong căn phòng này, giường phải luôn được dọn sẵn cho một vị khách không bao giờ đến. Mặc cho những gì đã xảy ra, chị vẫn luôn là một thành viên trong gia đình.

Điện thoại kêu rì rì. Nhã Như nhíu mày. Ai gọi vào lúc sáng sớm thế này? Anh ta nhấc máy.

– Có hai cảnh sát an ninh ở đây.

– Họ muốn gì?

– Đây là hai công chức cao cấp của ban lãnh đạo. Phân bộ đặc biệt. Họ nói việc rất quan trọng.

– Để khoảng mười phút nữa hãy cho họ vào.

Nhã Như gác máy và nín thở. Phân bộ đặc biệt chỉ phụ trách những vấn đề có liên quan đến các cán bộ chủ chốt của Nhà nước hoặc những đối tượng như Nhã Như, là những người đứng giữa thế lực chính trị và

kinh tế, những người xây dựng mới mà Đặng Tiểu Bình thấy được tương lai của đất nước trong họ.

Họ muốn gì? Nhã Như bước đến bên cửa sổ nhìn xuống thành phố trong làn sương mù buổi sáng. Liệu việc họ đến đây có liên quan đến cái chết của chị Hồng Quế không? Nhã Như nghĩ đến tất cả những kẻ thù biết mặt và giấu mặt của mình. Liệu có kẻ nào đó đã nhân cái chết của chị Hồng Quế để bôi nhọ thanh danh của anh ta? Hoặc dù đã rất cẩn thận, nhưng anh ta đã bỏ sót điều gì đó? Anh ta biết Hồng Quế đã nói chuyện với một kiểm sát viên, nhưng những người đó thuộc chức năng một cơ quan hành chính hoàn toàn khác.

Rất có thể chị ấy đã nói chuyện với người nào nữa mà anh ta không biết.

Nhã Như không tìm ra được lời giải thích. Anh ta không còn cách nào khác là nghe xem hai người này muốn gì ở mình. Nhã Như biết những người của bên an ninh thường tiến hành các cuộc “thăm hỏi” vào buổi tối muộn hoặc lúc sáng sớm. Đó là tàn tích từ thời người ta còn áp dụng kỹ thuật của công tác an ninh bên Liên Xô dưới thời Stalin, Mao Trạch Đông đã nhiều lần đề nghị cũng nên học tập FBI, nhưng đã không thực hiện được.

Khi mười phút đã qua, Nhã Như xếp bản vẽ vào ngăn kéo, rồi đến ngồi vào phía sau bàn làm việc. Hai người đàn ông mà bà Sen mời vào phòng làm việc của Nhã Như trạc tuổi sáu mươi. Điều này lại càng khiến Nhã Như bất an. Thông thường người ta chỉ phái đi những nhân viên còn trẻ. Hai người đàn ông lớn tuổi này hẳn phải là những người có nhiều kinh nghiệm, và như vậy có nghĩa là sự việc sẽ rất nghiêm trọng.

Nhã Như đứng dậy, cúi chào và mời hai người ngồi. Anh ta không hỏi tên hai người vì biết rằng bà Sen đã kiểm tra kỹ lưỡng chứng minh thư của họ rồi.

Họ ngồi xuống bộ bàn ghế bên cạnh cửa sổ. Nhã Như mời họ uống trà, nhưng cả hai đều từ chối.

Người đàn ông lớn tuổi hơn lên tiếng. Nhã Như nhận ra chất giọng đặc Thượng Hải.

– Chúng tôi nhận được nhiều thông tin. Chúng tôi không thể nói ra ai đã cung cấp những tin này. Chúng rất chi tiết, chính vì vậy mà chúng tôi không được phép bỏ qua. Chúng tôi đã nhận được chỉ thị phải can thiệp nghiêm ngặt hơn nữa vào những vụ việc vi phạm luật pháp và các quy định của Nhà nước.

– Bản thân tôi cũng từng đề nghị phải áp dụng những điều luật nghiêm khắc hơn để chống tham nhũng, Nhã Như nói. Tôi không hiểu vì lý do gì mà hai ông lại đến gặp tôi?

– Chúng tôi được thông báo rằng công ty xây dựng của anh đã tìm cách kiếm các mối lợi bằng những biện pháp bất hợp pháp.

– Các mối lợi bất hợp pháp?

– Các cuộc đổi chác công vụ bất hợp pháp.

– Nói cách khác là tham nhũng và hối lộ? Là đút lót?

– Những thông tin mà chúng tôi có rất chi tiết. Chúng tôi thấy lo ngại. Chỉ thị chúng tôi nhận được là phải làm gắt gao.

– Như vậy là sáng sớm hôm nay các vị đến để thông báo cho tôi biết rằng có người nghi ngờ các công ty xây dựng của tôi có hoạt động bất hợp pháp?

– Chúng tôi đến để báo cho anh biết thì đúng hơn.

– Và cũng là để tôi đề phòng?

– Có thể nói như vậy.

Nhã Như đã hiểu. Anh ta có nhiều bạn bè có quyền lực, ngay cả trong văn phòng chống tham nhũng. Đó là lý do tại sao lại có lời nhắc nhở trước này, để anh ta không bị bất ngờ. Để anh ta xóa bỏ dấu vết, ngụy tạo bằng chứng hoặc tìm những lời giải thích, trong trường hợp bản thân Nhã Như không ý thức được các sự việc.

Anh ta nghĩ đến viên đạn bắn vào gáy đã giết chết Trương Vĩnh Xan. Dường như hai người đàn ông này vừa mới mang đến một điềm

báo lạnh lùng, giống như núi băng trôi trong truyền thuyết châu Phi.

Nhã Như lại thăm hỏi liệu có phải mình đã không thận trọng. Có thể có lúc nào đó anh ta đã tỏ ra quá tự tin, để cho sự kiêu ngạo thắng thế. Những sai lầm như vậy luôn phải trả giá.

– Tôi muốn biết nhiều hơn nữa, Nhã Như nói. Điều các vị nói ra quá chung chung và mơ hồ.

– Chúng tôi không được phép.

– Những tổ giác này phải đến từ đâu chứ, ngay cả khi chúng là nặc danh.

– Chúng tôi cũng không được phép trả lời câu hỏi này.

Nhã Như suy nghĩ rất lung, liệu có nên đưa tiền cho hai người đàn ông này để biết được các thông tin chính xác hơn về những lời tố giác. Nhưng anh ta không dám mạo hiểm. Một trong hai người có thể đem theo máy ghi âm bí mật để ghi lại cuộc trao đổi này. Có nguy cơ họ là những người ngay thật, không nhận của đút lót như rất nhiều công chức Nhà nước khác.

– Những tổ giác này hoàn toàn không có cơ sở, Nhã Như nói. Tôi biết ơn các vị đã cho tôi biết về những lời đồn đại xung quanh tôi và các công ty của tôi. Nhưng đằng sau những lời tố cáo nặc danh thường là những điều sai lệch, ghen ghét và dối trá có ý đồ. Các công ty của tôi trong sạch, tôi có được sự ủng hộ của Nhà nước, của Đảng và tôi không do dự khẳng định rằng tôi giám sát công việc của mình đủ chặt chẽ để biết liệu các giám đốc điều hành có làm theo chỉ thị của mình hay không. Tuy nhiên, tôi không thể nói trước được liệu nhân viên của mình có phạm những sai sót nhỏ nhặt gì hay không, khi tôi quản lý trên ba chục ngàn người...

Nhã Như đứng dậy tỏ ý cho rằng cuộc trao đổi kết thúc ở đây. Hai người đàn ông cúi chào rồi rời khỏi văn phòng. Khi họ đã đi, Nhã Như gọi điện thoại cho bà Sen.

– Bà nói với bên an ninh tìm hiểu xem hai người đó là ai. Và ai là sếp của họ. Sau đó bà triệu tập chín giám đốc điều hành đến dự cuộc

họp trong ba ngày tới. Không ai được phép vắng mặt. Ai không đến dự, lập tức bị buộc thôi việc. Bà nói rõ với họ như vậy!

Nhã Như đang tức giận. Việc anh ta làm đâu có tồi tệ hơn những gì người khác làm. Một người như Trương Vĩnh Xan quá tham lam, lại còn keo kiệt đối với các quan chức đã dựng mình lên. Ông ta đúng là một kẻ “giơ đầu chịu báng” thích họp, chẳng ai thương tiếc ông ta.

Nhã Như dành nhiều tiếng đồng hồ sau đó lập ra kế hoạch cho những công việc tiếp theo của mình, đồng thời cũng nghĩ xem ai trong đám cấp dưới là người đã mở “tủ thuốc độc” và tung ra thông tin về các phi vụ làm ăn bất hợp pháp hoặc về các họp đồng bí mật của anh ta.

Ba ngày sau, giám đốc điều hành các công ty của Nhã Như tập trung ở một khách sạn tại Bắc Kinh. Nhã Như đã thận trọng chọn nơi họp mặt. Đó là khách sạn mà tại đó mỗi năm một lần anh ta tổ chức một cuộc họp, nhằm phết truất một vài giám đốc và để cho các giám đốc khác thấy rằng không có ai trong số họ là chắc chắn. Mười giờ sáng các giám đốc đã có mặt. Ai cũng tỏ ra lo lắng. Không một ai được biết trước lý do của cuộc họp bất thường này. Nhã Như để họ phải chờ một tiếng đồng hồ rồi mới xuất hiện. Chiến lược của anh ta rất đơn giản. Sau khi đã thu điện thoại di động của từng người để họ không liên lạc được với ai nữa, anh ta bố trí để mỗi người vào một phòng riêng dưới sự giám sát của một vệ sĩ do bà Sen cắt cử. Sau đó Nhã Như cho gọi từng người một vào và nói ngay cho họ biết những gì anh ta nghe được cách đây một vài ngày. Họ có thể nói gì về việc này? Họ có lời giải thích nào không? Có điều gì mà họ muốn Nhã Như biết? Anh ta quan sát nét mặt của họ kỹ càng và tìm cách nhận ra liệu có ai trong số họ tỏ ra là đã có sự chuẩn bị trước không. Nếu có trường họp như vậy, Nhã Như có thể biết chắc rằng chỗ rò rỉ nằm ở đâu.

Nhưng tất cả giám đốc đều tỏ ra ngạc nhiên như nhau, thậm chí còn tỏ ra bất bình. Khi ngày làm việc kết thúc, Nhã Như phải thừa nhận

rằng mình đã không tìm ra được kẻ có tội. Anh ta để mọi người ra về và không có ai bị sa thải. Nhưng họ nhận được lệnh là phải tìm trong công ty của mình ai là “con chuột chũi”.

Mãi tới một vài ngày sau, khi bà Sen báo cáo cho Nhã Như biết nguồn tin an ninh của mình đã biết được những gì về hai người đàn ông bên ngành an ninh, Nhã Như mới hiểu ra là mình đã tính toán hoàn toàn sai. Nhã Như vẫn đang ngồi trước các bản vẽ của tòa nhà ở châu Phi khi bà Sen bước vào. Anh ta bảo bà ngồi xuống rồi xoay chiếc đèn bàn ra để mặt mình khuất trong bóng tối. Anh ta thích nghe bà Sen nói. Dù bà có báo cáo về những diễn biến kinh tế, hoặc về những chỉ thị mới của một cơ quan Nhà nước, anh ta luôn có cảm giác rằng bà đang kể cho mình nghe một câu chuyện cổ tích. Có gì đó trong giọng nói của bà khơi gợi trong anh ta ký ức về tuổi thơ lâu nay đã bị quên lãng.

Nhã Như thường xuyên giáo huấn bà Sen, trước tiên phải bắt đầu với những điều quan trọng mà bà muốn báo cáo. Tối nay bà cũng làm đúng như vậy.

– Hình như việc này có liên quan đến người chị gái quá cố của cậu. Bà Quế có quan hệ gần gũi với lãnh đạo văn phòng an ninh quốc gia. Tên của bà ấy xuất hiện khi chúng ta cho điều tra về hai người đàn ông đã có mặt ở đây buổi sáng mấy hôm trước để tìm ra những người đứng giật dây trong hậu trường. Có vẻ như những thông tin này chỉ mới được tung ra cách đây không lâu sau cái chết bi thảm của bà ấy. Nhưng rõ ràng có một ai đó ở cương vị cao nhất đã bật đèn xanh.

Nhã Như nhận ra bà Sen bỗng nhiên do dự.

– Sao, có chuyện gì, bà hãy nói ra đi.

– Tôi không chắc chắn...

– Chẳng có điều gì chắc chắn cả. Có ai ở cấp cao nhất ra lệnh điều tra về tôi không?



– Điều này thì tôi không được biết. Nhưng có tin đồn rằng người ta không hài lòng với bản án dành cho Trương Vĩnh Xan.

Nhã Như bỗng thấy lạnh khắp người. Anh ta đã hiểu ra trước khi bà Sen tiếp tục nói:

– Lại cần thêm một kẻ giơ đầu chịu báng nữa sao? Họ lại muốn có một kẻ giàu có khác bị đốn hạ để có thể nói rằng đây không chỉ là trừng trị để nêu gương mà một chiến dịch chống tham nhũng thực sự đã được khởi động?

Bà Sen gật đầu. Nhã Như ngả người sâu hơn vào bóng tối.

– Bà còn muốn nói gì nữa không?

– Không.

– Vậy bà có thể đi được rồi.

Bà Sen ra khỏi phòng. Nhã Như ngồi bất động, buộc mình phải thật bình tĩnh mà suy nghĩ, mặc dù anh ta chỉ muốn bỏ trốn ngay lúc này.

Khi Nhã Như đi đến quyết định khó khăn là phải giết Hồng Quế, ngay trong chuyến đi châu Phi, anh ta không nghi ngờ rằng bà vẫn luôn là người chị trung thực của mình. Tuy rằng họ không thống nhất được với nhau, thường hay tranh luận với nhau. Trong căn phòng này, ngay vào hôm sinh nhật anh ta, chẳng phải chính bà đã lên án Nhã Như là kẻ hối lộ đó sao?

Ngày đó Nhã Như đã hiểu ra rằng sẽ có một ngày Hồng Quế sẽ là mối nguy hiểm lớn đối với mình. Lẽ ra anh ta phải hành động sớm hơn. Ngày đó Hồng Quế đã phản bội anh ta.

Nhã Như lắc đầu chậm chậm. Bỗng nhiên anh ta hiểu ra rằng Hồng Quế đã sẵn sàng làm với anh ta cái việc mà anh ta đã làm với bà. Dĩ nhiên, bà Hồng Quế không nghĩ đến việc tự mình cầm vũ khí hướng vào em trai. Bà chỉ muốn đi theo con đường đúng đắn, con đường dựa trên pháp luật của Nhà nước. Nhưng nếu như Nhã Như bị kết án tử

hình, thì bà cũng sẽ thuộc vào số những người coi bản án dành cho anh ta là đúng.

Nhã Như nhớ đến Lại Trường Hưng, một người bạn của mình cách đây một vài năm đã phải vội vàng rời khỏi Trung Quốc, khi cảnh sát vào một buổi sáng đã cùng một lúc vây ráp tất cả các công ty của anh ta. Trường Hưng có máy bay riêng luôn sẵn sàng cất cánh, và chính vì vậy mà anh ta đã cùng với gia đình thoát ra được nước ngoài. Anh ta đã đến Canada, một nước không có hiệp định dẫn độ với Trung Quốc. Xuất thân từ một gia đình nông dân nghèo, Trường Hưng đã giành được những thành công đáng ngạc nhiên khi Đặng Tiểu Bình cho thực hiện chính sách thị trường tự do. Thoạt đầu Trường Hưng làm nghề khoan giếng, sau đó trở thành người buôn lậu. Với tất cả số tiền có được, Trường Hưng đã đầu tư vào các công ty sau đó một vài năm đã đem lại cho anh ta một tài sản khổng lồ.

Nhã Như đã có lần đến thăm Trường Hưng ở “Thái ấp đỏ” mà anh ta đã cho xây dựng ở Hạ Môn quê hương mình. Ở đó Trường Hưng cũng cho xây dựng nhiều nhà dưỡng lão và trường học. Ngay từ hồi đó Nhã Như đã khó chịu trước thói phô trương ngạo mạn của Trường Hưng và đã cảnh báo anh ta rằng cái tính phô trương này sẽ có ngày quật ngã anh ta. Hai người đã ngồi với nhau một buổi tối để tranh luận về thói ghen ghét đối với những tên tư bản mới, “Triều đại thứ hai”, Trường Hưng đã gọi một cách mỉa mai như vậy, nhưng chỉ trước mặt những người tin cậy.

Vậy nên Nhã Như đã không hề tỏ ra ngạc nhiên khi “lâu đài bằng giấy” ấy sụp đổ và Lại Trường Hưng phải bỏ trốn. Sau đó, một loạt nhân vật khác có dính líu đến việc làm ăn của anh ta bị tử hình. Những kẻ còn lại, dễ phải đến hàng trăm người, đã bị tống vào tù. Đồng thời những kỷ niệm về một người đàn ông hào phóng vẫn tiếp tục sống trong lòng quê hương nghèo khổ của Lại Trường Hưng. Nhã Như cũng biết hiện nay Lại Trường Hưng đang viết hồi ký, điều này khiến cho nhiều công chức lãnh đạo và chính khách của Trung Quốc vô

cùng lo sợ. Lại Trường Hưng biết quá nhiều, và ở Canada, không ai có thể ngăn anh ta được.

Còn Nhã Như không nghĩ đến việc bỏ trốn.

Một ý nghĩ khác khiến anh ta băn khoăn. Mã Lý, bạn của Hồng Quế đã có mặt trong chuyến đi sang châu Phi. Nhã Như biết hai người đó đã nhiều lần chuyện trò với nhau rất lâu. Ngoài ra, Hồng Quế còn là người thích viết thư.

Có thể Mã Lý đã nhận được một thông điệp từ Hồng Quế? Sau đó thông điệp này được chuyển tới chỗ cơ quan an ninh? Điều này Nhã Như không biết. Nhưng anh ta sẽ tìm ra được.

Ba hôm sau, trong khi một cơn bão cát mạnh ập vào Bắc Kinh như dông nào cũng thế, Nhã Như tìm đến văn phòng của bà Mã Lý ở gần công viên “Thần mặt trời”. Bà Mã Lý làm việc ở phòng phân tích kinh tế, vị trí của bà không cao tới mức có thể gây khó khăn cho anh ta được. Bà Sen, thông qua đám mật thám, đã tìm hiểu được rằng Mã Lý không có bất kỳ mối liên hệ trực tiếp nào với một quan chức cấp cao. Bà Mã Lý có hai người con. Người chồng hiện nay của bà chỉ là một công chức bàn giấy bình thường. Sau khi người chồng trước chết trong cuộc chiến tranh với Việt Nam vào những năm 1970, bà đã tái giá mà không gặp bất kỳ sự phản đối nào và sinh thêm được một đứa con nữa. Hai người con lớn đã có cuộc sống riêng. Chị con gái đầu hiện là giảng viên ở Học viện Sư phạm, anh con trai thứ hai là bác sĩ phẫu thuật của một bệnh viện ở Thượng Hải. Cả hai người này đều không có những quan hệ có thể làm cho Nhã Như thiếu yên tâm. Nhã Như cũng lưu ý rằng bà Mã Lý dành rất nhiều thời gian cho hai đứa cháu nhỏ.

Bà Sen đã dàn xếp được một cuộc hẹn giữa Mã Lý và Nhã Như. Bà ta không nói ra lý do của cuộc thăm hỏi này mà chỉ bảo việc này rất cấp bách và hình như có liên quan đến chuyến đi châu Phi. Điều này sẽ khiến bà ta lo lắng, Nhã Như thầm nghĩ, khi ngồi ở hàng ghế sau xe

ngắm nhìn phố xá. Vì Nhã Như còn nhiều thời gian nên lái xe theo yêu cầu đã cho xe chạy đường vòng qua các công trường mà Nhã Như có góp cổ phần. Trước hết là những khu mới xây dựng cho Thế vận hội sắp tới. Ngoài ra Nhã Như còn có một hợp đồng lớn cho việc phá bỏ một khu dân cư để nhường chỗ cho những con đường cao tốc nối liền các công trình thể thao mới. Nhã Như tính rằng tiền lời sẽ lên tới hàng tỉ, ngay cả khi phải chi cho các quan chức và chính khách mỗi tháng hàng triệu nhân dân tệ.

Nhã Như quan sát cái thành phố đang biến đổi trước mắt anh ta. Rất nhiều người phản đối vì cho rằng làm thế Bắc Kinh sẽ mất đi linh hồn của mình. Nhã Như đã chi tiền để các nhà báo viết những bài báo dài về chuyện những khu ổ chuột sẽ biến mất, những khoản đầu tư sau khi Thế vận hội đã qua sẽ thay đổi diện mạo của Trung Quốc, sẽ đem lại lợi ích cho tất cả mọi người. Nhã Như chỉ muốn là người đứng trong hậu trường nhưng một vài lần anh ta đã phải nhượng bộ sự quyền rũ phù phiếm, đã xuất hiện ở một vài chương trình truyền hình tranh luận về sự biến đổi của Bắc Kinh. Anh ta luôn tranh thủ những dịp ấy để ám chỉ đến những công trình từ thiện của mình, duy trì một số công viên hoặc trùng tu các công trình kiến trúc trong thành phố. Theo những nhà báo mà Nhã Như đã trả cho rất hậu, anh ta dù thuộc vào nhóm những người giàu nhất Trung Quốc nhưng lại có danh tiếng rất tốt.

Anh ta luôn nghĩ đến việc giữ gìn danh tiếng này, dù phải trả bằng bất kỳ giá nào.

Chiếc xe dừng lại trước một tòa nhà tồi tàn nơi bà Mã Lý làm việc. Bà đứng ở cầu thang đón Nhã Như.

– Chị Mã Lý, Nhã Như nói. Lúc này, được gặp lại chị tôi thấy như thể chuyến đi châu Phi, chuyến đi đã kết thúc buồn như vậy, đã nằm lại ở phía sau xa vô cùng tận.

– Ngày nào tôi cũng nghĩ đến chị Quế, bà Mã Lý nói. Nhưng tôi đã để cho chuyến đi châu Phi biến mất lâu rồi. Dù gì thì tôi cũng không

bao giờ quay lại nơi đó nữa.

– Như chị biết đấy, ngày nào chúng ta cũng ký kết nhiều hợp đồng mới với các nước trên lục địa Phi châu. Chúng ta đang thiết lập những cầu nối vững vàng cho tương lai.

Hai người vừa đi vừa nói chuyện trên dãy hành lang dẫn đến căn phòng làm việc tồi tàn của bà Mã Lý, trong phòng có cửa sổ nhìn ra mảnh vườn nhỏ xung quanh xây tường chắn, ở giữa vườn là một đài phun nước khô cạn trong mùa đông.

Bà Mã Lý pha trà. Nhã Như nghe có tiếng ai cười ở đâu đó.

– Tìm kiếm sự thật cũng giống như nhìn một con ốc sên đuổi theo một con ốc sên khác, Nhã Như nói, về suy tư. Chúng tiến lên rất chậm nhưng rất kiên trì.

Nhã Như nhìn xoáy vào mắt bà Mã Lý. Nhưng bà không lẩn tránh ánh mắt của anh ta.

– Hiện đang có nhiều tin đồn, Nhã Như tiếp tục nói. Những tin đồn mà tôi không muốn nghe, về các công ty của tôi, về tính cách của tôi. Tôi muốn biết chúng đến từ đâu. Tôi phải tìm ra kẻ muốn làm hại mình. Đây không phải do những kẻ ghen tị thông thường, mà là kẻ nào đó khác, với một động cơ mà tôi không hiểu.

– Vì sao tôi lại muốn phá hoại danh tiếng của cậu?

– Tôi không muốn nói vậy. Câu hỏi mang một ý khác: ai là người đã biết được điều gì đó, ai là người có thông tin và đã tung ra?

– Tôi và cậu, chúng ta sống trong hai thế giới tách biệt. Tôi là công chức Nhà nước, còn cậu có những vụ làm ăn lớn mà người ta thường thấy trên báo chí. So với tôi, một người phụ nữ tầm thường, thì cậu sống một cuộc sống mà tôi không thể tưởng tượng được.

– Nhưng chị biết chị Quế, Nhã Như khẽ nói. Chị gái của tôi, một người rất gần gũi với tôi. Sau một thời gian dài, hai chị mới lại tình cờ gặp nhau trong chuyến sang châu Phi. Hai người đã nói chuyện với nhau, chị ấy đã vội vàng tìm gặp chị vào một buổi sáng sớm. Sau khi tôi trở về Bắc Kinh thì bắt đầu có những tin đồn.

Mã Lý tái mặt.

– Cậu đổ lỗi cho tôi là người công khai nói xấu cậu ư?

– Chị phải hiểu rằng trong hoàn cảnh của tôi, tôi không được phép nóng vội kết tội ai. Tôi đã tiến hành tìm hiểu, và cuối cùng, sau khi đã loại bỏ hết khả năng này đến khả năng khác, tôi chỉ thấy có một cách lý giải duy nhất. Một người duy nhất.

– Là tôi?

– Thật ra thì không phải là chị.

– Cậu cho rằng đó là chị Quế ư? Chị ruột của cậu?

– Ai cũng biết rằng chúng tôi có những quan điểm khác nhau về tương lai của Trung Quốc, về sự phát triển chính trị, kinh tế, lịch sử.

– Nhưng hai chị em cậu đâu có thù địch nhau.

– Sự thù địch có thể phát triển qua một thời gian dài, khó nhận thấy, giống như đất trời lên khỏi mặt biển. Sự thù địch bỗng xuất hiện mà người ta hoàn toàn không biết nó ở đâu ra.

– Tôi không thể hình dung được rằng Hồng Quế lại dùng đòn tố cáo nặc danh để làm vũ khí.

– Tôi biết. Vì lẽ đó mà tôi phải đặt câu hỏi. Thực ra hai chị đã nói với nhau về chuyện gì?

Bà Mã Lý không trả lời. Nhã Như tiếp tục nói không để cho Mã Lý có thời gian suy nghĩ.

– Có thể là có một bức thư, anh ta thông thả nói. Một bức thư mà chị ấy đã trao cho chị vào buổi sáng hôm đó. Tôi nói đúng chứ? Một bức thư? Hay là một tài liệu? Tôi cần phải biết chị ấy đã nói gì với chị và đã đưa cái gì cho chị.

– Chị Quế hình như có linh cảm là mình sẽ chết. Tôi đã trần trở suy nghĩ, nhưng không thể hiểu được điều gì đã khiến chị ấy bất an đến mức đó. Chị Quế chỉ nhờ tôi giúp thiêu xác của chị ấy, khi chị ấy chết. Chị ấy muốn đem tro rắc lên mặt hồ trong công viên Hồ Long Đàm. Ngoài ra chị ấy nhờ tôi lưu tâm đến số tài sản ít ỏi và sách vở, còn

quần áo thì đem quyên góp cho hội từ thiện cũng như các đồ đạc khác trong nhà.

– Chỉ có vậy thôi sao?

– Phải.

– Chị ấy nói hay viết ra những điều này?

– Chị ấy viết ra trong một bức thư. Tôi đã đọc nhiều lần, gần như đã thuộc lòng. Sau đó tôi đã đốt bỏ nó.

– Đó là một bức thư ngắn?

– Phải.

– Nhưng vì sao chị lại phải đốt nó đi? Người ta gần như có thể coi đó là một chúc thư.

– Chị ấy đã bảo sẽ không ai nghi ngờ những lời tôi nói.

Nhã Như tiếp tục nhìn xoáy vào gương mặt bà Mã Lý trong lúc suy nghĩ về những lời nói của bà.

– Chị ấy không đưa cho chị một bức thư nào khác ư?

– Bức thư nào vậy?

– Câu hỏi hay lắm. Có thể là một bức thư mà chị đã không đốt bỏ? Nhưng đã trao nó cho một ai khác?

– Tôi chỉ nhận được lá thư chị ấy viết cho tôi. Tôi đã đốt bỏ. Không có thêm gì nữa.

– Sẽ chẳng hay ho gì nếu như chị nói dối đâu.

– Vì sao tôi lại phải nói dối chứ?

Nhã Như dang hai tay.

– Tại sao con người nói dối? Vì sao chúng ta có khả năng này? Vì trong một số trường hợp, nó mang lại ưu thế cho chúng ta. Dối trá và sự thật là vũ khí, chị Mã Lý ạ, người có năng lực có thể sử dụng chúng, giống như những người khác vung kiếm với kỹ xảo tuyệt chiêu của họ.

Nhã Như vẫn tiếp tục nhìn, không để bà Mã Lý có thể tránh được ánh mắt anh ta.

– Chị không còn gì để nói với tôi nữa hay sao?

– Không. Hoàn toàn không còn gì nữa.

– Chắc chị cũng rõ, dù sớm hay muộn thì tôi cũng sẽ tìm được ra điều mình muốn biết.

– Phải.

Nhã Như gật gật đầu về ngẫm nghĩ.

– Chị là người tốt, chị Mã Lý. Tôi cũng vậy. Nhưng tôi cũng có thể độc ác và tàn nhẫn nếu như tôi bị buộc phải thế.

– Tôi không có gì phải giấu.

– Thế thì tốt. Chị có hai đứa cháu, chị Mã Lý. Chị yêu chúng hơn tất cả mọi thứ.

Anh ta thấy bà Mã Lý giật mình.

– Cậu đe dọa tôi đấy à?

– Hoàn toàn không. Tôi chỉ muốn tạo cho chị một cơ hội nói ra sự thật thôi.

– Tôi đã nói hết mọi chuyện. Chị Quế đã nói với tôi về những lo lắng của chị ấy về tương lai của Trung Quốc. Nhưng không hề nói về những mối đe dọa, về những lời đồn đại.

– Vậy thì tôi tin chị.

– Cậu làm cho tôi sợ đấy, Nhã Như. Tôi có thực đáng phải như vậy không?

– Tôi đâu có làm gì cho chị phải sợ. Chị Quế đã làm điều đó, với bức thư đầy bí mật của chị ấy. Hãy nói với linh hồn chị ấy như vậy. Cầu xin chị ấy giải cứu chị khỏi sự bất an của mình.

Nhã Như đứng lên. Bà Mã Lý tiễn anh ta ra tới ngoài đường. Anh ta bắt tay bà rồi biến mất vào trong xe. Bà Mã Lý quay về phòng làm việc và nôn thốc nôn tháo vào chậu rửa tay.

Bà ngồi vào bàn làm việc, cố nhớ lại những câu chữ trong bức thư của Hồng Quế mà bà đã cất trong ngăn kéo.



Bà ấy chết trong tức giận, Mã Lý nghĩ. Ai mà biết được chuyện gì đã xảy ra với bà ấy. Cho đến nay không một ai có thể đưa ra cho mình một lời giải thích chấp nhận được về vụ tai nạn ô tô ấy.

Chiều hôm đó, trước khi rời văn phòng, Mã Lý xé vụn bức thư, thả vào bệ xí rồi xả nước cho trôi đi. Bà vẫn còn lo sợ và biết rằng từ nay mình sẽ phải sống với lời đe dọa của Nhã Như. Hắn sẽ luôn ở kề bên cạnh bà.

Cả đêm Nhã Như có mặt trong khu giải trí Sanlitun, một trong những hộp đêm của anh ta ở Bắc Kinh. Anh ta nằm thư giãn trong một căn phòng phía sau, để Lý Vũ, một cô tiếp viên của câu lạc bộ, xoa bóp gáy. Lý Vũ cũng ở trạc tuổi Nhã Như. Đã có thời cô là nhân tình của Nhã Như, một trong số ít những người được anh ta tin tưởng. Nhưng Nhã Như luôn suy nghĩ rất kỹ những gì nên nói và không nên nói cho Lý Vũ biết. Mặc dù anh ta biết Lý Vũ là người trung thành.

Lý Vũ đều cởi hết quần áo mỗi lần xoa bóp cho Nhã Như. Tiếng nhạc của hộp đêm từ đâu đó vọng tới qua các bức tường. Căn phòng với ánh đèn mờ ảo, giấy dán tường màu đỏ.

Nhã Như nhớ lại cuộc nói chuyện với bà Mã Lý. Tất cả đều từ chị Quế mà ra, anh ta nghĩ. Mình đã mắc một sai lầm lớn khi tin vào lòng trung thành của chị ấy với gia đình lâu như vậy.

Lý Vũ xoa bóp lưng cho Nhã Như. Bỗng anh ta giữ tay cô lại và ngồi dậy.

– Em làm đau anh à?

– Anh cần ở một mình, Lý Vũ. Anh sẽ cho gọi em sau.

Cô rời khỏi phòng trong lúc Nhã Như cuốn lên người tấm chăn. Anh ta tự hỏi liệu có phải mình đã nhầm không. Vấn đề có lẽ không phải nằm trong bức thư mà chị Quế đã trao cho Mã Lý.

Giả sử, chị Quế đã nói chuyện với ai đó, anh ta nghĩ. Với một nhân vật mà chị ấy cho rằng mình sẽ không bao giờ nghĩ tới.

Bỗng Nhã Như nhớ ra, Chấn Bình đã nhắc đến một nữ thám phán người Thụy Điển, người mà chị Quế rất quan tâm đến. Điều gì có thể ngăn được chị Quế nói chuyện với bà ta? Khinh suất mà tiết lộ cho bà ta biết?

Nhã Như nằm dài ra. Giờ đây gáy anh ta đã đỡ đau hơn, nhờ vào những ngón tay nhạy cảm của Lý Vũ.

Ngay sáng hôm sau Nhã Như đã gọi điện thoại cho Chấn Bình. Anh ta đi thẳng vào việc.

– Anh đã từng nhắc đến một nữ thám phán người Thụy Điển, người có quan hệ với chị gái tôi. Đó là chuyện gì vậy?

– Bà ta tên là Birgitta Roslin. Chuyện liên quan đến một vụ tấn công. Chúng tôi đã cho triệu mời bà ta đến để nhận diện can phạm, nhưng bà ta không làm được. Ngược lại bà ta đâu như có chuyện với chị Hồng Quế về vụ giết nhiều người ở Thụy Điển, mà theo bà ta thì do một người đàn ông Trung Quốc thực hiện.

Máu Nhã Như đông cứng lại. Điều này còn tồi tệ hơn là anh ta nghĩ. Mỗi đe dọa này còn nghiêm trọng hơn là những nghi ngờ hối lộ, tham nhũng. Nhã Như vội vàng kết thúc cuộc nói chuyện bằng một vài lời xã giao lịch sự với Chấn Bình.

Anh ta đã bắt đầu suy tính đến những việc mình buộc phải tự thực hiện, vì giờ đây Lưu Sinh không còn nữa.

Chừng nào việc này còn chưa xong thì Hồng Quế vẫn hoàn toàn chưa bị đánh bại.

# Khu phố Tàu, Luân Đôn

Trời mưa đúng vào buổi chiều tháng Năm ấy, khi Birgitta Roslin tiễn gia đình mình đến Copenhagen để từ đó họ bay đến du lịch tại Madeira. Sau nhiều lần cân nhắc, bàn bạc với Staffan, bà đã quyết định không cùng đi với họ. Sau một đợt nghỉ ốm kéo dài vào đầu năm, bà thấy không thể đến gặp chánh án xin nghỉ phép nữa. Tòa sơ thẩm vẫn còn chồng chất các vụ kiện chưa được xử xong. Birgitta Roslin đơn giản là không thể vắng mặt được.

Họ đến Copenhagen trong cơn mưa tầm tã. Staffan, vốn được đi tàu hỏa miễn phí, đã đề xuất ông sẽ đi tàu một mình đến Kastrup, nơi các con đợi, nhưng bà vẫn khẳng khái muốn được lái xe đưa ông đi. Bà giơ tay vẫy chào khi ông và các con bước vào phòng chờ bay. Bà vào một quầy cà phê ngồi nhìn dòng người đang kéo những chiếc va li và cả những ước mơ của họ vào trong các chuyến đi đến những miền đất xa xôi.

Trước đây mấy ngày bà đã gọi điện cho Karin Wiman báo tin mình sẽ đến Copenhagen. Mặc dù đã mấy tháng trôi qua từ khi ở Bắc Kinh trở về, hai người vẫn chưa có điều kiện gặp lại nhau. Sau đợt nghỉ ốm, Birgitta Roslin đã lao đầu vào công việc. Ông Hans Mattsson đón bà bằng đôi cánh tay dang rộng, đặt một lọ hoa tươi lên bàn làm việc của bà và ngay sau đó là một chồng hồ sơ khởi tố chờ xét xử. Cũng đúng vào thời gian này, khoảng cuối tháng Ba, một chiến dịch truyền thông trên các báo miền Nam Thụy Điển đã được phát động nhằm tố cáo việc phải chờ đợi quá lâu ở các tòa án Thụy Điển. Các đồng nghiệp của Birgitta Roslin chê trách Hans Mattsson, người mà họ cho rằng quá rụt rè, không đủ cương quyết đứng ra giải thích rằng tình trạng bất lực hiện nay ở các tòa án là do các cơ quan hành pháp, trước hết là chính phủ đã phạm sai lầm trong chính sách tiết kiệm của mình. Trong khi các đồng nghiệp rên rỉ, tức giận vì công việc chồng chất thì

Birgitta lại cảm thấy vui mừng khi được trở về với công việc. Bà thường hay ngồi lại làm việc rất muộn đến nỗi ông Hans Mattsson phải thận trọng nhắc nhở bà không được làm việc quá sức kéo rồi lại ốm.

Vì vậy bà chỉ nói chuyện điện thoại với Karin Wiman. Đã hai lần họ tìm cách gặp nhau, nhưng lần nào cũng bị trục trặc. Giờ đây, cuối cùng Birgitta cũng có được một ngày rảnh rỗi. Đêm nay bà có thể ngủ lại ở chỗ Karin Wiman. Bà đem theo những tấm ảnh trong túi xách và háo hức muốn được xem những bức ảnh của Karin chẳng khác gì một đứa trẻ con.

Chuyến đi Bắc Kinh đã lùi xa. Bà thầm hỏi liệu có phải do tuổi tác mà các kỷ niệm chóng phai mờ như vậy. Bà đưa mắt nhìn quanh tiệm cà phê: trong một góc, có hai phụ nữ Ả Rập che mặt, một người hình như đang khóc.

Họ không thể cho bà một câu trả lời được, bà nghĩ. Ai có thể làm được điều này, nếu chính bản thân mình không làm được?

Birgitta và Karin hẹn ăn trưa với nhau ở một tiệm ăn trong trung tâm thành phố. Birgitta muốn qua một vài cửa hàng tìm mua một bộ quần áo phù hợp những khi có phiên xử. Nhưng trận mưa đã làm cho bà mất hết hứng thú. Bà ngồi lại ở sân bay cho đến lúc tới giờ hẹn. Bà bắt taxi vào thành phố vì không chắc là mình sẽ nhớ đường. Karin vui mừng vẫy Birgitta khi nhìn thấy bà bước vào tiệm ăn rất đông thực khách.

– Họ lên đường thuận lợi chứ?

– Giờ thì đã quá muộn để nghĩ đến điều này. Thật là mạo hiểm khủng khiếp khi để cả gia đình mình ngồi trên cùng một chuyến bay.

Karin lắc đầu.

– Sẽ không xảy ra chuyện gì đâu, bà nói. Máy bay là phương tiện giao thông an toàn nhất.

Hai người vừa ăn vừa xem ảnh, nhắc lại với nhau về những kỷ niệm của chuyến đi. Trong lúc Karin nói, bà Birgitta để ý thấy rằng đây là

lần đầu tiên sau một thời gian dài mình mới lại nghĩ đến vụ tấn công. Đến bà Hồng, người phụ nữ đột ngột xuất hiện trước bàn ăn của bà. Đến chiếc túi xách tay được tìm thấy. Toàn bộ những sự việc lạ lùng và đáng sợ mà bà đã bị lôi kéo vào trong đó.

- Bạn vẫn nghe đấy chứ, bà Karin hỏi.
- Tất nhiên mình đang nghe. Vì sao bạn hỏi vậy?
- Xem ra không phải thế.
- Mình nghĩ đến gia đình đang trên máy bay.

Sau bữa ăn họ gọi cà phê. Karin đề xuất uống rượu cognac để chống chọi lại cái thời tiết mùa xuân lạnh lẽo này.

- Đương nhiên rồi! Birgitta trả lời.

Họ gọi taxi về nhà Karin. Lúc về đến nhà thì trời bỗng dừng lại tạnh mưa, tấm chăn mây được vén ra.

– Mình cần phải vận động, Birgitta nói. Mình đã ngồi quá lâu trong phòng làm việc, rồi lại ngồi sau tay lái.

Hai người dạo bước dọc bãi biển vắng người. Chỉ có vài người về hưu dắt chó đi dạo.

– Bạn nghĩ gì khi phải bỏ tù một người nào đó? Và đã có lần nào bạn kết án một tên giết người chưa?

– Nhiều lần rồi. Trong đó có một phụ nữ đã giết ba người. Bố mẹ và cậu em trai của chị ta. Mình còn nhớ đã quan sát bị cáo như thế nào trong khi xét xử. Chị ta nhỏ bé, nhưng xinh đẹp. Hiển nhiên chị ta đã có kế hoạch cho vụ giết người này, không phải vì một cơn nóng giận mà đánh chết ba người kia. Thường chỉ đàn ông mới làm như vậy. Phụ nữ phần nhiều thường dùng dao. Đàn ông thì lại dùng gậy. Còn chị ta thì đã lấy ở ga ra ô tô của ông bố một chiếc búa tạ và đập lên đầu ba người. Không ân hận.

- Tại sao?
- Điều này không bao giờ được làm sáng tỏ.
- Như vậy là chị ta bị điên?

– Theo giám định tâm thần thì không phải. Cuối cùng mình không có lựa chọn nào khác là phải tuyên hình phạt cao nhất. Chị ta cũng không một lần kháng cáo. Là thẩm phán người ta thường xem đó là một thắng lợi. Nhưng mình không cảm thấy thế.

Hai người đứng lại ngắm nhìn một chiếc thuyền buồm chạy qua eo biển về hướng Bắc.

– Chẳng phải đã đến lúc bạn kể ra lấy một lần sao? Karin nói.

– Về chuyện gì?

– Chuyện đã xảy ra ngày đó ở Bắc Kinh ấy. Thực ra mình biết bạn đã không kể với mình sự thật. Ít ra thì cũng không phải toàn bộ sự thật và chỉ sự thật, như người ta vẫn tuyên thệ trước tòa.

– Mình bị tấn công. Bị cướp mất chiếc túi xách.

– Điều này thì mình đã biết. Nhưng còn những tình tiết khác, Birgitta, vẫn còn một khoảng tối. Mặc dù trong những năm qua chúng ta không thường gặp nhau, nhưng mình vẫn hiểu rõ bạn mà. Ngày đó khi chúng ta còn là những kẻ nổi loạn, những kẻ thơ ngây tội nghiệp còn lẫn lộn giữa tình cảm và lý trí, chúng ta đã học được cách có thể vừa nói dối vừa nói thật cùng một lúc. Mình sẽ không mạo hiểm tìm cách nói dối bạn. Hoặc nửa tối nửa sáng, nửa nạc nửa mỡ, như ba mình thường nói! Mình biết, bạn sẽ nhìn thấu được mình.

Birgitta cảm thấy nhẹ người.

– Mình không biết điều gì đã xui khiến mình giấu bạn một nửa sự thật. Có thể vì thấy bạn quá bận bịu với cuộc hội thảo. Cũng có thể là do mình cũng không hiểu rõ chuyện đã xảy ra.

Hai người lại tiếp tục đi dạo dọc bãi biển và cởi áo khoác vì lúc này mặt trời bắt đầu sưởi ấm. Birgitta kể về tấm ảnh có được từ camera giám sát của khách sạn nhỏ ở Hudiksvall và việc bà tìm cách tìm ra người đàn ông đó. Bà kể lại một cách tỉ mỉ như thể mình đang đứng trên bục nhân chứng trước ánh mắt nghiêm khắc của một thẩm phán.

– Bạn chưa bao giờ kể với mình tất cả những chuyện này, Karin nói khi Birgitta kể xong.

Họ quay trở lại.

– Khi bạn về, mình sợ quá, bà Birgitta nói. Mình nghĩ, chắc mình sẽ mục ruỗng trong một buồng giam nào đó dưới lòng đất. Sau đó cảnh sát sẽ công bố mình đã bị mất tích.

– Mình xem đó như là dấu hiệu của việc thiếu lòng tin. Đúng ra mình cần phải tức giận.

Birgitta dừng lại đối diện với Karin.

– Thực ra chúng ta vẫn chưa biết rõ về nhau như chúng ta tin là thế. Hoặc mong là như thế. Khi chúng ta còn trẻ thì là chuyện khác. Giờ chúng ta là bạn của nhau. Nhưng thực sự gần gũi thì chưa. Có thể chúng ta sẽ mãi mãi như vậy.

Karin gật đầu. Họ tiếp tục dạo bước dọc bờ biển, phía trên đám rong biển nơi cát khô hơn.

– Người ta muốn mọi thứ bắt đầu lại, mọi thứ lại như trước một lần nữa, Karin nói. Nhưng khi già đi người ta phải gạt bỏ thói đa cảm. Tình bạn, muốn tồn tại, cần phải thường xuyên được giữ gìn và thử thách. Tình yêu thời tuổi trẻ có thể không bao giờ hạn gì nhưng tình bạn thời trẻ thì có thể đấy.

– Nhưng chỉ riêng việc lúc này chúng ta đang nói với nhau về điều đó đã là một bước tiến theo hướng đúng. Giống như người ta cạo bỏ lớp gỉ bằng một chiếc bàn chải sắt.

– Sau đó mọi chuyện kết thúc thế nào?

– Người ta đưa mình về khách sạn. Trong thời gian mình vắng mặt, cảnh sát hoặc bên an ninh đã cho người lục soát trong phòng khách sạn. Mình không biết họ muốn tìm cái gì.

– Và tất cả mọi chuyện chỉ vì một chiếc túi bị giật mất sao?

– Đúng hơn là vì tấm ảnh lấy từ camera ở khách sạn tại Hudiksvall. Có ai đó không muốn mình đi tìm người đàn ông trong ảnh. Nhưng mình cũng tin bà Hồng Quế đã nói thật: Trung Quốc không muốn khách nước ngoài trở về nước và kể những việc không hay đã xảy ra



với họ. Bất luận thế nào cũng không được xảy ra vào lúc này, khi nước họ đang chuẩn bị cho Thế vận hội sắp đến.

– Cả một đất nước hơn một tỉ dân đứng sau hậu trường chờ đợi thời điểm được bước lên sân khấu. Một hình ảnh thật cảm động.

– Nhưng hàng trăm triệu người, những người nông dân nghèo đáng quý, có thể thậm chí không biết Thế vận hội là thế nào. Hoặc là họ nhận thấy rằng hội hè ở Bắc Kinh cũng chẳng thay đổi gì tình cảnh của họ.

– Mình còn nhớ lơ mờ về người phụ nữ tên là Hồng Quế đó. Bà ta rất đẹp, nhưng lại có vẻ gì đó khó gần, như thể bà ta lúc nào cũng cảnh giác.

– Có thể. Còn mình thì lại có một kỷ niệm khác với bà Hồng Quế. Bà ấy đã giúp đỡ mình.

– Có lẽ bà ấy là người phụ trách nhiều lĩnh vực?

– Mình cũng tự hỏi điều ấy. Nhưng không có câu trả lời. Mình không biết. Nhưng có thể bạn đúng.

Hai người trở về nhà và uống cà phê trong phòng ngủ của Karin. Karin kể về công việc mà bà mới bắt đầu. Bà đang dịch một tuyển thơ của một loạt nhà thơ Trung Quốc từ khi nước này độc lập cho tới nay.

– Mình không thể dành cả đời để nghiên cứu về các đế chế đã diệt vong. Thi ca sẽ thay đổi mình.

Birgitta rất muốn kể về ham mê bí mật của mình là viết lời ca khúc. Nhưng bà hoàn toàn không nói ra.

– Rất nhiều người dũng cảm, Karin nói. Mao cũng như những nhà lãnh đạo chính trị khác không ưa phê bình. Nhưng đối với các nhà thơ thì Mao lại có sự kiên nhẫn. Vì bản thân ông cũng làm thơ, mình hình dung như vậy. Nhưng mình nghĩ, Mao cho rằng các nghệ sĩ có thể có những cái nhìn mới mẻ đối với các sự kiện chính trị lớn lao. Khi các nhà lãnh đạo đảng muốn nghiêm trị những người đã viết ra những điều sai lệch hoặc phóng những nét vẽ phản loạn đều bị Mao kịch liệt phản đối. Cho tới cùng, Mao là người chịu trách nhiệm về sự kiện xảy ra

trong thời kỳ cách mạng văn hóa đối với lớp văn nghệ sĩ, kể cả khi có thể ông không chủ ý. Cuộc cách mạng này dù được gọi là “Văn hóa” nhưng về căn bản vẫn mang tính chính trị. Khi Mao nhận ra rằng một bộ phận Hồng vệ binh đã đi quá xa, ông đã thẳng phanh lại. Ông không thể công bố điều này, nhưng mình cho rằng ông thành thực ân hận về những gì bị tàn phá trong những năm ấy. Đương nhiên ông biết rõ hơn bất kỳ ai khác rằng khi muốn làm món trứng tráng, người ta phải đập vỡ trứng. Người ta chẳng thường nói thế sao?

– Hoặc rằng cách mạng không phải là một lời mời uống trà.

Cả hai đều phá lên cười.

– Giờ đây bạn nghĩ gì về Trung Quốc? Birgitta hỏi. Điều gì đang diễn ra ở đất nước đó?

– Mình tin chắc rằng ở Trung Quốc đang diễn ra một cuộc đọ sức khổng lồ. Ở trong đảng, trong nước. Đảng Cộng sản Trung Quốc muốn chứng tỏ cho toàn thế giới, cho những người như bạn như mình, thấy rằng trong một Nhà nước không dân chủ, nền kinh tế vẫn có thể phát triển. Ngay cả khi các nhà tư tưởng tự do ở phương Tây có phủ nhận thì sự lãnh đạo của đảng Cộng sản vẫn tồn tại song hành cùng sự phát triển kinh tế. Điều này đương nhiên khiến chúng ta bất an. Chính vì vậy mà ở nước chúng ta, người ta nói nhiều đến hình thức hành hình bằng cách bắn một viên đạn vào gáy được áp dụng nhiều ở Trung Quốc. Thiếu tự do và cởi mở, thứ nhân quyền mà phương Tây luôn mê đắm, đó là những điểm chúng ta sử dụng để công kích Trung Quốc. Đối với mình đó là thói đạo đức giả, vì trong cái phần thế giới của chúng ta vẫn còn vô vàn các nước, đứng đầu là Mỹ và Nga, ở đó nhân quyền bị chà đạp hằng ngày. Ngoài ra người Trung Quốc biết rằng chúng ta muốn làm ăn với họ, bằng mọi giá. Họ đã nhìn thấu chúng ta trong thế kỷ 19, khi chúng ta quyết định biến họ thành những con nghiện nha phiến, bằng cách này để bảo đảm quyền buôn bán, làm ăn theo những điều kiện của chúng ta. Người Trung Quốc đã rút ra được bài học từ đó, họ sẽ không lặp lại sai lầm của chúng ta. Mình

nghĩ như vậy, và mình biết những kết luận của mình đương nhiên chưa hoàn toàn đúng. Những biến cố quá lớn, mình không thể nhìn bao quát được. Chúng ta không thể cột Trung Quốc vào các tiêu chuẩn của mình được. Nhưng dù có nghĩ gì đi chăng nữa, chúng ta cũng cần phải dõi theo những gì diễn ra ở Trung Quốc với sự tôn trọng nhất định. Ngày nay chỉ có kẻ đần độn mới bảo thủ cho rằng những gì xảy ra ở đó không ảnh hưởng đến tương lai của chúng ta. Nếu như mình còn có con nhỏ, mình sẽ cố gắng tìm một cô gái trông trẻ người Trung Quốc để con mình học được ngôn ngữ này.

– Con trai mình cũng nói như vậy.

– Vậy anh chàng là người nhìn xa, trông rộng đấy.

– Chuyển đi ấy đã khiến mình xáo động, bà Birgitta nói. Một đất nước vô cùng rộng lớn luôn gây cho mình cảm giác có thể bị biến mất vào bất cứ lúc nào. Và sẽ không có ai tự hỏi chuyện gì đã xảy ra với mình, một cá thể lạc giữa đám đông. Mình mong giá như có thể nói chuyện với bà Quế lâu hơn nữa.

Sau bữa ăn tối họ lại lạc vào những kỷ niệm của quá khứ. Lần này, Birgitta quyết tâm không để mất đi mối liên lạc với Karin thêm một lần nữa. Nếu không thì bà chẳng còn ai nữa để mà chia sẻ tuổi trẻ của mình, chẳng còn có ai hiểu nỗi bà.

Hai người ngồi với nhau tới khuya, và trước khi lên giường đi ngủ đã hứa hẹn với nhau rằng sẽ thường xuyên gặp nhau hơn.

– Bạn chỉ cần vi phạm luật giao thông ở Helsingborg, bà Birgitta nói. Không thừa nhận lỗi với cảnh sát giao thông. Như thế, cuối cùng rồi thì bạn cũng sẽ có mặt ở tòa án. Sau đó, khi mình đã kết án bạn, chúng ta sẽ cùng nhau đi ăn nhà hàng.

– Mình hoàn toàn không hình dung được cảnh bạn làm chủ tọa một phiên tòa.

– Mình cũng vậy, mặc dù hăng ngày mình phải ngồi ở đó.

Ngày hôm sau hai người cùng ra ga.

– Bây giờ mình lại quay về với những nhà thơ Trung Quốc, Karin nói. Còn bạn sẽ làm gì?

– Chiều nay mình phải soạn cáo trạng cho hai vụ. Một băng nhóm người Việt buôn lậu thuốc lá và trấn lột dã man những người già, trong số các bị cáo, có vài kẻ rất đáng ghê tởm. Vụ thứ hai là một phụ nữ ngược đãi mẹ. Theo những gì mình biết, cả hai mẹ con họ đều hoàn toàn không biết phải trái. Đó là công việc buổi chiều hôm nay của mình. Mình ghen tị với bạn về những nhà thơ đấy. Nhưng tốt hơn là mình không nên nghĩ đến điều đó.

Karin nắm lấy cánh tay Birgitta một lần nữa trước khi họ rời nhau.

– Nay, mình thậm chí vẫn chưa hỏi bạn tin tức về chuyện ở Hudiksvall. Giờ mọi thứ ra sao?

– Hình như cảnh sát vẫn tiếp tục tin rằng người đàn ông tự sát trong nhà giam là thủ phạm.

– Một mình? Với nhiều người bị giết?

– Một hung thủ máu lạnh hoàn toàn có thể làm được chuyện đó. Nhưng người ta vẫn chưa tìm ra được động cơ.

– Sự điên khùng chẳng?

– Trước kia mình cũng cho là như vậy, nhưng bây giờ thì mình lại không thấy tin.

– Bạn vẫn còn liên lạc với cảnh sát à?

– Nói chung là không. Mình chỉ đọc những gì đăng trên báo.

Birgitta nhìn theo Karin đi xa dần trong nhà ga rộng. Bà lên tàu về Kastrup, đến bãi đậu xe lấy xe và trở về nhà.

Già đi có nghĩa là rút lui, bà thầm nghĩ. Đơn giản là người ta không còn thích lao lên phía trước nữa. Người ta chậm chậm quay trở lại, một cách gần như vô thức. Như trong cuộc nói chuyện của mình với Karin. Bọn mình tìm hiểu xem mình đã và đang là ai.

Bà về đến Helsingborg lúc gần trưa và đi thẳng đến văn phòng. Ở đó bà đọc qua các thông báo nội bộ của Sở Tư pháp, trước khi ngồi

vào bên các bản cáo trạng. Bà hoàn thiện việc chuẩn bị cho phiên tòa xử người phụ nữ ngược đãi mẹ. Sau đó bà nhét vào túi xách hồ sơ vụ bằng nhóm người Việt để đem về nhà.

Trời đã ấm hơn. Cây cối đã bắt đầu nảy lộc xanh.

Một niềm vui bất ngờ trời dậy trong bà. Bà đứng lại, nhắm nghiền hai mắt, hít mạnh làn không khí vào phổi, vẫn còn chưa quá muộn, bà nghĩ. Mình đã được nhìn thấy Vạn Lý Trường Thành. Mình sẽ vượt qua những bức tường khác, và nhất là đến thăm những hòn đảo khác trước khi cuộc đời kết thúc. Điều gì đó trong mình mách bảo rằng Staffan và mình chắc chắn sẽ tìm thấy con đường thoát khỏi tình trạng đang sa lầy hiện nay.

Hồ sơ vụ bằng nhóm người Việt Nam khá phức tạp và khó bao quát. Bà làm việc cho tới mười giờ đêm, hai lần gọi điện thoại đến cho ông Hans Mattsson để trao đổi. Bà biết không có gì phiến hà khi gọi đến nhà ông.

Bà làm xong mọi việc vào lúc mười một giờ và chuẩn bị lên giường đi ngủ. Giữa lúc đó có tiếng chuông gọi cửa. Bà nheo mày, nhưng vẫn ra mở cửa. Bên ngoài không thấy ai. Bà bước xuống bậc thềm, nhìn dọc theo đường phố. Một chiếc ô tô phóng qua. Đường phố vắng tanh. Cổng vườn vẫn khóa. Chắc lại là bọn trẻ, bà nghĩ. Chúng bấm chuông rồi bỏ chạy.

Bà trở vào nhà và ngủ thiếp đi trước nửa đêm. Bà thức dậy lúc gần hai giờ sáng nhưng không biết tại sao. Bà không mơ ngủ. Bà lắng nghe bên ngoài, nhưng không thấy tiếng động nào cả. Bà định nằm xoay người ngủ tiếp thì lại ngồi dậy, bật đèn bàn và tiếp tục lắng nghe. Rồi bà đứng lên, mở cánh cửa ra hành lang, vẫn không nghe thấy tiếng động nào. Bà khoác áo choàng ngủ, đi xuống cầu thang. Các cửa lớn và cửa sổ vẫn đóng. Bà đến đứng bên cửa sổ kéo rèm nhìn ra đường. Bà như thoáng thấy có bóng người biến mất trên vỉa hè, nhưng rồi bà gạt bỏ ý nghĩ này ngay. Bà chưa từng sợ bóng tối. Có lẽ bà thức dậy vì

đói bụng. Sau khi ăn một lát bánh mì và uống một cốc nước, bà trở về giường nằm rồi một lúc sau thì thiếp đi.

Sáng hôm sau, khi vào phòng làm việc lấy hồ sơ, bà có cảm giác rằng có ai đó đã vào phòng. Giống như với chiếc va li của bà ở khách sạn tại Bắc Kinh. Tối hôm qua, trước khi rời khỏi phòng, bà đã xếp tập hồ sơ vào cặp tài liệu, vậy mà lúc này một vài tờ giấy lại thò ra ngoài quai cặp.

Dù đang vội, bà vẫn xem qua các phòng ở tầng trệt: không mất thứ gì. Có lẽ mình tưởng tượng ra vậy, bà nghĩ. Ở Bắc Kinh mình bị ám ảnh có người theo dõi. Mình sẽ không tiếp tục như vậy ở đây nữa.

Birgitta Roslin rời khỏi nhà. Bà xuôi về phía trung tâm thành phố và khu tòa án. Nhiệt độ tiếp tục tăng thêm so với hôm qua. Dọc đường đi, bà nghĩ đến vụ xử thứ nhất đang chờ. Cần phải tăng cường các biện pháp an ninh trong tòa, bởi có nguy cơ xảy ra đánh lộn giữa những người Việt Nam chờ trong phòng xét xử. Sau khi thống nhất với ông chánh án và kiểm sát viên, bà ấn định xử vụ này trong hai ngày. Bà e rằng như thế không đủ, nhưng bà đành phải bằng lòng như vậy bởi tòa án đang chồng chất các vụ cần xử.

Khi đến tòa, bà vào ngay phòng làm việc, ngắt điện thoại, ngồi ngả lưng ra sau ghế, hai mắt nhắm nghiền, tổng lược lại những điểm quan trọng nhất trong vụ án đối với hai anh em họ Trần, họ đang ở giai đoạn xét xử cuối cùng. Trong quá trình điều tra, cảnh sát đã bắt thêm hai người Việt Nam nữa, đó là Đặng và Phan. Cả bốn người này là tòng phạm và bị truy tố cùng tội danh.

Birgitta Roslin rất mừng khi nhìn thấy kiểm sát viên Palm trong phòng xử. Đó là một người trung tuổi, nghiêm túc và biết cách tránh những quanh co không cần thiết. Theo tài liệu điều tra đang nằm trước mặt, bà có cảm giác Palm đã dẫn dắt một cuộc điều tra tỉ mỉ, điều mà không phải lúc nào cũng làm được.

Đúng mười giờ bà bước vào phòng xử, ngồi vào ghế thẩm phán. Các dự thẩm viên và thư ký tòa đã có mặt. Phòng xử chật kín. Tất cả

những ai có mặt đều phải chịu màn kiểm tra an ninh như ở sân bay. Ở đây cũng đã có mặt cảnh sát và các trật tự viên. Bà gõ búa lên mặt bàn, xác nhận nhân thân, kiểm tra lại xem những cá nhân được triệu tập đã có mặt đầy đủ chưa rồi cho phép kiểm sát viên trình bày lời buộc tội. Công tố viên Palm nói chậm rãi và rõ ràng. Thỉnh thoảng bà tự cho phép mình nhìn xuống khán phòng, nơi có nhiều người ngồi nghe. Một nhóm khá đông người Việt Nam có mặt ở đây, phần lớn là những người còn rất trẻ. Như thường lệ, trong số thính khách còn lại bà nhận ra một vài nhà báo và một họa sĩ tòa án có tài vẽ lại cảnh phiên tòa cho các tờ báo khác nhau. Trong ngăn kéo bàn làm việc, bà Birgitta Roslin có một bức tranh vẽ mình, bà đã cắt ra từ một tờ báo.

Đó là một ngày vất vả. Mặc dù mọi việc đã được điều tra rõ ràng nhưng bốn thanh niên này bắt đầu đổ tội cho nhau. Hai trong số họ nói tiếng Thụy Điển, còn anh em Trần lại cần đến một nữ phiên dịch. Birgitta Roslin đã nhiều lần buộc phải nhắc nhở rằng cô ta diễn tả không rõ ràng. Bà thậm chí phải chẳng cô phiên dịch thực sự không hiểu những gì các can phạm nói. Một lần bà đã phải nhắc nhở các thính giả giữ trật tự, nếu không sẽ buộc họ ra khỏi khán phòng.

Vào giờ ăn trưa, ông Hans Mattsson đến chỗ bà hỏi công việc tiến triển ra sao.

– Họ nói dối, Roslin nói. Phần chất vấn và bào chữa đều giữ được tính nghiêm túc. Tôi chỉ tự hỏi cô phiên dịch có trình độ thế nào.

– Cô ấy được công nhận dịch tốt, ông Hans Mattsson ngạc nhiên nói. Thật sự tôi rất lưu tâm để chúng ta có được những phiên dịch khá nhất trong nước.

– Có lẽ hôm nay là ngày xấu của cô ta. Nhưng dù sao mọi việc vẫn tốt. Tôi e rằng phải đến chiều ngày mai mới kết thúc được phiên tòa.

Buổi chiều trong khi xét xử, bà Roslin bỗng để ý thấy trong số những người dự có một phụ nữ Việt Nam trung tuổi ngồi ở góc khán phòng, bị những người ngồi phía trước che khuất một nửa. Mỗi khi nhìn về hướng đó, bà đều có cảm giác người phụ nữ này đang nhìn

mình, trong khi những người Việt Nam khác thì nhìn chăm chăm các bị cáo.

Bà nhớ lại phiên tòa mình đã được tham dự cách đây một vài tháng ở Trung Quốc. Có thể mình có một khách tới thăm từ Việt Nam, bà mĩa mai nghĩ. Nhưng nếu đúng như vậy thì người ta phải báo cho bà biết. Thêm nữa, người phụ nữ này lại không có phiên dịch.

Khi buổi xét xử trong ngày kết thúc, bà vẫn còn chưa chắc chắn liệu ngày mai có đủ thời gian tranh tụng hay không. Bà ngồi trong phòng làm việc ước tính còn lại bao nhiêu vấn đề cần tranh luận nữa. Có lẽ mọi việc sẽ trôi chảy theo đúng dự kiến, nếu như không có việc gì bất ngờ xảy ra.

Đêm đó bà ngủ say, không bị đánh thức bởi những tiếng động lạ.

Ngày hôm sau, khi phiên tòa bắt đầu, người phụ nữ bí ẩn đã lại có mặt ở chỗ ngồi cũ. Ở chị ta có cái gì đó làm cho Roslin thấy phân vân. Trong giờ nghỉ giải lao bà cho gọi một thừa tác viên đến gặp mình. Bà đề nghị anh ta để ý xem người phụ nữ ấy có đi cùng ai ở bên ngoài hay không. Trước khi phiên tòa được tiếp tục, anh ta quay trở lại, báo cho bà biết đúng là người phụ nữ đó chỉ đứng riêng một mình, không nói chuyện với ai.

- Anh hãy để ý đến chị ta, Roslin đề nghị.
- Tôi có thể ngăn không cho chị ta vào khán phòng, nếu bà muốn.
- Tôi không có lý do gì mà làm thế.
- Nhưng tôi thấy bà không yên tâm.
- Tôi chỉ đề nghị anh để ý đến chị ta. Ngoài ra không có gì nữa.

Mặc dù không chắc chắn là giữ được đúng hạn nhưng rồi Birgitta Roslin cũng dẫn dắt được màn tranh tụng kết thúc đúng giờ. Bà thông báo vào ngày 20 tháng Sáu bản án sẽ được công bố và tuyên bố kết thúc phiên tòa. Sau khi đã cảm ơn các dự thẩm viên, bà nhận thấy người phụ nữ Việt Nam quay lại nhìn bà lần cuối trước khi rời khỏi phòng.



Ông Hans Mattsson đến phòng làm việc gặp bà. Qua hệ thống truyền thanh nội bộ, ông đã được nghe lời phát biểu kết thúc của công tố viên và luật sư bào chữa.

– Công tố viên Palm đã làm đúng thủ tục.

– Vấn đề chỉ còn là hình phạt nằm ở mức nào. Rõ ràng anh em họ Trần là những tên cầm đầu. Tất nhiên hai người kia cũng phạm tội. Nhưng xem ra họ sợ anh em Trần. Tôi có cảm giác rằng hai người đó nhận về mình nhiều tội hơn những gì mà thực ra họ đã làm.

– Hãy gọi cho tôi khi chị có chuyện gì muốn trao đổi.

Birgitta Roslin thu dọn tài liệu của mình, rồi chuẩn bị về nhà. Staffan gửi tin nhắn cho bà, báo tin mọi việc đều tốt đẹp. Lúc bà định rời văn phòng thì điện thoại đổ chuông. Bà do dự một lúc, nhưng rồi cũng nhắc máy. Bà nhận ra giọng thừa tác viên tòa án.

– Bà có khách thăm.

– Ai vậy?

– Người phụ nữ mà bà bảo tôi để mắt đến.

– Chị ta còn ở đây à? Chị ta muốn gì?

– Điều này thì tôi không biết.

– Nếu chị ta có họ hàng với các bị cáo, thì tôi không được phép nói chuyện.

– Tôi nghĩ bà đã nhầm.

Birgitta Roslin bắt đầu mất kiên nhẫn.

– Thế là thế nào? Đúng là tôi không được phép nói chuyện với chị ta mà.

– Tôi chỉ muốn nói rằng chị ta không phải từ Việt Nam đến. Chị ta nói thành thạo tiếng Anh và là người Trung Quốc. Chị ta nói rất muốn được gặp bà vì có chuyện quan trọng.

– Chị ta đang ở đâu?

– Đang chờ ở bên ngoài. Từ đây tôi vẫn nhìn thấy chị ta.

– Tên chị ta là gì?

– Tôi không hỏi.

– Thôi được, tôi sẽ gặp. Bảo chị ta chờ tôi.

Bà bước lại gần cửa sổ. Từ chỗ này bà có thể nhìn thấy người phụ nữ đứng trên vỉa hè.

Mấy phút sau bà rời khỏi văn phòng.

Người phụ nữ đó tên là Hà, rất có thể là em gái của bà Hồng Quế. Bà Birgitta Roslin lập tức nhận thấy sự giống nhau đến ngạc nhiên khi lại gần người phụ nữ này: cùng dáng vẻ nghiêm túc, quý phái. Hà nói tiếng Anh rất chuẩn khi giới thiệu về mình, hết như bà Hồng Quế.

– Tôi có một tin cho bà, nếu như tôi không làm phiền bà, cô ta nói.

– Ngày làm việc của tôi đã hết.

– Tôi không hiểu một câu nào trong phiên xử, Hà nói, nhưng tôi để ý thấy sự kính trọng dành cho bà.

– Trước đây ít tháng tôi cũng đã có mặt trong một phòng xử án ở Trung Quốc. Ở đó cũng có một nữ thẩm phán ngồi ghế chủ tọa, và bà ấy cũng nhận được sự kính trọng.

Birgitta Roslin hỏi Hà có muốn đến một tiệm cà phê hoặc một tiệm ăn không. Nhưng Hà chỉ về khu công viên gần đây, nơi có nhiều ghế băng.

Hai người ngồi xuống. Một tốp mấy người già say rượu đang khật khưỡng đi lại ở gần đó, Roslin đã thấy họ nhiều lần. Bà còn nhớ lờ mờ đã có lần xử và kết án một người trong số họ, nhưng không nhớ vì sao. Đó là những cư dân quen thuộc của công viên này. Những người say rượu trong các công viên và những người làm vườn cô đơn cào lá rụng trên các nghĩa trang là trụ cột của xã hội Thụy Điển. Thử tượng tượng nếu không còn sự hiện diện của họ nữa, thì còn lại cái gì? Bà thường hay suy nghĩ về điều này.

Trong đám người say xỉn có một người da đen. Ngay cả ở đây, người ta lại thấy một xã hội đa văn hóa mới...

Birgitta mỉm cười.

– Mùa xuân đã đến, bà nói.

– Tôi đến đây để báo cho bà biết bà Hồng Quế đã chết.

Đây là điều Roslin hoàn toàn không ngờ tới. Một cú sốc giáng xuống bà. Và không phải là nỗi buồn thương, mà là một nỗi sợ hãi tức thì.

– Chuyện gì đã xảy ra vậy?

– Trong một chuyến đi châu Phi, chị ấy đã bị chết trong một vụ tai nạn ô tô. Em trai của chị ấy cũng có mặt ở đó. Nhưng anh ta không bị thương. Có thể anh ta không ngồi cùng xe. Tôi không biết rõ chi tiết.

Roslin im lặng trăn trăn nhìn Hà, để cho các câu nói lắng xuống, cố hiểu được chúng. Bóng tối bất ngờ đổ lên ngày mùa xuân đang tươi màu.

– Việc này xảy ra khi nào vậy?

– Cách đây hai tháng.

– Ở châu Phi sao?

– Chị Hồng Quế là thành viên của đoàn đại biểu Trung Quốc đi thăm Zimbabwe. Ông Kế, bộ trưởng Bộ Thương mại của chúng tôi là trưởng đoàn. Chuyến đi thăm của đoàn được xem như là một chuyến đi rất quan trọng. Tai nạn này xảy ra trong chuyến sang Mozambique.

Hai kẻ say rượu bỗng to tiếng cãi vã rồi lao vào đánh nhau.

– Chúng ta đi thôi, Roslin nói rồi đứng lên.

Bà đưa Hà vào một hiệu bánh ngọt ở gần đó, nơi vào lúc này họ là hai người khách duy nhất. Roslin đề nghị cô bán hàng vặt nhạc nhỏ lại.

Hà gọi một chai nước khoáng còn Roslin uống cà phê.

– Cô kể đi, Roslin đề nghị. Từng chi tiết mà cô biết, từ từ thôi. Tôi chỉ biết bà Hồng Quế có vài ngày nhưng với tôi, bà ấy đã như một người bạn. Còn bây giờ cô hãy cho tôi biết: cô là ai? Ai đã cử cô từ Bắc Kinh xa xôi đến đây? Và trước hết là: vì sao?

Hà lắc đầu.

– Tôi từ đến Luân Đôn. Chị Hồng Quế có rất nhiều bạn bè lúc này đang thương tiếc chị ấy. Chị Mã Lý, người cùng có mặt ở châu Phi với

chị Hồng Quế, đã báo cho tôi biết tin buồn này. Chị ấy cũng đề nghị tôi liên lạc với bà.

– Mã Lý ư?

– Một người bạn gái của chị Quế.

– Cô bắt đầu lại từ đầu đi, Roslin đề nghị. Tôi vẫn còn chưa thể nào tin được vào tai mình.

– Không một ai trong chúng ta tin được điều đó. Tuy nhiên nó đã xảy ra. Chị Mã Lý đã viết thư kể cho tôi mọi chuyện.

Birgitta Roslin chờ Hà kể tiếp. Bỗng bà có cảm giác rằng khoảng lặng này là có hàm ý. Hà đã tạo ra một khoảng bí mật quanh hai người.

– Các nguồn tin rất khác nhau, Hà nói. Theo những gì chị Mã Lý viết cho tôi, cái chết của chị Quế xem ra như là một vụ sắp đặt.

– Bà ấy nghe được từ ai?

– Từ Nhã Như, em trai của chị Quế. Theo anh ta cho biết, chị Quế muốn đi sâu vào trong rừng để được nhìn thấy những con thú hoang dã. Có thể người lái xe đã phóng quá tốc độ. Chiếc xe bị lật và chị Quế chết ngay tại chỗ. Chiếc xe bùng cháy vì xăng chảy ra.

Roslin lắc đầu. Đơn giản là bà không thể hình dung ra được là bà Hồng Quế đã chết, là nạn nhân của một vụ tai nạn ô tô tầm thường như vậy.

– Một vài ngày trước khi chết, chị Quế đã có một cuộc nói chuyện rất dài với chị Mã Lý, Hà nói tiếp, về chuyện gì thì tôi không được biết. Chị Mã Lý không tiết lộ những bí mật của bạn bè. Nhưng chị Quế đã yêu cầu chị ấy một việc rõ ràng: nếu có chuyện gì xảy ra với chị ấy, phải báo cho bà biết.

– Tại sao lại là tôi? Tôi chỉ vừa mới biết bà ấy.

– Tôi không biết gì về chuyện này.

– Nhưng hẳn Mã Lý đã giải thích cho cô?

– Chị Quế muốn bà biết rằng tôi sống tại Luân Đôn, phòng trường hợp có lúc nào đó bà cần đến sự giúp đỡ của tôi.

Birgitta Roslin nhận thấy nỗi sợ của mình đang tăng lên. Sự trùng hợp thật đáng lo ngại, bà nghĩ. Mình bị trấn lột ở Bắc Kinh, Hồng Quế là nạn nhân của một vụ tai nạn ở châu Phi. Hai sự kiện này có cái gì đó liên quan với nhau.

Đặc biệt, lời nhắn nhủ ấy khiến bà khiếp hãi: *Nếu có khi nào cần đến sự giúp đỡ, chị nên biết rằng ở Luân Đôn có một người phụ nữ tên là Hà.*

– Nhưng tôi không hiểu những điều cô nói. Cô đến đây chỉ là để cảnh báo tôi? Chuyện gì có thể xảy ra?

– Chị Mã Lý không nói chi tiết.

– Nhưng những gì được viết trong thư đã đủ để cô phải đến đây sao? Cô biết tôi ở đâu. Cô biết làm thế nào để gặp được tôi. Chính xác thì Mã Lý đã viết những gì?

– Chị Quế đã kể cho chị Mã Lý nghe về một nữ thẩm phán người Thụy Điển, bà Roslin, một người bạn lâu năm của chị ấy. Chị ấy đã kể về vụ trấn lột đáng tiếc và cuộc điều tra tỉ mỉ của cảnh sát.

– Có thật bà ấy đã nói vậy không?

– Tôi trích dẫn bức thư. Từng câu từng chữ một. Ngoài ra chị Quế còn nói đến một tấm ảnh mà bà đã cho chị ấy xem.

Roslin rùng mình.

– Thật vậy không? Một tấm ảnh? Bà ấy còn nói thêm gì nữa không?

– Một người đàn ông Trung Quốc mà bà cho rằng có liên quan đến sự kiện ở Thụy Điển.

– Bà ấy có nói gì về người đàn ông đó không?

– Chị Quế lo lắng. Chị ấy đã phát hiện ra điều gì đó.

– Điều gì?

– Tôi không biết.

Roslin ngồi im lặng. Bà cố hiểu thông điệp của Hồng Quế. Đó chỉ có thể là một tiếng kêu cảnh báo từ thế giới bên kia. Hồng Quế e sợ sẽ có chuyện gì đó xảy ra với mình? Hoặc là bà ấy biết Birgitta đang gặp nguy hiểm? Hồng Quế đã tìm ra người đàn ông trong ảnh là ai? Nhưng tại sao bà ấy không nói ra?

Birgitta càng lúc càng thấy lo lắng. Hà im lặng nhìn bà, chờ đợi.

– Tôi còn một câu hỏi nữa mà cô cần phải trả lời tôi. Cô là ai?

– Tôi sinh sống ở Luân Đôn từ đầu những năm 1990. Đầu tiên tôi đến đó với chức bí thư ở sứ quán. Sau này tôi được đề bạt làm trưởng phòng thương vụ Anh-Trung. Hiện nay tôi là cố vấn độc lập cho các công ty của Trung Quốc muốn thiết lập cơ sở ở Anh. Nhưng không chỉ ở đó. Tôi cũng đảm nhận việc xây dựng một trung tâm hội nghị lớn gần một thành phố Thụy Điển có tên là Kalmar. Công việc đã đưa tôi đi khắp châu Âu.

– Do đâu mà cô quen biết bà Hồng Quế?

Câu trả lời của Hà không làm cho Birgitta Roslin ngạc nhiên.

– Chúng tôi có họ hàng với nhau. Chị em họ. Chúng tôi biết rõ nhau từ hồi còn nhỏ. Mặc dù chị Quế lớn hơn tôi mười tuổi.

Birgitta Roslin nghĩ đến câu Hồng Quế nói: họ là những người bạn lâu năm. Trong đó ẩn chứa một thông điệp. Điều đó có nghĩa là tình bạn gần gũi của họ đã khá sâu sắc, đã có thể đặt niềm tin nơi nhau, hoặc thậm chí còn cần thiết phải thế?

– Trong thư đã viết những gì về tôi?

– Chị Quế muốn báo cho bà biết càng sớm càng tốt.

– Rồi sao nữa?

– Như tôi đã nói. Bà cần phải biết rằng có tôi ở đây, nếu có chuyện gì xảy ra.

– Tôi hoàn toàn không hiểu. Chuyện gì có thể xảy ra?

– Tôi không biết.

Bà Birgitta bỗng cảnh giác. Cho đến lúc này Hà tỏ ra chân thật. Nhưng cô ấy lại lảng tránh câu hỏi này. Cô ấy biết nhiều hơn những điều cô ấy đã nói ra, Roslin thầm nghĩ.

– Trung Quốc là một đất nước rộng lớn, Roslin nói. Dưới con mắt quan sát của một người phương Tây không sành sỏi, họ sẽ dễ dàng thấy chỗ nào cũng thật bí hiểm. Tôi cũng không ngoại lệ. Chuyện với bà Hồng Quế cũng vậy. Tôi không bao giờ hiểu hết được ý của bà ấy.

– Trung Quốc không bí hiểm hơn bất cứ nước nào trên thế giới. Đó chỉ là một chuyện hoang đường do người phương Tây nghĩ ra. Người châu Âu không bao giờ công nhận rằng họ không hiểu chúng tôi nghĩ như thế nào. Ngay cả việc chúng tôi đã có rất nhiều phát kiến mang tính quyết định trước họ, họ cũng không chấp nhận. Thuốc súng, la bàn, kỹ thuật in ấn, tất cả những thứ này đều khởi thủy từ Trung Quốc. Ngay cả trong nghệ thuật đo lường thời gian, người châu Âu cũng không phải là người đầu tiên nghĩ ra. Hàng ngàn năm trước khi họ bắt đầu chế tạo ra đồng hồ cơ học, chúng tôi đã có đồng hồ nước, đồng hồ cát. Họ không bao giờ bỏ qua cho chúng tôi chuyện này. Chính vì lẽ đó mà họ nói chúng tôi là lạ lùng và bí hiểm.

– Cô gặp bà Quế lần cuối khi nào?

– Cách đây bốn năm. Chị ấy tới Luân Đôn. Chúng tôi đã ở cùng nhau vài tối. Khi ấy là mùa hè. Chị Quế rất thích những cuộc dạo chơi trên Hampstead Heath và đã hỏi tôi cận kề xem người Anh đánh giá như thế nào về sự phát triển ở Trung Quốc. Những câu hỏi của chị ấy rất khẩn khoản và tỏ ra sốt ruột khi những câu trả lời của tôi không rõ ràng. Ngoài ra chị ấy rất thích xem chơi cricket.

– Vì sao?

– Chị ấy không nói ra. Chị ấy có những sở thích khiến người ta bất ngờ.

– Tôi không có hứng thú đặc biệt đối với thể thao. Nhưng với tôi, cricket đúng là một môn khó hiểu, tôi không tài nào hiểu nổi tại sao đội này hoặc đội kia lại thắng.



– Tôi cho rằng niềm ham thích gây ngô của chị ấy đối với môn cricket xuất phát từ việc chị ấy mong muốn hiểu người Anh bằng cách nghiên cứu môn thể thao quốc gia của họ. Chị Quế là một người rất độc đáo.

Hà nhìn đồng hồ đeo tay.

– Chiều nay tôi phải bay từ Copenhagen về Luân Đôn.

Birgitta Roslin còn do dự, nhưng rồi cũng đưa ra câu hỏi đã dần rõ nét trong mình.

– Không lẽ đêm hôm qua cô đã có mặt ở nhà tôi? Trong phòng làm việc của tôi?

Hà hình như không hiểu câu hỏi của bà Roslin. Bà nhắc lại một lần nữa. Hà lắc đầu về sững sờ.

– Tôi ngủ ở khách sạn. Vì sao tôi lại phải đột nhập vào nhà của bà như một tên trộm?

– Tôi chỉ hỏi vậy thôi. Tôi bị đánh thức bởi một tiếng động.

– Nhưng không có ai vào nhà chứ?

– Tôi không biết.

– Có bị mất thứ gì không?

– Tôi chỉ nhận thấy giấy tờ của mình bị đảo lộn.

– Không, Hà nói. Không phải tôi.

– Cô đến đây một mình à?

– Không ai biết tôi đi Thụy Điển. Kể cả chồng và các con tôi. Họ nghĩ là tôi ở Brussels, như thường lệ.

Hà lấy từ trong túi xách tay ra một tấm danh thiếp, đặt nó xuống trước mặt bà Roslin. Tấm danh thiếp in đầy đủ tên của cô. Hà Mai Vân, địa chỉ và số điện thoại.

– Nhà cô nằm ở khu nào?

– Ở khu phố Tàu. Vào mùa hè đường phố ồn ào suốt đêm. Nhưng tuy vậy tôi vẫn thích sống ở đó. Đó là một Trung Quốc nhỏ giữa lòng Luân Đôn.

Birgitta Roslin cất tấm danh thiếp vào túi. Bà cùng đi với Hà ra ga và lo để cô lên đúng tàu.

– Chồng tôi làm nghề soát vé tàu, bà nói. Còn chồng cô làm gì?

– Anh ấy làm bồi bàn. Cũng chính vì thế mà chúng tôi sống ở phố Tàu. Chúng tôi sống ngay phía trên nhà hàng nơi anh ấy làm việc.

Birgitta Roslin nhìn theo đoàn tàu biến mất trong đường hầm.

Bà trở về nhà và lúc sửa soạn bữa tối mới nhận ra mình mệt mỏi chùng nào. Bà muốn xem chương trình thời sự, nhưng đã ngủ thiếp đi trước vô tuyến khi nằm trên sofa. Chuông điện thoại đánh thức bà dậy. Đó là Staffan gọi về từ Funchal. Đường dây không tốt, Staffan phải nói rất to để át đi tiếng lạo xạo trong máy. Dù sao thì bà cũng hiểu được mọi chuyện ở chỗ ông đều ổn và cả nhà rất vui. Cuộc điện thoại bỗng nhiên bị cắt. Bà chờ ông gọi lại, nhưng không thấy. Bà lại nằm xuống sofa. Cái chết của Hồng Quế dường như rất phi thực với bà, bà khó mà tin nổi. Và có gì đó không ổn trong câu chuyện mà Hà kể.

Bà bắt đầu thấy tiếc là đã không hỏi thêm. Có lẽ vì sau phiên tòa bà đã quá kiệt sức nên đơn giản là không làm được việc đó. Còn lúc này thì đã quá muộn. Hà đang trên đường trở về khu phố Tàu ở Anh quốc.

Birgitta Roslin thắp một cây nến tưởng nhớ Hồng Quế và tìm trên giá sách tấm bản đồ Luân Đôn. Tiệm ăn ấy nằm kề quảng trường Leicester. Đã có lần bà với Staffan ngồi trong một công viên nhỏ ở đó quan sát mọi người. Đó là một ngày cuối thu, hai vợ chồng bà đã có chuyến du lịch không chuẩn bị trước, một kỷ niệm vô giá.

Bà lên giường đi ngủ sớm vì ngày mai có phiên xử. Vụ người phụ nữ ngược đãi mẹ đẻ, không phức tạp như vụ bốn người Việt Nam. Nhưng bà cũng không cho phép mình mệt mỏi khi ngồi vào chiếc ghế thẩm phán. Lòng tự trọng không cho phép bà làm như vậy. Để chắc chắn không nằm thức trắng, bà uống nửa viên thuốc ngủ trước khi tắt đèn.

Vụ xử ngày hôm sau xem ra còn đơn giản hơn dự kiến. Bị cáo bỗng nhiên thay đổi lời khai và đã không quanh co mà thú nhận tất cả những điều công tố viên đưa ra để buộc tội. Bên bào chữa cũng hoàn toàn không đưa ra những tình tiết bất ngờ nào khiến phiên tòa phải kéo dài vô ích, cho nên đến bốn giờ kém mười lăm phút bà Roslin đã kết thúc phiên xử và ấn định ngày tuyên án vào cuối tháng.

Lúc trở về phòng làm việc, bà nhắc ống nghe và quay số điện thoại của sở cảnh sát Hudiksvall mà không hề tính trước.

Dường như bà nhận ra giọng cô gái trẻ trực tổng đài. Giọng nói ấy lúc này không còn cáu kính như mùa đông trước.

– Tôi muốn được nói chuyện với bà Vivi Sundberg. Nếu như bà ấy có ở đó.

– Tôi vừa mới nhìn thấy bà ấy đi qua đây. Tôi được phép báo ai là người muốn gặp bà ấy?

– Nữ thẩm phán từ Helsingborg. Thế là đủ.

Bà Vivi Sundberg lập tức lên tiếng.

– Birgitta Roslin phải không? Đã lâu lắm rồi chúng ta không nói chuyện.

– Bỗng nhiên tôi muốn gọi cho bà.

– Những người Trung Quốc mới? Giả thuyết mới ư?

Birgitta Roslin nhận ra có chút mỉa mai trong giọng nói của Sundberg và thiếu chút nữa đã trả lời rằng mình có thể phù phép từ trong mũ ra được rất nhiều người Trung Quốc. Nhưng bà chỉ biện minh cho cú điện thoại của mình là vì tò mò mà thôi.

– Chúng tôi vẫn cho rằng thủ phạm chính là người đàn ông đáng tiếc thay đã tự sát ấy, Vivi Sundberg nói. Ngay cả khi ông ta đã chết, cuộc điều tra vẫn được tiếp tục. Chúng tôi không thể kết án được người đã chết, nhưng ít nhất chúng tôi cũng cố tìm cách giải thích cho những người đang sống rằng chuyện gì đã xảy ra và nhất là tại sao.

– Các vị sẽ làm được điều đó?

- Hãy còn quá sớm để trả lời điều đó.
- Các vị có hướng điều tra mới sao?
- Tôi không thể nói gì về điều ấy.
- Không có nghi phạm nào khác sao? Không có cách giải thích nào khả dĩ à?
- Về điều này tôi cũng không thể nói được. Chúng tôi vẫn đang trong quá trình điều tra rất khó khăn với nhiều tình tiết phức tạp.
- Nhưng bà vẫn tin rằng đó là người đàn ông mà bà đã bắt giam chứ? Và người đó thật sự có lý do để giết chết mười chín người?
- Xem ra là như vậy. Tôi có thể nói cho bà biết, chúng tôi đã nhận được nhiều sự giúp đỡ đáng kể của các nhà chuyên môn. Các nhà tội phạm học, tâm lý học, và chưa phải đã hết, cả những cảnh sát hình sự giàu kinh nghiệm nhất và các kỹ thuật viên mà đất nước chúng ta có.
- Còn đứa bé? Bà Roslin nói. Nó đã chết, nhưng ban đầu không nằm trong kế hoạch. Bà giải thích điều này như thế nào?
- Chúng tôi vẫn chưa có lời giải thích rõ ràng. Nhưng đương nhiên chúng tôi hình dung được mọi chuyện đã xảy ra như thế nào.
- Có một điều tôi vẫn tự hỏi mình, bà Roslin tiếp tục. Trong số những người bị giết, có ai xem ra quan trọng hơn những nạn nhân khác không?
- Ý bà là gì?
- Có ai đó bị đối xử đặc biệt dã man hơn? Hoặc có thể là người bị giết trước tiên? Hoặc có thể là sau cùng?
- Đó cũng là những câu hỏi mà tôi không trả lời được.
- Bà chỉ cần nói xem những câu hỏi của tôi có khiến bà bất ngờ không?
- Không.
- Bà có lời giải thích nào về dải lụa đỏ không?
- Không.

– Tôi đã sang Trung Quốc, bà Roslin nói. Tôi đã đến Vạn Lý Trường Thành. Và tôi đã bị tấn công, phải trải qua một ngày vất vả với cảnh sát.

– Vậy sao? Bà có bị thương không?

– Không. Tôi chỉ sợ thôi. Nhưng tôi đã nhận lại được chiếc túi xách bị cướp.

– Dù sao bà cũng đã gặp may.

– Phải. Tôi đã gặp may. Cảm ơn bà đã dành thời gian cho tôi.

Sau khi kết thúc cuộc điện thoại, Birgitta Roslin còn ngồi lại một hồi lâu trong phòng làm việc. Bà không hề nghi ngờ, các chuyên gia được triệu tập cho cuộc điều tra sẽ phản ứng khi họ tìm thấy dù chỉ là một dấu hiệu rất nhỏ cho biết cuộc điều tra đã rơi vào ngõ cụt.

Buổi chiều tối bà đi dạo khá lâu và sau đó dành mấy tiếng đồng hồ để xem các tạp chí mới xuất bản về các loại rượu vang vừa được nhập cảng. Bà ghi lại tên mấy loại vang đỏ của Ý mà bà muốn đặt mua. Sau đó bà xem trong vô tuyến một bộ phim cũ mà trước kia Staffan và bà đã có lần xem. Jane Fonda đóng vai gái điếm, màu sắc nhợt nhạt, lạt lẽo, cốt truyện kiểu cách và bà phải bật cười vì cách ăn mặc kỳ cục theo một thời bấy giờ, đặc biệt là đôi giày đế dày, như cục gạch.

Bà đang thiu thiu ngủ thì điện thoại đổ chuông. Đồng hồ trên mặt tủ đầu giường chỉ mười hai giờ kém mười lăm. Tiếng chuông im bật. Có lẽ là Staffan hoặc các con bà gọi vào máy di động. Bà lại tắt đèn. Điện thoại lại đổ chuông. Bà ngồi bật dậy, với tay nhắc điện thoại trên mặt bàn.

– Bà Birgitta Roslin phải không? Tôi lấy làm tiếc phải gọi điện cho bà vào giờ này. Bà vẫn nghe đấy chứ? Bà có nhận ra tôi không?

Bà biết giọng nói này, nhưng không nhớ là giọng của ai. Đó là một người đàn ông đã nhiều tuổi.

– Không, tôi không nhớ ra được.

– Sture Hermansson.

– Tôi biết ông à?

– Nói là biết thì hơi quá, nhưng cách đây một vài tháng ở Hudiksvall bà đã đến khách sạn của tôi, khách sạn Eden ấy mà.

– Vậy thì tôi nhớ ra rồi.

– Xin lỗi vì gọi cho bà muộn thế này.

– Không có gì. Tôi nghĩ ông có lý do của mình.

– Anh ta đã quay trở lại.

Ông Sture Hermansson hạ thấp giọng lúc nói câu cuối cùng. Bà hiểu ngay ra ông ấy định nói gì.

– Người đàn ông Trung Quốc?

– Chính xác là anh ta.

– Ông có chắc chắn không?

– Anh ta mới đến được một lúc; không đặt phòng trước. Tôi vừa mới trao chìa khóa phòng cho anh ta, hiện anh ta đang ở trong phòng số 12. Đúng như lần trước.

– Ông có chắc đó là anh ta không?

– Chính bà đã cầm cuộn băng. Nhưng tôi có cảm giác rằng chính là anh ta. Ít nhất thì người này vẫn sử dụng cái tên cũ.

Birgitta Roslin suy ngẫm xem mình phải làm gì. Tim bà đập thình thịch trong lồng ngực.

Ông Sture Hermansson làm gián đoạn dòng suy nghĩ của bà.

– À, còn một việc nữa.

– Việc gì vậy?

– Anh ta có hỏi về bà.

Birgitta Roslin nín thở. Nỗi sợ hãi đã giáng xuống với tất cả sức mạnh của nó.

– Không thể thế được.

– Tiếng Anh của tôi không khá. Nói thật, mãi một lúc tôi mới hiểu anh ta hỏi về ai. Một cái tên nghe như là Bilgitta Loslin.

– Ông đã trả lời anh ta thế nào?

– Rằng bà sống ở Helsingborg. Anh ta tỏ ra ngạc nhiên. Tôi cho rằng anh ta cứ tưởng bà cũng sống ở Hudiksvall.

– Ông còn nói thêm gì nữa không?

– Tôi đã cho anh ta địa chỉ cùng số điện thoại của bà, vì ngày đó bà đã để lại số và bảo tôi có gì xảy ra thì báo cho bà biết. Và lúc này thì tôi đã làm được việc đó.

Ông già chết tiệt, bà thầm nghĩ. Nỗi hoảng sợ trở dậy trong bà.

– Ông giúp tôi một việc, khi nào anh ta rời khách sạn, ông hãy gọi điện báo cho tôi biết ngay. Kể cả vào ban đêm. Nhớ gọi điện cho tôi.

– Tôi nghĩ là bà muốn tôi báo với anh ta rằng tôi đã liên lạc được với bà?

– Tốt hơn là nên tránh việc đó .

– Đồng ý. Vậy thì tôi sẽ không nói gì cả.

Cuộc nói chuyện kết thúc. Birgitta Roslin không hiểu chuyện gì đang xảy ra.

Hồng Quế đã chết. Nhưng người đàn ông với dải lụa đỏ đã quay lại.

Gần bảy giờ sáng, sau một đêm mất ngủ, Birgitta Roslin gọi đến khách sạn Eden. Chuông điện thoại reo hoài mà không thấy có ai nhắc máy.

Đêm qua bà đã cố gắng kiểm soát nỗi sợ hãi của mình. Nếu như cô Hà không từ Luân Đôn đến nói cho bà biết Hồng Quế đã chết, chắc hẳn bà sẽ không phản ứng mạnh mẽ về cú điện thoại vào ban đêm của ông Sture Hermansson như vậy. Ông Sture không gọi lại, điều này là dấu hiệu cho biết không có gì xảy ra. Người đàn ông Trung Quốc chắc còn đang ngủ.

Bà chờ thêm nửa tiếng đồng hồ nữa. Bà đã bố trí một vài ngày không xử án để hoàn thành một số công việc giấy tờ còn tồn lại, đồng thời tập trung vào việc xác định mức hình phạt đối với bốn người Việt Nam và viết xong bản án.

Điện thoại đổ chuông. Đó là Staffan.

– Anh và các con đi du ngoạn, ông nói.

– Leo núi, xuống thung lũng? Dọc theo những con đường mòn có nhiều loài hoa đẹp chứ?

– Không. Với thuyền buồm. Anh đã đăng ký chỗ cho chuyến ra khơi này. Vì vậy, có thể hai ngày tới chúng ta không liên lạc bằng điện thoại di động được.

– Mấy bố con anh định đi đâu?

– Không có mục tiêu nào hết. Đây là ý tưởng của các con. Bố con anh lên tàu như hành khách với một thuyền trưởng, một đầu bếp và hai thủy thủ có kinh nghiệm.

– Khi nào thì bố con anh lên đường?

– Bọn anh đã có mặt trên biển rồi. Thời tiết rất đẹp. Chỉ tiếc là không có gió.



– Có thuyền cứu hộ trên tàu đấy chứ? Mọi người có áo phao không đấy?

– Chuyện này thì em đánh giá thấp bố con anh rồi đấy nhé. Hãy chúc bố con anh có một chuyến đi tốt đẹp. Nếu em muốn, anh sẽ đem về cho em một lọ nước mận.

Birgitta Roslin chào tạm biệt bố con ông rồi gác máy. Bỗng nhiên bà mong giá như mình cùng đi với họ mặc cho ông Hans Mattsson có thất vọng và các đồng nghiệp có bực mình đi chăng nữa.

Bà lại gọi đến khách sạn Eden. Lúc này điện thoại bận. Bà chờ và năm phút sau lại gọi một lần nữa, máy vẫn bận. Nhìn qua cửa sổ bà thấy thời tiết đẹp của mùa xuân vẫn duy trì. Trời đã bắt đầu ấm. Bà thay chiếc áo đầm mỏng hơn. Điện thoại ở khách sạn vẫn bận. Bà định khi xuống đến phòng làm việc sẽ tiếp tục gọi đến đó. Bà kiểm tra tủ lạnh, viết lên giấy những thứ cần phải mua và thử gọi đến khách sạn ở Hudiksvall lần cuối.

Một phụ nữ trả lời bằng giọng Thụy Điển còn lơ lớ:

– Khách sạn Eden xin nghe.

– Tôi muốn nói chuyện với ông Sture Hermansson.

– Không thể được! Người phụ nữ ở đầu dây nói như thét vào máy.

Sau đó chị ta bắt đầu hét lên như người loạn thần kinh điều gì đó bằng tiếng nước ngoài. Roslin đoán đó là tiếng Nga.

Bà nghe như có tiếng ống nghe điện thoại ở đó rơi xuống nền nhà. Rồi có ai đó lại nhặt nó lên. Lần này là giọng một người đàn ông, giọng Hälsingland.

– A lô?

– Tôi muốn nói chuyện với ông Sture Hermansson.

– Ai đấy?

– Còn ông là ai? Đây có đúng là điện thoại của khách sạn Eden không?

– Đúng rồi. Nhưng bà không thể nói chuyện với ông Sture Hermansson được.

– Tên tôi là Birgitta Roslin, gọi từ Helsingborg. Nửa đêm hôm qua ông Sture Hermansson có gọi điện cho tôi. Chúng tôi hẹn sáng nay gọi lại cho nhau.

– Ông ấy chết rồi.

Bà như nghẹt thở, người choáng váng.

– Chuyện gì xảy ra vậy?

– Điều này chúng tôi vẫn chưa biết. Hình như ông ấy cắt phải dao và bị chết do mất máu.

– Tôi đang nói chuyện với ai vậy?

– Tên tôi là Tage Elander. Tôi có xưởng làm đệm ở ngay bên cạnh khách sạn. Chị giúp việc người Nga vừa chạy sang báo cho tôi biết cách đây mấy phút. Bây giờ chúng tôi đang chờ cảnh sát và xe cấp cứu.

– Ông ấy bị giết sao?

– Ông Sture ư? Lạy Chúa, ai lại còn muốn giết ông ấy chứ? Ông ấy bị thương do một con dao làm bết, lại có một mình ở trong nhà, không ai nghe thấy ông kêu cứu. Thật thảm thiết. Ông ấy là người dễ mến.

Birgitta Roslin không chắc liệu mình có nghe đúng không.

– Ông ấy không ở một mình trong khách sạn!

– Vì sao?

– Ông ấy có khách trọ.

– Chị người Nga nói khách sạn không có khách.

– Ít nhất ông ấy cũng có một khách vắng lai. Tối hôm qua ông ấy đã nói với tôi như vậy. Một người đàn ông Trung Quốc, ở phòng 12.

– Có thể tôi hiểu sai. Để tôi hỏi lại chị người Nga xem.

Bà nghe có tiếng nói chuyện cách máy điện thoại một đoạn. Giọng của người phụ nữ Nga vẫn the thé và sợ hãi.

Elander quay về chỗ máy điện thoại.

– Chị ta vẫn khẳng định đêm qua khách sạn không có khách trọ.

– Anh xem lại sổ đăng ký đi. Phòng 12. Một người khách với cái tên Trung Quốc.

Elander lại biến mất. Bà nghe có tiếng khóc của người phụ nữ Nga từ đâu đó vọng tới. Đồng thời có tiếng đẩy cửa và nhiều tiếng nói khác.

Elander lại cầm ống nghe.

– Tôi phải gác máy. Cảnh sát và xe cứu thương đã đến. Tôi không tìm thấy sổ đăng ký khách trọ.

– Thế là thế nào?

– Nó biến mất rồi. Chị người Nga nói cuốn sổ đó lúc nào cũng nằm trên mặt quầy lễ tân. Bây giờ không thấy nữa.

– Tôi tin chắc tối hôm qua có một người khách ở trong khách sạn.

– Nếu có thì người đó cũng đã biến mất cùng với quyển sổ đăng ký.

– Sự việc còn có thể tồi tệ hơn nữa, bà Roslin nói tiếp. Có thể người đó đã dùng con dao làm bếp giết chết ông Sture Hermansson.

– Tôi không hiểu bà nói gì. Có lẽ tốt hơn là bà nên nói chuyện với cảnh sát.

– Tôi sẽ nói với họ, nhưng không phải ngay lúc này.

Bà gác ống nghe. Lúc này bà cần phải ngồi xuống. Tim bà nện thành thịch.

Bỗng nhiên mọi việc như hiện rõ trước mặt bà. Một khi người đàn ông mà bà cho rằng chính là kẻ giết những người ở Hesjövallen đã quay lại đây và hỏi về bà, để rồi biến mất cùng với cuốn sổ đăng ký khách trọ của khách sạn, thì điều này chỉ có thể mang một ý nghĩa: hẳn quay lại để giết bà. Khi cho một thanh niên Trung Quốc ở Bắc Kinh xem tấm ảnh từ camera của ông Sture Hermansson để nhờ anh ta hỏi giúp, bà đã không hề ngờ tới hậu quả. Theo logic, ban đầu hẳn tin rằng bà cũng sống ở Hudiksvall. Nhưng giờ hẳn đã sửa chữa sai lầm đó và có được địa chỉ của bà qua ông Sture Hermansson.

Bà đã phải trải qua một khoảnh khắc hỗn độn. Vụ tấn công, cái chết của Hồng Quế, chiếc túi xách bị mất, rồi lại tìm thấy, cuộc viếng thăm căn phòng ở khách sạn của bà, tất cả đều có liên quan với nhau.

Trong nỗi tuyệt vọng đến phát hoảng, bà gọi điện cho Staffan. Nhưng không liên lạc được. Bà thăm nguyên rùa chuyển du ngoạn bằng thuyền buồm của bố con ông ấy. Bà thử gọi vào số máy của một trong mấy đứa con gái nhưng vẫn như vậy.

Bà gọi cho Karin Wiman. Bà ấy cũng không trả lời. Nỗi hoảng sợ làm cho bà không được yên. Bà thấy không có lối thoát nào khác là chạy trốn. Bà phải rời khỏi đây. Ít nhất cũng cho tới khi bà biết được mình đã bị lôi vào việc gì.

Khi đã đi đến quyết định, bà lập tức hành động như thường làm trong những tình huống cực kỳ nan giải: khẩn trương, cương quyết, không lưỡng lự. Bà gọi điện thoại cho ông Hans Mattsson.

– Tôi không được khỏe, bà nói. Không phải huyết áp. Tôi thấy bị sốt. Có lẽ do virus. Nhưng tôi cần phải nghỉ ốm một vài ngày.

– Chị cứ yên tâm nghỉ ngơi một vài ngày.

Bà lên tầng trên, sắp xếp một vài thứ cần thiết vào chiếc túi du lịch nhỏ, đem theo ít tiền bằng Anh vẫn còn giữ lại từ những chuyến du lịch trước đây. Bà tin rằng người đàn ông đã giết Sture Hermansson đang trên đường xuống miền Nam.

Rồi bà bỗng nhớ ra ở khách sạn Eden có gắn một chiếc camera bí mật. Bà gọi điện thoại một lần nữa đến đó. Lần này có một người đàn ông vừa ho vừa trả lời. Bà không muốn giải thích mình là ai mà nói luôn ra điều mình biết.

– Ở khách sạn có một máy camera. Ông Sture Hermansson luôn quay phim những người khách trọ ở khách sạn của mình. Đêm qua không có khách trọ là không đúng. Ở đó đã có một khách trọ.

– Tôi đang nói chuyện với ai vậy?

– Ông là cảnh sát à?

– Phải.

– Ông đã nghe điều tôi nói. Còn tôi là ai, hoàn toàn không đóng vai trò gì cả.

Bà gác máy. Lúc này đã là tám rưỡi sáng. Bà gọi taxi ra ga và hơn chín giờ một vài phút bà đã ngồi trên đoàn tàu chạy về Copenhagen. Nỗi hoảng sợ lúc này đã nhường chỗ cho sự biện bạch đối với hành động của bà. Trước hết bà cho rằng mình không tưởng tượng ra mỗi nguy hiểm. Ngay lúc ở Bắc Kinh khi bà đưa cho người thanh niên xem tấm ảnh đã chụp được ở khách sạn Eden, bà không ngờ rằng mình đã chọc vào tổ kiến lửa. Cái chết của Hồng Quế là một tín hiệu báo động rõ ràng. Lối thoát duy nhất của bà lúc này là trông chờ vào sự giúp đỡ của Hà.

Ở khu vực làm thủ tục tại sân bay Kastrup bà nhìn bảng giờ các chuyến bay. Hai giờ nữa sẽ có chuyến bay đi tới sân bay Heathrow Luân Đôn. Bà mua vé, nhưng để mở chuyến khứ hồi. Sau khi làm xong thủ tục bay, bà ngồi uống cà phê và gọi cho Karin Wiman một lần nữa. Nhưng nghĩ sao bà lại tắt máy trước khi Karin có thể trả lời. Bà sẽ nói gì với Karin? Bà ấy chắc sẽ không hiểu, mặc dù trong lần gặp nhau vừa rồi, Birgitta đã kể hết cho bà ấy nghe. Karin sẽ không thể nào tưởng tượng ra nổi những gì đang xảy ra với cuộc sống của Birgitta. Bản thân Birgitta cũng có khác gì. Đó là một chuỗi các sự kiện khó tin đã dồn bà vào tình huống không lối thoát này.

Chuyến bay của bà bị chậm mất một tiếng và trên sân bay Heathrow rất lộn xộn, vì sau đó bà được biết có cảnh báo khủng bố bởi có một chiếc va li vô chủ bị bỏ lại trong nhà ga hàng không. Mãi tới chiều bà mới vào tới nội thành và thuê được một phòng khách sạn loại trung bình trên một phố nhỏ thuộc khu Tottenham Court Road. Bà ngã người nằm lên giường vì quá mệt mỏi. Trên máy bay bà đã ngủ thiếp đi được một lúc, nhưng tiếng gào khóc của một đứa trẻ khiến bà thức giấc. Thằng bé không chịu nín, dù mẹ nó có dỗ dành thế nào, cho tới khi lớp máy bay chạm xuống đường băng.

Bà thức dậy sau giấc ngủ kéo dài ba giờ đồng hồ. Trời đã nhập nhoạng tối. Bà đã định trong ngày hôm nay sẽ tìm đến địa chỉ của Hà ở khu phố Tàu, nhưng lúc này lại quyết định hoãn đến ngày mai. Bà xuống đường đi dạo một lúc rồi bước vào một quán ăn. Bỗng một đoàn khách du lịch rất đông người Trung Quốc bước vào trong quán. Bà hoảng sợ khi thấy họ nhưng rồi cũng trấn tĩnh lại được. Sau khi ăn xong bà trở về khách sạn, ngồi vào bên quầy bar uống trà. Lúc sau khi lấy chìa khóa phòng, bà thấy người trực đêm là một người Trung Quốc. Bà thăm hỏi liệu có phải gần đây người Trung Quốc mới có mặt ở khắp châu Âu, hay trước đây vẫn thế mà bà không để ý đến.

Bà tóm lược lại tình hình, người đàn ông Trung Quốc quay trở lại khách sạn Eden, ông Sture Hermansson chết. Bà định gọi điện cho Vivi Sundberg, nhưng lại từ bỏ ý định này. Một khi cuốn sổ đăng ký khách trọ đã biến mất, thì một bức ảnh từ camera ứng chế hầu như cũng không gây ấn tượng nào đối với cảnh sát. Thậm chí cái chết của ông Sture Hermansson cũng được cảnh sát coi như là một tai nạn, cho nên lúc này có gọi cho bà ấy cũng vô ích mà thôi. Thay vì thế, bà gọi đến khách sạn Eden. Nhưng không có ai nhắc máy, cũng không có máy trả lời tự động cho biết khách sạn tạm thời đóng cửa. Nhưng có lẽ là sẽ đóng cửa mãi mãi.

Không thể thoát ra khỏi nỗi sợ hãi nên bà đã thận trọng chặn ghế vào sau cánh cửa, kiểm tra các chốt cửa sổ. Bà lên giường nằm, chuyển hết kênh này đến kênh khác nhưng chỉ thấy trước mắt mình chất chõng hình ảnh một chiếc thuyền giống buồm ngoài khơi Madeira.

Bà thức dậy giữa đêm vì vô tuyến vẫn mở. Lúc này đang chiếu một bộ phim trắng đen cũ mà diễn viên nổi tiếng James Cagney đóng vai gangster. Bà tắt vô tuyến và tắt đèn, cố ngủ lại, nhưng uống công. Bà thức trắng cho đến sáng.

Bên ngoài trời lâm thâm mưa, bà uống cà phê, nhưng không ăn gì cả. Bà đi ra phố sau khi mượn được một chiếc ô ở quầy lễ tân, trực ở

đó giờ là một cô gái, trông như người Thái Lan hoặc Philippines. Bà tới quảng trường Leicester rồi từ đó tìm đường đến khu phố Tàu. Phần lớn các tiệm ăn còn đóng cửa. Bà tìm đến địa chỉ của Hà. Tiệm ăn ở tầng trệt vẫn đóng cửa. Ngôi nhà xây bằng gạch nung đỏ thẫm, nằm giữa hai hẻm nhỏ. Bà quyết định nhấn chuông căn hộ phía trên.

Nhưng có điều gì đó khiến bà do dự rụt ngón tay lại. Bà vào quán cà phê đối diện và gọi một tách trà. Thực ra bà biết được gì về Hà? Và bà đã biết được gì về Hồng Quế? Có lần Hồng Quế như từ cõi hư vô xuất hiện trước mặt bà bên chiếc bàn ăn ở khách sạn. Ai đã phái bà ấy đến? Có phải Hồng Quế là người đã cho người theo sát Karin và bà vào cái hôm hai người đi thăm Vạn Lý Trường Thành? Chỉ có một điều chắc chắn: cả Hồng Quế lẫn Hà đều biết rất rõ về bà. Và tất cả đều từ tấm ảnh mà ra. Trong bối cảnh ấy, vụ cướp chiếc túi xách dường như không còn là một tai nạn đáng tiếc nữa, mà ăn khớp với tất cả những việc còn lại. Khi tìm cách để hiểu rõ vấn đề hơn, thì dường như bà lại càng lạc sâu vào một mê lộ.

Liệu bà có lý không khi cho rằng Hồng Quế đã tìm cách để dụ bà ra khỏi khách sạn? Có lẽ chuyện Hồng Quế chết ở châu Phi do một vụ tai nạn cũng không phải là thật? Thực ra điều gì có thể chứng minh rằng Hồng Quế và người đàn ông mang cái tên là Vương Minh Hào, bằng cách này hay cách khác, lại không cùng nhau dính líu đến vụ giết người hàng loạt ở Hesjövallen? Cũng từ lý do đó mà Hà đã đến Helsingborg? Có thể Hà cũng không biết chuyện một người Trung Quốc lại hiện diện tại khách sạn Eden? Và liệu chẳng những thiên thần hộ mệnh đáng yêu kia lại chính là những thiên thần sa ngã đang khiến bà phân tâm để tước hết mọi khả năng tự vệ của bà?

Birgitta Roslin cố nhớ lại những gì đã kể với Hồng Quế trong những lần hai người chuyện trò. Bây giờ bà mới nhận ra là mình đã nói quá nhiều. Thật bất cần làm sao! Hồng Quế là người đã giật dây tất cả. Một lời nhận xét tình cờ và vô hại rằng vụ giết người hàng loạt ở Thụy Điển cũng được các phương tiện thông tin Trung Quốc đưa tin?

Liệu điều đó có đúng không? Không, Hồng Quế đã đẩy bà vào nguy hiểm để thấy bà vùng vẫy, rồi lại giúp bà rời khỏi đất nước ấy khi thấy đã biết quá đủ.

Tại sao Hà lại phải ngồi cả một ngày trời trong phòng xử án của bà? Cô ấy không biết tiếng Thụy Điển. Hoặc là có biết? Rồi sau đó cô ấy vội vàng quay trở về Luân Đôn. Hay là Hà ngồi ở đó chỉ là để giám sát bà có rời khỏi phòng xử án hay không? Có thể có ai đó đã cùng đi với Hà, người đó đã lục lọi nhà bà trong khi Hà ngồi ở phòng dự khán của tòa án?

Mình cần phải chia sẻ với ai đó, bà thầm nghĩ. Không phải là với Karin Wiman. Bà ấy sẽ không hiểu được. Staffan hay các con của mình. Nhưng hiện nay họ đang lang thang đâu đó trên biển và không thể liên lạc được.

Vừa lúc Birgitta Roslin định rời khỏi quán cà phê thì thấy cánh cửa nhà bên kia đường được mở ra. Hà bước ra ngoài đường và đi xuống phía quảng trường Leicester. Cô ấy có vẻ cảnh giác, bà Roslin thầm nghĩ vậy. Chính vì vậy mà bà còn do dự một lúc trước khi theo sau Hà. Khi đã đến quảng trường, Hà đi ngang qua công viên rồi rẽ xuống phố Strand. Trong suốt thời gian này bà Roslin luôn chú ý đến khả năng cô quay lại nhìn xem có ai bám theo sau không. Hà đã làm việc đó trước khi tới được đại sứ quán Zimbabwe. Bà Roslin kịp chụp ô che mặt. Sau đó bà suýt mất dấu Hà cho tới khi lại phát hiện thấy chiếc áo mưa màu vàng của cô. Hà đẩy cánh cửa nặng nề của khu nhà văn phòng trước lối vào khách sạn Savoy. Bà Roslin chờ mấy phút rồi tiến lại gần cửa, nơi có gắn một tấm biển bằng đồng thau bóng loáng và đọc dòng chữ trên tấm biển đó “Phòng thương mại Anh-Trung”.

Bà quay ngược trở lại và nhìn thấy một tiệm cà phê trên đường Regent ngay bên cạnh bùng binh Piccadilly. Ở đó bà bấm máy số điện thoại của Hà ghi trên tấm danh thiếp. Máy trả lời tự động đề nghị người gọi để lại tin nhắn. Bà nói:



– Tôi đã làm theo điều cô đã nói với tôi. Tôi đã đến Luân Đôn, vì tôi tin rằng mình bị truy đuổi. Hiện giờ tôi đang ngồi trong tiệm cà phê Simon, bên cạnh cửa hàng thời trang Rawson trên đường Regent, gần bùng binh Piccadilly. Lúc này là mười giờ. Tôi sẽ ngồi lại đây một tiếng đồng hồ. Nếu không thấy cô đến, tôi sẽ gọi lại một lần nữa trong ngày.

Bốn mươi phút sau Hà có mặt. Chiếc áo đi mưa màu vàng chói của cô lấp loáng giữa những chiếc áo tối màu. Bà Roslin có cảm giác điều này có một ý nghĩa gì đó.

Bà Roslin nhận ra Hà có vẻ lo lắng khi bước vào tiệm cà phê. Cô lập tức nói ngay trước khi kéo ghế ngồi.

– Có chuyện gì xảy ra vậy?

Cô phục vụ ghi món Hà gọi trước khi bà Roslin trả lời. Bà kể lại chi tiết về người đàn ông Trung Quốc xuất hiện ở khách sạn Eden tại Hudiksvall, người đàn ông mà đã có lần bà kể, và rằng ông chủ khách sạn đã bị giết chết.

– Điều đó có chắc chắn không?

– Tôi không đến Luân Đôn để nói chuyện vợ vẫn. Chuyện đó đã xảy ra và tôi lo sợ. Người đàn ông này hỏi về tôi. Anh ta có địa chỉ của tôi. Bây giờ tôi ở đây. Tôi làm theo điều mà bà Mã Lý hoặc đúng ra là bà Hồng Quế đã nói qua cô. Tôi lo sợ, nhưng tôi cũng tức giận, vì tôi linh cảm thấy bà Hồng Quế cũng như cô đã không nói sự thật với tôi.

– Tại sao tôi lại phải nói dối? Bà đã phải đi một chuyến xa đến tận Luân Đôn. Bà đừng quên rằng chuyến đi của tôi theo chiều ngược lại để tới gặp bà cũng xa như vậy.

– Tôi không được biết tất cả những gì đã xảy ra. Tôi không nhận được một lời giải thích, mặc dù tôi tin rằng có một cách giải thích.

Hà ngồi bất động. Ý nghĩ về chiếc áo mưa có màu quá chói cứ luẩn quẩn trong đầu bà Roslin.

– Bà nói đúng, Hà nói. Nhưng bà tin rằng chị Hồng Quế hay chị Mã Lý biết được nhiều hơn những gì họ đã nói ra sao?

– Khi cô tới gặp tôi, tôi chưa chắc lắm, nhưng giờ thì đã rõ. Bà Hồng Quế lo cho mạng sống của tôi. Bà ấy đã nói điều này với bà Mã Lý. Và thông điệp này tiếp tục đến được với cô. Ba người phụ nữ lần lượt báo cho người phụ nữ thứ tư biết về mối hiểm họa. Mối họa ấy không phải điều gì khác mà chính là cái chết. Không hiểu gì nên tôi đã tự đưa mình vào một mối nguy hiểm mà chỉ cho tới lúc này tôi mới ước đoán được mức độ của nó. Tôi nói vậy có đúng không?

– Cũng chính vì lẽ đó mà tôi đến đây.

Bà Birgitta Roslin nhào người qua bàn và nắm lấy bàn tay cô Hà.

– Vậy thì cô hãy giúp cho tôi hiểu. Cô hãy trả lời những câu hỏi của tôi.

– Nếu tôi có thể.

– Cô có thể. Cô đi một mình đến Helsingborg phải không? Liệu lúc này có ai đó đang theo dõi cô và tôi không? Cô có thừa thời gian để gọi điện cho một ai đó trước khi đến đây gặp tôi.

– Sao bà lại nghĩ như vậy?

– Đó không phải là câu trả lời, mà lại là một câu hỏi mới. Tôi muốn có câu trả lời.

– Tôi chỉ đi một mình đến Helsingborg.

– Vì sao cô lại ngồi cả một ngày trong phòng xử án? Cô không biết tiếng Thụy Điển, cô không hiểu những gì được nói ra ở đó.

– Không.

Bỗng bà Roslin chuyển sang nói bằng tiếng Thụy Điển. Hà nhăn trán lắc đầu.

– Tôi không hiểu.

– Có chắc không? Thế nếu thật ra cô rất hiểu tiếng mẹ đẻ của tôi?

– Nếu vậy, tôi đã nói chuyện với bà bằng tiếng Thụy Điển.

– Có thể cô có lợi thế khi không lộ ra rằng mình biết tiếng Thụy Điển. Thậm chí tôi còn tự hỏi liệu có phải cô cố tình mặc chiếc áo mưa màu vàng để ai đó dễ nhìn thấy cô hơn không.

– Tại sao?

– Tôi không biết. Lúc này tôi hoàn toàn không biết gì cả. Điều quan trọng nhất vẫn là bà Hồng Quế muốn cảnh báo tôi. Nhưng tại sao tôi lại phải tìm đến sự giúp đỡ của cô? Và cô có thể làm gì cho tôi?

– Bà hãy để tôi được bắt đầu với câu hỏi cuối cùng, Hà nói. Khu phố Tàu là một thế giới riêng của nó. Dù hàng ngàn khách du lịch và dân Anh đi trên các con phố của chúng tôi, đường Gerrard, đường Lisle, đường Wardour, cùng những con đường và ngõ hẻm khác, nhưng chúng tôi chỉ để họ tiếp cận với bề mặt của nó. Đằng sau khu phố Tàu trên những tấm bừa thiếp ấy là khu phố Tàu của tôi. Dù cho phần lớn những người Trung Quốc sống ở đây đều mang quốc tịch Anh nhưng chúng tôi đều cảm thấy đây là nhà mình. Tôi có thể giúp bà bằng cách để bà vào trong khu phố Tàu của tôi, nơi mà nếu không thì bà chẳng bao giờ tới gần được.

– Tôi phải lo sợ điều gì đây?

– Chị Mã Lý đã nói không rõ khi viết thư cho tôi. Nhưng đừng quên rằng chị ấy cũng có nỗi lo sợ. Chị ấy không viết ra, nhưng tôi cảm thấy như vậy.

– Mọi người đều sợ. Cô có sợ không?

– Còn chưa. Nhưng nó có thể đến rất nhanh.

Điện thoại di động của Hà đổ chuông. Cô đưa mắt nhìn lên màn hình rồi đứng dậy.

– Bà đang ở đâu? Cô hỏi. Ở khách sạn nào? Tôi phải quay về văn phòng.

– Khách sạn Sanderson.

– Tôi biết nó nằm ở đâu. Phòng bao nhiêu?

– 135.

– Chúng ta có thể gặp nhau vào ngày mai không?

– Vì sao lại phải chờ lâu vậy?

– Tôi không thể đi trước lúc đó được, vì công việc. Tối nay tôi có một cuộc họp, không thể vắng mặt được.

– Đúng vậy sao?

Hà nắm lấy bàn tay bà Roslin.

– Đúng vậy. Một đoàn đại biểu Trung Quốc đàm phán công việc của họ với một công ty của Anh. Nếu vắng mặt, tôi sẽ lập tức bị sa thải.

– Lúc này tôi chỉ có một mình cô, ngoài ra không còn ai khác.

– Sáng mai bà hãy gọi điện cho tôi. Tôi sẽ cố gắng sắp xếp để được rảnh.

Hà biến mất với chiếc áo mưa lất phất bay trong màn mưa. Bà Roslin ngồi lại, cảm thấy vô cùng mệt mỏi. Mãi lâu sau bà mới trở về khách sạn của mình, đương nhiên đó không phải là khách sạn Sanderson. Bà vẫn còn chưa tin Hà, cũng như bất kỳ ai mang về châu Á.

Buổi tối bà xuống nhà hàng của khách sạn. Sau khi ăn, lúc trời đã tạnh, bà quyết định ra phố một lần nữa, vào công viên, ngồi xuống chiếc ghế băng mà ngày trước Staffan và bà đã có lần ngồi.

Bà quan sát dòng người đến và đi, một đôi trai gái quấn chặt lấy nhau, bên cạnh bà. Lúc họ bỏ đi, có một người đàn ông đứng tuổi, tay cầm tờ báo vừa lấy ra từ sọt đựng giấy tới ngồi vào.

Bà lại thử gọi điện cho Staffan lúc này đang ở ngoài khơi Madeira, mặc dù biết rằng việc này là vô nghĩa.

Công viên dần thưa người. Cuối cùng bà cũng đứng dậy trở về khách sạn.

Đúng vào lúc ấy, bà thấy hấn. Hấn xuất hiện từ một trong những lối đi tắt ngay sau băng ghế bà đã ngồi. Hấn ăn vận toàn màu đen, không thể là ai khác mà chính là người đàn ông trên tấm ảnh. Hấn đi thẳng tới chỗ bà, trên tay cầm một vật gì đó loang loáng sáng.

Bà kêu to, giật lùi về phía sau. Hấn đến gần hơn trong khi bà bị ngã ngửa ra, đầu đập vào thành sắt của một chiếc ghế băng.

Điều cuối cùng bà nhìn được là bộ mặt của hắn, như thể bà muốn chụp lại hình ảnh của hắn bằng ánh mắt mình.

Tất cả chỉ có thế. Rồi sau đó bà chìm vào một khoảng tối mêh mông yên lặng.

Nhã Như thích bóng tối. Vì ở đó hắn có thể tàng hình giống như những con thú dữ mà hắn vừa thán phục vừa sợ hãi. Nhưng không chỉ mình hắn chơi trò này. Hắn thường nghĩ tới những doanh nhân trẻ đang trù tính chiếm đoạt quyền lực bằng kinh tế, rồi dần dần đòi có phần trong các cuộc hoạch định chính sách. Mỗi kẻ đều có khoảng tối riêng của mình để từ đó quan sát kẻ khác mà không bị ai nhìn thấy.

Nhưng khoảng tối mà hắn giấu mình trong đó vào buổi chiều muộn mưa gió ở Luân Đôn này lại có một mục đích khác. Hắn quan sát Birgitta Roslin ngồi trên chiếc ghế băng trong một công viên nhỏ bên cạnh quảng trường Leicester. Từ chỗ hắn nấp, chỉ có thể nhìn thấy lưng bà nhưng hắn không muốn bị phát hiện. Hắn để ý thấy bà có cảnh giác, thận trọng như một con thú đang lo lắng. Nhã Như không đánh giá thấp bà. Một khi chị Quế đã tin tưởng bà ta, có nghĩa là hắn cũng phải nhìn nhận bà ta một cách nghiêm chỉnh.

Hắn đã bám theo bà gần như suốt cả ngày hôm nay, từ lúc bà xuất hiện vào lúc sáng sớm trước nhà Hà. Hắn thích thú khi nghĩ chính hắn là chủ tiệm ăn này, nơi chồng Hà làm việc. Đương nhiên là vợ chồng họ không biết việc này. Nhã Như gần như không đứng tên sở hữu thứ gì. Ví dụ tiệm ăn mang tên Minh này là của Chinese Food Inc., một trong các công ty cổ phần có trụ sở ở Lichtenstein, giống như nhiều tiệm ăn khác tại châu Âu nằm trong tay Nhã Như. Hắn theo dõi cẩn thận các bản kết toán do những thanh niên Trung Quốc có tài năng được tuyển từ các trường đại học danh tiếng ở Anh lập ra. Nhã Như căm ghét tất cả những gì thuộc về nước Anh. Hắn không bao giờ quên lịch sử, thích thú khi cướp được của đất nước này những doanh nhân trẻ có tài năng, được các trường đại học tốt nhất đào tạo ra.

Nhã Như chưa lần nào ngồi ăn ở tiệm ăn mang tên Minh này. Và lần này hắn cũng không định làm việc đó. Chừng nào xong việc, hắn sẽ

quay về Bắc Kinh ngay.

Đã có một thời gian hẳn dành cho các sân bay một sự tôn thờ gần như kính cẩn. Ngày đó bất cứ đi đâu Nhã Như cũng đem theo cuốn *Marco Polo du ký*. Ý chí gan dạ muốn khám phá những điều mới lạ của ông là một tấm gương đối với hẳn. Còn bây giờ hẳn cảm thấy những chuyến đi càng ngày càng chán ngắt, dù cho hẳn đã có máy bay riêng, chương trình bay riêng và không phải mất thời gian chờ đợi ở các sân bay ồn ào. Cảm giác kích thích khi được di chuyển nhanh, khoái cảm khi vượt qua được các múi giờ, và trong trường hợp tuyệt nhất sẽ đến được đích trước cả giờ xuất phát mâu thuẫn với việc mất thời gian một cách ngu ngốc để chờ được cất cánh hay chờ lấy hành lý. Các sân bay đã biến thành các trung tâm thương mại rực rỡ ánh đèn, với thang cuốn, những hành lang ồn ã, những căn phòng bằng kính nơi những kẻ nghiện thuốc chen chân để trao đổi mồm mống ung thư với nhau, không còn là nơi người ta có thể nảy ra được những ý tưởng sáng tạo, những suy luận mới mẻ mang tính triết học. Hẳn nghĩ đến cái thời mà con người chỉ đi xa bằng tàu hỏa hoặc tàu thủy. Ngày đó các cuộc tranh luận, bàn cãi thông minh được xem như là một việc đương nhiên, giống như sự xa xỉ và nhàn rỗi vậy.

Chính vì những lẽ đó mà hiện nay hẳn sắm máy bay riêng, một chiếc Gulfstream siêu hiện đại, trên đó có những tủ sách cổ gồm những tác phẩm văn học nổi tiếng của Trung Quốc và thế giới.

Hẳn cảm thấy mình như có một mối liên hệ thần bí nào đó với với thuyền trưởng Nemo, người phiêu du với chiếc tàu ngầm như một vị hoàng đế cô đơn không vương quốc, với một thư viện lớn cùng mối căm thù sâu sắc dành cho loài người. Nemo xem một vị hoàng tử Ấn Độ đã mất tích như là hình mẫu của mình. Vị hoàng tử này đã lãnh đạo cuộc kháng chiến chống lại đế quốc Anh, và trong phương diện này Nhã Như cũng cảm thấy mình có họ hàng với ông ta. Nhưng hẳn vẫn thấy mình giống hơn cả với Nemo, người kỹ sư tài năng và nhà triết học hiểu biết rộng. Chiếc máy bay Gulfstream được hẳn đặt tên là

*Nautilus II*, và trên hành lang dẫn vào buồng lái có treo một bức chạm khắc phóng to mô tả cảnh thuyền trưởng Nemo đang đứng trong thư viện lớn của con tàu *Nautilus* cùng vài người khách bất đắc dĩ.

Nhưng điều quan trọng bây giờ là bóng tối. Hãn giấu mình rất kỹ, quan sát người phụ nữ mà hãn phải giết. Lại một điểm chung nữa với thuyền trưởng Nemo: hãn tin vào sự báo thù. Sự cần thiết phải trả thù là một trong những động lực chính của lịch sử.

Không lâu nữa mọi chuyện sẽ kết thúc. Lúc này đây, khi hãn đang có mặt ở khu phố Tàu tại Luân Đôn và những giọt mưa rơi lên cổ áo vest, một ý nghĩ vụt qua tâm trí hãn: cũng khá hợp lý khi mọi chuyện lại kết thúc ở Anh quốc. Chính từ đây hai anh em cụ Vương đã lên đường trở về Trung Quốc, nhưng chỉ có một người được thấy lại quê hương.

Nhã Như thích chờ đợi, một khi hãn làm chủ được thời gian của mình. Ngược lại với những người ở sân bay phải chịu sự kiểm soát. Đôi khi bạn bè hãn ngạc nhiên về điều đó, họ luôn thấy cuộc sống quá ngắn ngủi, cái cuộc sống do một vị Thượng đế giống như một ông quan già cau có luôn tìm cách xén bớt lộc thú tạo ra. Trong những lần chuyện trò với những người bạn, những người giờ đây đang sắp độc chiếm đất nước Trung Quốc hiện đại Nhã Như đã nhấn mạnh rằng Thượng đế, người đã tạo ra cuộc sống, rõ ràng biết rõ mình đã làm gì: nếu con người được phép sống quá lâu thì cuối cùng họ sẽ biết rất nhiều và nhìn thấu được tầng lớp quan lại rồi có thể đi đến quyết định tiêu diệt lớp người này. Với Nhã Như, sự ngắn ngủi của cuộc sống chính là thành trì vững chắc nhất chống lại các cuộc nổi loạn. Và như thường lệ, bạn bè hãn đồng ý với quan điểm này, mặc dù không phải lúc nào họ cũng hiểu được lý lẽ của hãn. Trong số những kẻ tranh giành ngôi vị này, Nhã Như là người nổi bật hơn cả. Người ta ít đặt câu hỏi đối với kẻ ưu việt.

Mỗi năm một lần hãn mời những người quen thân đến trang trại nằm ở phía Tây Bắc Quảng Châu. Họ đánh giá từng con ngựa đực



được thả tự do, cá cược với nhau, rồi quan sát các cuộc đấu tranh giành quyền thống trị trong đàn, cho tới cuối cùng một trong những con ngựa đực đó, thờ sùi bọp mép, đứng trên đỉnh đồi, chứng tỏ nó là con khỏe nhất.

Nhã Như thường dựa vào động vật mỗi khi hắn muốn hiểu rõ thái độ của riêng mình và của những người khác. Hắn là con báo gấm, và cũng là con ngựa đực chiến đấu tới cùng cho đến lúc trở thành vị hoàng đế đơn độc.

Ý nghĩ của hắn bị gián đoạn khi Birgitta Roslin đứng dậy.

Suốt một ngày trời theo chân bà, hắn đã nhận ra: bà ấy sợ hãi thường hay quay lại nhìn phía sau, vẻ bồn chồn. Bà ấy lo lắng. Điều này rất có lợi cho hắn, ngay cả khi hắn vẫn chưa biết sẽ làm thế nào.

Lúc này bà ấy đã đứng lên. Nhã Như vẫn rình trong bóng tối.

Bỗng xảy ra một việc mà hắn hoàn toàn không ngờ tới. Birgitta Roslin giật mình, hét lên, đi giật lùi, vấp ngã, đầu đập mạnh vào thành ghế băng. Một người đàn ông Trung Quốc đứng lại, cúi xuống xem bà có bị thương không. Nhiều người xúm lại. Nhã Như ra khỏi chỗ nấp, trà trộn vào đám đông đang vây quanh người đàn bà nằm trên mặt đất. Hai cảnh sát tuần tra vội chạy đến. Nhã Như len người vào để nhìn cho rõ hơn. Lúc này Birgitta Roslin đã ngồi dậy. Hình như bà ấy chỉ bị choáng một vài phút. Hắn nghe thấy cảnh sát hỏi bà xem có cần xe cấp cứu không nhưng bà từ chối.

Đây là lần đầu tiên Nhã Như nghe được giọng nói của bà. Hắn cố ghi nhớ, một giọng khá buồn, lo lắng.

– Tôi vấp ngã, hắn nghe bà nói. Tôi cứ nghĩ có ai đó đang tiến lại gần mình nên sợ.

– Bà có bị người đó tấn công không?

– Không. Đó chỉ là do tôi tưởng tượng ra.

Người đàn ông làm cho bà sợ vẫn còn đứng đó. Nhã Như thấy giữa người này với Lưu Sinh có nét gì đó giống nhau.

Nhã Như mỉm cười. Phản ứng của bà đã phản bội bà. Thoạt tiên chúng cho biết bà sợ và cảnh giác, rồi giờ thì rõ ràng là bà sợ một người đàn ông Trung Quốc nhảy xổ vào mình.

Hai cảnh sát đưa bà về khách sạn. Nhã Như đi theo sau, giữ một khoảng cách nhất định. Lúc này hẳn đã biết nơi bà ở. Cảnh sát đưa bà về tới lối vào khách sạn, sau khi thấy bà đã có thể đi một mình được, họ chào bà rồi quay đi. Nhã Như thấy nhân viên lễ tân trao chiếc chìa khóa để ở ngăn trên cùng cho bà Roslin. Hẳn chờ thêm mấy phút rồi mới bước vào bên trong. Nhân viên lễ tân là một phụ nữ Trung Quốc. Nhã Như cúi người chào và đưa cho chị ta một mảnh giấy.

– Người phụ nữ vừa vào đây. Bà ấy đánh rơi tờ giấy này trên đường đi.

Nhân viên lễ tân cầm lấy tờ giấy để nó vào một ngăn trống có ghi số phòng 614, nằm ở tầng trên cùng của khách sạn. Đó chỉ là một tờ giấy trắng. Bà Roslin hẳn sẽ hỏi mảnh giấy này là của ai đưa trả.

Một người Trung Quốc, câu trả lời sẽ là như vậy. Và bà ấy sẽ còn hoảng sợ hơn và cũng sẽ cảnh giác hơn. Sau khi đã nhận ra được điều này, có nghĩa là nó sẽ không còn là mối nguy hiểm đối với hẳn nữa.

Nhã Như làm ra vẻ như đang đọc tờ quảng cáo của khách sạn trong lúc nghĩ xem làm thế nào để biết bà Roslin đăng ký ở lại đây đến hôm nào. Cơ hội đã đến, một cô gái người Anh đến thay ca trực cho người phụ nữ Trung Quốc. Nhã Như đi đến bên quầy lễ tân.

– Bà Birgitta Roslin, anh ta nói. Đến từ Thụy Điển. Tôi có nhiệm vụ đưa bà ấy ra sân bay. Nhưng tôi không biết là ngày mai hay ngày kia.

Cô lễ tân không chút nghi ngờ, gõ lên bàn phím máy tính.

– Bà Roslin đăng ký nghỉ ba đêm. Tôi có cần gọi điện thoại cho bà ấy để hai người thống nhất giờ đón không?

– Tôi sẽ làm việc với văn phòng của chúng tôi. Không nên quấy rầy khách khi không cần thiết.

Nhã Như rời khách sạn. Trời lại bắt đầu mưa phùn. Hẳn dựng cao cổ áo, đi về đường Garrick để vẫy taxi. Bây giờ hẳn không còn phải lo

lãng về thời gian còn lại. Tất cả những chuyện này đã bắt đầu quá lâu rồi, hẳn nghĩ. Vậy thì nó có thể kéo dài thêm một vài ngày nữa cũng không sao, miễn là nó sẽ có cái kết không tránh khỏi.

Hắn lên taxi, nói địa chỉ ở Whitehall, nơi công ty Lichtenstein của hắn có một căn hộ nhiều phòng, mỗi lần sang Anh hắn thường ở đó. Hắn thường tự trách mình là đã phản bội ký ức của tổ tiên khi ở lại Luân Đôn, trong khi hắn hoàn toàn có thể lựa chọn Paris hoặc Berlin. Trong lúc ngồi trên taxi, hắn đã quyết định sẽ bán căn hộ này và mua một căn khác tại Paris làm chỗ trú chân.

Cũng đã đến lúc kết thúc mọi việc ở đây.

Hắn nằm lên giường và im lặng lắng nghe. Sau khi mua căn hộ này hắn đã cho cách âm toàn bộ các bức tường. Không còn nghe thấy bất cứ âm thanh nào từ đường phố vọng vào nữa. Tiếng động duy nhất bây giờ là tiếng máy điều hòa chạy ro ro, nó khiến hắn có cảm giác như đang ở trên boong một con tàu, một sự im lặng lớn lao.

– Từ khi nào? Hắn nói to với chính mình trong căn phòng này. Từ khi nào sự việc ấy đã bắt đầu để rồi phải kết thúc vào lúc này?

Hắn nhắm tính lại trong đầu. Năm 1868 cụ Sáng đã ngồi bên chiếc bàn trong một căn phòng nhỏ của trạm truyền giáo. Bây giờ đã là năm 2006. Một trăm ba mươi tám năm. Cụ Sáng đã vất vả ngồi bên ngọn đèn cầy để viết lại từng dòng câu chuyện của mình, câu chuyện của các anh em mình, Quốc Sĩ và Vũ. Câu chuyện bắt đầu từ cái ngày họ phải rời bỏ làng quê nghèo khổ của mình, dắt díu nhau trên con đường dài đến Quảng Châu. Nơi đó quý dữ đã đội lốt Di. Sau đó cái chết bám theo họ từng bước một. Cuối cùng chỉ còn lại cụ Sáng và mong muốn bằng mọi giá phải kể lại câu chuyện này.

Họ đã chết trong sự tủi nhục cùng cực nhất, hẳn nghĩ. Những triều đại vua chúa và quan lại Trung Hoa đã làm theo lời khuyên của Khổng Tử, đè nén dân dưới ách thống trị để họ không có cơ hội nổi loạn. Ba anh em cụ chạy trốn đến nơi họ nghĩ sẽ có một cuộc sống tốt đẹp hơn.

Nhưng người Mỹ đã đọa đày họ trên công trường xây dựng đường sắt. Đồng thời bọn người Anh với sự khinh miệt lạnh lùng đã tìm mọi cách làm cho người Trung Quốc nghiện nha phiến, thị trường Trung Quốc tràn ngập thuốc phiện. Đây là cách mình nhìn những lái buôn người Anh tàn nhẫn này: bọn buôn bán ma túy đứng bên góc phố bán ma túy cho những con người mà chúng khinh miệt, coi như là những sinh vật hạ đẳng. Cách đây không lâu, tranh biếm họa của châu Âu và của Mỹ về người Trung Quốc là những con khỉ. Nhưng tranh biếm họa ấy đã nói lên sự thật. Chúng ta được sinh ra để làm nô lệ và để bị sỉ nhục. Chúng ta không phải là con người, mà là con vật.

Mỗi lần Nhã Như đi trên đường phố Luân Đôn, hẳn thường nghĩ rằng rất nhiều ngôi nhà xung quanh hẳn đã được xây dựng lên bằng tiền của một dân tộc bị biến thành nô lệ, bằng nỗ lực và nỗi đau của họ, bằng sống lưng bị đập vỡ của họ, bằng cái chết của họ.

Cụ Sáng đã viết gì? Rằng họ đã xây dựng tuyến đường sắt chạy qua các hoang mạc của Mỹ với những chiếc xương sườn của người Trung Quốc thay cho thanh tà vẹt. Cũng như những tiếng kêu, nỗi đau của người nô lệ đổ vào những cây cầu sắt bắc qua sông Thames hoặc vào trong những bức tường dày của các tòa nhà khổng lồ ở khu tài chính cũ của Luân Đôn.

Nhã Như ngủ thiếp đi khi đang theo dòng suy nghĩ. Lúc thức dậy, hẳn đi ra phòng khách toàn đồ gỗ Trung Quốc. Trên mặt chiếc bàn kê trước chiếc sofa đỏ thẫm có một chiếc túi vải lụa màu xanh nhạt. Hẳn mở miệng túi sau khi đã trải sẵn một mảnh giấy trắng trên mặt bàn. Sau đó hẳn dốc từ trong túi vải ra một ít bột thủy tinh rất mịn. Đây là một phương pháp giết người rất cổ: người ta trộn thứ bột thủy tinh hầu như không nhìn thấy này vào một đĩa xúp hoặc một cốc trà. Ai uống thứ này vào người sẽ không còn cách cứu chữa. Những mảnh thủy tinh cực kỳ nhỏ này sẽ cửa đứt ruột người đó. Thời xa xưa người ta gọi nó bằng cái tên “Thần chết vô hình”, vì cái chết xuất hiện bất ngờ, không giải thích nổi.

Câu chuyện mà cụ Sáng đã bắt đầu sẽ tìm thấy cái kết với loại bột này. Nhã Như thận trọng đổ bột thủy tinh vào lại chiếc túi vải lụa, rồi thắt chặt miệng túi. Sau đó hẵn tắt hết đèn trong căn hộ, chỉ để lại một ngọn đèn có chao màu đỏ có hình con rồng được thêu bằng những sợi kim tuyến. Hẵn ngồi lên chiếc ghế gỗ ngày xưa thuộc sở hữu của một đại địa chủ giàu có vùng Sơn Đông. Hẵn hít thở sâu và chìm vào trạng thái yên lặng giúp hẵn có thể suy nghĩ sáng suốt nhất.

Hẵn cần tới một tiếng đồng hồ để quyết định xem mình sẽ viết chương cuối cùng như thế nào khi giết chết Roslin, người đàn bà rất có thể đã cung cấp cho chị Quế những điều bí mật có thể gây hại cho hẵn. Những bí mật đó rất có thể đã được chị Quế tiếp tục nói cho người khác mà hẵn không được biết. Sau khi đã đi đến quyết định, hẵn ấn ngón tay lên một nút bấm trên mặt bàn. Vài phút sau hẵn nghe thấy tiếng bà Lăng bắt đầu chuẩn bị bữa ăn tối cho hẵn.

Trước đây bà Lăng làm công việc dọn dẹp văn phòng của hẵn ở Bắc Kinh. Rất nhiều đêm hẵn quan sát những động tác lặng lẽ của bà, người phụ nữ cần mẫn nhất trong số những người làm lao công trong tòa nhà.

Vào một tối, hẵn hỏi bà sống thế nào. Khi nghe bà nói ngoài công việc lau chùi vệ sinh văn phòng, bà còn biết làm các bữa tiệc truyền thống cho các đám ma chay cưới hỏi, hẵn đã đề nghị bà nấu cho hẵn một bữa ăn vào tối hôm sau. Sau đó hẵn đã nhận bà làm đầu bếp, trả bà một mức lương mà chưa bao giờ bà dám mơ tới. Con trai của bà di cư sang Luân Đôn, nên Nhã Như cũng đưa bà sang đó để nấu ăn cho hẵn, mỗi khi hẵn đến đây.

Tối đó bà nấu cho hẵn nhiều món khác nhau. Không cần phải hỏi nhưng bà hiểu rõ hẵn muốn gì. Bà đặt một ấm trà lên máy hâm nóng.

– Còn bữa điểm tâm sáng mai? Bà hỏi trước khi ra khỏi phòng.

– Không cần. Tôi tự làm lấy. Nhưng bữa tối bà nhớ làm cho tôi món cá nhé.

Nhã Như đi ngủ sớm. Từ khi rời Bắc Kinh, hã chưa được ngủ liền mạch một giấc dài. Chuyển đi sang châu Âu, rồi chuyển tàu xe phức tạp đến thành phố nhỏ nằm ở miền Bắc Thụy Điển, rồi sau đó lại phải xuống Helsingborg, nơi hã đột nhập vào căn nhà của Birgitta Roslin và đã nhìn thấy một mảnh giấy bên cạnh máy điện thoại, trên đó có những chữ cái được viết ra một cách dứt khoát “Luân Đôn”. Hã nói với viên phi công lập tức xin giấy phép bay. Hã đoán Birgitta Roslin sẽ tìm gặp Hà ở Luân Đôn. Và đúng như dự đoán, hã đã nhìn thấy bà đến ngôi nhà đó, do dự một lúc rồi tạt vào tiệm cà phê bên kia đường.

Hã ghi lại một vài chi tiết vào sổ nhật ký, tắt đèn và một lúc sau đã chìm vào giấc ngủ.

Ngày hôm sau bầu trời Luân Đôn phủ đầy những đám mây nặng nề. Nhã Như thức dậy như thường lệ vào lúc năm giờ sáng, nghe thời sự Trung Quốc qua làn sóng ngắn radio. Hã tìm hiểu thông tin về những biến động chứng khoán trên máy tính, tiến hành các cuộc trao đổi với hai giám đốc trong công ty về các dự án đang tiến hành, rồi sau đó tự làm bữa ăn sáng đơn giản, chủ yếu là hoa quả.

Hã rời căn hộ lúc bảy giờ, đút vào túi áo chiếc túi lụa nhỏ. Kế hoạch của hã có một ẩn số: hã không biết Birgitta Roslin ăn bữa sáng vào lúc mấy giờ. Nếu như khi hã đến khách sạn mà Roslin đã ăn sáng rồi, thì buộc hã phải lùi việc này sang sáng hôm sau.

Hã đi đến quảng trường Trafalgar, đứng lại một lúc nghe người đàn ông chơi đại vĩ cầm trên đường phố. Hã ném vài đồng tiền xu vào chiếc mũ, rồi tiếp tục đi. Hã rẽ vào đường Irving rồi từ từ đi về phía khách sạn.

Hôm nay đứng ở quây lễ tân là một người đàn ông mà hã chưa gặp lần nào. Hã đến bên quây lấy một tấm thiệp của khách sạn, và tranh thủ liếc nhìn ngăn tủ nhưng không thấy tờ giấy trắng ấy nữa.

Cánh cửa vào phòng ăn điểm tâm để ngỏ. Hã lập tức nhận ra Birgitta Roslin. Bà ngồi bên chiếc bàn gần cửa sổ và hình như cũng

vừa mới bắt đầu ăn sáng, vì lúc này tách cà phê mới được đem đến.

Nhã Như nín thở suy nghĩ. Rồi hẳn quyết định không chờ nữa. Sáng hôm nay câu chuyện của cụ Sáng sẽ kết thúc. Hẳn cởi áo măng tô, quay sang người bồi bàn nói rằng mình không phải là khách trọ của khách sạn, nhưng muốn được ăn sáng ở đây và thanh toán tiền mặt. Anh bồi là người Hàn Quốc. Anh ta dẫn Nhã Như đến chiếc bàn kê chéo phía sau bàn mà bà Roslin đang ngồi ăn sáng.

Nhã Như đưa mắt nhìn phòng ăn. Bên bức tường gần chỗ bàn hẳn là một lối thoát hiểm. Khi đứng dậy đi lấy một tờ báo, hẳn muốn chắc chắn là cánh cửa này không bị khóa. Hẳn quay lại bàn mình, gọi trà và chờ đợi. Còn nhiều bàn trống, nhưng Nhã Như đã thấy còn rất ít chìa khóa treo trên bảng, chứng tỏ khách sạn đang có nhiều khách trọ.

Hẳn lấy điện thoại di động cùng tấm thiệp của khách sạn ra rồi bấm số và chờ đợi. Khi người trực lễ tân nhắc máy, Nhã Như bảo mình có tin nhắn quan trọng cho một bà khách tên là Birgitta Roslin.

– Tôi sẽ nối máy lên phòng bà ấy.

– Có lẽ bà ấy đã có mặt ở phòng ăn sáng của khách sạn. Bà ấy luôn ăn sáng vào giờ này. Ông làm ơn mời bà ấy đến bên máy được không.

– Tôi sẽ đến bảo với bà ấy.

Nhã Như giữ điện thoại di động trong tay cho tới lúc nhìn thấy người đàn ông trực lễ tân bước vào phòng ăn. Hẳn tắt máy, nhét nó vào túi áo, và lấy ra chiếc túi vải lụa màu xanh nhạt. Lúc bà Roslin đứng dậy đi theo người đàn ông ra quầy lễ tân, Nhã Như đi đến bên bàn của bà. Hẳn nhặt tờ báo của bà lên và nhìn quanh như thể muốn tin chắc rằng người khách ngồi ở đây thật sự đã đi rồi. Hẳn chờ cho tới khi người bồi rót cà phê thêm cho khách ở bàn bên cạnh xong, mắt không rời khỏi khung cửa dẫn ra quầy lễ tân. Khi người bồi quay đi, hẳn nhanh nhẹn mở túi dốc bột thủy tinh vào cốc cà phê của bà Roslin.

Roslin quay lại phòng ăn. Lúc này Nhã Như đã trở về bàn của mình.

Đúng lúc đó, kính cửa sổ vỡ tung thành nhiều mảnh nhỏ, tiếng nổ khô khốc của một viên đạn hòa với tiếng thủy tinh vỡ. Nhã Như chẳng

kịp tự nhủ rằng có gì đó không ổn đã xảy ra. Viên đạn bắn trúng vào thái dương bên phải, phá vỡ một mảng đầu khiến Nhã Như chết ngay tại chỗ, ngã gục lên mặt bàn làm chiếc bình hoa rơi xuống nền nhà vỡ tan.

Birgitta Roslin đứng sững lại như những người khác đang có mặt trong phòng ăn, các cô phục vụ và anh bồi đang cầm chiếc bát đựng trứng luộc trên tay. Có ai đó hét lên phá tan bầu không khí yên lặng. Birgitta Roslin trân trân nhìn xác người chết nằm vắt trên mặt bàn trải khăn trắng. Bà vẫn chưa biết việc này có liên quan đến mình. Trong cơn hoảng hốt, bà thoáng cho rằng Luân Đôn bị khủng bố tấn công.

Rồi bà thấy như có người nắm lấy cánh tay mình. Bà tìm cách hất ra và quay đầu lại.

Hà đang đứng bên bà.

– Đừng hỏi gì cả, Hà nói nhỏ. Bà hãy đi với tôi. Chúng ta không thể ở lại đây.

Hà đẩy bà Roslin đi ra sảnh.

– Bà đưa chìa khóa phòng cho tôi, Hà nói tiếp. Tôi lên phòng thu dọn đồ đạc của bà, trong lúc bà thanh toán tiền trọ.

– Chuyện gì xảy ra vậy?

– Bà đừng hỏi nữa. Bà hãy làm những gì tôi bảo.

Hà bóp chặt cánh tay của bà đến mức bà thấy đau. Lúc này trong sảnh đã trở nên rất lộn xộn, mọi người vừa kêu hét vừa chạy đi chạy lại không biết phải làm gì.

– Bà phải thanh toán tiền trọ bằng được, Hà nói. Chúng ta phải rời khỏi đây ngay.

Birgitta Roslin đã hiểu. Không phải là hiểu chuyện gì đã xảy ra, mà hiểu điều Hà nói. Bà đứng bên quầy lễ tân, to tiếng với người trực lúc này đang hết sức lúng túng, bảo anh ta rằng bà muốn thanh toán. Hà



biến mất trong thang máy, mười phút sau đã quay xuống chỗ Birgitta Roslin cùng với chiếc túi du lịch. Lúc này cảnh sát và nhóm cấp cứu đã có mặt ở sảnh.

Birgitta Roslin đã thanh toán xong.

– Bây giờ chúng ta bình tĩnh đi ra ngoài. Nếu có ai định giữ bà lại, bà nói là mình phải ra sân bay ngay.

Hai người len qua cửa ra ngoài đường mà không bị ai giữ lại. Birgitta Roslin dừng lại nhìn khách sạn một lần nữa. Hà lại kéo tay bà.

– Bà đừng quay nhìn lại nữa. Bà hãy đi bình thường. Chúng ta sẽ nói chuyện với nhau sau.

Hai người về tới nhà của Hà, đi lên căn hộ của cô ở tầng hai. Tại đó có một thanh niên chừng hai mươi tuổi đang ngồi chờ. Cậu ta trông xanh xao và lo lắng nói gì đó với Hà. Cậu ta có vẻ bị sốc. Bà Roslin để ý thấy Hà tìm cách làm cho cậu ta bình tĩnh lại. Hà dẫn cậu ta sang phòng bên cạnh trong khi vẫn nói chuyện với cậu ta. Lúc hai người quay lại, bà Roslin thấy cậu thanh niên mang theo một bọc thun dài và biến ra khỏi cửa. Hà đến đứng bên cửa sổ nhìn xuống dưới đường. Bà Birgitta Roslin gieo mình xuống chiếc ghế bành. Mãi tới lúc này bà mới ý thức được rõ là người đàn ông bị bắn ấy đã ngã gục lên chiếc bàn ngay cạnh bàn mình.

Bà nhìn cô Hà lúc này đã rời khỏi cửa sổ. Trông cô cũng rất xanh xao. Bà thấy người cô run lên bần bật.

– Có chuyện gì xảy ra vậy? Bà hỏi.

– Đáng lẽ ra người chết phải là bà, Hà nói. Anh ta muốn giết bà. Tôi phải nói ra điều đó.

Bà Roslin lắc đầu.

– Cô nên nói rõ ràng một chút. Nếu không tôi chẳng hiểu gì cả.

– Người đàn ông bị giết ấy là Nhã Như. Em trai của chị Hồng Quế. Anh ta đang tìm cách giết bà. Đến phút cuối cùng chúng tôi đã chặn được anh ta.

– “Chúng tôi” là ai vậy?

– Bà đã có thể bị giết chết, chỉ vì đã không đưa cho tôi đúng tên khách sạn bà ở. Vì sao bà phải làm như vậy? Bà không tin tôi sao? Chẳng lẽ bà lại rối trí tới mức không thể phân biệt được ai là bạn ai là thù sao?

Bà Roslin giơ cao hai tay.

– Cô nói nhanh quá, tôi không theo kịp. Em trai của bà Hồng Quế? Tại sao anh ta lại phải giết tôi chứ?

– Vì bà biết quá nhiều về sự kiện xảy ra ở đất nước bà. Tất cả những người bị giết ấy. Hãn Nhã Như là kẻ đứng sau chuyện đó. Dù thế nào thì chị Quế cũng phỏng đoán như thế.

– Nhưng tại sao?

– Tôi không thể trả lời được. Vì tôi không biết.

Bà Roslin ngồi im lặng ở đó. Lúc Hà định nói tiếp, bà giơ tay cản lại.

– Ban nãy cô đã nói “chúng tôi”, có phải cậu thanh niên vừa đi khỏi đây mang theo một cái bọc không? Một khẩu súng à?

– Đúng. Tôi đã bảo Sáng chú ý đến bà. Nhưng ở cái khách sạn mà bà nói với tôi, không có tên bà. Chính Sáng đã nhận thấy có một khách sạn ngay cạnh đó. Chúng tôi đã nhìn thấy bà qua cửa sổ. Khi Nhã Như đến gần bàn của bà, chúng tôi hiểu ra rằng anh ta muốn giết bà. Vậy là Sáng đã lấy súng ra và nhắm. Việc diễn ra quá nhanh nên không một ai trên đường kịp hiểu. Phần nhiều người ta nghĩ đó là tiếng ống xả xe mô tô. Sáng đã giấu khẩu súng dưới áo măng tô.

– Sáng ư?

– Con trai của chị Hồng Quế. Chị ấy đã bảo nó sang gặp tôi.

– Tại sao?

– Chị Hồng Quế không chỉ lo lắng cho mạng sống của mình và của bà. Chị ấy cũng lo lắng cho cả cậu con trai. Sáng tin rằng Nhã Như đã cho người giết chị Hồng Quế. Nó đã sẵn sàng trả thù.

Birgitta Roslin thấy sợ. Cảm giác của bà ngày càng rõ nét hơn, đau đớn hơn: giờ bà đã biết chuyện gì đã xảy ra. Chính là cái điều mà trước kia bà đã linh cảm thấy, nhưng rồi lại rũ bỏ nó, vì thấy nó không hợp lý: chính một sự kiện trong quá khứ đã gây ra vụ tàn sát ở Hesjövallen.

Bà đưa tay nắm lấy cánh tay Hà, nước mắt lưng tròng.

– Giờ thì mọi chuyện đã kết thúc rồi chứ?

– Tôi tin là thế. Bà có thể trở về nhà. Nhã Như đã chết. Tất cả đã dừng lại. Cả bà và tôi đều không biết chuyện gì sẽ xảy ra tiếp sau. Nhưng bất luận thế nào bà cũng không còn liên quan đến chuyện này nữa.

– Làm sao tôi có thể tiếp tục sống với tất cả những chuyện này mà không thực sự hiểu rõ?

– Tôi sẽ tìm cách giúp bà.

– Thế còn Sáng?

– Chắc chắn cảnh sát sẽ tìm nhân chứng, họ sẽ nói rằng một người Trung Quốc bắn chết một người Trung Quốc. Nhưng sẽ không ai có thể nhận ra Sáng.

– Cậu ấy đã cứu mạng tôi.

– Và có thể là cả mạng của nó nữa, vì Nhã Như đã chết.

– Nhưng người đàn ông, em trai của bà Hồng Quế, là ai mà ai cũng sợ anh ta?

Hà lắc đầu.

– Tôi không biết liệu mình có thể trả lời được câu hỏi này không. Đứng trên nhiều phương diện, anh ta là đại diện cho một đất nước Trung Hoa mới mà cả chị Hồng Quế cả chị Mã Lý cả tôi cả Sáng đều không muốn. Hiện nhiều xung đột lớn đang xoay quanh tương lai của đất nước chúng tôi. Không một ai biết ngày mai sẽ như thế nào. Mọi thứ chưa đâu vào đâu cả. Vậy nên ai cũng làm điều mà mình cho là đúng.

– Như giết chết Nhã Như?

– Đó là việc cần thiết.

Birgitta Roslin đi vào bếp uống một cốc nước. Lúc đặt cốc nước xuống, bà biết đã đến lúc phải trở về nhà. Tất cả những cái gì còn chưa rõ có thể chờ đợi. Lúc này bà muốn trở về, rời khỏi Luân Đôn, rời xa chuyện đã xảy ra.

Hà tiễn bà đến sân bay Heathrow. Sau bốn tiếng chờ đợi cuối cùng bà cũng đã có thể lên chuyến bay đến Copenhagen. Hà muốn ở lại chờ cho đến khi máy bay cất cánh, nhưng bà Roslin bảo cô cứ yên tâm đi về.

Khi về đến Helsingborg, bà mở một chai rượu vang rồi uống cạn trong đêm hôm đó. Bà ngủ gần như suốt cả ngày hôm sau. Bà thức dậy khi nghe có tiếng chuông điện thoại. Đó là Staffan gọi về báo chuyến du ngoạn bằng thuyền buồm của họ đã kết thúc. Bà Roslin không tự chủ được nữa, bật khóc nức nở.

– Sao vậy? Có chuyện gì xảy ra vậy?

– Không có chuyện gì cả, em chỉ mệt thôi.

– Bố con anh về nhà nhé?

– Đừng. Hoàn toàn không có chuyện gì cả. Nếu anh muốn giúp em, thì chỉ cần anh tin những điều em nói là không có chuyện gì xảy ra cả. Hãy kể cho em nghe về chuyến du ngoạn thuyền buồm.

Họ nói chuyện với nhau rất lâu. Bà nài ông hãy kể thật chi tiết về chuyến du ngoạn, kế hoạch của họ cho buổi tối hôm nay và ngày hôm sau. Trước khi gác máy, bà đã làm cho ông yên tâm.

Bản thân bà cũng thấy bình tâm trở lại.

Ngày hôm sau, bà đi làm. Hà cũng gọi điện cho bà.

– Không lâu nữa tôi sẽ có nhiều chuyện để kể cho bà, cô nói.

– Tôi hứa với cô là sẽ chú ý lắng nghe. Cậu Sáng thế nào?

– Nó bị sốc, sợ hãi, thương nhớ mẹ. Nhưng rất có nghị lực.

Sau khi kết thúc cuộc trò chuyện, bà vẫn ngồi lại bên chiếc bàn bếp.

Bà nhắm mắt.

Hình ảnh người đàn ông ngã gục trên chiếc bàn ở phòng ăn trong khách sạn cũng đã bắt đầu nhạt dần đi.

Birgitta Roslin có phiên xử cuối cùng trước kỳ nghỉ giữa hè một vài ngày. Staffan và bà đã thuê căn nhà nghỉ ở Bornholm. Họ sẽ nghỉ hè ở đó ba tuần, các con sẽ lần lượt đến thăm họ ở đó.

Trời mưa và mát mẻ khi bà tới tòa án sơ thẩm. Sự kiện xảy ra ở Luân Đôn vẫn thường ám ảnh bà khi mới thức giấc.

Bà đã nói chuyện điện thoại với Hà hai lần. Cả hai lần bà đều thấy thất vọng, vì bà có cảm giác Hà tránh né trả lời những câu hỏi của bà và không chịu kể chuyện gì đã xảy ra sau viên đạn chết người đó. Nhưng Hà luôn nói rằng bà cần phải kiên nhẫn.

– Sự thật không bao giờ đơn giản, cô nói. Chỉ ở thế giới phương Tây người ta mới có quan điểm chỉ trong chớp mắt là đã có thể biết được mọi chuyện. Tất cả đều cần phải có thời gian. Sự thật không biết vội vàng.

Có một điều biết được qua Hà đặc biệt làm cho bà khiếp sợ, người ta phát hiện thấy trong tay Nhã Như một cái túi vải lụa nhỏ màu xanh nhạt, trong đó chứa một ít bột thủy tinh cực mịn. Các điều tra viên người Anh không biết đó là cái gì. Nhưng theo Hà kể thì đây là một phương pháp giết người cổ xưa rất quý quýet của người Trung Quốc.

Bà đã gần với cái chết đến như vậy. Bà không dám kể cho Staffan biết chuyện này. Bà chịu đựng một mình từ khi ở Luân Đôn trở về.

Trong thời gian này, một hôm ở văn phòng có người gọi điện thoại đến cho bà. Đó là Lars Emanuelsson, người đàn ông mà bà không muốn nói chuyện.

– Đã lâu rồi, ông ta nói. Bà có tin gì mới không?

Khi ấy là một tuần sau khi Nhã Như chết. Bà thoáng lo, có thể Lars Emanuelsson đã biết được vụ giết người trong khách sạn ở Luân Đôn có dính líu đến bà, hoặc là vì bà.

– Chẳng có gì mới cả, bà đáp. Hình như cảnh sát ở Hudiksvall vẫn không thay đổi quan điểm.

– Tức là người đàn ông tự tử ấy vẫn là kẻ giết người sao? Một kẻ bạo lực vô danh tiểu tốt, xem ra mắc chứng tâm thần đã gây ra vụ giết người hàng loạt dã man nhất trong lịch sử tội phạm của Thụy Điển? Tất nhiên cũng có thể như thế. Nhưng tôi biết có rất nhiều người nghi ngờ điều ấy. Như bà chẳng hạn.

– Tôi không còn nghĩ nhiều đến việc đó nữa. Tôi đã thôi không bận tâm.

– Tôi không tin.

– Tin hay không đó là việc của ông. Vậy ông muốn gì? Tôi đang bận rất nhiều việc.

– Bà còn liên lạc với cảnh sát ở Hudiksvall không? Với Vivi Sundberg không?

– Không. Và bây giờ chúng ta kết thúc cuộc nói chuyện ở đây.

– Hãy gọi cho tôi khi bà có tin gì mới. Kinh nghiệm cho tôi biết rằng đằng sau tất cả những điều khủng khiếp xảy ra ở ngôi làng đó, vẫn còn ẩn giấu nhiều điều bất ngờ.

– Tôi cúp máy đây.

Bà cúp máy và tự hỏi Lars Emanuelsson còn quấy rầy mình bao lâu nữa. Nhưng có thể bà sẽ thấy thiếu đi một cái gì đó khi ông ta từ bỏ sự kiên nhẫn bền bỉ của mình.

Khi đã đến phòng làm việc của mình ở tòa án, bà thu dọn một số tài liệu xét xử, gọi điện thoại cho thư ký tòa để thống nhất với anh ta về lịch làm việc trong mùa thu, sau đó đến phòng xử án. Vừa bước vào phòng bà đã nhìn thấy Hà ngồi ở hàng ghế băng cuối cùng, y như lần trước.

Bà gơ tay chào và nhìn thấy Hà cười. Bà viết mấy dòng lên giấy và nhờ người thừa tác phiên tòa chuyển cho cô ấy, trong giấy bà báo sẽ nghỉ trưa vào lúc mười hai giờ. Hà đọc nó và gật đầu với bà.

Bà Roslin bắt đầu khai mạc phiên tòa. Đến trưa, việc tranh tụng đã gần xong, có thể kết thúc vụ án vào ngày mai.

Khi bà bước ra ngoài đường đã thấy Hà đứng chờ dưới gốc cây đầy hoa.

– Chắc có chuyện gì xảy ra nên cô mới đến đây? Roslin nói.

– Không phải vậy.

– Tối nay chúng ta có thể gặp nhau. Cô đang ở đâu?

– Ở Copenhagen. Chỗ mấy người bạn.

– Tôi nhầm hay đúng là cô đã biết được điều gì đó quan trọng và muốn báo với tôi?

– Tất cả mọi thứ bây giờ đã rõ ràng hơn. Chính vì vậy mà tôi đến đây. Tôi cũng đem cho bà một thứ.

– Thứ gì vậy?

Hà lắc đầu.

– Tối nay chúng ta sẽ nói về thứ đó. Mấy người mà bà đang xử mắc tội gì vậy?

– Ăn cắp, trấn lột. Nhưng họ không giết người.

– Tôi đã quan sát họ. Tất cả đều sợ bà.

– Tôi không tin điều này. Nhưng họ biết tôi là người định ra mức án dành cho họ. Với tất cả những gì họ đã gây ra, họ nên lo sợ.

Birgitta Roslin mời cô đi ăn trưa, nhưng Hà từ chối vì còn bận một việc khác. Bà Roslin thăm hỏi cô cần phải làm xong việc gì ở cái thành phố Helsingborg xa lạ này.

Chậm, nhưng đi đúng mục tiêu, bà Roslin đã điều khiển phiên tòa tiến triển tốt. Đến lúc ngừng phiên xử, bà hài lòng về những gì đã làm được.

Hà chờ bà trước tòa án. Hôm nay Staffan theo đoàn tàu đi Göteborg nên bà Roslin mời cô về nhà mình. Bà nhận thấy cô có vẻ do dự.

– Chỉ có mình tôi ở nhà thôi. Chồng tôi đi làm. Các con tôi sống ở các thành phố khác, nếu như cô ngại gặp ai ở nhà tôi.



– Không phải thế. Nhưng tôi không đến đây một mình. Sáng cùng đi với tôi.

– Cậu ấy đâu rồi?

Hà chỉ sang bên đường. Sáng đang đứng tựa lưng vào một bức tường nhà.

– Cô vẫy cậu ấy sang đây đi, Birgitta Roslin nói. Rồi chúng ta cùng về nhà tôi.

Lúc này trông Sáng đã bình tĩnh hơn so với lần đầu tiên họ gặp nhau. Và Birgitta Roslin cũng nhận thấy Sáng giống mẹ ở nhiều nét, nhất là nụ cười.

– Cậu bao nhiêu tuổi rồi, Sáng? Bà hỏi.

– Hai mươi hai.

Tiếng Anh của Sáng cũng chuẩn như bà Hồng Quế và cô Hà.

Họ ngồi trong phòng khách. Sáng uống cà phê còn Hà uống trà. Trên bàn là bộ mặt chược mà bà mua ở Bắc Kinh. Ngoài chiếc túi xách, Hà còn cầm theo một chiếc túi giấy. Cô lấy từ trong túi giấy ra bản sao của một bản viết tay bằng tiếng Trung Quốc, kèm theo một thếp giấy viết bằng tiếng Anh.

– Nhã Như có một căn hộ ở Luân Đôn. Một người bạn của tôi quen biết bà Lăng, quản gia của anh ta. Bà ấy cho chúng tôi vào nhà và chúng tôi đã thấy một cuốn nhật ký của Nhã Như, đây là những trang viết trong đó. Tôi đã dịch một phần sang tiếng Anh. Nó giúp làm sáng tỏ nhiều điều, không phải tất cả, nhưng khá nhiều. Nhã Như có những lý do mà chỉ mình anh ta hiểu được.

– Cô đã kể với tôi rằng Nhã Như là một người đàn ông quyền lực. Cái chết của anh ta hẳn phải gây xôn xao ở Trung Quốc?

Im lặng từ đầu, đến giờ Sáng mới lên tiếng trả lời:

– Hoàn toàn không. Không hề xôn xao. Chỉ có im lặng, cái im lặng mà Shakespeare đã viết “những gì còn lại đều im lặng”. Cậu Nhã Như có quyền lực tới mức những người khác cũng có quyền lực như thế có

thế ém nhem mọi chuyện. Như thế cậu ấy hoàn toàn không tồn tại. Chúng tôi tin là nhiều người còn vui mừng hoặc như trút được gánh nặng khi nghe tin cậu Nhã Như chết, ngay cả những người được xem như là bạn của ông ta. Cậu tôi là con người nguy hiểm, chuyên thu thập thông tin và sử dụng chúng để tiêu diệt đối thủ hoặc những người mà cậu coi là đối thủ cạnh tranh nguy hiểm. Bây giờ tất cả các công ty của cậu đã được dàn xếp xong, mọi người được trả tiền để giữ im lặng, tất cả đều câm lặng đằng sau bức tường bê tông ngăn cách cậu và số phận của cậu với lịch sử chính thống mãi mãi, với chúng tôi, những người còn đang sống.

Birgitta lật giở các trang giấy nằm trên bàn.

– Tôi có nên đọc chúng vào lúc này không?

– Không. Sau này. Khi chỉ có một mình bà.

– Và tôi không cần phải lo sợ chứ?

– Không.

– Tôi sẽ hiểu được chuyện gì đã xảy ra với bà Hồng Quế phải không?

– Anh ta đã giết chết chị ấy. Không phải bằng chính bàn tay mình, mà bằng bàn tay của một người đàn ông khác, người mà sau đó tự tay anh ta đã giết chết. Không một ai lại có thể tưởng tượng được rằng Nhã Như đã giết chị gái của mình, trừ những người sáng suốt, những người hiểu rõ anh ta. Nhưng có một điều kỳ lạ mà có thể chúng tôi sẽ không bao giờ hiểu được, là làm sao anh ta lại có thể giết chị của mình trong khi vẫn tôn thờ gia đình, tổ tiên của mình được. Đây là một mâu thuẫn, một câu đố mà chúng tôi chắc chắn không giải được. Nhã Như là người quyền thế. Anh ta đáng sợ ở sự thông minh và tính tàn nhẫn. Nhưng cũng có thể anh ta là một kẻ bệnh hoạn.

– Như thế nào?

– Anh ta mang trong người nỗi hận thù. Chính nỗi hận thù ấy đã gặm mòn anh ta. Có thể anh ta điên thật.

– Có một điều tôi vẫn luôn tự hỏi mình. Họ làm gì ở châu Phi?

– Trung Quốc có dự án đưa hàng triệu nông dân nghèo sang một số nước châu Phi. Giờ người ta đang xây dựng các cơ cấu kinh tế và chính trị để khiến các nước nghèo này phải phụ thuộc vào Trung Quốc. Với Nhã Như, đây không phải việc lặp lại một cách vô liêm sỉ chủ nghĩa thực dân phương Tây mà là một giải pháp nhìn xa trông rộng. Với chị Hồng Quế, chị Mã Lý, tôi và nhiều người khác thì ngược lại, đây là một việc làm gây tổn hại nghiêm trọng đến những giá trị của Trung Quốc mà chúng tôi từng góp sức xây dựng.

– Tôi không hiểu, Birgitta Roslin nói. Trung Quốc là một Nhà nước chuyên chế. Tự do thường bị giới hạn, an ninh luật pháp yếu kém. Đây là những giá trị mà các vị muốn bảo vệ bằng mọi giá?

– Trung Quốc là một nước nghèo. Sự phát triển kinh tế mà cả thế giới nói đến chỉ mang lại lợi ích cho một bộ phận nhỏ trong dân chúng. Nếu người ta tiếp tục đi theo hướng này và để cho một hố ngăn cách lớn như vậy ngày càng sâu thêm thì Trung Quốc sẽ đứng trước một thảm họa: Trung Quốc sẽ lại rơi vào cảnh hỗn độn tuyệt vọng, hoặc những cơ cấu phát xít sẽ hình thành. Chúng tôi bảo vệ hàng trăm triệu nông dân nghèo, những người bằng sức lao động của mình đã tạo ra sự phát triển kinh tế hiện nay nhưng chỉ được hưởng lợi rất ít.

– Tuy vậy tôi vẫn không hiểu điều này. Nhã Như ở phía bên này, Hồng Quế ở phía bên kia? Bỗng nhiên cuộc tranh luận giữa họ ngừng lại, và anh ta đã giết chị gái của mình?

– Trong cuộc đấu tranh giành quyền lực đang xảy ra ở Trung Quốc vấn đề là sống hay chết. Nghèo chống lại giàu, bất lực chống lại quyền lực, yếu chống lại mạnh. Nó liên quan đến một bên là những con người đang ngày càng phẫn nộ khi nhìn thấy những gì mà họ đấu tranh giành được sụp đổ và một bên là những người thấy ở đó một cơ hội để làm giàu và giành được thứ quyền lực mà họ chưa bao giờ dám mơ tới. Trong hoàn cảnh ấy, có những người phải chết. Giông tố hoàn toàn là thật.

Birgitta Roslin nhìn sang Sáng.

– Cậu kể về mẹ của cậu đi!

– Bà không biết mẹ cháu à?

– Chúng tôi chỉ mới gặp nhau. Còn quen thân thì chưa.

– Làm con của mẹ cháu quả là không đơn giản. Bà là người phụ nữ mạnh mẽ, quyết đoán, thường ân cần, nhưng có thể cũng hay tức giận và nổi cơn thịnh nộ. Cháu phải thú nhận là cháu sợ mẹ. Nhưng cháu cũng rất yêu mẹ, bà cố gắng để có thể nhìn nhận mình là một phần của cái gì lớn lao hơn. Bà đỡ những người say rượu trên đường phố đứng dậy với một vẻ tự nhiên như khi bà lao vào các cuộc thảo luận chính trị gay gắt. Đối với cháu, mẹ cháu là một tấm gương hơn là người mẹ thật. Hoàn toàn không đơn giản. Nhưng cháu nhớ mẹ và cháu biết sẽ còn nhớ bà mãi suốt đời mình.

– Sau này cậu sẽ làm gì?

– Cháu muốn trở thành bác sĩ. Nhưng bây giờ cháu tạm dừng việc học hành lại một năm. Để chịu tang mẹ. Để hiểu được sống không có mẹ là thế nào.

– Còn cha cậu thì sao?

– Ông đã qua đời lâu rồi. Cha cháu làm thơ. Cháu không biết nhiều về cha cháu. Ông qua đời sau khi cháu được sinh ra ít ngày. Mẹ cháu không kể nhiều về cha, nhưng bà quả quyết rằng ông là một con người tốt, một nhà cách mạng. Cháu chỉ có một tấm ảnh ông ôm trong tay một con chó con.

Đêm hôm đó họ nói chuyện với nhau rất lâu về Trung Quốc. Birgitta Roslin thú nhận thời còn trẻ bà từng muốn làm một “Hồng vệ binh” của Thụy Điển. Nhưng xem ra trong suốt buổi tối bà có vẻ sốt ruột chờ đợi thời khắc còn lại một mình để có thể đọc thiệp giấy mà Hà đem đến.

Khoảng mười giờ tối bà gọi taxi chở cô Hà và Sáng ra ga.

– Khi nào đọc xong, bà nhớ liên lạc với tôi, Hà nói.

– Câu chuyện này có hồi kết không?

Hà nghĩ trước khi trả lời:

– Luôn có hồi kết. Ở đâu cũng vậy. Nhưng kết thúc lại luôn là sự khởi đầu của một cái mới. Trong cuộc sống, những dấu chấm hết chỉ là tạm thời mà thôi.

Birgitta Roslin nhìn theo chiếc taxi, rồi bà trở vào nhà, ngồi xuống bên bản dịch cuốn nhật ký của Nhã Như. Ngày hôm sau Staffan mới về nhà. Lúc đó chắc bà đã đọc xong. Chỉ có hơn hai mươi trang, nhưng chữ Hà xấu nên rất khó đọc.

Bà đã đọc được điều gì? Sau này, mỗi khi nghĩ đến cái đêm ngồi một mình trong nhà, căn phòng còn phảng phất mùi nước hoa dịu dịu của Hà, bà biết có rất nhiều điều tự bà cũng có thể suy ra được. Nói chính xác hơn là: lẽ ra bà đã cần phải hiểu ra, nhưng lại không chịu chấp nhận những gì trên thực tế mình đã biết. Mặt khác, Hà đã trích ra từ những trang viết của Nhã Như nhiều điều mà bà không thể nào ngờ tới và chúng đã giúp làm sáng tỏ nhiều thứ.

Sự im lặng của Hà tiếp tục khiến bà tò mò. Bà rất muốn hỏi cô ấy, nhưng nhận thấy mình sẽ không nhận được câu trả lời. Các điều bí mật có những dấu vết mà bà sẽ không bao giờ hiểu được, có những mã số mà bà không bao giờ mở được. Đó là câu chuyện của những con người trong quá khứ, của một cuốn nhật ký khác dường như là đối nghịch với cuốn nhật ký của J.A., người cai thợ Thụy Điển ở công trường xây dựng tuyến đường sắt tại Mỹ.

Trong cuốn nhật ký của mình, Nhã Như càng ngày càng tỏ ra phần nộ nói rằng Hồng Quế không chịu hiểu rằng con đường mà Trung Quốc chọn lựa là con đường duy nhất đúng và rằng những người như anh ta cần phải có tầm ảnh hưởng có tính quyết định. Birgitta bắt đầu hiểu ra rằng Nhã Như có vẻ bị tâm thần và hình như anh ta cũng ý thức được điều đó.

Ở anh ta, không hề có chút ý định hòa giải. Không chút hoài nghi, không chút ăn năn, ngay cả đối với số phận của Hồng Quế, người dù

gì cũng vẫn là chị gái của anh ta. Birgitta tự hỏi liệu có phải Hà đã tự ý thay đổi nội dung những điều được viết ra để khiến bà hình dung ra Nhã Như chỉ là một người đàn ông tàn nhẫn, không chút ôn hòa. Thậm chí bà còn tự hỏi phải chăng tất cả những trang nhật ký này là sản phẩm từ trí tưởng tượng của Hà. Nhưng điều này dường như rất khó tin. Sáng đã phạm tội giết người. Cậu ta đã trả thù cho cái chết của mẹ mình như trong truyền thuyết của dân Bắc Âu.

Lúc bà đọc xong bản dịch của Hà lần thứ hai, đồng hồ đã chỉ gần mười hai giờ đêm. Vẫn còn những điều chưa rõ ràng, rất nhiều tình tiết chưa có lời giải thích. Dải lụa đỏ? Nó mang ý nghĩa gì? Điều này chỉ Lưu Sinh mới có thể trả lời được nhưng anh ta đã chết. Như vậy là vẫn còn những câu hỏi không có lời đáp, có thể là mãi mãi.

Cuối cùng, giờ bà phải làm gì? Lúc này bà có thể làm gì hoặc phải làm gì với điều mình đã biết? Birgitta Roslin nảy ra một ý dù cho bà vẫn chưa biết rõ phải làm thế nào. Bà sẽ dùng một phần thời gian nghỉ phép cho việc này. Chẳng hạn như khi Staffan đi câu cá, một công việc mà bà thấy chán ngắt. Vào các buổi sáng sớm khi ông đọc các cuốn tiểu thuyết lịch sử hoặc đọc tiểu sử các nhạc sĩ nhạc Jazz, còn bà thì đi dạo một mình. Lúc đó bà sẽ có thời gian thảo bức thư gửi cho sở cảnh sát Hudiksvall. Sau đó bà có thể đóng lại ngăn kéo có chứa những kỷ vật của cha mẹ. Đối với bà, khi ấy mọi thứ sẽ kết thúc. Hesjövalen sẽ dần dần trở thành một kỷ niệm mờ nhạt, ngay cả khi, đương nhiên, bà sẽ không bao giờ hoàn toàn quên được.

Họ đi nghỉ ở Bornholm. Ở đó thời tiết thay đổi, họ cảm thấy thoải mái trong căn nhà thuê. Các con họ đến thăm rồi lại đi, ngày trôi đi trong cảnh nhàn rỗi thư giãn. Điều bất ngờ nhất đối với ông bà là sự xuất hiện của Anna, cô vừa trở về từ chuyến đi châu Á và cũng bất ngờ thông báo vào mùa thu này sẽ bắt đầu theo học đại học ngành khoa học chính trị.

Đã nhiều lần Birgitta Roslin quyết định kể cho Staffan nghe về những gì đã xảy ra ở Bắc Kinh và sau này ở Luân Đôn. Nhưng rồi bà lại đổi ý: để làm gì cơ chứ? Có thể ông ấy sẽ hiểu nhưng sẽ không chấp nhận chuyện đến tận bây giờ bà mới nói với ông. Ông sẽ cảm thấy bị tổn thương vì cho rằng mình không được tin cậy và gần gũi. Bà không muốn điều đó xảy ra cho nên tiếp tục im lặng.

Bà cũng không kể gì cho Karin Wiman về chuyến đi Luân Đôn.

Bà giữ nó cho riêng mình, như một vết sẹo không ai nhìn thấy.

Thứ Hai ngày 7 tháng Tám ông bà Roslin lại trở về với công việc. Hôm trước đó, cuối cùng họ cũng đã trò chuyện thấu đáo về vấn đề của mình. Như thế, bằng một thỏa thuận ngầm, họ tự nhủ rằng không thể bắt đầu một giai đoạn mới mà không ít nhất một lần đề cập đến điều vẫn đang gặm nhấm mối quan hệ giữa hai người. Điều mà bà Birgitta Roslin coi là một bước tiến lớn đó là việc Staffan đã tự mình đề cập đến chuyện đời sống tình dục của họ gần như không còn tồn tại. Ông nhắc tới việc không còn ham muốn và bất lực khiến bà đau lòng và lo sợ. Bà liền hỏi thẳng nhưng ông trả lời rằng không có ai khác, chỉ là ông thấy không có ham muốn, điều mà ông thường xuyên không muốn đối mặt.

– Thế anh định làm thế nào? Bà hỏi ông. Chúng ta không thể lại tiếp tục một năm nữa không hề quan hệ. Em không chịu đựng nổi đâu.

– Anh sẽ gặp bác sĩ. Anh cũng không thể chịu đựng nổi chuyện đó hơn gì em. Nhưng anh thấy khó nói.

– Giờ anh đã nói ra đấy thôi.

– Bởi vì anh thấy cần phải thế.

– Em gần như không còn biết anh nghĩ gì nữa. Đôi khi, em thức dậy vào buổi sáng và nhìn anh rồi tự nhủ rằng anh là một người xa lạ.

– Em có thể diễn đạt được điều mình nghĩ tốt hơn anh, nhưng anh cũng cảm thấy điều tương tự. Có thể là không mạnh mẽ như em thôi.

– Anh đã thực sự nghĩ rằng chúng ta có thể tiếp tục sống thế này đến cuối đời sao?

– Không. Nhưng anh lần nữa, không chịu đối mặt với vấn đề. Giờ thì anh hứa với em là sẽ đi điều trị.

– Anh có muốn em đi cùng không?

Ông lắc đầu.

– Không, ban đầu thì chưa. Sau này thì có thể, nếu cần.

– Anh có hiểu tầm quan trọng của việc này với em không?

– Anh hy vọng là có.

– Mọi chuyện sẽ không dễ dàng đâu. Nhưng rồi sẽ ổn cả, chúng ta sẽ vượt qua giai đoạn này. Đây sẽ là chuyến vượt sa mạc của chúng ta.

Staffan theo đoàn tàu đi Stockholm vào lúc 8 giờ 12. Còn Birgitta Roslin có mặt ở văn phòng vào lúc 10 giờ. Ông Hans Mattsson vẫn còn đang nghỉ phép nên ít nhiều bà cũng là người chịu trách nhiệm đối với một số công việc của tòa án. Việc đầu tiên của bà là triệu tập một cuộc họp với các thẩm phán và các nhân viên khác. Sau khi tin chắc mọi công việc đã nằm trong tầm kiểm soát, bà trở về văn phòng viết một bức thư dài cho bà Vivi Sundberg, nội dung của nó đã được bà chuẩn bị trong dịp nghỉ phép vừa qua.

Bà tự hỏi thực ra mình muốn đạt được điều gì hoặc ít ra cũng hy vọng đạt được gì. Tất nhiên là công bố sự thật, giải thích chuyện gì đã xảy ra ở Hesjövalle cũng như cái chết của ông chủ khách sạn Eden. Nhưng liệu có phải qua đó bà cũng đồng thời tìm cách đáp trả lại việc họ đã ngờ vực bà? Làm sao có thể kể hết được lòng kiêu ngạo và ham muốn chân thành được khiến các nhân viên điều tra hiểu ra rằng người đàn ông đã tự tử, dù đã tự thú, không hề liên quan gì đến vụ giết người ở Hesjövalle?

Việc này cũng có liên quan đến mẹ của bà dưới một góc độ nào đó. Khi tìm ra sự thật, Birgitta đã trả lại công bằng và niềm tôn kính cho bố mẹ nuôi của mẹ bà, những người đã phải chết một cách dã man như vậy.



Bà mất hai tiếng đồng hồ để viết bức thư này, đọc lại nhiều lần, trước khi nhét nó vào phong bì, đề địa chỉ người nhận: Vivi Sundberg thuộc sở cảnh sát Hudiksvall. Sau đó bà để lá thư vào ngăn thư tín được gửi đi ở phòng thường trực, rồi mở hết các cửa sổ văn phòng, như thể để mọi ý nghĩ đến những người chết trong những ngôi nhà hẻo lánh ở Hesjövalen thoát hết ra ngoài.

Thời gian còn lại bà dành để đọc tài liệu về dự án của một ủy ban thuộc Bộ Tư pháp có liên quan đến cuộc cải cách không biết là lần thứ bao nhiêu của ngành tư pháp Thụy Điển.

Nhưng bà cũng dành chút thời gian lấy từ ngăn kéo ra một trong những ca khúc chưa hoàn chỉnh của mình, và cố thử viết thêm một vài dòng.

Ý tưởng đến với bà trong kỳ nghỉ vừa rồi. “Một cuộc dạo chơi trên bãi biển” sẽ là nhan đề của ca khúc này. Nhưng đúng vào hôm nay lại không có cảm hứng. Bà ném những bản nháp vào sọt rác, cất bản ghi lời bài hát vào ngăn kéo. Nhưng bà đã quyết chí không bỏ cuộc.

Bà tắt máy tính vào lúc sáu giờ chiều, rồi rời văn phòng.

Lúc đi ra bà nhìn thấy ngăn đựng thư tín chuyên đi đã trống không.

“Lưu ân mình bên mép rừng và nghĩ cuối cùng mình cũng đã đến đích. Hẳn không quên lời Nhã Như: đây là nhiệm vụ quan trọng nhất từ trước đến nay của hẳn. Nhiệm vụ của hẳn là kết thúc tất cả, kết thúc thảm kịch đã bắt đầu từ hơn một trăm bốn mươi năm trước.

Lưu đứng ở đó và nghĩ đến Nhã Như, người đã giao cho hẳn nhiệm vụ này, đã trang bị cho hẳn và đã khích lệ hẳn: Nhã Như đã nói với hẳn về tất cả những người đi trước hẳn và Nhã Như. Chuyến đi vô tận này đã kéo dài nhiều năm, ngang dọc qua các đại dương và lục địa, một chuyến đi đầy kinh hoàng và chết chóc, cùng những màn truy đuổi không chịu đựng nổi. Giờ đây là lúc kết thúc, là lúc trả thù.

Những con người trong chuyến đi ấy đã không còn sống từ lâu. Một người đã nằm sâu dưới đáy biển, những người khác yên nghỉ trong những nấm mồ vô danh. Suốt những năm tháng qua, một khúc bi ca đã được cất lên từ những nấm mồ của họ. Giờ đây nhiệm vụ của hẳn là khiến cho khúc ca ấy im lặng mãi mãi. Từ đây, mọi việc nằm trong tay hẳn: làm thế nào để chuyến đi ấy cuối cùng cũng kết thúc.

Lưu đang chôn chân trong tuyết ở bìa rừng giữa giá lạnh. Đó là ngày 12 tháng Giêng năm 2006. Hôm qua hẳn nhìn thấy chiếc nhiệt kế chỉ chín độ âm. Hẳn giậm chân để giữ ấm. Vẫn chưa tối hẳn. Từ bìa rừng, hẳn nhìn thấy nhiều nhà đã sáng đèn qua các khung cửa sổ, màn hình vô tuyến nhấp nháy. Hẳn dỏng tai nghe, nhưng không nghe thấy tiếng động nào, ngay cả tiếng chó sủa cũng không. Lưu nghĩ rằng những người ở một nơi thế này hay nuôi chó giữ nhà. Lưu cũng nhìn thấy có vết chân chó, nhưng có lẽ giờ này họ giữ chúng ở trong nhà.

Những con chó ở trong nhà liệu có gây khó cho hẳn không? Nhưng rồi hẳn gạt bỏ ý nghĩ này. Không một ai ngờ tới chuyện sắp xảy ra, không con chó nào có thể cản được hẳn.

Hắn tháo một chiếc găng tay ra để nhìn đồng hồ. Lúc này là 8 giờ 45. Hắn phải chờ cho tới lúc mọi nhà tắt đèn. Hắn lại đeo găng tay vào và nghĩ đến Nhã Như cùng những câu chuyện anh ta kể, về những người đã chết lại trở về từ quá khứ. Mỗi một người trong gia đình đã đi một đoạn đường. Do một sự tình cờ đặc biệt, hắn, một người không thuộc vào cái gia đình này, lúc này lại là người cần kết thúc tất cả. Hắn sẽ nghiêm chỉnh thực hiện việc này. Nhã Như tin tưởng ở hắn như tin tưởng một người anh em.

Có tiếng ô tô từ xa vọng lại. Nhưng nó không chạy về hướng này. Nó chạy trên quốc lộ. Ở đất nước này, hắn nghĩ, trong những đêm đông yên tĩnh, những tiếng động chỉ như tiếng di chuyển trên mặt nước.

Hắn khẽ cử động chân nơi bìa rừng. Hắn sẽ phản ứng như thế nào, khi mọi chuyện đã qua? Liệu có còn vùng nào trong tiềm thức, trong lương tâm của hắn mà hắn không biết hay không? Điều này hắn không thể biết. Quan trọng là hắn đã sẵn sàng, ở Nevada mọi chuyện chẳng đã thuận buồm xuôi gió đó sao? Nhưng ai mà biết được, đặc biệt là khi lúc này nhiệm vụ lại lớn hơn rất nhiều.

Hắn thả mình theo những dòng suy nghĩ. Bỗng nhiên hắn nhớ tới cha mình. Ông là một cán bộ cấp thấp của Đảng, trong cuộc cách mạng văn hóa đã bị ngược đãi. Ông kể rằng mình và những “tên tay sai của bọn tư bản” đã bị các Hồng vệ tinh bôi sơn trắng lên mặt. Màu trắng là màu của cái ác.

Lúc này hắn cố tưởng tượng ra những con người trong mấy ngôi nhà im ắng kia cũng như vậy. Tất cả với những bộ mặt trắng giống như lũ quỷ ác độc.

Một nhà đã tắt đèn, một lúc sau lại thêm một nhà nữa. Lúc này đã có hai nhà tối đèn. Hắn tiếp tục chờ đợi. Những người chết đã chờ đợi suốt cả một trăm bốn mươi năm, còn hắn chỉ phải chờ thêm một vài tiếng đồng hồ nữa.

Hắn tháo chiếc găng tay bên phải ra, đưa những ngón tay vuốt lên thanh kiếm đeo bên cạnh. Nước thép lạnh, lưỡi kiếm mài sắc dễ làm đứt ngón tay. Đó là một thanh kiếm Nhật mà hắn tình cờ mua được trong chuyến thăm Thượng Hải. Có người kể cho hắn về một nhà sưu tầm lớn tuổi còn giữ một vài thanh kiếm quý từ thời Nhật chiếm đóng trong những năm 1930. Hắn đã đi hỏi từng cửa hàng một và đã không hề do dự khi cầm thanh kiếm trên tay. Hắn đã mua nó, đem đến một người thợ rèn để ông ta sửa lại chuôi kiếm và mài lưỡi kiếm sắc như dao cạo.

Hắn giật nảy mình. Cánh cửa của một ngôi nhà mở ra. Hắn nhanh nhẹn lùi sâu vào giữa những thân cây. Một người đàn ông với một con chó xuất hiện nơi bậc thềm. Ngọn đèn bên ngoài cửa soi sáng khoảng sân phủ đầy tuyết. Hắn đặt tay lên chuôi kiếm, mắt nheo lại theo dõi chuyển động của con chó. Chuyện gì sẽ xảy ra nếu con chó đánh hơi thấy hắn? Nó sẽ làm đảo lộn hết kế hoạch của hắn. Nếu buộc phải giết con chó, hắn sẽ không do dự. Nhưng người đàn ông đang đứng trên thềm nhà và hút thuốc kia định làm gì?

Con chó bỗng khựng lại, đánh hơi. Lừ có cảm giác con chó đã đánh hơi thấy hắn. Nhưng rồi nó lại chạy giỡn trên sân. Người đàn ông gọi con chó. Nó lập tức chạy vào trong nhà. Cánh cửa được đóng lại. Sau đó một lúc ngọn đèn bên ngoài cửa cũng tắt.

Hắn tiếp tục chờ. Khoảng nửa đêm, khi chỉ còn lại ánh sáng của một chiếc vô tuyến duy nhất, hắn nhận ra tuyết lại bắt đầu rơi. Những bông tuyết như chiếc lông chim nhẹ nhàng rơi lên lòng bàn tay đang chìa ra của hắn. Giống như những bông hoa anh đào, hắn nghĩ vậy. Nhưng tuyết không có mùi hương.

Hai mươi phút sau, vô tuyến tắt. Tuyết vẫn tiếp tục rơi. Hắn lấy từ trong túi chiếc áo khoác ngấn ra cặp ống nhòm hồng ngoại. Hắn từ từ quét ống nhòm lên từng ngôi nhà trong làng. Ngoài một ngọn đèn chiếu sáng bên ngoài, hắn không thấy ánh sáng nào khác. Hắn cất ống

nhòm vào túi và hít sâu một hơi. Trong hăn xuất hiện hình ảnh mà Nhã Như thường mô tả cho hăn nghe:

Một con tàu. Trên boong tàu, bên bến cảng, như những con kiến nhỏ, là những con người hăng hái vẩy khăn, vẩy mũ. Nhưng người ta không nhìn thấy mặt họ.

Không có mặt, chỉ có những cánh tay, bàn tay vẩy vẩy.

Hăn chờ thêm một lúc nữa. Rồi hăn chậm chậm sang đường. Một tay cầm chiếc đèn pin, tay kia cầm thanh kiếm.

Hăn đến gần ngôi nhà ở đầu làng. Hăn dừng lại lần cuối và lắng nghe.

Rồi hăn đi vào bên trong.”

*Vivi,*

*Câu chuyện này tôi tìm thấy trong cuốn nhật ký của một người có tên là Nhã Như. Anh ta ghi lại lời kể của một người đàn ông ban đầu đã đến Nevada giết chết một số người rồi sau đó đã tới Hesjövallen. Tôi muốn bà đọc câu chuyện đó để hiểu được phần còn lại của bức thư này. Không ai trong số hai người này hiện còn sống. Sự thật về sự kiện xảy ra ở Hesjövallen hoàn toàn khác và vượt xa những gì mà tất cả chúng ta đã nghĩ. Tôi không dám chắc những gì tôi nói ra có thể chứng minh được. Xem ra khó có khả năng làm được điều này. Còn dải lụa đỏ, tôi không thể giải thích được tại sao nó lại nằm trong lớp tuyết ở Hesjövallen. Chúng ta chỉ biết ai đã đem nó đến đó, thế thôi. Lars-Erik Valfridsson, người đàn ông tự tử trong tù, vô tội. Điều này ít nhất gia đình của ông ta phải được biết. Vì sao ông ta lại nhận tội về mình, chúng ta chỉ có thể suy đoán thôi.*

*Tôi biết bức thư này sẽ làm xáo trộn cuộc điều tra của bà. Nhưng điều mà tất cả chúng ta mong muốn chẳng phải là sự rõ ràng hay*

sao? Tôi hy vọng giờ đây tôi đã có thể góp phần làm sáng tỏ vụ án.

Trong bức thư này, tôi cố gắng chuyển đến bà tất cả những gì tôi được biết cho đến nay. Vào ngày mà chúng ta thôi không đi tìm sự thật nữa, mặc dù sự thật đó không hoàn toàn khách quan nhưng vẫn dựa trên thực tế, ngày đó Nhà nước pháp quyền của chúng ta sẽ không còn nữa.

Hiện giờ tôi đã đi làm trở lại. Tôi ở Helsingborg và tất nhiên luôn chờ đợi bà liên lạc với tôi, vì còn có quá nhiều vấn đề quan trọng.

Gửi đến bà những lời chào tốt đẹp nhất.

7 tháng Tám 2006

Birgitta Roslin

# Đoạn kết

Trên đường về nhà vào buổi chiều một ngày tháng Tám ấy, Birgitta Roslin bước chân vào cửa hàng quen để mua sắm. Lúc đứng xếp hàng trước quầy tính tiền bà với tay lấy một tờ báo và lật ra đọc. Bà lơ đãng đọc đoạn viết về một con sói đơn lẻ bị bắn chết trong một làng nằm ở phía Bắc Gävle.

Không những chỉ bà mà cũng chẳng ai biết rằng vào một ngày trong tháng Giêng nó đã từ Na Uy đi qua thung lũng Vauldalen để vào Thụy Điển. Nó đói, hoàn toàn không có gì để ăn từ khi gặm được ít thịt còn lại của một con tuần lộc bị đóng băng ở Osterdalarna.

Con sói tiếp tục đi về hướng Đông, vượt qua Nävjarna, tắt qua con sông Ljusnan đã đóng băng ở đoạn Kärböle và sau đó lại biến mất trong những khu rừng hoang vắng.

Giờ nó bị bắn chết trong một nhà kho ở gần Gävle.

Không ai biết rằng nó đã đến một ngôi làng nhỏ có tên là Hesjövalen thuộc Hälsingland vào sáng ngày 13 tháng Giêng.

Ngày đó có tuyết rơi. Còn bây giờ mùa hè cũng đã sắp qua.

Ngôi làng Hesjövalen hoang vắng. Không còn ai sống ở đó nữa. Trong một vài mảnh vườn lấp lánh những quả thanh lương trà, nhưng chẳng còn ai để chiêm ngưỡng những màu sắc rực rỡ của chúng.

Mùa thu ở phương Bắc đang nhích lại gần hơn. Mọi người đã dần bắt đầu chuẩn bị cho một mùa đông dài.

# Lời sau cùng

*Đây là một cuốn tiểu thuyết: những gì tôi viết ra đều dựa vào thực tế, nhưng không phải tất cả mọi chi tiết đều là sự tái hiện chân thực các sự kiện có thật. Tôi cho rằng ngôi làng Hesjövallen hoàn toàn không tồn tại, tôi hy vọng là mình đã xem rất kỹ bản đồ. Nhưng vào thời điểm cuốn tiểu thuyết này được viết, tổng thống Zimbabwe đúng là có tên Robert Mugabe.*

*Nói cách khác, tôi đã viết ra những điều lẽ ra có thể đã xảy ra chứ không phải những điều đã thực sự xảy ra. Đó là nền tảng của sự hư cấu.*

*Ngay cả trong một cuốn tiểu thuyết, các tình tiết cũng nên mang dấu thực tế. Dù đó chỉ là những cánh chim trên bầu trời Bắc Kinh, hay việc liệu một thẩm phán có thể được Bộ Tư pháp cấp cho một chiếc sofa để trong phòng làm việc của mình hay không.*

*Rất nhiều người đã giúp đỡ tôi trong khi tôi viết cuốn tiểu thuyết này. Đương nhiên trước hết là Robert Johnsson, người đã kiên trì thu thập, tìm kiếm thông tin. Và còn nhiều người khác, nếu viết hết ra sẽ là một danh sách rất dài. Đặc biệt là những người ở châu Phi mà tôi đã có dịp trao đổi với họ.*

*Cho phép tôi không nêu tên mà chỉ xin được nói lời cảm ơn đến tất cả những người đã giúp đỡ tôi. Tuy vậy trách nhiệm đối với câu chuyện này thuộc về cá nhân tôi.*

*Maputo, tháng Giêng 2008*

*Henning Mankell*



# Mục Lục

## 1. Phần thứ nhất

### 1. Bìa ký

1. 1

2. 2

3. 3

4. 4

### 2. Nữ thám phán

1. 5

2. 6

3. 7

4. 8

5. 9

## 2. Phần thứ hai

### 1. Đường đến Quảng Châu

1. 10

2. 11

3. 12

4. 13

5. 14

### 2. Chiếc lông vũ và viên đá

1. 15

2. 16

3. 17

4. 18

## 3. Phần thứ ba

### 1. Những kẻ nổi loạn

1. 19

2. [20](#)
3. [21](#)
4. [22](#)
5. [23](#)
2. [Mạt chược](#)
  1. [24](#)
  2. [25](#)
  3. [26](#)
  4. [27](#)
4. [Phần thứ tư](#)
  1. [Lớp vỏ bị vỡ găm](#)
    1. [28](#)
    2. [29](#)
    3. [30](#)
    4. [31](#)
    5. [32](#)
    6. [33](#)
  2. [Khu phố Tàu, Luân Đôn](#)
    1. [34](#)
    2. [35](#)
    3. [36](#)
    4. [37](#)
    5. [38](#)
    6. [39](#)
5. [Đoạn kết](#)
6. [Lời sau cùng](#)

# Table of Contents

## Phần thứ nhất

### Bia ký.

1

2

3

4

### Nữ thẩm phán

5

6

7

8

9

## Phần thứ hai

### Đường đến Quảng Châu

10

11

12

13

14

### Chiếc lông vũ và viên đá

15

16

17

18

## Phần thứ ba

### Những kẻ nổi loạn

19

20

21

	<u>22</u>
	<u>23</u>
<u>Mạt chược</u>	
	<u>24</u>
	<u>25</u>
	<u>26</u>
	<u>27</u>
<u>Phần thứ tư</u>	
<u>Lớp vỏ bị voi gặm</u>	
	<u>28</u>
	<u>29</u>
	<u>30</u>
	<u>31</u>
	<u>32</u>
	<u>33</u>
<u>Khu phố Tàu, Luân Đôn</u>	
	<u>34</u>
	<u>35</u>
	<u>36</u>
	<u>37</u>
	<u>38</u>
	<u>39</u>
<u>Đoạn kết</u>	
<u>Lời sau cùng</u>	